

Gia đình Cựu Chứng Sinh Huế
2017



ĐẰNG ĐÁNG KÍNH ĐỨC HỒNG Y

PHANXICÔ XAVIÊ

NGUYỄN VĂN THUẬN

1928-2002

Tái bản có chỉnh lý và bổ sung

Kính tặng

GIA ĐÌNH CỰU CHỦNG SINH GIÁO PHẬN HUẾ

Nhân dịp Lễ Giỗ 15 năm

**ĐẮNG ĐẮNG KÍNH ĐỨC HỒNG Y
PHANXICÔ XAVIÊ NGUYỄN VĂN THUẬN**



Anrê Lê Thiện Sĩ, CCS Huế lớp An Ninh 1947

Biên soạn tháng 8 năm 2012

Chỉnh lý và bổ sung lần thứ 3, tháng 09 năm 2017

LỜI GIỚI THIỆU

Quả thật là một cảm nghiệm khiêm hạ cho tôi một lần được vinh hạnh ghi đôi lời giới thiệu sách viết về tiểu sử của anh chúng tôi, Đức Cố Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận. Tuy nhiên tôi nhận thấy đây cũng là một ân phúc, một cơ hội quý báu cho tôi đóng góp vào việc loan truyền sứ điệp truyền giáo.

Tôi cảm thấy vinh dự được mời đọc một số các tiểu sử khác nhau, và tôi vui mừng khám phá ra mỗi nhà chép sử được hấp thụ và hấp dẫn người đọc đến những nét đặc thù khác nhau về cá tính cũng như về linh đạo của người anh chúng tôi.

Cuốn sách đặc biệt này, được viết bởi anh Anrê Lê Thiện Sĩ, một cựu chủng sinh An Ninh, mời gọi người đọc khám phá, trước và trên hết, khuôn mặt từ ái của một mục tử trọn đời, từ tấm bé đến những ngày cuối cùng, chỉ lo quy tụ con cái Chúa từ khắp bốn phương trời để dẫn dắt họ về nhà Cha, trao gởi và sống sứ điệp của Yêu Thương và Hy Vọng cả nơi chỉ còn tâm tôi.

Ước mong cuốn sách này, được xuất bản lần thứ ba sau khi được chỉnh lý bổ sung thêm nhiều chi tiết, để ghi nhớ hồng ân Đức Cố Hồng y Phanxicô Xaviê được Giáo hội nâng lên bậc Đáng Kính, không chỉ gây cảm hứng, nhưng còn thuyết phục chúng ta xác tín rằng tất cả chúng ta đều được mời gọi để loan báo Tin Mừng qua mỗi niềm vui, nỗi khổ trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta.

“Con phải trả lời được cho mọi người về niềm Hy Vọng trong con”. (Đường Hy Vọng, chương 36)

Elizabeth Nguyễn Thị Thu Hồng

Windsor, Ontario, Canada, ngày 15/8/2017.

Vui mừng tôn vinh Lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời.

LƯU HÀNH NỘI BỘ

MỤC LỤC

I- GIA TỘC	7
Nội tộc	8
Ngoại tộc	17
-Giáo xứ Đại Phong.....	17
-Gia tộc Ngô Đình	19
-Đôi chi tiết về các người con của Ông Bà Ngô Đình Khả	30
II- GIA ĐÌNH.....	49
-Đức Hồng y và các em được hưởng một nền giáo dục rất tốt lành trong tuổi thơ ấu	50
III- CUỘC ĐỜI	63
-Chủng sinh Tiểu Chủng viện An Ninh	64
-Đức Tổng Giám mục Urrutia.....	66
-Cha Giuse Maria Nguyễn Văn Thích	70
-Cha M. Cressonnier	82
-Cha Anrê Bùi Quang Tịch.....	88
-Chủng sinh Đại Chủng viện Phú Xuân	96
-Thụ phong linh mục.....	101
-Phó xứ Tam Tòa.....	101
-Phó xứ Phanxicô Xaviê.....	105
-Tuyên úy Trường Pellerin & Bệnh viện Trung Ương Huế và Lao xá Thừa Thiên.....	106
-Du học Rôma.....	107
-Bề Trên Tiểu Chủng viện Hoan Thiện, Tổng Đại Diện.....	109
-Giám mục Chánh Tòa Giáo phận Nha Trang	124
-Huy hiệu Giám mục của ngài	126
-Ngài là một đại ân nhân của người di cư tị nạn chiến tranh trước năm 1975, đặc biệt đồng bào lương giáo Quảng Trị.....	143
-Được bổ nhiệm Phó Tổng Giám mục Tổng Giáo phận Sài Gòn với quyền kế vị	152
-Mười ba năm mất tự do	154
-Những ngày trên đất Bắc	159
-Sáu năm biệt giam cuối cùng	173
-Được phóng thích.....	181
-Ba năm cư trú tại Tòa Tổng Giám mục Hà Nội: 1988-1991	183

-Sau ngày rời quê hương Việt Nam	190
-Đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch, rồi Chủ tịch Hội Đồng Giáo Hoàng Công Lý và Hòa Bình tại Giáo triều	198
-Người con chí hiếu: làm cơm hầu mẹ	206
-Ban hành sưu tập những bản văn của Huấn Quyền về Học Thuyết Xã Hội Công Giáo	211
-Ngài được ban tước vị Hồng y	214
-Nghỉ lễ tấn phong	214
-Tâm tình Đức Hồng y gửi về quê hương	220
-Dư luận quốc tế chung quanh vị Tân Hồng y Việt Nam	228
-Những ngày cuối đời.....	238
-Người tôi trung được đón nhận vào Nước Trời	241
-Những tâm tình ngưỡng mộ.....	246
-Chói ngời hình ảnh một vị mục tử như lòng Chúa mong ước	256
-Thánh Thể là ánh sáng soi dẫn, là năng lượng thần linh là lương thực Nước Trời, và là nguồn sức mạnh thiêng liêng của Đức Hồng y Phanxicô Xaviê	257
-Khởi sự án phong chân phước cho ngài.....	260
-Thông báo Ân lệnh của Tòa Giám quản Giáo phận Rôma	268
-Lễ cải táng Đức Hồng y Phanxicô Xaviê	269
-Mười năm sau ngày Đức Hồng y qua đời.....	272
-Lễ Kết thúc cuộc điều tra cấp Giáo phận Ân phong Chân phước Tôn Tớ Chúa Đức Hồng y PX. Nguyễn Văn Thuận.....	275
-Hai trường hợp được ơn lạ	292
-Trong Năm Thánh 2016, Đức Thánh Cha Phanxicô nhắc đến Đức Hồng y Thuận như tấm gương cho các linh mục	298
-Mười lăm năm sau ngày Đức Hồng y qua đời: được Giáo Hội tôn xưng là Đáng Đáng Kính	299
-Phụ trang: HÌNH ẢNH LỄ KẾT THÚC HỒ SƠ ÁN PHONG CHÂN PHƯỚC ĐỨC HY PX NGUYỄN VĂN THUẬN	301
IV- TÁC PHẨM	313
1-Đường Hy Vọng	316
2-Đường Hy Vọng dưới ánh sáng Lời Chúa và Công đồng Vaticanô II	325
3-Những người lữ hành trên Đường Hy Vọng.....	327
4-Cầu nguyện	340
5-Năm Chiếc Bánh Và Hai Con Cá	343

6-Niềm Vui Sống Đạo	352
<i>A-Bảy mươi điều tâm niệm để vui tươi sống đạo</i>	<i>352</i>
<i>B-Để tiến bước trên đường Hy Vọng</i>	<i>357</i>
<i>a/ Thập Đại Bệnh</i>	<i>358</i>
<i>b/ Thập Đại Thành Công</i>	<i>363</i>
<i>c/ Tại sao tôi yêu Chúa</i>	<i>368</i>
7- Chứng Nhân Hy Vọng	375
V- LINH ĐẠO CỦA ĐỨC HỒNG Y PHANXICÔ XAVIÊ	385
A. Nền tảng của linh đạo	389
1-Đức ái là cốt tủy của linh đạo: mến Chúa, yêu người	389
2-Niềm tin tuyệt đối vào Thiên Chúa phát sinh ra niềm vui bất tận ở mọi nơi, vào mọi lúc và trong mọi hoàn cảnh	394
3-Đức cậy trọn hảo: luôn tràn trào hy vọng vào Thiên Chúa	395
4-Sống trọn vẹn giây phút hiện tại	399
5-Chọn Chúa chứ không chọn những công việc của Chúa	401
6-Cầu nguyện liên lỉ	403
7-Bám chặt vào nguồn năng lượng độc nhất: Thánh Thể	407
8-Theo vết chân Chúa Giêsu: Ôm ấp thập giá	409
9-Sống Lời Chúa và kết hợp mật thiết với Lời Chúa	414
10-Yêu mến Mẹ Maria và Thánh Cả Giuse	415
11-Chỉ chọn một mình Thiên Chúa	418
B. Linh đạo hiệp thông	419
1-Quy tụ con cái Thiên Chúa đang tản mác khắp nơi về một mối (Ga 11,52)	420
2-Quy tụ bằng linh đạo hiệp thông.....	429
VI – LỜI KẾT	443
-Chia sẻ của Đức TGM Giuse Ngô Quang Kiệt.....	444
-Chia sẻ của Đức GM Phêrô Nguyễn Văn Khảm.....	445
-Đức HY Fernando Filoni khẳng định Đức HY PX Nguyễn Văn Thuận là một mẫu gương ngoại thường.....	450
-Đức Hồng y Luis Antonio Tagle, TGM Manila: Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận là người bác đã dạy cho ngài về tinh thần hiếu khách	451
-Căn phòng lưu niệm kỷ vật của Đức Hồng y tại Cologne	455
-Chú thích văn bản và hình ảnh.....	461

Đấng Đáng Kính Đức Hồng y
Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận
(1928-2002)



Đấng Đáng Kính Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận sinh ngày 17 tháng 4 năm 1928, tại giáo xứ Phủ Cam, thuộc Tổng Giáo phận Huế trong một gia đình có 9 anh chị em: 4 trai và 5 gái. Thân phụ của ngài là ông cố Tadêô Nguyễn Văn Ấm và thân mẫu, bà cố Isave Ngô Đình Thị Hiệp. Đây là một gia đình có truyền thống đạo đức lâu đời, tổ tiên nội ngoại của ngài là những Kitô hữu, liên tục qua nhiều thế hệ, đã từng chịu bách hại vì đức tin vào các thế kỷ XVII, XVIII, XIX.

---o0o---

Copyright © **Gia đình Cựu Chủnh Sinh Huế**
Website: <http://cuucshuehn.net>

Phần I:

GIA TỘC

NỘI TỘC

Vào tháng 7 năm Bính Tý 1696, thời vua Lê Hy Tông, chúa Trịnh Căn ban lệnh cấm người trong nước theo đạo “Hoa Lang”, không được đeo ảnh tượng và hội họp thờ phượng, các cơ sở thờ tự và sách đạo bị đốt phá, các linh mục và thầy giảng bị ruồng bắt khắp nơi, các nhà truyền giáo ngoại quốc bị đuổi ra khỏi nước.⁽¹⁾

Năm 1698 tổ tiên nội tộc của Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận trở thành Kitô hữu⁽²⁾, và đã đem thân nhân từ đất Bắc trốn về phương Nam, đến định cư tại giáo xứ Trí Bưu (thời Chúa Nguyễn có tên là Cổ Bưu, thời gian sau gọi là Cổ Vưu, đến tiền bán thế kỷ XX được gọi là Trí Bưu) thuộc Giáo phận Đà Nẵng. Ngài gọi Trí Bưu là “quê nội thứ hai” của ngài.⁽³⁾ Giáo xứ Trí Bưu vào năm 1692, tức là 6 năm trước khi tổ tiên của ngài đến cư ngụ, đã có 140 tín hữu.⁽⁴⁾

Nhắc đến những giáo sĩ trong số bà con bên nội của ngài ở Trí Bưu, Đức Hồng y đã quàng vai tâm tình với Đức Tổng Giám mục Phanxicô Xaviê Lê Văn Hồng khi còn là linh mục du học ở Pháp đã đến Rôma thăm ngài vào năm 2000: “*Bà con mình có cha Bá, đến tôi, rồi đến cha đó. Gắng lên nghe*”⁽⁵⁾

Năm 1798, trong cơn bách hại của vua Cảnh Thịnh nhà Tây Sơn, Đức Mẹ hiện ra với các giáo dân Trí Bưu và một số tín hữu các họ đạo lân cận đang trốn ẩn tại La Vang, là một xóm nhỏ của Trí Bưu nằm ở bìa rừng. Chắc chắn có các tiền nhân của Đức Hồng y trong số những người đã được hồng phúc chiêm ngưỡng thánh nhan Đức Mẹ. Có thể đây là một trong những lý do làm phát sinh ra nơi Đức Hồng y một lòng kính mến Đức Mẹ La Vang hết sức sâu đậm.

Trong cuộc phỏng vấn được thực hiện một tuần sau khi được cử vào Hồng y đoàn, ngài đã nói với Lm Trần Công Nghị và nhóm phóng viên Thông Tấn xã Công giáo Việt Nam (Vietcatholic News): “*Gia đình của tôi thời xưa ở vùng này bây giờ là*

vùng của Đức Mẹ La Vang, rồi bị phân tán, nên gia đình phải đi vào Huế và chia ra”.⁽⁶⁾

Đến khoảng đầu đời Minh Mạng, tổ phụ của ngài đã rời giáo xứ Cổ Vưu (tức Trí Bru) ở Quảng Trị để vào cư ngụ tại Phủ Cam. Từ đó, Phủ Cam trở thành “quê nội thứ ba” của Đức Hồng y. Tại nơi này các vị tiền nhân của ngài đã cam chịu vô vàn gian nan khổ cực dưới ba triều Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức chỉ vì một lòng quyết tâm trung thành với niềm tin Kitô.

Sau khi chiếu chỉ phân tháp của vua Tự Đức được ban hành vào năm 1860, ông Nguyễn Văn Danh, ông sơ của Đức Hồng y, đã bị bắt đưa vào trại giam tại xứ Cồn Cát thuộc làng Lương Văn, ở về hướng Nam thành phố Huế là nơi giam giữ các giáo dân có uy tín thuộc các họ đạo Phủ Cam, Thợ Đức, Đá Hàn, Buồng Tầm và Ngọc Hồ.⁽⁷⁾ Những người còn lại trong gia đình ông Danh, giống như các gia đình công giáo khác, thì bị phân tháp mỗi người một nơi, vào các gia đình lương dân. Đức Hồng y kể lại: “Tôi nhớ tới chứng tá của ông cố nội tôi. Ông thường kể cho tôi nghe biết các người trong gia đình bị phân sáp và giao cho các gia đình bên lương canh chừng để họ dần dần mất đức tin thế nào, trong khi cha của ông bị bỏ tù. Như thế ông cố nội tôi khi mới lên 15 tuổi mỗi ngày đã phải đi bộ 30 cây số để tiếp tế cho cha một ít cơm và ít muối mà ông đã dành dụm được nơi gia đình ông sinh sống và làm việc. Ông phải ra đi lúc 3 giờ sáng để còn kịp trở về làm việc.”⁽⁸⁾ Gia đình lương dân ấy rất tốt, trong suốt 3 năm trời mỗi ngày cho ông Vọng một lon gạo để nấu cơm đem nuôi cha mình bị giam tại Lương Văn. Tất cả những chi tiết ấy do chính ông cố nội Nguyễn Văn Vọng kể lại cho Đức Hồng y.

Phân tháp, còn gọi là phân sáp, có nghĩa là phân ly các tín hữu Công giáo ra khỏi gia đình, rồi tháp nhập từng người vào làng lương dân. Chiếu chỉ phân tháp của vua Tự Đức ban hành vào năm 1860 đại cương có các điều chính yếu như sau:

Điều 1: Tất cả tín đồ Gia Tô giáo bất kể nam, phụ, lão, ấu, giàu, nghèo, đều phải phân tháp vào các làng lương dân.

Điều 2: Mọi làng lương dân đều có trách nhiệm nhận canh giữ một số tín đồ Gia Tô giáo, theo tỷ lệ cứ 5 người lương dân phải nhận canh giữ quản thúc một người Gia Tô giáo.

Điều 3: Các làng Gia Tô giáo phải được triệt hạ bình địa. Tất cả đất đai, vườn tược và nhà cửa của tín đồ Gia Tô giáo đều phân chia cho các làng lương dân kế cận, để những người này canh tác và nộp thuế cho Triều Đình.

Điều 4: Đàn ông phải bị chia tách khỏi vợ mình. Nếu chồng bị phân tháp vào tỉnh này thì vợ phải bị phân tháp vào tỉnh kia, quyết không được sum họp. Trẻ con bị phân tháp vào những gia đình lương dân nào muốn nuôi chúng.

Điều 5: Trước khi đi, tất cả các tín đồ Gia-tô giáo: đàn ông, đàn bà, trẻ con đều phải thích tự vào mặt ở trên hai má, bên trái chữ “tả đạo”, bên phải tên xã, huyện của tội nhân, để họ không thể lẫn trốn được.”⁽⁹⁾

Hòa ước Nhâm Tuất được ký ngày 5 tháng 6 năm 1862 tại Sài Gòn giữa đại diện triều Nguyễn là chánh sứ Phan Thanh Giản và phó sứ Lâm Duy Hiệp với đại diện của Pháp là Thiếu tướng Bonard và đại diện của Tây Ban Nha là Đại tá Don Carlos Palanca Guttiere. Tại khoản 2 Hòa ước này ghi rõ: đạo Gia Tô được tự do truyền bá trong nước Đại Nam, mọi người được tự do theo đạo và truyền đạo.⁽¹⁰⁾

Do đó, cũng như mọi gia đình công giáo khác, gia đình ông Danh được trở lại sum họp. Trở về nhà trong một thân xác héo hon tiều tụy và bệnh hoạn sau những gian truân quá sức chịu đựng của con người, ông Danh rất vui mừng mãn nguyện vì tất cả mọi người con của hai ông bà đã kiên cường giữ vững đức tin trong cơn bách hại, và hiền thê của ông đã chấp nhận đương đầu với mọi khó khăn gian khổ ngày đêm dạy bảo con cái biết kính sợ Thiên Chúa và yêu thương tha nhân. Ông Danh cũng thừa nhận rằng bản thân ông còn sống sót được, là cũng nhờ trường nam của ông đã hằng ngày đem lương thực nuôi ông và còn an ủi khuyến khích ông chấp nhận mọi gian khổ vì Chúa.

Từ năm 1885, gia đình ông Danh ở luôn tại Huế. Đến tuổi trưởng thành, ông Vọng kết hôn với cô Tống Thị Lại, thuộc gia tộc thánh tử đạo Phaolô Tống Viết Bường là giáo dân Phủ Cam. Hai vợ chồng ông bà Vọng trong khoảng 15 năm vào cuối thế kỷ XIX đã được linh mục chánh xứ Phủ Cam Eugène Allys (Cố Lý) ủy thác việc dạy giáo lý cho những người châu nhưng tại các vùng ở phía Nam kinh đô Huế. Với lòng nhiệt thành kết hợp với một cuộc sống đạo đức sâu xa, hai ông bà đã đem rất nhiều người trở lại đạo. Vào thời gian đó, linh mục Eugène Allys còn đưa nhiều giáo dân Phủ Cam đạo đức và thiện chí đến truyền giáo tại các huyện Phú Lộc, Hương Thủy và Phú Vang, có người ngược xuôi khắp vùng Thừa Thiên, có kẻ còm đùm gạo bới ra tận Quảng Bình để dạy giáo lý cho người tân tòng.⁽¹¹⁾



*Cù Nguyễn Văn Vọng, Cố nội của Đức Hồng y Phanxicô Xaviê.
Ảnh do Bác sĩ Vĩnh Thừa cung cấp.*

Sau thời gian đi truyền giáo, ông bà Vọng, cố nội của Đức

Hồng y, trở về cố hương Phủ Cam, lập nông trại và dần dần hai ông bà trở nên dư ăn dư để. Vì là một bậc trưởng thượng đạo đức, nhiệt thành, khôn ngoan, liêm chính, phong thái vui vẻ bình dị dễ gần gũi, tính tình hào phóng rộng rãi với Giáo hội và người nghèo, rất từng trải việc đời, thông việc đạo, nên ông được linh mục quản xứ Phủ Cam Eugène Allys (Cố Lý) đặt làm trùm họ Phủ Cam, tức là người đứng đầu giáo xứ. Mọi người, tại Phủ Cam và tại các giáo xứ khác trong Giáo phận Huế, hết sức trân trọng, kính phục và yêu mến ông.

Ông bà Nguyễn Văn Vọng sinh hạ được 3 người con trai và 5 người con gái:

1. Bà Nguyễn Thị Liễu.

2. Bà Nguyễn Thị Hân, kết hôn với ông Hồ Thanh, cựu chủng sinh, đã vào Đại Chủng viện, nên mọi người gọi là Thầy Thanh.

3. Bà Nguyễn Thị Duông, kết hôn với ông Phạm Bá Bút, thường gọi là ông Nghè Bút ở Phủ Cam, sinh hạ:

- Bà Phạm Thị Mỹ, kết hôn với ông Phan Thiện Tuấn, thường gọi là ông Nghè Tuấn, có các con là: Lm Giuse Phan Thiện Ân, DCCT, ông Phan Thiện Vinh, bà Phan Thị Quới.

- Bà Quản Minh.
- Bà Phạm Thị Huy.
- Ông Phạm Bá Lượng.
- Ông Phạm Bá Nghị.
- Ông Phạm Bá Thương.
- Ông Phạm Bá Thuyết.

4. Ông Nguyễn Văn Diêu, kết hôn với bà Isave Nguyễn Thị Mỹ. Hai ông bà chỉ sinh được một người con trai độc nhất là ông Nguyễn Văn Ấm, thân phụ của Đức Hồng y.

5. Ông Nguyễn Văn Nghi, thường gọi là ông Hội Nghi, cựu chủng sinh An Ninh, kết hôn với bà Trương Thị Ngân, sinh

hạ:

- Ông Nguyễn Văn Lễ, thường gọi là ông Cả Lễ, chồng của bà Ngô Đình Thị Hoàng, di ruột của Đức Hồng y.

- Ông Nguyễn Văn Hiền.

- Thầy phó tế Laurent Nguyễn Văn Thợ, Dòng Xitô Phước Sơn. Thầy qua đời khi sắp được thụ phong linh mục.

- Ông Nguyễn Văn Thoại, giáo sư đại học về ngành Sinh vật học tại Pháp, Bộ trưởng Bộ Kinh tế trong chánh phủ do Thủ tướng Ngô Đình Diệm thành lập ngày 06 tháng 7 năm 1954.

- Bà Nguyễn Thị Hạnh.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc.

- Bà Nguyễn Thị Diệp.

6. **Ông Nguyễn Văn Ngại**, kết hôn với bà Lê Thị Đình, cô ruột của Đức Giám mục Lê Hữu Từ, sinh hạ:

- Ông Nguyễn Văn Đông, nguyên tỉnh trưởng Quảng Trị thời Đệ Nhất Cộng Hòa.

- Ông Nguyễn Văn Dương.

- Ông Nguyễn Văn Bửu.

- Ông Nguyễn Văn Thảo, cựu chủng sinh An Ninh, thân phụ của bà Dr Lisa Nguyễn Thanh Sơn.

- Bà Nguyễn Thị Thái.

- Bà Nguyễn Thị Ninh.

Sau khi bà Lê Thị Đình mất, ông tục huyền và có thêm hai người con:

- Ông Nguyễn Văn An.

- Bà Nguyễn Thị Xuyên.

7. **Bà Nguyễn Thị Nhàn** kết hôn với ông Đinh Doãn Sắc, thường gọi là ông Đốc Sắc, ân nhân của Dòng Chúa Cứu Thế Việt Nam trong thời gian đầu tiên vào các thập niên 1920, 1930. Hai ông bà sinh hạ:

- Nữ tu Paulina Đinh Thị Ba, Dòng Thánh Phaolô.

- Bà Đinh Thị Bông.

- Bà Đinh Thị Hà.
- Ông Đinh Doãn Mẫn.
- Ông Đinh Doãn Khôi.
- Ông Đinh Doãn Thọ.

Sau khi bà Nguyễn Thị Nhàn mất, ông tục huyền và có thêm một người con trai tên Đinh Doãn Kim.

8. Bà Nguyễn Thị Lạc kết hôn với ông Ứng Độ, thường gọi là cụ Phán Độ, bác ruột của hai linh mục Bửu Đồng, Bửu Hiệp và nữ tu M. Claudia Công Tăng Tôn Nữ Thị Luyến, nguyên Tổng Phụ trách Hội Dòng Con Đức Mẹ Vô Nhiễm Phú Xuân.

Hai ông bà Ứng Độ sinh hạ được 10 người con:

- Bà Công Tăng Tôn Nữ Bạch Mai.
- Nữ tu Têrêxa Công Tăng Tôn Nữ Huỳnh Trúc, Dòng Con Đức Mẹ Vô Nhiễm Phú Xuân.
- Ông Bửu Khiêm.
- Ông Bửu Tề.
- Nữ tu Anne du St Esprit Công Tăng Tôn Nữ Ngọc Lý, Dòng kín Camêlô Thanh Hóa.
- Ông Bửu Hoàng, cựu chủng sinh An Ninh lớp 1937.
- Ông Bửu Bộ.
- Ông Bửu Chiên.
- Tu sĩ Giuse Bửu Đào, dòng Biển Đức Thiên An, Huế.
- Ông Bửu Phục.

Các con cháu nội ngoại của hai ông bà Nguyễn Văn Vọng đã hình thành nên một đại gia tộc đông đúc, giàu có, học thức, danh giá bậc nhất tại Phủ Cam trước năm 1975.

Đây là gia tộc từ hậu bán thế kỷ XIX, nhất là trong tiền bán thế kỷ XX, đã đóng góp rất nhiều công sức, của cải, kiến thức và nhất là lòng nhiệt thành trong việc xây dựng và phát triển giáo xứ Chánh tòa Phủ Cam, nhiều giáo xứ khác, cùng nhiều Hội Dòng tại Giáo phận Huế.



*Bà Isave Nguyễn Thị Mỹ, bà nội Đức Hồng Y qua đời tại Phú Cam.
Ảnh do bà Nguyễn Thị Thu Hồng cung cấp.*



Ông bà Bửu Tề cùng con cháu. Ảnh do ông Vĩnh Tiên cung cấp.



Đức Hồng y Fernando Filoni, Tổng trưởng Bộ Loan báo Tin mừng cho các dân tộc, Đức Tổng Giám mục Leopoldo Girelli, Đại diện Tòa Thánh tại Việt Nam, Đức Tổng Giám mục Bùi Văn Đọc, Đức Tổng Giám mục Lê Văn Hồng, Đức Giám mục Võ Đức Minh và Đức Ông Barnaba Nguyễn Văn Phương đến thăm nhà tù đường lúc 13 giờ ngày thứ Năm 22-01-2015.

---o0o---

NGOẠI TỘC

Giáo xứ Đại Phong

Đại Phong là một giáo xứ kỳ cựu của Giáo phận Đà Nẵng.

Trong một thời gian chưa tới 30 năm sau ngày cha Phanxico Buzomi hướng dẫn một đoàn thừa sai Dòng Tên đến Hội An vào năm 1615 bắt đầu công việc truyền giáo tại từ Phú Yên đến Sông Gianh, thì đã có nhiều cộng đoàn Kitô hữu được hình thành tại các làng thuộc vùng Quảng Bình, trong đó có làng Đại Phong. Riêng đôi với giáo xứ Đại Phong, quê ngoại của Đức Hồng y Phanxicô Xaviê, vào năm 1642, cha Alexandre de Rhodes đã đến thăm, (thời ấy Đại Phong có tên là *Kẻ Đay hay Kẻ Đợi*) ở lại 3 ngày, rửa tội được 300 người. Những tân tông này đã được các chức việc họ đạo, thường gọi là các thầy giảng bậc nhì, dạy giáo lý từ trước. Năm 1685 cha Labbé thuộc Hội Truyền giáo Hải ngoại Paris đến thăm Đại Phong, có 250 người xưng tội với ngài. Năm 1693, Đức Giám mục Đà Nẵng Francisco Perez đã đến thăm Đại Phong trong chuyến đi kinh lược các giáo xứ từ Quảng Nam đến Quảng Bình.

Qua hai bản tường trình của cha Laurent Emmanuel Lâu gửi về Thánh Bộ Truyền Giáo ngày 16-02-1692 và ngày 07-02-1694 thì Kẻ Đại (tức là Đại Phong) có 600 giáo dân, đồng nhất trong 61 giáo xứ thuộc các giáo hạt Ruộng Sâu, Dinh Cát, Quảng Bình và Dinh Ngói.⁽¹²⁾

Trong ba thế kỷ XVII, XVIII và XIX, người giáo dân Đại Phong vì quyết tâm trung thành với đức tin, luôn cam chịu muôn vàn gian khổ, bị tù đày, tra tấn và tàn sát, liên tục trong các cơn bách hại khốc liệt của các chúa Nguyễn của vua Cảnh Thịnh Triều Tây Sơn và nhất là của các vua nhà Nguyễn: Minh Mạng Thiệu Trị và Tự Đức.

Sau ngày chiếu chỉ phân tháp được ban hành năm 1860, nhiều nhà lao được thiết lập để giam giữ những người công giáo

có uy tín. Tại tỉnh Quảng Bình, một số đông bốn đạo thuộc các giáo xứ Kẻ Sen, Kẻ Bàng, Trung Quán, Mỹ Hương, Xuân Hôi, Mỹ Phước, Đại Phong, Phủ Việt và Mỹ Duyệt bị bắt giam.⁽¹³⁾

Vào thời gian chiếu chỉ tha đạo của vua Tự Đức có hiệu lực sau ngày Hòa ước Nhâm Tuất 1862 được ký kết, giáo hạt Quảng Bình có 6 địa sở, mỗi địa sở gồm nhiều giáo xứ do một linh mục coi sóc. Địa sở Mỹ Phước vào năm 1885-1886 gồm 3 giáo xứ Mỹ Phước, Đại Phong và Xuân Hôi. Sau ngày thất thủ Kinh Đô Huế vào năm 1885, phong trào Văn Thân nổi lên tại các tỉnh miền Trung với chủ trương “bình tây sát tả” đã gây ra một cuộc giết hại tín hữu công giáo thảm khốc nhất trong lịch sử Việt Nam. Riêng tại Quảng Trị vào năm 1885 đã có 8.585 giáo dân bị quân Văn Thân tàn sát

Bắt đầu năm 1886, cuộc manh động của Văn Thân khởi sự lan ra tới Quảng Bình. Cha Tổng Văn Cơ, cháu nội của Thánh Phaolô Tổng Viết Bường, phụ trách địa sở Mỹ Phước. Giáo xứ Đại Phong thuộc trách nhiệm mục vụ của ngài. Quân Văn Thân đã tấn công giáo xứ Mỹ Phước ngày 05-02-1886. Giáo dân bị lừa vào nhà thờ rồi châm lửa hỏa thiêu. Có 442 người tử vì đạo. Cha Cơ bị bắt và bị hành quyết vào ngày hôm sau: 06-02-1886. Các giáo xứ khác như Đại Phong, Xuân Hôi, Mỹ Duyệt, Mỹ Định, Phủ Việt và Trung Quán cũng bị Văn Thân kéo đến đốt phá tan tành, nhưng có một số giáo dân may mắn chạy thoát được.⁽¹⁴⁾



Cụ Ngô Đình Khả

Gia tộc Ngô Đình

Gia tộc Ngô Đình xuất phát từ vùng Sơn Tây ở miền Bắc. Tổ tiên họ Ngô theo dòng Nam tiến vào khai nghiệp ở làng Xuân Dục, huyện Quảng Ninh, Quảng Bình. Về sau, một nhánh tìm về nhập cư ở làng Đại Phong, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình và tông giáo. Vào giữa thế kỷ XIX, dưới triều Tự Đức, ông Giacôbê Ngô Đình Niêm đảm trách một chức quan nhỏ tại Sở Võ Khố tại Huế. Ông Niêm thành hôn với bà Ursula Khoa thuộc một gia đình công giáo đạo đức ở giáo xứ Phường Đức. Một thời gian sau, ông Niêm thôi việc, đưa gia đình từ Huế trở về sinh sống tại Đại Phong. Làng này nằm phía tây nam thành phố Đồng Hới (tỉnh lỵ Quảng Bình) khoảng 30 cây số. Đây là một làng quê hẻo lánh, nằm gần làng Mỹ Phước, ruộng đất khá phì nhiêu.

Theo lời Bà Nguyễn Thị Thu Hồng, em gái Đức Hồng y, thì Cụ Ngô Đình Niêm có 3 người con trai là các ông Ngô Đình Niêm (tức Quyền), ông Ngô Đình Khả, và Ngô Đình Dung.

Ông Ngô Đình Niêm (tức Quyền) có người con trai tên là Ngô Đình Miêu, đã ở Tam Tòa, Đồng Hới, sau biến cố Văn Thân; còn những người khác bỏ Đại Phong vào Bãi Dâu ở Thừa Thiên. Ông Ngô Đình Miêu qua đời vào khoảng 1954. Bà Miêu cùng với người con gái tên cô Liên qua định cư ở Hoa Kỳ. Bà đã qua đời tại San Jose.

Ông Micae Ngô Đình Khả sinh năm 1857. Lúc nhỏ cậu Khả được cha mẹ rất quan tâm cho gần gũi các vị linh mục để cậu có cơ hội được học giáo lý đầy đủ và được luôn tham dự các lễ nghi phụng vụ. Một vị thừa sai người Pháp thuộc Hội Truyền giáo Hải ngoại Paris lúc ấy đang truyền giáo tại vùng đó đã sớm nhận ra tư chất thông minh và lòng đạo đức của cậu Khả nên bảo trợ cho cậu gia nhập Tiểu chủng viện An Ninh, tại Cửa Tùng Quảng Trị. *(Rất có thể vị đó là cha Martin Jean Ponvianne, tên Việt là Cố Phong, đã làm mục vụ tại Quảng Bình trong trách vụ quản xứ Sáo Bùn kiêm hạt trưởng Quảng Bình trong 13 năm từ 1864 đến 1877 thì được Tòa Thánh bổ nhiệm làm Giám mục hiệu tòa Botra,*

Đại diện Tông Tòa coi sóc Giáo phận Bắc Đàng Trong).

Tại Tiểu chủng viện An Ninh, chú Khả tỏ ra là một chủng sinh ưu tú về mọi phương diện, nên được Đức cha Joseph Sohier lựa chọn gởi qua học tại Chủng viện Penang ở Mã Lai từ năm 1870. Sau khi học xong, khoảng năm 1878, thầy Khả vẫn tiếp tục ở lại Chủng viện dạy các lớp nhỏ.

Trong biến cố Văn Thân, gia đình ông ngoại của Đức Hồng y ở Đại Phong cùng chung số phận như các bà con trong Giáo xứ. Ngài nói: “*Mẹ của tôi thuật lại cho tôi biết là gia đình bên ngoại của tôi trong thời Văn Thân ở làng Đại Phong tỉnh Quảng Bình, cả gia đình và cả giáo xứ bị lửa vào trong nhà thờ đốt chết hết cả*”. Nhiều người trong gia đình thầy Khả đã bị thiêu sát trong nhà thờ Đại Phong, riêng có một người em gái của Ông Khả là cô Ngô Đình Thị Tiến thoát nạn nhờ được che khuất vì nằm dưới xác của những người lớn.

“Cô Tiến kể lại, khi lửa đang cháy bên ngoài, giáo dân bình tĩnh đọc kinh cầu nguyện. Linh mục chính xứ đứng giữa cung thánh hướng dẫn giáo dân cầu nguyện. Tro từ trên nóc nhà thờ đổ xuống như mưa, khói tỏa mịt mù. Linh mục chính xứ đã lấy một cái thùng đội lên đầu, tiếp tục đứng cổ võ giáo dân giữ vững đức tin, cho đến khi ngài ngã quỵ vì bị ngộp thở. Khi thấy tiếng kinh không còn nữa, Văn Thân biết mọi người trong nhà thờ đã ngã gục, liền mở cửa vào nhà thờ lục soát, thấy ai còn sống thì chém cho chết. Lúc đó vì còn nhỏ, cô bị đè bẹp dưới xác của những giáo dân người lớn, nên Văn Thân không thấy. Khi Văn Thân rút đi, chờ đêm tối cô bò ra khỏi khu nhà thờ, nhưng không dám tìm về nhà mà đến một nhà quen không công giáo xin ẩn trốn. Bà chủ nhà có hai người con cũng theo Văn Thân đi đốt phá các làng công giáo nên rất sợ. Khi thấy hai người con cùng với những người khác đến lục soát ở khu gần đến nhà bà, bà bảo cô Tiến lộn xuống dưới ao, rồi bà lấy bè phủ lên. Văn Thân đi qua bờ ao, có thọc mũi giáo xuống ao tìm kiếm, cô bị ngọn giáo đâm trúng ở trán, nhưng Văn Thân không biết, nhờ vậy cô đã sống sót. Sau này

người ta vẫn còn thấy một vết sẹo dài trên trán cô. Khi phong trào Văn Thân bị dẹp tan, cô đã tìm lại được gia đình người anh là ông Ngô Đình Miêu và theo gia đình này ra cư ngụ ở giáo xứ Tam Tòa mới thành lập. Năm 1888, linh mục Bonin lập Dòng Mến Thánh Giá Tam Tòa. Dòng này là hậu thân của Dòng Mến Thánh Giá ở Mỹ Hương đã bị Văn Thân đốt năm 1885. Cô Tiến đã xin đi tu ở Dòng này và về sau được thăng lên chức Bề Trên của Dòng.

Ông Ngô Đình Quyền (anh ông Ngô Đình Khả) chạy về Đồng Hới (tỉnh lỵ Quảng Bình hiện nay). Tại đây, họ gặp một số giáo dân còn sống sót của các giáo xứ Sáo Bùn, Mỹ Hương, Mỹ Định v.v... cũng đang sống trốn tránh ở đây. Cuối năm 1886, khi phong trào Văn Thân đã bị dẹp tan, linh mục thừa sai Bonin đã họp các nhóm giáo dân chạy tán loạn lại và thành lập một giáo xứ mới, lấy tên giáo xứ Tam Tòa, ở trên bờ sông Nhật Lệ, ngay phía bắc thành phố Đồng Hới. Khi bình an trở lại, gia đình ông Ngô Đình Quyền quay về Đại Phong, xây dựng lại xóm làng, nhưng một người con là ông Ngô Đình Miêu và gia đình cư ngụ luôn tại Tam Tòa...

Những giáo dân quay trở lại Đại Phong đã góp tiền bạc xây lại nhà thờ Đại Phong đẹp hơn nhà thờ cũ, nhưng vì số giáo dân trở lại lập cư quá ít nên được Đức Giám mục Giáo phận sát nhập vào giáo xứ Mỹ Phước ở gần đó. Nhà thờ Đại Phong sau đó được gỡ ra và bán cho một giáo xứ ở Huế”⁽¹⁵⁾

Sau biến cố Văn Thân, vâng theo thánh ý Chúa, thầy Ngô Đình Khả hồi tục.

Vì học lực vững vàng, giỏi chữ Hán, thạo tiếng Pháp và tiếng Latinh, uyên thâm triết học và văn học Đông phương lẫn Tây phương, nên ông Khả được mời tham gia công vụ. Ông vào Huế, ngoài công việc ở Tòa Khâm Sứ, ông còn được mời dạy tiếng Pháp ở trường “Đại Pháp Tự Thoại Học Đường”. Trường này được Triều Đình Huế lập ra năm 1887, do ông Diệp Văn Cương làm chương giáo, nhằm đào tạo một số người có khả năng Pháp văn để làm việc tại các cơ quan công quyền.⁽¹⁶⁾

Ngày 25-02-1887 ông thành hôn với bà Madalêna Chữu, con gái ông Micae Quê và bà Annataxia Quy, người Phủ Cam. Ít lâu sau bà Chữu mất sớm, nên vào tháng 3 năm 1889 ông tục huyền với bà Anna Phạm Thị Thân người gốc làng Vân Dương, gia đình lập nghiệp ở Phủ Cam. Ông bà mua vườn lập tư thất ở giáo xứ Phủ Cam, tọa lạc tại thôn Phước Quả, tổng Cư Chánh, huyện Hương Thủy, Thừa Thiên.

Sau một thời gian tù giam tại Tòa Khâm Sứ, ông được chuyển sang ngạch quan lại của triều đình Huế, từ hàm Chánh tứ phẩm, dần dần được thăng đến Thượng Thư.

Trong đời làm quan, ông Ngô Đình Khả có công thành lập một ngôi trường chủ trương một nền giáo dục kết hợp hai nền văn hóa Đông Phương và Tây Phương lần đầu tiên áp dụng tại Việt Nam, dạy cả Hán văn và Pháp văn, Đó là “Pháp Tự Quốc Học Trường”, gọi tắt là Quốc Học.

Theo chỉ dụ ngày 17 tháng 9 năm Bính Thân (23-10-1896) của vua Thành Thái, và nghị định ngày 18-11-1896 của Toàn quyền A. Rousseau, “Pháp Tự Quốc Học Trường” đã được thành lập tại thủy sư tả doanh công thổ bên bờ Hương Giang. Ông Thái thường tự khanh Ngô Đình Khả là một vị đường quan hàm chánh tam phẩm được bổ nhiệm làm chủ trường giáo (hiệu trưởng)⁽¹⁷⁾, kiêm quản giáo môn Pháp văn. Ông phó bảng Nguyễn Văn Mại, thân phụ linh mục Nguyễn Văn Thích, làm quản giáo môn Hán văn. Một số các vị đại khoa và học giả được mời tham gia vào ban giảng huấn. Thành phần học viên lúc đầu gồm các công tử, công tôn của Hoàng gia, sinh viên trường Hành nhân và trường Quốc Tử giám, những cử nhân, tú tài, âm sinh. Niên khóa đầu tiên khai giảng vào năm 1896, có 200 người khắp ba miền Trung Nam Bắc nộp đơn xin dự thi nhập học, kết quả có 50 người trúng tuyển.

Ngoài ra, vì rất quan tâm đến việc giáo dục, nên ông cũng đã vận động và tích cực cộng tác với Đức cha Allys lập ra một trường tư thục công giáo dành cho tất cả con em mọi gia đình không phân biệt lương, giáo, giàu, nghèo. Đó là trường Pellerin

(khoảng năm 1955 được đổi tên là trường Bình Linh) của các sư huynh dòng La San được xây dựng và khai giảng vào niên học 1904-1905.

Trong cuộc đời công vụ, ông Ngô Đình Khả luôn tỏ ra là người công chính, khí khái, trượng phu, rất mực thanh liêm, thương dân, yêu nước, không sợ uy vũ, không màng lợi lộc. Đức Hồng y nói rằng ông ngoại của ngài *“phải chịu nhiều đau khổ khó khăn để giữ đức tin, là một người làm tông đồ trong chính trị”*.⁽¹⁸⁾

Đương chức Lễ Bộ Thượng Thư, một mình ông phản đối việc nhà cầm quyền Pháp truất phế và lưu đày vua Thành Thái vào năm 1907. Việc làm đó đã làm phát sinh trong nhân dân một câu truyền tụng có tiếng thơm muôn đời: *“đày vua không Khả”*, nhưng cũng mang lại một hậu quả khá đắt: bị giáng ba cấp, từ Thượng Thư xuống Án Sát và cho về hưu, mất hết hưu bổng. Ông bà sinh sống bằng nghề nông, an nhiên tự tại, tìm được niềm vui của người quân tử, không phàn nàn, không oán trách. Đức Hồng y thuật lại câu chuyện ông ngoại của ngài như sau: *“Ông ngoại đã đem tất cả huân chương mọi sự trả lại cho nhà nước, rồi sống một cuộc đời rất đạm bạc vì gia đình không còn lương nữa, mà các con thì còn trẻ, đi học hết, và ông đã huấn luyện cho con cái đều đi làm ruộng với ông. Dù là ông Diệm, hay là Đức cha Thực khi đó còn là chủng sinh, nhưng tháng hè thì đều về làm ruộng, lên ngôi xe đạp nước hết tất cả. Nhiều khi phải khóc vì mỏi quá, nhưng ông ngoại nói: nếu không làm như vậy thì sẽ không biết thương dân, thương người nghèo. Và mẹ tôi thì phải lo đi chợ nấu ăn để nấu ăn cho những thanh niên đến làm ruộng, đi cày đi cấy. Trong nhà thì chỉ có mấy mẫu ruộng. Suốt đời vua Thành Thái cho đến vua Duy Tân, rồi tới vua Khải Định, trong nhà sống cảnh nghèo.”*⁽¹⁹⁾

Ông Ngô Đình Khả đã dốc hết sức vào việc dạy dỗ con cái với một sự chu đáo đặc biệt. Trọn đời ông, hàng ngày ông nêu gương cho con cái qua nếp sống cần kiệm, liêm chính, trung nghĩa và ái quốc. Ông uốn nắn các con đúng theo khuôn mẫu ấy, nhằm

hun đúc, xây đắp cho con cháu một lý tưởng sống xây dựng trên niềm tin Kitô giáo bất biến và một tinh thần nho học Khổng-Mạnh thâm sâu.



Gia tộc Ngô Đình (*). Ảnh do bà Nguyễn Thị Thu Hồng cung cấp.
Xin xem chú thích ở cuối sách.

Về phương diện tôn giáo, hai ông bà Ngô Đình Khả là những Kitô hữu thuần thành và gương mẫu, hết lòng mến Chúa, yêu người, trung thành với Giáo Hội.

Ông dành nhiều thời gian trong ngày để cầu nguyện, đọc các sách đạo đức và suy niệm Lời Chúa. Thường ngày, đứng trên sân thượng của tư dinh, ông lắng nghe và thông hiệp với các lời kinh cùng thánh ca trầm bổng của những buổi cầu kinh sáng chiều vọng ra từ ngôi nhà thờ Phủ Cam ở ngay bên cạnh.

Mỗi sáng sớm, ông bà cùng con cái đều siêng năng rảo bước qua nhà thờ giáo xứ Chánh tòa Phủ Cam ở trên đồi cao cách ngõ nhà của ông bà chừng 100 mét, để tham dự thánh lễ. Trên đường đi, ông còn chuyện trò với bà và các con, nhưng một khi đã bước vào nhà thờ, thì tư thái của ông hoàn toàn đổi khác: ông như chìm đắm vào một thế giới thần thiêng, không quan tâm đến chung quanh, mà chỉ biết cầu nguyện và thông hiệp với Chúa.

Ông rất quan tâm hướng dẫn con cái việc cầu nguyện, sống trước sự hiện diện của Chúa, kết hiệp với Chúa, thực hành các việc bác ái và hy sinh hãm mình đền tội. Còn bà Khả, tuy bản tính hiền hậu dịu dàng, nhưng thường rất nghiêm khắc sửa dạy mỗi khi con cái không trả lời suôn sẻ các câu hỏi về giáo lý.

Sau ngày từ bỏ quan trường, ngoài việc chăm lo nuôi dạy con cái, ông còn quan tâm thực hiện các sinh hoạt văn hóa.

Một dịch phẩm nhan đề “Une ascension sur l’Ecran du Roi”, do ông dịch từ chữ Hán ra tiếng Pháp bài ngự chế “Bình lĩnh đăng cao” của vua Thiệu Trị sáng tác khi lên chơi núi Ngự Bình, được đăng trong số 2 Đô Thành Hiếu Cổ Tập San (Bulletin des Amis du Vieux Hué) năm 1916. Qua tiểu phẩm bằng Pháp văn này, chúng tỏ ông là một bậc thầy về tu từ học.⁽²⁰⁾

Lời nhận xét của ông Phó bảng Tiểu Cao Nguyễn Văn Mại, thân phụ linh mục Nguyễn Văn Thích, về ông Ngô Đình Khả thật quả xác đáng: “Kinh luân Nguyễn Trường ví, văn học Trương Vĩnh đồng” (*về phương diện trù hoạch và sắp đặt việc nước, cùng tài kinh bang tế thế của ông được ví như Nguyễn Trường Tộ, về phương diện văn chương học thuật, ông đồng hàng ngang sức với Trương Vĩnh Ký*).

Ngoài ra, trong cuốn sách nhan đề “Phép lịch sự An Nam” của linh mục Đominicô Hồ Ngọc Cẩn xuất bản tại Huế năm 1931, nơi phần Tiểu Dẫn ở đầu sách, tác giả (về sau là Giám mục Bùi Chu) có ghi: “*khi tôi toan dọn sách này thì lấy làm ái ngại vì có nhiều điều dầu kẻ lớn cũng chưa từng, như lễ phải giữ với Vua Chúa, quan quyền, v.v..., ai quen mới rõ. Vậy nên tôi xin c*

Michel Ngô Đình Khả, đang làm Lễ Bộ Thượng Thư lúc ấy, thì ngài dọn giùm mà gởi cho tôi một khi một ít, nhưt là các chương về lễ phép phải giữ với vua chúa, v.v... thì hầu hết là của ngài đã dọn. Ngài thật là một vị đã từng vào đền ra các, đã thạo cách ăn ở với đời, cho nên các điều ngài dạy về lễ nghi thì ta nên đem lòng tín phục.”⁽²¹⁾

Nếu đọc kỹ phần ông viết nơi mục thứ 7 của chương thứ II: “Lễ phải giữ với vua chúa quan quyền” (trang 46-47 sách “Phép lịch sự An Nam”), chúng ta thấy biểu lộ thật rõ tư cách quân tử hết sức quang minh chính đại của ông. Ông chỉ bảo cho người khác những gì ông đã thể hiện nơi chính bản thân mình: “*Tâu đối với vua, bầm thưa với quan quyền, hễ việc gì cho đích thật, có lợi ích mới khá, chớ đem việc dối trá mà tâu gởi. Chuyện gì còn nghi thì phải nói nghi, chưa rõ; chuyện gì can cập người ta, dẫu xấu tốt cũng chớ xuôi miệng nói ra, kéo hoặc sau sinh hại lớn ngăn trở không được. Chớ nghĩ rằng: kẻ lớn có của cải quyền thế, muốn xin gì thì xin. Thấy vua yêu quan chuộng chớ khá lấy đó mà thất lễ, hoặc cậy đó mà ích kỷ hại nhơn. Cái thói đam điểm gièm siểm với kẻ lớn là thói độc lắm, hại lẽ nghĩa đã rồi, lại ghe phen hại kẻ mình gièm siểm, hại kẻ lớn, lại hại đến mình nữa, ấy là thất lễ chí thậm. Phải biết lễ về kẻ lớn, chẳng những là cung kính, lại phải tỏ bụng trung thành. Trung là yêu vua chúa quan quyền vì ích chung, các đảng ấy là người chung, không nên vì ích riêng một mình mà nịnh tà, cầu cho thương một mình mình. Thành là thật bụng. Vua chúa quan quyền chức cao trọng, xem sóc nhiều việc mà xa kẻ bề dưới, biết từng người từng việc không xiết đặt, mình có bụng phỉnh phở lật vật thì dễ lắm lắm, mà lắm thì hại to. Vậy ai khéo chuốt ngót, lấy bộ lễ nghi mà nịnh là phỉnh gạt kẻ lớn, là đại thất lễ, xưa nay thiên hạ đều ghét thứ người ấy lắm.*”⁽²¹⁾

Ông Ngô Đình Khả linh cảm được ngày lìa đời của ông từ ba năm trước, nên đã nói điều ấy với các con và từ đó, hàng ngày ông đã lo chuẩn bị cho cuộc sống đời sau. Chiều ngày mùng ba Tết Quý Hợi, nhằm ngày 18-02-1923, ông qua đời, thọ 66 tuổi. Một sự ra đi vô cùng thánh thiện. Ông tỉnh táo đến giây phút cuối

cùng, ngỏ ý xin vị linh mục đến giúp ông trong giờ sau hết hãy phú dâng ông cho Đức Mẹ La Vang. Đức cha Allys đã chủ tế lễ an táng cho ông tại nhà thờ Chánh tòa Phủ Cam, có các thầy Đại Chủng viện Kim Long hát lễ.⁽²²⁾

Bà Ngô Đình Khả cho đến tuổi thượng thọ vẫn tỏ ra có một trí nhớ thông minh sáng suốt kỳ lạ. Về mặt phẩm hạnh, bà là một vị hiền mẫu thánh thiện, phúc hậu, giàu lòng bác ái và cần kiệm, sống một đời âm thầm, êm đềm và ôn nhu, trọn vẹn quên mình vì chồng con.

Trong việc dạy dỗ con cháu bà luôn nhỏ nhẹ, không bao giờ la rầy to tiếng hay dùng đến roi vọt. Với bà con xóm giềng, trước sau bà luôn giao du thân tình vui vẻ, bất phân cao hạ. Cùng kẻ ăn người ở trong nhà, bà luôn quan tâm thương yêu như con cháu ruột thịt. Tuy ở địa vị cao sang bà vẫn sống bình dị, không giao du đua đòi như lối sống của nhiều vị mệnh phụ thời bấy giờ.

Vào cuối thập niên 40 của thế kỷ XX, bà ngã bệnh và bị liệt nửa người, từ đó phải nằm một chỗ không đi lại được.

Đời bà cũng kết thúc trong âm thầm, lặng lẽ và khiêm tốn như cuộc sống của bà.

“Mẹ của tôi rất thánh thiện. Đó là tước hiệu rất đúng cho mẹ của tôi”. Ấy là lời Đức Tổng Giám mục Ngô Đình Thục tâm tình với cháu của mình, linh mục Nguyễn Văn Thuận.

Sau ngày đảo chánh 01-11-1963, bà Nguyễn Văn Âm, thân mẫu Đức Hồng y Nguyễn Văn Thuận, đưa bà vào Sài Gòn phụng dưỡng chăm sóc. Bà qua đời tại Sài Gòn ngày 02-01-1964, sau ông 41 năm.



Bà Ngô Đình Khả qua đời tại Sài Gòn ngày 02-01-1964. Ảnh do bà Nguyễn Thị Thu Hồng cung cấp.

Năm 1938, Đức cha Ngô Đình Thục được tấn phong Giám mục. Ngày ngày từ biệt Huế lên đường đi Vĩnh Long nhậm chức, thân phụ linh mục Sảng Đình Nguyễn Văn Thích là cụ Phó Bảng Tiều Cao Nguyễn Văn Mai, Thượng Thư hưu trí, đồng liêu của cụ Ngô Đình Khả, có viết **Mấy lời tiễn chân Đức cha Ngô Đình Thục** rất cảm động.

Dưới đây là bản dịch từ Hán văn của cha Thích:

*Mênh mông đạo như biển,
Mà học có bến bờ,
Đất phước sinh quả lành
Nhà Ngài ai dám sánh ?
Nhớ xưa tiên tướng công,
Khảng khái một tấm lòng.
Kính luân Nguyễn Trường ví,*

*Văn học Trương Vĩnh đồng
Muốn đề huề Pháp Việt,
Tân học trường khai thiết;
Hủ, cừu, tôi bắt tài,
Được đồng thời chung việc,
Khiến một buổi anh tài,
Nửa vàng, tía ngày nay,
Trông người ơn thừa lại,
Năm con tiếng nổi đời.
Long mã đồ còn đó,
Tuyết sương đà mấy độ,
Việc trước bốn mươi năm,
Nhắc thêm lòng chạnh nhớ.
Ơn Chúa đoái Ngài rày,
Muôn dặm cánh bằng bay,
Phương trời trông vợi vợi,
Lan cúc ngậm ngùi thay.
Bắt tay Ngài tiễn biệt,
Đầy vơi dòng nước biếc...
Sảng Đình phụng dịch.⁽²³⁾*



Bà cố Ngô Đình Khả trong ngày mừng ba Tết năm 1961 với con cháu. Hàng sau, từ trái sang phải: ông Ngô Đình Nhu, ông Ngô Đình Diệm, TGM Ngô Đình Thục, bà Ngô Đình Thị Hiệp, bà Ngô Đình Nhu, ông Ngô Đình Cẩn, ông Ngô Đình Luyện, ông Nguyễn Văn Ấm. Hàng trước từ trái sang phải: Ngô Đình Trác, Ngô Đình Quỳnh, bà cố Ngô Đình Khả, Ngô Đình Lệ Quyên, Ngô Đình Lệ Thủy. Ảnh do bà Nguyễn Thị Thu Hồng cung cấp.

Đôi chi tiết về các người con của ông bà Ngô Đình Khả

Ông bà Ngô Đình Khả sinh hạ được 11 người con, tất cả đều được sinh ra và rửa tội tại giáo xứ Phủ Cam: Trưởng nam là ông Ngô Đình Khôi, kế đó trưởng nữ là bà Ngô Đình Thị Giao, rồi đến hai người con trai chết khi còn nhỏ là cậu Ngô Đình Trác và cậu Ngô Đình Quỳnh. (Sau này ông Ngô Đình Nhu đã lấy tên hai người anh của mình đã qua đời sớm đặt tên cho hai người con trai của ông). Tiếp theo là Đức Tổng Giám mục Phêrô Martinô Ngô Đình Thục, Tổng thống Ngô Đình Diệm, bà Ngô Đình Thị Hiệp

(sau này là thân mẫu ĐHY Nguyễn Văn Thuận), bà Ngô Đình Thị Hoàng, ông Ngô Đình Nhu, ông Ngô Đình Cẩn và người con út là ông Ngô Đình Luyện.

Ông Phaolô Ngô Đình Khôi sinh ngày 30-8-1890 tại Phủ Cam, được rửa tội tại nhà thờ Phủ Cam ngày 01-9-1890 do cha sở Phủ Cam là linh mục thừa sai E.Allys (Cổ Lý), bọ đỡ đầu là ông Phaolô Lựu.

Bà Elisabeth Ngô Đình Thị Giao sinh ngày 17-5-1894 tại Phủ Cam, được rửa tội tại nhà thờ Phủ cam ngày 20-5-1894 do cha sở Phủ Cam là linh mục thừa sai E.Allys (Cổ Lý), vú đỡ đầu là bà Elisabeth Lê Thị Trinh, vợ ông Đốc phủ sứ Trần Văn Bàu. Bà Giao lãnh nhận bí tích hôn phối với ông Trương Đình Tùng vào ngày 04-3-1912 do linh mục chánh xứ Phủ Cam François Antoine Stoeffler (Cổ Thê) chứng hôn.

Đức Tổng Giám mục Phêrô Ngô Đình Thục sinh ngày 06-10-1897 tại Phủ Cam, được rửa tội tại nhà thờ Phủ Cam ngày 09-10-1897 do cha sở Phủ Cam là linh mục thừa sai E.Allys (Cổ Lý), bọ đỡ đầu là cụ Phêrô Nguyễn Hữu Bài, cụ chủng sinh Tiểu Chủng viện An Ninh.

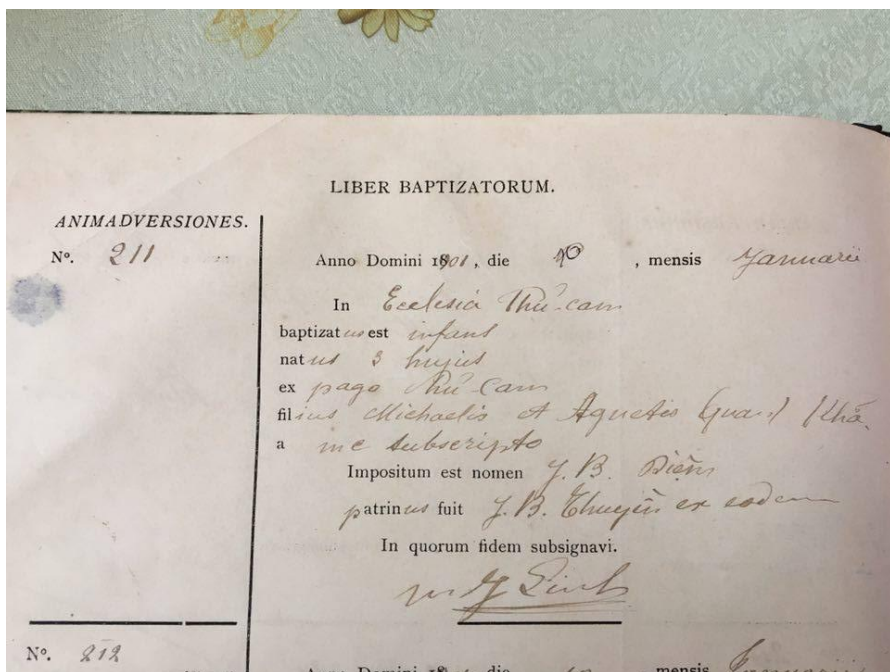
Ông Gioan Baotixita Ngô Đình Diệm sinh ngày 03-01-1901 tại Phủ Cam, được rửa tội tại nhà thờ Phủ Cam ngày 10-01-1901 do cha phó Phủ Cam Giuse Nguyễn Văn Linh, bọ đỡ đầu là hoàng thân Huỳnh Thuyền.

Hoàng thân là cháu nội vua Minh Mạng, con thứ năm của hoàng tử Trần Biên Quận Công Miên Thanh (1830-1877), vị hoàng tử thứ 51 của vua Minh Mạng.

Nguyên vì đời vua Hiếu Vũ bên Trung Hoa hiếm con trai, hễ sinh hoàng nam thì kiêng cử, không được gọi là “ông”, mà phải gọi là “mệ” như phái nữ. Vì vậy, trong gia đình, con cháu phái nam của các ông hoàng bà chúa triều nhà Nguyễn đều được kêu là “mệ”.

Mệ Huỳnh Thuyền là một vị hoàng thân thông minh hiếu

học, sau khi tốt nghiệp thủ khoa trường Quốc Tử Giám, mẹ tham dự vào quan trường vào cuối đời vua Tự Đức. Sau khi lập gia đình, gặp cảnh liên tục 3 con thơ từ trần, lại là lúc triều đình nhiều nhương, nên mẹ buồn chán, rũ áo từ quan. Tuy thân phận cảnh vàng lá ngọc, nhưng mẹ không thích cảnh giàu sang, mà ưa lối sống chiêm niệm, nên vào tu ở chùa Tường Vân và Từ Hiếu. Một thời gian sau, mẹ xây dựng một ngôi chùa riêng lấy tên là Thiên Hòa, và làm một ngôi nhà bên cạnh chùa để gia đình trú ngụ. Mỗi giờ tụng kinh, ba con trai của mẹ là các công tử Ứng Lang, Ứng Độ và Ứng Trạo gõ mõ cho mẹ tụng kinh. Mẹ ăn chay trường khắc khổ.



Sở rửa tội của Cụ JB Ngô Đình Diệm, bộ đỡ đầu là hoàng thân JB
Hùng Thuyền.

Thời đó, Đức cha Louis Caspar (Lộc), một vị Giám mục tinh thông nho học, thường khi dạo chơi vùng đồi núi gần đàn Nam Giao, hay ghé vào chùa đàm đạo với mẹ. Ngài đưa tặng mẹ

cuốn sách “Khinh Thế Kim Thor”, đó là bản chữ nhỏ sách “Theo Gương Chúa Giêsu” (De Imitatione Christi). Mẹ vui mừng đón nhận sách rồi ngày đêm đọc, nghiền ngẫm, suy tư.

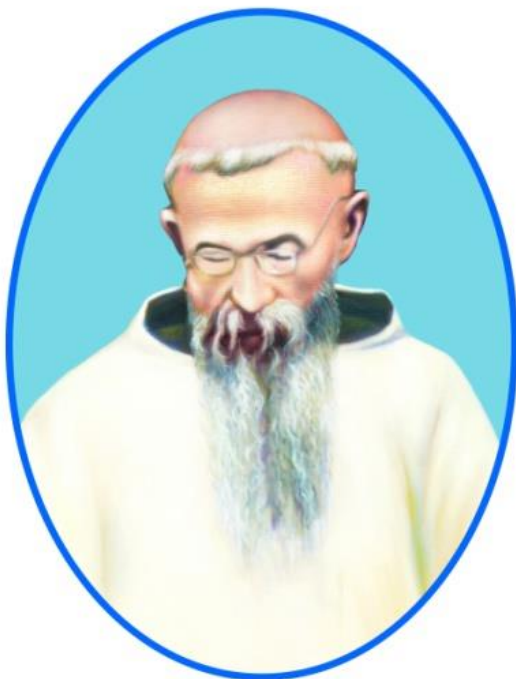
Nhờ ơn Chúa Thánh Thần soi sáng, và sau nhiều lần đàm đạo trao đổi với Đức cha, mẹ dần dần ngộ ra chân lý của Kitô giáo. Mẹ ngộ ý với Đức cha Caspar xin theo đạo. Đức cha Lộc liền sắp đặt cho mẹ và cả gia đình học giáo lý rất chu đáo. Gia đình mẹ đến cư trú tại Phủ Cam từ lúc đó. Vào ngày 31-5-1892, cả gia đình mẹ được Đức cha Louis Caspar ban bí tích thánh tẩy thật long trọng tại nhà thờ chánh tòa Phủ Cam.

Cha sở E. Allys kể lại rằng: Sau khi nhận phép thánh tẩy, mẹ Hoàng Thuyền đã thưa với ngài rằng: *"Phần con, cả gia đình và bà con ruột thịt, chúng con đã đến với cha để được làm Kitô hữu, cho dầu chúng con tất cả phải bị kết án tử hình, thì chúng con chỉ về lại nhà sau khi chúng con đã được rửa tội."*

Triều đình Huế được tin mẹ Hoàng Thuyền theo Công giáo, nên đòi vào chất vấn, hỏi rằng có phải ý muốn theo đạo để được làm vua chăng? Mẹ trả lời: chỉ vì tìm được chánh đạo, nên theo mà thôi. Tuy nhiên, vịn cớ theo đạo bỏ không thờ phụng ông bà, là tội đại bất hiếu, nên triều đình giáng mẹ xuống hàng Tôn Thất và cắt hết bổng lộc, đến hai năm sau mới được phục hồi như cũ.

Từ ngày trở thành Kitô hữu, mẹ Hoàng Thuyền và toàn thể gia đình luôn thể hiện một cuộc sống đạo toàn tâm toàn ý, rất sốt sắng thánh thiện và nhiệt thành trong việc truyền giáo, được hàng giáo phẩm và bà con giáo dân Giáo phận Huế tôn trọng và ngưỡng mộ.

Trong thời gian từ năm 1908-1913 Cố Thuận (RP. Henri Denis, về sau là đảng Tổ phụ sáng lập Hội dòng khổ tu Xitô Thánh Gia Việt Nam) làm cha sở Nước Mặn tức là Giáo xứ Thừa Lưu bây giờ, mẹ Hoàng Thuyền đã đến ở đó, sống nghèo khó, tích cực cộng tác với ngài trong việc truyền giáo, đồng thời giúp ngài học tiếng Việt.



RP. BENEDICT THUẬN
(Henri Denis)

Năm 1918, Cố Thuận lập dòng Khổ tu Xitô tại Phước Sơn, Quảng Trị. Trong hoàn cảnh phu nhân đã qua đời, nên mẹ tình nguyện đến Phước Sơn xin vào tu. Theo danh sách của Dòng, thì Mẹ Hường Thuyền đứng vào thứ chín. Song tiếc thay, thân già sức yếu, không kham nổi cuộc sống nhiệm nhặt, lại thêm tu viện Phước Sơn ở vào nơi đầy sơn lam chướng khí, nên mẹ đau yếu luôn, lại mắc bệnh sốt rét, đành phải lui bước trở về nhà đi bệnh viện điều trị.

Bệnh tình ngày một trầm trọng. Đến khi lâm bệnh nặng, mẹ phải liệt giường gần một năm, thì Cố Thuận mỗi khi từ Phước Sơn vào Huế đều đến thăm viếng an ủi. Mẹ sống với gia đình con trai út là ông Ứng Trạo tại Phú Cam và còn mang thêm bệnh ung

thư cuồng hộng, đau nhức vô cùng. Bác sĩ Bougier từng sự tại bệnh viện Huế được gia đình mời đến chữa trị, bảo rằng bệnh tình của mẹ vô phương cứu chữa, trước sau cũng chết mà thôi và đề nghị nên để mẹ dùng một liều thuốc để qua đời cho êm ái. Nghe vậy, mẹ dứt khoát từ chối, nói rằng: *“người công giáo không nên làm như vậy, mà phải vâng theo thánh ý Chúa, vui lòng chấp nhận các đau đớn thể xác, để đền tội và dọn mình chết lành”*. Mẹ Hoàng Thuyền đã qua đời một cách bình an và thánh thiện vào ngày 5-11-1920. ⁽²⁴⁾

Đức Giám mục E.Allys đã viết về hoàng thân Hoàng Thuyền như sau:

“Từ ngày được rửa tội, ông không bao giờ đi lệch khỏi con đường mình đã dẫn thân vào. Không có bất cứ niềm vui, lao nhọc, bệnh tật nào làm biến dạng đi lối sống của ông, và làm suy giảm đi sự từng phục hoàn toàn của ông trước thánh ý Chúa. Ông xưng tội hàng tuần, ông rước lễ hàng ngày, chuyên cần viếng Thánh Thể mỗi ngày, và tự nguyện ăn chay thường xuyên, với nhiều hy sinh hãm mình khác.

Để ngày càng thanh luyện tâm hồn đẹp đẽ này và kiến tạo cho ông một phần thưởng dồi dào hơn, Chúa nhân lành đã để cho ông trong những thời gian cuối đời chịu thêm những đau khổ thể xác và tinh thần. Ông chịu đựng tất cả không bao giờ than trách và ông đã trút linh hồn trong an bình.

Nếu trong gần 30 năm, đời sống hoàn hảo của vị hoàng thân này đã là một đề tài ca ngợi và cảm hoá, thì đám tang của ông đã mang đặc tính của một cuộc kết thúc huy hoàng. Dầu thời tiết xấu, một đám đông đáng kể, gồm cả Kitô hữu lẫn lương dân, sau khi đã dự thánh lễ an táng trọng thể và nghi thức phó dâng và từ biệt lần cuối do Đức Giám mục Đại diện Tông tòa Giáo phận Huế chủ sự, đã đi theo linh cửu ông cho đến nơi chôn cất. Trong số những người tham dự đông đảo đó, người ta thấy ngoài hàng giáo sĩ, các chức sắc họ đạo Phủ Cam và các giáo xứ lân cận, còn có vị hoàng thân đứng đầu Tôn Nhân Phủ, các đại diện của các vị

Thương Thư Triều đình Việt Nam và quan Thừa Thiên Phủ Doãn. Quan Lại bộ Thượng thư Nguyễn Hữu Bài hiện diện để bày tỏ lòng quý chuộng và cảm phục người quá cố; tất cả mọi người lương giáo đều nói đi nói lại với nhau rằng: người quá cố là hoàng thân Thuyền không thể nào được ca ngợi cho xứng, vì ông vượt trên mọi lời ca tụng.

Vua Minh Mạng và hai người kế vị ông đã bách hại những người Kitô hữu một cách dữ dội, Thiên Chúa báo oán như một vị Chúa nhân lành, đã làm cho một phần tử trong Hoàng gia thành một người Kitô hữu chẳng sợ hãi cũng chẳng hèn trách, được tôn kính ngang hàng một vị thánh!”. (Đức Giám mục Allys. Chuyển ngữ từ nguyên văn tiếng Pháp bản Báo cáo Thường niên năm 1921 gửi Hội Truyền giáo Hải ngoại Paris)⁽²⁵⁾

Đức cha Allys ghi nhận rằng hoàng thân Hường Thuyền “được tôn kính như một vị thánh”. Riêng Đức Hồng y Thuận cũng thường nói với nhiều người rằng: Mẹ là một thánh nhân.

Nhiều cháu nội của Mẹ được Chúa thương, chọn làm linh mục và tu sĩ: linh mục **Bửu Đồng**; linh mục **Bửu Hiệp**; đan sĩ **Bửu Đào** Dòng Biển Đức Thiên An; nữ tu **Công Tăng Tôn Nữ Thị Trước** Dòng Con Đức Mẹ Vô Nhiễm Phú Xuân; nữ tu **Công Tăng Tôn Nữ Thị Ngọc Lý** Dòng Cát Minh Thanh Hóa; nữ tu **Công Tăng Tôn Nữ Thị Luyện** Dòng Con Đức Mẹ Vô Nhiễm Phú Xuân; nữ tu **Công Tăng Tôn Nữ Tuyệt Diệu** Dòng Con Đức Mẹ Đì Viêng; nữ tu **Công Tăng Tôn Nữ Thị Khương** Dòng Mến Thánh Giá Huế.

Giữa cụ Ngô Đình Khả và mẹ Hường Thuyền luôn có một niềm tương kính rất sâu đậm. Năm 1901, cụ Ngô Đình Khả đã xin mẹ làm bộ đồ đầu rửa tội cho ông Ngô Đình Diệm, rồi đến 1910 cụ lại xin mẹ làm bộ đồ đầu rửa tội cho ông Ngô Đình Cẩn, chứng tỏ mối thâm tình và lòng quý mến lẫn nhau giữa hai cụ rất thấm thiết và bền chặt.

Qua hôn nhân của ông bà Ứng Độ và ông bà Ứng Trạo, chúng ta thấy Mẹ Hường Thuyền còn là thông gia của cụ Nguyễn

Văn Vọng (ông nội của Đức Hồng y Phanxicô Xaviê) và cụ Hồ Văn Tháp (cụ Tháp là cháu ngoại của Thánh Tử đạo Tổng Viết Bường và là ông ngoại của các linh mục Bửu Đồng, Bửu Hiệp).



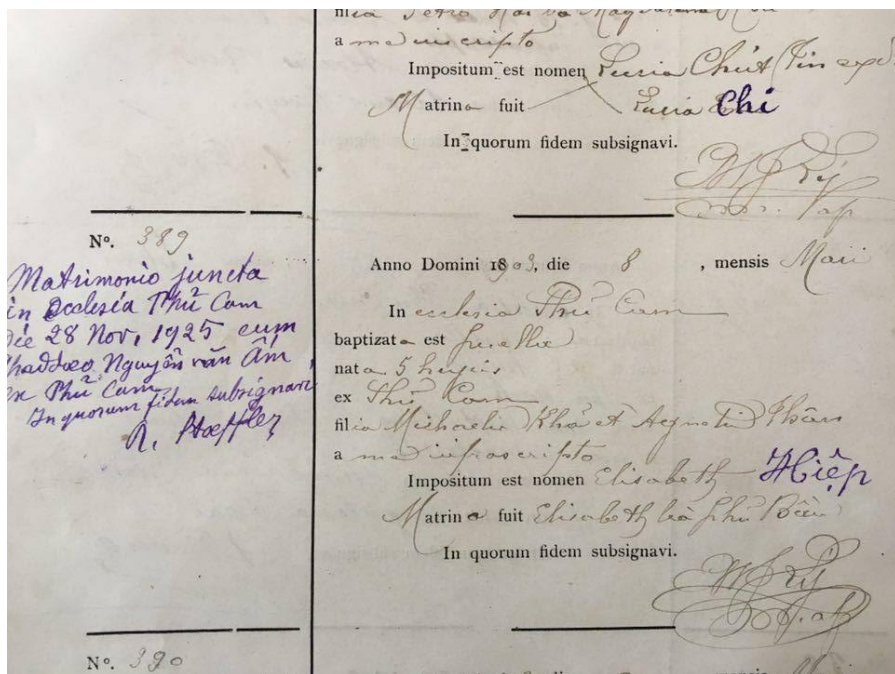
Hoàng thân Hoàng Thuyền

Về sau, vào năm 1919, ông bà Ứng Độ lại xin ông Ngô Đình Diệm làm bộ đỡ đầu rửa tội cho con trai mới sinh là cậu Bửu Tề.

Bà Elisabeth Ngô Đình Thị Hiệp sinh ngày 05-5-1903 tại Phủ Cam, được rửa tội tại nhà thờ Phủ Cam ngày 08-5-1903 do cha sở Phủ Cam là linh mục thừa sai E.Allys (Cố Lý), vú đỡ đầu là bà Elisabeth Lê Thị Trinh. Bà Hiệp lãnh nhận bí tích hôn phối với ông Tadeô Nguyễn Văn Ấm vào ngày 28-11-1925 do linh mục chánh xứ Phủ Cam François Antoine Stoeffler (Cố Thê) chứng hôn.

Cuối thời vua Tự Đức, ông Đốc Phủ Sứ Trần Văn Bàu, con trai của Thánh Tử đạo Phaolô Trần Văn Hạnh (1827-1859) từ Sài Gòn được chuyển ra làm việc tại Huế. Ông Phủ Bàu đưa

vợ là bà Elisabeth Lê Thị Trinh (gốc giáo xứ Chợ Quán) và hai con theo, đến cư ngụ tại giáo xứ Phú Cam. Tại đây, vào năm 1882, hai ông bà đã sinh hạ người con thứ ba là Giuse Trần Văn Trang, về sau là linh mục Giáo phận Huế, sáng lập Hội Dòng Con Đức Mẹ Đi Viếng.



Sổ Rửa tội và Hôn phối của bà Ngô Đình Thị Hiệp, thân mẫu Đức Hồng y

Thời ấy, vì cùng là những tín hữu Công giáo thuần thành đạo đức thuộc giới thượng lưu trí thức trong hàng quan lại ở Huế, cùng cư ngụ tại giáo xứ Phú Cam, và tiền nhân của họ đều là những vị anh hùng tử đạo, cho nên sự liên hệ giữa hai gia đình cụ Thượng Thư Ngô Đình Khả và cụ Đốc Phủ Sứ Trần Văn Bàu luôn hết sức mật thiết. Vì vậy, cụ Thượng Thư Khả đã ngỏ ý xin Bà Đốc Phủ Bàu làm vú đỡ đầu rửa tội cho hai người con gái của mình là bà Ngô Đình Thị Giao và Ngô Đình Thị Hiệp. Ngoài ra cha Trần Văn Trang và Đức cha Ngô Đình Thục còn là hai anh em

linh tông do cả hai vị đều là nghĩa tử của Đức cha E.Allys làm cho hai gia đình càng trở nên khắng khít.

Bà Anna Ngô Đình Thị Hoàng sinh ngày 10-11-1904 tại Phủ Cam, được rửa tội tại nhà thờ Phủ Cam ngày 13-11-1904 do cha sở Phủ Cam là linh mục thừa sai E.Allys (Cổ Lý), vú đỡ đầu là bà Anna Bộ Hòe. Ngày 21-11-1927, bà Ngô Đình Thị Hoàng đã thành hôn với ông Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Lễ tại nhà thờ Phủ Cam do linh mục chánh xứ François Antoine Stoeffler (Cổ Thê) chứng hôn. Ông Lễ là con trai cụ Nguyễn Văn Nghi, em ruột ông nội Đức Hồng y là cụ Nguyễn Văn Diêu.

Ông Giacôbê Ngô Đình Nhu sinh ngày 07-10-1907 tại Phủ Cam, được rửa tội tại nhà thờ Phủ Cam ngày 10-10-1907 do cha sở Phủ Cam là linh mục thừa sai E.Allys (Cổ Lý), bố đỡ đầu là ông Giacôbê Hồ Văn Tháp, cháu ngoại của Thánh Tử đạo Tổng Viết Bường và là ông ngoại của các linh mục Bửu Đồng và Bửu Hiệp.

Bà Tổng Thị Dạm là trưởng nữ của Thánh Tử Đạo Tổng Viết Bường. Bà Dạm kết hôn với ông Hồ Văn Châu. Hai ông bà sinh hạ:

Ông Giacôbê Hồ Văn Tháp (1858-1916). Ông Hồ Văn Tháp kết hôn với bà Lê Thị Trọn. Hai ông bà sinh ra nhiều con, trong đó có người con thứ ba là bà Hồ Thị Nguyệt.

Bà Hồ Thị Nguyệt kết hôn với cụ Ứng Trạo con út mẹ Hường Thuyền. Hai ông bà Ứng Trạo sinh được 16 người con (7 trai, 9 gái) trong đó có 2 linh mục và 3 nữ tu, trưởng nam là linh mục Bửu Đồng, con thứ ba là linh mục Bửu Hiệp.

Bà Nguyễn Thị Lạc, con gái cụ Nguyễn Văn Vọng, kết hôn với cụ Ứng Đệ, thứ nam mẹ Hường Thuyền. Hai ông bà Ứng Đệ sinh được 10 người con, trong đó có ông Bửu Tề là con đỡ đầu rửa tội của cụ Ngô Đình Diệm.

Về ngày sinh của ông Nhu trong Sổ Rửa Tội số 207, năm 1907 của giáo xứ Phủ Cam được linh mục E.Allys ghi là ngày 07-

10-1907. Nhưng trong sách **La République du Việt Nam et les Ngô Đình** của các tác giả Ngô Đình Quỳnh, Ngô Đình Lệ Quyên và Jacqueline Willemetz thì ông Nhu sinh ngày 07-10-1910. Trong một số tài liệu khác, và cả cuốn “**Souverains et Notabilités d’Indochine**” do nhà xuất bản Phủ Toàn Quyền Đông Dương (Editions du Gouvernement de l’Indochine) xuất bản năm 1943, tại trang 62 và 63 cũng ghi: “M. Ngô Đình Nhu, archiviste paléographe, né en 1910 à Phước Quả (Thừa Thiên, Annam)”.

Lý giải về điều này, chúng tôi nghĩ rằng cuốn “Souverains et Notabilités d’Indochine” do chính Phủ Toàn Quyền Đông Dương xuất bản năm 1943, trong đó ghi tiểu sử 452 nhân vật thuộc hàng thượng lưu danh giá nhất được chọn lọc trong xã hội Đông Dương thời bấy giờ, như hoàng gia Việt, Miên, Lào, các quan lại cao cấp như Thượng thư, Tổng đốc, Tuần vũ, Đốc Phủ sứ, các sĩ quan người bản xứ trong quân đội Pháp, một vài hoàng thân Miên Lào, một số vị trí thức khoa bảng lớn, một số danh sĩ có tiếng, 4 giám mục Việt Nam và một vài vị đứng đầu hàng giáo phẩm Phật giáo, Miên, Lào. Riêng nhà Ngô thì có tên 4 anh em ruột (ông Khôi, Đức cha Thục, ông Nhu và ông Luyện).

Thời Pháp thuộc, khi soạn thảo những tài liệu quan trọng như vậy (Kỷ Yếu, Niên Giám, v.v...) thì ban biên tập tại Phủ Toàn Quyền không bao giờ dám tự ý đưa những chi tiết họ đã sưu tập được về cá nhân của từng vị vào trong tài liệu đó, mà chắc chắn ban biên tập đã cẩn thận liên hệ với từng vị để xin cung cấp tiểu sử của mình. Trước khi in ra ban biên tập cũng phải trình qua cho mỗi vị đọc lại để xem có chi tiết gì cần thêm bớt không, để tránh mọi sai sót, rồi sau đó mới in ra. Do đó, có thể khẳng định rằng: những chi tiết về ông Nhu trong quyển Souverains et Notabilités d’Indochine là do chính ông Nhu viết ra. Vậy có thể kết luận: năm sinh 1910 là do ông Nhu chọn, và chi tiết này về sau cũng được các người con của ông tôn trọng.

Riêng đối với người Công giáo, mỗi khi lãnh nhận bí tích Rửa tội ở giáo xứ nào thì vị chính vị linh mục ban bí tích ghi vào

sở Rửa tội của giáo xứ đó. Điều này không thể nào có sự nhầm lẫn.

Tuy nhiên, vào thời Pháp thuộc cũng như thời Đệ nhất và Đệ nhị Cộng Hòa, khi nộp giấy khai sinh để đi học hay dự thi, thường người ta khai các chi tiết lý lịch như tên, tuổi tùy theo sự thuận tiện và ý thích của riêng mình. Có thể ông Nhu ở vào trường hợp này.

Ông Ngô Đình Nhu thành hôn với bà Trần Lệ Xuân ngày 30-4-1943 tại nhà thờ chánh tòa Hà Nội.

Ông Gioan Baotixita Ngô Đình Cẩn sinh ngày 01-11-1910 tại Phủ Cam, được rửa tội tại nhà thờ Phủ Cam ngày 05-11-1910 do cha sở Phủ Cam là linh mục thừa sai François Antoine Stoeffler (Cố Thế), bố đỡ đầu là mẹ Hoàng Thuyên.

Ông Micae Ngô Đình Luyện sinh ngày 12-3-1914 tại Phủ Cam, được rửa tội tại nhà thờ Phủ Cam ngày 14-3-1914 do cha sở Phủ Cam là linh mục thừa sai François Antoine Stoeffler (Cố Thế), bố đỡ đầu là ông Micae Nguyễn Văn Củ. Ông Luyện thành hôn với bà Lucia Nguyễn Thị Danh vào ngày 10-5-1941 tại nhà thờ Jeanne d'Arc ở Chợ Lớn. Sau khi bà Danh qua đời, ông tái hôn với bà Maria Nguyễn Phước Hạnh, lễ hôn phối cử hành ngày 30-7-1951 tại nhà thờ St François Xavier ở Paris.

Từ thập niên 30 của thế kỷ XX đến nay, những người con trai của ông bà Ngô Đình Khả đều trở nên những nhân vật nổi tiếng của lịch sử Việt Nam.

Có vô số lời bình phẩm và đánh giá họ. Nhưng có một lời bình phẩm đặc biệt được nhiều người chú ý, đó là lời nhận xét của ông Trần Quốc Hương, tức Mười Hương. Ông tên thật là Trần Ngọc Ban, đã gia nhập Đảng CSVN từ năm 1943, từng chỉ huy các hoạt động điệp báo tại miền Nam trước 1975; và từ năm 1976 đến năm 1991, là cấp trên trực tiếp của các nhà tình báo cộng sản:

Vũ Ngọc Nhạ, Phạm Ngọc Thảo, Phạm Xuân Ẩn. Ông là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam liên tục các khóa IV, V và VI, Bí thư Trung ương Đảng và Trưởng ban Nội chính Trung ương.

Trong cuốn **“Trần Quốc Hương, người chỉ huy tình báo”** tác giả Nguyễn Thị Ngọc Hải có ghi lại nhận xét của ông như sau: *“Anh em họ Ngô không bơi sữa, ăn chơi như đám Tâm, Hữu, những tên thủ tướng được dựng lên. Nhà Ngô tự hào là dân tộc Việt Nam, yêu nước, những biểu hiện sinh hoạt của họ không phải không có nhiều người ngưỡng mộ. Họ không ăn chơi đàng điếm mà thích ăn vặt kiểu Huế. Thích nhất món cá tràu kho dừa. Sinh hoạt kiểu Á Đông... quần áo lót tự giặt lấy, cho đó là đồ riêng, không để người khác giặt... Người hầu cận buổi sáng sớm pha trà được ông Diệm kêu đến cho một chén. Vì thế ông Diệm cũng có nhiều người thân tín, dám xả thân... Không tán thành Pháp, ông Diệm treo án tử quan lúc làm thượng thư Bộ Lại.”*⁽²⁶⁾

Trong thế kỷ XIX, hai gia tộc nội và ngoại của Đức Hồng y đã từ nơi khác đến cư ngụ tại giáo xứ Phủ Cam. Nội tộc thì từ Trí Buru đến vào đầu thế kỷ, còn ngoại tộc thì từ Đại Phong đến vào cuối thế kỷ, và đều đã tìm được ở Phủ Cam một nơi đất lành. Đúng vậy, đất lành thì chim đậu.

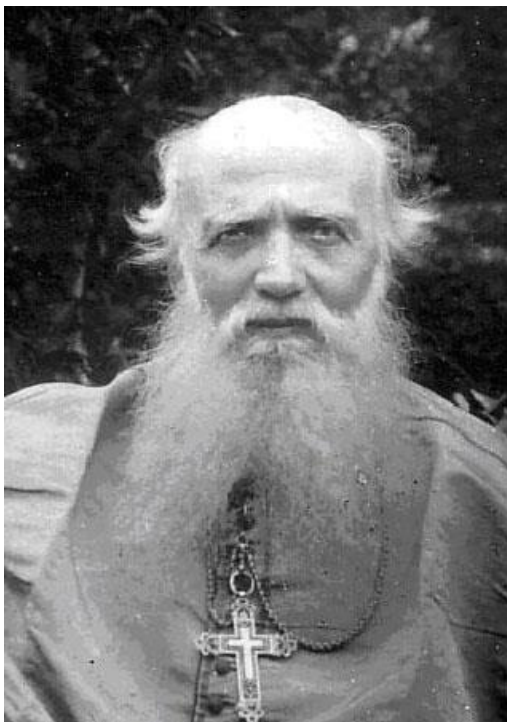
Giáo xứ Phủ Cam được thừa sai Pierre Langlois thuộc Hội Truyền giáo Hải ngoại Paris (MEP) thành lập từ năm 1682. Ngày ấy, nơi đây có tên là Đồi Đá, vốn dành cho các ông hoàng lập phủ, có trồng nhiều cam. Cha Langlois mua đất tại đó và quy tập các giáo dân nghèo vùng Thuận Hóa về ở, chia đất cho họ làm nhà, và bày cách làm nón để họ có kế sinh nhai. Qua mấy thế kỷ, tuy Phủ Cam đã chịu nhiều gian truân, bách hại, nhưng đã luôn kiên vững và trưởng thành.



Nhà thờ Phủ Cam xưa do linh mục chánh xứ E.M.J.Allys khởi công xây dựng năm 1898, đến năm 1902 mới hoàn thành. Tại đây ông bà Nguyễn Văn Ám đã lãnh nhận bí tích hôn phối năm 1925 và cũng là nơi tất cả các con cái của ông bà đã lãnh nhận bí tích Thánh tẩy, Rửa lễ lần đầu và Thêm sức.

Đức cha Allys, nguyên chánh xứ Phủ Cam suốt 23 năm, từ năm 1885 đến năm 1908, cũng là Giám mục Giáo phận Huế từ năm 1908 đến năm 1936, vị mục tử có sự liên hệ rất mật thiết với các vị trưởng thượng trong nội tộc lẫn ngoại tộc của Đức Hồng Y Phanxicô Xaviê, nhất là cụ Nguyễn Văn Vọng và cụ Ngô Đình Khả đã nhận xét: “*Giáo xứ Phủ Cam có một đặc điểm là gồm người tứ phương. Ít nữa là hai phần ba dân cư đã đến từ khắp nơi, ngay cả từ Nam Kỳ và Bắc Kỳ. Dầu khác biệt gốc gác như thế, giáo dân Phủ Cam luôn sống trong an hòa. Tôi nhớ rõ: họ không hề kiện cáo nhau trước mặt các quan lại hoặc các viên công sứ. Tinh thần thuận hòa đó đã lôi cuốn về Phủ Cam khá nhiều gia đình không tìm được sự yên tĩnh nơi khác và nhiều lương dân bị bách hại trong các làng mạc vì ước ao trở thành*

Kitô hữu. Cuối cùng, nhờ sự hiểu biết tốt đẹp với nhau giữa tất cả các dân cư, nên tinh thần đức tin ở đó rất sống động. Đây là một giáo xứ tuyệt vời và là nơi có số tín hữu tăng triển nhanh nhất của cả vùng truyền giáo.”⁽²⁷⁾



Đức Giám mục Eugène Marie Joseph Allys



Các con gái của cụ Ngô Đình Luyện tham dự Lễ Kết thúc Hồ sơ Ân phong Chân phước Đức HY PX Nguyễn Văn Thuận: Charlotte Luyen và Nicole Luyen (hình trái); Marie-Claude Luyen và phu quân Laurent Mialaret (hình phải). Ảnh do bà Nguyễn Thị Thu Hồng cung cấp.

Với các vị tổ tiên nội ngoại, Đức Hồng y có một niềm trân trọng đặc biệt. Trong bài giảng thứ nhất vào ngày 12-3-2000 trong tuần giảng tĩnh tâm cho Đức Thánh Cha và Giáo triều Rôma tại nhà nguyện Mẹ Đấng Cứu Thế ở Vatican, Đức Hồng y nói: “*Đối với chúng tôi, những người Á Châu, đặc biệt là đối với tôi là một người Việt Nam, việc tưởng nhớ các tiền nhân có một giá trị lớn lao. Theo văn hóa Việt Nam, trong niềm hiếu kính, chúng tôi vẫn giữ một cuốn gia phả trên bàn thờ gia đình. Chính tôi cũng được biết tên 15 thế hệ các tổ tiên của tôi, từ năm 1698, khi gia tộc tôi được lãnh nhận phép Thánh Tẩy. Qua gia phả chúng ta thấy rằng mình thuộc về một lịch sử rộng lớn hơn. Và chúng ta ý thức rõ hơn ý nghĩa lịch sử của mình...*”⁽²⁸⁾



Từ đường gia đình của ông bà cố Nguyễn Văn Ấm tại Phú Cam. Tại ngôi nhà này, Đức Hồng y Nguyễn Văn Thuận đã được sinh ra và lớn lên trong vòng tay yêu thương của bà nội và cha mẹ ngài.



Từ đường gia đình Đức Hồng y Phanxicô Xaviê tại Phú Cam

■ Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận. Trang 46

Đức Hồng y Phanxicô Xaviê trọn đời ghi lòng tạc dạ rằng tổ tiên và tiền nhân bên nội lẫn bên ngoại của ngài đều là các vị tử đạo: sống vì Chúa, chết vì Chúa. Trong những lúc phải lãnh nhận các đày đoạ về thể xác và tinh thần vì đức tin, chính nhờ niềm xác tín mình là hậu duệ của các đấng tử đạo, và với ơn Chúa ban, ngài đã tìm được một sức mạnh tinh thần để vượt thắng tất cả, luôn một lòng trung kiên với Thiên Chúa và Giáo Hội.

Ngài xác tín tổ tiên ông bà nội ngoại của ngài thực sự là những chứng nhân Tin Mừng đã trọn đời sống đạo và làm tông đồ, như lời ngài đã ghi trong thư gửi về Phủ Cam nhân ngày được ban tước vị Hồng y: *Riêng với bà con nội ngoại xa gần, tôi có lời ân cần thăm hỏi, và cầu chúc mọi phúc lành của Chúa cho mọi người, để sốt sắng sống đạo và làm tông đồ như ông bà chúng ta.*

---o0o---

Phần II:

GIA ĐÌNH

Đức Hồng y và các em được hưởng nhận một nền giáo dục rất tốt lành trong tuổi thơ ấu

Ông Tadêô Nguyễn Văn Âm sinh ngày 07-7-1900, qua đời ngày 01-7-1993. Bà Isave Ngô Đình Thị Hiệp sinh ngày 05-5-1903, qua đời ngày 27-01-2005. Hai ông bà đều sinh tại Huế và qua đời tại Úc.

Hai ông bà kết hôn vào ngày 28-11-1925 do linh mục chánh xứ Phủ Cam François Antoine Stoeffler (Cố Thê) chứng hôn.

Bà Isave là một tiểu thư con quan đại thần, nhưng rất khiêm tốn, hòa đồng, giản dị, từ tuổi nhỏ đã có một nếp sống thánh thiện, sớm tối kinh nguyện sốt sắng, cùng gia đình tham dự thánh lễ hằng ngày, nhiệt thành tham gia các công việc đạo đức, bác ái.

Hai ông bà sinh hạ được 9 người con: người con trai cả tên Nguyễn Văn Xuân bị dịch hạch mất vào tháng 10 năm 1927, lúc 2 tuổi, người thứ hai là Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận, kế tiếp là cô Nguyễn Thị Niêm, ông Nguyễn Linh Tuyên, ông Nguyễn Văn Thanh, cô Nguyễn Thị Hàm Tiểu, cô Nguyễn Thị Ánh Tuyết, cô Nguyễn Thị Thủy Tiên và sau cùng là cô Nguyễn Thị Thu Hồng.

Bà Thu Hồng, em gái của Đức Hồng y, kể lại: Gia đình rất buồn khi người con trai đầu lòng qua đời lúc lên 2 tuổi, nên cầu nguyện xin Chúa ban cho người con trai khác. Ngày 17 tháng 4 năm 1928 khi người con trai thứ hai chào đời, nội ngoại họp bàn và cùng đồng ý đặt tên Thuận, nghĩa là vâng theo thánh ý Chúa, dâng cho Chúa.

Cậu Thuận được linh mục thừa sai chánh xứ François Antoine Stoeffler (Cố Thê) ban bí tích thánh tẩy ngày 19 tháng 4 năm 1928 tại nhà thờ chánh tòa Phủ Cam, nhận thánh hiệu Phanxicô Xaviê. Cha đỡ đầu là ông Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Lễ, chú họ của cậu, và là chồng của dì ruột của cậu là bà Ngô

Đình Thị Hoàng.



Ông bà Nguyễn Văn Ám và ông bà nội của Đức Hồng y trong ngày thành hôn 28-11-1925. Ảnh do bà Nguyễn Thị Thu Hồng cung cấp.

Cha Stoeffler (Cố Thê) là một vị thừa sai đã có nhiều liên hệ mật thiết với gia đình của Đức Hồng y trong suốt 29 năm coi sóc giáo xứ Phú Cam (1908-1937) Chính ngài đã chứng hôn cho ông bà Nguyễn Văn Ám vào ngày 28-11-1925, sau đó đã rửa tội cho nhiều con cái của ông bà, lo lắng cho họ được học tập giáo lý đầy đủ, được rước lễ lần đầu và lãnh nhận bí tích thêm sức.

Linh mục François Antoine Stoeffler sinh ngày 02-01-1863 tại Krautergersheim, địa phận Strasbourg, tỉnh Bas-Rhin.

Ngày 07-09-1883, ngài nhập chủng viện Hội Thừa sai Hải ngoại khi còn là chủng sinh. Chịu phép Cắt tóc ngày 20-09-1884, các chức nhỏ ngày 27-09-1885, chức Năm ngày 26-09-1886, chức Sáu ngày 05-09-1887. Ngài thụ phong linh mục ngày 24-09-1887,

nhận bài sai đi địa phận Bắc Đàng Trong (Huế) và lên đường ngày 14-12-1887.

Đến Huế trình diện Đức Giám mục Giáo phận, ngài được sai đi Di Loan, ở với cha Barthélémy để học tiếng Việt và làm quen phong tục tập quán của đất nước. Năm 1890, ngài được giao phó nhiệm sở Diêm Tự và là cha sở đầu tiên. Họ đạo này hoàn toàn đạo mới. Cha Stoeffler hết sức yêu thương họ, có gì trong nhà ngài cũng đem chia sẻ cho những người nghèo hết, lương cũng như giáo, và cuối cùng ngài cũng sống nghèo như họ. Cho dầu những kết quả không xứng với nhiệt tình của ngài, nhưng đức tin vững chắc đã được vun trồng.

Vào tháng 09-1906, ngài đi Pháp, ở lại đó hơn một năm, rồi trở về Huế. Năm 1908, Đức cha Allys được nâng lên hàng Giám mục, rời giáo xứ Phủ Cam và chọn cha Stoeffler (Cổ Thê) làm người kế nhiệm. Giáo xứ này rất đông đúc, nên việc mục vụ bề bộn, lại cũng rất hỗn hợp, gồm những người mới theo đạo và những tín hữu lâu đời, những người tình trạng khiêm tốn và những công chức cũng như những quan chức thuộc mọi cấp bậc, cha Stoeffler trở nên mọi sự cho mọi người, trao hiến cho họ mọi thời gian.

Sắp đặt, trang bị, làm đẹp ngôi nhà thờ chính tòa của miền truyền giáo là một trong những môi quan tâm liên tục của ngài. Ngài mở rộng cung thánh với những ghế gỗ bao quanh, dựng một bàn thờ lớn, làm một ghế dựa chạm trổ, một tòa giảng, đặt một bàn quỳ rước lễ nghệ thuật. Ngài có được niềm vui thấy Đức cha Chabanon thánh hiến ngày 15-11-1931. Sau đó ngài khởi công xây nhà xứ, cao và rộng được hoàn tất vào giữa năm 1936. Ngài sắp vào ở thì bị đau nặng, phải rời công việc mục vụ hoạt động; ngài cũng từ chức hạt trưởng Bên Thủy và Bên Bộ rồi lui về Tòa Giám mục.

Ngày 02-06-1937 cha chính Urrutia, bề trên Tiểu Chủng viện An Ninh xuống tàu về Pháp để nghỉ phép, lúc đó Đức Giám mục giáo phận kêu gọi sự tận tâm của cha Stoeffler, đã 74 tuổi,

mặc dầu sức khỏe yếu kém, nhưng vẫn chấp nhận tạm thay cha chính Urrutia điều hành cơ sở này.

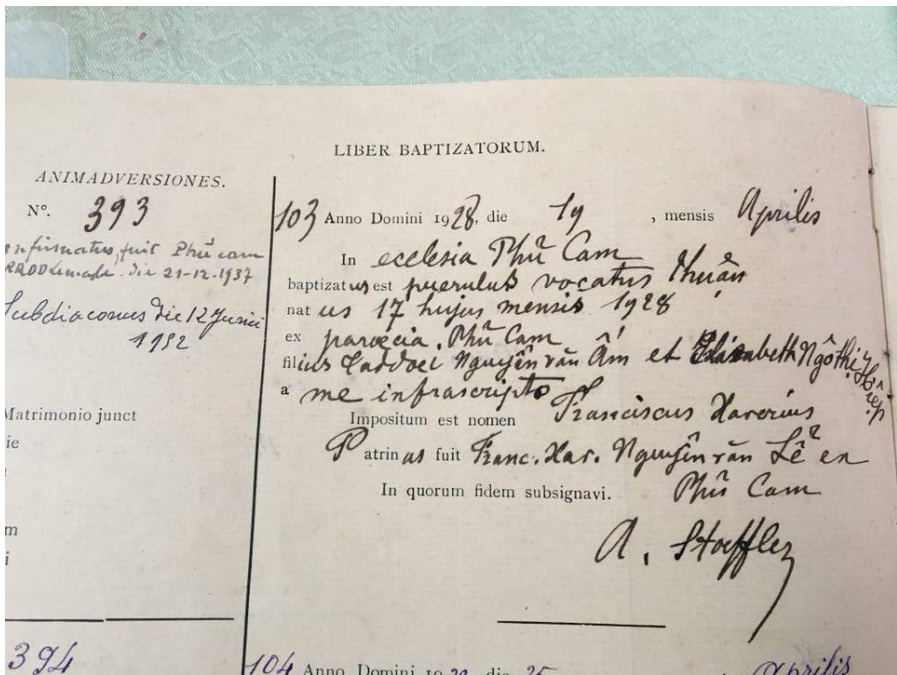
Chính tại Tiểu Chung viện An Ninh ngài đã cử hành lễ vàng linh mục của ngài vào ngày 24-09-1937. Năm 1938 ngài trùng tu cơ sở cũ kỹ được cha Girard xây dựng cách đó 50 năm và làm nên một ngôi nhà đẹp đẽ hoàn toàn mới và được sắp đặt tốt hơn. Ngày 08-11-1938 cha Urrutia trở về và nhận lại chức bề trên Tiểu Chung viện, cha Stoeffler lui về họ đạo nhỏ Tiên Nộn, gần thành phố Huế và ở đó cho đến khi qua đời.

Vào hạ tuần tháng 07-1940, bệnh tình trở nặng, ngài nhập bệnh viện Huế, cùng lúc với cha M.Maillebeau (Cổ Nhiệm). Cả hai vị thừa sai cùng nằm một phòng. Đến lúc mọi hy vọng chữa lành không còn, hai vị cùng nhau lãnh nhận các bí tích cuối cùng từ tay Đức cha Lemasle và rời bệnh viện để từ giã cõi đời, cha Stoeffler về tại nhà quản lý giáo phận, còn cha Maillebeau về lại giữa đoàn chiên ở Kẻ Vần và qua đời chiều ngày 10-09-1940. Còn cha Stoeffler mất vào sáng 11-09-1940.

Đám tang cha Stoeffler diễn ra ở giáo xứ Phủ Cam. Đức cha Lemasle cử hành thánh lễ an táng trọng thể, trước sự hiện diện của Đức Khâm Sứ Tòa Thánh với 40 linh mục. Chính quyền đương thời, cũng như rất đông người đã đến bày tỏ lòng tôn kính và ngưỡng mộ đối với vị thừa sai thánh thiện này. Tất cả đi theo ngài cho đến nghĩa địa dành cho hàng giáo sĩ của Phủ Cam.

Cho đến những ngày cuối đời, Đức Hồng y Phanxicô Xaviê vẫn luôn nhắc đến linh mục thừa sai François Antoine Stoeffler (Cổ Thê) với lòng biết ơn và kính trọng đặc biệt.

Đầu tháng 9 năm 1998, trước khi đến Strasbourg để nói chuyện với người trẻ Việt Nam tại Âu Châu, ngài đã nhờ cha Vincent Dollmann, giáo sư Đại Chung viện Strasbourg, tìm xem còn có ai trong gia đình của cha François Antoine Stoeffler, vị linh mục trước đây làm cha xứ Phủ Cam, Huế và đã rửa tội cho ngài, gốc Alsace, Pháp (mà Strasbourg là thủ phủ).



Sổ Rửa tội của Đức Hồng y Phanxicô Xaviê

Cha Dollmann tìm khắp các nơi và không còn ai có tên ấy trong vùng. Nhưng khi hỏi đến quê của linh mục này, thì người ta tìm được một bà gọi vị linh mục ấy là ông cậu. Bà này là phu nhân của ông xã trưởng.

Trong buổi nói chuyện với giới trẻ Việt Nam tại Strasbourg, ngài nhắc đi nhắc lại ơn được làm Kitô hữu qua phép rửa tội của ngài 70 năm về trước; và cho rằng không có một lễ mừng nào vui hơn lễ thất tuần này của ngài, vì ngài có dịp đến cảm ơn Cố Thể, vị linh mục Chúa dùng để ban phép rửa cho ngài; cảm ơn những bước chân anh hùng, máu đào tử đạo của các vị truyền giáo cho Việt Nam.

Từ thuở ấu thơ, cậu Phanxicô Xaviê Thuận và các em trai em gái được hưởng thụ một giáo dục gia đình đượm tinh thần công giáo và truyền thống Việt Nam, do chính bản thân cha mẹ là

ông Nguyễn Văn Âm và bà Ngô Đình Thị Hiệp nêu gương sáng hằng ngày qua lời ăn tiếng nói, cung cách sinh hoạt, đối nhân xử thế nghiêm túc, nhưng luôn luôn ôn tồn, nhẹ nhàng, tràn trề lòng mến Chúa yêu người.

Trong gia đình cũng như ngoài xã hội, hai ông bà là những người công chính thật sự theo tinh thần Tin Mừng. Hằng đêm, bà Isave dạy cho con cái đọc kinh cầu nguyện, kể cho con nghe những tích chuyện Kinh Thánh cùng gương anh hùng các Thánh Tử đạo Việt Nam, và nhất là gương sáng của các bậc tiền bối tổ tiên nội ngoại qua các thời kỳ cầm cách. Hạnh tích thánh nữ Têrêsa Hải đồng Giêsu cũng thường được bà đem ra kể cho con cái.

Những giờ kinh tối gia đình đã khắc ghi vào tâm hồn ngài một dấu ấn hết sức tốt đẹp, không bao giờ phai nhòa được: *“Cũng không thể quên được những kinh Việt ngữ, tiếng mẹ đẻ của tôi, mà cả nhà cùng cầu nguyện mỗi tối trong nhà nguyện gia đình. Tôi hình dung được trước mắt ông bà, ba má và các em tôi, và nghe giọng mỗi người đang cầu nguyện. Nhất là ba kinh Kính mừng và kinh “Hãy nhớ” mà Mẹ tôi tập tôi đọc sớm tối từ lúc mới biết nói”*.⁽²⁹⁾

Nói về người mẹ thánh thiện của mình và những bài học tuyệt vời mà ngài đã nhận được từ thân mẫu, Đức Hồng y ghi lại:

“Mẹ Elisabeth,

Người đã giáo dục con từ khi con còn ở trong bụng Mẹ.

Mỗi tối Mẹ dạy con những chuyện Kinh Thánh

Mẹ kể cho con lịch sử các thánh tử đạo Việt Nam, nhất là về tổ tiên chúng ta.

Mẹ dạy con yêu mến Tổ Quốc,

Mẹ giới thiệu cho con Thánh Nữ Têrêxa Hải Đồng Giêsu như mẫu gương các nhân đức Kitô giáo.

Mẹ là người phụ nữ mạnh mẽ đã chôn táng các anh em mình bị những kẻ phản bội thảm sát những người mà Mẹ đã chân thành tha thứ sau đó, luôn tiếp đón họ, như thể không có gì xảy ra.

Khi con còn ở tù, Mẹ là nguồn an ủi nâng đỡ lớn lao cho con.

Mẹ nói với tất cả mọi người: “Xin hãy cầu nguyện để con tôi được trung thành với Giáo Hội và ở lại nơi nào Chúa muốn”.
(30)



*Bà Nguyễn Văn Ám và các con tại núi Bạch Mã. Cậu Nguyễn Văn Thuận tay cầm chiến mũ trắng.(**). Xem chú thích ở cuối sách. Ảnh do Bà Nguyễn Thị Thu Hồng cung cấp.*

Trong một cuộc phỏng vấn, Đức Hồng y Phanxicô Xaviê

đã nói: “Đặc biệt tôi nhớ đến thân mẫu của tôi, năm nay đã 98 tuổi và đang ở tại Úc Đại Lợi. Tôi nhớ những lời thân mẫu của tôi, đối với tôi như những lời khuyên cáo tôi trong cuộc đời linh mục. Cách đây ba năm, tôi còn nhớ nghe thuật lại là cha Chu Quang Minh thuộc Dòng Tên ở Mỹ cùng đi với một cha ở Úc đến thăm bà cố tôi. Hai cha hỏi bà cố có muốn Đức cha Thuận làm Hồng y không. Bà cố trả lời rằng “thưa con không muốn”. Hai cha lấy làm lạ, và hỏi lại “tại sao bà cố không muốn Đức cha Thuận làm Hồng y”. “Thưa cha con không muốn”. “Vì sao”. “Bởi vì khi con cho con của con vào chủng viện, con chỉ cầu xin Chúa cho con của con làm linh mục để tế lễ Chúa là con vui lòng rồi. Còn đã đi tu làm linh mục thì đâu phải ham muốn những chức quyền danh vọng gì”. Với tôi, những lời nói trên luôn luôn là những lời nhắc nhở của bà mẹ dạy bảo con. Cách đây mấy tháng, tôi đi giảng ở Đài Loan, tôi có ghé thăm bà cố tôi, tôi hỏi “hàng ngày mẹ có nhớ cầu nguyện cho con không”, thì bà cố nói “có chứ, ngày nào cũng nhớ cầu nguyện”. Tôi hỏi: “Mẹ cầu xin cho con cái gì”. Bà cố chỉ trả lời một câu thôi là “cầu cho con biết làm bốn phần đẹp lòng Chúa”. Điều ấy là cái cảm tưởng mạnh mẽ của bà mẹ Việt Nam dạy con cái.”⁽³¹⁾

Câu chuyện thân mẫu ngài “chỉ cầu xin Chúa cho con của con làm linh mục để tế lễ Chúa” làm cho chúng ta tưởng nhớ đến ước nguyện của ông ngoại của ngài là cụ Ngô Đình Khả, cho đến những giây phút cuối đời, cụ chỉ có một khát vọng: mong con được bước lên bàn thờ dâng thánh lễ cầu cho cụ được nghỉ an đời đời. Trong diễn văn chào mừng Đức cha Ngô Đình Thục đọc tại Trường Thiên Hữu ở Huế vào trưa ngày lễ tấn phong 04-5-1938, Đức cha Lemasle (Lễ) tâm tình với vị tân Giám mục: “Combien heureux doit être votre vénérable père en vous voyant revêtu de la plénitude du Sacerdoce, lui qui, à ses derniers moments qui m’ont si édifié, éprouvait une bien douce consolation à la pensée que vous ne tarderiez pas à offrir le saint sacrifice pour son repos éternel. (Vị phụ thân khả kính của ngài hẳn hạnh phúc biết bao nếu cụ được chứng kiến ngài mang phẩm phục Giám mục! Cụ cố,

mà những giờ phút cuối đời của người đã để lại cho tôi một mẫu gương đạo đức rất tốt lành, chắc lúc đó đã cảm nhận được một niềm an ủi quá dịu ngọt khi nghĩ rằng không còn bao lâu nữa ngài sẽ dâng thánh lễ cầu cho cụ được an nghỉ đời đời.)” (32)

Ngoài ra, trong một cuộc phỏng vấn diễn ra một tuần sau ngày Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II công bố tuyên chọn ngài vào Hồng y đoàn, ngài đã nói về thân mẫu của mình với linh mục Trần Công Nghị như sau:

“... Điều mà tôi học được nơi mẹ của tôi, là bà chôn tất cả anh em mình, lúc đó bà ngoại của tôi cũng chết nữa, nên bà chôn cả bà mẹ của mình, mà chỉ có một mình bà thôi vì tất cả anh em thì có người chết, có người ở xa. Nhưng bà vẫn bình tĩnh làm các việc đó, dĩ nhiên là có sự đau khổ, nhưng mà bà vẫn vững vàng.

Một điều mà bà đã làm cho tôi quý trọng là bà không bao giờ than trách cá nhân một người nào. Không bao giờ bà nói hay là hờn oán cá nhân một người nào. Có những dịp những người dính líu trong vụ đảo chánh tới nhà, nhưng bà vẫn tiếp đón niềm nở trà nước vui vẻ như là không có việc gì xảy ra. Cho đến bây giờ bà sống 93 tuổi nhưng không khi nào tôi thấy bà nhắc lại những chuyện đó. Thành thử đó lại càng làm mẫu gương cho tôi đến một người mẹ Việt Nam.

Ngoài chuyện đạo đức của bà không nhắc ra đây, nhưng còn một điều mà bà làm cho tôi quý mến đó là yêu mến đất nước. Bà qua sống ở Sydney, bà đã mua hai cây: cây sung và cây thông. Rồi bà mua hai cái chậu thật to trồng hai cây đó để trước nhà. Bà đã uốn cong nó lên và lấy thép mà buộc nó thành hình con rồng ở hai cây. Hai cây hình con rồng đó, mỗi ngày bà săn sóc cho nó lớn lên và nói để mà nhớ đến Đất Nước Việt Nam. Tôi thấy đó là hình ảnh của người mẹ Việt Nam.

Sau này khi bố tôi già đi, đi vào viện dưỡng lão, bà đi theo nhưng mà cũng kiêng hai cái cây đó vào viện dưỡng lão. Bây giờ bố tôi mất rồi, bà đi về ở với cô em tôi, thì bà cũng kiêng hai cái cây đó về. Cây sung nó đã chết đi bây giờ đem cây khô đó vào để

trong nhà, còn cây thông còn sống bà cũng vẫn nâng niu nó như thường. Bà cứ chỉ đó và nói “để mình nhớ Đất Nước Việt Nam”. Tôi thấy một người mẹ Việt Nam dạy cho tôi yêu nước, lòng khoan dung và đoàn kết như vậy. Cho nên sau khi tôi ở tù về có người hỏi sao vẫn vui vẻ và yêu thương mọi người được, thì tôi nói bởi mẹ tôi đã dạy tôi.”⁽³³⁾

Đúng vậy, bài học yêu nước của thân mẫu dạy ngài đã có tác dụng lớn lao trong tâm hồn Đức Hồng y Phanxicô Xaviê. Ngài luôn tiềm tàng một tấm lòng yêu thương quê hương Việt Nam rất sâu đậm, luôn “mang trên mình Chúa Giêsu và quê hương Việt Nam”. Chi tiết nhỏ sau đây do ngài kể lại đã nói lên điều đó:

“Trên núi Vĩnh Phú, trong trại tù Vĩnh Quang, một hôm trời mưa lớn, tôi cưa gỗ trong nhà. Tôi xin anh chiến sĩ gác tôi:

- Tôi xin anh một đặc ân.

- Anh muốn gì? Tôi cố gắng giúp anh.

- Tôi muốn cưa một miếng gỗ theo hình Thánh giá.

- Anh không biết ở trại nghiêm cấm mọi hình thức tôn giáo sao?

- Tôi biết, nhưng chúng ta là bạn, và tôi hứa sẽ giấu rất kín.

- Vô cùng nguy hiểm cho cả hai anh em mình.

- Anh nhắm mắt đi cho tôi làm, tôi sẽ cẩn trọng hết sức.

Anh ta quay lưng, bỏ tôi lại một mình. Tôi đã thực hiện ngay ý định, rồi giấu thánh giá gỗ ấy trong một cục xà phòng cho đến ngày tôi được tự do. Tôi thuê thợ bọc nó lại bằng “mêtan”. Miếng gỗ ấy có bao giờ nghĩ rằng mình sẽ trở nên thánh giá của Giám mục. Gỗ thánh giá ấy lấy từ núi Vĩnh Phú, nơi có đền Hùng thờ các vua Hùng, tổ tiên chúng ta đã có công dựng nước. Đi đâu tôi cũng mang thánh giá ấy, mang trên mình Chúa Giêsu và quê hương Việt Nam.”⁽³⁴⁾

Lớn lên trong môi trường đức tin sống động của giáo xứ Phủ Cam, lại được các tu sĩ rèn cặp từ tuổi thơ, Đức Hồng y đã sớm ước ao làm tông đồ, dâng mình phục vụ Thiên Chúa và Giáo Hội.



Thầy Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận chụp với bà nội, thân phụ, thân mẫu, linh mục giám đốc Đại Chủng viện Huế Simon Hòa Nguyễn Văn Hiền (sau này là Giám mục) và các em. Bé gái nhỏ đứng trên cao sau lưng cha Hiền là cô con út Nguyễn Thị Thu Hồng. Ảnh do bà Nguyễn Thị Thu Hồng cung cấp.

Nữ tu dòng Mến Thánh Giá Huế Mađalêna Trương Thị Lý, con gái Bà Ngô Đình Thị Giao, sinh năm 1925, lớn hơn Đức Hồng y 3 tuổi, nguyên Tổng Phụ trách Hội Dòng Mến Thánh Giá Tổng Giáo phận Huế, là chị họ bên ngoại của Đức Hồng y Thuận, kể rằng: “*Lúc nhỏ, hằng tuần các cháu ngoại (của Cụ Khả) thường tụ họp chơi với nhau suốt một ngày ở nhà ông bà ngoại. Trong những lần như vậy, cậu Thuận thường đóng vai cha sở Phủ Cam đứng ra giảng lại bài giảng trong thánh lễ Chúa nhật vừa qua tại*

nhà thờ Phú Cam. Ai cũng khâm phục, vì từ điệu bộ, âm giọng của cha sở cho đến nội dung bài giảng được cậu Thuận tái diễn gần giống y khuôn. Cậu Thuận không bao giờ vắng mặt trong các giờ kinh tối ở gia đình, rất ham thích đọc sách Sấm truyền, những chuyện tranh về Kinh thánh và lịch sử Việt Nam, sưu tầm các sách, tranh ảnh các vị thánh, và mong đi tu làm linh mục”.

Với bản tính hồn nhiên vui vẻ, trong gia đình ngài luôn nhường nhịn thương yêu em út và vâng lời bà nội cùng cha mẹ, ở ngoài thì hòa đồng thân ái với mọi người không phân biệt giàu nghèo lương giáo, lại sáng trí và siêng năng học hành, nên từ trong nhà cho đến trường học, tuy còn nhỏ tuổi mà ngài luôn được mọi người yêu mến quý trọng.



Đức TGM PX. Nguyễn Văn Thuận trong lễ tang của thân phụ, cụ Tadeô Nguyễn Văn Ám ở Úc. Ảnh do bà Nguyễn Thị Thu Hồng cung cấp.



Đức TGM PX. Nguyễn Văn Thuận trong lễ tang của thân phụ, cụ Tadeô Nguyễn Văn Ấm ở Úc. Ảnh do bà Nguyễn Thị Thu Hồng cung cấp.

---o0o---

Phần III:

CUỘC ĐỜI

Như tất cả các thiếu nhi trong giáo xứ Phú Cam, cậu Thuận bắt đầu học giáo lý vỡ lòng và học vần a,b,c vào lúc 5, 6 tuổi với các nữ tu Dòng Mến Thánh Giá Phú Cam là các “O” Sơ và “O” Kinh. Cậu được rước lễ lần đầu vào ngày 08-12-1935 và lãnh nhận bí tích Thêm sức vào ngày 21-12-1937.

Ngoài giờ học, cậu luôn hòa mình cùng bạn bè trang lứa vào các trò chơi của lứa tuổi hồn nhiên vô tội. Trong thư đề ngày 01-7-1989 gửi người bạn già Hoàng Minh Châu của ngài ở Huế, Đức TGM Nguyễn Văn Thuận đã viết: *“Tôi không khi nào quên những kỷ niệm thuở xa xưa khi tụi mình đi câu cá dọc theo giòng nước từ Ngự Bình qua giếng Khe, và đào đất sét trắng nắn trâu bò và tượng máng cỏ.”*

Ông Châu kể lại tình bạn thời thơ ấu: “Ngài rất thương yêu bạn bè, cái gì cũng ưu tiên cho bạn, mùa hè rủ nhau đi câu bắt cá ở suối khe, bắt được con cá nào cũng giao cho bạn trước, hái được quả cây chín nào cũng bạn trước mình, tất cả đời sống tuổi trẻ của ngài là như vậy...”

Chủng sinh Tiểu Chủng viện An Ninh

Sau những năm đầu tiên học tại Trường tiểu học Têrêxa Phú Cam của các nữ tu thuộc Hội Dòng Mến Thánh Giá, cậu Thuận tiếp tục theo học tại Trường Pellerin (Bình Linh) của các Sư huynh La San.

Năm lên 13 tuổi, vào năm 1941, cậu Nguyễn Văn Thuận gia nhập Tiểu Chủng viện An Ninh, tại Cửa Tùng, Quảng Trị.

Linh mục thừa sai André Chapuis, tên Việt là Cố Châu (1871-1957) cha sở Phú Cam từ tháng 6 năm 1936 đến tháng 2 năm 1944, với tư cách là cha sở Phú Cam, đã cho cậu Thuận đi tu năm 1941, nhưng vị bảo trợ của chú Thuận là Đức cha Ngô Đình Thục.

"Cho đi tu", có nghĩa là xác nhận với Bề trên Tiểu Chủng viện rằng ứng viên này là con chiên của tôi, tính tình tốt, gia đình tốt, v.v...và giới thiệu xin cho gia nhập chủng viện.

Cha André Chapuis là một vị thừa sai đạo đức, thông tuệ, rất uyên bác về văn hóa và giáo sử Giáo phận Huế sánh ngang tầm cha L.Cadière (Cổ Cầm). Ngài có một trí nhớ phi thường, nhớ hết mọi người, mọi việc, mọi nơi, một cách rất chi tiết.

Chú Thuận không vào lớp Tư như các chú khác, mà được cha Bê trên GB Urrutia cho nhập ngay vào lớp Ba, là lớp của các chú Nguyễn Phùng Tuệ, Nguyễn Văn Trông, Đỗ Thanh Vĩ, bởi vì chú đã đậu bằng Tiểu Học Pháp Việt (Certificat d'Etudes Primaire Franco-Indigène) tại Huế vào mùa hè 1941.

Tại Tiểu Chung viện An Ninh, nơi mà vì lý do kinh tế khó khăn do ảnh hưởng của đệ nhị thế chiến, cuộc sống của các chủng sinh có phần kham khổ, nhưng chú Thuận, dù đã quen sống đầy đủ trong một gia đình khá giả, cậu vẫn vui vẻ, nếu không nói là thích thú, chấp nhận mọi thiếu thốn vật chất và hòa đồng với anh em một cách rất tự nhiên, như con cái của một gia đình nông dân vậy. Chú đã tìm thấy được ở Tiểu Chung viện An Ninh một cuộc sống hạnh phúc trọn vẹn.

Chú rất sung sướng được tiếp cận với linh mục Bê trên GB Urrutia và các linh mục giáo sư đạo đức thánh thiện, học văn uyên thâm, và hết sức tận tâm trong công việc giáo dục như các linh mục Anrê Bùi Quang Tịch, Giuse Maria Nguyễn Văn Thích, Marie Cressonnier (Cổ Báu), Pierre Richard (Cổ Phan), Phaolô Lê Văn Đẩu, Giuse Lê Văn Hộ, Phêrô Trần Hữu Tôn, Micae Nguyễn Văn Tường.

Trong số các ân sư trên, có bốn vị đã để lại, mỗi vị một cách khác nhau, nhiều ảnh hưởng rất sâu đậm nơi các đức tính nhân bản và nếp sống tu đức của Đức Hồng Y Thuận. Từ buổi ấu thơ, đến tuổi thanh niên, và lúc trưởng thành, nhân cách và tâm hồn thánh thiện của Đức Hồng Y Phanxicô Xaviê đã dần dần hình thành theo gương mẫu của bốn vị ân sư này.

Trước hết là Đức cha GB Urrutia, kế đến là cha Giuse Maria Nguyễn Văn Thích, cha Marie Cressonnier (Cổ Báu), và cha Anrê Bùi Quang Tịch.



Thầy Nguyễn Văn Thuận bồng cô em gái út Elizabeth Thu Hồng

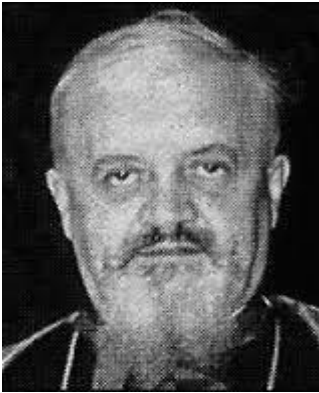
Đức Tổng Giám mục GB Urrutia

Ngài sinh ngày 06-11-1901 tại Aldudes, Giáo phận Bayonne, Pháp quốc, Năm 1921 thầy Urrutia nhập Chứng viện Hội Thừa Sai Hải Ngoại Paris và được thụ phong linh mục tại đó năm 1925.

Tháng 9 năm ấy, cha được Bề trên Tổng Quyền Hội Thừa Sai Hải Ngoại Paris chỉ định sang Việt Nam phục vụ tại Giáo phận Huế. Đến Huế, ngài học tiếng Việt và Đức Giám mục E. Allys cử ra Cửa Tùng phục vụ tại Tiểu chủng viện An Ninh, làm giáo sư, rồi sau đó làm Bề trên Tiểu Chủng viện trong vòng 15 năm, từ 1930 đến 1945. Tháng 5 năm 1937, Đức Giám mục Lemasle cử ngài làm cha Chính (Tổng Đại Diện) và vẫn tiếp tục kiêm nhiệm Bề trên Tiểu Chủng viện.

Thời cuộc trở nên khó khăn, vì cuộc đệ nhị thế chiến 1939-1945, kế tiếp là những biến cố chính trị, quân sự và kinh tế dồn dập trong những năm từ 1945 đến 1948 gây ra không biết bao

hiều tai ương khốn khó cho giáo dân và các họ đạo giáo phận Huế. Trong khi đó, Đức cha Lemasle lâm trọng bệnh phải vào Sài Gòn chữa trị và từ trần đơn độc một mình ngày 26-9-1946.



Đức TGM GB Urrutia



Cha Anrê Bùi Quang Tịch



Cha Marie Cressonnier



Cha G.M. Nguyễn Văn Thích

Chiến tranh Việt Pháp bùng nổ, ngôi nhà lâu của Tòa Giám mục Huế bị phá sập và đốt cháy. Nhiều tài liệu, hồ sơ, sổ sách... bị tiêu hủy. Nhiều vị linh mục thừa sai thuộc Hội Truyền giáo Hải ngoại Paris bị tập trung và đưa ra an trí tại Vinh.

Cha Chính GB Urrutia may mắn thoát được. Ngài phải mang lấy trọn gánh nặng chủ chăn giáo phận trong những ngày

loạn lạc nhiều nhưng đó.

Ngày 18 tháng 2 năm 1948, ngài được Tòa Thánh bổ nhiệm làm Giám mục hiệu tòa Isauropolis, Đại diện Tông tòa coi sóc Giáo phận Huế và được Đức Khâm sứ Tòa Thánh Drapier tấn phong giám mục ngày 27 tháng 5 cùng năm.

Trong trách vụ giám mục giáo phận, ngài đã duy trì một bầu khí đoàn kết tuyệt hảo đầy tinh thần tương kính giữa các linh mục Việt Nam và các linh mục thừa sai. Ngài đặt cha Simon Hòa Nguyễn Văn Hiền làm cha Chính và Bề trên Đại Chung viện Phú Xuân.

Đức cha GB Urrutia là một vị từ phụ luôn đối xử khoan hòa nhân hậu dịu hiền với hàng giáo sĩ lẫn người giáo dân chất phác, từ bậc già lão đến các thiếu nhi, lương cũng như giáo, giàu cũng như nghèo. Không ai đến với ngài mà không được ngài lắng nghe, trao đổi tâm tình, an ủi bảo ban. Ngài luôn từ tốn, không nôn nóng vội vàng, nhưng quyết định của ngài luôn hợp tình, hợp lý, đúng người, sát việc. Trí phán đoán của ngài rất tốt. Ngài luôn khôn ngoan đứng ngoài lãnh vực chính trị, nơi ngài nổi bật rõ nét của một bậc tu hành truyền giáo.

Năm 1954, Hiệp định Genève chia đôi Việt Nam, và cũng chia đôi giáo phận Huế: toàn giáo hạt Quảng Bình và gần trọn giáo hạt Đất Đỏ bị tách ra khỏi giáo phận Huế. Giáo dân của các họ đạo bên kia vĩ tuyến 17 đến định cư tại Quảng Trị và Thừa Thiên. Đức cha đặc biệt quan tâm đến các con cái bất hạnh. Ngài cho tất cả các họ đạo của giáo hạt Đất Đỏ ở bên bờ Nam sông Bến Hải như Nam Tây, Vạn Thiện, An Hòa, Gia Bình, Cam Lộ, Gia Môn, Nhi Hạ, Mai Xá, v.v...từ nay được sát nhập vào giáo hạt Dinh Cát.

Ngày 24 tháng 11 năm 1960, các giáo phận tông tòa Việt Nam được nâng lên giáo phận chính tòa. Giáo phận Huế được nâng lên tổng giáo phận, ngài bàn giao giáo phận cho Đức tân Tổng Giám mục Phêrô Martinô Ngô Đình Thục.

Tòa Thánh thăng chức Tổng Giám mục hiệu tòa Carpathos cho ngài để ghi công.

Ngài không trở về Pháp, mà vẫn muốn sống và làm việc tại Tổng Giáo phận Huế mà thôi, nên chọn ở tại Trung tâm Thánh Mẫu La Vang để hằng ngày dâng thánh lễ và ngồi tòa giải tội cho khách hành hương. Nhưng ngài vẫn đi Rôma đều đặn để tham dự các khóa họp của Công đồng chung Vaticanô II. Tháng 2 năm 1966, Đức Tổng Giám mục Urrutia đến làm quản xứ Đông Hà (Quảng Trị). Vào "mùa hè đỏ lửa 1972", vì lý do chiến sự, ngài về cư trú tại thành phố Huế.

Năm 1974, ngài về Pháp thăm quê hương và dự định sẽ trở lại Việt Nam, nhưng xảy đến biến cố ngày 30 tháng 4 năm 1975. Thế là ngài phải ở lại Pháp vĩnh viễn, sống ở đó trong gần bốn năm, tương đối khỏe mạnh, cho đến giữa năm 1978 thì sức khỏe suy giảm dần. Trong những ngày tháng cuối đời ở Pháp, hằng ngày ngài chỉ nói đi nói lại ba điều: Việt Nam, Huế, và Tiểu Chủng viện An Ninh.

Ngài qua đời ngày 05 tháng 01 năm 1979 tại Montbeton, thọ 78 tuổi, sau 50 năm phục vụ tại Giáo phận Huế với 12 năm làm Giám mục Đại diện Tông tòa lãnh đạo Giáo phận Huế.

Lễ tang của ngài được linh mục G.B.Etcharren cử hành ngày 21-01-1979.

Hầu hết những ai sống gần gũi Đức cha GB Urrutia đều có chung một nhận xét: ngài rất vô tư, công bằng, không thiên vị, chân thành tuyệt đối và hết sức giản dị trong sáng. Trọn đời ngài, đức tính hiền hậu dịu dàng, sự vui tươi, tình thân ái, và nhất là bản tính vô tội trẻ thơ (innocence enfantine) của ngài luôn thể hiện ra đối với mọi người, ở mọi nơi, trong mọi hoàn cảnh, một cách sung mãn và thường trực. Thời trẻ tuổi, trước khi rời Paris qua Việt Nam phục vụ, trong thời gian ở tại trụ sở Hội Truyền giáo Hải ngoại Paris, các linh mục ở đó thường gọi ngài là “con chiên hiền lành” (le doux agneau).

Liên tục trong suốt đoạn đời chủng sinh và linh mục của mình, Đức Hồng y Phanxicô Xaviê luôn gần gũi và được Đức cha Urrutia quan tâm giáo dục hướng dẫn một cách tận tình chu đáo.

Từ nơi vị tôn sư và bề trên đặc biệt này, Đức Hồng y đã học tập được tư thái dịu dàng, hiền hậu, vui tươi, ăn nói đơn giản, cách phân biện để tìm ra chân lý, và sự tự hiến bản thân cho Thiên Chúa một cách im lặng mà chẳng có chút kỳ vọng gì.

Trong thời gian tu học ở Phú Xuân, thầy Thuận đã rút tĩa được rất nhiều lợi ích thiêng liêng vô cùng quý báu cho đời sống nội tâm qua những buổi huấn đức hằng tuần rất súc tích của Đức giám mục giáo phận G.B.Urrutia dành cho các chủng sinh Đại Chủng viện.

Chính Đức cha Urritia đã tuyển chọn và tích cực khuyến khích linh mục trẻ Nguyễn Văn Thuận sang Rôma du học, và sau khi tốt nghiệp, trở về giáo phận, ngài đã đặt cha làm giáo sư chủng viện.

Mẫu gương của cuộc đời dân thân quên mình và những lời dạy dỗ của vị tôn sư GB.Urrutia đã giúp đỡ rất nhiều cho Đức Hồng y Phanxicô Xaviê được đứng vững trong những ngày gian nan tù tội, và cả trong những năm tháng của nhiều thập niên sau đó.

Cha Giuse Maria Nguyễn Văn Thích

Linh mục Nguyễn Văn Thích chào đời ngày 22-9-1891, tại Phủ lý An Nhơn, tỉnh Bình Định, là con thứ hai của cụ Lô Giang Tiểu Cao Nguyễn Văn Mại, người làng Niêm Phò cũng là làng Kẽ Lừ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Cụ Nguyễn Văn Mại (1858–1945) đỗ thủ khoa thi Hương, rồi phó bảng khoa Kỷ Sửu (1889) làm quan đến chức Thượng thư hưu tri.

Lúc nhỏ, cậu Thích được thân phụ cho học chữ Nho. Nhờ sáng dạ thông minh, năm 16 tuổi cậu đã được dự khoa thi Hương, và vào đến tam trường. Đồng thời, trong thời gian này, cậu Thích cũng học chữ quốc ngữ và chữ Pháp, rồi theo học khi trường

Pellerin gọi là “Trường Dòng” do các Sư huynh dòng La San vừa mới thành lập vào năm 1904. Tại đây cậu ăm được học hỏi, trau dồi tiếng Pháp và được khai tâm về giáo lý Kitô giáo. Sau 5 năm học tại đây, đến năm 1909, lúc 18 tuổi, cậu thi đậu bằng Cao Đẳng Tiểu Học (Diplôme d’Etudes Primaires Supérieures Indochinoises, gọi tắt là DEPSI), rất danh giá thời bấy giờ, được xã hội trọng vọng hơn cả những vị cử nhân Hán học. Cậu tiếp tục theo học lớp sư phạm tại trường Quốc Học.

Tháng 2-1911, với bằng Cao đẳng Tiểu học và bằng tốt nghiệp sư phạm, thầy Thích được bổ làm trợ giáo tại tỉnh Khánh Hòa. Bốn tháng sau, ngày 29 tháng 6 năm 1911, tại nhà thờ Bình Cang, xã Vĩnh Trung, thành phố Nha Trang, cha Charles Eugène Saulcoy, tên Việt là cố Ngoan, đã ban phép Thánh Tẩy cho thầy giáo Thích với tên thánh là Giuse Maria.

Được tin sét đánh này, thân phụ của thầy, vốn thâm Nho, không cảm nổi tức giận, dùng roi gậy đánh như từ “đứa con bất hiếu”. Mấy chục năm về sau, nhân ngày mừng lễ thất tuần “Anh Thích”, bà em gái là Thiếu Hải thuật lại:

*Trong nhà đòn, gậy, ba toong,
Rút ra đánh hết, chẳng còn cái mô!
Chị em, ai nấy sừng sờ,
Lính tráng, vú bồ, không ai rờ đến cơm...*

Thụ phong linh mục

Khi con “gia biến” dịu dần với thời gian, thân phụ nghĩ đến việc lập gia đình cho con trai đã 26 tuổi. Cụ mời Đức cha Allys (Cố Lý) đến nhà, xin Đức cha can thiệp làm mai mối với con gái cụ Nguyễn Hữu Bài để con mình yên bề gia thất. Biết thế, nên thầy giáo Giuse Maria Nguyễn Văn Thích quyết định ra đi...

Một đêm thanh vắng tháng 9-1917, thầy cải trang làm cô gái đội nón lá, mặc áo dài ra khỏi nhà ở Huế, đi qua khoảng 85 cây số, tìm đường đến Tiểu Chung viện An Ninh tại Cửa Tùng, tỉnh Quảng Trị. Một trường hợp chưa từng có: muốn được nhận

vào Tiểu chủng viện thường là 12 đến 14 tuổi, nhưng thầy Thích đã 26 tuổi thì phải làm sao đây? May mắn là Đức cha Allys biết rõ hoàn cảnh nên ngài cho phép nhận ngay chủng sinh khác thường này vào chủng viện, vừa học tiếng La tinh, vừa làm giáo sư Pháp văn, Hán văn, và Quốc văn cho chủng sinh.

Sau 2 năm tu tập vừa làm trò vừa làm thầy nơi đây, thầy giáo “tiểu chủng sinh” Nguyễn Văn Thích được gửi vào Đại chủng viện Phú Xuân, Huế, và 6 năm sau được thụ phong linh mục ngày 18-12-1926.

Một nhà giáo xuất chúng

Linh mục Nguyễn Văn Thích là một nhà giáo từ khi còn tuổi đôi mươi cho đến lúc ngoài 80. Ngài đã dạy ở Khánh Hòa, rồi Huế (1911–1917), Dòng Thánh Tâm Huế (1927–1933), trường Providence Huế (1933–1937), Tiểu chủng viện An Ninh Quảng Trị (1937-1942), Tuyên úy trường Pellerin lần I và giáo sư Trung Học Khải Định (nay là Quốc Học) (1942–1946). Ngày 30-4-1946: quản xứ Kim Long, Huế, giáo sư Quốc Học và các trường tư thực Công giáo Huế (1950–1958).

Từ 1958, cha dạy các trường Đại Học Đà Lạt, Huế, và Sài Gòn. Từ năm 1959 đến năm 1970 làm Tuyên úy trường Pellerin lần thứ hai. Từ năm 1959, cha dạy Hán văn và Triết Đông tại Viện Hán học Huế. Năm 1963, cha mở một nhà trẻ với tên gọi là Hương Linh, trong khuôn viên trường Bình Linh (*Pellerin*). Ngoài ra, cha cũng rất quan tâm đến việc giáo dục thanh thiếu nữ.

Một nhà thơ, một nhà báo lỗi lạc

Linh mục Nguyễn Văn Thích đã sáng tác thi ca, được sưu tập trong “*Sông Đĩnh Thi tập*”, gồm 153 bài thơ Việt văn, Hán văn và Pháp văn. Thơ của cha rất đa dạng, từ những câu về 4 chữ, những câu thơ lục bát, tứ tuyệt và thơ Đường.

Ngoài hán văn là môn sở trường của ngài, cha Thích cũng còn là một ngòi bút sử dụng Pháp văn vào bậc thượng thừa.

Sau khi nữ tu dòng kín Cát minh Têrêxa Hải Đồng Giêsu ở Lisieux được tuyên phong Chân Phước vào ngày 29.4.1923 tại Roma, cơ quan ngôn luận lớn nhất và uy tín nhất của giới Công giáo Pháp lúc bấy giờ là tờ nhật báo La Croix ở Paris đã mở một cuộc thi thơ nhằm tôn vinh thánh nữ. Các văn nhân thi sĩ khắp nơi trên thế giới nhiệt liệt hưởng ứng tham gia. Ngày hội đồng chấm giải công bố kết quả, ai cũng ngỡ ngàng ngạc nhiên đến mức sững sờ: một chủng sinh đang học tại Đại Chủng viện giáo phận Huế đoạt giải nhất với bài *Cantique à la Bienheureuse Thérèse de l'Enfant Jésus*. Đó là Thầy Giuse Maria Nguyễn Văn Thích.

Dưới đây là bài thơ đó, được đăng trên tạp chí *Annales des Missions Etrangères* của Hội Truyền giáo Hải ngoại Paris năm 1924 với lời giới thiệu: *Bài ca ngợi nầy được sáng tác do Thầy Giuse Thích, sinh viên Đại Chủng viện Huế (Giáo phận Bắc Đàng Trong). Quý độc giả sẽ cùng chúng tôi cảm phục một người thanh niên Việt Nam đã đạt đến mức suy tư và sử dụng ngôn ngữ của chúng ta tuyệt vời như vậy!*

Cantique à la Bienheureuse Thérèse de l'Enfant Jésus

Ce cantique a été composé par M. l'abbé Joseph Thich, élève du grand séminaire de Hué (Cochinchine septentrionale). Nos lecteurs admireront avec nous qu'un jeune Annamite arrive à penser et à écrire aussi bien en notre langue.

Gloire, honneur en ce jour,
A la petite Reine,
Dans la céleste Cour!
Ah! Je la vois sereine,
Trôner près de Jésus,
Au milieu des élus.

1.

Salut, petite Fleur, ô Rose printanière,
Ton seul rêve ici-bas était de t'effeuiller;
Mais voici qu'à l'autel inondé de lumière,
Aujourd'hui je te vois briller.

2.

Toujours fidèle à Dieu, dès ta plus tendre enfance,
Tu livras tout ton cœur aux flammes de l'Amour,
De ce feu tu subis la douce violence
Qui te consuma sans retour.

3.

L'amour te rendit forte, ô petite Thérèse,
Quand du Maître adoré tu pressentis l'appel:
A Rome l'on te vit aux pieds de Léon treize
Demander d'entrer au Carmel.

4.

Dans l'arche sainte enfin de la grande Thérèse
A quinze ans tu te fis prisonnière d'amour,
Tu pus, plongée alors dans l'heureuse fournaise,
D'abandon vivre nuit et jour.

5.

Tu souriais toujours au milieu de tes larmes
Pour essuyer les pleurs de ton divin Amant;
Et ton sourire avait pour Jésus tant de charmes,
Les charmes d'un petit enfant!

6.

Ame privilégiée et choisie entre mille
Tu nous as révélé le grand secret du Roi;
Pour devenir un saint, oui, rien n'est plus facile:
Se faire petit comme toi!

7.

En lui jetant les fleurs des petits sacrifices,
Tu crus te dérober aux regards des humains;
Et, faisant de ces fleurs ses plus grands délices,
Dieu te place parmi ses saints.

8.

Oui, Thérèse, ta vie est bien un doux cantique,
Et ta petite voie, un chemin lumineux;
Ton vol si gracieux, ô colombe mystique,
Nous attire tous vers les cieux.

9.

O Bienheureuse Soeur, répands sur notre terre,
Comme tu l'as promis, tes bienfaits les plus doux,
Jette encor de là-haut, du céleste parterre,
Tes plus belles roses sur nous.

10.

Apprends-nous à souffrir, à devenir victime,
Offre-nous à l'Amour miséricordieux;
Fais-nous réaliser cet idéal sublime
Que tu fus brillé à nos yeux!

11.

Tu chéris, as-tu dit; cette plage infidèle;
Y voler, je le sais, était ton grand désir;
Tu le peux aujourd'hui : vole, vole vers elle,
Aide-nous à la convertir!

12.

O toi, pleine de zèle, écoute ma prière:
Viens guider tous mes pas sur les pas du Sauveur
Et fais, ô chère soeur, de moi, ton petit frère,
Un apôtre selon Son coeur! ⁽³⁵⁾

Cha Thích còn là sáng lập viên tuần báo “*Vì Chúa*”, xuất bản từ 1936, với ba ngôn ngữ Việt-Hán-Pháp, nhiều cộng tác viên như cụ Ưng Trình, cụ Phan Bội Châu, cụ Huỳnh Thúc Kháng, Đức cha Hồ Ngọc Cẩn... Ngoài ra, cha còn cộng tác với báo “*Nguồn Sống*”, tạp chí *Đại Học Huế*, và tờ “*Cổ Học Quý San*” của Hội Cổ Học.

Họa sĩ và nhạc sĩ thời danh

Cha Thích có biệt tài về cổ họa. Một vài bức họa trong báo *Vì Chúa*, được in lại trong Sáng Đình Thi Tập, như bức “*Thác Lớn Bạch Mã*” rất tinh vi điêu luyện, bức tự họa “*Trầm ngâm chiếc bóng dựa bên tường*”, các bức “*Đức Từ Mẫu*” (Mater Misericordiæ: Tòa Tổng Giám Mục Huế hiện còn trưng bày bức họa này), “*Chân dung Thánh Gioan Vi-a-nê*”, “*Thánh Têrêxa Hài*

Đồng Giêsu”...

Về thánh ca, bài “*Linh hồn tôi ngợi khen Chúa*” (Magnificat) của ngài hiện vẫn còn được dùng hát trong phụng vụ; bài “*Lạy Đức Mẹ La Vang*” trở nên quá quen thuộc với người công giáo Việt Nam; các bài “*Câu hát Đức Mẹ ru con*”, “*Trời cao đất thấp gặp nhau*”, v.v... vừa giàu tình cảm, vừa đậm đà cung điệu và thanh âm của những câu hò hay ca trù dân tộc.

Ngài còn sử dụng thành thạo các nhạc khí dân tộc như đàn cò, đàn nguyệt, đàn bầu, đàn tì bà... và các nhạc cụ Tây phương như piano, harmonium...

Tổng Tuyên úy Hướng đạo Việt Nam.

Từ 1941, cha sinh hoạt với Hướng đạo ở Huế, đến năm 1949, Bản quyền Giáo phận Huế bổ nhiệm ngài làm Tuyên úy Hướng đạo Công Giáo Huế. Vào giữa năm 1953, ngài làm Tổng Tuyên úy Hướng đạo toàn quốc. Ngài đã đóng vai trò tích cực và uyển chuyển giữa nhiều khuynh hướng khác nhau của các Huynh trưởng và Tuyên úy gốc từ ba miền Trung, Nam, Bắc.

Một linh mục khó nghèo và tràn đầy bác ái.

Cha Thích làm giáo sư lâu năm, dạy đại học nhiều nơi, với lương bổng rất cao, nhưng ngài không giữ lại chút gì cho mình. Khi nhắm mắt lìa đời, ngài chỉ có vài bộ áo đã sờn cũ.

Viện Dục Anh nuôi trẻ mồ côi ở Huế luôn được cha quan tâm và trao nhiều tiền bạc cho các nữ tu phụ trách. Cha còn là Tuyên úy Trường Pellerin và Viện Bài Lao. Cha thường đến bệnh viện dâng Thánh lễ, luôn đem tiền và quà đến cho bệnh nhân.

Bao nhiêu năm làm giáo sư, cha vẫn đi một chiếc xe đạp duy nhất. Một hôm, cha đạp xe đạp nhà xứ Kim Long đến dạy học tại Đại Chung viện Phú Xuân, tình cờ bắt gặp một người đàn ông áo quần xơ xác đang chặt trộm buồng chuối của chủng viện. Thấy cha, ông ấy hoảng hốt toan bỏ chạy. Cha ôn tồn gọi người đó lại, móc túi đưa thêm ít tiền rồi nói: “*Anh có muốn ăn chuối non này*

thì phải thêm cái gì để nấu ăn chứ. Hãy cầm lấy chút tiền này mua tôm tép gì thêm vào cho đủ vị”. Vừa nói, cha vừa đưa tiền rồi đi vào dạy học.

“*Vì Chúa*” không phải chỉ là tên tuần báo nổi danh ở cố đô Huế do cha sáng lập, mà chính là châm ngôn cuộc sống của cha, với tôn chỉ: *Suy tư vì Chúa, Ngôn luận vì Chúa, Hành động vì Chúa. Vì Chúa, ta gắng công, Ta thắng lên vì Chúa!* (Số 1, ngày 18-9-1936).



Nhà các cha giáo sư tại Tiểu chủng viện An Ninh. Từ ngoài đi vào cửa chính của ngôi nhà này, ở ngay tầng trệt, phòng khách nằm ngay bên phải hành lang chính. Trong phòng khách này có treo những ảnh lớn của Đức Giáo Hoàng tại vị, các vị Khâm Sứ Tòa Thánh tại Đông Dương, các vị Giám mục Gp Huế qua các đời, các vị Giám mục Việt Nam và đặc biệt có hai bức ảnh lớn nhất là ảnh của hai cựu chủng sinh Tiểu chủng viện An Ninh là Cụ Quận Công Nguyễn Hữu Bài và Cụ Thượng Thư Ngô Đình Khả.

Ngày 10-12-1978, linh mục Giuse Maria Nguyễn Văn Thích với tuổi hạc 87, già từ trần thể để về với Thiên Chúa, Đấng

mà cha đã hiến thân phục vụ đến trọn đời. Giáo Hội Việt Nam và Giáo phận Huế đã dâng lên Thiên Chúa một người con chí hiếu, một linh mục gương mẫu, một nhân tài sáng giá, một hiền nhân hiếm có.



Nhà thờ Tiểu chủng viện An Ninh

Đức Hồng y Nguyễn Văn Thuận ghi lại với niềm trân trọng kỷ niệm tốt đẹp về cha Thích như sau:

“Khi tôi còn là chủng sinh tại Tiểu chủng viện An Ninh của Giáo Phận Huế, linh mục giáo sư Giuse Maria Nguyễn Văn Thích đã giúp tôi hiểu tầm quan trọng của việc luôn luôn đem theo Phúc Âm trong mình. Cha Thích theo đạo Công giáo. Thân phụ của Ngài là một vị Thượng Thư, một nhà trí thức Nho giáo.

Ngài luôn luôn đeo trước ngực cuốn Kinh Thánh Tân Ước nhỏ, giống như khi đem Mình Thánh Chúa cho bệnh nhân. Khi ngài rời chủng viện để lãnh nhận một nhiệm vụ khác, ngài đã để lại cho tôi kho tàng quý báu đó.

Giương sáng của vị linh mục thánh thiện này luôn sống động trong tâm hồn tôi và đã giúp tôi rất nhiều trong khi ở tù, nhất là trong suốt thời gian bị biệt giam. Trong những năm đó tôi đã tiến bước được vì “Lời Chúa là ngọn đèn cho bước chân tôi”, “là ánh sáng trên đường đời tôi”. Tv 109, 115.⁽³⁶⁾

Để kết lại câu chuyện về cha Thích, xin đọc:

Hoài niệm về một vị linh mục

Tác giả: *Gioan Baotixita Nguyễn Đăng Ngôn*

Nhân dịp tháng các Thánh Nam Nữ và các Đấng Linh hồn, tôi xin ghi lại một vài kỷ niệm về một vị cố linh mục. Học trò của ngài đã viết rất nhiều về ngài. Tôi không phải là học trò của ngài, nhưng có dịp gặp ngài lúc tôi là học sinh và gặp lại ngài khi tôi lớn tuổi và ngài cũng đã quá già ở tại Nhà Chung (giáo phận Huế).

Ai là những học sinh của trường Pellerin của những năm 1964 trở về trước (tôi chỉ nói tới mốc này vì cuối niên khóa này tôi xa trường), chắc không thể nào quên nổi vị linh mục tuyên úy của trường, cha Nguyễn văn Thích, đặc biệt nhìn bề ngoài, con người không tìm đâu ra một miếng thịt, toàn da bọc xương, ốm tong ốm teo, nhưng có lẽ Chúa cho ngài hai lá phổi rất lớn, nên giọng nói oang oang, không phù hợp với thể trạng của một bộ xương có da bọc.

Tôi là một học sinh bán trú, không có đạo, học từ năm lớp nhì cho đến năm đệ nhị tại đây, mấy mươi năm sau, tôi mới được trở nên một tân tông.

Cứ mỗi thứ sáu đầu tháng, tất cả học sinh đều tập trung về nhà thờ của trường để tham dự thánh lễ. Một điều làm cho tôi nhớ và mang theo trong suốt cuộc đời, những tháng ngày còn trong quân đội, mặc dù chưa theo đạo, nhưng những lúc khó khăn hay gặp những trường hợp nguy hiểm thì câu nói của ngài sau khi tránh chén trước khi trở về ghế ngồi suy niệm, đều nghe rõ mồm

một bên tai: “*Một lưỡi đòng đâm vào cạnh nương long Đức Chúa Giêsu, giọt máu cuối cùng đã đổ ra, chứng tỏ tình yêu Ngài dành cho ta vô hạn*”.

Trong mỗi thánh lễ trong suốt bảy tám năm ở trường vào các ngày thứ 6 đầu tháng, không có một câu suy niệm nào khác ngoài câu này. Tội tôi, 4 đứa không có đạo, hễ ngài tráng chén xong, xếp khăn đặt lên chén, là chúng tôi cúi xuống cùng nhau nói trước câu suy niệm của ngài, coi thử có sai hay ngài nói khác không. Nhưng không, vẫn cử chỉ và giọng nói đó. Cho đến mấy chục sau, mãi tới bây giờ tôi không còn nhớ được một kỷ niệm nào của mái trường mà độc nhất hình ảnh, câu nói và giọng nói ấy vẫn ám ảnh, vẫn bên tai. Tôi nghĩ đó cũng là hành trang mà ngài trang bị cho tôi sau này trở nên con cái của Chúa.

Tôi xin ghi một đoạn với dấu hỏi trong ngoặc. (Đối với các tân tòng khác, có lẽ tôi là người gặp khó khăn nhiều nhất từ khi học giáo lý cho đến khi nhận Bí Tích rửa tội. Quý vị cũng đã biết trường Pellerin thời đó là nhà Dòng Sư Huynh, học sinh không cần biết lương hay giáo, vào lớp là phải học từ kinh nghĩa cho tới Phúc Âm, đọc kinh hôm mai, kinh nhật một, tất cả đều bằng tiếng Pháp, có trả bài, có điểm và có cả roi mây. Cho dù cất dấu bao nhiêu năm đi nữa nhưng khi gọi lại thì vẫn nhớ, không 100% thì lồm bồm từng đoạn kinh tiếng Pháp...)

Gặp lại lần thứ hai.

Trích hai câu thơ trong bài Nền Thánh của nhà thơ Cát Trắng:

*(Khi chung quanh đang cay đắng ngậm ngùi
Biết chia sẻ tìm vui trong Chúa)...*

Đọc hai câu thơ, tôi gọi nhớ tới ngài, tôi xin mạo muội ghi theo cách nhìn và suy nghĩ của cá nhân tôi: Ngài là một vị thánh, bởi vì trong cuộc đời tôi chưa từng thấy ai có lối hành xử như ngài.

(Biết chia sẻ tìm vui trong Chúa.

Khi chung quanh đang cay đắng)

Nghề của tôi là nghề xe đạp thồ, bến xe là tổ xe thồ cầu Phủ Cam, phía bên này cầu là đường Phan Châu Trinh, còn bên kia cầu là đường Phan Đình Phùng. Ngồi bên này nhìn qua bên kia, công ra vào Nhà Chung rất rõ.

Một buổi sáng nọ, từ trong cổng đi ra một vị linh mục, nhìn qua là biết ngay đó là cha Thích. Thời đó có hai ông cha ốm như nhau đó là ông cha giáo xứ Tiên Nộn và ngài. Ông cha Tiên Nộn có dáng đi thẳng đứng, còn ngài thì hơi nghiêng và bước đi chậm, chiếc nón lá rộng vành, cái áo đen hai vạt, người ta hay gọi đó là áo cháo chè.

Tôi thấy ngài ra khỏi cổng như sắp sửa lên cầu, tôi vội vàng dẫn chiếc xe đạp chạy qua, có nghĩa là chạy qua kiếm mồi, vì thường các ngài đi bao giờ cũng cho tiền rất hậu, trong túi có mấy là cho mấy.

Tới đầu múi cầu, tôi hỏi ngài:

- Thưa cha, cha muốn đi đâu, con đưa cha đi?

Ngài không nói đi đâu mà nói chuyện, nói rất lâu, rồi hỏi qua lý lịch cuối cùng Ngài hỏi:

- Sáng nay anh đã ăn chi chưa?

Tôi trả lời:

- Dạ có, mấy khúc sắn (củ mì)

Ngài thọc tay vào túi áo moi ra một gói giấy, ngài nói:

- Phần ăn sáng của cha, anh dùng thêm mà đạp xe cho mạnh.

Tâm tình một hồi ngài trở lại Nhà Chung, tôi hỏi tại sao cha không đi đâu đó. Ngài nói: *thôi, ngày khác đi.*

Mấy hôm sau cũng trang phục như trước, ngài đi ra, tôi cũng vội chạy đón, cũng một gói thức ăn ngài moi trong túi ra cho

tôi, hỏi thăm vài ba câu ngài nói ngài rất muốn đi bộ. Ngài qua cầu đi theo đường Phan Chu Trinh về hướng An Cựu. Đến gần 10 giờ sáng trời rất nắng, thì thấy ngài đi trở về lại, đi rất chậm, tới gần thì thấy ngài đi chân đất, đầu không đội nón, tôi nhảy xuống đạp xe đón ngài, tuyệt đối ngài không chịu leo lên xe, tôi hỏi:

- Nón và dép của cha quên nhà nào rồi để con chạy tới lấy cho, đi chân đất đạp mảnh chai là què chân, già rồi mà ngồi một chỗ thì cực lắm.

Ngài nói: - Cha cho họ rồi, chạy gạo nuôi con mà chạy chân đất lỡ què thì cực cả nhà. Nón cũng cho mấy chị buôn bán rồi, đi ngoài chợ cả ngày mà không có chi che đầu, họ đau thì gia đình họ khổ hơn mình.

Sau đó, tôi bỏ nghề xe đạp thồ, theo người ta đi lên núi tìm trầm, mỗi chuyến đi từ 15 tới 20 ngày, về nhà nghỉ vài ba hôm lại đi tiếp. Một thời gian sau hỏi thăm thì mới biết Chúa đã gọi ngài khá lâu rồi.

*...(Tôi cảm thấy Thánh không còn xa nữa
Thánh rất gần ở giữa chúng ta
Thánh chan hòa tình yêu Chúa bao la
Yêu cuộc sống và yêu ta luôn mãi) ...*

Trích Thơ của Cát Trắng

Gioan Baotixita Nguyễn Đăng Ngôn
(Lễ các Thánh Nam Nữ 2011)

Cha Marie Cressonnier (Cố Báu)

Ngài sinh ngày 07-10-1908 tại Neuville-sur-Auneuil (Oise), giáo phận Beauvais, Pháp quốc. Vào Tiểu chủng viện Saint Lucien de Bauvais, rồi gia nhập Đại chủng viện Thừa sai hải ngoại Paris ngày 08-9-1928. Thụ phong linh mục ngày 01-7-1934, đến tháng 9 cùng năm được cử đi truyền giáo tại giáo phận Huế. Ngài

đến Huế ngày 20-10-1934, và được Đức cha Chabanon đặt tên là Báu, cử đến Cổ Vưu (Trí Bưu) làm phó xứ cho Cố Châu để học tiếng Việt. Tháng 9 năm 1935, làm cha sở An Do Đông, Cửa Tùng, Quảng Trị.

Tháng 7 năm 1936, Đức cha cử ngài đến Tiểu chủng viện An Ninh làm giáo sư. Ngài dạy học rất tận tâm, và thiết lập một thư viện nhỏ gồm nhiều sách báo tiếng Pháp cho các chủng sinh đọc để trau dồi thêm sinh ngữ và kiến thức. Ngoài các giờ dạy Latin và tiếng Pháp, ngài còn phụ trách thêm việc dạy thể dục cho các chú. Mùa hè 1938, ngài xin Đức cha cho đến phục vụ tại giáo xứ Bác Vọng để được làm quen với việc mục vụ tại xứ truyền giáo. Sau hè năm 1939, ngài trở lại dạy học tại Tiểu chủng viện như cũ.

Tháng 9 năm 1941, ngài gặp chủng sinh Nguyễn Văn Thuận vừa mới vào chủng viện. Trong 6 năm học Tiểu chủng viện từ năm 1941 đến năm 1947, chú Thuận được ở gần cha Cressonnier 5 năm (1941-1946) và chọn ngài làm cha linh hướng.

Xuất thân trong một gia đình khá giả, giàu có, nhưng từ ăn mặc cho đến các vật dụng cá nhân, cha Cressonnier sống rất khó nghèo.

Chính cuộc sống giản đơn như một thầy dòng khổ tu của cha linh hướng cha Marie Cressonnier (Cố Báu), đã ảnh hưởng rất sâu đậm đến việc phát triển nhân đức khó nghèo nơi chú Thuận.

Tại Tòa Giám mục Nha Trang, Đức cha Thuận nằm ngủ trên một giường sắt trải chiếc chiếu lác trên tấm nệm rom, với chiếc mùng muỗi rẻ tiền. Đồ dùng hằng ngày rất tầm thường. Có thể vì nhờ vậy, mà trong những năm tháng về sau, ngài đã chịu đựng được cuộc sống tù đầy rất kham khổ trong nhiều năm trời.

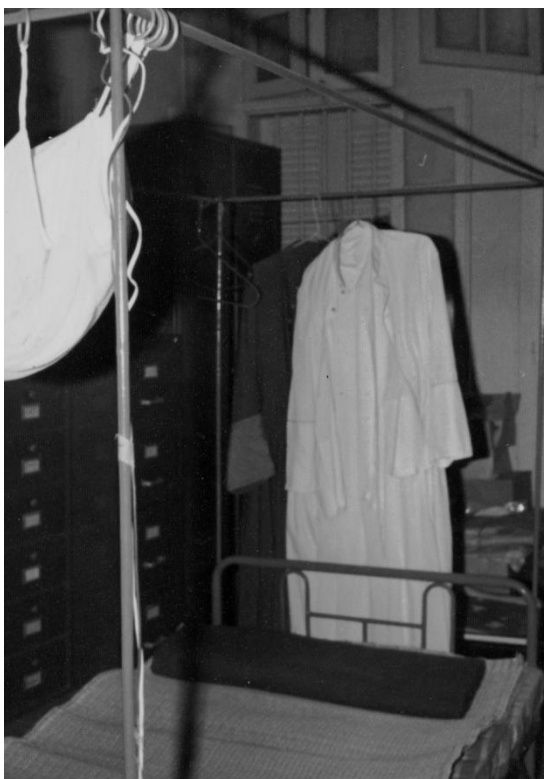
Theo lời kể của Đức Ông Phan Văn Hiền, nghĩa tử của ngài, thì trong những năm ở làm Phó Chủ tịch rồi Chủ tịch Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình tại Vatican, Đức Hồng y Phanxicô Xaviê “*sống bình dân và nghèo khó. Nghèo từ áo quần,*

dồ dùng và ngay cả ăn uống. Ngài chỉ có một bộ đồ “vét” xem ra tuom tất may từ trước thời 1975, để mặc trong những lễ lạc quan trọng. Còn tất cả áo quần còn lại, được ngài đặt cho một tên rất “kiểu”: “thuộc loại năm cha bảy mẹ”, nghĩa là mỗi thứ mỗi kiểu không giống ai. Ai cho gì cũng nhận. Ai may gì cũng mặc. Đến nổi hai chiếc quần màu xám tro được Bà Nhất Huy may cho theo kiểu nhà quê Việt Nam - lưng quần bằng giầy thun – bị cha Sinh chê là hai cái quần “cháo lòng” cũng được ngài mặc đi ra ngoài một cách vui vẻ tự nhiên. Ngài thường nhắc nhở: mình phải biết sống nghèo. Tiết kiệm thêm một chút, mình sẽ giúp được nhiều người nghèo khổ ở Việt Nam”⁽³⁷⁾

Dạng người ốm yếu, lại thường xuyên yếu mệt, bệnh này tiếp theo bệnh khác cứ thay nhau hành hạ thân xác mảnh mai của ngài, lại phải giải phẫu liên tục, nhưng cha Cressonnier luôn tươi vui, chẳng ai thấy ngài nhăn nhó than van bao giờ cả.

Chính cha linh hướng Cressonnier đã hướng dẫn chú Thuận đọc những tác phẩm của cha Dom Colomba Marmion, một tu sĩ dòng Biển Đức người Ái Nhĩ Lan, viết về những màu nhiệm của kinh Mân Côi và diễn tả vai trò đặc thù của Đức Maria trong sự Nhập thể của Đức Kitô. Những tác phẩm của Dom Colomba Marmion đã biến đổi hoàn toàn linh đạo của chú Thuận. Nhiều năm sau, vào ngày 03-9-2000, Đức Hồng Y có dịp tham dự lễ tuyên phong Chân Phước cho cha Dom Marmion do Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II chủ sự tại Rôma, chắc cũng là một dịp để ngài đọc lại những tác phẩm mà cha linh hướng đã hướng dẫn ngài nghiền ngẫm năm xưa.

Cha Cressonnier đã làm tăng trưởng nơi chú Thuận lòng sùng kính Đức Mẹ một cách đặc biệt. Đức Hồng Y nói rằng chưa bao giờ thấy cha linh hướng của mình rời tràng chuỗi Mân Côi. Và về phần mình, trọn đời Đức Hồng Y thường xuyên mang theo tràng chuỗi bên mình và lần hạt luôn.



Phòng ngủ của Đức cha Thuận tại Tòa Giám mục Nha Trang. Ảnh do Bà Nguyễn Thị Thu Hồng cung cấp.

Ở Tiểu chủng viện An Ninh, nếu theo con đường từ cổng chính đi vào độ 150 thước, thì thấy có hai nguyện đường nhỏ cách hàng rào chề tàu của đường khoảng 10 thước, bên phải là “nhà thờ” Đức Mẹ, bên trái là “nhà thờ” Thánh An Tôn. Các chủng sinh quen gọi như vậy, nhưng thực sự mỗi nguyện đường chỉ có bề ngang 4 thước, bề dài 8 thước, không chứa hết 100 người đứng chen chúc nhau. Chú Thuận rất thích giúp lễ và tập đánh đàn dương cầm tại “nhà thờ Đức Mẹ”. Chú cảm thấy vô cùng hạnh phúc khi ở tại nơi này, phảng phất hương thơm của bông hoa các cây táo hoang được trồng gần đó.

Ngày quân Nhật đảo chánh Pháp, 09 tháng 3 năm 1945,

cha Cressonnier bị bệnh, đang nằm điều trị tại bệnh viện Huế. Sau đó, ngài cũng như các linh mục thừa sai khác bị tập trung quản thúc tại Huế. Tháng 4 năm 1946, vì bị sưng màng phổi khá nặng, ngài về Pháp chữa trị. Sau một năm, sức khỏe phục hồi dần, ngài được cử làm giáo sư Văn chương tại Tiểu chủng viện Beaupréau. Đến năm 1952, sau mấy năm bồi dưỡng, sức khỏe được hồi phục như xưa, nên ngài khẩn thiết xin Bề trên Hội Thừa sai Hải ngoại Paris cho trở lại miền truyền giáo. thỉnh cầu được chấp thuận.

Đến Huế, ngài được Đức cha Urrutia cử làm giáo sư tại trường Thiên Hựu trong vài tháng. Cuối năm 1952, ngài được trao phó trách nhiệm làm cha sở giáo xứ An Định, tức Mỹ Định, ở vùng cực bắc tỉnh Quảng Bình. Vào ngày đình chiến tháng 7 năm 1954, ngài đang làm cha sở Sáo Cát, một làng chài lưới, cũng ở Quảng Bình, nên đi theo giáo dân di cư vào định cư tại Lăng Cô nằm dưới chân đèo Hải Vân ở cực nam giáo phận Huế, họ đạo Sáo Cát, tuy ở vùng đất mới, vẫn giữ tên gọi cũ, và sinh sống bằng nghề đánh cá biển như xưa.

Cha Cressonnier tận tụy lẫn xả vào trong mọi công việc để giúp đỡ cho bà con được an cư lạc nghiệp, từ việc cấm cọc giăng dây, phân lô, làm đường, dựng nhà, đào giếng, đến việc tu bổ sửa sang sầm mới thuyền bè lớn hơn và gắn máy mạnh hơn để tiếp tục đánh bắt hải sản xa bờ.... Tất tât mọi thứ, không việc gì ngài không lẫn mình vào để phục vụ dân chúng, giáo cũng như lương. Việc tạo dựng các cơ sở công cộng như trường học, trạm y tế, nhà thờ, phòng học giáo lý và nhà các nữ tu, nhà xứ, ngôi chợ, ngài cũng quan tâm đôn đốc thực hiện. Nhà thờ giáo xứ Sáo Cát xây dựng theo kiểu thức nhà nguyện của trường Thiên Hựu, vách bằng đá hoa cương, rất đẹp, đã làm cho toàn thể giáo dân hết sức vui mừng.

Đồng thời, hội đồng giáo xứ và các hội đoàn đạo đức như Thiếu nhi Thánh Thể, Đạo binh Đức Mẹ, v.v... được ngài quan tâm tổ chức và hết lòng hỗ trợ trong các sinh hoạt. Curia Đạo Binh Đức Mẹ giáo xứ Sáo Cát dưới thời cha linh hướng Cressonnier đã

tìm kiếm và đưa trở về Giáo Hội hơn 300 con cháu của những người bỏ đạo qua các thời kỳ trước.

Năm 1962, sức khỏe sút giảm, ngài được về Pháp nghỉ phép một thời gian ngắn. Năm 1963 trở lại Việt Nam, Đức Giám mục giáo phận đổi ngài đến phụ trách giáo xứ Lại An, ở quận Gio Linh (Quảng Trị), cách vĩ tuyến 17 không xa. Tại đây, người công giáo sống rải rác, mỗi nơi một ít gia đình. Cha Cressonnier đã xây nhà xứ Lại An. Năm 1965, ngài vào Huế. Các linh mục thừa sai MEP vừa thuê một căn nhà ở đường Phan Đình Phùng, gần cầu Kho Rèn, làm trụ sở, và ngài được giao nhiệm vụ quản lý ngôi nhà đó. Hằng ngày ngài đi bộ qua Tiểu Chung viện Hoan Thiện gần đó dạy Pháp văn cho các chủng sinh.

Là con của một gia đình khá giả có cơ sở đất đai lớn ở vùng Oise, cách Paris khoảng 30 km về phía Bắc, thu hoạch nhiều hoa lợi, nên cha Cressonnier đã giúp nhiều người khó nghèo ở Việt Nam, nhất là những nạn nhân chiến cuộc. Trong biến cố Mậu Thân, ngài đón nhận nhiều gia đình ở chung quanh đến trú ngụ tại trụ sở Hội Truyền giáo cùng với ngài và cha Pierre Poncet, cha sở Khe Sanh.

Trước khi xảy ra biến cố, hằng ngày ngài đến dâng lễ tại nhà Bêtanía của các nữ tu Hội Dòng Con Đức Mẹ Vô Nhiễm. Nhà này ở gần nhà của gia đình Đức Hồng Y Phanxicô Xaviê.

Ngày 13-2-1968, cuộc chiến xảy ra dữ dội, tiếng súng đang nổ khắp nơi trong thành phố Huế, nhưng hai cha Cressonnier và Pierre Poncet đã bất chấp nguy hiểm, rời trụ sở Hội Truyền Giáo, qua cầu Kho Rèn, đi lên nhà Bêtanía. Có một người bạn Pháp cùng đi theo hai ngài. Vào được nhà, không thấy nữ tu nào, lại không có chìa khóa mở cửa nhà tạm nhỏ để lấy Mình Thánh Chúa, nên hai ngài đã quyết định bùng nhà tạm nhỏ về trụ sở. Cha Poncet ôm cái nhà tạm vào người, ba người đi trở về hướng cầu Kho Rèn. Nhưng lúc đi gần đường xe lửa, thì hai cha bị một loạt súng từ phía sau bắn xối xả vào người. Các ngài ngã quỵ và chết bên vệ đường. Người bạn Pháp bị thương ở tay và chạy thoát

được. Ngày 25-02-1968 người ta tìm thấy xác hai cha tại nơi bị bắn, nhà tạm bợ vụn, bình thánh trống trơn. Có thể sau khi ngã xuống, hai ngài đã cố rước hết Mình Thánh Chúa....⁽³⁸⁾

Cha Anrê Bùi Quang Tịch (1895-1977)

Cha Anrê Bùi Quang Tịch sinh ngày 27-6-1895, tại giáo xứ Nam Tây, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị, thuộc Giáo phận Huế.

Ngài xuất thân từ một gia đình đạo đức. Trong dòng họ ngài, ngoài ngài ra, còn có đến bốn linh mục: là các cha Bùi Quang Lợi, Bùi Quang Tuyên, Bùi Quang Hữu, và Bùi Quang Lược.

Năm 1909, 14 tuổi, vào Tiểu chủng viện An Ninh, Cửa Tùng, Quảng Trị. Năm 1919, 24 tuổi, vào Đại chủng viện Phú Xuân, Huế. Năm 1926, 31 tuổi, thụ phong linh mục.

Làm phó xứ cha Cadière ở giáo xứ Di Loan từ năm 1927 đến đầu năm 1930.

Ngài đến Tiểu chủng viện An Ninh làm giáo sư từ tháng 3 năm 1930. Kế đó, làm giám đốc Tiểu chủng viện từ năm 1945 đến năm 1953.

Vì lý do chiến tranh, Tiểu chủng viện An Ninh đóng cửa ngày 08-5-1953, sau khi đưa các chủng sinh vào Huế, cha Bùi Quang Tịch được cử làm cha sở Vạn Thiện.

Năm 1958, ngài được tái bổ nhiệm làm giám đốc Tiểu chủng viện giáo phận Huế ở Phú Xuân.

Từ tháng 6 năm 1961, Đức Tổng Giám mục Ngô Đình Thục cử ngài làm cha sở Trí Bưu.

Ngày 15-8-1968, lúc đã 73 tuổi, với sự chấp thuận của Đức Tổng Giám mục Nguyễn Kim Điền, ngài xin gia nhập Dòng Khổ tu Xitô Phước Sơn ở Sài Gòn. Vào nhà tập Dòng Phước Sơn ngày 19-3-1969, khăn tạm năm 1970, và khăn trọn đời ngày 25-7-1973.

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, cộng đoàn Phước Sơn quyết định chia ra thành nhiều nhóm nhỏ. Với giấy mời của Đức Giám mục Giáo phận Long Xuyên, với giấy phép của chính quyền Thủ Đức cấp, cha Anrê phụ trách một nhóm 7 người, ngoài ngài ra còn có 2 linh mục khác và 4 đan sĩ, ra đi lập nghiệp tại vùng kinh tế mới Rạch Đùng, Kiên Giang (Rạch Giá), thuộc Giáo phận Long Xuyên. Gần một năm sau, ngày 24-4-1976, cả nhóm bị bắt giam tại nhà lao Rạch Giá với tội danh là “nhóm sĩ quan trốn học tập cải tạo”.

Trong thời gian bị giam giữ, cha lâm bệnh, được đưa về bệnh viện Rạch Giá điều trị. Lúc này, cha vẫn bị canh gác và bị đối xử như một tù nhân. Cha khẩn xin Đức Mẹ cho cha được về chết giữa các anh em trong cộng đoàn, và Đức Mẹ đã cho cha được toại nguyện. Ngày 06-01-1977, vì lâm trọng bệnh, cha được trả về lại cộng đoàn là trụ sở Dòng Phước Sơn tại Thủ Đức. Về đến Đan viện trong tình trạng tinh thần vẫn minh mẫn tỉnh táo, ngài gặp gỡ thăm hỏi anh em và sốt sáng lãnh nhận các bí tích sau cùng. Bốn hôm sau, ngày 10-01-1977, lúc 17giờ, cha hoàn tất hiển lễ cuộc đời, thọ 82 tuổi, sau 51 năm làm linh mục với 9 năm đan tu.

Ngài sống 27 năm ở Tiểu chủng viện Giáo phận Huế, với tư cách là giáo sư và giám đốc, chuyên lo đào tạo các ơn gọi linh mục. Đối với các chủng sinh đã có hồng phúc kế tiếp nhau tu học ở Tiểu chủng viện trong 27 năm đó, thì cha Tịch là một vị Thánh. Với lòng đạo đức nội tâm sâu xa, luôn luôn nêu cao gương mẫu trước mặt các chủng sinh, ngài đã góp công rất nhiều vào việc đào tạo nhiều thế hệ linh mục cho Giáo phận Huế.

Mỗi khi ngài biết chủng sinh nào phạm lỗi, ngài không trách mắng, nhưng buồn rầu nhìn “thủ phạm” với hai con mắt rơi lệ, rồi thì thầm: *thiệt là quá phép, con hãy vào nhà thờ xin lỗi Chúa!* Cha có biệt tài đọc thấy những điều ẩn kín trong trí óc và tâm hồn của người đối thoại với ngài. Rất nhiều lần các chủng sinh đến gặp cha để thưa các ẩn khuất nội tâm và xin những lời

khuyên bảo, thì không cần phải trình bày gì dài dòng, ngài chỉ cần nhìn xoáy vào mắt của kẻ đối diện đang gặp điều khổ tâm, là biết rõ, và đưa ra những lời bảo ban cần thiết. Cha không nói nhiều, cái nhìn của cha và sự im lặng của ngài đủ để cho đứa con đau khổ tìm lại được sự bình an nội tâm.

Cha Tịch có một chương trình sống rất mẫu mực và nghiêm ngặt. Tại chủng viện, sáng nào ngài cũng thức dậy lúc 4 giờ. Sau khi đọc các Giờ kinh Phụng vụ, ngài vào nhà thờ trước mọi người, lo nguyện gẫm cho các chủng sinh, rồi sốt sáng dâng Thánh lễ, và sau Thánh lễ, khi mọi người đã ra khỏi nhà thờ, ngài ở lại dành một tiếng đồng hồ để cầu nguyện và cảm ơn Chúa.

Ngài dạy tiếng Pháp rất chuyên cần và rất kỹ lưỡng cho các chủng sinh trong các lớp căn bản. Nhờ vậy, các chủng sinh có thể theo học được chương trình Pháp một cách dễ dàng. Cha sống khiêm tốn, bình dị, vui vẻ, thích dẫn các chủng sinh đi thăm viếng các nhà thờ của các xứ đạo gần chủng viện, chơi domino với các linh mục...

Trọn đời cha Anrê là một cuộc hãm mình thường xuyên liên tục. Ăn uống rất thanh đạm, không đòi hỏi gì. Những khi ngồi cầu nguyện lâu giờ trong nhà thờ, ngài không bao giờ dựa lưng vào thành ghế.

Chú Thuận được phúc ở gần bên cha Tịch trong suốt 6 năm tại Tiểu Chủng viện An Ninh, từ 1941 đến 1947, nên sự thánh thiện của cha Anrê đã có ảnh hưởng rất sâu đậm đến tâm hồn chú Thuận.

Vào buổi sáng ngày đến Trí Bưu nhận xứ, ngài trao đổi với một cha bạn, ước muốn làm sao để gần gũi với giới trẻ, được vị linh mục này vui miệng nói rằng: “Với bộ râu như cha, thì chẳng thanh niên nào dám đến gần đâu!”. Ngay trưa hôm đó, mọi người ngỡ ngàng khi nhìn thấy cằm cha đã nhẵn trụi, dù bộ râu đã thân thiết với ngài suốt mấy mươi năm. Chiều hôm đó, cha đến nhận xứ Trí Bưu.

Ngài sống rất khó nghèo trong việc sử dụng của cải và các đồ dùng riêng, nhưng trái lại, rất rộng rãi trong việc giúp đỡ những ai túng thiếu. Đối với những gì liên quan đến nhà thờ và các đồ phụng vụ, ngài không nệ tốn kém để lo cho được thơm mát, đẹp đẽ, xứng đáng.

Tuy tỏ ra nghiêm nghị trong lúc ở Tiểu Chủng viện, nhưng khi chủng sinh về hè, hoặc lúc ngài làm việc mục vụ tại giáo xứ, cha Tịch sống rất bình dân, dễ gần gũi và có tình cha con đối với tất cả với mọi người.

Theo chứng từ của Đan Viện phụ Dục Ân Vương Đình Lâm, Bề trên Dòng Xitô Phước Sơn ngày đó cho biết: “*Vị đan sĩ linh mục này sống rất đạo đức, khiêm tốn, giữ luật Dòng rất nghiêm ngặt, quảng đại, can đảm...*”

Tóm lại, đối với Đức Hồng Y Phanxicô Xaviê, các vị ân sư của ngài ở Tiểu Chủng viện An Ninh, nhất là các cha GB Urrutia, Giuse Maria Nguyễn Văn Thích, M.Cressonnier (Cố Báu), và Anrê Bùi Quang Tịch là những gương sáng tuyệt hảo về phương diện nhân bản và tu đức.

Tuy nhiên, vì khiêm tốn, các vị không bao giờ tự nhận mình là mẫu mực cho ai, kể các với các môn sinh, trái lại, các ngài chỉ ra, riêng đối với chú Thuận, những mẫu gương khác. Và qua đó, chú Thuận đã chọn ba thánh nhân làm đối tượng để học tập và noi theo để lớn lên từng ngày trong ơn thánh.

Trước hết, là thánh nữ Têrêxa Hải Đồng Giêsu, đáng đã dạy cho chú niềm tin vào sự cầu nguyện và hiệu quả của nó. Thứ đến là thánh Gioan Maria Vianney, cha sở họ Ars, đáng đã dạy cho chú đức khiêm tốn và giá trị của sự kiên trì cố gắng. Sau hết là thánh Phanxicô Xaviê, quan thầy của chú, vị Tông Đồ của Á Châu.

Về Thánh nữ Têrêxa Hải Đồng Giêsu, từ khi mới 4 tuổi đầu chú Thuận đã được thân mẫu nói cho nghe sự thánh thiện của vị nữ tu dòng kín Camelô này và cuốn Nhật Ký Một Tâm Hồn của

ngài. Trong những năm sau, khi ở chủng viện, chú Thuận đã đọc kỹ các tác phẩm của Thánh Nữ. Chú còn được cha giáo Giuse Maria Nguyễn Văn Thích hướng dẫn căn kẽ về *“con đường thơ ấu thiêng liêng, con đường tuyệt đối tin tưởng và phó thác hoàn toàn bản thân cho Thiên Chúa”* của Thánh Nữ. Vào những năm về sau, đặc biệt trong cảnh tù đầy, nhờ thấm nhuần sống linh đạo đó, Đức Hồng Y đã có được niềm vui siêu nhiên và sự bình an nội tâm thực sự.

Thánh Gioan Maria Vianney, cha sở họ Ars, là một vị thánh được tôn kính đặc biệt tại Tiểu Chủng viện An Ninh. Hạnh thánh của ngài thuộc vào loại các cuốn sách bắt buộc các chủng sinh phải đọc, cho nên chú Thuận, và các bạn đồng môn, đều biết một cách rất chi tiết về các khuyết điểm lẫn ưu điểm của ngài. Thánh Vianney học kém, nhưng bù lại, ngài có một ý chí kiên cường. Noi gương ngài, chú Thuận đã rèn luyện tính nhẫn nại, sự bền chí và chịu đựng. Chú còn học nơi ngài cách “đọc người khác” bằng việc mở rộng lòng mình ra.

Chính nhờ cầu nguyện, mà Thánh nữ Têrêxa Hải đồng và Thánh Vianney đã có đủ sức mạnh lướt thắng được các đau khổ và nghịch cảnh. Do đó, học theo các ngài, chú Thuận đã tìm được thực phẩm nuôi dưỡng linh hồn mình từ những buổi cầu nguyện lâu giờ và Thánh Thể.

Từ tấm gương của cha sở họ Ars, chú Thuận ước mơ được làm cha sở một họ đạo ở thôn quê. Về sau, khi học ở Đại Chủng viện Huế, ý tưởng trở thành đan sĩ dòng Biển Đức cũng đã nhiều năm làm cho Đức Hồng Y trăn trở. Nhưng rồi, dần dần ngài thấy được Thánh Ý Chúa thể hiện: không làm cha sở mà cũng chẳng là đan sĩ... , và ngài vâng theo.

Từ thánh Phanxicô Xaviê, chú Thuận đã hiểu được sự quan trọng của việc hoạch định trước kế sách thực hiện những công việc vì Thiên Chúa. Mặc dù rất nôn nóng lên đường truyền giáo, thánh nhân vẫn tiên liệu và tổ chức rất chu đáo các cuộc hành trình và các công việc ngài sẽ làm. Đức Hồng Y, dù bản tính nhiệt

thành hăng say, cũng đã học cách làm việc như vậy.

Nhưng bài học lớn lao hơn cả Đức Hồng Y học được từ thánh bổn mạng của mình, là sự dừng dừng mà thánh Phanxicô Xaviê đã thể hiện khi thành công cũng như khi thất bại, vì thánh nhân xác tin rằng, nhờ ơn Chúa, những cố gắng của ngài cuối cùng cũng sẽ phát sinh hoa trái tốt đẹp mà thôi. Thánh nhân nhắm mắt lìa đời trên một bãi biển hoang vắng gần lãnh thổ Trung Quốc, nơi mà bình sinh ngài ước ao đặt chân đến để loan báo Tin Mừng cứu độ. Điều đó phải chăng là sự thất bại cuối cùng? Không, Đức Hồng Y không tin như vậy. Thánh Phanxicô Xaviê đã qua đời không chút cay đắng tâm hồn, mà chết trong sự bình an, vâng phục, vì biết đó là ý Chúa. Đức Hồng Y viết: *“Tôi luôn luôn học tập làm theo ý Chúa. Ánh sáng này mang lại cho tôi một sinh lực mới, thay đổi tận gốc lối suy nghĩ của tôi, giúp tôi vượt qua những bước gian truân mà hầu như cơ thể không chịu đựng nổi. Từ đây tôi cảm thấy trong lòng tôi “một sự bình an mà thế gian không cho được”* ⁽³⁹⁾

Trọn đời, lòng sùng mộ kính mến Mẹ Maria luôn nồng cháy trong tâm hồn Đức Hồng Y được phát sinh từ gương mẫu của ba thánh nhân nói trên và từ gương sáng của ông bà cha mẹ ngài.

Đức Hồng Y ghi rằng:

- *Mẹ Maria Vô Nhiễm là mối tình đầu của tôi”, câu nói đó là của thánh Gioan Maria Vianney, cha xứ Ars, tôi đã đọc trong sách của cha Francois Erochu, hỏi tôi còn ở Tiểu chủng viện*

- *Tôi rất thích câu nói của thánh nữ Têrêxa Hài Đồng: “Tôi muốn làm linh mục để giảng về Đức Mẹ”. Cuộc đời Mẹ Maria có thể tóm gọn trong ba tiếng: “Ecce, Fiat, Magnificat”* ⁽⁴⁰⁾

Còn Thánh Phanxicô Xaviê thì lúc nào cũng đọc một kinh Kính Mừng để kết thúc các buổi dạy giáo lý.

Về ảnh hưởng của gia đình, ngài viết: *“Mẹ tôi đã đổ vào tim tôi lòng kính mến Đức Mẹ từ tuổi ấu thơ. Bà nội tôi, mỗi buổi*

tối, lúc gia đình đọc kinh xong rồi, bà còn ngồi lần thêm một tràng hạt. Tôi hỏi bà, bà đáp: - Mẹ lần một chuỗi cầu nguyện cho các cha”.⁽⁴¹⁾

Ông Hoàng Xuân Tịnh, chủng sinh lớp An Ninh 1941, cùng vào Tiểu Chủng viện một năm với Đức Hồng y, và cùng ở với ngài suốt 6 năm dưới một mái trường cho đến ngày ngài vào Đại Chủng viện năm 1947, đã kể lại:

Chú Nguyễn Văn Thuận vào Tiểu Chủng viện An Ninh lúc 13 tuổi vào mùa thu năm 1941, nhưng vì Chú đã có bằng Tiểu Học Pháp Việt lúc học ở trường Pellerin, học lực quá chương trình lớp Tư, nên chú được nhập học lớp Ba, lớp của những chủng sinh đã vào Tiểu Chủng viện năm 1939. Như vậy là Chú cùng vào một năm với tôi nhưng trên tôi một lớp và cùng một tuổi nhưng lớn hơn tôi 6 tháng. Thời ấy, tại Chủng viện An Ninh có 4 lớp học theo chương trình Pháp, mỗi lớp kéo dài 2 năm. Lớp Tư (tức là lớp 8e và 7e), lớp Ba (tức là lớp 6e và 5e), lớp Nhì (tức là lớp 4e và 3e), lớp Nhất (tức là lớp 2e và 1e). Sau lớp Nhất, những chủng sinh nào được chọn vào Đại Chủng viện mới bắt đầu học Triết.

Ngoại hình của Chú Thuận dong dong cao, có vẻ ốm yếu. Tôi được biết mỗi khi làm việc quá sức thì Chú bị bệnh ly. Đặc tính của Chú là luôn luôn tươi cười, vẻ mặt thường thường toát một niềm hạnh phúc nội tâm, nói chuyện thì ra pha trò nhưng là những lối pha trò ý nhị. Chú có tài nhái giọng nói của kẻ khác. Tôi còn nhớ những ngày Tết, Tiểu Chủng viện thường tổ chức diễn kịch, chú Thuận và chú Nguyễn Phùng Tuệ thường đứng đầu ban tổ chức. Năm nọ, khoảng dịp Tết năm 1945 hay 1946, chú Thuận khiêng ra một chiếc bàn tròn đặt giữa sân bóng chuyền. Bàn được phủ sạt đất bằng một tấm vải trắng. Một máy hát giả được đặt trên bàn. Một phía bàn có cha Bê trên Búi Quang Tịch và các cha giáo sư: cha Trần Hữu Tôn, cha Lê Văn Hộ, cha Nguyễn Văn Tường... ngồi dự, phía đối diện là các chú chen chúc nhau vui nhộn. Chú Thuận trốn xuống bên dưới bàn, chú Tuệ đứng lên giới thiệu và cho máy chạy thì chú Thuận bắt đầu nhái đủ loại người

trong chủng viện, từ anh trai nhà trường, di phước, những chú lớp nhỏ lớp lớn đến các cha đều được chú Thuận nhái rất giống khiến khán giả có dịp thưởng thức và vui cười.

Mùa thu năm 1946, nhân một chiều cha Bê trên Bùi Quang Tịch dẫn các chú đi tắm biển tại bãi biển Cửa Tùng, có 3 chủng sinh Tiểu Chủng viện bị chết đuối. Một chủng sinh thuộc họ An Ninh, chú Lục, được vớt lên tại chỗ và đem xác về quàng tại Chủng viện. Hai chủng sinh kia thì bị nước cuốn trôi đi mất: một thuộc họ Trí Bưu là chú Lê Văn Hình (em ruột cha Lê Văn Cầu), một thuộc họ Phú Cam là chú Nguyễn Văn Gioang. Sau đó, một nhóm ba người, gồm có chú Nguyễn Văn Thuận, chú Nguyễn Phùng Tuệ (sau này là linh mục) và tôi, được cha Bê trên Bùi Quang Tịch giao cho nhiệm vụ đi dọc theo bờ biển tìm kiếm, hy vọng phát giác được tông tích hai người anh em xấu số. Nhưng đi nửa chừng đường thì chúng tôi thấy chú Thuận yếu sức bèn khuyên trở về chủng viện trước. Nhưng về đến thì chú Thuận lập tức tình nguyện canh xác (chết) chú Lục qua đêm.

Trong đêm canh xác, tôi là người cùng phiên với chú Thuận, vốn nhất gan, nên chỉ đứng xó rọ một góc xa, mong cho người nhà của người chết sớm đến lãnh xác người thân về nhà. Riêng chú Thuận thì khác, chú đi kiếm một khăn ướt lau sạch các vết máu rỉ ra hai bên mép môi người chết, và trong đêm tắm tối chú ra vườn hái rất nhiều hoa sứ đem vào rải quanh xác chết. Xong xuôi, chú ngồi lại giường bên cạnh, rút râu chuốt ra lần hạt. Cử chỉ trưởng thành trong đức Tin và đức Ái của chú Thuận đêm hôm ấy đã ảnh hưởng nhiều đến người bạn của Chú, đem lại một sự hồi tâm và cũng cố được đức Tin của người này. Thái độ này thể hiện rất rõ nơi lối sống sau này của Đức Hồng y lúc ở trong tù Ngài đã không ngồi yên cam tâm với số phận nhưng luôn luôn tìm kiếm một sinh hoạt để truyền bá đức Tin và đức Yêu người sống động của mình.”

Có thể nói: những năm ngài học ở Tiểu Chủng viện An Ninh đã để lại trong ký ức các linh mục giáo sư và các chủng sinh

lớn nhỏ ngày ấy một hình ảnh chú Thuận thông tuệ, học giỏi, dong
dỏng cao, da trắng, vui tươi, hiền hậu, khiêm tốn, luôn hòa đồng
hợp tác với mọi anh em chủng sinh, thường xuyên có những câu
nói hóm hỉnh, khôi hài, nhiều sáng kiến và nhiệt thành giúp đỡ
mọi người. Trong chủng viện, chú Thuận xuất hiện ở đâu là chỗ
đó có nụ cười, niềm vui và tình thân ái. Trong những ngày trong
ngục tù sau này, ngài luôn nhớ đến Tiểu Chủng viện An Ninh với
niềm tri ân sâu xa: *Tôi rất ghi ơn sự huấn luyện ở chủng viện,
những bài thánh ca đã ghi sâu vào lòng tôi. Đặc biệt là tôi thuộc
lòng hầu hết bài hát bình ca trong kinh phụng vụ, chưa bao giờ tôi
cảm thấy ý nghĩa sâu xa và xúc động như vậy.*⁽⁴²⁾

Chủng sinh Đại Chủng viện Phú Xuân

Năm 1947, sau 6 năm ở Tiểu Chủng viện An Ninh, thầy
Thuận được vào Huế học triết và thần học tại Đại Chủng viện Phú
Xuân đến năm 1953.

Những năm đầu ở Đại chủng viện là thời gian thầy đạt
được sự tăng trưởng thiêng liêng, giúp thầy định hướng rõ con
đường tu trì trong tương lai.

Từ lâu, thầy nghĩ rằng mình sẽ trở thành một linh mục giáo
phận, thầy ước mơ trở nên như Thánh Gioan Maria Vianney, cha
sở xứ Ars. Nhưng sau khi vào Đại Chủng viện, thầy hiểu rằng
mình còn có thể trở thành một đan sĩ, hay gia nhập một hội dòng
nào đó. Điều đó thúc đẩy thầy suy nghĩ, tìm tòi, và nhất là cầu
nguyện xin ơn soi sáng.

Thầy đọc và biết rõ linh đạo của Dòng Tên, cuộc đời
Thánh Inhaxiô Loyola, và nghiền ngẫm tác phẩm linh thao của
thánh nhân, bao gồm những thực tập hay thao luyện thiêng liêng
(gọi tắt là Linh Thao) chủ yếu là những bài suy niệm hay chiêm
niệm. Thầy biết các linh mục Dòng Tên đã đem Tin Mừng đến rao
giảng cho Việt Nam từ xưa, vào năm 1615. Thầy rất ngưỡng mộ
các công việc của Dòng trong các lãnh vực văn hóa, khoa học và

giáo dục trên toàn thế giới trong thời hiện đại. Thầy rất thán phục việc các giáo sĩ Dòng Tên chủ trương hội nhập văn hóa địa phương, vì hội nhập văn hóa là điều cần thiết trong việc truyền giáo của Giáo hội, cụ thể ở Á Đông, nơi mà sự quý trọng tư tưởng Khổng Mạnh và tôn kính Tổ Tiên là điều phổ biến ... Bấy nhiêu điều làm cho thầy Thuận rất ngưỡng mộ Dòng Tên, và có ý định xin trở thành môn đệ của Thánh Inhaxiô.



Đại Chủng viện Phú Xuân, Giáo phận Huế

Một linh mục Dòng Tên khác mà thầy Thuận rất ngưỡng mộ chứng từ can đảm khi đọc tiểu sử lúc còn tu học ở Tiểu Chủng viện An Ninh, đó là cha Miguel Agustin Pro (1891-1927), vị tử đạo anh hùng người Mêhicô, và thầy đã nói rằng: “Cha ấy không sợ gì cả vì ngài đã đặt trọn đời sống của mình vào tay Thiên Chúa”.

Nhưng vào thời buổi đó, ai ở Việt Nam muốn gia nhập

Dòng Tên, thì bước đầu phải vào nhập học tại một cơ sở của Dòng tại Phi Luật Tân. Đó là điều bất khả đối với thầy Thuận. Vì thế, thầy bỏ ý nguyện đó với nhiều tiếc nuối.

Sau đó, chiều hướng thích suy niệm và cầu nguyện, cũng như cuộc sống chiêm niệm, làm cho thầy Thuận có ý định gia nhập vào Dòng Biển Đức. Ngày ấy, một đan viện của Dòng Biển Đức được thiết lập tại Thiên An, tại vùng núi cách thành phố Huế chừng 8 cây số về hướng Nam. Nhà dòng nằm trong một khu vực đầy cây thông, rất yên lặng và cảnh trí đẹp.

Cha Bê trên Dom Romain là một đan sĩ rất hiền hậu, thánh thiện, và dễ mến. Thầy Thuận cũng có mối giao lưu tốt đẹp với cha Dom Benoît Nguyễn Văn Thái, vị linh mục Việt Nam đầu tiên của Dòng Biển Đức. Hai ngài là những người bạn lớn rất thân thiết của thầy, đã khuyên thầy đọc lại các sách bằng tiếng Pháp của cha Dom Marmion mà thầy đã đọc ở Tiểu chủng viện An Ninh. Thầy đọc kỹ lại các tác phẩm: *Le Christ, vie de l'âme*; *Le Christ en ses mystères*; *Le Christ, idéal du moine* của cha Dom Marmion, nhờ đó, thầy cảm nhận thêm được nhiều điểm mới mẻ và sâu thẳm về tình yêu của Đức Kitô.

Về sau, vào ngày 03-9-2000, Đức cha Thuận rất hạnh phúc được tham dự lễ tôn phong chân phước cho cha Dom Marmion tại Rôma. Trong thánh lễ này Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã giảng: *“Chân phước Dom Marmion đã để lại cho chúng ta một kho tàng giáo huấn thiêng liêng dành cho Giáo Hội thời nay. Trong các tác phẩm của ngài, thánh nhân chỉ ra một con đường nên thánh đơn giản mà rất cần thiết, cho mọi tín hữu, mà vì tình thương, Thiên Chúa đã tiền định cho được trở nên các nghĩa tử của Người trong Đức Giêsu Kitô. Chớ gì một sự tái khám phá sâu rộng những tác phẩm thiêng liêng của chân phước Colomba Marmion sẽ giúp đỡ cho các linh mục, tu sĩ và giáo dân được lớn lên trong sự kết hợp với Đức Kitô và đem đến Người một sự làm chứng trung thành qua tình yêu nồng cháy dành cho Chúa và sự phục vụ quảng đại anh chị em mình.”*

Luật dòng Thánh Biển Đức rất hấp dẫn đối với thầy, và làm cho thầy càng thêm ước mong gia nhập Hội Dòng. Thầy tham dự nhiều cuộc tĩnh tâm ở Thiên An và nghiêm túc chuẩn bị để vào Dòng... Nhưng tự nhiên, thầy cảm thấy phát sinh một nỗi ray rứt lo ngại khi nghĩ đến việc rời khỏi Đại chủng viện. Thầy cầu nguyện ngày đêm để xin Chúa soi sáng cho biết phải quyết định thế nào. Cầu nguyện nhiều, nhưng chẳng nghe chẳng thấy một lời nói hay dấu chỉ rõ ràng nào, chỉ biết rằng cứ mỗi lần đi Thiên An tĩnh tâm về là bị bệnh. Phải chăng ý Chúa bảo rằng cứ tiếp tục ở lại Đại Chủng viện? Thầy nghĩ vậy, và không còn nuôi ý định trở thành đan sĩ nữa.

Thầy quyết định tiếp tục việc tu học ở Đại Chủng viện Phú Xuân. Sau 2 năm triết, thầy lên các lớp thần học.

Vị giám đốc Đại Chủng viện ngày ấy là linh mục Simon Hòa Nguyễn Văn Hiền, phụ trách dạy môn thần học tín lý. Ngài là một linh mục thánh thiện, uyên bác và ưu tú bậc nhất của giáo phận Huế thời bấy giờ, đã đậu bằng Tiến sĩ thần học tại Đại Học Urbanô ở Rôma ngày 16-7-1937 và Cử nhân văn chương tại Pháp ngày 16-10-1939.

Cha Hiền sống khổ hạnh, rất nghiêm khắc với bản thân, nhưng khoan dung với mọi người. Cha Phaolô Lê Văn Đầu dạy môn triết học và thần học căn bản. Cha Philipphê Nguyễn Như Danh dạy môn Kinh Thánh và thần học luân lý.

Đối với thầy Thuận, các linh mục Nguyễn Văn Hiền, Nguyễn Như Danh và Lê Văn Đầu không chỉ là các ân sư, mà còn là những bậc huynh trưởng tràn đầy lòng bao dung nhân ái, sẵn sàng truyền đạt cho thầy tất cả kiến thức, sở học, và sự khôn ngoan của các ngài.

Tại Đại Chủng viện Phú Xuân, thầy Thuận được rảnh rỗi hơn ở Tiểu Chủng viện, nên dành nhiều thì giờ cho hai môn triết và thần học, là những môn học cần nhiều suy tư cá nhân.

Bộ sách Tổng Luận Thần Học “Summa Theologia” của

Thánh Tôma Aquinô được thầy nghiên cứu học tập rất kỹ. Sự phong phú của tác phẩm này đem lại nhiều hào hứng và thích thú cho thầy. Nhờ các tác phẩm chú giải của linh mục Dòng Đa minh Réginald Garrigou-Lagrange, thầy hiểu được dễ dàng tư tưởng của Thánh Tôma. Thầy cũng đọc rất kỹ càng tác phẩm “*Les trois âges de la vie intérieure*” (Ba thời kỳ của đời sống nội tâm) của Garrigou-Lagrange.

Đồng thời với tìm hiểu linh đạo Biển Đức và linh đạo Đa Minh, thầy cũng có một sự thích thú đặc biệt triết lý sư phạm của Thánh Gioan Bosco, đậm nét đề cao lý trí, tôn giáo, và lòng nhân ái. Thầy hết sức khâm phục sự hiến thân trọn vẹn của ngài cho người nghèo khổ và thanh thiếu niên. Thầy hiểu rằng sở dĩ Thánh Bosco đã thành công trong việc giáo dục giới trẻ, bởi vì ngài tìm cách đi sâu vào tâm tư của thanh thiếu niên để hiểu họ và những vấn đề đặc thù của riêng họ, rồi tìm cách giải quyết với một tấm lòng yêu thương không giới hạn. Chính nhờ hiểu rõ và xác tín về sự hợp lý của triết lý sư phạm đó, cho nên sau này Đức Hồng Y Nguyễn Văn Thuận đã hết sức thành công trong mục vụ giới trẻ, nhất là trong nhiệm vụ Giám đốc Tiểu chủng viện Hoan Thiện.

Cuốn tiểu thuyết “*Thế giới nhỏ của Don Camilo*” (Le petit monde de Don Camilo) của tác giả Giovanni Guareschi cũng đem lại cho thầy niềm vui thích sâu lắng. Tư tưởng của Giovanni Guareschi ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống tinh thần và phong thái xử thế của thầy. Trong nhân vật Don Camilo, linh mục vùng thôn giả, thầy tìm thấy một tấm gương đơn sơ, thật thà, thuần khiết, đạo đức, can trường, và tin tưởng một cách ngây thơ vào Thiên Chúa. Nội dung những cuộc đối thoại giữa Chúa và Don Camilo thật sâu sắc. Sự đối kháng giữa Don Camilo và anh xã trưởng vô thần Peppone nói chung luôn hòa thuận và hai bên đều biết tôn trọng luật chơi. Sau này, cả khi làm giám mục Nha Trang, ngài luôn khuyến khích các linh mục đọc cuốn sách đó.

Ngoài sách Tin Mừng và Các Giờ Kinh Phụng Vụ, còn có hai cuốn sách khác thầy luôn sử dụng để suy gẫm và cầu nguyện

hằng ngày là sách Gương Chúa Giêsu (Imitation de Jésus-Christ) và sách Nhật Tụng Kính Đức Mẹ (Petit Office de la Sainte Vierge tous les jours).

Sáu năm theo học tại Đại Chung viện trôi qua mau chóng. Thầy lãnh phép cắt tóc năm 1950, các chức nhỏ ngày 10-6-1950 và 11-6-1951, chức năm ngày 04-6-1952, phó tế ngày 12-6-1952.

Thụ phong linh mục

Ngày 11 tháng 6 năm 1953, thầy Phó tế Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận được nhận lãnh thánh chức linh mục tại nhà thờ Chính tòa Phủ Cam, do vị Bề trên cũ là Đức cha GB.Urrutia (Thi), Giám mục Giáo phận Huế chủ phong.

Vị tân linh mục mảnh mai gầy yếu được bà con nội ngoại, thân hữu gần xa, và đồng hương Phủ Cam đón tiếp hết sức nồng nhiệt. Ai ai cũng vui mừng phấn khởi. Nhất là thân phụ và thân mẫu của ngài: bao ngày tháng chăm lo nuôi dưỡng, biết bao hy sinh thầm lặng, biết bao ngày đêm cầu nguyện cầu xin...hôm nay Chúa đã nhậm lời.

Phó xứ Tam Tòa

Sau ngày thụ phong, tân linh mục Phanxicô Xaviê được cử đến Tam Tòa, làm phó xứ cho cha Simon Hoàng Văn Tâm.

Tam Tòa là một giáo xứ có truyền thống đạo đức rất đáng quý. Trong Báo cáo thường niên năm 1905 gửi Hội Truyền giáo Hải ngoại Paris, Đức cha Caspar đã ghi nhận: “.... *Thủ phủ của giáo hạt Quảng Bình là Tam Tòa, giáo xứ do cha Bonin lập nên, và nay rất phồn thịnh. Vị trách nhiệm giáo hạt này, từ vài tháng nay, là cha Chabanon, ngài chỉ muốn như vị tiền nhiệm, tận tâm lo cho thiện ích của các linh hồn ngài trách nhiệm. Đời sống đạo trong giáo xứ Tam Tòa này vẫn duy trì trong một mức độ không thể thỏa lòng hơn.*”⁽⁴³⁾

Đây là một giáo xứ lớn ở phía bắc của Giáo phận Huế, nằm

ở thị xã Đồng Hới, trung tâm tỉnh Quảng Bình. Tam Tòa vào năm 1953 có khoảng trên 3.000 giáo dân, công việc mục vụ rất nhiều và đa dạng. Cha Simon Hoàng Văn Tâm, chánh xứ kiêm Hạt trưởng Quảng Bình đã 67 tuổi, già yếu, nên cha phó Thuận với bản tính năng động nhiệt tâm, đã hết mình phục vụ cộng đoàn. Cha hòa mình gần gũi với mọi người, nhất là giới thanh thiếu niên, thành lập Thiếu đoàn Hướng đạo Bắc Đẩu. Vì trong thời buổi chiến tranh, nhiều người nông dân nghèo khổ bị thương từ các vùng quê tỉnh Quảng Bình tìm đến bệnh viện Đồng Hới để chữa trị nên cha thường dẫn các hướng đạo sinh đến thăm và giúp đỡ họ. Đã nhiều lần, nhờ các nữ tu Mến Thánh Giá phục vụ ở bệnh viện báo tin có người chết vô thừa nhận, ngài luôn mau mắn cùng các em hướng đạo sinh kéo một chiếc xe đến bệnh viện đưa thi hài người xấu số về chôn cất tại nghĩa địa giáo xứ Tam Tòa nằm trên đồi cát ở cuối làng.



Tân linh mục Nguyễn Văn Thuận cùng Đức cha Ngô Đình Thục và Hội đồng Giáo xứ Phủ Cam trong ngày thụ phong. Ảnh do bà Nguyễn Thị Thu Hồng cung cấp.

Trong trận lụt rất lớn xảy ra ở Quảng Bình vào mùa thu

năm 1953, ngài đã nhiều ngày đêm dầm mưa lội nước điều động bà con giáo dân, thanh niên nam nữ, và các hướng đạo sinh giáo xứ Tam Tòa tích cực cứu trợ mọi đồng bào lương giáo. Bởi vậy, sức khỏe của ngài xuống dốc trầm trọng. Cứ vào mỗi buổi chiều, ngài bị lên cơn sốt kèm theo những cơn ho dai dẳng. Cha bị ho ra máu. Cha sở Hoàng Văn Tâm quá lo âu, nên khuyên ngài phải sớm rời Quảng Bình về Huế khám bệnh.

Ông bà cố và toàn thể các em hết sức lo âu khi bác sĩ Bệnh viện Huế báo tin cha Thuận bị lao phổi. Các bác sĩ ở Huế đều có một kết luận như nhau: bệnh nhân cần được giải phẫu để cắt đi một phần hoặc tất cả lá phổi bên phải. Bình tĩnh, thân mẫu ngài nói rằng: *“dù việc gì xảy ra, con cũng đã đạt được điều mơ ước của đời con, là trở thành linh mục của Chúa”*. Còn thân phụ của ngài, bình thường ít khi tỏ ra xúc động, nhưng trong những ngày ấy, ngài thấy ông cụ hay rơm rớm nước mắt...

Theo sự sắp đặt của gia đình, cha Thuận vào Sài Gòn đến bệnh viện Saint Paul chữa trị vào đầu tháng 12 năm 1953. Tại đây, sau khi khám nghiệm các bác sĩ cũng kết luận như ở Huế: ngài bị lao phổi, nhưng cuộc phẫu thuật khá phức tạp dự kiến dành cho ca bệnh này hiện chưa thể thực hiện ngay được. Phải chờ thôi. Sức khỏe ngày càng giảm sút, mỗi ngày, các buổi đi dạo sáng chiều trong vườn bệnh viện làm cho cha thêm mệt nhiều.

Ở Huế, cha Pierre Richard đến thăm hai ông bà cố và nói rằng ngài rất quen thân với các bác sĩ ở Quân y viện Grall của quân đội Pháp tại Sài Gòn. Nếu gia đình đồng ý, ngài sẽ giới thiệu để cha Thuận vào đó chữa trị. Ông bà phấn khởi báo tin cho con biết.

Nhờ cha Richard sắp đặt, vào tháng 4 năm 1954, cha Thuận được vào điều trị tại Quân y viện Grall. Các bác sĩ Pháp ở đây nghiên cứu hồ sơ bệnh lý, làm xét nghiệm và khám lại rất kỹ. Họ cho biết cha sẽ được giải phẫu để cắt bỏ lá phổi bên phải bị vi trùng lao xâm nhập, nhưng sau đó có thể sức khỏe của ngài sẽ không hồi phục được như cũ.

Cha cảm ơn và tiếp tục cầu nguyện, chờ xe đưa vào phòng mổ...

Một trong các bác sĩ đề nghị chụp X-ray phổi trước khi gây mê. Sau khi chụp X-ray, ngài được đưa trở về phòng chờ. Hai bác sĩ quan sát kỹ tấm phim phổi vừa chụp, rồi trao đổi với nhau trước phòng cha nằm. Cuối cùng một bác sĩ bước vào phòng báo cho ngài hay: ngài khỏi giải phẫu.

- Thưa bác sĩ, thế thì bệnh lao đã lây sang phổi kia rồi hay sao? Cha Thuận hỏi.

- Không. Khỏi giải phẫu vì chúng tôi không còn thấy dấu bệnh lao ở cả hai phổi. Tôi không biết sự việc xảy ra như thế nào.

Vị bác sĩ nhìn cha và không biết giải thích làm sao sự khỏi bệnh một cách khác thường này. Các bác sĩ nhìn nhau trong khi cha nói:

- Phép lạ.

- Tôi cũng cho là như vậy. Hai lá phổi của cha đều tốt, cha không cần mổ. Cha có thể về chiều nay, nếu muốn.

Nói xong, ông bước ra ngoài và trở lại nói thêm:

- Bây giờ, cha khỏe mạnh, và tôi không thể giải thích tại sao. Có thể, cha sẽ sống để thấy nhiều người trong chúng tôi chết!

Phản cha Thuận, ngài không ngớt tán tụng Thiên Chúa và cảm ơn Mẹ Maria. Trong điện tín gửi về nhà, ngài ghi: *“Mẹ thân mến, đã có một phép lạ xảy ra. Bệnh con đã biến mất. Con chuẩn bị về nhà.”*

Tháng 5-1954, sau khi từ Sài Gòn trở về Huế, cha Thuận được Đức Giám mục Urrutia khuyên hãy nên tĩnh dưỡng một thời gian, rồi Đức cha sẽ liệu sắp đặt công việc cho ngài.

Phó xứ giáo xứ Phanxicô Xaviê

Sau một tháng nghỉ ngơi, được thân mẫu chăm sóc bồi dưỡng, ngài thấy mình khỏe hẳn ra. Đến Tòa Giám mục trình diện Đức cha, sau khi hỏi thăm và chắc chắn bệnh cũ của ngài đã thuyên giảm, Đức cha cho biết: ngài được thuyên chuyển đến giáo xứ Phanxicô Xaviê ở trung tâm thành phố Huế làm phó xứ cho linh mục thừa sai Pierre Richard, tên Việt là Cố Phan. Cha Richard, thầy dạy cũ của ngài ở Tiểu chủng viện An Ninh, và cũng là ân nhân đã tận tụy giúp đỡ ngài trong thời gian vào Sài Gòn chữa bệnh lao.

Trước năm 1954, mỗi ngày chủ nhật giáo xứ Phanxicô Xaviê chỉ có một thánh lễ cử hành bằng tiếng Pháp vào buổi sáng, nhưng từ ngày cha Thuận đến làm phó xứ, ngài sắp đặt để giáo xứ có thêm một thánh lễ cử hành bằng tiếng Việt vào buổi chiều nữa.

Cha phó Nguyễn Văn Thuận đã hết sức quan tâm lo lắng để giáo xứ được phát triển về mọi mặt. Nhờ đó, số tín hữu được tăng thêm rất đông: năm 1955, giáo xứ có đến 3.000 giáo dân. Trước năm 1955, ở cung thánh nhà thờ Phanxicô Xaviê chỉ có một thánh giá nhỏ và 6 chân đèn bằng đồng, nhưng sau khi cha Thuận về làm phó cha Richard, ngài đã nhờ các giáo dân thợ chạm gốc Tam Tòa, là những người quen thân với ngài trong thời ngài phục vụ tại Quảng Bình trước kia, làm một thánh giá bằng gỗ khá lớn rất đẹp để đặt ở cung thánh, hiện nay vẫn còn. Ông bà cố của cha phó còn dâng cúng cho nhà thờ Phanxicô Xaviê một bộ tượng 14 chặng tràng thánh giá lấy từ nhà nguyện gia đình ở Phú Cam. Cha Thuận còn cho xây một hội trường ở phần sau của nhà thờ dành để các trẻ em và người lớn trong giáo xứ có nơi sinh hoạt.

Nhà thờ giáo xứ Phanxicô Xaviê do chính cụ Nguyễn Văn Nghi, cựu chủng sinh Tiểu chủng viện An Ninh thuộc giáo phận Huế, thường gọi là ông Hội Nghi, em ruột cụ Nguyễn Văn Diêu, ông nội cha phó Phanxicô Xaviê, đã đứng ra xây cất từ năm 1914 đến năm 1918 thời linh mục thừa sai Jean Léculier (Cố Lự) làm quản xứ.

Tuyên úy trường Pellerin & Bệnh viện Trung ương Huế & Lao xá Thừa Thiên

Năm 1955, cha Phanxicô Xaviê được Tòa Giám mục Huế bổ nhiệm từ giáo xứ Phanxicô Xaviê đến trường Trung học Bình Linh (Ecole de Pellerin) làm tuyên úy cho các Sư huynh Dòng La San thay thế cho cha chính Phêrô Trần Hữu Tôn về làm Giám đốc Trường Trung học Thiên Hựu (Institut de la Providence), kế nhiệm cha Simon Hòa Nguyễn Văn Hiền được Tòa Thánh trạch cử làm Giám mục Sài Gòn. Trường Bình Linh là ngôi trường ông ngoại của ngài, cụ Ngô Đình Khả, đã có công góp sức trong việc sáng lập. Đây cũng là nơi các cậu của ngài, thân phụ của ngài và bản thân ngài đã theo học trong thời niên thiếu.

Cha Thuận còn kiêm nhiệm thêm trách vụ tuyên úy Bệnh viện Trung ương Huế và Lao xá Thừa Thiên.

Năm 1956, ngài được Đức cha Urrutia gọi về Tòa Giám mục và bảo: - *Cha thấy con hoàn thành rất tốt nhiệm vụ tuyên úy trường Bình Linh, bệnh viện Huế và lao xá Thừa Thiên. Vì vậy, cha sẽ gởi con đi nơi khác sau khi cha làm xong các thủ tục cần thiết. – Thưa cha, cha sẽ gởi con đi đâu vậy?* Đức cha cười trả lời: *Đi Rôma*. Cha Thuận ngạc nhiên: *Sao cha đưa con con đi Rôma?* Đức cha tâm tình: *Cha thấy con có đủ những đức tính cần thiết để sau này trở nên một vị lãnh đạo trong Giáo hội. Qua Rôma, con sẽ học hỏi để biết sự điều hành công việc ở Vatican thế nào, điều đó sẽ có ích lắm. Con phải hoàn thành chương trình học vấn cao đẳng của Giáo hội. Con phải khám phá thế giới, vì con chưa bao giờ xuất ngoại. Con hãy nhìn lại gia đình con: ông ngoại con đã học ở Mã Lai, các cậu Thực, Diệm, Nhu và Luyện của con đều đã nhiều năm ở Âu Châu. Nghe Đức Giám mục nói xong, cha Thuận quá ngỡ ngàng, đến nỗi quên hẳn cảm ơn ngài. Đức cha nhìn người học trò ngài yêu quý và lặp lại một câu tiêu ngữ ưa thích của cha Thuận: “Con là một anh lính bộ binh giỏi. Con sẽ đi đến nơi nào Giám mục của con bảo đến”.*

Du học tại Rôma

Sau nhiều thủ tục khá nhiều khê, cha Thuận lên đường sang Rôma, nhập học tại Phân khoa Giáo Luật thuộc trường Đại học Urbanô sau kỳ nghỉ hè 1956. Trường này đã được Đức Giáo Hoàng Urbanô VIII thành lập năm 1627, nơi các Đức cha Ngô Đình Thục và Nguyễn Văn Hiền đã từng theo học. Vào thời gian cha Thuận nhập học, trường mang tên Collegium Urbanum de Propaganda Fide. Học ở đây, nhưng ngài lưu trú tại Pontificio Collegio San Pietro ở gần đó.

Cha Thuận rất phấn khởi và thích thú trong việc nghiên cứu học tập, vì gặp được ở đây những bậc thầy uyên bác và hết lòng vì sinh viên, trong khi sách và tài liệu tham khảo tại các thư viện ở Rôma quá sức dồi dào vào bậc nhất thế giới.

Đồng thời, có một điều khác may mắn và quý hóa không kém, là trong thời gian mấy năm du học cha Thuận đã giao lưu kết thân được với rất nhiều nhân vật sau này có nhiều liên hệ rất tốt đẹp trong cuộc đời ngài, như linh mục người Dahomey, lớn hơn ngài 6 tuổi, đang học tại Đại học Urbanô và cũng lưu trú tại Pontificio Collegio San Pietro, tên là Bernadin Gantin, về sau là Hồng y Bộ trưởng Thánh Bộ Giám mục tại Vatican. Ngài cũng quen thân với nhiều giáo dân rất ưu tú, như: ông De Habicht, một trong các lãnh đạo Hội Đồng Tòa Thánh về Giáo dân; ông Jean Larnaud, đồng sáng lập viên Trung tâm Công giáo của UNESCO, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hiệp quốc; ông La Pirra, người đã giữ vai trò rất quan yếu trong việc soạn thảo Lời Mở Đầu của Hiến Pháp nước Ý sau Đệ nhị thế chiến, v.v...

Vào thời gian đầu kỳ nghỉ hè năm 1957, ngài đến Dublin thăm và trao đổi nhiều với ông Frank Duff, người sáng lập Legio Mariæ (Đạo Binh Đức Mẹ). Nhân dịp ở lại Ái Nhĩ Lan, ngài đọc kỹ các tài liệu Đức Hồng y Leo Suenens viết linh đạo của Legio Mariæ. Qua các lần trao đổi với ông Duff, ngài thấy ước muốn đi hành hương Fatima, nơi Đức Mẹ đã hiện ra với ba trẻ mục đồng năm 1917, và qua các em, Mẹ đã ban cho nhân loại một sứ điệp

rất quan trọng. Nhưng trước khi đến Fatima, ngài nghĩ rằng nên đến Lộ Đức trước cho thuận đường.

Tháng 8 năm 1957, ngài đi hành hương Lộ Đức bằng xe lửa. Giống hệt như những lần đến La Vang, khi đến gần hang đá, nơi Đức Mẹ hiện ra với Thánh nữ Bernadette năm 1858, ngài cảm nhận sự hiện diện của Đức Mẹ một cách rất hữu hình. Hôm đó, khách hành hương không nhiều, ngài quỳ gối gần lối đi vào hang đá, quá hạnh phúc đến nỗi không nhớ một kinh nguyện nào cả, chỉ mở lớn đôi mắt ngắm nhìn vào bức tượng Đức Mẹ lớn như người thật được đặt ngay ở chỗ xưa kia Mẹ hiện ra, và phán với Bernadette: *“Ta là Đáng Vô Nhiễm Nguyên Tội”*. Xúc động khi đến hành hương tại nơi Mẹ Maria đã hiện ra báo cho người thiếu nữ thơ ngây một trong những mầu nhiệm lớn lao nhất của sự sáng tạo của Thiên Chúa, cha Thuận liên tưởng đến cuộc đời của Bernadette: bị ngược đãi, bị nhục mạ, bị giam cầm, chỉ vì đã kính mến Mẹ, tuy nhiên, thánh nữ vẫn dành trọn cuộc đời để loan báo sứ điệp Mẹ trao cho: *“Ta là Đáng vô Nhiễm Nguyên Tội”*.

Quỳ trước hang đá, nhìn lên tượng Mẹ, cha chăm chú cầu nguyện, và có cảm tưởng rằng những lời Mẹ nói với Thánh nữ Bernadette: *“Mẹ không hứa ban cho con niềm hân hoan và sự an ủi ở trần gian này, nhưng hứa ban cho con những thử thách và đau khổ”* cũng là những lời Mẹ nói với mình. Càng cầu nguyện, cha càng thấy sứ điệp Mẹ gởi đến cho mình trở nên rõ ràng, tuy không hiểu được đó là những thử thách và đau khổ gì, nhưng ngài chấp nhận và phó thác trong tay Mẹ: *“Nhân danh Chúa Giêsu và nhân danh Mẹ, con xin lãnh nhận những thử thách và sự khốn khó Chúa và Mẹ gởi đến cho con”*.

Cha ở lại cầu nguyện bên Mẹ đến khuya, và tự nhủ: sau này, khi nào còn có mặt tại Âu Châu, sẽ đến hành hương Lộ Đức mỗi kỳ hè. Sáng hôm sau, cha ra ga mua vé xe lửa đi Fatima.

Tại Fatima, cha sốt sắng suy niệm sứ điệp Mẹ gởi đến cho ba trẻ mục đồng 40 năm trước: cầu nguyện, ăn năn trở lại với Chúa và thực hành việc sám hối. Càng ngắm nhìn ảnh Đức Mẹ

Fatima, tự nhiên cha cảm thấy ảnh này có một vẻ đẹp gần giống như khuôn mặt thật của Mẹ, và do suy nghĩ này, về sau, tại những nơi ngài ở, ảnh Đức Mẹ Fatima luôn được đặt ở chỗ trang trọng nhất.

Mùa hè năm sau, 1958, ngài lại đi hành hương Lộ Đức, và thành tâm lặp lại lời hứa với Mẹ: con xin vui lòng chấp nhận các thử thách và đau khổ Chúa và Mẹ gởi đến.

Trở về Rôma, cha Thuận được chung chia cùng cộng đoàn dân Chúa niềm đau xót khi Đức Thánh Cha Piô XII qua đời vào ngày 09-10-1958, và nổi vui mừng khi Đức Thánh Cha Gioan XXIII được bầu lên ngày 28-10-1958.

Năm 1959, ngài nhận học vị Tiến sĩ Giáo Luật hạng tối ưu (*summa cum laude*) với luận án về mục vụ tuyên úy quân đội trên thế giới: “***Studium comparativum de organisatione capellanorum militum in mundo***”.

Trước khi trở về Việt Nam, ngài đã đi thăm một số nước ở Âu Châu và Bắc Mỹ như Đức, Hoa Kỳ, Canada.

Bè Trên Tiểu chủng viện, rồi Tổng Đại diện Giáo phận Huế

Từ Rôma trở về nước, cha Phanxicô Xaviê được Đức cha Urrutia đã báo rằng: *Tôi gởi cha đi Rôma không phải không chủ đích. Giáo hội Việt Nam sẽ cần nhiều mục tử (người Việt) mới, và cha sẽ là một trong những vị đó. Đừng khiêm nhượng... cha phải chuẩn bị để lãnh đạo. Do đó, cha cần phải hành động, cầu nguyện... và cộng tác với Giám mục của mình. Trong bước đầu, cha sẽ dạy tại Tiểu Chủng viện Phú Xuân trong một thời gian.*

Ngài bắt đầu làm giáo sư Tiểu Chủng viện Phú Xuân niên khóa 1960-1961. Chính trong thời gian này ngài đã viết tác phẩm đầu tay của mình là cuốn Đức Thánh Cha Gioan XXIII. Trong những năm sau đó, ngài tiếp tục viết và cho in các sách: - Hướng Đạo Đại Cương. - Con Tôi Làm Linh Mục. - Đời Sống Linh Mục.

Ngày 24-11-1960 Tòa Thánh ban hành Sắc chỉ Venerabilium Nostrorum của Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII thiết lập phẩm trật Giáo Hội tại Việt Nam, với ba giáo tỉnh: Sài Gòn, Huế và Hà nội. Giáo tỉnh Huế gồm có bốn giáo phận chính tòa: Huế, Quy Nhơn, Nha Trang và Kon Tum do Đức cha Phêrô Martinô Ngô Đình Thục làm Tổng Giám mục.

Cha Nguyễn Văn Thuận được cử làm Bề Trên Tiểu chủng viện Phú Xuân vào tháng 12 năm 1960 thay thế cha Anrê Bùi Quang Tịch. Bốn tháng sau, vào ngày 12-4-1961, Đức cha Ngô Đình Thục về Huế nhận chức Tổng Giám mục.

Tiểu chủng viện Giáo phận Huế lâu nay sinh hoạt tại cơ sở của Đại chủng viện Phú Xuân, nay được Tòa Giám mục cho xây dựng cơ sở mới ở gần bên trường trung học Thiên Hựu. Việc xây dựng Tiểu chủng viện kéo dài 2 năm và được khánh thành vào hè năm 1962, mang tên là Tiểu chủng viện Hoan Thiện.

Ngày 11-10-1962, Công đồng Vatican II đã khai mạc tại Rôma. Mặc dầu bề bộn công việc hằng ngày, nhưng cha Bề trên Thuận theo dõi với một sự hào hứng say mê đặc biệt các sinh hoạt của Công đồng. Ngài đọc kỹ và nghiền ngẫm các tài liệu rất dồi dào từ Rôma gửi về, với niềm xác tín Công đồng là một hồng ân vĩ đại Thiên Chúa thương ban cho Giáo hội. Công đồng, bế mạc ngày 8-12-1965, đã trở thành kim chỉ nam hướng dẫn các suy tư, các sáng tác và mọi hoạt động mục vụ của ngài cho đến ngày cuối đời.

Ngày 27-5-1964, khi vừa 36 tuổi, cha Bề trên Tiểu chủng viện Nguyễn Văn Thuận được Đức cha Giám quản Nguyễn Kim Điền trao thêm nhiệm vụ Tổng Đại diện Giáo phận Huế cho đến năm 1967.

Trong suốt thời gian gánh vác trách nhiệm Bề trên Tiểu chủng viện Hoan Thiện từ năm 1961 đến năm 1967, ngài được sự cộng tác toàn tâm toàn ý và tràn trề tình huynh đệ của một số linh mục giáo sư thánh thiện, ưu tú, trẻ tuổi, học vấn cao, năng động, nhiều sáng kiến, đầy nhiệt tâm cũng như khả năng sự phạm. Đó là

các cha Jean Baptiste Etcharren, Giacôbê Lê Văn Mẫn, Phêrô Đoàn Quang Hàm, Philipphê Trần Văn Hoài, Giuse Nguyễn Như Tự, Emmanuel Nguyễn Vinh Gioang, Têphanô Nguyễn Như Thê, Giuse Trần Văn Lộc và Augustinô Hồ Văn Quý. Nhờ vậy các chủng sinh đã thu đạt được những kết quả về học vấn, tu đức và nhân bản rất tốt đẹp.

Một vị Bề trên Tiểu Chủng viện tuyệt vời

Đã qua một nửa thế kỷ rồi, nhưng trong ký ức các linh mục và cựu chủng sinh xuất thân từ Tiểu Chủng viện Hoan Thiện ngày ấy, cha Bề trên Phanxicô Xaviê luôn để lại một dấu ấn vô cùng đậm nét tốt lành trong tâm hồn mỗi người.

Đức Ông Phaolô Phan Văn Hiền một nghĩa tử và là học trò của ngài tại Tiểu Chủng viện Hoan Thiện ghi lại:

“Cha Bề Trên hiền từ và thương yêu các chú một cách đặc biệt. Không bao giờ thấy ngài la rầy, quở mắng hay to tiếng với ai. Lúc nào mặt ngài cũng tươi cười, ân cần hỏi han chăm sóc, ngay cả khi phải lên tiếng chỉ dạy. Cũng vì quá hiền từ như vậy, nên cha quản lý Lê Văn Mẫn thường than thở với ông cố (cha) của ngài: “Cha Bề trên hiền quá, nên chẳng có chú nào sợ cả, may mà có con. Chú nào lớ xớ (nghịch ngợm,) là con “phơ” liền (feu của tiếng Pháp: lửa, bắn. Ở đây có nghĩa là bóp tai), nhờ vậy mà chủng viện được êm thấm.”

“Thật ra, cha Bề trên có một cái nhìn giáo dục mới. Ngài chủ trương giáo dục phải đặt nền tảng trên yêu thương và gương sáng chứ không phải trên lễ luật và trừng phạt. Và tất cả chúng tôi đã đáp lại tình thương của ngài một cách tích cực bằng cách cố gắng học hành, trau dồi tu đức, nhờ đó mà cuộc sống chủng viện trở nên nhẹ nhàng thoải mái. Ngay cả vấn đề giữ luật, ngài cũng là một tấm gương sáng cho chúng tôi. Ngài luôn có mặt trước chúng tôi ở bất cứ giờ chung nào trong chủng viện. Mỗi sáng chuông đánh thức dậy lúc 4 giờ rưỡi, chúng tôi đã thấy ngài đi đi lại lại đọc sách kinh trước cửa nhà nguyện rồi, mặc dầu mỗi

tối ngài làm việc rất khuya. Lúc nào ngọn đèn trong phòng ngài cũng là ngọn đèn được tắt đi cuối cùng trong chủng viện. Rồi giờ cơm, giờ học, giờ huấn đức, giờ kinh tối..., ngài đều đến trước chúng tôi. Chú nào đến trễ hay lỗi luật nhiều lần, ngài gọi vào phòng riêng của ngài để khuyên bảo. Không bao giờ la mắng trước đám đông. Nhiều lần ngài đánh chuông thức dậy thay cho chú có nhiệm vụ giữ giờ, vì chú vô tình dậy trễ hay ngủ quên.



Tiểu Chủng viện Hoan Thiện

Ngài thông cảm tuổi trẻ, có thể vì học hành mệt mỏi nên không nghe chuông đồng hồ báo thức. Và vì thế, ngài không bao giờ nói lại cho các cha giáo khác biết, sợ các ngài thiếu thông cảm, lại rầy la. Cha Bê trên còn phụ trách vấn đề sức khỏe cho các chú trong chủng viện. Mỗi tối, sau đọc kinh, các chú xếp hàng trước phòng ngài để xin thuốc uống. Người đau đầu, kẻ đau bụng, nhức răng... Một số chẳng có bệnh tật gì cũng đến khai nhức đầu, khó chịu trong người, để được ngài cho kẹo ngậm, thuốc bổ hay

Vitamin C. Ngài giả như không biết để có dịp gặp gỡ và khuyến khích học hành. Sau phân phát thuốc, đến lượt các chú bị thương tích trầy trụa hay ghẻ lở. Chính ngài tự tay rửa sạch và băng bó những vết trầy hay mụn ghẻ của các chú với tình yêu thương của một người cha. Ngài vừa làm vừa hỏi chuyện về hoàn cảnh gia đình, về việc học hành một cách ân cần. Nhờ đó ngài biết rõ từng chú một và tìm cách giúp đỡ một cách thực tế. Chúng tôi tất cả đều yêu mến ngài. ⁽⁴⁴⁾



Cha Giám đốc Nguyễn Văn Thuận và các chủng sinh Hoan Thiện

“Thật vậy, mặc dầu xuất thân từ một gia đình quyền quý, sang trọng, ngài không sống kiêu cách, tự phụ, mà rất bình dân, khiêm nhường một cách chân thành. Ai gặp ngài cũng thấy thật gần gũi, tự nhiên như gặp một người thân. Tất cả những lo lắng sợ sệt đều biến mất. Ngài lại có biệt tài nói chuyện, tiếp xúc với mọi hạng người trong xã hội, ngay cả những trẻ em, cụ già, nên người nào cũng tự nhận ngài thuộc về “phe mình”. Lời phân trần của cha Lê Văn Mẫn, quản lý Tiểu Chủng viện Hoan Thiện với ông cố (cha) của ngài: “chẳng có chú nào sợ cha Bê trên cả” qua

thật không sai lầm. Làm sao mà còn có thể cảm thấy sợ sệt khi được sống với một bề trên thật bình dân, vui vẻ, và luôn luôn yêu thương săn sóc mình? Vì thế, thay vì sợ, các chú dành trọn yêu thương cho ngài. Và nhờ đó, cuộc sống chủng viện có bầu khí của một gia đình. Chú nào có chuyện gì, hay gặp khó khăn cũng đều muốn chia sẻ với ngài. Những gia đình nghèo không đủ khả năng để đóng tiền ăn học trong chủng viện, dù chỉ là tượng trưng, đều được ngài sẵn sàng giảm bớt hoặc cho không, vì ngài quý ơn gọi và cố gắng tạo mọi điều kiện dễ dàng để những chú đó có thể tiếp tục việc học hành tu đức ...

“Ngài không những chỉ sống bình dân, chân thành, gần gũi để làm gương cho các chú trong chủng viện, nhưng còn thật sự muốn huấn luyện chúng tôi sống theo tinh thần đó bởi vì ngài thấy rõ đây là những đức tính cần thiết cho một con người trưởng thành. Cùng với mục đích đó, phong trào Hướng đạo được ngài đưa vào chủng viện. Tất cả chúng tôi tùy theo lớp tuổi được sắp xếp vào các ngành Thiếu, Kha và Tráng. Bầu khí chủng viện sôi động hẳn lên với những buổi sinh hoạt, trò chơi, văn nghệ, lửa trại... Tinh thần “sẵn sàng” của Hướng đạo được tất cả anh em chúng tôi áp dụng vào mọi khía cạnh của đời sống chủng viện từ khi nghe chuông thức dậy buổi sáng cho tới khi lên giường ngủ. Nhưng đặc biệt, tinh thần hướng đạo còn giúp chúng tôi biết sống phục vụ, sẵn sàng giúp đỡ người khác, biết nói tốt và nghĩ tốt cho nhau, biết tranh đua trong tinh thần huynh đệ, biết sống tinh thần đồng đội, sống bình dân giản dị, gần gũi với thiên nhiên và mọi người. Hơn ai hết, ngài ý thức tinh thần hướng đạo sẽ giúp ích cho đời sống linh mục vì chính ngài cũng đã từng là hướng đạo sinh và làm tuyên úy Tráng đoàn La Vang. Ngài cũng thường tổ chức và hướng dẫn những cuộc đi bộ hành hương với hướng đạo sinh và sinh viên công giáo từ Huế đến La Vang để kính viếng Đức Mẹ. Đối với ngài, đây là những cơ hội thuận tiện nhất để tiếp xúc và trò chuyện thân tình với giới trẻ công giáo, giúp họ hiểu rõ hiện tình của Giáo hội, hoàn cảnh của đất nước, và đồng thời khuyến khích họ nỗ lực góp phần xây dựng quê hương và canh tân

Giáo hội. Trong khung cảnh thiên nhiên, bên ánh lửa trại bập bùng, họ dễ dàng hội nhập với những thao thức của ngài và nhìn thấy qua ngài hình ảnh của một người bạn chân tình, một người đàn anh đang chia sẻ những ưu tư của mình cho đàn em để cùng quyết tâm thực hiện.⁽⁴⁵⁾

Một cựu chủng sinh khác, ông **Nguyễn Đăng Trúc**, giáo sư Đại Học Strasbourg, có những ghi nhận rất trân trọng về ngài:

“Niên khóa 1960-1961... ngài xuất hiện ra trước mắt tôi lúc đó như một hình ảnh gầy, cao, thẳng, đi nhanh, ăn mặc chỉnh tề, sạch sẽ và hay cười... Tôi nhớ dường như năm ấy ngài không làm gì nổi bật trong tiểu chủng viện ngoài một sự hiện diện vui vẻ, trẻ trung, một thái độ tôn trọng các linh mục hoặc là thầy của ngài ngày trước, hoặc là lớp đàn anh của ngài. Ngài dạy lớp tôi môn Pháp văn; và riêng cá nhân tôi, tôi là một trong những chủng sinh chọn ngài làm cha linh hướng. Nếu còn có một tình cảm nào còn lưu lại trong những lớp Pháp văn ấy, thì đó là một tình cảm an bình, thoải mái trong những ngày tu trì. Mỗi giáo sư đều có một cái gì tích cực để lại trong cuộc sống chúng tôi, và điểm tích cực nơi vị linh mục trẻ này là trao cho tôi niềm vui khi học: không một giờ nào của ngài mà chúng tôi không có dịp để nghe chuyện vui và những điều lạc quan trong các câu chuyện ngài kể. Riêng về cuộc sống thiêng liêng mà tôi tiếp cận được nơi linh mục linh hướng này, đó là thái độ cung kính nghiêm trang khi ngài thi hành các tác vụ thiêng liêng của một linh mục. Đây là yếu tố gây nên chấn động lớn lao hơn cả trong cuộc sống tôn giáo của tôi khi được sống gần gũi với ngài...”

“Trước đây, sau khi có việc “hô điểm” cuối mỗi kỳ họp các cha, và sau khi vào gặp cha Bề trên để nghe “tin dữ”, chú nào bị “đuối” ra khỏi chủng viện thì thấy đời mình như “cùi hủi” rồi, một sự thất bại ê chề trong cuộc đời, cha mẹ sẽ buồn, bạn bè e ngại đứng xa xa mà nhìn như phút chốc mình trở thành kẻ “tội lỗi”. Chú ấy phải dọn đồ về ngay; nếu nhà xa hay trở ngại chưa đi về được, thì ra ở nhà khách... Nhưng từ ngày cha Thuận làm bề

trên, cứu chúng sinh như được cha thương riêng, có lúc làm cho kẻ ở lại phải nêu thành câu hỏi. Ngài hay nói tiếng Pháp vào dịp này: đi tu “c’est une chance”, mà ra đời “c’est une autre chance”. Mỗi người ra đi được đối xử một cách trân trọng khác nhau, nhưng không ai rời chúng viện trong thời cha Bê trên Thuận mà mang một mặc cảm nào...

“Từ ngày linh mục Thuận làm bề trên, không sáng nào, không tối nào, chúng sinh không thấy bề trên của mình ở mút đầu ghé bên trái cửa đi vào nhà nguyện. Ngài quỳ thẳng người ở đó trước khi chúng tôi đến nhà nguyện mỗi sáng, đích thân hướng dẫn nguyện gẫm, dâng thánh lễ buổi sáng mỗi ngày. Nếu tôi nói với bạn là trong suốt 6 năm tôi được ở dưới sự hướng dẫn của ngài, nhưng chưa một lần tôi thấy có một cử chỉ nhỏ nào sơ suất khi ngài dâng thánh lễ hay trong lúc đọc kinh, nguyện gẫm..., chắc bạn thấy thường thôi; nhưng qua kinh nghiệm riêng của tôi về cuộc sống tôn giáo, tôi thấy đây là dấu chỉ đích thực của một cuộc sống nội tâm sâu dày và kiên trì hiếm có...

“Tất cả thư từ ngài gửi cho tôi khi tôi còn tu hay tôi đã xuất tu, ngài luôn nói câu cuối cùng nhấn nhủ: “Chúng ta phó thác mọi sự cho Mẹ Maria của chúng ta”. Ngài tha thiết sùng kính Mẹ, và đặt ngay tượng Mẹ ở giữa trung tâm các tòa nhà chúng viện...

“Hè năm 1967, tôi dự định xuất tu, không còn ở trong Giáo hoàng Học viện Đà Lạt. Ngài vừa nhận chức Giám mục, đến thăm Đại học và Giáo hoàng Học viện Đà Lạt. Ngài kêu riêng tôi để gặp ngài tại Đại học. Tôi chỉ nhớ một câu ngài nhấn tôi khi tôi trao đổi với ngài về quyết định của tôi. Ngài nói: “Tu cũng tốt mà về cũng là một ơn gọi riêng. Nhưng con nhớ điều này trong đời mình: điều tệ hại trong cuộc đời không phải phạm tội, nhưng là mất đi ý thức tội lỗi”...⁽⁴⁶⁾

Cha không bao giờ thay đổi, lúc nào cha cũng vẫn là cha...

Ông Đỗ Thắng Cảnh, một cựu chủng sinh lớp Phú Xuân 1960, qua thư gửi anh em trong Gia đình Cựu Chủng Sinh Huế ngày 06-10-2011, đã ghi lại những kỷ niệm đầy tình phụ tử vào tối ngày 23-6-1967, hôm trước ngày ngài nhận mũ gậy Giám mục: *“Tôi nhớ mãi cái đêm hôm trước ngày tấn phong Giám mục của cha Bê trên. Tối hôm đó, cha Bê trên vẫn ở trong căn phòng cũ tại Tiểu Chủng viện Hoan Thiện... Cha Bê trên tối hôm đó vẫn “tĩnh rụi” và pha trò “ba lon” với các chú như thường nhật. Ngài bận chiếc quần dài trắng - còn cái áo maillot có tay thì hơi chật nên hở cả khoảng bụng - Bọn tôi tối hôm đó hình như có cả Dương Quỳnh, Lê Hồng Phúc... “hề” nhau sờ bụng ngài: “...Cha cho bọn con sờ bụng cha lần chót vì ngày mai là ngày cha bận áo Giám mục “nẹp đỏ” và “đi luôn” rồi...” - Cha đã cười hì hì... Bây giờ “nghiêm” lại, thấy cha thiệt lạ! Là linh mục, là cha Bê trên, là Giám mục hay là Hồng y... Nhiệm vụ có đổi thay nhưng Cha thì không bao giờ thay đổi! Cha lúc nào cũng vẫn là cha . . .”*

Ông Nguyễn Cả, cựu chủng sinh lớp Phú Xuân 1961 chia sẻ những tâm tình của ông đối với vị ân sư:

Cha Bê Trên Phanxicô Xaviê biến đổi đời con

Mùng lễ bốn mạng của cha Bê trên Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận ngày 03 tháng 12 năm nay, tôi xin ghi lại vài mẩu chuyện rất nhỏ, nhưng hoàn toàn không nhỏ đối với đời tôi. Thiết tưởng, đây cũng là một việc làm nói lên tấm lòng biết ơn của người học trò dành cho vị ân sư, vị Bê trên chủng viện, cũng là thần tượng.

Ngài được Giáo phận đề cử làm giáo sư Tiểu Chủng viện Phú Xuân niên khóa 1960-1961. Năm sau, ngài làm Bê trên. Bấy giờ lớp Phú Xuân 1961 của chúng tôi bắt đầu vào tu. Việc cải tổ đầu tiên của cha tân Bê trên là không thi tuyển. Có bao nhiêu em muốn đi tu là ngài đều nhận vào chủng viện. Đây là một

hồng ân lớn lao dành cho các cậu bé nhà quê như tôi, trình độ học vấn thấp, chắc chắn không thể so tài với các bạn vùng thành thị.

Điều này làm tôi suy nghĩ suốt cuộc đời, thúc dục tôi luôn có một tấm lòng quảng đại, tạo điều kiện cho mọi người chung quanh được vươn lên. Cách riêng, khi chúng ta có chút quyền hạn nào đó trong tay, tâm hồn nên rộng mở và phải biết yêu thương tha nhân.

Một ngày mùa đông, tôi rảo bước trên hành lang chủng viện. Bỗng đằng kia cha Bê trên đi ngược chiều. Tôi hồi hộp lo sợ khi phải đối diện với ngài.

- Chú Cả có khỏe không?

- Dạ thưa cha, con khỏe. Tôi vòng tay cung kính đáp.

- Chú có lạnh không?

- Dạ thưa cha, con không lạnh.

Bấy giờ tôi thật ấm lòng, thấy nơi ngài tỏa sáng sự quan tâm, không ngờ ngài biết tên mình và cởi mở với mình. Sau những năm tháng đi “học tập cải tạo”, tôi trở về nhà và tạm trú quê vợ ở Phường Tây. Cha xứ là Lm G.B. Lê Văn Hiệp (gốc Trí Bưu, nghĩa tử đầu lòng của Đức Hồng y, đã từ trần năm 2001) nhờ tôi tập hát cho ca đoàn. Nhiều ca viên chia sẻ với tôi rằng: Tụi em thích anh vì anh hạ mình xuống và kéo tụi em lên.

- Có gì đâu?

- Anh luôn gọi tụi em là quý anh chị... Có khi nào anh kêu: tụi bây, mấy đứa bây...

- À ra thế!

Tôi thăm nhủ: Xưa cha Bê trên Thuận còn gọi tôi là chú, nay tôi tôn trọng anh chị em cũng là chuyện bình thường thôi. Ngoài ra, có lần ngài đã dạy: cùng một cách sai khiến nhưng hai ý nghĩa, “mầy làm cho tao” hoàn toàn khác với “con làm giùm cha”.

Năm học 1962, Tiểu chủng viện di chuyển về Hoan Thiện, số 11 đường Đống Đa, Huế. Giờ huấn đức 15 phút mỗi tối trước bữa ăn làm tôi thích thú nhất. Cha Bê trên dạy về mọi cách xử thế ở đời, đặc nhân tâm, phép lịch sự, giao thiệp... thật hấp dẫn. Từ việc ăn uống trong bàn tiệc cổ kính Á đông đến Tây phương với nhiều ly muống nữa, từ cách đi đứng trên đường, vị trí ngồi trong xe...

Ngài dạy: Khi người vợ đi làm hay đi chợ về, người chồng dù đang bận rộn cách mấy cũng nên dành ra một vài phút hay 30 giây để ra tận cửa cất nón giùm vợ, xách giỏ thức ăn hay phụ giúp nàng khiêng hàng hóa vào nhà. Đừng quên hỏi một câu là “em có mệt không?”

Cám ơn cha Bê trên, con cố gắng áp dụng nguyên tắc này suốt hơn 40 năm qua trong đời sống gia đình. Thiết tưởng, nếu người chồng nào ngày nào cũng đều làm như vậy, chắc chắc gia đình sẽ luôn yên vui hạnh phúc.

Hằng ngày, các chú luân phiên nhau giúp lễ cho cha Bê Trên trong “nhà nguyện tròn”. Buổi sáng nọ tôi giúp lễ, thấy trên bàn thờ chỉ có cuốn Sách Lễ bằng tiếng Latinh. Nhưng sao tôi cứ nghe cha đọc thật trôi chảy bài Tin Mừng tiếng Việt! Hóa ra ngài thuộc lòng Tân Ước và đó là tấm gương cho tôi bắt đầu học hỏi Lời Chúa.

Khoảng năm 1964, cha Bê trên đưa phong trào Hướng đạo Việt Nam vào Chủng viện. Ban đầu là Thiếu đoàn Hoan Thiện, rồi Kha đoàn và Tráng đoàn. Vào những năm tháng đó, khi các hướng đạo sinh chúng tôi chặt tre làm bè vượt sông Hương, chơi trò chơi lớn trên núi Ngự Bình, hay đánh sémaphore ở đỉnh Phu Văn Lâu, đóng trại, học băng bó cứu thương, thoát hiểm mưu sinh... các chú nhóc chúng tôi sao hạnh phúc chi lạ, vì được đối diện với thiên nhiên bao la và tha hồ phát triển khả năng của mình.

Chiều nọ, cả chục Thiếu đoàn Hướng đạo thuộc Đạo Huế không phân biệt lương giáo sinh hoạt chung tại Phu Văn Lâu. Anh

Thiếu trưởng Lê Hồng Phúc PX60 bận việc gì đó phải về lại chủng viện. Người điều khiển chương trình bỗng gọi Thiếu đoàn Hoan Thiện hướng dẫn một tiết mục. Là Thiếu phó, bắt buộc dĩ tôi phải ra giữa sân.

Lần đầu tiên đứng trước một số lượng đông đảo khoảng 5-600 người, đôi chân tôi bỗng run cầm cập. Cố gắng giữ bình tĩnh, tôi hướng dẫn một bài hát hào hùng để tự trấn an mình: Bắc Bình Vương có mười vạn quân... Bấy giờ, tôi nhớ lời cha Bê trên đã dạy: Con đừng khộp, hãy tưởng tượng mọi người ở trước mặt mình như những cái bóng. Cứ tự nhiên...

Có một câu châm ngôn của hướng đạo mà tôi hằng ngày tâm niệm là: Mỗi ngày một việc thiện. Lượm một cọng rác trên sân nhà thờ hay ngoài đường phố. Giúp vợ con rửa chén bát sau bữa ăn hay thậm chí nở một nụ cười với người hàng xóm. Ba lời hứa của Hướng đạo là tôn thờ Thiên Chúa, trung thành với Tổ Quốc và yêu thương mọi người.

Tôn chỉ và hoạt động của Hướng đạo cuốn hút đời tôi. Ít ra, tạo cho tuổi trẻ một môi trường để học hỏi lãnh đạo chỉ huy. Sau khi rời chủng viện, vào năm 1968 tôi đã thành lập Thiếu đoàn Nguyễn Huệ ở vùng Tân Mỹ - Thuận An. Qua Mỹ vào cuối năm 1990, tôi lập Group 48 Boy Scout of America ở thành phố Liberal, Kansas. Tinh thần hướng đạo như thấm vào xương thịt và tôi thích hoạt động, phục vụ.

Cha Bê trên Thuận thỉnh thoảng cho các chú vài cái kẹo, thường là nougat. Các chú rất thích. Chi tiết nhỏ này tuy đơn sơ nhưng thật tâm lý. Khi vào quân đội, mặc dù không hút thuốc nhưng hằng tuần tôi đều để sẵn trong balô vài cây thuốc lá. Người lính nào có việc tốt là tôi thưởng. Nhờ vậy, nhiều anh em binh sĩ trở nên gần gũi với mình.

Chủng viện có một nhà nghỉ mát tại Tân Mỹ, phía bên này bãi biển Thuận An. Thỉnh thoảng một vài lần trong năm học, các chú được về đây vui chơi với ao hồ, ruộng đồng, rồi qua Thuận An tắm. Khi nào có những bộ phim hay và giá trị về lịch sử như

Benhur, Spartacus, Le Jour Le Plus Long... chúng tôi được cha Bê trên cho đi xem ở rạp Châu Tinh hay Tân Tân.

Bên cạnh việc học hành và tu đức với đội ngũ linh mục, giáo sư tài giỏi, cha Bê trên đã đào tạo các chú kiện toàn thể lực với các bộ môn thể thao, thể dục, âm nhạc, văn nghệ, báo chí... Nhờ vậy, ngay cả những cựu chủng sinh tu trì đang dở như chúng tôi vẫn nhận được một nền giáo dục căn bản tốt lành. Có lần thầy Nhật dạy Việt văn đã nói: Các em phải cảm ơn Chúa, một em trung bình trong chủng viện cũng giỏi bằng học sinh xuất sắc ngoài đời. Vì vậy, tôi đã đặt tên cho đứa con trai đầu lòng là Nhật, để nhớ lời thầy và ghi công ơn dạy dỗ của chủng viện.

Năm 1966, học lớp Seconde, tôi được vào đội tuyển bóng đá Hoan Thiện, giữ chân hậu vệ. Trong một trận tranh tài với trường Thiên Hựu, để cứu một đường banh thua trông thấy, tôi liều mình giành banh với tiền vệ đối phương và... rầm, tôi rơi tự do, gãy xương quai xanh. Tôi lo sợ sẽ bị cha Bê trên la rầy. Nhưng không, ngài đã ra tận Phòng Xương của Bệnh viện Trung Ương Huế thăm hỏi tôi.

- Con có đau không ?

- Dạ thưa cha, không. Tôi rơm rớm nước mắt, phần vì cảm động, phần xấu hổ vì nói dối.

- Chịu khó đau vài tuần. Nếu bệnh viện chữa không lành, cha sẽ đưa con vào Sài Gòn.

Tình thương và sự ân cần chăm sóc của ngài là một bài học vô cùng to lớn cho tôi, luôn nhắc nhở tôi đối xử nhân hậu với gia đình, vợ con, bạn bè và mọi người.

Hè năm 1969 tôi vào Trường Bộ binh Thủ Đức và mùa Giáng Sinh năm ấy tôi biên thư thăm cha cựu Bê trên. Từ Tòa Giám mục Nha Trang, Đức cha Thuận đã gửi thiệp xuân cho tôi với vắn vắn ít chữ: “Cha luôn cầu nguyện cho con. Trong môi trường nào, con cũng có thể nên Thánh.” Cha đã không trách móc con là bỏ trường tu, nhưng còn động viên con vững bước trên

đường đời.

Tôi giữ mãi hạnh phúc về lời giáo huấn đó. Tôi rút ra được bài học cần thiết là sự quan tâm của cấp trên đối với thuộc cấp. Tình cờ khi biết được ngày giỗ cha mẹ của ai đó hay thời kỳ sinh nở của người vợ lính, trước đó vài ba ngày tôi thỉnh lĩnh ký giấy nghỉ phép cho đương sự một vài tuần. Đương nhiên tôi không lo ngại người lính đào ngũ, nhưng tin rằng họ sẽ là những người cộng tác trung thành với tôi lâu dài.

Xuân về, tôi có thông lệ viết thiệp xuân chúc mừng năm mới gửi đến mọi quân nhân trong đơn vị. Có dịp đến nhà thăm họ, đôi lúc tôi chỉ thấy mỗi một thiệp xuân của tôi. Vài gia đình lại để thiệp suốt năm trên bàn thờ. Mùa hè nọ, có người lính tử trận. Người ta đem về cho tôi bóp giấy tờ của anh ta. Ngoài thẻ quân nhân, tôi thật xúc động khi trong bóp có tấm thiệp nhàu nát mà tôi đã gửi từ mùa xuân.

Người xưa có câu: Nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại. Những năm tháng đi ở tù sau chiến tranh là chuỗi ngày đau khổ. Xa gia đình, xa vợ con. Thiếu thốn tinh thần lẫn vật chất. Có lẽ đây là thời gian tuyệt vọng của nhiều người. Nhưng chúng ta còn có Mẹ. Mẹ Maria ở giữa chúng ta mọi ngày trong sân chủng viện Hoan Thiện. Mẹ Maria trước sân chủng viện Phú Xuân đôi mắt nhìn, như luôn đồng hành với chúng ta trên mọi nẻo đường cuộc đời.

Xin cảm ơn cha Bê trên đã dạy con là có thể nên thánh trong mọi môi trường. Từ những ngày đầu tiên vào trại tù, con dần dần đọc kinh rồi lần hạt. Một chuỗi rồi nhiều chuỗi. Đọc ban sáng rồi suốt ngày. Cha đã dạy con thánh hóa bốn phận. Cha đã dạy con sống phút hiện tại. Cha đã dạy con chọn Chúa. Làm thế nào để đền đáp công ơn của cha?

Nguyễn Cả.

Lễ Thánh Phanxicô Xaviê. Ngày 03-12-2012

Tóm lại, có thể nói là tuyệt đại đa số, nếu không nói là tất

cả, mọi cựu chủng sinh đã được điểm phúc ở với ngài, trong tư cách là bạn, là đàn em hay môn sinh của ngài ở ba Tiểu Chủng viện An Ninh, Phú Xuân và Hoan Thiện, dù hôm nay là giáo dân hay giáo sĩ, không ai là không yêu mến, tri ân, ngưỡng mộ, và nhìn ở ngài một con người mẫu mực về phương diện nhân bản và tu đức để trọn đời học tập, noi theo.

Được vinh dự làm một nghĩa tử của Đức Hồng y, ông Antôn Hoàng Đình Thượng PX57 đã chia sẻ về cha cựu Bề trên Tiểu Chủng viện Hoan Thiện của mình: *“Đức Hồng y Phanxicô Xaviê nhân từ, thương yêu dạy dỗ, luôn tha thứ và gần gũi con cái. Ngài là một chứng nhân đức tin, là tấm gương giúp chúng tôi thăng tiến đời sống tâm linh và nhân bản”*.

Ông Gioan Baotixita Nguyễn Thanh Mầu AN51 ở Denver, tiểu bang Colorado, rất say sưa thích thú khi nói về hai chữ “Chọn Chúa”, chứ không phải chọn công việc của Chúa: *“Đó là một linh đạo tuyệt vời, giúp chúng ta luôn sống phó thác vào tình thương quan phòng của Chúa mà không than phiền oán trách, dù hoàn cảnh đẩy đưa chúng ta vào tù tội hay những thăng trầm trong cuộc sống. Luôn Vui Mừng và Hy Vọng”*.

Phục vụ trong yêu thương

Đức Ông Phan Văn Hiền, nghĩa tử của ngài ghi lại: *“Một trong những đức tính của ngài là phục vụ, giúp đỡ bất kỳ ai đến kêu cầu ngài. Từ vật chất đến tinh thần, ngài luôn cố gắng nâng đỡ với hết khả năng của mình. Ngay từ thời ở Tiểu Chủng viện Hoan Thiện, chú nào có vấn đề, hoặc cần chuyện gì, hay thiếu thốn đồ dùng, đều chạy tới trình bày với ngài, vì biết chắc ngài luôn lắng nghe và sẽ liệu cách giúp đỡ. Tôi vẫn nhớ mãi cây viết Pilot quý giá mà ngài cho một cách quảng đại khi tôi đến xin phép ngài đi mua một cây viết khác vì cây viết cũ bị hỏng. Tôi cũng không thể nào quên được cái bàn viết đầy ngập giấy tờ của ngài, trên đó luôn có một chồng bì thư đã đề địa chỉ và dán tem, nhưng bên trong chỉ có một miếng giấy với vài chữ nguệch ngoạc. Có lần tất cả chúng tôi được ngài tế nhị giải thích:*

“Cha làm Tổng Đại diện, nên thư từ người ta gửi tới để bàn hỏi công việc hoặc xin giúp đỡ chuyện này chuyện kia nhiều lắm. Vì vậy mỗi lần được thư, cha ghi lại địa chỉ người gửi lên bì thư trống và viết tắt nội dung phải trả lời để khỏi quên. Cha muốn tất cả những ai viết thư cho cha để bàn hỏi hay nhờ giúp chuyện gì đều được trả lời một cách thỏa đáng. Mình phải hiểu: ai viết thư cũng đều mong được trả lời. Thành thử, khi trả lời thư, trước hết mình chứng tỏ sự tôn trọng và quan tâm mình dành cho họ. Và nếu qua lá thư, mình có thể giúp cho họ được gì thì lại càng quý hóa”. Ngài dặn dò chúng tôi: “tụi con nhớ đừng động đến chồng bì thư này, vì cha sắp đặt theo thứ tự ưu tiên. Ngay cả tờ giấy trong mỗi bì thư cũng rất quan trọng, để lộn tờ giấy này vào bì thư khác, cha sẽ không biết đâu mà trả lời...”. Và đó là khu vực duy nhất mà “những con chuột rúc” chúng tôi không bao giờ dám đụng đến mỗi khi đột kích vào phòng ngài để lục lợi bánh kẹo.”⁽⁴⁷⁾

GIÁM MỤC CHÁNH TÒA GIÁO PHẬN NHA TRANG

Ngày 13 tháng 4 năm 1967 linh mục Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận, 39 tuổi, được Tòa Thánh bổ nhiệm làm Giám mục Chánh tòa Việt Nam tiên khởi của Giáo phận Nha Trang, thay thế Đức cha Paul Marcel Piquet.

Từ tháng 11 năm 1963, sau những biến cố đau thương xảy ra liên quan đến gia đình bên ngoại, cha Thuận đâm ra nhiều lúc suy tư trầm lắng và chỉ ước mơ một cuộc sống không kèn không trống, được làm những công việc mục vụ trong thâm lặng mà thôi. Dù sao, khi nhận được tin Tòa Thánh trao cho ngài gánh vác một công việc mới, một công việc mà ngài không chờ đợi mà cũng chẳng thỉnh cầu, tự nhiên ngài ứa nước mắt, cảm nhận đây là một tình thương mến Đức Thánh Cha Phaolô VI bày tỏ với gia đình ngài. Ngài cũng tạ ơn Chúa đã cho ngài cơ hội để phục vụ một số tín hữu đông đúc và đa dạng hơn.

Ngài ý thức rõ ràng những trách nhiệm và những công việc của vị Giám mục nặng nề như thế nào, nên khẩn cầu xin Chúa ban

cho mình đủ sức để hoàn thành những gì Hội Thánh đòi hỏi trong tương lai. Ngày đêm ngài cầu xin ơn khôn ngoan và ơn sức mạnh để hoàn thành các trách vụ mới.



Hình gia đình chụp tại nhà Từ Đường ngày linh mục PX. Nguyễn Văn Thuận được tấn phong Giám mục, với sự hiện diện của Đức Khâm sứ Angelo Palmas, Đức TGM Philipphê Nguyễn Kim Điền... (Ảnh do Bà Nguyễn Thị Thu Hồng cung cấp).

Lúc vừa biết tin ngài được Tòa Thánh bổ nhiệm làm Giám mục Nha Trang, thân mẫu ngài điện thoại nói với con: “Mẹ nghĩ

một linh mục là một linh mục. Hôm nay Giáo hội vinh danh con và trao cho con một nhiệm vụ quan trọng hơn, nhưng phần con, với tư cách con người, con vẫn như cũ. Con luôn luôn là một linh mục, và đó là điều đáng kể thôi”.

Đức Tân Giám mục đã chọn khẩu hiệu ‘Vui Mừng và Hy Vọng’ (Gaudium et Spes), tên Hiến chế Mục vụ của Công Đồng Vatican II. Khẩu hiệu của ngài không chỉ nói lên niềm tin yêu, hy vọng đối với Mẹ Giáo hội mà còn cho thấy tâm hồn thanh thoát tươi trẻ, hòa bình, vị tha và hướng thượng, đã được diễn tả trong suốt sứ vụ mục tử của mình. Ngài luôn có niềm vui và hy vọng trong mọi chuyện xảy đến cho mình, đồng thời cũng muốn nói lên rằng: giáo huấn của Công đồng Vatican II chứng tỏ Giáo hội đang trên đường tiến về một sự đoàn kết tối hậu, đó chính là vui mừng và hy vọng cho toàn thể nhân loại.

Huy hiệu Giám mục của ngài

Trên đầu có Thánh giá màu vàng biểu tượng cho mẫu nhiệm cứu chuộc của Đức Kitô. Nền màu xanh dương với Ngôi Sao Biển (Stella Maris), biểu tượng Đức Trinh Nữ Maria dẫn đường cho những con thuyền trong chuyến du hành đi từ cuộc đời này đến bến vĩnh cửu. Nổi bật trên màu xanh hy vọng là ba ngọn núi biểu tượng của đại dương và lục địa (aqua et arida). Ba ngọn núi còn là biểu trưng cho ba miền Bắc Trung Nam của quê hương Việt Nam. Ba ngọn núi và biển cả cũng còn là hình ảnh của Giáo phận Nha Trang nằm dài bên bờ Thái Bình Dương. Trong thời cổ đại, “aqua et arida” nghĩa là vũ trụ toàn



cầu; như thế cụm từ nói lên rằng Việt Nam không là một nước cô lập nhưng là một phần của thế giới. Mười đoạn trúc tượng trưng 10 điều răn. Ngoài ra, theo nhân sinh quan Á châu, cây trúc là biểu tượng của người quân tử, tượng trưng cho sự công chính, trong sạch và chân thành. “Tiết trực tâm hu” (đốt trúc thẳng mà ruột trúc rỗng) là biểu tượng cho tâm hồn của một người ngay thẳng, chính trực, không chút chứa tham sân si. Hai ngọn đuốc ở bên dưới tượng trưng cho ánh sáng soi rõ khẩu hiệu Vui Mừng và Hy Vọng, đồng thời nói lên quyết tâm của ngài là thực hiện ước vọng của Đức Kitô: ném lửa tình yêu, lửa thanh luyện, lửa Tin Mừng vào thế giới và làm cho lửa ấy bùng cháy lên: *“Thầy đã đến ném lửa vào mặt đất và Thầy ước ao chó chi lửa ấy đã bùng lên”* (Lc 12, 49).

Sự hài hòa giữa nền (với những biểu tượng lấy từ thời cổ Rôma và của Giáo hội toàn cầu) và khung của huy hiệu tượng trưng cho văn hóa Á châu và những giá trị của gia đình.

Huy hiệu này đã tóm kết những tâm tình của vị tân Giám mục và cái nhìn của ngài về thế giới, Giáo hội, đất nước Việt Nam, gia đình, và chính bản thân mình.

Năm 2001, huy hiệu Hồng y của ngài dưới đây cũng vẫn giữ nguyên những nét chính yếu của huy hiệu Giám mục 34 năm trước, duy chỉ có vài thay đổi cho phù hợp với phẩm trật mới: mũ màu đỏ thay cho màu xanh, mỗi bên có 5 hàng tua thay cho 3 hàng, và khẩu hiệu Vui Mừng và Hy Vọng được ghi bằng tiếng Latinh *Gaudium et Spes*.

Ngày 24 tháng 6 năm 1967, ngài được tấn phong Giám mục do Đức Khâm sứ Tòa Thánh Angelo Palmas chủ phong, cùng với hai



vị Tổng Giám mục là Đức cha Philipphê Nguyễn Kim Điền và Jean Baptiste Urrutia (Thi) phụ phong. Lễ đài được thiết lập trong khuôn viên Tiểu Chung viện Hoan Thiện.

Các linh mục hai giáo phận Huế và Nha Trang, các nam nữ tu sĩ, thân phụ, thân mẫu của ngài và toàn thể gia đình, linh tông huyết tộc, bà con, thân hữu, môn sinh của ngài, một số phật tử quen thân của ngài, cũng như giáo dân đại diện giáo xứ Phủ Cam, Giáo phận Huế và Giáo phận Nha Trang tham dự đầy đủ.

Trong lễ tấn phong, thân mẫu của ngài, bà Ngô Đình Thị Hiệp, đã khóc vì quá xúc động, giống hệt bà ngoại Ngô Đình Khả đã khóc trong lễ tấn phong Giám mục của Đức cha Ngô Đình Thục vào ngày 04-5-1938 cũng tại nhà thờ chánh tòa Phủ Cam.

Đức Tân Giám mục rất vui, trên khuôn mặt thường xuyên nở một nụ cười hạnh phúc, tay vuốt ve chiếc nhẫn Giám mục có khắc 2 chữ “*todo pasa*”. Đây 2 chữ đầu trong câu nói bằng tiếng Tây ban nha của Thánh Têrêxa Avila: “*todo pasa, solo Dios basta*”, có nghĩa: mọi sự qua đi, duy chỉ có Thiên Chúa là đủ rồi.

Ngài về Nha Trang nhận Giáo phận ngày 10-7-1967. Trong tư cách Giám mục, vào ngày 21-12-1967, lần đầu tiên ngài truyền chức linh mục cho một vị Phó tế của Giáo phận Nha Trang, đó là Thầy Phêrô Nguyễn Văn Nho, về sau, vào năm 1997, được bổ nhiệm làm Giám mục phó Giáo phận Nha Trang.

Ngày 01-01-1968, ngài tổ chức ngày Thế Giới Hòa Bình lần đầu tiên tại Giáo phận Nha Trang, và đặt tên “Trung Tâm Hòa Bình” cho địa điểm diễn ra cuộc lễ này.

Cũng trong năm 1968, ngài mời cộng đoàn Thánh Egidio, các Phong trào Emmanuel và Phong trào Canh tân Đặc sủng đến Giáo phận Nha Trang.

Đức Ông Phan Văn Hiền, nghĩa tử của ngài ghi lại:

“Vào thời đó, Nha Trang là giáo phận lớn nhất ở miền Nam, với diện tích hơn 17.000 cây số vuông và chiều dài khoảng

500 cây số, từ Vạn Giã đến hết Bình Tuy. Địa dư rộng lớn là một điều đáng ngại vì phương tiện di chuyển khó khăn, nhưng sự hiện diện của nhiều sắc dân lại càng phức tạp hơn. Giáo phận vừa có linh mục Việt Nam, vừa có linh mục Pháp (cố Tây), và bao gồm giáo dân địa phương và giáo dân từ nhiều giáo phận khác nhau ở ngoài Bắc vào định cư sau năm 1954. Ngoài ra còn có dân tộc Chăm ở Phan Rang, Bình Thuận và người Thượng ở vùng núi nữa. Ngay trong hàng ngũ linh mục Việt Nam cũng không thuần nhất. Đa số là linh mục địa phương, nhưng cũng có nhiều linh mục khác theo giúp dân di cư đến làm việc ở trong giáo phận. Vì thế, cách sống, lối suy nghĩ và làm việc của các linh mục và giáo dân Việt Nam trong giáo phận cũng đã khác biệt nhau.



ĐỨC CHA PHANXICÔ X. NGUYỄN VĂN THUẬN 1967

Hoàn cảnh khó khăn phức tạp đó khiến cho ngài phải suy nghĩ nhiều, nhưng không nản lòng, và cũng không vội vàng bắt tay vào việc. Thứ tư ưu tiên được ngài ghi lại trong cuốn *Đường Hy Vọng* như sau: “Thứ nhất cầu nguyện. Thứ hai hy sinh. Thứ ba mới đến việc tông đồ” (ĐHV số 119). Và ngài đã thực hành những bước đó. Cùng với những hy sinh âm thầm, ngài đã dành nhiều thì giờ cầu nguyện xin Chúa hướng dẫn và cuối cùng chọn con đường “Tiếp Xúc” làm kế hoạch ưu tiên. Kế hoạch này được chia

làm 2 giai đoạn:

Giai đoạn I: Gặp gỡ tất cả các linh mục và dòng tu trong giáo phận.

Giai đoạn II: Thăm viếng tất cả các giáo xứ.

Sở dĩ ngài chọn kế hoạch “Tiếp Xúc”, xem ra thụ động và mát thời giờ này vì ngài muốn nắm vững tình hình chung của giáo phận một cách cụ thể, chứ không chỉ dựa vào những báo cáo trên giấy tờ, trước khi vạch ra những đường lối hoạt động. Qua việc tiếp xúc với các linh mục, Tây cũng như Việt Nam, ngài hiểu và thông cảm những khó khăn của từng người, chia sẻ những âu lo và thao thức trong công việc chung cũng như của từng cá nhân. Và cũng qua đó, ngài hiểu được những khác biệt, nghi kỵ giữa các cổ Tây và linh mục Việt Nam, và giữa các linh mục Việt Nam không cùng chung địa phận gốc. Nhưng quan trọng hơn cả, qua những cuộc tiếp xúc này, ngài biết rõ khả năng và ưu điểm của từng linh mục, nắm được những lãnh vực chuyên môn của mỗi dòng tu, để sau này có thể sắp xếp vào những vị trí phù hợp, giúp việc phát triển giáo phận được nhiều kết quả hơn. Đó là thuật lãnh đạo của ngài. Một nghệ thuật, theo ngài, không phải dựa vào những bài nghiên cứu xã hội tâm lý dông dài, nhưng nhờ học với Chúa Giêsu. Ngài viết lại nghệ thuật đó trong Đường Hy Vọng: “như Chúa Giêsu đã ở liên li với các tông đồ suốt ba năm, con hãy hòa mình với cộng tác viên của con, thông cảm, chia sẻ tâm sự vui buồn và đoán biết từng người. Con sẽ ngạc nhiên vì lúc ấy họ đoàn kết và cố gắng vượt mức” (ĐHV số 862). Vì thế, ngay từ bước đầu tiên khi mới nhận việc, ngài muốn “nhìn rõ, nhìn thật, nhìn đúng, xét người, xét việc, xét hoàn cảnh” vì “đó là óc thực tế cần có để lãnh đạo, dựa trên các dữ kiện khách quan. (ĐHV số 855) ⁽⁴⁸⁾

Ngài có biệt tài sử dụng cách nói và âm giọng của các phương ngữ một cách tuyệt vời. Khi trao đổi chuyện trò hay giảng lễ, chỉ nghe qua âm giọng của ngài, nếu không nhìn thấy mặt, người nghe cứ tưởng người nói là người của địa phương mình. Ở

Sài Gòn ngài nói giọng miền Nam, ở Hà Nội ngài nói giọng Bắc, ở Quy Nhơn ngài nói giọng Bình Định, ở Nha Trang ngài nói giọng Khánh Hòa đặc sệt. Vì vậy, ngài đến đâu ai ai cũng cảm thấy gần gũi thân tình như người nhà của mình. Chính nhờ khả năng này, ngài học các sinh ngữ rất dễ dàng.

Ngài chú tâm việc đào tạo nhân sự, gia tăng con số đại chủng sinh từ 42 thầy lên 147 thầy, số tiểu chủng sinh cũng gia tăng từ 200 lên đến 500 chú, học trong 4 tiểu chủng viện.

Về mục vụ giáo dân, Đức Giám mục Phanxicô Xaviê luôn thao thức làm sao để mọi tín hữu có được một đức tin trưởng thành và đúng đắn như Công Đồng Vatican II đã dạy. Ngài chủ trương, bằng mọi giá, phải thăng tiến kiến thức giáo lý, tinh thần sống đạo thấm nhuần Tin Mừng cho toàn thể mọi thành phần giáo dân ở mọi lứa tuổi, mọi nghề nghiệp, mọi địa phương, và nguồn gốc chủng tộc: người Kinh, người Chiêm và người Thượng... Ngài dành rất nhiều thì giờ để thành lập các hội đoàn đạo đức của Công giáo Tiến hành. Việc cải tiến tổ chức, huấn luyện và củng cố các hội đồng giáo xứ là một trong những quan tâm bậc nhất của ngài. Ngài chủ trương thể hiện sự tham gia trực tiếp của mọi giáo dân trong mỗi giáo xứ vào công việc của giáo xứ mình bằng việc cho họ được bầu ra một cách dân chủ các chức sắc trong họ đạo.

Đức Ông Phaolô Phan Văn Hiền ghi tiếp:

“Song song với việc đào tạo cán bộ giáo dân, ngài bắt tay vào việc huấn luyện chủng sinh. Với kinh nghiệm làm giáo sư và giám đốc chủng viện trong nhiều năm (1959-1967), ngài thấy rõ nhu cầu và phương cách huấn luyện để có được con số chủng sinh, không chỉ phát triển về lượng nhưng cả về phẩm chất. Năm 1967, Giáo phận Nha Trang chỉ có chủng viện Sao Biển, dành cho các chủng sinh từ lớp 8 (huitième) đến lớp 3 (troisième) của chương trình trung học Pháp, do cha Nguyễn Quang Sách làm Giám đốc. Các chú lớp 2 (seconde) và lớp 1 (première) được gửi ra Huế học nội trú tại trường Thiên Hựu (Providence) dưới sự hướng dẫn của cha Nguyễn Công Phú. Còn lớp cuối trung học

Pháp được gọi lên Đà Lạt học tại trường College d'Adran do các sư huynh La San điều khiển. Lớp này được cha Trần Sơn Bích chăm sóc. Sau Tết Mậu Thân năm 1968, cả 3 lớp cuối cùng của chương trình Pháp đều được đưa lên học tại trường Adran, Đà Lạt. Và như vậy Chứng viện Nha Trang tại Đà Lạt được thành hình lấy tên là Chứng viện Chúa Chiên Lành, do cha Hoàng Kim Đạt làm giám đốc cho tới tháng 3 năm 1975.

“Nhận thấy có nhiều người lớn tuổi muốn theo đuổi ơn gọi linh mục để phục vụ Giáo hội, ngài quyết định mở Chứng viện Lâm Bích (Lambert de la Motte), thường gọi là chứng viện tu muện, để cho những người này có cơ hội dân thân. Đây là chứng viện duy nhất ở Việt Nam dành cho những ơn gọi lớn tuổi. Vì thế chứng viện này vượt ra khỏi ranh giới giáo phận. Các chủng sinh bất kỳ ở giáo phận nào cũng có thể đến xin tu học ở đây. Chứng viện Lâm Bích nằm trong khuôn viên của Tòa Giám mục, và cha Nguyễn Thế Thoại được cử làm giám đốc...

Sau 5 năm phục vụ tại Giáo phận Nha Trang, Ngài thấy đến lúc cần phải xin Tòa Thánh chia giáo phận để công việc mục vụ được tốt hơn.

Ngài đề nghị Giáo phận Nha Trang chỉ giữ lại phần đất tỉnh Khánh Hòa và Phan Rang, còn Phan Thiết và Bình Tuy sẽ trở thành một giáo phận mới lấy tên là Giáo phận Phan Thiết. Và để chuẩn bị nhân sự cho giáo phận mới, ngài thành lập Tiểu Chứng viện Tinh Hoa năm 1972. Đến khi Giáo phận Phan Thiết thật sự hoạt động vào năm 1975 dưới quyền lãnh đạo của Đức cha Huỳnh Văn Nghi, cơ sở chứng viện và số chủng sinh đã có đầy đủ.

“Với các đại chủng sinh (thầy) của giáo phận, ngài yêu thương và quan tâm một cách đặc biệt hơn. Các thầy được gọi tu học ở 2 chứng viện chính là Giáo hoàng Học viện tại Đà Lạt và Chứng viện Xuân Bích ở Huế. Giáo hoàng Học viện được thành lập năm 1965 qua Sắc Lệnh Ad Ortu Solis ngày 31-07-1965 và được ủy thác cho các linh mục Dòng Tên coi sóc. Tất cả các giáo phận ở Việt Nam thời đó đều được gọi mỗi năm 2 thầy đến tu học

ở học viện này. Và chương trình huấn luyện kéo dài 8 năm. Năm 1971, dưới sự hướng dẫn ưu ái của Đức cha, các thầy Nha Trang ở Giáo hoàng Học viện đã hoàn thành bộ giáo lý hàm thụ, giúp ích rất nhiều cho việc truyền giáo. Vì con số chủng sinh được gửi lên Đà Lạt có giới hạn, nên đa số các thầy Nha Trang được gửi học tại Đại Chung Viện Xuân Bích ở Huế, một Đại Chung viện chung cho tất cả 6 giáo phận thuộc Giáo Tỉnh Miền Trung. Chương trình huấn luyện ở đây kéo dài 7 năm. Và số linh mục Nha Trang xuất thân từ Xuân Bích cũng rất cao. Tính đến năm 1975, có khoảng 60 linh mục xuất thân từ chủng viện này. Xuân Bích và Nha Trang còn có “duyên” với nhau. Do hoàn cảnh bất ổn ở Huế sau Cách Mạng 01-11-1963, các thầy ban Triết của Xuân Bích được đưa vào Tòa Giám mục Nha Trang huấn luyện niên khóa 1963-1964. Đức cha Piquet đã ân cần đón tiếp các thầy, và những ai đã ở Nha Trang năm đó, không thể nào quên được câu pha trò bất hủ của Đức cha: “Vous êtes tam ici” (các thầy chỉ ở đây tạm thời thôi). Ngoài ra, Nha Trang cũng là giáo phận trước 1975 đã cung cấp cho Hội Xuân Bích nhiều linh mục nhất để góp phần lo việc huấn luyện chủng sinh. Đó là các cha Trịnh Thiên Thu, Trần Thanh Lộc, Trần Phúc Nhân và Mai Đức Vinh (nay là Đức Ông Vinh ở Paris).

“Dù bận rộn nhiều công việc, mỗi năm ngài đều tìm dịp đến thăm viếng các chủng sinh của mình đang tu học tại hai Đại Chung viện này. Mỗi lần như vậy, ngài dành thời giờ gặp gỡ riêng mỗi thầy, lắng nghe những ưu tư hay khó khăn của từng cá nhân, để thông cảm và tìm cách giúp đỡ thiết thực. Ở Chung viện Xuân Bích Huế còn để lại giai thoại về ngài như sau: nếu đang giữa năm học, trong chủng viện nghe mùi mực nướng (mùi này làm sao mà giấu được) thì biết chắc chắn Đức cha Thuận đang thăm các thầy Nha Trang ở Huế.

“Tính chung, sau gần 8 năm miệt mài cố võ, khuyến khích và hoạt động không ngừng, ngài đã thiết lập thêm ba chủng viện trong toàn Giáo phận. Ngoài Chung viện Sao Biển đã có từ thời Đức cha tiền nhiệm, ngài xây dựng thêm Chung viện Chúa Chiên

Lành ở Đà Lạt, Chứng viện Lâm Bích ở Tòa Giám mục Nha Trang, và Chứng viện Tinh Hoa ở Phan Thiết. Con số chủng sinh của Giáo phận cũng tăng lên rất nhanh. Năm 1967, Giáo phận có 47 đại chủng sinh. Đến năm 1975, con số đó tăng lên 147. Và tiểu chủng sinh từ 150 tăng lên 500. Nha Trang trở thành giáo phận có nhiều chủng viện và chủng sinh đông nhất tại Việt Nam thời đó.
(49)



Đức cha Thuận cùng với Hội đồng Giáo xứ Ba Ngòi sau khóa hội thảo về Công Lý và Hòa Bình tại Cam Ranh năm 1970. Ảnh do ông Vĩnh Lực cung cấp.

Có lúc số chủng sinh Chứng viện Lâm Bích lên đến hơn 200, nhưng cũng chỉ có hai linh mục phụ trách cùng với anh em chủng sinh tự quản. Các linh mục và các giáo sư khác đều từ ngoài vào chủng viện dạy theo thời khóa biểu. Các chủng sinh học liên tục từ lớp mười tới năm thứ hai đại học, rồi trong hai năm tiếp theo vừa đi truyền giáo vừa theo học đại học để hoàn tất chương

trình cử nhân, sau đó mới vào Đại Chủng viện.

Nhờ phương pháp giáo dục trưởng thành, chủng viện chỉ tồn tại 5 năm, nhưng bây giờ nhìn lại đoàn cựu chủng sinh Lâm Bích, người ta thấy có tới hơn 40 linh mục đang nhiệt thành phục vụ Giáo hội rải rác khắp nơi tại quốc nội và hải ngoại.

Sau năm 1975, những anh em cựu Lâm Bích cùng nhau liên kết sinh hoạt trong tổ chức thân hữu có tên là Gia đình Lâm Bích, gồm cả giáo sĩ lẫn giáo dân, hằng năm luôn tổ chức ngày họp mặt để giữ tinh thần truyền giáo và tưởng nhớ đến Đức Cố Hồng y với một tấm lòng yêu mến, tri ân và ngưỡng mộ hết sức đặc biệt.

Trong số các chủng sinh Giáo phận Nha Trang thời đó do Đức cha Phanxicô Xaviê quan tâm đào tạo, có thầy Giuse Nguyễn Chí Linh, đương kim Tổng Giám mục Tổng Giáo phận Huế, Chủ tịch Hội đồng Giám mục Việt Nam. Từ năm 1967 đến năm 1968 thầy ra Huế học nội trú tại trường Thiên Hữu (Providence), từ năm 1968 đến năm 1970 lên Đà Lạt tu học tại Chủng viện Chúa Chiên Lành của Giáo phận Nha Trang, và từ năm 1970 đến năm 1977, tu học tại Giáo hoàng Học viện Thánh Piô X.

Trong cuộc phỏng vấn ngày 03-7-2017 của EDA, Cơ quan Thông tấn của Hội Truyền giáo Hải ngoại Paris, khi được hỏi về diễn trình phong chân phúc cho Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận, Đức Tổng Giám mục Giuse Nguyễn Chí Linh đã trả lời như sau: *Đức Hồng y Thuận đã được nâng lên bậc Đáng Kính. Ngài là vị Giám mục cũ của tôi ở Giáo phận Nha Trang, là một vị đại diện chân chính của Giáo hội thời bấy giờ. Tôi hãnh diện về ngài và tôi cũng hãnh diện về sự thăng tiến thiêng liêng của ngài. (Nguyên văn: Le cardinal Thuận a été élevé au niveau de Vénérable. C'est mon ancien évêque de Nha Trang, c'est un authentique représentant de l'Eglise à cette période. Je suis fier de lui et je suis fier aussi de sa promotion spirituelle)*

Ngoài Giáo phận Nha Trang, ngài còn đứng ra tổ chức các khóa thường huấn linh mục cho cả 6 giáo phận thuộc Giáo tỉnh

Huế; thành lập và phát triển các hội đoàn giáo dân, phong trào Công Giáo tiến hành như: Phong trào Công lý và Hòa bình, Cursillos, Focolare, Hướng đạo, Cộng đoàn La Vang và Tu hội Hy Vọng.

Năm 1970 tổ chức khóa huấn luyện đầu tiên tại Long Xuyên để đào tạo cán bộ cho Phong Trào Cursillos.

Ngài soạn và nhiều thư luân lưu với các chủ đề:

- 1- Tỉnh thức và cầu nguyện (năm 1968)
- 2- Vững mạnh trong đức tin để tiến bước trong an bình (năm 1969)
- 3- Công lý và Hòa bình (năm 1970)
- 4- Sứ mạng Chúa Kitô là sứ mạng của chúng ta (năm 1970)
- 5- Kỷ niệm 300 năm (năm 1971)
- 6- Năm Thánh Canh tân và Hòa giải (năm 1973).

Đức Ông Phan Văn Hiền đã ghi:

“Những đức tính bình dân, gần gũi chân thành của ngài lại càng dễ nhận ra khi ngài được bổ nhiệm làm Giám mục Nha Trang, kế vị Đức cha Piquet năm 1967. Ngài đã đem một luồng gió mới vào Giáo phận. Các nữ tu giúp Tòa Giám mục ngạc nhiên một cách thích thú khi thấy chính Giám mục của mình xuống bếp ân cần hỏi thăm sức khỏe, hỏi han vấn đề chợ búa bếp núc. Và càng ngạc nhiên hơn khi thấy ngài tự động đem chén đĩa xuống bếp sau mỗi bữa ăn.

Ngài nói với những người cùng bàn: “Các nữ tu cũng cần có thì giờ nghỉ ngơi để đời sống được thoải mái nhẹ nhàng hơn. Mình làm như vậy thì trước hết họ đỡ mất sức và thời giờ dọn dẹp; hơn nữa, mình làm như vậy sẽ không có bữa ăn nào kéo dài một cách quá đáng, bắt họ phải chờ đợi lâu”.

Thông thường trong nhà cơm Tòa Giám mục, ghế ngồi của Đức Giám mục và các linh mục làm việc tại Tòa Giám mục được

sắp chỗ cố định ngay cả khi có nhiều khách phải dọn thêm bàn. Điều này cũng dễ hiểu, vì như vậy các người giúp bàn sẽ dễ dàng lưu ý đến bàn ăn của Đức Giám mục nhiều hơn. Ngài không chấp nhận cái ưu tiên này, nhưng muốn tất cả mọi người đều giống nhau. Vì thế, ngài thường đến ngồi cùng bàn với những cha khác để có dịp nói chuyện chia sẻ những buồn vui của họ. Lúc đầu, một số linh mục tại Tòa Giám mục cảm thấy khó chịu vì tính tình quá bình dân của ngài, nhưng từ từ họ nhận ra ngài đang sống tinh thần phục vụ yêu thương của Phúc Âm, nên cũng bắt chước ngài, không câu nệ chỗ ngồi, và vui vẻ dọn dẹp chén đĩa sau mỗi bữa ăn.

Tinh thần đó của ngài lại càng được mọi người giáo dân đón nhận một cách thích thú. Ngài tổ chức những khóa huấn luyện cho người giáo dân vì ngài ý thức “không có linh mục nào không xuất thân từ chủng viện, và không có tông đồ giáo dân nào không xuất thân từ các khóa huấn luyện” (ĐHV số 336). Các phong trào Công Lý và Hòa Bình, phong trào Cursillo, phong trào Focolare đã giúp người giáo dân có một cái nhìn mới về vai trò và sự đóng góp của mình cho Giáo hội và xã hội. Nhưng điều đánh động họ nhất vẫn là lối sống bình dân và phục vụ của ngài. Từ đầu mỗi khóa cho đến cuối khóa, ngài luôn hiện diện sát cánh với anh chị em khóa sinh, ân cần hỏi han, lắng nghe họ chia sẻ những kinh nghiệm của cuộc sống, và phục vụ họ với tất cả tình thương. Ngài cũng đi hầu bàn cho anh chị em khóa sinh Cursillo như những trợ tá khác. Đối với họ, đây là một cuộc cách mạng làm đảo lộn truyền thống lễ giáo của người Việt Nam, nhưng là một cuộc cách mạng phù hợp với tinh thần của Chúa Giêsu: “Ai lớn nhất trong anh em thì phải nên người nhỏ nhất, và kẻ làm đầu phải nên như người phục vụ” (Lc 22,26).⁽⁵⁰⁾

Trong trách vụ Giám mục Nha Trang, Đức Hồng y Phanxicô Xaviê luôn quan tâm tới mọi người với niềm yêu thương tràn trề của một đấng hiền phụ.

Ông Nguyễn Đăng Khoa, một cựu chủng sinh Giáo phận Nha Trang ghi lại những kỷ niệm về người cha tinh thần của ông nhân dịp lễ giỗ đầu tiên của ngài:

Những kỷ niệm còn lại trong tôi

Đức Giám mục Marcel Piquet Lợi được Chúa gọi về ngày 11-7-1966 sau hơn 50 năm phục vụ trên cánh đồng truyền giáo tại Việt Nam. Năm 1966 Giáo phận Nha Trang chưa có Giám mục mới, Tiểu Chủng viện Sao Biển vẫn đang giữ chương trình Pháp và thiếu các giáo sư chuyên môn, linh mục Nhiếp Chính Gauthier Bá, Hội đồng Linh mục Địa phận và Ban Giám đốc Tiểu Chủng viện quyết định gởi hai lớp Première và Seconde niên khóa 1966-1967 ra ở nội trú trường Providence (Thiên Hữu) Huế. Khi ấy cha Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận là Giám đốc Tiểu Chủng viện Hoan Thiện.

Tôi gặp Đức Cố Hồng y lần đầu tiên lúc tôi học lớp Première nội trú tại trường Thiên Hữu (Providence) Huế năm 1966. Đầu niên học 1966-1967, linh mục hướng dẫn hai lớp Première và Seconde của Nha Trang là cha René Gantier mời cha Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận giảng tĩnh tâm ba ngày cho hai lớp chúng tôi. Sau ba ngày nghe giảng, suy gẫm, huấn đức, tham dự thánh lễ, tôi chỉ còn nhớ được một chuyện. Đó là định nghĩa của ngài về hai chữ “kinh nghiệm”.

Tôi không nhớ đề tài này ngài giảng vào ngày thứ mấy, buổi sáng hay chiều của ba ngày tĩnh tâm. Vào đề, ngài hỏi chúng tôi: “Kinh nghiệm là gì?”. Chúng tôi thinh lặng không đưa nào mở miệng. Và cuối cùng ngài thao thao đưa ra định nghĩa của ngài: “kinh nghiệm là đại đi một lần, và không có cái đại nào giống cái đại nào, đại hoài, đại mãi, đại suốt cuộc đời. Đó là định nghĩa của hai chữ kinh nghiệm”.

Suốt ba ngày tĩnh tâm tôi chỉ còn nhớ có bấy nhiêu. Chỉ nhớ duy nhất một định nghĩa hóm hỉnh, hay hay, và đầy thâm thúy này. Định nghĩa này nó lúc nào cũng ám ảnh tôi những khi tôi làm

sai điều gì, những khi tôi làm điều gì làm lỡ, nhất là những lúc tôi thất bại chuyện gì. Nó luôn luôn theo tôi suốt 37 năm qua cho đến ngày hôm nay. Mỗi khi nói chuyện với ai, với bạn bè, với những người gặp tôi chia sẻ, tâm tình kinh nghiệm trường đời hay đời sống thiêng liêng, thành công hay thất bại, vui hay buồn, tôi đều kể lại định nghĩa này. Nó trở thành một bài học sống động trong mấy chục năm qua của tôi. Mỗi lần thất bại hay làm sai điều gì tôi đều bằng lòng chấp nhận hậu quả sự việc, tự an ủi mình và tự nhắc nhủ “đó là một kinh nghiệm, đó là một bài học để lần sau mà tránh, không lặp lại nữa”. Và với ý thức đó mỗi lần thất bại tôi không thấy làm tủi nhục, buồn khổ, thất vọng. Và lúc ấy câu tục ngữ “thất bại là mẹ thành công, thua keo này bày keo khác” lại đến với tôi và tôi lại cố gắng vươn lên trong cuộc sống. Để rồi lại hăng say lao đầu vào một hoạt động đại đột mới...

Ngày 04-5-1967 cha Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận được Tòa Thánh đặt làm Giám mục Chính tòa Giáo phận Nha Trang và vì trường Thiên Hữu không đủ học sinh để mở lớp Terminale, nên lớp chúng tôi mười đứa, được ngài gọi lên ở Đại Học xá Viện Đại học Đà Lạt, và đi học lớp Terminale tại Trung học Adran. Ngài sắp xếp Viện Đại học cho một chiếc xe đưa đón chúng tôi đi học, vì từ Đại Học xá đến Trung học Adran xa khoảng 4 hoặc 5 cây số. Lâu lâu ngài lên Đà Lạt thăm 10 đứa chúng tôi, mỗi lần lên, ngài đem cho chúng tôi vài ký mực khô cho chúng tôi nướng rồi cha con nhâm nhi trò chuyện với nhau. Đối với ngài từ sau lần gặp gỡ đầu tiên qua ba ngày giảng tỉnh tâm, tôi cảm thấy rất gần gũi thân tình, chứ không xa cách “kính nhi viễn chi” như đối với Đức Giám mục tiền nhiệm Marcel Piquet. Mỗi lần gặp Giám mục thường người công giáo chúng ta phải quì xuống hôn nhẫn. Khi gặp Đức Cố Hồng y, tôi cũng quì xuống hôn nhẫn ngài, nhưng tôi chưa kịp quì xuống là ngài kéo tôi đứng dậy và bắt tay, mặc dầu trước đó ít phút, tôi thấy linh mục giám đốc Tiểu chủng viện hay linh mục quản hạt hoặc linh mục tổng đại diện địa phận quì xuống hôn nhẫn ngài. Đây cũng là điều làm tôi ngạc nhiên không ít trong buổi tiếp xúc đầu tiên khi ngài làm

Giám mục Nha Trang. Nó cũng làm tôi tự đặt câu hỏi ‘tại sao’ trong đầu tôi và tôi vẫn nhớ mãi trong suốt 36 năm qua. Cũng vì cử chỉ này tôi cảm thấy gần gũi ngài hơn cả với các vị cộng tác viên của ngài như các linh mục tổng đại diện, giám đốc chủng viện hay linh mục hạt trưởng. Đối với các vị này tôi luôn “kính nhi viễn chi”, còn đối với ngài, vị Giám mục địa phận thì tôi lại cảm thấy gần gũi thân tình như cha với con.

Thái độ này của tôi đối với ngài nó vẫn luôn thoải mái thân tình suốt thời gian ngài làm Giám mục địa phận Nha Trang. Mỗi lần có điều thắc mắc, hay muốn xin điều gì thì tôi thoải mái nói thẳng không áp úng e ngại gì. Khi ngài về Sài Gòn, đi tù, rồi sau này gặp lại tại Úc thì có chút thay đổi, có thể vì tôi đã thay đổi nhiều, không còn là chủng sinh, đã lập gia đình và không còn chung một con đường đặc biệt ấy nữa chẳng nên tôi mặc cảm hoặc không có nhiều dịp gần gũi ngài vì ngài cũng đã thay đổi nhiều với những công việc bận rộn hơn tại Roma, rồi với chức vụ Hồng y có thể càng làm tôi không còn dịp để liên lạc hoặc gặp gỡ với ngài nữa.

Một kỷ niệm để đời khác của tôi với ngài là năm 1968, sau khi tốt nghiệp Trung học đệ nhị cấp (Baccalauréat de l’Enseignement Secondaire) tôi đã hân hạnh được ngài đến tận giáo xứ dâng lễ và trao cho tôi và người bạn cùng lớp chiếc áo dòng đen (soutane)...

Ngày hôm nay khi viết vài trang này, tôi mới có dịp nhìn lại quãng đời mấy chục năm qua, tôi nhận thấy tôi đã học hỏi rất nhiều nơi ngài cũng như đã được ngài nâng đỡ. Những gì trong con người của tôi ngày hôm nay cũng một phần lớn đã ảnh hưởng từ những tư tưởng của ngài đúng như lời của một văn hào nào đó hay ngạn ngữ của Pháp: “les idées mènent le monde”. Khi đầu óc mình thông suốt những tư tưởng, những ưu tư thắc mắc, mình mới đem vào cuộc sống để sống để thực hành những điều mình suy nghĩ ưu tư. Tôi đã học qua những cuộc nói chuyện, những lời vui vẻ dí dỏm, những tiếp xúc, những tư tưởng cởi mở phóng khoáng,

những sách vở ngài đưa cho đọc nhờ đó tôi thấm nhuần những tư tưởng mới và đem áp dụng trong cuộc sống hằng ngày trong lúc vui cũng như lúc buồn, lúc thành công cũng như lúc thất bại. Tôi nghĩ rằng những lời ngài nói, những việc ngài làm, những chứng từ bằng cuộc sống của ngài trong lúc làm việc cũng như khi ở tù đã đóng góp rất nhiều cho Giáo hội Việt Nam, đất nước Việt Nam, con dân Việt Nam và Giáo hội Công giáo hoàn vũ.

Sydney ngày 14 tháng 8 năm 2003 ⁽⁵¹⁾

Tóm lại, trong thời gian làm Giám mục Nha Trang, ngài đã thực hiện những công việc sau đây:

1. Cử cố các đoàn thể Công giáo Tiến hành và hướng dẫn phát triển.
2. Thành lập “Trung tâm Văn hóa Chàm” tại Ninh Thuận năm 1968 và giao cho các nữ tu Dòng Khiết Tâm Đức Mẹ quản lý. Cho ấn hành sách Tin Mừng thánh Luca và thánh Marcô bằng tiếng Roglai, và Tự Điển Chàm-Việt-Pháp.
3. Thành lập Chung viện Lâm Bích năm 1969 dành cho các ơn gọi muôn.
- 4- Cải tổ các Hội Dòng nam nữ trong Giáo phận như Dòng Khiết Tâm Đức Mẹ Nha Trang, Dòng Ngôi Lời-Giuse Nha Trang.
5. Thành lập Ban Công Lý và Hòa Bình ngày 01-01-1969
6. Thành lập phong trào Cursillô và phong trào Focolare tại Giáo phận Nha Trang.
7. Thành lập phong trào Học hội Kitô giáo.
8. Ngày 02-6-1968 cho ban hành quy chế các Hội đồng Giáo xứ, và quyết định sẽ áp dụng quy chế này từ ngày 15-8-1968. Các thành viên đều được tuyển chọn kỹ, được huấn luyện chu đáo và tham dự tĩnh tâm hàng năm.
9. Phát hành tuần báo Dẫn Thân

10. Thành lập Tu hội đòi Hy Vọng vào ngày 17-4-1971

Trong Hội đồng Giám mục Miền Nam Việt Nam trước năm 1975, ngài đảm nhận những nhiệm vụ:

- * Chủ tịch Ủy ban Công lý và Hòa bình.
- * Chủ tịch Ủy ban Truyền thông Xã hội.
- * Chủ tịch Ủy ban Phát triển Việt Nam; Phụ trách Ủy ban Di dân và Tổ chức Tái thiết Việt Nam (COREV).
- * Đồng sáng lập viên Đài Phát thanh Chân lý Á châu (Veritas) tại Manila, Phi Luật Tân...

Từ năm 1971-1975, ngài được chọn làm:

- * Cố vấn Hội đồng Giáo hoàng về Giáo dân.
- * Cố vấn và thành viên của Bộ Truyền giáo.
- * Thành viên của Bộ Phụng tự và Kỷ luật Bí tích.



*Đến Rôma yết kiến Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II
sau ngày được tự do.*

Qua những dịp đi Rôma tham dự các sinh hoạt của Hội

đồng Giáo hoàng về Giáo dân, ngài đã gặp và trở nên thân thiết với Đức Hồng y Karol Wojtyla, Tổng Giám mục Cracovia, Ba lan. Trong những lần hai vị cùng nhau dùng cơm trưa tại các quán ăn tại công trường San Castillo, Đức cha Thuận không bao giờ tưởng tượng ngài đang ngồi tâm sự với vị Thánh Giáo Hoàng tương lai, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II.

Ngài là một đại ân nhân của các người di cư tị nạn chiến tranh trước năm 1975, đặc biệt đồng bào lương giáo Quảng Trị

Đức Ông Phaolô Phan Văn Hiền, nghĩa tử của Đức Hồng y ghi lại:

Thời gian sau ngày Đức cha Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận thụ phong Giám mục được xem là một trong những thời kỳ có nhiều biến động cam go nhất làm xáo trộn sinh hoạt và cuộc sống của người dân tại miền Nam Việt Nam. Biến cố Mậu Thân năm 1968, chiến dịch “cấp duồn” (giết người Việt) ở Cam Bốt năm 1971 và nhất là Mùa Hè Đỏ Lửa năm 1972 đã khiến cho hàng trăm ngàn thường dân phải lìa bỏ quê cha đất tổ, sống chen chúc trong những trại tiếp cư tạm thời. Việc di dân tị nạn hàng loạt này đặt ra nhiều vấn đề cấp bách phải giải quyết: kiếm chỗ an toàn cho họ định cư vĩnh viễn, giúp đỡ họ trong thời gian đầu để từ từ họ có thể tự túc sinh sống. Lẽ dĩ nhiên, công việc định cư này thuộc trách nhiệm của chính quyền. Nhưng với con mắt người mục tử nhân lành, Giáo hội không thể làm ngơ để mặc con cái mình bơ vơ. Hơn ai hết, người tị nạn cần được nhiều an ủi tinh thần hơn và vì thế, đòi buộc Giáo hội quan tâm đến họ nhiều hơn.

Với tư cách Chủ tịch Ủy ban Phát triển HDGMVN, Đức cha Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận đã cố gắng tìm mọi cách để hàn gắn những nỗi đau của người tị nạn và giúp họ sớm hội nhập vào cuộc sống mới đầy hy vọng ở tương lai. Thời kỳ 8 năm trên đây có thể được chia thành 2 giai đoạn rõ rệt:

- Từ năm 1967-1970: Giai đoạn ổn định và phát triển nhỏ

ở địa phương.

- Từ năm 1971-1975: Giai đoạn định cư và phát triển cho người tỵ nạn.

Mặc dầu biến cố Tết Mậu Thân đã gây một ảnh hưởng tâm lý nặng nề nơi người dân thành phố về cảnh chết chóc do chiến tranh gây nên, nhưng biến cố này chỉ xảy ra trong một thời gian ngắn, và không kéo theo những hệ luận nghiêm trọng về di dân và định cư. Lẽ tất nhiên, khi loạn lạc người dân chạy đến những nơi an toàn như trường học, nhà thờ, chùa chiền hay tu viện để lánh nạn. Nhưng thời gian này cũng không kéo dài lâu. Việc tổ chức nơi ăn chốn ở cũng đơn giản. Và khi được bình yên, họ trở về lại nhà cửa của mình với những công việc thường ngày như trước đây. Qua cơ quan Caritas của mỗi giáo phận, Ủy ban Phát triển cố gắng giúp đỡ những người bị thiệt hại nặng nề về vật chất để họ có thể dựng lại nhà cửa và ổn định cuộc sống.

Một nỗ lực khác của Ủy ban Phát triển là tạo điều kiện để người dân có được công ăn việc làm hoặc giúp phát triển những ngành nghề đã có sẵn. Những kế hoạch làm ăn tập thể có tính cách địa phương như tổ hợp máy bơm nước để dẫn thủy nhập điền cho nông dân, hoặc tổ hợp ghe đánh cá cho ngư dân được Ủy ban Phát triển tài trợ với sự hướng dẫn của cơ quan Caritas cấp giáo phận đã giúp cho nhiều người có việc làm, biết quản lý tiền bạc và phương tiện làm ăn để cuộc sống được sung túc và bảo đảm hơn, nhờ đó họ tìm lại được niềm tin vào giá trị của con người mình. Quỹ phát triển này không phải để cho không, nhưng được luân chuyển giúp những tổ hợp khác nữa. Vì thế, hợp tác viên ý thức trách nhiệm hoàn lại vốn và biết tính toán công ăn việc làm một cách hợp lý hơn. Ngài chủ trương phát triển không phải chỉ cho ăn, cho mặc, cũng không phải phát cày, phát cuốc, đào giếng, đào mương. Nhưng phát triển là thăng tiến con người toàn diện, làm cho họ sống xứng với phẩm giá con người hơn (ĐHV số 582). Chính vì thế mà ngài thường dặn dò con cái và người thân của ngài đừng bao giờ bao giờ thỏa mãn khi đã giúp người ta. Đừng

làm công việc dễ hơn cả là CHO, vì Chúa đòi hỏi một công việc khó hơn, đó là giúp kẻ khác để họ tự giúp lấy mình và biết sẵn sàng giúp mọi người. (ĐHV số 583). Trong chiều hướng đó, Ủy ban Phát triển còn giúp tài trợ những trung tâm huấn nghệ may mặc, do cơ quan Caritas địa phương điều hành, để giúp các chị em phụ nữ có nghề nghiệp, nhằm cải thiện cuộc sống gia đình.

Đến năm 1971, khi bắt đầu có làn sóng người tỵ nạn Việt Nam trở về do chiến dịch khủng bố “cấp duồn” tại Cam Bốt, Ủy ban Phát triển của HĐGMVN phải đối diện với những vấn đề cấp bách có tính quy mô rộng lớn hơn. Những người tỵ nạn này không thể trở về lại Cam Bốt, nơi họ đã định cư làm ăn từ nhiều thế hệ. Làm sao giúp họ ổn định cuộc sống, tạo công ăn việc làm để họ hội nhập vào cuộc sống bình thường, không còn lệ thuộc vào trợ cấp thực phẩm giới hạn của chính quyền. Ủy ban Phát triển đã thành lập những làng định cư. Giúp mỗi gia đình có được một căn nhà và đất đai để canh tác. Nhờ đó, sau thời gian hưởng trợ cấp, gia đình nào cũng thu hoạch được hoa màu và có thể tự lập được.

Đây là những kinh nghiệm sơ khởi quý báu cho Ủy ban Phát triển phải đương đầu với hàng trăm ngàn người tỵ nạn phải bỏ nhà cửa ruộng vườn của mình ở tỉnh Quảng Trị để vào lánh nạn tại Đà Nẵng sau Mùa Hè Đỏ Lửa 1972. Việc tiếp cư và trợ cấp thực phẩm cho người dân tại các trại tỵ nạn ở Đà Nẵng và Chu Lai thuộc tỉnh Quảng Tín chỉ có tính cách tạm thời. Không ai muốn ở mãi trong trại tiếp cư. Cuộc sống từ từ trở nên nhàm chán và mất ý nghĩa. Vì thế, Ủy ban Phát triển của HĐGMVN thành lập một cơ quan chuyên biệt để đẩy mạnh vấn đề định cư và phát triển được gọi tắt là COREV (Co-Operation of Reconstruction of South Vietnam). Cơ quan này được giao cho Đức cha Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận chịu trách nhiệm điều hành và phối kết, có trụ sở tại 123 đường Bà Huyện Thanh Quan, quận 3, Sài Gòn.

Công việc này được tiến hành với 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Thành lập từng nhóm tỵ nạn và tìm chỗ định cư thích hợp cho mỗi nhóm.

- *Giai đoạn 2: Kế hoạch định cư và phát triển.*

Sở dĩ phải thành lập từng nhóm vì không có chỗ nào có thể đón nhận tất cả người tỵ nạn với con số quá lớn như vậy. Hơn nữa, nếu tất cả đều được định cư chung ở một vùng hay một tỉnh, sẽ gây nên những hậu quả trầm trọng làm xáo trộn sinh hoạt bình thường của người dân địa phương, cũng như gây khó khăn cho việc điều hành quản lý. Chính vì thế, văn phòng COREV trực tiếp liên lạc với những người có trách nhiệm dẫn đầu nhóm tỵ nạn để nắm vững con số và hiểu rõ những ước muốn của họ, đồng thời liên lạc với chính quyền để tìm chỗ định cư thích hợp cho mỗi nhóm. Sau khi tìm được đất định cư, văn phòng hướng dẫn nhóm trưởng và ban đại diện đến quan sát đất trại, trình bày những ưu điểm của vùng đất này trên bình diện kinh tế, an ninh, để họ về giải thích lại với người dân tỵ nạn của mỗi nhóm.

Tất cả có 5 nhóm chính. Một nhóm đến định cư tại Trà Cổ, Biên Hòa, lấy tên là Quảng Biên. Hai nhóm ở Bình Tuy có tên là Đồng Đền và Bồ Câu Trắng. Một nhóm về Sông Pha, Phan Rang, lấy tên là Quảng Thuận. Và nhóm cuối cùng ở Cam Ranh có tên là Vĩnh Linh. Xét về phương diện địa dư giáo quyền, ngoài trại Quảng Biên thuộc Giáo phận Xuân Lộc, tất cả bốn trại còn lại đều nằm trong phần đất của Giáo phận Nha Trang, do Đức cha Nguyễn Văn Thuận coi sóc. Nhờ đó, ngài có thể theo dõi những biến chuyển và nhu cầu phát triển của trại một cách dễ dàng và đáp ứng một cách cụ thể. Nhưng trại Quảng Biên có ưu điểm là ở gần Sài Gòn, nơi có văn phòng COREV, nên vấn đề liên lạc cũng dễ dàng hơn.

...Cũng trong mùa hè này tôi đến thăm cha tôi tại trụ sở COREV ở Sài Gòn. Căn nhà nằm trên đường Bà Huyện Thanh Quan, gần nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế. Tôi đến chào thăm ngài. Nhưng ngài bận nhiều công việc nên hẹn gặp tôi vào buổi tối...

Sau bữa cơm chiều, ngài gọi tôi vào phòng nói chuyện... Tôi đổi đề tài:

- Con mới đi thăm cha Cẩm ở trại Đồng Đền ngoài Bình

Tuy về. Dân chúng ở đó đã có nhà cửa, đất đai canh tác. Cuộc sống đang có chiều hướng đi lên. Họ cho biết văn phòng COREV của cha đây đã giúp đỡ họ rất nhiều và thiết thực nữa. Đúng vậy không cha?

- Đúng rồi. Văn phòng này được lập nên trước hết là để đáp ứng nhu cầu của người tỵ nạn Quảng Trị. Họ đã mất tất cả: từ nhà cửa, ruộng vườn, công ăn việc làm, đến mồ mả tổ tiên. Thật đáng thương! Hội đồng Giám mục Việt Nam rất quan tâm đến hoàn cảnh của họ. Muốn giúp đỡ họ sớm có cuộc sống ổn định, nên đã lập ra văn phòng này và giao cho cha chịu trách nhiệm. Vạn sự khởi đầu nan. Công việc lúc mới khởi sự rất phức tạp. Một phần phải nắm vững nhu cầu của người tỵ nạn. Phần khác phải cố gắng thuyết phục những cơ quan từ thiện quốc tế chấp thuận viện trợ những dự án xây dựng, phát triển cho họ. Đâu phải dự án nào cũng được chấp nhận ngay. Mình phải giải thích nhu cầu, lợi ích ngắn hạn, dài hạn của từng dự án. Rồi từ từ họ mới duyệt xét và cấp cho. Bây giờ thì cũng tạm ổn rồi. Các cơ quan từ thiện, cứu trợ đã tin tưởng vào cách làm việc đứng đắn của văn phòng vì thấy được thành quả của những dự án họ tài trợ.

Tôi vui mừng hỏi ngài: Như vậy, bây giờ chắc cha khỏe rồi. Không còn gặp khó khăn gì nữa cả. Ngài trợn mắt trả lời một cách khôi hài:

- U chao ôi! Ngày nào có sự khó của ngày đó. Ông Luân, trưởng văn phòng ở đây ngày nào cũng điên đầu vì bị các cha trại trưởng than phiền, trách móc. Người thì trách tại sao không cho tiền ngay mà đòi phải làm đơn xin cho rắc rối. Lạy Đức Mẹ! Tiền ở đâu mà sẵn sàng vậy. Đây là văn phòng chứ đâu phải là ngân khố. Phải có đơn xin với lý do chính đáng rồi văn phòng mới gửi tới cơ quan cứu trợ duyệt xét. Nếu được chấp thuận, cơ quan mới gửi tiền vào tài khoản của văn phòng. Lúc đó văn phòng mới có tiền để giao. Người khác lại trách tại sao gửi đơn xin khá lâu rồi mà chưa có tin tức gì cả. Trời ơi! Văn phòng đâu có tự mình quyết định được. Tất cả tùy thuộc vào các cơ quan quyết định thôi. Tất

nhiên khi mỗi đơn xin được gửi đi, đều có lời giới thiệu của cha. Nhưng điều này không có nghĩa là họ sẽ chấp thuận ngay. Phải kiên nhẫn chứ! Cha đã giải thích chung cho các cha trại trưởng hiểu cách làm việc của các cơ quan và vai trò trung gian của văn phòng nhiều lần. Nhưng rồi thỉnh thoảng chuyện than trách này cũng lại xảy ra. Chắc vì các cha trại trưởng vì quá thương con cái tỵ nạn của mình, muốn có trợ cấp ngay để giúp đỡ, nên nhiều khi sốt ruột đến đốc thúc văn phòng, làm những người ở đây cũng lên ruột luôn.

Tôi tiếp tục hỏi ngài: Các cơ quan cứu trợ có đến gặp cha bao giờ không?

- Nhiều lần rồi. Quan trọng nhất là lần đầu tiên. Trước khi quyết định mở văn phòng này. Cha mời một số cơ quan cứu trợ công giáo quốc tế đến Việt Nam để trình bày với họ về những nhu cầu cấp bách của người tỵ nạn cũng như những kế hoạch phát triển trong tương lai. Tạ ơn Chúa! Tất cả đều đồng ý cam kết giúp đỡ. Nhờ vậy, cha mới dám tiến hành công việc cứu trợ, phát triển to lớn này. Sau đó, mỗi lần chấp thuận trợ cấp những dự án lớn như khai hoang, làm đường, phụ cấp xây nhà cửa, đào giếng, xây trường học, nhà thờ... họ đều cử người đến kiểm nhận xem thử mình có làm đúng như trong đơn xin không. Thông thường, họ báo cho cha biết trước ngày họ đến Việt Nam, và muốn đi thăm trại nào, xem xét dự án nào... Mới đây, họ tỏ ý muốn đi thăm một trại ở Bình Tuy để xem dự án giúp tôn sá nhà cho người tỵ nạn tiến hành như thế nào. Cha liền cho người hỏi thăm, mới biết tôn sá đã đến trại từ lâu rồi, nhưng vì cha trại trưởng và ban điều hành trại bận nhiều công việc khác, nên chưa phát cho dân. May quá! Cha lập tức gọi mấy thầy Đại Chủng viện Huế đang giúp cha trong mùa hè, đến đó để giúp ban điều hành phát tôn sá cho dân chúng làm mái nhà. Chỉ mấy tuần sau, mái nhà nào trong trại cũng lợp tôn sáng chói. Nhân viên của cơ quan đứng ra bảo trợ chương trình này đến thăm trại và kiểm nhận dự án một cách hài lòng.

Tôi hỏi tiếp ngài: Các phái đoàn quốc tế có đến đây thường xuyên không cha?

- Thật sự mỗi cơ quan một năm chỉ đến một vài lần thôi, nhưng chương trình cứu trợ này lại được nhiều cơ quan bảo trợ. Vì thế, tháng nào cũng có phái đoàn đến thăm khiến cho văn phòng bận rộn luôn. Thật ra, họ đến thường xuyên cũng là điều hay. Thứ nhất, là để cha trại trưởng và ban điều hành trại cố gắng hoàn tất dự án đúng thời hạn. Thứ hai, văn phòng có dịp trực tiếp trình bày và giao cho cơ quan những dự án mới. Giải thích cho họ hiểu dự án nào nên dành ưu tiên... Chỉ có một chuyện không hay, con biết chuyện gì không ?

- Mệt và hao tài phải không cha?

- Ừ, giỏi hê (giỏi thiệt)! Ông bà mình thường nói: “miếng trâu là đầu câu chuyện”. Cũng vậy, mỗi lần họ đến, mình cố gắng tiếp đãi họ chu đáo, lịch sự, để tỏ lòng biết ơn những gì cơ quan đã duyệt cho, và đồng thời xin họ tiếp tục giúp đỡ những dự án sắp tới. Cha tuyệt đối không dẫn họ đến nhà hàng, vì ở đó không phải là nơi thuận tiện để nói chuyện, hơn nữa ăn ở nhà hàng tốn kém hơn nhiều. Vì vậy, mỗi khi phải tiếp phái đoàn nhiều người, cha làm “menu” rồi đặt nhà hàng đem đến dọn trong phòng khách. Trước đó, cha cũng dò hỏi họ thích ăn món gì, và đặt món đó cho họ, nên ai cũng hài lòng. Còn khi phái đoàn chỉ có một hai người, cha nhờ các Sơ ở nhà chuẩn bị theo ý của mình. Thỉnh thoảng cho họ ăn món Huế. Thật tiện lợi và ấm cúng thân tình. Công việc chung được tốt đẹp, nhưng cha thì hao tài quá sức. Những chi phí “ngoài lề” cho việc tiếp khách, ăn uống, đâu có thể xin qua các dự án tài trợ được. Cũng như ngân khoản điều hành văn phòng, trả lương cho nhân viên, thư ký, không được các cơ quan cứu trợ này giúp cho. Họ cũng có lý khi nói rằng họ đã giúp các dự án rồi, còn chi phí việc điều hành phải tự thu xếp lấy, vì đó là phần đóng góp về phía Giáo hội Việt Nam của mình. Vậy cũng hay. Ít ra mình cũng có góp phần trong công việc chung này. Nhưng thực tế Giáo hội mình còn nghèo. Mỗi giáo phận đều gặp

khó khăn về tài chánh. Có gì đâu mà góp với chia. Vì thế, cha phải ngửa tay xin các ân nhân xa gần giúp đỡ... Chúa luôn luôn quảng đại! Nhưng mình nhiều lúc cũng phải nhần nhục lắm. Có nhiều người trước khi giúp, hạch sách đủ lý do... Cha phải nghĩ tới việc chung và lợi ích của người tỵ nạn để chịu đựng, chịu nhục, và kiên nhẫn trả lời họ một cách từ tốn. Cha tiết kiệm chi tiêu của chung một phần cũng vì lý do đó. Tụi con gọi cha là “ông già hà tiện” cũng đúng. Cha luôn luôn tiết kiệm, không dám chi tiêu gì cho bản thân. Cố gắng sống tinh thần nghèo khó thật sự. Nhưng với người cần giúp đỡ, cha luôn rộng rãi và không bao giờ vặn hỏi lý do trước khi giúp. Tụi con nhớ khi giúp ai điều gì, phải hết sức bác ái, để người thụ ân tha thứ cho con cái nhục họ phải chịu khi phải ngửa tay nhận của bố thí của con (ĐHV số 788). Thôi, để con về nghỉ. Ngày mai nhớ thức dậy đi lễ. Lễ vào lúc 5 giờ. Có các Sơ dọn đồ lễ rồi. Con khỏi lo.

Tôi bàng hoàng trở về phòng mình. Tội nghiệp cha quá! Người ta chỉ thấy bề ngoài cha vui vẻ, gần gũi. Chỉ thấy cha luôn rộng rãi, quan tâm. Nhưng thật ra, nhiều lúc cha cũng đã phải cắn răng chịu đựng nhiều nỗi đắng cay, phải hy sinh nhần nhục vì lợi ích của con cái, của Giáo hội. Bài học về “cách cho và của cho” một lần nữa được cha đề cập đến, nhưng lần này được mở ra đến tận cùng. Phải cho một cách bác ái tế nhị để khỏi làm tổn thương thêm cái nhục của người thụ ân. Một ý tưởng thật mới mẻ và sâu sắc. Tôi đón nhận với tất cả tâm tình biết ơn. Đúng thật! Phải có một tấm lòng yêu thương cao cả, vô vị lợi, mới dám hy sinh chính mình một cách âm thầm vì lợi ích của kẻ khác. Phải có một cái nhìn đức tin sâu sắc, mới có thể nhận ra khuôn mặt Chúa Kitô nơi người anh chị em đang gặp khốn khó, để biết cách giúp đỡ mà không làm họ phải đau xót tổn thương, và phẩm giá họ được hoàn toàn tôn trọng.

Tôi nhớ lại những điều ngài đã nhắn nhủ với tôi về việc bác ái và sau này được ngài viết lại trong cuốn Đường Hy Vọng:

Có loại bác ái ồn ào: bác ái phóng thanh.

*Có loại bác ái kể công: bác ái ngân hàng.
Có loại bác ái nuôi người: bác ái sở thú.
Có loại bác ái khinh người: bác ái chủ nhân.
Có loại bác ái theo ý (mình): bác ái độc tài.
Có loại bác ái nhân hiệu: bác ái giả hiệu (ĐHV số 756)*

Chỉ có bác ái đích thực khi người cho biết quên mình để tôn trọng phẩm giá của người thụ ân⁽⁵²⁾.

Việc hy sinh tận tụy phục vụ các người di cư tỵ nạn tại nhiều nơi và trong nhiều thời điểm khác nhau là một truyền thống rất tốt đẹp của gia tộc Đức Hồng y Phanxicô Xaviê.

Bản thân ngài và các thân nhân của ngài luôn dẫn thân quên mình lo lắng cho những người di cư tỵ nạn, và tìm được niềm vui siêu nhiên trong công việc này. Gia tộc nội ngoại của ngài, qua nhiều thế hệ, là những người di cư tỵ nạn, nên rất hiểu hoàn cảnh và thông cảm nỗi đau cùng tâm tư những người phải rời bỏ nơi chôn nhau cắt rốn, xa lìa mồ mã tổ tiên, thân nhân gia đình, trôi nổi nơi đất khách quê người.

Ngày 12-10-1973, ngài có một cuộc du hành cùng với Đức Khâm sứ Tòa Thánh Henri Lemaître qua Âu châu vận động sự giúp đỡ cho các sinh hoạt của tổ chức Corev và Caritas của Hội đồng Giám mục Việt Nam.

Từ ngày 25 đến 26-9-1974, tại San Calisto, Rôma, ngài tham dự một hội nghị với Hội đồng Tòa Thánh Cor Unum. Hội đồng Tòa Thánh về Công Lý và Hòa Bình, và Hội đồng Tòa Thánh về Giáo Dân, để bàn về các nhu cầu và tài nguyên của các Giáo hội địa phương.

Ngày 13-10-1974, ngài yết kiến Đức Thánh Cha Phaolô VI, và sau đó đến Đức viếng thăm các nữ tu Dòng Celittinen thuộc Tổng Giáo Phận Cologne để nhận sự tài trợ giúp cho những dự án khẩn cấp.

Được bổ nhiệm Tổng Giám mục phó Tổng Giáo phận Sài Gòn với quyền kế vị

Ngày 23 tháng 4 năm 1975, Đức Thánh Cha Phaolô VI đã bổ nhiệm Đức cha Phanxicô Xaviê làm Tổng Giám mục hiệu tòa Vadisitana, và ngày hôm sau, 24 tháng 4 năm 1975, đã cử ngài làm Phó Tổng Giám mục Tổng Giáo phận Sài Gòn với quyền kế vị.

Vâng lời Đức Thánh Cha, ngày 07 tháng 5 năm 1975, Đức Tân Tổng Giám mục Phanxicô Xaviê bàn giao Giáo phận Nha Trang lại cho Đức Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Hòa để đi Sài Gòn.



Đức cha Nguyễn Kim Điền và Đức cha Nguyễn Văn Bình, hai vị Tổng Giám mục có nhiều liên hệ rất mật thiết trong đời sống mục vụ của Đức Hồng y Nguyễn Văn Thuận.

Ngày 12 tháng 5 năm 1975, trước sự hiện diện của Đức Khâm Sứ Tòa Thánh Henri Lemaître và Đức Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình, ngài tuyên thệ nhậm chức tại Tòa Tổng Giám

mục Sài Gòn.

Nhưng ngài đã bị ngăn trở và không thể thi hành nhiệm vụ Phó Tổng Giám mục Tổng Giáo phận Sài Gòn do Đức Thánh Cha Phaolô VI trao phó.



Từ trái sang phải: Bà Elizabeth Nguyễn Thị Thu Hồng và phu quân GS Christian Chan, bà BS Lisa Nguyễn Thanh Sơn và phu quân BS Thomas Kelly, những người kế tục truyền thống phục vụ người di cư tỵ nạn của Đức HY PX. Nguyễn Văn Thuận. Hình chụp tại Lễ Giỗ 10 Năm do Gia Đình Cựu Chứng sinh Huế tổ chức tại Denver 15-9-2012.

MƯỜI BA NĂM MẤT TỰ DO

Trong suốt thời gian bị “cản Tòa” từ năm 1975 đến năm 1988, Đức TGM Phanxicô Xaviê đã phải trải qua 13 năm mất tự do.

Ngày 15 tháng 8 năm 1975, ngài được Ủy ban Quân quản mời đến làm việc tại Dinh Độc Lập. Cùng đi với ngài có Đức Tổng Giám mục Sài Gòn Phaolô Nguyễn Văn Bình. Tại đó, ngài bị bắt đưa đến giáo xứ Cây Vông thuộc xã Diên Sơn, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

Ngài kể lại: Ngày 15 tháng 8 năm 1975, lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, tôi được mời đến Phủ Tổng Thống, “Dinh Độc Lập”, vào lúc 14 giờ. Tại đó, tôi bị bắt và đem đi trên một xe hơi có hai công an đi kèm. Và đó là khởi đầu cuộc phiêu lưu của tôi. Trong lúc ấy, tất cả các linh mục, tu sĩ nam nữ bị gọi tới Nhà Hát, với mục đích tránh mọi phản ứng của dân chúng đối với vụ bắt tôi. Trong cuộc hành trình, tôi bắt đầu ý thức rằng mình đang mất tất cả. Tôi ra đi, với chiếc áo chùng thâm, trong túi có một cốc tràng hạt. Tôi chỉ còn biết phó thác cho Chúa Quan Phòng. Nhưng giữa bao nhiêu lo âu ấy, tôi vẫn thấy có một niềm vui lớn: Hôm nay là lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời... Từ lúc đó, người ta cấm gọi tôi là “Đức cha, cha...”. Tôi là ông Nguyễn Văn Thuận. Tôi không được phép mang dấu hiệu gì về chức vị của tôi. Không hề báo trước chút nào, Chúa yêu cầu tôi hãy trở về với điều cốt yếu. Trên đường dài 450 cây số, không có một ai. Tôi thực sự bị bỏ rơi. Và trong sự xúc động trước hoàn cảnh mới, diện đối diện với Chúa, tôi nghe thấy câu Chúa Giêsu hỏi Simon: “Simon, con bảo Thầy là ai?” (cf Mt 16,15).⁽⁵³⁾

Giáo xứ Cây Vông

Ngày ấy linh mục Gioan Phùng Văn Như, 72 tuổi, làm chánh xứ Cây Vông, có khoảng 1.200 giáo dân. Trong thời gian bị quản chế tại đây, ngài được cha Như và giáo dân hết lòng kính trọng, yêu mến và tận tình giúp đỡ.

Ngài ghi lại:

Trong những tháng kế tiếp, khi tôi bị quản thúc tại làng Cây Vông, Nha Trang, ngày cũng như đêm, ở dưới sự canh chừng thường xuyên của công an. Một tư tưởng đã ám ảnh tôi: "giáo dân mà tôi rất mến thương đã như một đàn chiên không có chủ chăn! Làm sao tôi có thể tiếp xúc với giáo dân của tôi, chính ngay lúc này đây, khi họ rất cần đến một mục tử?" Các nhà sách Công giáo đã bị tịch thu, các trường học bị đóng cửa, các nam nữ tu sĩ giảng viên bị phân tán, một số đi nông trường lao động, một số khác đi "vùng kinh tế mới". Sự xa lìa giáo dân là một cú "sốc" làm tan nát tim tôi.

Tôi tự nhủ: "Tôi sẽ không chờ đợi". Tôi sẽ sống giây phút hiện tại, làm cho nó tràn đầy tình yêu. Nhưng như thế nào đây?" Một đêm kia tôi chợt hiểu ra rằng: "Phanxicô, rất đơn giản. Hãy làm như thánh Phaolô khi Ngài bị giam trong tù: "Hãy viết thư cho các giáo đoàn".

Sáng hôm sau tôi ra hiệu cho một chú bé 7 tuổi tên là Quang, khi chú đi lễ về lúc 5 giờ sáng khi trời còn tối, và tôi xin: "Con hãy nói với má con mua cho cha các cuốn lịch cũ". Khi chiều tối đến cậu bé đem các cuốn lịch cũ tới cho tôi. Và tối nào cũng thế từ tháng 10 cho tới tháng 11 năm 1975, tôi đã viết sứ điệp cho tín hữu. Mỗi sáng chú bé đến lấy các tờ lịch ấy về nhà để cho các anh chị em chép lại. Thế là sách "Đường Hy Vọng" được hoàn thành vào ngày lễ Thánh Giuse 19-3-1976. Hiện cuốn sách này đã được dịch ra mười một thứ tiếng khác nhau. ⁽⁵⁴⁾

Sau 7 tháng bị quản chế ở Cây Vông, vào ngày 19-3-1976, lễ Thánh Giuse, ngài bị đưa vào giam ở trại giam Phú Khánh.

Trại giam Phú Khánh

Tại đây tất cả những gì ngài nhìn thấy ngày đêm, chỉ là bốn bức tường dơ dáy của phòng giam ẩm ướt... Một bóng đèn treo lơ lửng trên trần nhà, đầu mút sợi dây điện cũ kỹ, chiếu ánh sáng vàng vọt mờ ảo vào cái không gian bản thủ, nơi Đức cha Thuận

nằm ngủ trên một diện tích gỗ ghè được rải một tấm thảm rom..., nhưng vì hết sức ẩm ướt, tấm thảm rom này đã bị mốc meo bao bọc... Dần dần, sự trống rỗng và thỉnh lặng bao quanh ngày này qua ngày khác đã làm cho tâm trí ngài khiếp sợ. Thiếu vắng mọi dấu hiệu hiện diện của con người ở chung quanh, ngài hết sức ao ước nghe được các tiếng động, bất cứ tiếng động gì... Nhiều lúc, ánh sáng leo lét của phòng giam vụt tắt, có khi kéo dài mấy ngày liền, nên Đức cha Thuận chẳng biết là ngày hay đêm... Ngài có cảm tưởng là mình không thuộc thế giới của kẻ sống nữa... Người lính canh có bồn phận mang phần ăn cho ngài cũng không nói chuyện với ngài nữa: chỉ có một bàn tay đưa qua khe cửa để lấy chiếc mâm trông sau bữa ăn và thay vào đó, chiếc mâm khác.

Phòng giam thật sự là một hỏa lò và vì cận kề bên các nhà xí, một mùi thối nồng nặc xông lên trong nhiệt độ mùa hè. Ngạt thở vì ẩm ướt và thiếu không khí, Đức cha Thuận nằm dài trên nền đất để cố hít thở cho tốt hơn... Ngài hầu như không thể cử động trong cái phòng giam tí tẹo đó, nhưng ngài ý thức rằng nếu mình không cố mà cử động, thì không thể nào sống còn được. Cho nên ngài bắt đầu bước tới bước lui, đến đôi khi nóng ngạt thở của mùa hè làm cho ngài phải hô hấp nhiều, áo xống dính vào da thịt ngài. Chỉ vài phút sau, ngài phải nằm dài trên nền đất và áp sát mặt vào khe hở dưới lá cửa để thử hít thở.

Lúc này, trí nhớ của ngài bắt đầu lung lay, cho đến nỗi không thể nhớ kinh để đọc. Ngài đã ở trước ngưỡng cửa của bệnh điên: không thấy đói cũng như không buồn ngủ, thường nôn oẹ và chóng mặt triền miên, và toàn thân đau đớn... Tâm trí ngài trống rỗng trong thời gian càng ngày càng dài ra.

Đức Hồng y đã mô tả lại thời gian bị giam tại trại giam Phú Khánh như sau:

“Nhà tù nơi tôi bị giam trong những tháng đầu tiên tọa lạc tại khu vực có nhiều tìn hữu nhất trong thành phố Nha Trang, nơi tôi đã làm Giám mục trong 8 năm. Từ phòng giam, sáng tối tôi đều nghe thấy tiếng chuông nhà thờ ngân vang, và suốt ngày, tôi

nghe những tiếng chuông của bao nhiêu giáo xứ và nhà dòng. Tôi ước mong được dời đi thật xa, lên miền núi để khỏi phải nghe những tiếng chuông ấy. Ban đêm, trong cái tĩnh lặng của thành phố, tôi nghe lại tiếng sóng Thái Bình Dương mà tôi đã từng nghe thấy từ văn phòng Tòa Giám mục của tôi. Không ai biết tôi ở đâu, mặc dù nhà tù chỉ cách nhà tôi vài cây số. Tôi sống tình trạng thật vô lý!⁽⁵⁵⁾

Ở trại Phú Khánh, tôi bị giam trong phòng không có cửa sổ, phải đi qua 3 lớp cửa trong một hành lang mới đến khí trời. Vào đó nóng cực kỳ, tôi ngột ngạt và cảm thấy trí óc mất sáng suốt dần dần, cuối cùng là mê man. Có lúc người ta để đèn sáng như ban ngày, lúc khác lại nằm trong bóng tối. Buồng vừa nóng vừa ẩm, đến nỗi tôi xuống nằm dưới nền, còn nắm thì mọc lên trắng cả chiếc chiếu của tôi. Lúc nằm trong tối tăm, tôi thấy có một lỗ dưới vách, ánh sáng lọt vào, tôi lết đến, kê mũi vào đó để thở. Lúc nào trời mưa, nước ở ngoài ngập, những côn trùng ở ngoài bò vào, có cả giun và có lần có cả con rết dài; dù thấy vậy, nhưng tôi yếu mệt quá không làm gì được, tôi cứ để chúng bò quanh, ngày nào nước xuống thì chúng lại bò ra. Sau này hai linh mục bị giam cách tôi hai lớp cửa đã thuật lại cho tôi biết: “Một hôm cô Thanh, cấp dưỡng, đã mở cửa cho chúng tôi ra đứng nhìn Đức cha nằm dưới đất và bảo: cho hai anh nhìn thấy ông Thuận, ông sắp chết!”. Nhưng trong cơn cơ cực này, Chúa đã cứu tôi.⁽⁵⁶⁾

Sau đó, vào ngày 29-11-1976 ngài bị đưa từ Phú Khánh vào trại giam Thủ Đức, và đến ngày đến ngày 01-12-1976, ngài bị chở ra Bắc.

Hành trình ra Bắc

Ngài kể lại cuộc hành trình đó như sau:

Ngày 01 tháng 12 năm 1976 lúc 9 giờ tối, bất thành linh tôi bị gọi cùng với vài tù nhân khác. Chúng tôi bị xích chung người này với người kia từng hai người một và được đẩy lên một xe “cam nhông”. Cuộc hành trình ngắn đưa chúng tôi tới Tân Cảng, là hải cảng quân sự mới do người Mỹ mở mấy năm trước đó.

Chúng tôi trông thấy một con tàu trước mặt, hoàn toàn chìm trong bóng tối để dân chúng khỏi để ý. Chúng tôi bị đưa lên tàu đi ra miền Bắc - một hành trình dài 1.700 cây số.

Cùng với các tù nhân khác tôi bị đem xuống hầm tàu, nơi chứa than. Chỉ có một ngọn đèn dầu nhỏ leo lét cháy. Còn lại là hoàn toàn tối om. Chúng tôi tất cả là 1.500 người, trong tình cảnh không thể tả được. Một cơn bão nổi dậy trong tâm trí tôi. Cho tới nay tôi còn ở trong giáo phận của tôi, nhưng từ giờ phút này trở đi không biết tôi sẽ phiêu bạt tới chân trời góc bể nào. Tôi suy niệm lời Thánh Phaolô nói: “Tôi đi Giêrusalem mà không biết điều gì xảy ra cho tôi tại đó. Tôi chỉ biết rằng Chúa Thánh Thần khuyến cáo tôi rằng tại mọi thành tôi tới, xiềng xích và gian truân đang chờ đợi tôi” (Cv 20, 22-23). Tôi đã sống trong âu lo suốt đêm hôm ấy.

Ngày hôm sau, khi một chút ánh sáng mặt trời lọt vào hầm tàu, tôi nhận ra chung quanh tôi những gương mặt buồn sầu và tuyệt vọng của các tù nhân khác. Bầu khí sầu thảm như đám tang. Một trong các tù nhân đã tìm cách treo cổ tự tử với một sợi dây thép. Những người khác gọi tôi. Tôi đến nói chuyện với anh. Sau cùng anh lắng nghe lời tôi. (Cách đây hai năm trong một cuộc họp liên tôn tại California, tôi đã gặp lại anh. Mặt mừng rỡ anh tiến tới gặp tôi và cảm ơn tôi. Anh đã cho mọi người xem các vết sẹo còn hằn trên cổ).

Trong cuộc hành trình, khi các tù nhân biết có Giám mục Nguyễn Văn Thuận họ đến với tôi để kể lể các nỗi âu lo của họ. Tôi đã chia sẻ các khổ đau của họ và an ủi họ hàng giờ và suốt cả ngày. Trong ba ngày trên tàu, tôi an ủi các tù nhân khác và tôi suy niệm về cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu. Đêm thứ hai, giữa cái lạnh của Thái Bình Dương trong tháng mười hai, tôi bắt đầu hiểu rằng ơn gọi của tôi bắt đầu một giai đoạn mới. Trong giáo phận, tôi đã đưa ra các sáng kiến khác nhau cho công tác rao truyền Tin Mừng cho người bên lương. Giờ đây phải cùng Chúa Giêsu đi về nguồn gốc của việc loan báo Tin Mừng. Phải cùng Ngài ra đi chết “bên ngoài tường thành”.⁽⁵⁷⁾

NHỮNG NGÀY TRÊN ĐẤT BẮC

Trại Vĩnh Quang

Tàu cập bến, ngài bị đưa về giam tại trại Vĩnh Quang, Vĩnh Phú, sát chân núi Tam Đảo.

Tại đây ngài lao động như một nông dân, và trong những ngày mưa, ngài học nghề thợ mộc.

Dâng Thánh Lễ trong trại cải tạo

Khi bị bắt, tôi phải ra đi tay không, đi ngay lập tức. Ngày hôm sau, tôi được phép viết cho những người thân để xin những thứ cần thiết nhất như quần áo, kem đánh răng... Tôi viết: "Xin vui lòng gửi cho tôi một chút rượu thuốc để chữa bệnh đường ruột". Các tín hữu hiểu ngay. Họ gửi cho tôi một chai nhỏ đựng rượu lễ, bên ngoài có ghi: "Thuốc chữa bệnh đường ruột", còn bánh lễ thì họ giấu trong một ống nhỏ chống ẩm thấp.

Giám thị hỏi tôi:

- Ông bị bệnh đường ruột?
- Phải.
- Đây, có ít thuốc cho ông đây.

Tôi không bao giờ có thể diễn tả hết niềm vui lớn lao của tôi: mỗi ngày, với ba giọt rượu và một giọt nước trên lòng bàn tay, tôi cử hành thánh lễ. Và đó cũng là bàn thờ, là nhà thờ chính tòa của tôi! Đó là liều thuốc đích thực cho linh hồn và thân xác tôi: “Thuốc trường sinh bất tử, thuốc giải độc để khỏi chết, nhưng luôn được sống trong Chúa Giêsu” như Thánh Inhaxiô thành Antiôkia đã nói.⁽⁵⁸⁾

Thánh thể trở thành giây phút trung tâm của ngày sống ngài, ở đó, ngài có thể múc lấy năng lực cần thiết để củng cố đức tin mình và để làm cho mình được tràn ngập niềm vui.

Thế là, trong nhà tù, tôi cảm thấy chính trái tim của Chúa

Kitô đập trong tim tôi. Tôi cảm thấy rằng cuộc sống của tôi là cuộc sống của Ngài, và cuộc sống của Ngài là của tôi.

Thánh Lễ trở thành một sự hiện diện âm thầm và đầy khích lệ cho tôi và các Kitô hữu khác giữa đủ mọi khó khăn. Chúa Giêsu Thánh Thể được các bạn tù Công giáo thờ phượng một cách kín đáo, như bao nhiêu lần đã xảy ra trong các trại tù của thế kỷ XX.

Trong trại cải tạo, chúng tôi được chia thành từng nhóm 50 người. Chúng tôi ngủ chung trên một cái giường thật dài, mỗi người được 50 centimét. Mỗi đêm, chúng tôi thu xếp làm sao để có 5 người Công giáo nằm cạnh tôi. Vào lúc 9 giờ rưỡi tối, tất cả chúng tôi phải tắt đèn đi ngủ. Lúc ấy, tôi cúi mình trên giường để làm lễ thuộc lòng, và phân phát Minh Thánh Chúa bằng cách luồn tay dưới mùng muỗi. Chúng tôi chế cả những túi giấy nhỏ bằng bao thuốc lá, để giữ Minh Thánh và mang cho người khác. Tôi luôn mang Minh Thánh Chúa trong túi áo sơ-mi.

Mỗi tuần đều có một buổi học tập chính trị và cả trại đều phải tham dự. Các bạn tù Công giáo lợi dụng những lúc giải lao để chuyển những túi giấy nhỏ đựng Minh Thánh Chúa cho bốn nhóm tù nhân khác: tất cả đều biết rằng Chúa Giêsu ở giữa họ. Ban đêm, các tù nhân thay phiên nhau châu Minh Thánh. Sự hiện diện âm thầm của Chúa Giêsu trong phép Thánh Thể đã làm nên những việc kỳ diệu: nhiều người Công giáo đã bắt đầu tin tưởng trở lại một cách nhiệt tình. Và xác chứng của họ về sự yêu thương và phục vụ có một ảnh hưởng ngày càng lớn trên những tù nhân khác. Ngay cả những anh em Phật tử và bên lương cũng tìm được đức tin. Sức mạnh tình yêu của Chúa Giêsu thật mạnh mẽ không thể cưỡng lại.

Và thế là đêm tối của nhà tù đã trở thành ánh sáng phục sinh, và hạt giống đã được gieo vào lòng đất trong bão tố. Nhà tù trở thành trường dạy giáo lý. Các tín hữu Công giáo rửa tội cho các bạn đồng tù và trở thành những người đỡ đầu cho họ.⁽⁵⁹⁾

Lúc bấy giờ, tận dụng một vài dễ dãi của các lính gác, ngài có ý định làm cho mình một cây thập giá mà ngài muốn luôn giữ

lấy cho mình thôi. Các lính gác đối với ngài cũng có thái độ tốt hơn. Như thế, khi ngài xin một người lính và anh ta biết chắc ngài không phải là muốn tự tử, thì anh ta đã cho ngài sợi thép và 1 cái kèm nhỏ để ngài có thể chuyễn một sợi dây đeo thánh giá trên cổ của ngài.

Ngài viết: Yêu thương, cách loan báo Tin Mừng tốt nhất

Trong cuộc đời tôi, có những lúc chính hoàn cảnh thực tế đã giúp soi sáng tôi khi nghĩ tới nhiệm vụ lớn lao làm chứng tá cho Chúa Kitô. Trong thời gian bị biệt giam, tôi được giao cho 5 người canh gác. Họ thay phiên nhau, luôn luôn có hai người ở với tôi. Các cấp chỉ huy nói với họ: "Cứ mỗi hai tuần chúng tôi sẽ thay thế các anh bằng một nhóm khác, để các anh không bị "tiêm nhiễm bởi ông Giám mục nguy hiểm này".

Sau một thời gian, chính họ lại đổi quyết định: "Chúng tôi sẽ không thay đổi các anh nữa, bởi nếu không thì ông Giám mục đó sẽ tiêm nhiễm tất cả công an của chúng ta".

Ban đầu công an canh gác không nói chuyện với tôi. Họ chỉ trả lời "có" hay là "không".

Thật là buồn. Tôi muốn tử tế và nhã nhặn với họ mà không được. Họ tránh nói chuyện với tôi.

Đêm nọ, một tư tưởng đến với tôi: "Phanxicô, con còn giàu lắm, con có tình yêu của Chúa Kitô trong tim, hãy yêu thương họ như Chúa Giêsu đã yêu thương con".

Ngày hôm sau tôi bắt đầu yêu Chúa Giêsu nơi họ hơn nữa, bằng cách cười nói trao đổi với họ vài câu thân tình. Tôi bắt đầu kể cho họ nghe về những chuyến đi ngoại quốc của tôi, cho họ biết các dân tộc tại Mỹ, tại Nhật Bản, tại Phi Luật Tân... sống như thế nào, và nói với họ về kinh tế, về sự tự do, về kỹ thuật.

Tôi đã kích thích tính tò mò của họ và đưa họ tới chỗ đặt rất nhiều câu hỏi. Dần dần chúng tôi trở thành bạn với nhau. Họ muốn học tiếng ngoại quốc: tiếng Pháp, tiếng Anh... Và như thế

những người canh tù trở thành học trò của tôi!

Một lần khác, trong trại tù Vinh Quang, trên núi Vĩnh Phú, vào một ngày mưa, tôi phải bỏ củi. Tôi hỏi người canh tù:

- Tôi có thể xin anh một điều không?

- Anh cứ nói, tôi sẽ giúp anh.

- Tôi muốn đẽo một hình Thánh Giá bằng gỗ.

- Anh không biết rằng ở đây cấm ngặt không được phép có bất cứ vật gì mang dấu chỉ tôn giáo hay sao?

- Tôi biết chứ, nhưng chúng ta là bạn với nhau, và tôi hứa là sẽ giữ kín.

- Sẽ rất nguy hiểm cho cả hai chúng ta.

- Anh nhắm mắt làm ngơ đi, tôi sẽ làm ngay bây giờ và hết sức cẩn thận.

Anh ta lĩnh ra xa và để tôi một mình. Tôi đã đẽo miếng gỗ hình Thánh Giá và đã giấu trong một mảnh xà phòng cho tới ngày được trả tự do. Rồi với một lớp kim loại mỏng bọc bên ngoài, Thánh Giá đó đã trở thành Thánh Giá Giám mục của tôi.

Trong một trại tù khác, tôi đã xin với một người bạn canh tù khác một sợi dây điện. Anh ta hoảng hồn nói với tôi:

- Tôi đã học ở Đại học An ninh rằng, nếu một người xin dây điện có nghĩa là họ muốn tự tử.

Tôi giải thích cho anh ta:

- Các linh mục Công giáo không được tự tử.

- Nhưng anh làm gì với sợi dây điện đó?

- Tôi muốn làm một dây xích nhỏ để đeo Thánh Giá.

- Làm sao mà có thể làm một dây đeo với sợi dây điện được? Không thể làm được!

- Nếu anh đem cho tôi hai cái kim nhỏ, tôi sẽ chỉ cho anh

thấy.

- Nguy hiểm lắm!

- Nhưng mà mình là bạn với nhau mà!

Ba ngày sau anh ta nói với tôi: "Thật khó mà từ chối anh điều gì. Tối mai khi tới phiên tôi gác, tôi sẽ đem đến cho anh một sợi dây điện. Phải làm xong trong vòng ba giờ đồng hồ".

Chiều hôm sau từ 7 giờ cho tới 11 giờ, cẩn thận không để cho ai trông thấy, với hai cái kìm nhỏ chúng tôi đã cắt sợi dây điện thành từng đoạn ngắn khoảng một que diêm và chúng tôi uốn cong chúng để kết lại với nhau. Và ba giờ sau, trước khi đổi phiên canh, sợi dây đeo đã thành hình.

Sợi dây và cây Thánh Giá này tôi luôn đeo mỗi ngày, không phải bởi vì chúng là kỷ niệm của thời gian ở tù, nhưng vì chúng giúp tôi thấy xác tín sâu xa lời luôn nhắc nhở tôi: chỉ có tình yêu Kitô mới có thể thay đổi con tim, chứ không phải khí giới, các lời đe dọa và các phương tiện truyền thông.

Chính tình yêu chuẩn bị con đường cho việc loan báo Tin Mừng.

Ominia vincit amor, tình yêu thắng được mọi sự!

Khi có tình yêu chân thật, lời đáp trả tình yêu sẽ được khơi dậy. Khi đó người ta yêu và được yêu. Khi đó người ta hiện thực được trên trái đất Điều Răn mới của Đức Giêsu: "Các con hãy yêu thương nhau, như Thầy đã yêu thương các con" (Ga 15,12). Yêu thương nhau là chu toàn nghệ thuật yêu thương.⁽⁶⁰⁾

Trại Thanh Liệt

Đến ngày 05-02-1977, từ trại Vĩnh Quang ngài bị đưa vào giam 15 tháng tại trại Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, phía Nam Hà Nội.

Đến trại giam Thanh Liệt với gói hành lý đựng trong một bao tải chùi chân do một tù nhân lượm đem giặt sạch rồi tặng cho

ngài. Trại giam này được chia thành nhiều khu: A, B, C, v.v... Mỗi khu có 7 hoặc 8 buồng, mỗi buồng dài 8 thước và rộng 2 thước rưỡi. Mỗi buồng có hai cửa dày bằng gỗ, chung quanh có tường cao khoảng 5 thước. Mỗi buồng thường giam một người, nhưng cũng có khi hai người. Ngài bị giam ở buồng 7D. Gần nơi đó, linh mục Giuse Trần Hữu Thanh, Dòng Chúa Cứu Thế, bị giam ở buồng 5D.

Ngài ghi lại về tình trạng trong những ngày tháng bị biệt giam như sau:

Trong 9 năm biệt giam cơ cực có lúc tôi bị giam trong một xà lim không có cửa sổ. Có khi đèn điện bật sáng từ ngày này qua ngày nọ. Có lúc lại ở trong bóng tối từ tuần này qua tuần khác. Tôi cảm thấy bị ngột vì nóng bức và hơi ẩm. Tôi sắp bị điên lên. Lúc bấy giờ tôi là một Giám mục trẻ, với 8 năm kinh nghiệm mục vụ. Tôi không thể ngủ nổi. Tôi bị dẫn vật bởi ý nghĩ phải bỏ giáo phận, phải bỏ dở những công việc của Chúa. Tôi cảm thấy một sự phản uất nổi lên trong tôi.

Một đêm kia, từ trong thâm tâm có một tiếng nói với tôi: “Tại sao con day dứt như thế? Con phải phân biệt giữa Thiên Chúa và các công việc của Chúa. Tất cả những gì con đã làm và muốn tiếp tục làm, như các cuộc viếng thăm mục vụ, đào tạo chủng sinh, tu sĩ nam nữ, giáo dân, giới trẻ, xây trường học, các cư xá sinh viên, cứ điểm truyền giáo... đều là việc rất tốt và đúng là công việc của Chúa nhưng không phải là chính Thiên Chúa! Nếu Chúa muốn con rời bỏ tất cả những việc đó. Hãy bỏ ngay, và hãy tin thác nơi Ngài! Thiên Chúa sẽ giao việc của con cho người khác có khả năng hơn con. Con phải chọn Chúa, chứ không phải những công việc của Chúa!

Ánh sáng ấy đã mang lại cho tôi một niềm an bình mới mẻ làm thay đổi hoàn toàn cách suy tư của tôi và đã giúp tôi vượt thắng những khoảnh khắc hầu như không thể chịu nổi về phương diện thể lý. Từ đó, một sự an lành tràn ngập tâm hồn tôi và lưu lại trong tôi suốt 13 năm tù đày. Tôi cảm thấy sự yếu đuối của con

người mình, nhưng tôi luôn nhắc lại điều đã quyết định khi phải đối diện với nghịch cảnh, nhờ thế tôi không bao giờ mất sự bình an.⁽⁶¹⁾

Một bài thơ ngài sáng tác trong ngày lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội năm 1977 lúc bị giam tại trại tù Thanh Liệt nói lên tâm tình thiết tha phó thác mọi sự trong tay Mẹ Maria:

CON VỚI MẸ

*Đời con dằng hiễn, Mẹ của con
Giây phút đầu tiên đến Sài gòn
Cáo gian lắm điều, con vì Mẹ
Vu vạ nhiều nỗi, Mẹ với con
Sống chết lao tù, con có Mẹ
Gian truân chẳng quản, Mẹ bên con
Tăm tối đêm trường, con thưa Mẹ
Băng rừng vượt biển, Mẹ dẫn con
Cô quạnh ê chề, con kêu Mẹ
Hy vọng trào trào, Mẹ nghe con
Đau khổ xác hồn, con nhìn Mẹ
Âm thầm tế lễ, Mẹ dạy con
Muôn vàn thương nhớ, con dâng Mẹ
Úc triệu ân tình, Mẹ thương con
Sứ mạng tương lai, con trao Mẹ
Khó khăn hiện tại, Mẹ giúp con
Âu yếm đêm ngày, con yêu Mẹ
Ngày về tin tưởng, Mẹ đợi con.*

Giám mục Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận

Ngày 08-12-1977, Lễ kính Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội

Hai tháng sau, ngài lại phải bị chuyển sang một trại khác ở ngoại ô Hà Nội, ở đó, ngài ở chung phòng giam với một sĩ quan quân đội miền Bắc. Dần dần, người bạn chung phòng này đã trở thành bạn hữu thân tình của ngài.

Sách “Cầu Nguyện Hy Vọng”

“Khi tôi đã mất tất cả và bị giam cầm, tôi đã nghĩ tới chuyện soạn một cuốn cẩm nang giúp tôi sống trong hoàn cảnh này.

Tôi không có giấy mực, nhưng công an cung cấp giấy để tôi viết các câu trả lời trong các cuộc hỏi cung. Thế là từ từ tôi bắt đầu bót một vài tờ giấy và làm thành một cuốn sổ tay nhỏ, trên đó viết khoảng 300 câu Kinh Thánh mà tôi nhớ thuộc lòng. Lời Chúa, được dựng lại như thế đã là cẩm nang thường ngày của tôi, là kho tàng quý báu tăng cường sức mạnh cho tôi.”⁽⁶²⁾



Đức Hồng y Nguyễn Văn Thuận tại Giang Xá

Bị quản chế ở Giang Xá

Từ hạ tuần tháng 5-1978 cho đến cuối tháng 11-1982 ngài bị đưa về quản chế ở giáo xứ Giang Xá, huyện Hoài Đức, trước đây thuộc tỉnh Hà Đông, nay là tỉnh Hà Tây, cách Hà Nội 20 km.

Giang Xá lúc đó là một cộng đoàn tín hữu có khoảng 350 giáo dân, thuộc Giáo phận Hà Nội, nhưng chỉ có Ban Hành giáo do giáo dân đảm trách, chứ không có linh mục. Ngài được đưa về đó, được phép lui tới và đi đạo, với điều kiện là không thông hiệp với bất cứ ai đang sống quanh đó và bị cấm không được làm các nghi lễ phụng vụ hay giảng dạy cho giáo dân. Dần dần, Đức cha Thuận trở nên bạo dạn hơn và bắt đầu vài hoạt động mục vụ. Người canh chừng ngài, đã cho phép giáo dân đến gặp ngài, có khi cả từng nhóm nhỏ.

Không được làm các công tác mục vụ, nhưng nhờ có nhiều thời gian cầu nguyện, suy tư, và chiêm niệm, nên tại Giang Xá, ngài đã viết được hai tác phẩm: “Những người lữ hành trên đường hy vọng” và “Đường hy vọng dưới ánh sáng Lời Chúa và Công Đồng Vatican II”.

Hai tác phẩm này được in tại Sài Gòn năm 1980. Tháng 6-1980, các vị Giám mục Việt Nam đi “Ad limina” về Rôma đã kính dâng lên Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II hai cuốn sách này, như lễ vật cây nhà lá vườn của Giáo hội Việt Nam, tiến dâng Đấng Từ Phụ của đoàn con nghèo khổ xa xôi.

Đoàn các vị Giám mục Việt Nam thực hiện “ad limina” năm đó do Đức Hồng y Trịnh Văn Căn Tổng Giám mục Hà Nội hướng dẫn. Trong diễn văn đọc hôm 17-06-1980, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II nhấn mạnh hai điểm: “*lần đầu các Giám mục đến đông từ miền Bắc Việt Nam tới Rôma viếng Tòa Thánh và gặp Phêrô, thủ lãnh Giám mục đoàn và Chủ chăn Giáo hội hoàn cầu, dấu hiệu hữu hình sự hiệp nhất và hiệp thông của toàn Giáo hội*”. Do đó, Đức Thánh Cha ghi nhận đặc biệt về lòng trung thành, về sự hiệp nhất và hiệp thông với Phêrô, bởi vì Đức Thánh Cha thấu hiểu hoàn cảnh của các vị chủ chăn và của cộng đồng Công giáo Việt Nam. Trong hoàn cảnh khó khăn đó, Đức Thánh Cha thấy rõ: cần phải củng cố đức tin. Đức tin này được củng cố nhất là khi các Giám mục đến viếng mộ hai Thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô, cột trụ của Giáo hội và có nhiệm vụ do Chúa trao cho: là “củng cố

đức tin của anh em mình”, trước hết những anh em trong hàng Giám mục, kế vị các tông đồ, thuộc Giám mục đoàn, và cũng là thầy dạy đức tin cho các thành phần dân Chúa được trao phó.

Đặc biệt, vào ngày 22-06-1980, Đức Thánh Cha đã ưu ái đến tận nhà quản lý Phát Diệm (Rôma) để thăm Đức Hồng y và các Đức cha.



Nhà thờ giáo xứ Giang Xá, nơi Đức Hồng y Phanxicô Xaviê đã bị quản chế từ tháng 5-1978 đến tháng 11-1982.

Đức Ông Phan Văn Hiền ghi lại những kỷ niệm tốt đẹp Đức Hồng y đã để lại Giang Xá như sau:

“Nhưng có lẽ người cảm nghiệm sâu sắc nhất đức tính bình dân giản dị của ngài là ông Quản Trọng, người được sắp đặt ở

chung với ngài trong nhà xứ của giáo xứ Giang Xá. Từ trại giam Thanh Liệt, ngày 26-5-1978 ngài được đưa về quản chế tại đây. Giáo xứ này không có linh mục. Chỉ có Ban Hành Giáo do giáo dân đảm trách. Ông Quản Trọng được giao nhiệm vụ kiểm soát và báo cáo mọi sinh hoạt của ngài tại đây. Dần dần qua cuộc sống thánh thiện, chân thành và bình dân của ngài, ông Quản Trọng bị chinh phục hoàn toàn, đến nỗi mỗi khi viết xong báo cáo ông cũng đưa cho ngài xem trước. Ông kể lại: “Sau khi khám phá ra Cụ Thuận là Đức Tổng Giám mục ở trong Nam, tôi vội lên trình với Tòa Giám mục Hà Nội và được cụ Hồng y (Trịnh Như Khuê) chỉ dạy phải tỏ lòng kính mến và phục vụ Đức Tổng Thuận hết mình. Có gì thiếu thốn thì cứ trình với cụ Hồng y. Tôi vâng lời cụ Hồng y lo thu xếp nhà cửa và chăm sóc cụ Thuận thật chu đáo. Một bữa kia tôi đi làm ở xã về thì thấy cơm canh dọn sẵn. Tôi nghĩ chắc có người nào đến thăm rồi luôn tiện thối cơm cho cụ. Hóa ra chính cụ tự tay làm lấy. Tôi cảm động quá sức. Tôi chỉ là một giáo dân tầm thường, quê mùa, mà được một Đức Tổng Giám mục thối cơm cho ăn. Không thể tưởng tượng được. Ngài thật quá khiêm nhượng và bình dân. Ở đây ai cũng yêu mến ngài. Ngài gần gũi với mọi người, giúp đỡ mọi người, lương cũng như giáo. Thần tình!

“Ông Quản Trọng có thói quen dùng chữ “thần tình” để diễn tả những gì tốt đẹp trong cuộc sống. Và nhiều khi những điều ông cho là thần tình, thì ngài phải hy sinh chịu đựng một cách vui vẻ không một lời than trách. Ngài thích ăn thịt heo luộc, thịt heo ba chỉ (ba rọi), nhưng ông Trọng chỉ muốn nấu theo sở thích của ông, nấu kiểu ngào đường, đến nỗi miếng thịt heo trở thành “mứt heo”. Ngài kể lại: “cha ăn một miếng mà ón lên tới đầu. Vậy mà ông Quản Trọng cho là thần tình. Ông ăn một cách ngon lành. Khiếp quá! Thỉnh thoảng, những người quen cũng đem biếu chim bồ câu. Cha đề nghị với ông Trọng đem bồ câu nấu cháo vì cha thích ăn cháo. Ông trả lời: “cháo là để cho người bệnh”. Rồi đem bồ câu đi ngào đường. Thấy mứt bồ câu của ông, cha ón lạnh rồi, nhưng cũng phải rán ăn cho ông vui”...

“Với tính tình bình dân, hòa đồng, ngài được mọi người dân ở Giang Xá, lương cũng như giáo, thương mến một cách đặc biệt. Mặc dầu biết rõ ngài đang bị quản chế, việc tiếp xúc bị giới hạn, họ vẫn thường chạy đến với ngài để được an ủi, khuyên bảo và giúp đỡ. Vườn rau chung quanh nhà xứ trở thành nơi gặp gỡ giữa ngài và dân địa phương. Tùy theo mùa, ngài trồng đủ các loại rau cây như su hào, cà chua, ớt, sà lách, rau húng... Chính tay ngài chăm sóc vun xới. Và ngài trồng thật nhiều để phụ giúp những người nghèo trong làng. Dần dần, những người khác biết được, họ cũng tự nhiên đến xin ngài mỗi khi cần. Ngài còn được người dân ở đây xem như bác sĩ gia đình của họ. Người nào bị bệnh gì cũng đến ngài xin thuốc uống. Họ thường kháo láo với nhau: “Cụ Thuận mà cho thuốc thì bệnh gì cũng lành. Cụ là người thánh mà.” Ngài kể lại: “Ở ngoại quốc cũng có gởi về cho cha một ít thuốc. Nhưng làm sao có đủ để phân phát cho mọi người được. Cha phải nhờ ông Trọng đi Hà Nội mua thuốc Xuyên Tâm Liên thật nhiều, loại thuốc thông thường trị cảm cúm của Việt Nam, để cho họ. Vậy mà ai dùng thuốc của cha cho đều khỏi cả. Chúa làm việc thật lạ lùng! Một lần kia, có anh thanh niên trong làng bị bệnh khủng điên, đập phá tùm lum, không ai có thể ngăn nổi. Gia đình chạy đến cầu cứu cha. Cha cho anh ta uống thuốc ngủ và thuốc bổ, vì nghĩ rằng nếu anh ta ngủ được thì tâm trí sẽ bớt căng thẳng. Mà đúng thật! Chỉ sau mấy ngày được ngủ và ăn uống đàng hoàng, anh ta trở lại bình thường. Dân làng phục cha quá sức! Tạ ơn Chúa! Chính nhờ vậy mà dân làng càng kính trọng và yêu mến ngài hơn. Họ xem ngài như một người thân trong gia đình nên có chuyện gì cần cũng chạy đến hỏi ngài. Ngài thuật lại: “Có một dịp Tết, ông Quản Trọng xin cha làm cho ông một câu đối thờ để ông treo bên cạnh bàn thờ trong gia đình. Lạy Đức Mẹ! Từ xưa tới giờ cha có làm câu đối cho ai đâu, nhưng cha cố gắng làm cho ông vui. Cha dùng tên của ông và bà vợ tên Hiền để làm nên câu đối thờ. Câu đối như sau: “Thờ cha cao trọng chốn thiên tòa. Kính mẹ dịu hiền nơi dương thế”. Ông sung sướng vui mừng khi nhận được câu đối và đem khoe cả làng, khiến cho nhiều người khác cũng chạy đến xin, kể cả anh thợ hớt tóc bên

lượng thường đến hót tóc cho cha. Câu đối cha viết cho anh như sau: “Cửa nhà mấy thước lòng vẫn rộng. Dao kéo vài đôi nghề càng tinh”...

... “Người dân xem ngài là một vị thánh, không phải chỉ vì ngài là con người cầu nguyện, nhưng còn vì họ thấy nơi ngài tỏa ra hương thơm của sự khiêm nhường, bình dân, luôn sẵn sàng quan tâm và giúp đỡ họ một cách vui vẻ, tự nhiên. Chính ngài cũng đã chia sẻ kinh nghiệm này như sau: “Thánh thiện đâu phải là nhả nhó, khổ sở, đau thương. Thánh thiện là tươi vui liên li vì được Chúa.” (ĐHV số 532). Và ngài khuyến khích: “Con không có tiền? Con không có quà tặng? Con không có gì cả? Con đừng quên tặng họ niềm vui, tặng sự bình an mà thế gian không thể cho được. Kho tàng tươi vui của con phải vô tận (ĐHV số 540)”.⁽⁶³⁾

Đức Hồng y đã nói về ông Quản Trọng như sau:

Những con đường không hiểu được của Thiên Chúa

Khi tôi bị quản thúc tại làng Giang Xá, cách Hà Nội 20 cây số. Người cán bộ canh giữ tôi là một tín hữu Công Giáo. Thoạt đầu, ông ta đặt bao nhiêu câu hỏi về tôi: ông Giám mục này đã làm gì để bị giam như thế? Khi sống và ăn chung với tôi, ngủ trong cùng một phòng cạnh tôi, dần dần ông ta hiểu, và ông để cho tôi được viết các sách tu đức. Ông cho phép các linh mục đến gặp tôi ban đêm, họ ở cách xa đó 300 cây số, để được nghe tôi nói về Công Đồng chung Vatican II, vì không một Giám mục nào ở Bắc Việt đã có thể tham dự Công Đồng.

Mỗi tháng, người cán bộ ấy phải thảo một tờ báo cáo về tôi để nộp cho công an. Sau khi viết như thế trong một thời gian, ông ta nói với tôi:

- Tôi không viết nữa, tôi không biết phải viết gì.
- Ông cần phải viết! Nếu ông không viết, thì ông sẽ bị thay thế. Một người lính canh khác mà tới đây thì họ sẽ làm khó tôi.
- Nhưng tôi không biết viết gì cả!

- Vậy thì... tôi viết báo cáo, ông chỉ cần sao lại và ký tên.

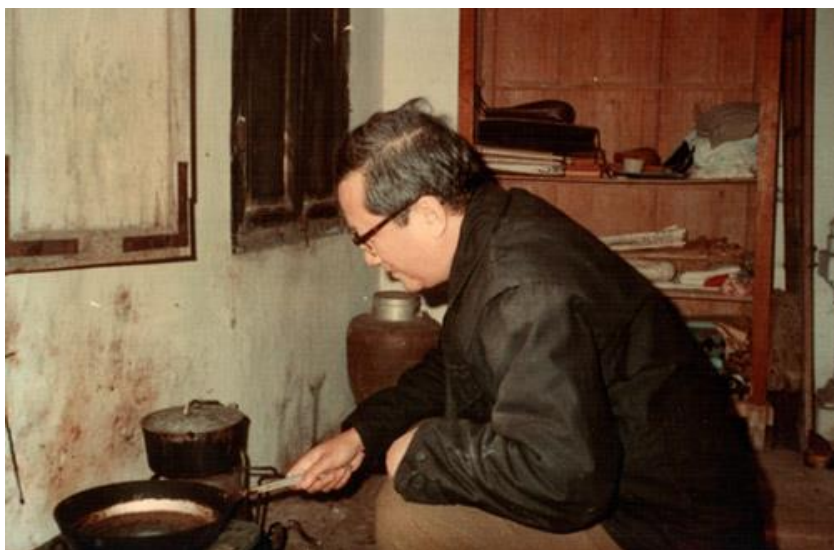
- Tốt lắm.

Công an huyện khen ông ta về bản báo cáo và tặng cho một chai rượu cam. Thế là ông ta mang về nhà và tối hôm đó, chúng tôi uống chung với nhau.

Nhờ ông ta mà tôi đã truyền chức linh mục cho nhiều chủng sinh thuộc các giáo phận khác do vị bản quyền gửi tới cho tôi. Vì tôi đã ở tù rồi, nên không còn sợ bị rủi ro gì nữa. Ban đêm, ông ta dẫn chủng sinh đến gặp tôi. Họ mang theo sách nghi thức của Giám mục và dầu thánh. Đó là những cuộc truyền chức dài nhất thế giới! Vì các buổi lễ ấy bắt đầu lúc 11 giờ rưỡi đêm và chấm dứt lúc 1 giờ sáng ngày hôm sau.

Cũng vào ban đêm, cán bộ ấy dẫn tôi đi ban Bí Tích cho các bệnh nhân.

Tôi không bao giờ tưởng tượng nổi Chúa Giêsu gọi tôi thi hành loại mục vụ đặc biệt như thế. Quả thật, Chúa Thánh Thần xử dụng bất cứ ai để ban ơn thánh cho dân của Ngài! ⁽⁶⁴⁾



Đức Hồng y Nguyễn Văn Thuận đang nấu ăn tại Giang Xá

SÁU NĂM BIỆT GIAM CUỐI CÙNG: 1982-1988

Nhưng các sinh hoạt của ngài ở Giang Xá tạo nên sự nghi ngờ của chính quyền, nên họ lại quyết định biệt giam ngài lại.

Sáng sớm, ngày 05-11-1982, một xe chở hàng của nhà nước đến tìm ngài và chở ngài vào khu vực quân sự, trong một căn phòng mà ngài sẽ ở cùng với một sĩ quan công an, dưới sự canh gác của hai lính gác. Theo quy định, ngài không được phép ra khỏi phòng, ngoài việc đi vệ sinh và xuống bếp tự nấu lấy bữa ăn của mình, cũng không được phép đi lại trên hành lang hay dòm qua cửa sổ. Việc hỏi cung đã chấm dứt. Rõ ràng ngài đang bị cô lập hoàn toàn, để không còn liên lạc tiếp xúc được với bất cứ ai ở ngoài.

Suốt 6 năm trời, từ 1982 đến 1988, ngài luôn bị thay đổi nơi giam giữ, và hoàn toàn bị biệt giam, không có một một tù nhân nào ở chung với ngài.

Trong hoàn cảnh đó, ngài tự sắp đặt chương trình sinh hoạt hằng ngày như sau: dâng lễ vào lúc 3 giờ chiều, giờ Chúa tử nạn, vì vào giờ đó, viên sĩ quan đang làm việc và hai anh cảnh vệ bắt đầu giấc ngủ trưa. Ngài hát thánh lễ bằng tiếng Latinh, tiếng Pháp hay tiếng Việt thoải mái, mà chẳng ngại gây phiền phức cho ai cả. Khi ngài hát bằng những thứ tiếng mà các người canh tù không hiểu, thì họ cho là ngài bị điên. Mà nếu tù nhân này là kẻ điên khùng, thì điều đó cũng chẳng gây phiền phức gì cho họ cả, mà nhiệm vụ của họ lại càng dễ chịu hơn mà thôi. Các người canh giữ chẳng ai trao đổi gì với ngài, nhưng chính ngài chủ động bắt chuyện với họ, nên dần dần ngài được họ tin tưởng và nể nang. Vì vậy, người ta lại di chuyển ngài qua chỗ khác....

Tình yêu cảm hóa

Ngài ghi lại: *Trong thời gian bị biệt giam, tôi được giao cho 5 người canh gác. Họ thay phiên nhau, luôn luôn có hai người ở với tôi. Các cấp chỉ huy nói với họ: "Cứ mỗi hai tuần chúng tôi sẽ thay thế các anh bằng một nhóm khác, để các anh không bị*

"tiêm nhiễm bởi ông Giám Mục nguy hiểm này".

Sau một thời gian, chính họ lại đổi quyết định: "Chúng tôi sẽ không thay đổi các anh nữa, bởi nếu không thì ông Giám mục đó sẽ tiêm nhiễm tất cả công an của chúng ta".

Ban đầu công an canh gác không nói chuyện với tôi. Họ chỉ trả lời "có" hay là "không".

Thật là buồn. Tôi muốn tử tế và nhã nhặn với họ mà không được. Họ tránh nói chuyện với tôi.

Đêm nọ, một tư tưởng đến với tôi: "Phanxicô, con còn giàu lắm, con có tình yêu của Chúa Kitô trong tim, hãy yêu thương họ như Chúa Giêsu đã yêu thương con".

Ngày hôm sau tôi bắt đầu yêu Chúa Giêsu nơi họ hơn nữa, bằng cách cười nói trao đổi với họ vài câu thân tình. Tôi bắt đầu kể cho họ nghe về những chuyến đi ngoại quốc của tôi, cho họ biết các dân tộc tại Mỹ, tại Nhật Bản, tại Phi Luật Tân... sống như thế nào, và nói với họ về kinh tế, về sự tự do, về kỹ thuật.

Tôi đã kích thích tính tò mò của họ và đưa họ tới chỗ đặt rất nhiều câu hỏi. Dần dần chúng tôi trở thành bạn với nhau. Họ muốn học tiếng ngoại quốc: tiếng Pháp, tiếng Anh... Và như thế những người canh tù trở thành học trò của tôi! ⁽⁶⁵⁾

Yêu thương kẻ thù

Ngài viết:

Một sắc thái hoàn toàn đặc biệt khác nữa của tình yêu Kitô giáo: đó là yêu thương cả các địch thù của mình. Đây là điều thường khó hiểu đối với người không tin.

Một ngày nọ có một người canh tù hỏi tôi:

- Ông có yêu chúng tôi không?
- Có chứ, tôi yêu các anh.
- Nhưng mà chúng tôi đã bỏ tù ông bao nhiêu năm, mà

không xét xử, không kết án, vậy mà ông lại yêu chúng tôi à? Đây là điều không thể được! Có lẽ không thật đâu!

- *Tôi đã ở với ông nhiều năm, như ông thấy đó, đúng không.*

- *Khi nào ông được tự do, ông sẽ không sai bốn đạo đến đốt nhà chúng tôi và giết người thân của chúng tôi đấy chứ?*

- *Không, ngay cả khi các anh có muốn giết tôi đi nữa, tôi vẫn yêu các anh.*

- *Mà tại sao?*

- *Bởi vì Chúa Giêsu đã dạy tôi yêu thương tất cả mọi người, kể cả kẻ thù. Nếu không làm như thế tôi sẽ không xứng đáng là Kitô hữu nữa.*

- *Thật ra là đẹp, nhưng khó hiểu quá.* ⁽⁶⁶⁾

Dù di chuyển đi chỗ khác, nhưng chỉ quanh quẩn trong khu vực rộng lớn đó của Bộ Công An mà thôi. Tuy nhiên, việc ngài tập cho các nhân viên công an hát những bài như Te Deum, Veni Creator, v.v... bằng tiếng La tinh đã đến tai lãnh đạo. Vì vậy phải đưa ngài đi nơi khác để khỏi gây ảnh hưởng không hay.

Và ngài được đưa đến một nhà giam ở đường Nguyễn Du trong thành phố Hà Nội, và bị biệt giam. Tại đây ngài lại xin phép được nhận “thuốc đau dạ dày” của thân nhân gửi vào, và được chấp thuận.

Sau đó, ngài được đưa đến biệt giam tại số 26 đường Hòa Mã, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Đức Ông Phan Văn Hiền kể lại: “*Tinh thần sẵn sàng phục vụ của ngài cũng không có biên giới. Ai cần, ngài cố gắng giúp đỡ. Bất kỳ người đó quen thân, xa lạ hoặc chống đối mình. Vì thế, những người canh giữ ngài trong thời gian ở tại căn nhà trên đường Hòa Mã, Hà Nội đã không ngần ngại xin ngài dạy ngoại ngữ. Và ngài đã giúp đỡ một cách tận tình, khiến cho những người*

này dần dần yêu mến ngài như một người bạn chân thành, và quý trọng ngài như bậc thầy đáng kính. Chuyện gì họ cũng muốn bàn hỏi với ngài, kể cả chuyện tình yêu riêng tư.

Ngài thuật lại: Một bữa kia, một anh học trò ngoại ngữ đến gặp cha và khẩn khoản xin cha giúp. Nhìn khuôn mặt hớn hở của anh ta, cha đoán chắc anh này đang có chuyện vui, nên hỏi ngay: Anh đang có tin vui mà, chuyện gì cần tôi giúp?

Anh ta ngạc nhiên trả lời: - “Đúng là ông Thuận. Cái gì cũng biết. Không dấu ông được gì cả. Tôi nhờ ông góp ý về chuyện “lo-ve” của tôi. Tôi mới quen cô này được mấy tháng, nhưng thấy tình cảm gần bó lắm ông ạ. Cô ta trẻ tuổi, xinh xắn, tốt nghiệp đại học, và đang có công việc tốt. Nhưng tính tình hai đứa chúng tôi không biết có hợp nhau hay không. Ông cố gắng xem hộ tôi nhé.”

Cha nghe như chuyện từ trời rơi xuống, bởi vì mình có bao giờ “xem tướng” để giúp người khác chọn lựa kết hôn đâu, nhưng cũng bình tĩnh giải thích: “ Anh biết tôi là người tu hành mà. Chuyện tôn giáo thì tôi có thể trả lời được, còn chuyện “lo-ve” tôi có biết gì đâu mà anh xin tôi giúp. Hơn nữa, anh biết luật lệ ở đây, cảm không được gặp bất kỳ ai, làm sao tôi có thể gặp mặt cô ta để đoán tính tình như anh muốn được?

Anh ta khoát tay nài nỉ: Tôi biết ông giỏi lắm. Tính tình anh em chúng tôi ở đây như thế nào, ông gặp một lần là nói trúng phong phóc. Ông chỉ cần nghe giọng nói, xem bộ mặt, cách đi, đã biết người đó tính tình làm sao rồi. Vì thế, tôi đã tính kỹ: ngày mai, đúng 4 giờ chiều, tôi sẽ dẫn cô ta đến bên kia đường để nói chuyện. Tôi cố gắng kéo dài câu chuyện càng lâu càng tốt. Còn ông đứng ở cửa sổ này nhìn qua để quan sát cô ta, xem thử tính tình như thế nào, có hợp với tôi không. Ông cố giúp tôi đi mà...

Và không đợi cha trả lời có ưng thuận hay không, anh ta đã xá hai tay cảm ơn rồi chạy mất. Lạy Đức Mẹ, Đúng là chuyện oái ăm....”

Tôi vừa tức cười vừa hỏi ngài: Vậy chiều hôm sau, cha có giúp anh ta xem tướng “người yêu” không?

Ngài trả lời với bộ mặt làm ra vẻ thiếu não khiến tôi không thể nín cười được: Biết làm răng bị chừ (làm sao bây giờ). Anh ta đã nhờ thì cha thì cha cũng rán giúp thôi, dù đó không phải là chuyên môn của mình. Nhưng dù sao kinh nghiệm gặp gỡ nhiều người trong cuộc sống cũng giúp cha đoán được chung chung tính tình của người mình tiếp xúc. Thế là chiều hôm đó, đúng 4 giờ, cha nhìn qua khung cửa lá sách, xem cách đi, kiểu nói, bộ mặt của cô ta... Qua ngày hôm sau, vừa sáng sớm, anh ta hăm hở đến xin ý kiến của cha liền... Và cuối cùng, cả nhà được anh ta chiêu đãi một bữa tươm tất. ...⁽⁶⁷⁾

Rồi một thời gian sau đó, được đưa đến giam giữ tại một nơi khác rộng rãi, thông thoáng và dễ chịu hơn. Nhờ đó, mỗi ngày ngài được rảo bộ nhiều giờ trong trại để cải thiện tình trạng sức khỏe đã suy giảm nhiều.

Từ trong chỗ biệt giam, ngài vẫn biết rõ các biến cố ở ngoài: các vị Chân phước tử đạo tại Việt Nam được phong Hiển Thánh, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II tông du Ba Lan, v.v...

Từ trong tù, nhân Ông Bà Cố chuẩn bị mừng ngày Ngọc Khánh Thành Hôn (1925-1985), ngài đã viết vào ngày 8-12-1984 bài chúc dưới đây và tìm cách gửi qua gia đình ở Úc để dâng lên Ông Bà Cố:

07/7/1900 - 05/05/1903

**CHÚC MỪNG NGỌC KHÁNH và THUỶNG THỌ
1925-1985**

1985

1. Mừng ngày trọng đại, nhớ Quê Hương,
Nhớ công Tổ Tiên, nhớ Cội Nguồn,
Hướng cả tâm hồn về Đất Mẹ,
Dâng lên Tổ Quốc cả mến thương.

2. Gia đình đoàn tụ trước bàn thờ,
Giây phút thiêng liêng mãi ước mơ,
Kính chúc Ngọc Khánh mừng Thượng Thọ,
Hương trầm thơm ngát mấy vần thơ.
Trăm năm bia đá cũng mòn,
Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ.

P
H
U
P H U + C A M
C
A
M

1985

3. Công Ba như núi Trường Sơn,
Nghĩa Mẹ như nước sông Hương trong ngần,
Cháu con ghi tặn đáy lòng,
Soi gương tươi sáng nhớ ơn Ông Bà.

1900+1903/1925

4. Nhân sinh thất thập cổ lai hy,
Ngọc Khánh Thành Hôn có mấy khi,
Muôn lao vạn khổ rày tan biến,
Ức triệu công phúc mãi còn ghi.

1925-1945....

5. Chín đứa con thơ, chín công trình,
Nước mắt chảy xuống chẳng chảy lên,
Tóc càng nhuôm tuyết, con càng hiền,
Công ơn trời biển, vũng đức Tin.

1945...

6. Tiền tài danh lợi vẫn thờ ơ,
Người chê thực thà, kẻ sùng sờ,
Nợ nần vay mượn, sau trả trước,

“Hằng ngày dùng đủ” vẫn ước mơ.

1954-1963.

7. Mặc người lợi dụng, kẻ xa hoa,
Mình sống lương tâm, sống thực thà,
Ai đại ai khôn rồi sáng tỏ,
Trước sau như một, ta vẫn ta.

1920-1963.

8. Đời Ba để lại bao công trình,
Điểm tô quê Huế thêm tốt xinh,
Thái Hòa, Đại Học, cầu Gia Hội,
Chánh Tòa, Chung Viện, Địa phận mình.

9. Ai về xứ Huế nhớ Cột Cờ,
Cầu Kho, Thánh Giá với Đốc Sơ,
Đây Nguyễn Tri Phương, kia Bá Nghệ,
Lên mộ Cụ Phan viếng Đền Thờ.

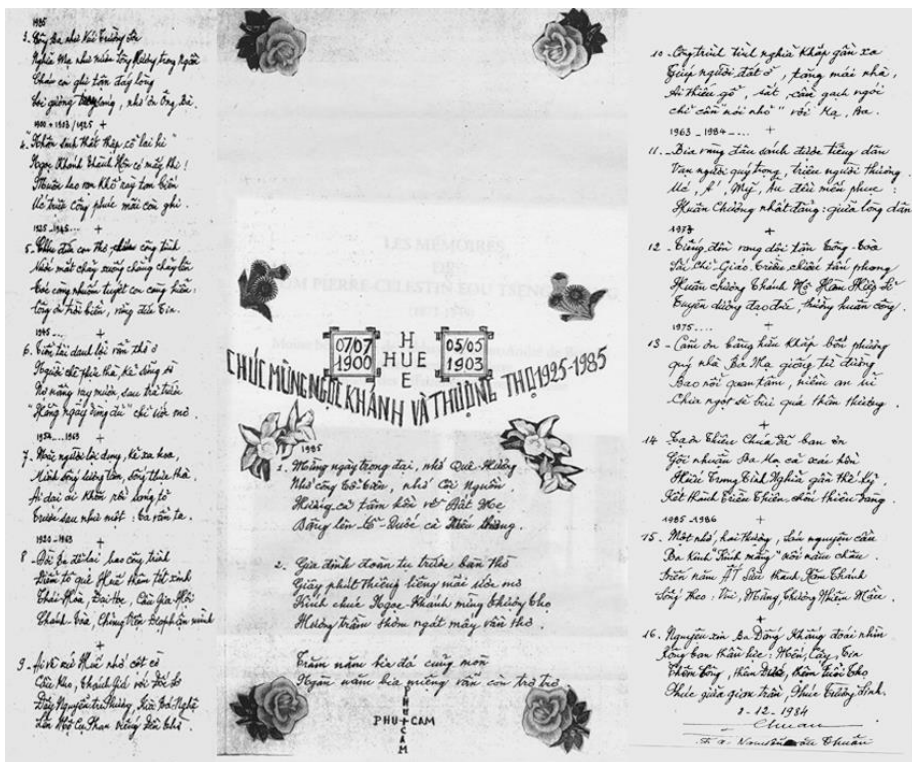
10. Công trình tình nghĩa khắp gần xa,
Giúp người đất ở, tặng mái nhà,
Ai thiếu gỗ, sắt, cần gạch ngói,
Chỉ cần “nói nhỏ” với Mạ, Ba.

1963-1964

11. Bia vàng đâu sánh được tiếng dân,
Vạn người quý trọng, triệu người thương
Úc, Á, Mỹ, Âu đều mến phục,
Huân chương nhất đẳng: giữa lòng dân.

1973

12. Tiếng đồn vang dội tận Tông Tòa
Sắc chỉ Giáo Triều chiếu tấn phong,
Huân Chương Thánh Mộ hàm Hiệp Sĩ,
Tuyên dương đạo đức, thưởng huân công.



Ảnh chụp **Bài Chúc Mừng Ngọc Khánh và Thượng Thọ 1925-1985** do Đức TGM Nguyễn Văn Thuận từ trong tù gửi về nhà dân lên Ông Bà Có. Ảnh do Bà Thu Hồng cung cấp.

1975

13. Cảm ơn bằng hữu khắp bốn phương,
 Quý nhà Ba Mạ giống từ đường,
 Bao nỗi quan tâm, niềm an ủi,
 Chia ngọt sẻ bùi quá thân thương.

14. Tạ ơn Thiên Chúa đã ban ơn
 Gọi nhườn Ba Mạ cả xác hồn,
 Hiếu trung tình nghĩa gần thế kỷ
 Kết thành Triều Thiên chốn Thiên Đàng.

1985-1986.

15. Một nhớ, hai thương, sáu nguyện cầu,
Ba kinh “Kính Mừng” nổi năm châu,
Biến năm “Át Sửu” thành Năm Thánh,
Sống theo “Vui, Mừng, Thương” nhiệm mầu.

16. Nguyện xin Ba Đấng khẩn đoái nhìn,
Rộng ban Thần Lực: Mên, Cậy, Tin,
Thêm Công, thêm Đức, thêm Tuổi Thọ,
Phúc giữa gian trần, phúc Trường Sinh.

08-12-1984

Fr.X. Nguyễn Văn Thuận

---o0o---

Được phóng thích

Hôm đó là ngày 21 tháng 11 năm 1988, một cán bộ đến gặp ngài trong chỗ biệt giam, hỏi:

- Ông Thuận, ông ăn cơm chưa?
- Chưa. Tôi đang nấu.
- Ăn cơm xong, ăn mặc sạch sẽ để đi gặp lãnh đạo.
- Lãnh đạo nào ạ?
- Tôi không biết. Tôi chỉ làm theo lệnh cấp trên.

Cơm trưa xong, ngài được đưa lên xe chở đến Nhà khách Chính phủ. Sau cái bắt tay xã giao, ông Mai Chí Thọ, lúc bấy giờ là Bộ trưởng Bộ Nội vụ, nói:

- Ông Thuận, ông có nguyện vọng gì không?
- Tôi muốn được tự do.
- Bao giờ?

- Ngày hôm nay.

Thấy ông Bộ trưởng có vẻ bối rối, ngài nói tiếp:

- Tôi ở tù trải qua 3 đời Đức Giáo Hoàng là Phaolô đệ lục, Gioan Phaolô đệ nhất và Gioan Phaolô đệ nhị. Và thời gian ở tù của tôi cũng đã trải qua 4 đời Tổng Bí thư Liên Xô: Breznev, Andropov, Chernenkô và Gorbachev.

- Đúng! Đúng!

Nói vậy rồi ông Bộ trưởng quay sang nói với người cán bộ:

- Hãy làm cho ông Thuận được toại nguyện.

Hôm đó, 21-11-1988, chính là ngày Lễ Đức Mẹ Dân Minh Vào Đền Thánh, ngài nhận được lệnh phóng thích của Bộ Nội vụ, nhưng bắt buộc cư trú ở Tòa Tổng Giám mục Hà Nội.

Ngài không có được một chiếc bao hay xách gì để đựng các vật dụng cá nhân, nên phải lấy một chiếc quần cộc túm hai ống lại để tọng vào đó tất cả những đồ đạc linh kính của người tù nhân, vác lên vai, vui vẻ đi ra khỏi nhà tù, vừa đi vừa nhẩm hát bài Te Deum...

BA NĂM CƯ TRÚ TẠI TÒA TỔNG GIÁM MỤC HÀ NỘI: 1988-1991

Ngài bị bắt vào ngày lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời 15-8-1975, và ngày được trả tự do vào lễ Đức Mẹ Dâng Mình 21-11-1988, có lẽ không phải là sự ngẫu nhiên, nhưng là một sự kiện mang nhiều ý nghĩa.

Tháng 2 năm 1989, ngài được phép xuất ngoại sang Úc thăm Ông Bà Cố và đi Rôma yết kiến Đức Giáo Hoàng.

Ngày 27-2-1989, ngài đi máy bay từ Hà Nội qua Bangkok, có cô em Hàm Tiểu và vị Sứ thần Tòa Thánh tại Thái Lan đón chờ tại sân bay. Sau một đêm nghỉ lại tại Tòa Sứ thần, sáng hôm sau hai anh em lên máy bay đi Úc. Ông Bà Cố và toàn thể gia đình tại Sydney quá đỗi vui mừng gặp lại ngài.

Sau 3 tuần ở với gia đình, ngài sang Rôma yết kiến Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II, và hết sức cảm động khi nghe vị Cha Chung cho biết đã luôn dõi theo ngài suốt 13 năm trời gian khổ.

Từ Rôma trở lại ở Úc ở với gia đình ít ngày, ngài quay trở về Việt Nam vào ngày 04-7-1989. Và những hạn chế cũ được áp dụng trở lại: chỉ được ở Hà Nội, và phải ngủ qua đêm tại Tòa Tổng Giám mục Hà Nội.

Đến tháng 11-1989 ngài mắc bệnh viêm tiền liệt tuyến (la prostate) phải vào bệnh viện Bạch Mai giải phẫu, nhưng thất bại. Nhờ cộng đoàn Sant'Egidio ở Roma giúp đỡ, ngài được phép đến Ý điều trị.

Tháng 11 năm 1990, ngài được Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II tiếp kiến.

Tháng 3 năm 1991, bệnh tình thuyên giảm, ngài lại trở về Việt Nam, vẫn tạm trú tại Tòa Tổng Giám mục Hà Nội.

Đức Ông Phan Văn Hiền, nghĩa tử của ngài viết:

Lòng yêu thương phục vụ đến quên mình của ngài càng

được bộc lộ một cách mãnh liệt hơn trong thời gian được tự do về tạm trú tại Tòa Tổng Giám mục Hà Nội. Ngoài việc thăm viếng và giúp đỡ những người bị bệnh phong, ngài còn đem hết khả năng của mình để giúp sửa sang các các nhà thờ bị bom đạn tàn phá, và các chương trình xã hội giúp người nghèo. Ngài thức đêm thức hôm để viết các dự án rồi tìm cách gởi đi càng sớm càng tốt, như chính ngài đang mang niềm đau và thao thức đợi chờ của họ.

Nhưng đặc biệt hơn cả, với tâm hồn của người mục tử nhân lành, khôn ngoan và đầy kinh nghiệm, ngài hết sức quan tâm đến việc huấn luyện các chủng sinh. Vì thế, khi được Đức cha Phêrô Phạm Đình Tụng, giám quản Giáo phận Hà Nội gợi ý muốn ngài giúp huấn đức các thầy trong Đại Chủng viện, ngài hăng hái nhận lời và đem hết khả năng ra phục vụ. Tuy nhiên, có hai vấn đề cần phải được vượt qua. Thứ nhất, ngài không phải là giáo sư chính thức của chủng viện, nên không thể gặp các chủng sinh trong những lớp học bình thường. Thứ hai, việc hướng dẫn đời sống thiêng liêng cho các thầy lại đòi hỏi một chương trình liên tục và thường xuyên. Làm sao để có thể giải quyết được cả hai vấn đề này trong hoàn cảnh hiện tại của ngài không phải là vấn đề đơn giản.

Ngài kể lại: “Cha thấy vấn đề thật khó, nhưng không chịu thua. Cha cầu nguyện và được Chúa chỉ cho phương cách thật ...thần tình. Cha tình nguyện dâng thánh lễ cho các thầy mỗi ngày. Và qua bài giảng vắn gọn trong thánh lễ, cha dựa vào các bài đọc của phụng vụ ngày hôm đó, để giúp các thầy thăng tiến đời sống thiêng liêng. Ngoài ra, cha cũng tình nguyện giúp các thầy trong những buổi huấn đức vào ban tối, không phải mỗi ngày, nhưng tương đối là thường xuyên, vì vậy việc huấn luyện sẽ được nhiều kết quả hơn. Lễ tất nhiên, khi chấp nhận công việc này, cha phải cố gắng dành thời giờ dọn bài mỗi ngày và để ý làm sao cho các bài giảng có được sự liên tục ở trong đó. Nhưng cha cũng cảm thấy hứng khởi, vì mình đang đóng góp vào việc đào tạo các linh mục tương lai cho Giáo hội. Đây là một công việc rất quan trọng, vì có thể nói tương lai Giáo hội một phần lớn tùy

thuộc vào các chủng sinh đang được huấn luyện bây giờ. Công tác giáo dục, nhất là giáo dục tu đức phải luôn luôn đặt lên hàng đầu, Cha vẫn nhớ mãi những lời thao thức của Đức cha giám quản Hà Nội. “Phải huấn luyện làm sao để có một hàng linh mục tâm cỡ và một hàng ngũ giáo dân trưởng thành”. Muốn đạt được điều này, không phải chỉ cần thiện chí là đủ, nhưng đòi hỏi phải có kế hoạch, chương trình, cùng với nhiều hy sinh từ mọi thành phần dân Chúa, nhất là giới lãnh đạo. Đòi sống gương mẫu của người lãnh đạo vẫn luôn để lại một ấn tượng tốt đẹp trong tâm hồn của thuộc cấp, hơn tất cả những lời rao giảng hùng hồn. Cha luôn ý thức điều đó, nên cố gắng sống để làm gương cho các thầy”.⁽⁶⁸⁾

Có một lần tại nhà Foyer Phát Diệm (ở Rôma) tôi tò mò hỏi ngài về những bài giảng này và cuộc sống ở Tòa Giám mục Hà Nội, và được ngài trả lời như sau:

“Mỗi ngày đều là hồng ân của Chúa, Cha chỉ cố gắng sống trọn vẹn những giây phút Chúa ban cho mình để phục vụ và yêu thương. Vì thế, cha xem việc dọn bài giảng như là cơ hội Chúa ban cho mình để phục vụ, nên cố gắng hết mình. Có những ngày cũng mệt mỏi vì bận tiếp khách ở xa đến, hay thăm viếng chỗ này chỗ kia, nhưng nghĩ tới bốn phận giảng dạy của mình, cha cố thức đêm để dọn bài cho đàng hoàng. Cha chỉ để ý tới giây phút hiện tại, từng ngày một. Có ngờ mô (ngờ đâu) mình dọn được nhiều như rứa (như vậy)! Thông thường, cha không viết ra toàn bài, chỉ ghi những điểm chính lên giấy rồi giảng. Như vậy, bài giảng sống động hơn. Nhưng bây giờ muốn có thật đầy đủ, chắc phải nhờ các thầy đã nghe giảng lúc đó thu thập lại, vì cha biết nhiều người đã ghi lại một cách chi tiết lắm....”

“Thật ra, trong việc huấn luyện tu đức, các bài giảng chỉ ảnh hưởng một phần nhỏ thôi. Phần quan trọng hơn chính là tiếp xúc cá nhân. Người huấn đức phải sống làm sao để các thầy có thể đến với mình một cách dễ dàng, tự nhiên, không giữ kẽ. Có thể nói với mình bất cứ chuyện gì. Tin tưởng mình hoàn toàn. Nói cách khác, người huấn đức không chỉ là người thầy, nhưng còn và

trước hết là người bạn của các chủng sinh. Vì bao giờ cũng vậy, bộc lộ tâm tình với người bạn vẫn dễ dàng hơn nói với người thầy. Và nếu người đó vừa là bạn vừa là thầy, thì việc hướng dẫn càng đạt được nhiều kết quả...”

Tôi phấn khởi hỏi ngài: Như vậy, chắc có nhiều thầy đến gặp cha để bàn “chuyện linh hồn” phải không cha?

Ngài tủm tỉm cười rồi trả lời: “Lúc đầu cũng ít thôi. Nghe chức Tổng Giám mục của cha, các thầy không dám đến, vì ở ngoài Bắc họ kính trọng các đẳng bậc lắm. Nhưng dần dần, thấy cách sống bình dân của cha, rồi người này kể lại với người kia, các thầy đến gặp cha ngày càng nhiều hơn. À, “tủ sách bỏ túi” của cha cũng giúp cho nhiều thầy có lý do để đến gặp cha lần đầu đó....”

Ngài tiếp tục chia sẻ: “Cha muốn các thầy cảm thấy thoải mái mỗi khi đến gặp, nên để cho họ muốn nói gì cũng được, rồi cha chỉ chọn một chi tiết nào đó trong câu chuyện để hướng dẫn đời sống thiêng liêng. Nhiều lần, buổi nói chuyện chỉ xoay quanh vấn đề gia đình, vì thầy đó đang lo lắng về sức khỏe, cuộc sống của những người thân. Không sao cả, cứ để cho họ bộc lộ hết. Còn mình cố gắng lắng nghe cách chăm chú. Chuyện hướng dẫn, giáo dục, đâu phải là chuyện một sớm một chiều, nhưng là chuyện về lâu về dài. Làm sao cho các thầy cảm thấy được mình thật sự quan tâm đến những vấn đề họ đang thao thức, lúc đó họ sẽ tin tưởng và chân thành chia sẻ những góc cạnh thâm sâu của cuộc sống. Nhờ đó mình mới có thể hướng dẫn họ một cách hiệu quả được. “Đường dài chạy lâu mới biết sức ngựa” mà! Nhưng trên hết, cần phải có một tình thương chân thành và một quyết tâm phục vụ vì lợi ích của Giáo Hội và lợi ích của chính người đó nữa... Có như vậy, buổi gặp gỡ sẽ không bao giờ trở nên nhàm chán cho người linh hướng cũng như người được hướng dẫn. Trái lại, cả hai đều cả thấy nhẹ nhàng, thích thú mỗi lần gặp nhau...”

Tôi hỏi tiếp: Khi hướng dẫn các thầy, cha thường nhấn mạnh đến điểm nào nhất?

Ngài trả lời không cần suy nghĩ: “Cầu nguyện. Kiên trì cầu nguyện. Cầu nguyện sẽ giúp mình nhận ra được thánh ý Chúa trong mỗi hoàn cảnh, biến cố của cuộc đời, giúp mình can đảm chấp nhận mọi thử thách và hướng dẫn tâm trí mình để có thể chu toàn bốn phận phục vụ dân Chúa và nên thánh. Trong sách Đường Hy Vọng cha đã dành hẳn một chương để nói về cầu nguyện (chương 7). Và cha dám quả quyết: “một vị thánh mà không cầu nguyện là thánh giả (ĐHV số 131), và “không cầu nguyện, dù có làm phép lạ, con cũng đừng tin”(ĐHV số 122), để nói lên tầm quan trọng không thể thay thế được của cầu nguyện trong đời sống của những người theo Chúa...”

Ngài dừng lại một lúc, mắt sáng lên như muốn xác tín những gì vừa nói, rồi tiếp tục: “Cha đừng vững được trong những năm dài phải sống cô độc một mình, chính là nhờ kiên trì cầu nguyện, ngoại trừ những lúc bệnh liệt giường hay phải vào bệnh viện điều trị, mỗi ngày cha đi bộ quanh căn phòng của mình không biết bao nhiêu lần, từ giờ này qua giờ khác, để đọc kinh cầu nguyện. Cha lần chuỗi Mân Côi, hát những bài thánh ca, thánh vịnh thuộc lòng, và dâng lên Chúa những lời nguyện vắn tắt tự đáy lòng mình, hoặc những lời Phúc Âm còn nhớ được. Những lúc xao xuyến, lo lắng, cha chỉ cần nhớ đến lời chúc của Chúa Giêsu khi hiện ra với các tông đồ sau khi sống lại: “Bình an cho anh em”, tự nhiên tâm hồn cha tràn ngập bình an, vì cảm được Chúa đang nói câu chúc bình an đó với chính mình. Thật thấm thía! Cũng chính nhờ đó, cha luôn cảm thấy Chúa đang thật sự hiện diện trong bốn bức tường với cha, đang đồng hành với cha, và cha vui sướng dâng lên Ngài tất cả cuộc sống của mình, hoàn toàn phó thác vào tình thương của Ngài, và để mặc Ngài định liệu... Cha đã ghi lại kinh nghiệm này trong một bài suy niệm mang tựa đề **“Những kinh vắn tắt của tôi** “để nói lên tầm quan trọng của lời cầu nguyện trong cuộc sống.” ⁽⁶⁹⁾

Trong thời gian ở Tòa Tổng Giám mục Hà Nội, ngài rất quan tâm đến việc làm sao để các chủng sinh và các linh mục tại các giáo phận miền Bắc có những sách báo chuyên môn về thần

học, thánh kinh, tu đức, giáo luật, lịch sử Giáo hội, v.v...để bổ túc và đào sâu kiến thức của mình.

Vì vậy, ngài đã nhờ nhiều người dịch và thu thập sách cùng một lúc, nên chỉ trong một thời gian ngắn, những sách cần thiết căn bản về thần học, thánh kinh, tu đức, giáo luật, lịch sử Giáo hội, v.v...đã có đầy đủ cho các chủng sinh Đại Chủng viện Hà Nội sử dụng.

Đức Giám mục Phụ tá Tổng Giáo phận Hà Nội Lôrensô Chu Văn Minh ghi nhận:

“Vào cuối tháng 3 năm 1991, khi trở về Tòa Giám mục Hà Nội, được Đức Hồng y Phaolô Phạm Đình Tụng lúc đó đang làm Giám Quán mời giúp huấn luyện tu đức cho các thầy tại Đại Chủng viện Hà Nội, Đức Cố Hồng y Nguyễn Văn Thuận đã mau mắn nhận lời và quyết tâm thực hiện dù không được phép giảng dạy chính thức. Ngài kể lại: “Cha tình nguyện dâng thánh lễ cho các thầy mỗi ngày, và qua bài giảng vẫn gọn trong thánh lễ giúp các thầy thăng tiến đời sống thiêng liêng. Ngoài ra, cha cũng giúp các thầy trong những buổi huấn đức thường xuyên vào ban tối, nhờ vậy việc huấn luyện được nhiều kết quả hơn... cha cảm thấy hứng khởi vì mình đang đóng góp vào việc đào tạo các linh mục tương lai cho Giáo hội”

Ngài chỉ ngừng dâng thánh lễ và giảng giải cho các chủng sinh Đại Chủng viện Hà Nội một ngày trước khi ngài phải đi Rôma và không bao giờ trở lại. Tất cả gồm 129 bài giảng. Nhiều chủng sinh thời đó nay đã là linh mục.

Hơn 9 năm sống trên đất Tổng Giáo phận Hà Nội, trong 3 năm được tự do, Đức Hồng y đã đi viếng thăm giáo dân ở nhiều xứ họ, nhất là những miền xa xôi, hẻo lánh. Ngài đi âm thầm nhưng đến đâu chuông nhà thờ cũng vang lên, đông đảo giáo dân đổ đến nhà thờ chào đón ngài, cha con cùng nhau đọc kinh và hát kính Thánh Thể Chúa, sau đó ngài thăm hỏi và khuyến khích mọi người giữ vững đức tin và sống đạo. Ngài ra về giữa sự kính yêu và luyến tiếc của các tín hữu.

Riêng đối với giáo xứ Hàm Long chúng ta, ngài rất gần gũi. Sau khi rời bệnh viện Bạch Mai, ngài về lưu trú tại giáo xứ Hàm Long mấy tháng. Hằng ngày ngài dâng thánh lễ riêng cầu nguyện cho Giáo hội tại Việt Nam. Tuy sức còn yếu nhưng ngài cũng dành nhiều thời gian tiếp xúc, trao đổi và nói chuyện với giáo dân, ngài luôn vui tươi, thân mật với hết mọi người. Một số các ông bà giáo dân Hà Nội, Hàm Long thời đó năng đến thăm nom chăm sóc ngài, giờ đây cũng đang hiện diện trong thánh lễ này rất kính yêu cùng nhớ rõ những kỷ niệm tốt đẹp về ngài.

Khi rời Hà Nội đến Rôma, ngài linh cảm chuyến đi này khó có ngày về nên ngài rất buồn, vì ngài luôn yêu mến Giáo hội Việt Nam, ngài nói: Cha chỉ muốn ở lại quê hương để phục vụ dân Chúa, dù ở cương vị nào, trong bất cứ hoàn cảnh, điều kiện gian khó, thiếu thốn nào, dù ở bất cứ nơi xa xôi hẻo lánh nào trên đất nước thân yêu của chúng ta, dù đó là trại phong cùi cha cũng vui lòng chấp nhận.⁽⁷⁰⁾

Đầu năm 1991, Đức Hồng y Tổng Giám mục Hà Nội Phạm Đình Tụng viết thư xin Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II bổ nhiệm Đức cha Thuận làm Tổng Giám mục phó Tổng Giáo phận Hà Nội với quyền kế vị, nhưng bất thành.

Ngày 21 tháng 9 năm 1991, Đức TGM Phanxicô Xaviê rời Việt Nam và không bao giờ quay trở lại quê hương, nhưng đã để lại muôn vàn kỷ niệm tốt lành không bao giờ phai nhòa trong ký ức những ai đã được hồng phúc gần gũi ngài trong những năm tháng ở Việt Nam.

SAU NGÀY RỜI QUÊ HƯƠNG VIỆT NAM

Sau khi đến Rôma, Đức Tổng Giám mục Phanxicô Xaviê đến cư trú tại nhà Foyer Phát Diệm, một ngôi nhà của Giáo phận Phát Diệm, tọa lạc tại số 45 đường Pineta Sacchetti - Rôma, đối diện với công viên Pineta Sacchetti, gần đền thờ Thánh Phêrô. Ngài ở trên lầu 4 từ cuối tháng 9 năm 1991 cho đến khi giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình.

Foyer Phát Diệm do cha Luca Trần Văn Huy khởi công xây ngày Thánh Giuse 19-03-1949 và khánh thành ngày 18-02-1950. Năm 1964 cha Phêrô Vũ Kim Điện từ Việt Nam sang quản lý và tu sửa được sự bảo trợ bởi Đức cha Anselmô Tadeô Lê Hữu Từ, Đức cha Phaolô Bùi Chu Tạo, và Đức Tổng Giám mục Sài Gòn Phaolô Nguyễn Văn Bình. Tháng 2 năm 1969 cha Điện hoàn tất công việc tu sửa, xây thêm nhà dài gấp đôi, cao tầng như hiện nay. Nhà nghỉ này thay đổi nhiều danh xưng như: Procurea Vietnamita - Casa San Giuseppe del Convitto Vietnamita - Missio Phat Diem- từ ngày 20-10-1983 đổi là Foyer Phát Diệm.

Đây là nhà khách đón tiếp các Hồng y, Giám mục, linh mục, tu sĩ, cũng như tiếp du khách hành hương từ khắp nơi trên thế giới về Rôma.

Ngày 22-3-1993, Đức Tổng Giám mục Phanxicô Xaviê được bổ nhiệm làm Cố vấn tại Thánh bộ Phúc Âm hóa các Dân tộc.

Ngày 01-7-1993, ông cố Tadeô Nguyễn Văn Ấm thân phụ của ngài qua đời tại Úc. Nhận được tin, ngài lên đường đi Sydney ngay.

Đến nơi, các người em của ngài đã có mặt đầy đủ bên cạnh thân mẫu. Bà tỏ ra rất cương nghị, vẫn bình tĩnh, chế ngự nỗi đau buồn với một sự can đảm khác thường. Bà con nội ngoại khắp nơi, thân hữu xa gần, và các đẳng bậc trong Giáo hội tại nhiều nước đã cầu nguyện cho linh hồn Tadeô, phân ưu với bà Cố, với ngài và toàn thể gia đình.

Sau thánh lễ an táng, Đức Tổng Giám mục Phanxicô Xaviê đã quỳ xuống đất, phục lạy linh cửu thân phụ và thưa lời cảm tạ ơn sinh thành dưỡng dục, đúng theo nghi lễ Việt Nam. Mọi người hiện diện trong tang lễ vô cùng xúc động.

Sau những ngày tang lễ, ngài ngồi lại tưởng nhớ đến bao hy sinh lao nhọc không kể xiết mà thân phụ ngài đã đổ ra để lo lắng và xây dựng hạnh phúc cho gia đình. Chính trong những ngày tháng bà Cố gặp phải những biến cố vô cùng đau thương, thì chính ông Cố là chỗ dựa tinh thần, đã hết lòng hết dạ yêu thương an ủi bà, giúp bà đứng vững và đứng thẳng, không một lời ta thán oán trách ai. Ông Cố luôn luôn là cột trụ chống đỡ, là bóng mát che phủ và là nguồn năng lượng sưởi ấm cho cả gia đình.

Ngài ở lại với gia đình một thời gian ngắn, rồi sắp xếp định trở lại Rôma. Một hôm, cô em Hàm Tiểu hỏi ngài:

- Anh có nghĩ rằng mẹ nên đi du lịch bây giờ không? Em biết bà cụ thích thăm Âu châu và Bắc Mỹ.

- Em có chắc rằng với tuổi chín mươi mẹ còn đi du lịch được không?

Nhưng vì cô em cứ dục ngài hỏi ý bà cụ xem sao, nên ngài hỏi và bà trả lời: Bây giờ mà nói chuyện đi thì vội quá. Nhưng vào một ngày nào đó sau này, mẹ muốn đi hành hương Rôma và Lộ Đức, và gặp các cộng đoàn Việt Nam ở Hoa Kỳ để cảm ơn họ đã nâng đỡ mình.

Ngạc nhiên, ngài hỏi bà: - Nâng đỡ gì, hở mẹ ?

Bà nhìn ngài, mỉm cười và nói: “Nhiều người đã luôn trung nghĩa với nhà mình và luôn hãnh diện về con”

Năm 1994, một năm sau ngày ông Cố qua đời, bà Cố được cô Hàm Tiểu đưa qua Âu châu đi hành hương Lộ Đức và Rôma.

Đức cha Thuận đón thân mẫu ở Paris để cùng cô Hàm Tiểu đưa bà đi Lộ Đức. Tại Paris, ngài đến trụ sở Hội Truyền giáo Hải ngoại Paris thăm và dâng lễ với cha Jean Baptiste Etcharrel.

Cha Jean Baptiste Etcharrel là một linh mục thừa sai có nhiều gắn kết rất đặc biệt với Giáo phận Huế nói riêng và với Giáo hội Việt Nam nói chung. Ngài cũng có mối giao hảo rất thâm tình với Đức Hồng y Nguyễn Văn Thuận.

Sinh tại Irouléguy, thuộc Giáo phận Bayonne, Pháp quốc, ngày 15-4-1932. Học ở Tiểu chủng viện Ustaritz, sau vào Đại chủng viện của Hội Thừa sai Hải ngoại Paris. Thụ phong linh mục ngày 02-02-1958. Ngày 22-4-1958 lên đường lãnh sứ mệnh truyền giáo tại Huế. Nhưng ngài chưa đến Huế, mà đến Banam (Campuchia) học tiếng Việt một năm. Tháng 5-1959, đến Huế và được bổ nhiệm làm cha phó giáo xứ La Vang. Năm 1960, ngài được cử ra phục vụ tại Mai Xá. Từ năm 1961 đến năm 1966, làm giáo sư Trường Providence (Thiên Hựu) và Tiểu chủng viện Hoan Thiện.

Năm 1966, sau ngày Cha Louis Valour bị tử nạn khi đi dâng lễ tại một xứ đạo gần Đông Hà, thì Cha JB. Etcharrel được bổ nhiệm làm cha sở giáo xứ Đông Hà, kiêm hạt trưởng giáo hạt Vĩ tuyến 17, đồng thời làm Bề trên MEP miền Huế.

Ngày đó, tại giáo xứ Đông Hà có một trường tiểu học với 600 học sinh, cha sở JB. Etcharren lại xây thêm một trường Trung học mới, với khoảng 600 học sinh, phần đông thuộc các gia đình lương dân, và trao cho cha Nguyễn Thanh Hoan (về sau là Giám mục Giáo phận Phan Thiết) làm hiệu trưởng. Ngoài ra, ngài đã xây dựng tại các họ nhánh Dinh Xá, Trung Chi, Ái Tử mỗi nơi một trường tiểu học và giao cho các nữ tu Hội Dòng Mến Thánh Giá phụ trách. Ngài còn giúp đỡ cho nhiều nông dân lương giáo trong vùng đó mua sắm các nông cụ để trồng trọt, cấy bừa.

Mùa hè đỏ lửa 1972, ngài đưa các gia đình chạy loạn vùng Đông Hà-Quảng Trị, lương cũng như giáo, di tản vào Hòa Khánh, Đà Nẵng, rồi qua năm 1973, ngài lại dẫn họ vào định cư lập nghiệp tại Bình Tuy, lo lắng cho mỗi gia đình tỵ nạn, lương cũng như giáo, có nhà cửa, vườn tược, đất đai và dụng cụ canh tác.

Sau ngày 30-4-1975, ngài vẫn ở Bình Tuy với giáo dân của

ngài, nhưng chỉ được ít tháng mà thôi, ngài phải lên đường hồi hương.

Về Pháp, từ năm 1976 đến năm 1983, cha JB.Etcharrel được Hội Đồng Giám mục Pháp mời giúp đỡ Ủy ban Mục vụ Ngoại kiều, lo cho người tỵ nạn Việt Miên Lào. Rồi từ 1983 đến 1986, ngài làm việc trong Ban Mục vụ Maisons-Alfort và được trao trách nhiệm phụ trách Sở Tuyên úy Việt Nam.

Sau đó, năm 1986 ngài được bầu làm Phụ tá Bề trên Tổng Quyền, từ năm 1992 làm Đại diện Tổng Quyền, và từ năm 1998 đến năm 2010, trọn 12 năm làm Bề trên Tổng Quyền Hội Thừa sai Hải ngoại Paris liên tiếp 2 nhiệm kỳ.

Trong suốt thời gian 24 năm (1986-2010) tham dự việc điều hành Hội Thừa sai Hải ngoại Paris, qua những quyết định của ngài, cha JB. Etcharrel đã tỏ ra đặc biệt thương mến và tận tình giúp đỡ Giáo hội Việt Nam trong việc đào tạo hàng giáo sĩ. Rất nhiều linh mục trẻ ưu tú thuộc các Giáo phận Việt Nam được ngài hỗ trợ đến Pháp du học tại Institut Catholique de Paris. Sau khi trở về Việt Nam các ngài đã làm giáo sư hay Giám đốc Đại Chủng viện, có nhiều vị được Tòa Thánh tấn phong Giám mục.

Có thể ghi thêm đôi việc khác vào tiểu sử cha JB.Etcharrel:

Từ năm 1975, đầu bị bó buộc phải rời bỏ Việt Nam trở về Pháp như các vị thừa sai khác của Hội Thừa sai Hải ngoại Paris, nhưng từ năm 1994 đến năm 1999, cha JB.Etcharrel vẫn tìm dịp trở về thăm Việt Nam nhiều lần. Ngoài ra, ngài còn nâng đỡ và hỗ trợ các giáo dân Pháp trong việc thành lập hội Viet Nam Espérance (Việt Nam Hy Vọng) vào năm 1994, để phục vụ và giúp đỡ Giáo hội Việt Nam. Đặc biệt, trong cuộc “*Hội Thảo về thân thế và sự nghiệp linh mục Léopold Michel Cadière*” tổ chức từ ngày 07 đến ngày 09-09-2010 tại Trung tâm Mục vụ Giáo phận Huế, ngài đã thuyết trình bằng tiếng Việt đề tài “*L.Cadière, hình ảnh một thừa sai và lời khuyên cho thế hệ thừa sai trẻ.*”

Sau cuộc Hội thảo, hai vị Tổng Giám mục Giáo phận Huế

là Đức TGM Nguyễn Như Thể và Đức TGM Lê Văn Hồng đã ngỏ ý mời cha JB Etcharrel nghỉ hưu tại Giáo phận Huế, và nhà cầm quyền Việt Nam đã chấp thuận để ngài tạm trú tại Huế, do đó cha JB Etcharrel đã vui mừng ở lại Huế trong bầu khí tràn đầy tình huynh đệ với Giáo hội Việt Nam từ năm 2010 đến nay.

27 năm làm mục vụ cho người Việt Nam (*17 năm ở Giáo phận Huế và 10 năm ở Pháp*), 24 năm giúp đỡ đào tạo hàng giáo sĩ Việt Nam (1986-2010) và 7 năm hưu trí hiện diện huynh đệ tại Huế. Như vậy, thời gian cha JB. Etcharrel đã sống và làm việc tất cả là 58 năm với Giáo hội Việt Nam và cho Giáo hội Việt Nam.

Ngài sử dụng tiếng Việt một cách rất thông thạo và nhuần nhuyễn với giọng Huế-Quảng Trị. Hiện nay, hưu dưỡng tại một ngôi nhà gần nhà thờ Chánh Tòa Phủ Cam, cha JB Etcharrel chỉ ước mong sống những năm cuối đời tại Giáo phận Huế thân yêu, nơi mọi thành phần dân Chúa, từ giáo sĩ đến giáo dân, luôn yêu quý, kính trọng và tri ân ngài một cách đặc biệt.

Sau khi viếng thăm Hội Thừa sai Hải ngoại Paris và cha Etcharrel, bà Cố rất nôn nao muốn sớm đến Lộ Đức để cảm tạ Đức Mẹ về các ơn phúc Mẹ đã ban cho gia đình bà, nhất là cho Đức cha Thuận. Bà không nhắc đến các thảm họa của gia đình, mà chỉ nhớ đến các hồng ân đã lãnh nhận.

Cùng với hai con và người cháu, sau khi từ Paris đến Lộ Đức bằng xe lửa, bà quỳ cầu nguyện rất lâu trước hang đá, nơi Đức Mẹ hiện ra với Thánh nữ Bernadette. Chứng kiến một bà già tuổi chín mươi, quỳ gối dầm chiêu cầu nguyện nhiều giờ như vậy, ai cũng ngạc nhiên.

Đức cha Thuận quỳ bên cạnh thân mẫu, cảm thấy rằng trong cuộc đời ngài có những giờ phút rất hạnh phúc, nhưng không có lúc nào hạnh phúc đầy tràn hơn khi cùng với đồng sinh thành dâng lên Thiên Chúa và Thánh Mẫu Người lời cầu nguyện,

Ngài xúc động nhớ lại kỷ niệm của lần đầu tiên diện kiến “Đấng Vô Nhiễm Nguyên Tội” vào năm 1957 tại chốn này. Ngài

nhớ lại lời Đức Mẹ phán với Bernadette và cũng là lời gởi đến cho mình: *“Mẹ không hứa ban cho con niềm hân hoan và sự an ủi ở trần gian này, nhưng hứa ban cho con những thử thách và đau khổ.”*

Ngày ấy ngài chưa hiểu, nhưng sau những gian truân trong gần 20 năm qua, bây giờ đến với Mẹ, ngài hiểu rõ sứ điệp Mẹ gởi đến cho mình, và hoan hỉ thưa với Mẹ: *“Con cảm ơn Mẹ đã giữ lời hứa với con”*.

Sau cuộc hành hương Lộ Đức, ngài đưa mẹ và em đến Rôma. Bà cụ quá sung sướng được kính viếng các nơi thánh tại thủ đô Giáo hội. Và điều bà khát khao nhất đã được thực hiện: yết kiến Đức Giáo Hoàng tại Castel Gandolfo. Bà tươm nước mắt hạnh phúc khi được hôn nhẫn Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II, được ngài vắn an và ban phép lành.

Một tháng hành hương chấm dứt. Trước khi trở về Úc, bà Cố nhìn Đức cha và chậm rãi nói: *“Rõ ràng Chúa muốn con ở đây, chứ không phải ở Việt Nam. Chính ở đây con sẽ sống và hoàn thành công việc của Chúa. Mẹ sẽ luôn luôn ở bên con”*.

Trong những năm đầu sau ngày rời Việt Nam, ngài dành nhiều thì giờ để cùng một số người cộng tác hoàn chỉnh và phổ biến bản dịch các sách ngài đã trước tác trong thời gian ở tù. Các sách của ngài được rất nhiều độc giả khắp nơi trên thế giới nồng nhiệt đón nhận, vì vậy, nhiều cộng đoàn ở các nước Pháp, Đức, Tây Ban nha, và Ý đã tha thiết mời đến giảng và thuyết trình ở nhiều nơi và cho nhiều giới khác nhau, như tại nhà thờ chính tòa Paris trong một Mùa Chay, hoặc tại các Đại học Công giáo trên thế giới.

Ngài luôn đi thăm viếng các cộng đoàn Việt Nam ở khắp năm châu để làm tất cả những gì có thể để củng cố tinh thần, giảng dạy, và giúp đỡ họ có được một sự trưởng thành trong đức tin.

Những thao thức này được ngài chia sẻ không những với những người lãnh đạo tinh thần, nhưng còn trực tiếp với giới trẻ

Việt Nam khắp nơi trên thế giới.

Từ Paris, Strasbourg, Lộ Đức ở Pháp, qua Hannover, Munchen ở bên Đức, đến Sydney, Melbourne ở Úc, qua Vancouver ở Canada, tới Missouri, Washington, Houston, Atlanta, Louisiana, Florida, Chicago, Minneapolis, Boston, Philadelphia, San Diego, San Jose, Oakland, Los Angeles, Seattle... ở Mỹ, đâu đâu ngài cũng mời gọi giới trẻ Việt Nam dấn thân vào các lãnh vực xã hội, chính trị, văn hóa, kinh tế... của đất nước mình đang định cư, để xây dựng công lý và hòa bình, đồng thời làm rạng danh nòi giống. Nhưng đặc biệt hơn cả, Đức TGM Phanxicô Xaviê khuyến khích các bạn trẻ hãy chọn Chúa Giêsu làm vị Thầy dẫn đường cho mình, vì Người là vị Sư phụ chân chính duy nhất của mọi thời đại.

Nằm trong tổng số những cuộc tĩnh tâm ngài giúp hướng dẫn trong thời gian trước năm 2000, gồm có:

- Ba lần được mời thuyết giảng tại Đại Hội Thánh Mẫu ở Carthage, Missouri, Hoa Kỳ. Lần thứ nhất vào tháng 8 năm 1995 với đề tài: *Linh đạo Hy Vọng và ơn gọi trong đời sống hôn nhân*; lần thứ hai vào tháng 8 năm 1996 với đề tài: *Vai trò của những người làm cha mẹ*; và lần thứ ba vào tháng 8 năm 2000 với đề tài: *Con đường của thanh niên trong thế giới hôm nay, ơn gọi về đời sống hôn nhân*.

- Tĩnh tâm quốc tế tại Monterey, Mexico, với sự tham dự của 91 vị Giám mục và 1500 linh mục vào tháng 10 năm 1998.

- Tĩnh tâm linh mục và giới trẻ tại Giáo phận Trieste, Ý, vào tháng 11 năm 1998.

- Ngày 11-02-1999, ngài tham dự cuộc hội thảo quốc tế về “Tiền bộ của con người và nhân quyền trong Thiên niên kỷ thứ ba” tại Thái Lan.

- Giảng cho 50.000 bạn trẻ tại vận động trường Piazza de Toros ở Mexico vào tháng 4 năm 1999.

- Ngày 01-6-1999, ngài đại diện Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đến thăm cộng đoàn người Balkan tại Jugoslavie, đem đến cho họ thông điệp của Đức Thánh Cha, dâng lễ và cầu nguyện cho hòa bình.

- Giảng cho giới trẻ và Hội Luật sư Công giáo Hoa Kỳ tại Philadelphia vào tháng 6 năm 1999.

- Từ ngày 26 đến 30-6-1999, đến tham dự cuộc hội thảo về Giáo huấn Xã hội của Giáo Hội tại Ghana.

- Ngày 05-8-1999, đến Cologne ở Đức tham dự cuộc Gặp gỡ Quốc tế lần thứ 30 của hàng giáo sĩ và thuyết trình nhan đề: “Ý Cha” (volonté du Père).

- Giảng tĩnh tâm cho các Giám mục và linh mục tại Tamale, Kusami và Accra ở Ghana, vào tháng 7 năm 1999.

- Từ ngày 14 đến 16-11-1999, ngài tham dự hội nghị quốc tế của tổ chức Hồng Thập Tự tại Genève, Thụy Sĩ..

- Từ ngày 30-11 đến ngày 05-12-1999 tham dự vào công việc chuẩn bị cho những cuộc tranh luận của miền Đại Dương châu về Giáo huấn của Giáo Hội về Xã hội sẽ được tổ chức vào năm 2000 tại Úc, sau đó đến tham dự các cuộc họp của các Ủy ban Công lý và Hòa bình ở Mã Lai.

Bằng những kinh nghiệm riêng, ngài giúp những người tham dự xác tín hơn vào tình thương bao la của Thiên Chúa, vào sức mạnh của Thánh Thể và lời cầu nguyện, vào niềm hy vọng và bình an của quyết tâm “chọn Chúa”, và nhất là vào sức biến đổi lòng người và canh tân môi trường sống của tình yêu chân chính mang nhân hiệu Chúa Kitô.

Bộ Truyền giáo cũng ủy thác cho ngài thi hành các cuộc thăm viếng và kiểm tra các chủng viện tại một số nước ở Phi Châu. Ngài cũng nhận được những huy chương đề cao cuộc sống chứng tá, hoạt động kiến tạo hòa bình của ngài.

Đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch, rồi Chủ tịch Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình tại Giáo triều

Vào ngày 24 tháng 11 năm 1994, Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã bổ nhiệm Đức Tổng Giám Mục Phanxicô Xaviê vào chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình.

Trước khi bổ nhiệm ngài vào Hội đồng GHCLHB, Đức Thánh Cha nói với ngài: *“Đức cha đến từ một xứ sở có chiến tranh, và đã ở tù mười ba năm. Nay Đức cha có thể chia sẻ kinh nghiệm của mình cho tất cả các nạn nhân của các bất công và yêu sách. Như vậy, Đức cha có thể làm cho công lý và hòa bình được thắng thế, và giúp đỡ cho người ta biết rõ các quyền của họ.”*

Đức cha Thuận biết mình phải đáp ứng lại thế nào các yêu cầu của Đức Thánh Cha đặt ra cho ngài: chiến tranh và hòa bình, công bình và bất công, quyền con người trên thế giới... đó là những lãnh vực trọng tâm ngài phải phụ trách cùng với Đức Hồng y Chủ Tịch Roger Etchegaray, một thi sĩ và là nhà ngoại giao bẩm sinh.

Vị Hồng y này rất yêu thương cộng đoàn di dân Việt Nam tại Marseille thời ngài làm Tổng Giám mục tại đó, đặc biệt ưa thích văn hóa và ẩm thực Việt Nam. Ngài cũng có một thiện cảm rất sâu đậm với đất nước, con người và Giáo hội Việt Nam. Chính ngài là vị đặc sứ đầu tiên Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II gởi đến Việt Nam vào tháng 7 năm 1989 để tạo bầu khí thông cảm giữa Tòa Thánh và Nhà Nước Việt Nam.

Đầu tiên, ngài đến trình diện Đức Hồng y Roger Etchegaray. Đức cha Thuận rất tôn trọng và cảm phục ngài. Đức Hồng y Chủ tịch và vị cộng sự đã đón tiếp ngài đầy tình thân ái và trọng thị.

Trong suốt 4 năm cộng tác với Đức Hồng y Roger Etchegaray, ngài luôn có một sự vâng phục, hợp tác chặt chẽ và đặt mọi sự dưới quyền quyết định của Đức Hồng y Chủ tịch.

Ngài cũng duy trì một mối liên hệ công việc rất khăng khít đậm niềm tương kính với Đức Giám mục Diarmuid Martin, người Ái Nhĩ Lan, và Đức Ông Giampaolo Crepaldi, chánh và phó thư ký của Hội đồng GHCLHB.

Vì Đức Hồng y Chủ tịch Hội Đồng GHCLHB còn là vị giáo phẩm đứng đầu Hội đồng Giáo hoàng Cor Unum, nên ngài tin tưởng trao cho các vị cộng sự có khả năng một phần lớn công việc của ngài.

Đức Tổng Giám mục phó Chủ tịch là một người điềm tĩnh, làm việc nghiêm túc, thường ngồi lâu giờ tại văn phòng nghiên cứu các hồ sơ và sự kiện đến nơi đến chốn.

Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình là một tổ chức đồng hàng với các Thánh bộ tại Tòa Thánh Vatican có nhiệm vụ cổ vũ công lý và hòa bình trên thế giới theo lời dạy của Tin Mừng và giáo huấn của Giáo hội. Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình đặc biệt quan tâm đến vấn đề phát triển và liên đới giữa các dân tộc, cổ vũ công lý và hòa bình trên thế giới, tranh đấu cho công bằng xã hội, đề cao nguyên tắc hỗ trợ, khích lệ tiến trình dân chủ hóa, tranh đấu cho quyền làm người và tự do tôn giáo, bảo vệ nhân phẩm và nhân quyền, ưu tiên cho lựa chọn người nghèo và luôn đứng về phía người bị áp bức theo đường hướng Tin Mừng.

Tóm tắt đôi nét về HỘI ĐỒNG GIÁO HOÀNG VỀ CÔNG LÝ VÀ HÒA BÌNH.

1- Nguồn gốc

Công đồng Vatican II đã đề xuất việc hình thành một tổ chức của Giáo hội hoàn vũ giữ vai trò “khích lệ Cộng đồng Công giáo thúc đẩy sự phát triển ở những vùng nghèo khổ và gia tăng công lý xã hội trong bối cảnh quốc tế” (Hiến chế Vui mừng và Hy vọng (Gaudium et Spes), số 90). Đáp lại lời đề nghị này, Đức

Giáo hoàng Phaolô VI đã thành lập Ủy ban Giáo hoàng “Công lý và Hòa bình” bởi bức Tựa sắc *Catholicam Christi Ecclesiam*, ngày 6 tháng Giêng năm 1967.

Hai tháng sau, trong Thông điệp *Populorum Progressio* về Sự Phát triển các Dân tộc, Đức Giáo hoàng Phaolô nói vắn tắt về tổ chức mới rằng, “tên gọi, cũng như chương trình của cơ quan này, là Công lý và Hòa bình” (Số 5). Hiến chế Vui mừng và Hy vọng, và thông điệp này, “theo một cách nào đấy... áp dụng giáo huấn của Công đồng” (*Sollicitudo Rei Socialis*, số 6), là những bản văn cơ sở và những điểm tham chiếu cho tổ chức mới này.

Sau khoảng thời gian thí điểm 10 năm, Đức Phaolô VI đã trao cho Ủy ban một địa vị chính thức với Tựa sắc *Justitiam et Pacem*, vào ngày 10 tháng 12 năm 1976. Khi Tông hiến *Pastor Bonus*, ngày 28 tháng 6 năm 1988, tái tổ chức Giáo triều Roma, Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã đổi từ Ủy ban thành Hội đồng Giáo hoàng và tái xác nhận đường hướng hoạt động chung của tổ chức.

2- Mục tiêu và nhiệm vụ

Tông hiến *Pastor Bonus* đã xác định mục tiêu và nhiệm vụ của Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình trong các khoản sau:

“Hội đồng sẽ đẩy mạnh công lý và hoà bình trên thế giới, theo đường hướng của Tin Mừng và giáo huấn xã hội của Giáo Hội (điều 142).

a. Hội đồng sẽ đào sâu học thuyết xã hội của Giáo hội và nỗ lực phổ biến cũng như áp dụng học thuyết ấy, trên phương diện cá nhân và cộng đồng, đặc biệt về các mối tương quan giữa giới chủ và giới công nhân. Những mối liên hệ này cần phải ngày càng thấm nhuần tinh thần Phúc Âm.

b. Hội đồng sẽ tập hợp và đánh giá những loại thông tin khác nhau và những kết quả nghiên cứu về công lý và hòa bình, về sự phát triển của các dân tộc, và về các vụ vi phạm nhân quyền.

Khi thích hợp, Hội đồng sẽ thông báo cho các cơ quan trực thuộc Giám mục đoàn về những kết luận chung cuộc. Hội đồng sẽ xúc tiến các quan hệ với các tổ chức Công giáo quốc tế và với các cơ quan khác, dù thuộc Công giáo hay không, mà thật sự quan tâm đến sự thăng tiến những giá trị công lý và hòa bình trên thế giới.

c. Hội đồng sẽ đề cao ý thức về nhu cầu cổ vũ hòa bình, đặc biệt vào Ngày Hòa bình Thế giới (ngày 143). Hội đồng sẽ duy trì các quan hệ mật thiết với Văn phòng Quốc Vụ khanh Tòa Thánh, đặc biệt khi công khai những vấn đề về công lý và hòa bình bằng văn bản hay thông cáo (ngày 144).”

3- Cơ cấu tổ chức

Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình có một vị Chủ tịch được sự hỗ trợ của một Thư ký và một Phụ tá, tất cả do Đức Thánh Cha chỉ định, trong khoảng thời gian 5 năm. Một bộ phận nhân viên gồm các giáo dân, các linh mục và tu sĩ thuộc nhiều quốc tịch khác nhau cùng làm việc với các vị này để tiến hành những chương trình và hoạt động của Hội đồng.

Đức Thánh Cha cũng chỉ định khoảng bốn mươi thành viên và cố vấn phục vụ với tư cách cá nhân trong khoảng thời gian 5 năm. Đến từ nhiều nơi trên thế giới, các thành viên họp nhau tại Roma trong kỳ Đại hội Toàn thể được tổ chức định kỳ. Trong mỗi kỳ đại hội, các thành viên đóng góp vào việc hoạch định chung những hoạt động của Hội đồng Giáo hoàng, tùy theo nền tảng xã hội, giáo dục, nghề nghiệp và kinh nghiệm chuyên môn hoặc kinh nghiệm mục vụ của từng người. Đại hội Toàn thể, là cao điểm trong đời sống Hội đồng, cũng là thời điểm xác định rõ ràng những “dấu chỉ của thời đại”.

Các cố vấn viên, một vài người trong số họ là chuyên gia trong lĩnh vực giáo huấn xã hội của Giáo Hội, có thể được triệu tập để tham gia vào những nhóm làm việc về những chủ đề cụ thể.

4- Hoạt động

Công việc chính của Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và

Hòa bình là thực hiện các cuộc nghiên cứu định hướng hoạt động dựa trên giáo huấn xã hội của Giáo hội do Đức Thánh Cha và Hội đồng Giám mục công bố. Thông qua các cuộc nghiên cứu, Hội đồng Giáo hoàng cũng đóng góp vào sự phát triển của giáo huấn này trong những lĩnh vực rộng lớn sau đây:

a. Công lý

Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình quan tâm đến tất cả những gì chạm đến công lý xã hội, thế giới công ăn việc làm, đời sống quốc tế, sự phát triển nói chung và sự phát triển xã hội nói riêng. Hội đồng cũng thúc đẩy suy tư luân lý về tiến trình của những hệ thống tài chính và kinh tế, đề cập đến những vấn đề liên quan đến môi trường và việc sử dụng có trách nhiệm các nguồn tài nguyên của trái đất.

b. Hòa bình

Hội đồng Giáo hoàng suy tư về một loạt những vấn đề lớn liên quan đến chiến tranh, giải trừ quân bị, buôn bán vũ khí, an ninh thế giới, và bạo lực với những biến thái đa dạng (khủng bố, chủ nghĩa quốc gia cực đoan...). Hội đồng cũng xem xét vấn đề các thể chế, hệ thống chính trị và vai trò của người Công giáo trên chính trường. Hội đồng cũng có trách nhiệm cổ vũ Ngày Hòa bình Thế giới.

c. Nhân quyền

Vấn đề này chiếm tầm quan trọng ngày càng lớn trong sứ vụ của Giáo Hội và cũng theo đó, trong công việc của Hội đồng Giáo hoàng. Giáo hoàng Gioan Phaolô II thường xuyên nhấn mạnh rằng phẩm giá của con người là nền tảng cho sự bảo vệ và thăng tiến các quyền cơ bản của người đó. Hội đồng xử lý vấn đề từ ba khía cạnh: đào sâu khía cạnh của học thuyết, xử lý vấn đề bằng cách thảo luận trong các tổ chức quốc tế, thể hiện thái độ lưu tâm đối với các nạn nhân của nạn vi phạm nhân quyền.

5- Mạng lưới rộng khắp

Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình cộng tác với tất cả những ai trong Giáo hội đang cùng tìm kiếm những mục tiêu trên.

Là một tổ chức của Tòa Thánh, Hội đồng trước tiên phục vụ Đức Thánh Cha và cũng cộng tác với các phòng ban khác trong Giáo triều Roma.

Là một bộ phận của Giáo hội hoàn vũ, Hội đồng cũng phục vụ các Giáo hội địa phương. Hội đồng duy trì những kênh liên lạc có hệ thống với các Hội đồng Giám mục và các đoàn thể của các Hội đồng Giám mục, và thường xuyên cộng tác với họ. Thông qua các Hội đồng Giám mục, hay với sự phê chuẩn tán thành của họ, Hội đồng Giáo hoàng liên lạc với hàng loạt những cơ quan thuộc Giáo hội ở cấp độ quốc gia mà đã được thiết lập để giúp cho các tín hữu nhận thức được trách nhiệm của họ trong lĩnh vực công lý và hòa bình. Một vài trong số những cơ quan này chuyên về nghiên cứu và lý luận, trong khi đó những cơ quan khác thiên về hoạt động. Các đoàn thể bao gồm những Ủy ban Công lý và Hòa bình hay những Ủy ban Các Vấn đề Xã hội cấp quốc gia, những phong trào bảo vệ nhân quyền hay cổ vũ hoà bình hoặc phát triển...

Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình giữ liên lạc với nhiều viện hay phong trào quốc tế trong lòng Giáo hội (các dòng tu hay tu hội, các tổ chức Công giáo quốc tế) nhờ hiệp thông với các Giám mục, giúp các tín hữu Công giáo làm chứng cho đức tin trong lĩnh vực xã hội.

Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình cũng hướng về thế giới học thuật và trí thức, tìm thỉnh vấn các giáo sư về giáo huấn xã hội của Giáo hội, đặc biệt từ các trường đại học thuộc quyền Giáo hoàng ở Rôma. Hơn nữa, Hội đồng cũng có những kênh liên lạc chặt chẽ với Giáo hoàng Học viện các ngành Khoa học Xã hội.

Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình có nhiệm vụ mở rộng mối quan hệ với các tôn giáo khác, giáo hội khác, theo quan điểm đại kết. Hội đồng Giáo hoàng cộng tác đặc biệt với Hội đồng Liên Tôn thế giới.

Cuối cùng, cũng cần đề cập đến các mối liên hệ với các tổ chức thế tục làm việc cho mục đích nâng cao sự tôn trọng phẩm giá con người, hướng tới công lý, hòa bình.

Qua nhiều năm, những mối liên hệ với các tổ chức quốc tế đã gia tăng đáng kể. Vì Tòa Thánh quan tâm đến công việc của Liên Hiệp Quốc, Hội đồng Giáo hoàng, cộng tác với Văn phòng Quốc vụ khanh Tòa Thánh, đã liên lạc thường xuyên với Liên Hiệp Quốc và các cơ quan chuyên trách của Liên Hiệp Quốc, đặc biệt vào thời điểm có các cuộc hội thảo quốc tế về các vấn đề như phát triển, dân số, môi trường, thương mại quốc tế, hay nhân quyền. Sự liên hệ với các tổ chức như Cộng đồng châu Âu và Liên hiệp Âu châu cũng có tầm quan trọng như vậy. Hội đồng Giáo hoàng cũng đón nhận những mối liên hệ trao đổi với các tổ chức phi chính phủ có cùng mục tiêu và đang làm việc trong lĩnh vực hòa bình, công lý và nhân quyền.

6- Tài liệu xuất bản

Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình phát hành những văn bản tài liệu về những chủ đề hiện hành như nợ quốc tế, cư trú, phân biệt chủng tộc, buôn bán vũ khí quốc tế và phân phối đất đai. Trong mỗi trường hợp, những văn bản tài liệu dựa vào giáo huấn xã hội của Giáo hội để hình thành những nguyên tắc và hướng dẫn đạo đức thích đáng. Hội đồng cũng xuất bản các sách, báo cáo về các cuộc họp mà Hội đồng đã tổ chức, bản tập hợp có hệ thống về các văn bản của giáo hoàng về một vấn nạn xã hội nào đó, các cuộc nghiên cứu về các vấn đề hiện hành, như quan điểm của Giáo hội Công giáo về nhân quyền, môi trường, hay các khía cạnh đạo đức về kinh tế và các hoạt động tài chính. Bản tin Justpax (Công lý và Hòa bình) được phát hành hai lần một năm.

Mục đích của những ấn bản trên là để phổ biến kiến thức

về giáo huấn xã hội của Giáo hội, đặc biệt cho những đoàn thể, mà đến lượt mình, họ có thể gián tiếp hay trực tiếp phổ biến cho người khác. Các đoàn thể bao gồm: các Hội đồng Giám mục và các Ủy ban Công lý và Hòa bình hay các Ủy ban các Vấn đề Xã hội trực thuộc Hội đồng Giám mục, các hội đoàn và các phong trào của giáo dân, linh mục, tu sĩ, chủng sinh và các nhà giáo dục tôn giáo.

Qua những nét chính yếu trên, rõ ràng công việc của Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình rất phức tạp và rộng lớn.

Đức cha Thuận chính thức từ chức Tổng Giám mục phó Sài Gòn vào ngày 24-11-1994.

Ngày 15-3-1995, ngài được bổ nhiệm làm cáo thỉnh viên án phong Chân phước cho Thầy Marcel Vann, tu sĩ Dòng Chúa Cứu Thế Việt Nam. Ngày 27-3-1997, mở án phong Chân phước cho Thầy Marcel Vann.

Ngày 11-5-1996, Đức Tổng Giám mục Phanxicô Xaviê được trao bằng Tiến sĩ danh dự của Đại học Dòng Tên tại New Orleans, Louisiana, Hoa Kỳ. Ngài cũng được trao tặng nhiều huân chương do bởi đời sống chứng tá và các hoạt động xây dựng công lý và hòa bình.

Ngày 09-6-1999, tại Tòa Đại sứ Pháp bên cạnh Tòa Thánh, Chính phủ Pháp đã trao tặng ngài huân chương “*Commandeur de l'Ordre National du Mérite*”.

Vì là Phó Chủ tịch Hội đồng GHCLHB, nên ngài có quyền cư trú tại Vatican. Ngài được cấp một căn hộ nhiều phòng tại ngay trong khu vực Palazzo San Calisto, nơi có văn phòng của Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình.

Căn hộ này diện tích thì nhiều, nhưng chỗ dùng không được bao nhiêu. Với tài khéo léo bẩm sinh của một con người xuất thân từ gia đình có ông nội và thân phụ chuyên việc thiết kế xây dựng, nên ngài đã biến một căn phòng không có cửa sổ thành nhà nguyện, biến mặt bằng bên trên các bậc cấp thành văn phòng làm

việc và thư viện của ngài, còn căn phòng không có cửa sổ thành nhà kho. Và còn có đủ phòng ngủ, nơi tiếp khách, nhà bếp v.v... Trong ngôi nhà mới, chỗ đẹp để trang trọng nhất là nhà nguyện. Duy chỉ có phòng ngủ của ngài là vẫn còn chật hẹp, tuềnh toàng và khô hạn như khi còn ở Việt Nam.

Đức Hồng y Roger Etchegaray, được từ chức theo giáo luật khi đến 75 tuổi. Vào ngày 24-6-1998, Đức Thánh Cha Gioan-Phaolô II bổ nhiệm Đức TGM Nguyễn Văn Thuận làm Chủ tịch Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, Đức cha Diarmuid Martin Chánh thư ký và Đức Ông Giampaolo Crepaldi là Phó thư ký.

Vài tháng sau, ngày 18-11-1998, ngài kêu gọi việc xóa giảm nợ cho các quốc gia Trung Mỹ châu bị tàn phá bởi cơn bão xoáy (cyclone) Mitch. Sau đó, ngài gởi lời cảm ơn những quốc gia giảm nợ theo lời ngài yêu cầu và, đồng thời, ngài cũng nhắc nhở lãnh đạo các quốc gia Trung Mỹ trách nhiệm của họ khi vay nợ ngoại quốc.

Đức Ông Phan Văn Hiền cho biết: Trong những nỗ lực chuẩn bị Năm Thánh 2000, mặc dầu bận rộn với những công việc ở Văn phòng Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, và với những cuộc họp Thượng Hội đồng Giám mục của Âu châu, Mỹ châu, Phi châu, Á châu và châu Đại Dương, ngài vẫn dành nhiều thì giờ ưu tiên cho linh mục và giới trẻ, vì ngài ý thức tương lai của thế giới và Giáo hội một phần lớn tùy thuộc vào hai thành phần này.

Người con chí hiếu làm cơm hầu mẹ

Một trong những đức tính nhân bản vượt trội của Đức Hồng y là lòng chí hiếu đối với cha mẹ và tình yêu thương sâu đậm dành cho các em, các cháu, cùng thân nhân nội ngoại.

Trong bài nói chuyện với giới trẻ nhân dịp Đại hội Thánh Mẫu vào tháng 8 năm 2000 tại Chi Dòng Đồng Công ở Carthage, Missouri, Hoa Kỳ, với chủ đề “Tuổi Trẻ Việt Nam năm 2000”,

ngài nói rằng: dù ở vào tuổi tác hay địa vị xã hội nào, con người phải luôn có trách nhiệm hiếu thảo với cha mẹ. Bản thân ngài, sau ngày rời Việt Nam đến cư trú tại Rôma, tuy đã ngoài bảy mươi, nhưng trong những lần qua Sydney ở Úc Đại Lợi thăm thân mẫu đang ở tuổi 97, mỗi ngày ngài đều dành lấy công việc đi chợ, tìm mua những thức ăn bà cố thích, và vào bếp nấu cơm hầu bà ăn.



Đức Hồng y thăm bà Cố và các em tại Úc ngày 18-4-2002

Ngài bảo: “em út cũng chấp nhận, em út còn nói: anh Thuận nấu ăn ngon! Má ngồi một bên, bảo: “có gì đưa má làm với”. (Tôi) đưa rau muống, má lật rau muống; đưa khoai tây, cà rốt, má gọt khoai tây, cà rốt; đưa chả giò, má cuốn chả giò được. Vì vậy, má cũng vui...

Nấu ăn dọn bàn là một trong những công việc người hướng

đạo phải biết và phải làm trong các kỳ đi trại, mà ngài là một trưởng hướng đạo, nên Đức Hồng y rất sành sỏi trong lãnh vực này. Hơn nữa, trong những năm tù tội, ngài phải tự nấu lấy bữa ăn cho mình. Cho nên, đi chợ mua thực phẩm và làm cơm mời bà Cố xơi đối với ngài vừa vui thích, vừa dễ dàng như uống một ly nước trà.

Có lẽ ngài là vị Giám mục duy nhất tại Việt Nam, và cũng có thể chưa có vị Giám mục nào khác trên thế giới đi chợ mua thực phẩm đem về rồi vào bếp làm cơm mời mẹ.



Đến thăm gia đình ông bà Bửu Tề tại Thụy Sĩ, tháng 8-1993. Ảnh do ông Vĩnh Lực cung cấp

Đối với bà con bên nội cũng như bên ngoại, Đức Hồng y Nguyễn Văn Thuận có một mối tình gắn bó rất thiết tha, nồng ấm và bền chặt.

Ngài rất hạnh phúc và hãnh diện mang trong mình dòng máu của các vị tiền nhân bên nội cũng như bên ngoại, là những chứng nhân Tin Mừng qua nhiều thế hệ đã sống và chết vì đức tin.

Sau ngày được
tân phong
Hồng Y, ngài
về Sydney
thăm thân
mẫu. Con cầm
lấy bàn tay
mẹ. “Bàn tay
mẹ chỉ còn da
bọc xương,
nhưng hơi ấm
thuở nào ôm
con vào lòng
nay vẫn còn
nguyên vẹn”.



Sau 13 năm tù đầy, Đức Hồng Y
từ Hà Nội qua Úc thăm gia đình.
Hôm đó, Đức Hồng Y đã đến phi
trường Sydney nhưng cô em
Hàm Tiểu dấu, không cho ông
bà Cố biết trước gì hết. Cô chỉ
thưa với hai cụ: Có một vị Giám
mục ở ngoại quốc sắp đến nhà
thăm gia đình mình. Vậy là hai
cụ chuẩn bị rất chu đáo: Ông
đóng bộ quốc phục khăn đóng
áo xanh, bà mặc áo dài Việt
Nam thật đẹp để chuẩn bị đón
khách quý. Đến khi Đức Tổng
Giám mục Phanxicô Xaviê bước
vào cửa, hai cụ hết sức ngỡ
ngàng, vì quá bất ngờ. Ông
Cố chỉ thốt lên được một tiếng
thôi: “Oh! Monseigneur!”. Thật
tuyệt vời! Cuộc hội ngộ quá đẹp
để về mọi phương diện.





*Đến thăm ông bà Bửu Tề tháng 9 năm 1997 tại Brussels, Bỉ Quốc.
Ảnh do ông Vĩnh Lực cung cấp*



*Đến thăm các người con cụ Bửu Tề: Bác sĩ Vĩnh Thừa, cô Lệ Hằng
và ông Vĩnh Lực tại California. Ảnh do ông Vĩnh Lực cung cấp*

Ban hành “Sưu tập những bản văn của Huấn Quyền về học thuyết xã hội công giáo”



Đáp ứng nguyện vọng của các Đức Giám mục tham dự Thượng Hội đồng Giám mục Mỹ châu năm 1997, Đức Thánh Cha Gioan-Phaolô II đã yêu cầu Hội đồng Giáo hoàng Công lý và Hòa bình thực hiện một “Toát yếu về Học thuyết Xã hội Giáo hội”.

Đầu năm 1999, Đức Thánh Cha Gioan-Phaolô II đề nghị ngài viết “Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội Công giáo” nhằm giúp mọi người hiểu rõ đường lối của Giáo hội trong việc bảo vệ và bênh vực con người ở mọi giai đoạn và môi trường sinh sống. Đây là cuốn cẩm nang, “Compendium”, để khi dẫn thân hoạt động nhằm bênh vực quyền lợi của con người, họ có được những hướng dẫn rõ ràng theo tinh thần Phúc Âm.

Tại Vatican, vào ngày 01-5-2000, lễ kính Thánh Giuse Thợ, ngài đã ký ban hành “**Sưu tập những bản văn của Huấn Quyền về học thuyết xã hội công giáo**”. Trong bản Sưu tập này, ngài đã thu nhặt từ các văn kiện đang có trong kho tàng Giáo huấn về xã hội và viết thành 11 chương về các đề tài: Bản chất Học thuyết Xã hội Công giáo, Con người, Gia đình, Trật tự Xã hội, Vai trò Nhà nước, Kinh tế, Lao động và Tiền lương, Sự Nghèo đói và Đức Bác ái, Môi trường, Cộng đồng Quốc tế và Chương Kết. Văn kiện này được dùng làm căn bản cho việc hoàn thành “Toát yếu về Học thuyết Xã hội Giáo hội”.

Ngày 15-9-2000, ngài tham dự Hội chợ Triển lãm Quốc tế tại Hannover, Đức quốc.

Từ ngày 09 đến ngày 13-10-2000 ngài giảng tĩnh tâm cho một nhóm các linh mục thuộc Cộng Đoàn Emmanuel ở Paray le Monial tại Pháp.

Ngày 12-12-2000, ngài nhận giải thưởng Together for peace Foundation tại Campidoglio, Rôma.

GIẢNG TĨNH TÂM MÙA CHAY NĂM 2000 TẠI GIÁO TRIỀU

Vào Mùa Chay Năm Thánh 2000, năm bắt đầu Thiên niên kỷ thứ III, do lời mời của Đức Gioan-Phaolô II, Đức Tổng Giám mục Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận đã giảng tĩnh tâm cho Đức Thánh Cha và Giáo triều Rôma từ ngày 12 đến ngày 18-3-2000. Tất cả các bài giảng trong cuộc tĩnh tâm này đã được xuất bản, nhan đề Chứng Nhân Hy Vọng, gồm có 22 đề tài, được giới thiệu chi tiết tại phần Tác phẩm trong sách này.

Thư cảm ơn của Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II gửi Đức Tổng Giám mục Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận

Đức cha Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận quý mến,

Hiền Đệ quý mến trong hàng Giám mục, vào cuối cuộc tĩnh tâm mà tôi vui mừng tham dự cùng với các cộng tác viên thân cận của tôi trong Giáo Triều Rôma, trong tuần đầu tiên của mùa chay này, tôi gửi đến Hiền Đệ những lời cảm ơn chân thành nhất của tôi vì chứng từ đức tin nhiệt thành trong Chúa mà Hiền Đệ đã mạnh mẽ diễn tả qua các bài suy niệm về đề tài rất thời sự đối với đời sống Giáo Hội, "Chứng Nhân Hy Vọng".

Tôi đã ước mong rằng trong năm Đại Toàn Xá này, có một chỗ đặc biệt được dành cho chứng tá của những người "đã chịu đau khổ vì đức tin, đã trả bằng máu sự gắn bó của họ đối với Chúa Kitô và Giáo Hội, hoặc can đảm chịu đựng những năm thật dài cảnh tù ngục và thiếu thốn đủ loại" (Tông Sắc "Mầu Nhiệm Nhập Thể", số 13). Hiền Đệ đã chia sẻ chứng tá đó một cách nồng

nhật và đầy xúc động, chứng tỏ rằng, trong toàn thể cuộc sống con người, tình thương xót của Thiên Chúa, Đáng vượt lên trên mọi lý luận của loài người, thật là vô biên, nhất là trong những lúc thâm trầm nhất. Quả thực, Hiền Đệ đã lên kết chúng tôi với tất cả những người, tại những phân đất khác nhau trên thế giới, đang tiếp tục phải trả giá thật đắt cho chính niềm tin của mình nơi Chúa Kitô.

Hiền Đệ đã dựa vào Kinh Thánh và giáo huấn của các Giáo Phụ, cũng như trên kinh nghiệm bản thân mà Hiền Đệ thủ đắc đặc biệt khi bị cầm tù vì Chúa Kitô và Giáo Hội của Người, Hiền Đệ đã làm nổi bật sức mạnh của Lời Chúa, Lời mà, đối với các môn đệ của Chúa Kitô, vốn là "sức mạnh của niềm tin, là lương thực cho tâm hồn, và là nguồn mạch tinh khiết và trường cửu cho đời sống thiêng liêng của họ" (Dei Verbum, số 21).

Qua những lời huynh đệ và đầy khích lệ, Hiền Đệ đã dẫn đưa chúng tôi trên những nẻo đường Hy Vọng mà Chúa Kitô đã mở ra cho chúng ta, khi tái lập nhân loại để biến họ thành một tạo vật mới và kêu gọi chúng ta luôn canh tân trên bình diện bản thân và Giáo Hội. Ước gì Ngôi Lời Nhập Thể ban cho tất cả những người đang còn chịu đau khổ để Chúa Kitô được nhận biết và yêu mến, sức mạnh và lòng can đảm rao giảng chân lý của tình thương Kitô trong mọi hoàn cảnh!

Hiền Đệ quý mến trong hàng Giám mục, tôi phó thác cho sự chuyển cầu từ mẫu của Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ của Hy Vọng, bản thân Hiền Đệ cũng như sứ vụ của Hiền Đệ, qua đó, Hiền Đệ đang đóng góp một cách đặc biệt, nhân danh Giáo Hội, cho sự thiết lập Công lý và Hòa bình nơi nhân loại. Xin Mẹ cầu bầu cho Hiền Đệ được dồi dào ơn thánh của Chúa Con, Ngôi Lời Nhập Thể! Tôi thành tâm ưu ái ban Phép Lành Tòa Thánh cho Hiền Đệ, Phép Lành mà tôi vui lòng nói rộng cho tất cả những người thân yêu của Hiền Đệ nữa.

Vatican ngày 18 tháng 3 năm 2000

Gioan Phaolô II, Giáo Hoàng

Ngày 12 tháng 12 năm 2000, tại Tòa Thị chính Rôma, Hiệp hội “Cùng nhau Xây dựng Hòa bình” đã trao tặng Huy chương vinh danh ngài.

Ngày 20 tháng 10 năm 2001, tại Torino, ngài được trao tặng Huy chương Hòa bình do tổ chức SERMIG - Hiệp hội Truyền giáo của Giới trẻ.

Ngày 9 tháng 12 năm 2001, Trung tâm Nghiên cứu G. Donati cũng đã trao tặng ngài Giải thưởng Hòa bình năm 2001.

NGÀI ĐƯỢC BAN TƯỚC VỊ HỒNG Y

Ngày chúa nhật 21 tháng Giêng năm 2001, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã ban tước vị Hồng y cho 37 vị. Đức Tổng Giám mục Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận được ban tước vị Hồng y Phó tế, hiệu tòa Nhà thờ Santa Maria della Scala, Roma. Trong số các tân Hồng y, có Đức cha Jorge Mario Bergoglio, Tổng Giám mục Buenos-Aires, nước Á Căn Đình, là Đức Giáo Hoàng Phanxicô về sau.

Đến ngày chúa nhật 28 tháng Giêng năm 2001, trong giờ đọc kinh Truyền tin với các tín hữu tụ họp tại quảng trường Thánh Phêrô, Đức Thánh Cha loan báo ngài vinh thăng thêm 5 vị Giám mục khác cũng được bổ nhiệm làm Hồng y, và cho biết 2 vị Hồng y đã được ngài bổ nhiệm và giữ kín "trong lòng", "in pectore" từ năm 1998 sẽ được công khai hóa.

Như vậy, sẽ có tất cả 44 vị được tấn phong ngày 21 tháng 02 năm 2001.

Nghi lễ tấn phong

Phản đầu nghi lễ tấn phong Hồng y cho 44 vị (*gồm có 42 Hồng y tân cử và công khai hóa 2 vị đã được nâng lên bậc Hồng y “in pectore”*) được diễn ra sáng ngày 21 tháng 02 năm 2001, lúc 10g30 tại Rôma.

Hơn 50.000 người hiện diện, gồm có các vị Hồng y, Giám mục, Linh mục, nam nữ Tu sĩ và anh chị em giáo dân đã đứng chật quảng trường Thánh Phêrô để tham dự.



Hiện diện trong buổi lễ hôm nay cũng có một số các vị chức sắc của Giáo hội từ Việt Nam qua như: Đức TGM Phạm Minh Mẫn, Đức TGM Nguyễn Như Thế, Đức cha Nguyễn Văn Sang, Đức cha Nguyễn Văn Yến, Đức cha Trần Xuân Hạp, nữ tu Hồ Thị Chính bề trên Hội Dòng Mến Thánh Giá Chợ Quán, các thân nhân trong gia đình, môn sinh, thân hữu của Đức Tân Hồng y Phanxicô Xaviê và chừng gần 1.000 linh mục, tu sĩ, nữ tu, phó tế, chủng sinh cùng đại diện giáo dân Việt Nam khắp nơi trên thế giới về Rôma mừng ngài trong dịp trọng đại này.

Trong khi ngắm nhìn một quang cảnh ngoạn mục với các phẩm phục đỏ và một rừng cờ đầy màu sắc của các đoàn hành hương tại quảng trường Thánh Phêrô, Đức Thánh Cha nói qua việc nâng lên hàng Hồng y, Giáo Hội không cử mừng quyền lực trên trần gian nhưng nhắm tới một ý tưởng phục vụ và khiêm hạ.

Đức Thánh Cha trích dẫn Lời Chúa nói với các Thánh Tông đồ: “Ai muốn nên cao trọng giữa anh em mình, hãy trở nên

người tôi tớ”.

Các Đức Tân Hồng y đến từ 27 quốc gia ở cả 5 lục địa - một sự tổng hợp về phương diện địa lý mà Đức Thánh Cha đã nhấn mạnh như là dấu chỉ tính chất hoàn vũ của Giáo hội trong thế kỷ 21, bao gồm các vị lãnh đạo các giáo phận, các giáo sĩ tại Vatican, các nhà thần học nổi tiếng cũng như các vị lãnh đạo trong Giáo hội đã bị nhiều gian truân khôn khó trong khi thi hành nhiệm vụ chủ chăn.

Đức Thánh Cha, trong phẩm phục vàng lóng lánh dưới ánh mặt trời, đã đọc công thức tấn phong và tên của 44 vị Tân Hồng y khi bắt đầu phần Phụng vụ Lời Chúa. Ngài đã kêu gọi các Đức Tân Hồng y hãy là những “chúng nhân không chút sợ hãi” cho Tin Mừng ở mọi nơi trên thế giới.

Chủ đề của phần Phụng vụ Lời Chúa là bài đọc thứ nhất trong đó Thánh Phêrô khuyên các vị mục tử hãy chần dặt đoàn chiên với lòng khiêm nhường “Đừng coi mình là chúa tể của những ai được giao cho mình, nhưng hãy nêu gương cho họ”.

Trong bài giảng, Đức Thánh Cha đã khai triển tư tưởng này. Ngài nhắc nhở Giáo hội không xây dựng trên cơ sở “quyền lực dưới thế và những tính toán thế tục” nhưng trên tinh thần phục vụ của Chúa Giêsu. Đức Thánh Cha bày tỏ sự tin tưởng là các Đức Hồng y sẽ chia sẻ bớt gánh nặng trong sứ vụ của ngài: “Cùng với tôi, các vị sẽ nên những người bảo vệ mạnh mẽ cho sự thật và những người gìn giữ gia sản đức tin và các truyền thống bắt nguồn từ Tin Mừng. Qua đó, các vị sẽ là sự dẫn dắt chắc chắn cho mọi người”.

Đức Thánh Cha nhận xét rằng mối liên kết đặc biệt mỗi vị Hồng y với Rôma và với Đức Thánh Cha sẽ được dùng trên hết để nuôi dưỡng sự hiệp thông trong Giáo hội. Ngài nói: “Nếu các vị là những người cổ vũ cho sự hiệp thông, toàn thể Hội Thánh sẽ được lợi”.

Ngài cho biết là Công Đồng Vatican II đã mở rộng sự tham

gia vào nhiều trọng trách trong Giáo Hội và chiều hướng này sẽ ngày càng được mở rộng thêm.

Nghi lễ tấn phong bị gián đoạn nhiều lần bởi những tràng pháo tay của cộng đoàn mà con số ước lượng cuối cùng là khoảng 50.000 người đã đến Rôma để cùng chung vui với các vị tân Hồng y trong ngày trọng đại này.

Đức Thánh Cha tươi cười nhận xét về tính chất quốc tế của Hồng y đoàn thật là ngoạn mục. Ngài nói: “Đây không phải là chỉ dấu cho thấy Giáo hội đã vươn tới mọi góc trời của hành tinh này, Giáo hội đã có thể hiểu được các dân tộc khác nhau với những truyền thống và ngôn ngữ khác nhau, để đem sứ điệp của Đức Kitô đến cho mọi người sao? Trong Ngài và chỉ trong Ngài mới có thể tìm thấy ơn cứu độ. Đây là một sự thật mà chúng ta tái xác nhận hôm nay”.

Đức Thánh Cha cũng nhấn mạnh rằng màu đỏ trong phẩm phục Hồng y tượng trưng cho sự cam kết bảo vệ cho sự phát triển và cho sự tự do của Giáo Hội, đến mức nếu cần thì phải hy sinh ngay cả mạng sống mình. Một trong những tấm gương anh hùng ấy đang hiện diện nơi đây là Đức Hồng y Việt Nam Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận.

Nghi lễ đã tiếp diễn với việc các Đức Tân Hồng y tuyên xưng đức tin, lòng trung thành với đáng kể vị Thánh Phêrô, ý chí đề cao sự hiệp nhất trong Giáo hội, lòng can đảm bảo vệ đến cùng sự lớn mạnh và sự tự do của Giáo hội cũng như bảo mật những thông tin có thể gây nguy hiểm cho Giáo hội.

Khi Đức Thánh Cha trao mũ đỏ cho các vị Hồng y cùng với chiếu chỉ tấn phong, ngài đã mỉm cười và nói vài lời với từng vị một. Trong một cử chỉ khiêm nhường và để chứng tỏ lòng trung thành với đáng kể vị Thánh Phêrô, các Đức Tân Hồng y đã lần lượt quỳ trước mặt Đức Thánh Cha từng vị một để nhận mũ đỏ Hồng y và chiếu chỉ tấn phong. Đức Thánh Cha cũng đã ôm từng vị Hồng y và cầu nguyện cho các ngài.

Người đầu tiên được trao mũ đỏ là Đức Hồng y người Ý Giovanni Battista Re, Bộ trưởng Bộ Giám mục. Người thứ hai là Đức Hồng y Việt Nam Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận, Chủ tịch Ủy ban Công lý và Hòa bình, có thâm niên Giám mục lâu năm nhất trong số các vị được tấn phong Hồng y. Vị cuối cùng là Đức Hồng y Avery Dulles 82 tuổi. Đức Hồng y Dulles đã phải chống gậy đi chậm chạp về phía Đức Thánh Cha. Khi Đức Thánh Cha trao mũ đỏ cho ngài, ngài cảm động đến nỗi khi run run đứng lên, chiếc mũ bị lệch muốn rơi xuống, ngài phải chỉnh lại. Khi ngài nghiêng người để ôm Đức Thánh Cha, chiếc mũ rơi vào lòng Đức Thánh Cha.

Đặc biệt, nghi thức nhận mũ đỏ đã không áp dụng với các vị thuộc Giáo hội Công giáo nghi lễ Đông Phương. Điều này lần đầu tiên thực hiện và Tòa Thánh giải thích như là dấu chỉ sự tôn trọng của Đức Thánh Cha đối với truyền thống của các Giáo hội Đông Phương.

Hầu hết các Đức Tân Hồng y đã nhận bài sai là mục tử danh dự một nhà thờ tại Rôma, đánh dấu rằng các vị là thành phần của hàng giáo sĩ tại Rôma. Tuy nhiên, điều này đã không áp dụng cho các vị thuộc nghi lễ Đông Phương

Trong diễn văn ngắn ngủi sau đó, Đức Hồng y Re đã ca ngợi những công việc Đức Thánh Cha trong 22 năm lãnh đạo Giáo hội. Ngài cũng nhắc đến sức khỏe của Đức Thánh Cha và cầu chúc Đức Thánh Cha mau sớm bình phục. Những người nghe tiếng Đức Thánh Cha nếu tinh ý có thể thấy giọng nói của ngài chứng tỏ ngài đang bị cảm.

Chiều ngày 21 tháng 02 năm 2001, từ 16g30 đến 18g30, các Đức Tân Hồng y chào thăm thân nhân, bạn hữu. Vì số khách, thân nhân và bạn bè quá đông, ban tổ chức đã phải sử dụng hai địa điểm là Đại Thánh đường Phaolô VI và Apostolic Palace.

Theo sắp xếp của ban nghi lễ thuộc văn phòng Phụng Vụ Phủ Giáo Hoàng, Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận cùng đứng chung với các Đức Hồng y trong giáo triều

Rôma... tại Audience Hall, nơi vẫn thường diễn ra các cuộc triều yết với Đức Thánh Cha trong đại thánh đường Phaolô VI.

Phần hai của nghi lễ tấn phong là nghi thức trao nhẫn Hồng y được diễn ra ngày hôm sau, 22 tháng 02 năm 2001, lễ kính Ngai tòa Thánh Phêrô, vào lúc 10g30 sáng với thánh lễ đồng tế do Đức Thánh Cha chủ sự cùng các vị tân Hồng y.

Ba hôm sau, ngày 24-02-2001, Đức Tổng Giám mục Sài Gòn Gioan Baotixita Phạm Minh Mẫn, nhân danh toàn Tổng Giáo phận Sài Gòn nói lớn: “Tu es honor et laetitia in Israel” (*Ngài là niềm vinh dự và vui mừng trong Israel*).

Hàng ngàn tiếng vỗ tay của người Công giáo Việt Nam khắp năm châu đến dự lễ tại nhà thờ giáo xứ Santa Maria Trestevere - Roma tiếp sau câu chúc mừng của Tổng Giám mục Sài Gòn.

Tiếp đó, Đức Tổng Giám mục Sài Gòn đã tôn vinh ngài như sau: “*Con đến đây còn với tư cách khác, đó là một mục tử nổi bước Đức Hồng y trong Tổng Giáo phận Sài Gòn. Với tư cách này con tạ ơn Chúa ban cho con cũng như các Giám mục Việt Nam một tấm gương chứng nhân đức tin, một tấm gương chứng nhân cho niềm hy vọng, một tấm gương con đường tình yêu của Chúa Kitô... Đức Hồng y đã nêu cho con một tấm gương như thế trên con đường mục tử hiện tại của mình*”...

TÂM TÌNH ĐỨC HỒNG Y PHANXICÔ XAVIÊ GỎI VỀ QUÊ HƯƠNG TRONG NGÀY NHẬN TƯỚC VỊ HỒNG Y

1. Thư gửi về Tổng Giáo phận Hà Nội

*Trọng kính Đức Hồng y Phaolô Giuse Phạm Đình Tụng,
Tổng Giám mục Hà Nội*

*Kính thưa Đức cha Phụ tá, cha Tổng Đại diện, các cha,
các tu sĩ, chủng sinh và anh chị em giáo dân,*

Hôm nay, Đức Thánh Cha ban tước vị Hồng y cho con. Con không thể quên Hà Nội, quên Giáo Tỉnh Hà Nội, và Miền Bắc thân yêu, nơi mà Chúa Quan Phòng trong thánh ý nhiệm mầu của Ngài, đã cho con ơn trọng được nương náu suốt 15 năm trời. Nhờ đó, con được hiểu Miền Bắc của Đất Nước và yêu mến Giáo Tỉnh Hà Nội, cách riêng Tổng Giáo phận Hà Nội, và đồng bào lương giáo mà con đã có dịp quen biết và quý mến.

Trước phải nói đến hai Đức Cố Hồng y Giuse Maria Trịnh Như Khuê và Giuse Maria Trịnh Văn Căn, và Đức cha Phụ Tá F.X.Nguyễn Văn Sang, đã nâng đỡ con về mọi mặt, với tình huynh đệ chân thành. Rồi từ ngày Đức Hồng y về Hà Nội, con đón nhận nơi Đức Hồng y, Đức cha Phụ Tá, các Đấng Bậc trong Nhà Chung Hà Nội, các thành phần dân Chúa, lòng quý mến, lời cầu nguyện và sự thông cảm sâu xa. Con nhớ từng giáo xứ, từng cá nhân, từng cử chỉ.

Ngày mai, trong thánh lễ đồng tế bên cạnh Đức Thánh Cha, con sẽ hiệp thông cầu nguyện. Xin Chúa trả công vô cùng cho mọi người.

Lòng yêu thương nói trên, còn sâu rộng từ khắp các giáo phận của Miền Bắc. Con giữ nhiều kỷ niệm đặc biệt của mỗi Đức cha, mỗi linh mục, tu sĩ, giáo dân con đã gặp, từ Lạng Sơn đến Xã Đoài. Từ miền Nam chân ướt chân ráo bước lên đất Bắc, trong hoàn cảnh rất đặc biệt, cảm ơn Chúa, con không cảm thấy xa lạ, vì tình yêu Chúa Giêsu đã nối kết tất cả chúng ta. Con cảm thấy con đang ở giữa đại gia đình, và tin cậy quý mến nhau như cột

ruột. Con vẫn còn xúc động khi nghĩ đến những cử chỉ, những tình cảm cao đẹp của mỗi người. Con cảm ơn mỗi người Chúa đã cho con gặp trên bước đường hồng ân và kỳ diệu mà Chúa đã dẫn con đi trong 15 năm trên miền Bắc.

Giờ đây, tuy phục vụ ở Giáo Triều, nhưng con vẫn cầu nguyện và nhớ thương mỗi người trong Thánh Tâm Chúa Giêsu và Mẹ Maria.

Kính thư
Phanxicô Xaviê Hồng y Nguyễn Văn Thuận

2. Thư gửi về Tổng Giáo phận Huế

Trọng kính Đức Tổng Giám mục Stêphanô Nguyễn Như Thế, Tổng Giám mục Huế,

Kính thưa cha Tổng Đại diện, các cha, các tu sĩ, chủng sinh và toàn thể anh chị em thân mến,

Sự hiện diện của Đức cha trong ngày lịch sử, Đức Thánh Cha phong cho một người con của Tổng Giáo phận Huế lên tước vị Hồng y, là một vinh dự và an ủi cho con, vì con cảm thấy sự hiện diện của Huế, nơi mà con đã được sinh trưởng và đào luyện thành tông đồ của Chúa Giêsu, Đức Thánh Cha đã thương đến con, là tội tớ hèn mọn và bất xứng, vì Ngài quý mến Việt Nam.

Nói đến Huế, con nghĩ đến những kỷ niệm xa xưa. Tiểu Chủng viện An Ninh, Tiểu Chủng viện Hoan Thiện, Đại Chủng viện, những nơi con đã phục vụ như Tam Tòa, Phanxicô, bệnh viện, lao xá... với ngọn lửa hăng say của tuổi trẻ.

Con lại nhớ đến những con người làm việc ở Tổng Giáo Phận Huế, các anh em linh mục, tu sĩ, cựu chủng sinh, giáo dân, giáo lý viên... Nói đến Huế, người ta nghĩ đến nghèo khổ, bão lụt, chiến tranh, nhưng Huế phong phú, cao quý vì tràn ngập hồng ân Chúa nơi Linh Địa La Vang, nơi các lăng tẩm đạo rải rác khắp giáo phận.

Con nhớ đến cội nguồn mà hãnh diện, thương nhớ và tạ ơn Chúa. Con không bao giờ quên những kỷ niệm êm đềm thân thương của quá khứ, không bao giờ chán nản vì khó khăn của hiện tại, và không bao giờ mất hy vọng ở tương lai của Huế thân yêu.

Cố Thuận (Père Denis) lập Dòng Xitô Phước Sơn hay nói: “Người bi quan có lý, nhưng người lạc quan thành công”. Con tin tưởng Chúa luôn ở với chúng ta, và Ngài có thể biến dữ thành lành, buồn thành vui, tử nạn thành phục sinh, miễn là chúng ta biết yêu thương đoàn kết.

Trong ngày trọng đại này, tâm hồn con tràn ngập thương mến và ghi ơn. Xin Đức Mẹ La Vang luôn hiện diện trong cuộc sống và hoạt động của chúng ta.

Rôma 21-2-2001

Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận

3. Thư gửi về Giáo phận Nha Trang

Trọng kính Đức cha Phaolô Nguyễn Văn Hòa,

Trọng kính Đức cha Phêrô Nguyễn Văn Nho, Giám Mục Phó Giáo phận Nha Trang,

Kính thưa cha Tổng Đại diện, các linh mục, tu sĩ, chủng sinh và toàn thể anh chị em thân mến trong Chúa Kitô,

Tôi rất cảm động khi đọc thư của Nha Trang chúc mừng và hiệp thông cầu nguyện trong ngày trọng đại 21&22 tháng 2 năm 2001. Tôi còn nhớ ngày 9 tháng 7 năm 1967, lúc anh chị em đón tôi từ sân bay về trong niềm vui tung bừng, trước thềm Tòa Giám mục, tôi đã nói: “Từ đây, tôi sẽ là người Nha Trang”. Tôi đã giữ điều ấy, dù ra đi hơn một phần tư thế kỷ, lúc nào thuyết giảng, tôi vẫn nói tiếng Nha Trang.

Hôm nay, nhờ lòng thương xót của Chúa, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II chọn tôi lên tước vị Hồng y. Tôi muốn nói

lại: “Tôi là Hồng Y của Hội Thánh, nhưng cũng là Hồng y từ Nha Trang”.

Chúa Quan Phòng đã đưa tôi ra đi xa rời Nha Trang một cách đột ngột. Tôi đã vâng lời bước theo Ngài, mặc dù tôi không khỏi luyến tiếc vì bao nhiêu chương trình tôi muốn thực hiện cho Nha Trang phải bỏ dở. Tuy nhiên, Thiên Chúa viết thẳng trên những đường cong, vị mục tử kế nhiệm tôi, cùng với sự cộng tác nhiệt tình của mọi người, đã mở mang Giáo phận, phần nhân sự cũng như vật chất rất tốt đẹp, và nhất là lòng đạo đức, là gia sản cao quý nhất của chúng ta. Tôi hiệp ý với anh chị em mà vui mừng tạ ơn Chúa và Đức Mẹ La Vang.

Trước hết tôi tưởng nhớ những người đã ra đi trước chúng ta về nhà Cha. Hằng ngày tôi cầu nguyện trong thánh lễ: “Xin cho kẻ đã chết như Con Chúa thì cũng được sống lại như Người”.

Tôi nhớ đến mọi người thân quen. Đối với tôi, mỗi người đều có những kỷ niệm đặc biệt. Tôi nghĩ đến những bộ mặt trẻ chưa bao giờ gặp, nhưng rất thân thương, vì họ là con cháu của những người đã từng làm việc đắc lực với tôi.

Hôm nay Nha Trang vắng mặt, thì càng được nhớ thương hơn. “Trời xa đất thế nào, thì ý định của Thiên Chúa cũng cao xa hơn tư tưởng của loài người như vậy”. Thiên Chúa là Chủ của lịch sử. Công việc của Ngài thật là mầu nhiệm. Chúng ta không hiểu nổi. Nhưng đường của Ngài là đường thánh giá sẽ đưa đến Phục Sinh.

Với những lời cầu chúc tốt đẹp nhất với tương lai, tôi xin nhắc lại lời Đức Thánh Cha trong Tông Thư “Tertio Millennio Ineunte” (Khởi đầu ngàn năm thứ ba) ngày bế mạc Năm Thánh: “Hãy ra khơi” (Duc in altum). Lời ấy rất xứng hợp với Nha Trang, lúc nhìn ra Thái Bình Dương. Hãy tin tưởng và ra khơi. Thuyền của Phaolô và Phêrô sẽ vượt trùng dương tiến đến ánh sáng và bình an.

Rôma 21-2-2001

Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận

4. Thư gửi về Tổng Giáo phận Sài Gòn

*Trọng kính Đức Tổng Giám mục GB. Phạm Minh Mẫn,
Tổng Giám mục Thành phố Hồ Chí Minh,*

Kính thưa cha Tổng Đại diện, các linh mục, tu sĩ, chủng sinh và toàn thể dân Chúa,

Trong ngày trọng đại được Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II ban tước vị Hồng y, và tiếp đó, ngày 22-2-2001, được cùng các Tân Hồng y đồng tế với Đức Thánh Cha, cảm tạ ơn Chúa, tôi được tin vui cho biết tại Tổng Giáo phận nhà, có tổ chức lễ tạ ơn tại nhà thờ chánh tòa, tôi rất cảm động hiệp ý tạ ơn Chúa, cảm ơn Đức Tổng Gioan Baotixita và cha Tổng Đại Diện, đã có ý tổ chức lễ tạ ơn tốt đẹp này. Tôi cũng ghi ơn tất cả anh em linh mục, tu sĩ, chủng sinh, đại diện các giáo xứ đã tham dự thánh lễ này, cách riêng những người đã cộng tác để cuộc lễ được tổ chức tốt đẹp.

Tôi tin chắc nhờ lời cầu nguyện âm thầm tha thiết của nhiều người mà bản thân hèn mọn của tôi được Chúa thương xót đến ngày hôm nay.

Trong khung cảnh này, trước hết tôi tưởng nhớ đến Đức Cố Tổng Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình với tất cả lòng quý mến. Ngày xưa, ngài đã từng tâm sự với tôi nhiều điều, vui có, buồn có, đau khổ có, và nhiều nguyện vọng canh tân Tổng Giáo phận mà ngài không thực hiện được. Có lần đứng trên sân thượng của Dòng Tên tại Hồng Kông, nhìn ra sân bay, ngài nói với tôi: «Đi với cha mấy ngày nay, tôi sung sướng thoải mái, vì tôi quên, không nhớ tôi là Tổng Giám mục Sài Gòn». Vị mục tử nhân hiền ấy đã mang gánh nặng trách nhiệm với bao thao thức lo âu cho đến hơi thở cuối cùng. Giây phút này trên thiên đàng, ngài đang nhìn xuống tâm hồn chúng ta. Ngài biết rõ mỗi người và mong muốn chúng ta thực hiện những gì ngài chưa hoàn tất.

Phần tôi, tiếp tục phục vụ Giáo hội, điều hành Bộ Công Lý và Hòa Bình. Anh chị em biết tôi tài hèn sức yếu. Xin thương xót giúp lời cầu nguyện cho tôi. Trong các chuyến công du khắp các

lục địa, tôi chứng kiến bao nhiêu chiến tranh, bất công, nghèo đói. Thế giới đang biến chuyển với tốc độ choáng váng. Chúng ta bước vào kỷ nguyên của hoàn vũ hóa, chủ nghĩa tiêu thụ với nhiều tiêu cực đang muốn ồ ạt đổ vào xã hội. Chúng ta không thể nhắm mắt từ chối, nhưng phải chấp nhận như một thực tại và cùng nhau tìm sáng kiến, sáng suốt trả lời các thách đố, cùng nhau hiệp nhất, để mãi mãi thực sự là ánh sáng, là muối đất, là men trong bột, với tất cả thiện chí, khiêm tốn và yêu thương.

Câu ngạn ngữ Âu Tây nói: «Tương lai tốt đẹp hơn tất cả quá khứ». Chúng ta hãy tin tưởng nhìn về tương lai, với tinh thần đoàn kết hiệp nhất, mọi khó khăn sẽ vượt qua, mọi thách đố sẽ giải quyết, và cùng toàn dân xây dựng tương lai tốt đẹp. Đó là những nguyện vọng, những lời cầu xin tha thiết tôi dâng lên Thiên Chúa để cầu nguyện mỗi ngày cho Đức Tổng Giám mục, cha Tổng Đại Diện và toàn thể Tổng Giáo phận. Xin chân thành cảm ơn mọi người và mỗi người.

Xin Mẹ Maria là Nữ Vương Hòa Bình hằng đứng ở quảng trường trước Vương Cung Thánh Đường, gìn giữ và đem lại an vui, hạnh phúc và đạo đức cho tất cả chúng ta.

Rôma 20-2-2001

Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận

5. Thư gửi về Giáo xứ Phủ Cam

Kính gửi cha Phaolô Nguyễn Trọng, chánh xứ Phủ Cam và toàn thể giáo dân giáo xứ Chánh tòa Phủ Cam,

Kính thăm cha chánh xứ, quý cha, quý tu sĩ nam nữ, và anh chị em thân mến,

Trước hết, chúng ta cùng nhau cảm tạ lòng thương xót Chúa, và lòng từ nhân của Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã chọn tôi làm Hồng y của Giáo Hội, và cũng là Hồng y của Phủ Cam.

Trong ngày trọng đại này, tôi hướng về «họ Phủ Cam» yêu

quý, nơi chôn nhau cắt rốn. Chính nơi đây, 73 năm trước, tôi được lãnh phép Thánh Tẩy để làm con Chúa và được thụ phong linh mục tế lễ Chúa cách đây 48 năm. Đây cũng là nơi tôi có nhiều bà con ruột thịt, nhiều bạn hữu thân tình. Người còn sống, kẻ đã qua đời, người khác đang ở phương xa. Nhưng mấy tiếng «họ Phủ Cam, làng Phước Quả» đã thấm sâu vào tâm khảm của tôi với bao kỷ niệm êm đềm, mà thân thương, sâu đậm.

Tôi cảm ơn cha Trọng, là học trò của tôi ở Tiểu chủng viện Hoan Thiện. Cha đã thể hiện nhiều tình nghĩa tốt đẹp, đặc biệt trong dịp trọng đại này. Tôi cũng không quên cảm ơn cha phó xứ và Hội Đồng Giáo Xứ.

Tôi nhớ tất cả anh em linh mục đồng hương, quê quán Phủ Cam, với vị niên trưởng là cha Nguyễn Thanh Tiếp, trong tình huynh đệ thiết thân, nhớ các tu sĩ nam nữ, các chủng sinh, tận hiến. Xin Chúa ban cho giáo xứ nhiều ơn gọi thánh thiện.

Trên địa bàn của giáo xứ lại có Dòng Mến Thánh Giá Thừa Sai Phủ Cam. Tôi còn nhớ kỷ niệm của những nữ tu khiêm tốn đơn sơ như O Sơ, O Quỳnh, Bà Kinh, Bà Tính.

Riêng với bà con nội ngoại xa gần, tôi có lời ân cần thăm hỏi, và cầu chúc mọi phúc lành của Chúa cho mọi người, để sốt sắng sống đạo và làm tông đồ như ông bà chúng ta.

Anh chị em thân mến,

Tuy xa xôi vạn dặm, đã 27 năm không ghé lại Phủ Cam, nhưng tôi luôn theo dõi tin tức, để chia sẻ buồn vui với tất cả bà con. Họ Phủ Cam đã trải qua nhiều thử thách, nhưng Chúa luôn dẫn dắt cuối đường thánh giá đến ngày phục sinh. Tôi rất vui mừng khi xem hình hai tháp nhà thờ Chánh Tòa hoàn tất uy nghi, xứng đáng. Tôi hình dung tiếng «chuông ba» vang lừng của các ngày lễ trọng.

Chúa Quan Phòng cho tôi đi nhiều nơi, thấy nhiều điều tốt đẹp, nhưng tôi vẫn quý trọng truyền thống đạo đức, kinh nguyện gia đình tối sáng, cung cách sốt sắng, khó nơi nào có được như

vậy. Chúng ta nên bảo vệ các truyền thống cao quý ấy.

Cùng với Mẹ già của tôi, năm nay đã 98 tuổi, và toàn thể gia đình, tôi xin gửi đến tất cả mọi người lòng quý mến thiết tha, với muôn ngàn thương nhớ, cảm ơn.

Xin Chúa Ba Ngôi và Đức Mẹ La Vang, Thánh Phaolô Tông Viêt Bường, ban cho họ Phở Cam nhiều ơn lành hồn xác hôm nay và mãi mãi.

Rôma 22-2-2002

Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận



Đức Ông Phaolô Phan Văn Hiền HT63 (trái), nghĩa tử, tác giả cuốn “Cha Tôi” và Tân HY PX Nguyễn Văn Thuận

---oOo---

Dur luận quốc tế chung quanh vị Tân Hồng y Việt Nam Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận

Nhân dịp loan tin Tòa Thánh Vatican tấn phong 44 Tân Hồng y, nhiều nhật báo lớn và rất uy tín với hàng triệu độc giả đã đặc biệt quan tâm đến Tân Hồng y Việt Nam là Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận như L'Osservatore Romano, The Washington Post, The New York Times, The Los Angeles Times và The New York Post...

Nhật báo L'Osservatore Romano, cơ quan ngôn luận chính thức của Tòa Thánh, số phát hành ngày thứ tư 22 tháng 2 năm 2001, đã đăng hình lớn Đức Thánh Cha đang ôm hôn Tân Hồng y Việt Nam ngay trang nhất chiếm 4 cột báo rất trịnh trọng. Và trong tiết mục lược tóm tiểu sử 44 Tân Hồng y, ngài là người thứ hai chỉ đứng sau Tân Hồng y Giovanni Battista Re, Bộ trưởng Thánh Bộ Giám mục. Và tiểu sử đức Tân Hồng y Nguyễn Văn Thuận được viết dài nhất chiếm hẳn 3 cột báo, khởi đầu từ tổ tiên ngài bị bách hại vì đạo Chúa từ năm 1698. Cụ tổ của dòng họ làm sứ thần nhà vua triều Nguyễn tại Trung Hoa, sau này trở lại công giáo, bị trục xuất khỏi triều đình và tài sản bị tịch thu hoàn toàn cho đến bản thân Đức Tân Hồng y bị cộng sản giam 13 năm tù ngục và hiện nay là Chủ Tịch Hội Đồng Giáo Hoàng Công Lý và Hòa Bình trong Giáo triều Vatican.

Nhật báo The Washington Post và The New York Times, số phát hành ngày 22 tháng 2 năm 2001, sau khi tường thuật lễ nghi tấn phong các Tân Hồng y, đã viết về 3 vị Tân Hồng y người Mỹ là Theodore Edgar McCarrick, Tổng Giáo phận Hoa Thịnh Đốn, Edward Michael Edgar, Tổng Giáo phận New York và Avery Dulles, Dòng Tên, Giáo sư Đại Học Fordham, New York, đã nhân mạnh đến trường hợp Đức Tân Hồng y Nguyễn Văn Thuận. Ngài là một nhân chứng sống về niềm tin Công Giáo với 13 năm tù ngục. Và hai nhật báo này đã chú ý đến một hành vi rất đặc biệt: Ngài là vị Tân Hồng y duy nhất được Đức Thánh Cha trực tiếp đội mũ hồng y trên đầu ngài, trong khi 43 vị kia sau khi nhận mũ

thì tự mình đội lên đầu. Phải chăng hành vi này chứng tỏ lòng ưu ái đặc biệt của Đức Giáo Hoàng với Tân Hồng y Việt Nam và gián tiếp với dân tộc chúng ta.

Nhật báo The Los Angeles Times, số phát hành ngày 21 tháng 2 năm 2001, trong một bài báo nhan đề "The Men Who Would Be Pope?" (Người Có Thể Lên Ngôi Giáo Hoàng?) đã dự đoán 14 vị Hồng y có nhiều khả năng kế vị Đức Giáo Hoàng. Bài báo chia 14 Hồng y này thành nhiều khuynh hướng khác nhau theo ý kiến chủ quan của tác giả. Đặc biệt, theo tác giả, Tân Hồng y Nguyễn Văn Thuận có rất nhiều khả năng được bầu kế vị Giáo Hoàng Gioan Phaolô II. - Theo thiện ý của chúng tôi, mặc dầu đây chỉ là một dự đoán, nhưng cũng cho thấy Tân Hồng y Việt Nam có một uy tín lớn lao trên thế giới... Ai biết được thánh ý Thiên Chúa an bài thật huyền nhiệm và kỳ diệu.

Trong khi đó Nhật báo The New York Post, số ngày Chúa Nhật 25 tháng 2 năm 2001, cũng đăng bài nhan đề "Is Asian Cardinal In Line For Papacy?" (Một Hồng y Á Châu Có Thể Lên Ngôi Giáo Hoàng?) của ký giả Rod Dreher. -Chúng tôi xin lược tóm bài báo này như sau để công hiến quý độc giả:

Đứng trong ngôi đền thờ xây trên mộ thánh Tử đạo Phêrô từ thế kỷ thứ IV, Đức Tân Hồng y Edward Michael Egan, Tổng Giám mục Tổng Giáo phận New York, đã nói về một chứng nhân anh hùng trong thời đại ngày nay, - người đã cùng nhận mũi dõ với ngài hồi đầu tuần này - là một Tân Hồng y anh hùng được rất nhiều người tin là một trong những ứng viên sáng giá nhất cho ngôi vị Giáo Hoàng tiếp theo.

Tân Hồng y Phanxicô Xaviê, 73 tuổi, đã từ chối không bỏ nhiệm sở của ngài là Phó Tổng Giám mục Sài Gòn khi Miền Nam rơi vào tay những người cộng sản. Họ đã bỏ tù Đức Tổng Giám mục Nguyễn Văn Thuận, bởi vì ngài là người Công giáo, một linh mục, hơn nữa một Tổng Giám mục! Người cộng sản đã ném ngài vào lao tù và giam ngài trong 9 năm cơ cực! Sau khi chịu đựng tổng cộng 13 năm tù ngục, Đức Tổng Giám mục Nguyễn Văn

Thuận được trả tự do năm 1987 nhưng vẫn bị quản chế tại gia! Năm 1991, chính quyền cộng sản Việt Nam trục xuất ngài và ngài đã đến Vatican làm việc trong Hội Đồng Giáo Hoàng Công Lý và Hòa Bình, mà nay ngài là Chủ tịch. Chính trong ngày được tấn phong, Tân Hồng y Việt Nam này đã đeo quanh cổ mình một cây thánh giá bằng gỗ mà ngài đã tự tay làm lấy tại nhà giam. Đức Hồng y Edward Egan nói về Hồng y bạn mình như sau: "Chúng ta có thể nói chắc chắn rằng ngài đã tuyên xưng đức tin bằng chính máu của ngài."

Qua tiếp xúc với ngài, người ta không thể nào biết hết những gian truân cơ cực mà vị cao niên hiền lành này đã phải hứng chịu! Ngài nói rất ngọt ngào, trù mến và rất dịu dàng dễ thương. Trong buổi tiếp tân chúc mừng ngài, tôi (ký giả Rod Dreher) hỏi ngài làm sao sống nổi qua những trại tù cộng sản sắt máu mà không mất niềm tin, không mất trí nhớ và lòng thương cảm!? Ngài trả lời nhẹ nhàng: "Tôi nhận được những ân huệ này từ Thiên Chúa. Nếu chỉ riêng mình tôi thì tôi yếu đuối lắm! Cũng nhờ những lời cầu nguyện của Cộng đoàn Dân Chúa và của riêng tôi."

Bất chấp chế độ lao tù tàn bạo, ngài đã cố dâng thánh lễ hàng ngày trong xà lim. Tôi cử hành Phụng vụ Thánh Thể mỗi ngày với ba giọt rượu và một giọt nước trong bàn tay tôi. Với sự trợ giúp của một chú bé 7 tuổi, ngài đã lên chuyển ra ngoài, mỗi ngày một trang, cuốn sách đầu tiên của ngài "Đường Hy Vọng."

Đức Hồng y Edward Egan nói với ký giả Rod Dreher: "Hãy nói với độc giả của anh, đừng bao giờ quên rằng còn có quá nhiều anh chị em ở các nước khác đang chịu đau khổ vì đức tin, ngay cả cái chết."- Những người biết Đức Hồng y Nguyễn Văn Thuận đều nói rằng cá tính hay mắc cỡ của ngài và những bài diễn văn tuy đơn sơ nhưng che dấu trí thông minh, lòng can đảm và sự hiểu biết, những điểm mà Đức Thánh Cha đã nhìn thấy rất rõ khi tấn phong Hồng y cho ngài.

Linh mục Robert Sirico, một người bạn của ngài hiện là

Giám đốc Học viện Acton tại Tiểu Bang Michigan Hoa Kỳ, cho biết: "Ngài không phải là người ăn nói luôn lách giải. Những gì ngài đã nhận được và đã đến với ngài đều do sự chân thật toát ra từ bản thân ngài. Ngài chính là niềm linh hứng cho những ai được hân hạnh gặp gỡ và nghe chuyện của ngài."- Tân Hồng y Nguyễn Văn Thuận đã viết nhiều sách và gần đây đã đối thoại trong một diễn đàn công khai với Bill Gates và đã nói thẳng với nhà tỷ phú Microsoft là hiện tượng toàn cầu hóa chỉ có thể là một động lực tốt, khi nó không bỏ lại ai đằng sau.

Tân Hồng y Việt Nam đã tấn công vào khoảng cách ngày càng xa giữa kẻ giàu người nghèo trong tuần giảng Tĩnh tâm Mùa Chay năm ngoái cho Đức Giáo Hoàng và Giáo triều Vatican. Những bài giảng tĩnh tâm đã được xuất bản trong cuốn "Những Nhân Chứng Của Hy Vọng" (Testimoni Della Speranza), một cuốn sách bàn sâu về những bản khoản xã hội, phương pháp thánh hóa cá nhân và những suy tư khôn ngoan được nói lên rất đơn sơ của một vị có thể sẽ là người kế vị Đức Giáo Hoàng.

Liệu Đức Tân Hồng y Nguyễn Văn Thuận có thể trở thành Giáo Hoàng không? Những người bên trong Tòa Thánh nói rằng "Có" và đây là những lý do tại sao:

- Ngài nói thông thạo bảy ngôn ngữ (Pháp, Anh, Ý, Đức, Latinh, Nga, Trung Quốc), một điều kiện bắt buộc trong thế giới hiện nay.

- Ngài đến từ một nước thuộc Thế giới Thứ Ba, nơi Công giáo đang phát triển mạnh.

- Ngài đã chứng minh đức tin xuyên qua những đau khổ tù ngục.

- Ngài giảng dạy với một phương thức mà người bình thường có thể hiểu được.

- Ngài không còn trẻ, một thuận lợi nếu các Hồng y cử tri thấy Giáo hội không sẵn sàng cho một triều đại Giáo Hoàng lâu dài nữa.

Riêng linh mục Sirico thì cho rằng các Đức Hồng y có thể muốn chọn ngài để bên cạnh khả năng của Đức đương kim Giáo Hoàng Gioan Phaolô II về Huấn giáo, Giáo hội sẽ có thêm một vị Giáo Hoàng nhấn mạnh thuần túy hơn về mục vụ, một vị Giáo Hoàng mà cuộc đời ngài toát lên sự thánh thiện: "Vị này làm được điều đó. Ngài là một vị thánh. Ngài là một người không ngoan. Ngài có thận trọng và khả năng của một vị Giáo Hoàng."

Trên đây là dư luận qua các nhật báo lớn có tính cách quốc tế viết về Tân Hồng y Việt Nam. Còn các sách khác đã xuất bản có bình luận vấn đề này thì sao? Những ai theo dõi dư luận qua các sách đạo đời, người ta thấy gần đây khi mà tình trạng sức khỏe của Đức đương kim Giáo Hoàng ngày càng giảm bớt, rất nhiều sách đã viết và bình luận vấn đề kế vị của Đức Thánh Cha. Một vấn đề thật tế nhị và khó lường đoán.- Trong phạm vi một bài báo, chúng tôi chỉ đề cập đến một cuốn sách rất có uy tín mà tác giả là một người Mỹ, ông Peter Hebblethwaite, vì ông chồng qua đời đột ngột nên bà vợ là Margaret Hebblethwaite đã duyệt lại, cập nhật hóa và nhà Xuất bản Harper, tại San Francisco đã ấn hành ngày 19 tháng 9 năm 1999, nghĩa là trước khi Đức Tổng Giám mục Nguyễn Văn Thuận được tấn phong Hồng y gần một năm. Đó là cuốn "The Next Pope" (Vị Giáo Hoàng Tương Lai).

Sau khi điếm qua và đánh giá một số nhỏ Hồng y rất có thể được đa số Hồng y cử tri bầu lên ngôi Giáo Hoàng, xuyên qua một danh sách chọn lọc rất thận trọng trong các vị Hồng y được coi là nổi tiếng, uy tín, thánh thiện trong 62 quốc gia và 5 lục địa, tác giả đã viết về Tân Hồng y Việt Nam Nguyễn Văn Thuận được tóm lược như sau:

Đức Tổng Giám mục Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận, 72 tuổi, Chủ tịch Hội đồng Giáo Hoàng Công Lý và Hòa Bình, là người kế nghiệp vị tiền nhiệm người Pháp, Hồng y Roger Etchegaray. Nhiều người nghĩ rằng khi vị Tổng Giám mục này được vinh thăng Hồng y, ngài sẽ là ứng viên sáng giá cho ngôi Giáo Hoàng tiếp theo. Ngài là một con người mà cuộc sống luôn

toát ra sự thánh thiện, khôn ngoan, khéo léo, mềm dẻo. Ngài đã bị tống giam trong tù ngục cộng sản 13 năm, trong đó có 9 năm biệt giam. Trong thời gian dài kiên trì chịu đựng một cuộc sống tận cùng khổ đau, thiếu thốn tất cả, ngài được ơn linh ứng viết một cuốn sách tu đức rất giá trị sâu sắc với những lời văn đơn sơ nhưng đầy tính thuyết phục.

Một khi ngài được vinh thăng Hồng y, mà chắc chắn vấn đề này sẽ xảy ra thì trong Cơ Mật Viện (Consistory) để bầu Tân Giáo Hoàng, ngài sẽ là người có rất nhiều khả năng trở thành vị Giáo Hoàng tương lai, nếu các Hồng y cử tri muốn chọn một người có thể tiếp nối đường lối của đức đương kim Giáo Hoàng Gioan Phaolô II. - Sở dĩ người ta có thể tiên đoán như vậy, vì ngài có nhiều điểm tương đồng như Hồng y Karol Wojtyla của Ba Lan, chính là Đức Gioan Phaolô II hiện nay: khiêm tốn, e lệ, dịu dàng, đời sống nội tâm phong phú, không thích tranh luận. Nhưng cả hai vị này đều ôm ấp một sứ mạng chung: Làm thế nào đem Tin Mừng Đức Kitô cho một thế giới phạm tục xa lìa Thiên Chúa. Với những lý do trên đây, một lá phiếu bầu cho Hồng y Nguyễn Văn Thuận lên ngôi Giáo Hoàng sẽ là một lá phiếu bảo đảm nhất và cũng ý nghĩa nhất cho ngôi vị Giáo Hoàng hơn bất cứ vị nào khác.

Trên đây với tư cách một nhà báo, chúng tôi đã chia sẻ với quý độc giả những thông tin mà dư luận quốc tế đã đề cập đến Tân Hồng y Nguyễn Văn Thuận. Qua đó, là những người Việt Nam trong hay ngoài nước, không phân biệt tôn giáo, chính kiến, giai cấp xã hội, chúng ta vui mừng vì qua sự kiện tấn phong Hồng y này đã minh chứng một người đồng bào của chúng ta là Đức Hồng y Nguyễn Văn Thuận đã có một uy tín khá lớn lao trên thế giới. Với uy tín đó, trong cương vị Chủ tịch Hội đồng Công Lý và Hòa Bình, chắc chắn ngài đã và sẽ âm thầm phục vụ cho Công Lý và Hòa Bình được ngự trị trên quê hương Việt Nam đau khổ này, vì chính bản thân ngài đã là một nạn nhân, một người tù đã nếm mùi cải tạo 13 năm.

Quê hương Việt Nam chúng ta chỉ có 8 triệu giáo dân, so sánh với Phi Luật Tân là một quốc gia 79 triệu người mà 84% là người công giáo, đứng đầu các nước Á Châu về dân số công giáo, mà chỉ có 2 Hồng y! Trong khi Giáo hội Việt Nam đã có 4 vị Hồng y: Đó là Đức cố Hồng y tiên khởi Giuse Trịnh Như Khuê, Tổng Giám mục Hà Nội, tấn phong ngày 24-5-1976, Đức cố Hồng y Giuse Trịnh Văn Căn (30-06-1979), Đức Hồng y Phaolô Giuse Phạm Đình Tụng (30-10-1994) và nay là Đức Tân Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận (21-02-2001).

Theo lịch sử và giáo luật, danh hiệu Hồng y (Cardinal) do nguyên tự Latinh là *Cardo* (bản lề của cánh cửa) phải hiểu đúng nghĩa là một trục hiệu danh dự, không phải là một chức thánh như phó tế, linh mục và giám mục, được Đức Giáo Hoàng chọn làm phụ tá và cố vấn cho ngài. Trục hiệu Hồng y có thể được hiểu như một món quà đặc biệt mà Đức Giáo Hoàng ban cho những ai do ngài tuyển chọn, chứ không phải tự động ban cho các giám mục các tổng giáo phận. Ngày nay Đức Thánh Cha thường chọn làm Hồng y những vị cố vấn thân cận trong giáo triều Vatican, các tổng giám mục trên thế giới có ảnh hưởng quan trọng về lịch sử hay mục vụ hoặc những người đã đóng góp đặc biệt cho Giáo hội về Thần học và Đạo đức.

Nếu hiểu đúng ý nghĩa lịch sử và giáo luật như trên, chúng ta cần nhận định rằng Đức Gioan Phaolô II quả thật đã có lòng ưu ái đặc biệt với dân tộc và Giáo hội Việt Nam. Ngoài việc ngài đã chọn một linh mục Việt Nam là Đức Ông Vixentê Trần Ngọc Thụ làm bí thư riêng cho ngài, ngay khi vừa lên ngôi Giáo Hoàng ngày 26 tháng 10 năm 1978. Hơn nữa Ngài đã tôn phong lên bậc hiển thánh 117 Anh hùng Tử đạo Việt Nam để mọi giáo dân trên khắp thế giới tôn thờ, nguyện cầu, noi gương ngày 19 tháng 6 năm 1998. Và ngày 21 tháng 2 năm 2001 vừa qua, ngài lại chọn một người Việt Nam thứ tư lên Hồng y, nghĩa là một "Hoàng tử của Giáo hội".

Phải chăng hoàn cảnh lịch sử bị bách hại của Giáo hội Ba

Lan cũng giống Giáo hội Việt Nam đã bị đàn áp vì đạo Chúa ròn rã trên 4 thế kỷ qua, từ ngày tiếp nhận ánh sáng Tin Mừng. Và phải chăng Đức Hồng y Nguyễn Văn Thuận là người duy nhất trong 44 Tân Hồng y đã sống những năm tháng tận cùng của vực thẳm khổ đau tinh thần và vật chất trong tù ngục, để trung kiên với niềm tin Thiên Chúa và trung thành với sứ mệnh chủ chăn của mình. Lòng ưu ái đặc biệt của Đức Gioan Phaolô II với dân tộc Việt Nam phải được hiểu trên những nguyên nhân đó hơn là những cảm tình cá nhân bên ngoài.

Với dự luận về khả năng trở thành vị Giáo Hoàng tương lai của Đức Tân Hồng y Nguyễn Văn Thuận, qua các cơ quan truyền thông quốc tế, đặc biệt với nhận định của Nhật báo The Los Angeles Times, Nhật báo The New York Post mà ký giả Rod Dreher trình bày ý kiến của Đức Hồng y New York, Edward Michael Egan, và cả hai tác giả Peter và Margaret Hebblethwaite trong cuốn sách The Next Pope, chúng tôi xin được đóng góp vài suy tư thô thiển sau đây:

- Theo giáo luật điều 330 đến 335, Hồng y đoàn chỉ được triệu tập Cơ Mật viện bầu Tân Giáo Hoàng, khi xảy ra hai trường hợp duy nhất lúc Tòa Thánh trống ngôi: Đức Giáo Hoàng băng hà hoặc ngài tự nguyện từ chức vì lý do sức khỏe hoặc bị cản trở không thi hành nhiệm vụ được.

- Những lý do mà dự luận quốc tế nhận định Đức Tân Hồng y Nguyễn Văn Thuận có thể trở thành Giáo Hoàng chỉ có giá trị theo nhận định chủ quan của tác giả. Tuy nhiên những lý do này rất chính đáng, hợp tình hợp lý, chứng tỏ ngài là một ứng viên sáng giá cho ngôi Giáo Hoàng tương lai. Và rất có thể, ngài là ứng viên có khả năng trở thành Giáo Hoàng, tùy theo nhận định của các Hồng y cử tri.

- Tuy nhiên chúng ta không thể nào loại trừ một yếu tố quan trọng nhất là sự hoạt động của Chúa Thánh Thần và sự quan phòng kỳ diệu huyền nhiệm của Thiên Chúa, vì không gì mà Thiên Chúa không làm được! Và cũng không ai biết trước hoặc đo

lường được thánh ý Thiên Chúa với trí khôn bé nhỏ nông cạn của mình. Trung tuần tháng 10 năm 1978, không một ai có thể nghĩ rằng Thiên Chúa lại chọn một vị Hồng y Ba Lan là Đức Karol Wojtyla lên ngôi Giáo Hoàng, sau trên 4 thế kỷ không vị Giáo Hoàng nào ngoài nước Ý! Thế mà ngày 16 tháng 10 năm 1978 Hồng y Ba Lan Karol Wojtyla đã trở thành vị Giáo Hoàng thứ 264 kể vị Thánh Phêrô, Tổng đồ trưởng.

- Thái độ khôn ngoan và thích hợp nhất cho chúng ta là hãy cầu nguyện xin Thiên Chúa hãy thực hiện những gì tốt đẹp nhất cho dân tộc Việt Nam chúng ta.

Linh Mục Trần Quý Thiện

Sức khỏe giảm sút dần

Những ngày sau đó, Đức Hồng y Phanxicô Xaviê tiếp tục viết “Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội Công giáo”. Nhưng tình trạng sức khỏe của ngài không cho phép ngài hoàn thành công việc đó, như Đức Hồng y Renato Raffaele Martino, đã viết trong lời giới thiệu: “*Vị tiền nhiệm của tôi, Đức cố Hồng y đáng tiếc và khá kính Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận, với sự khôn ngoan, sự kiên quyết và tầm nhìn xa trông rộng, đã thực hiện phần chuẩn bị phức tạp của tài liệu này. Chứng bệnh hiểm nghèo đã không cho ngài cơ hội hoàn thành phần kết thúc và xuất bản. Công việc trên đã được giao phó cho tôi và hôm nay dành cho tất cả những ai đọc quyển sách này, vì thế công trình này mang dấu ấn vị chứng nhân vĩ đại của Thập Giá, người đã có niềm tin mãnh liệt trong những năm gian khổ của đất nước Việt Nam. Vị chứng nhân này sẽ thấu hiểu lòng biết ơn của chúng ta đối với sự lao động quý báu, tràn ngập bởi tình yêu và sự tận tụy của ngài, và ngài sẽ chúc lành cho những ai biết dừng lại để suy tư khi đọc những trang sách này*”. Từ ngày 30-9 đến ngày 27-10-2001 ngài tham dự Đại Hội đồng lần thứ 10 của Thượng Hội đồng Giám

mục thế giới tại Vatican, và thuyết trình đề tài: *“Giám mục, đầy tớ của Tin Mừng Đức Kitô vì niềm hy vọng của thế giới.”*

Ngày 11-11-2001, với tư cách Chủ tịch Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, ngài trình bày Thông điệp của Đức Thánh Cha trong Ngày Hòa Bình Thế Giới năm 2002 với đề tài: *“Không có hòa bình nếu không có công lý, không có công lý nếu không có tha thứ.”*

NHỮNG NGÀY CUỐI ĐỜI

Bước qua năm 2002, sức khỏe của Đức Hồng y đã mòn mỏi nhiều, ngài luôn yếu mệt, nhưng vẫn cố gắng phục vụ Giáo Hội.

Ngày 11-01-2002, ngài chia sẻ đề tài “*Sự vĩ đại của đời sống hằng ngày*” tại Pontifica Università della Santa Croce, Rôma.

Từ ngày 03 đến 08-02-2002, ngài giảng trong kỳ tĩnh tâm toàn quốc lần thứ 8 của các linh mục Dòng Đạo Binh Chúa Kitô ở Ý. Các bài linh thao này được xuất bản thành sách với nhan đề “*Khám phá những niềm vui của hy vọng* (Scoprite la gioia della Speranza”, ED, ART) do Đức Hồng y Roger Etchegaray đề tựa.

Ngày 01-3-2002, suy niệm về đề tài: “*Chúa Giêsu và Satan*” tại giáo xứ S. Apollinio di Lumezzane (Giáo phận Brescia, Ý)

Trước sau ngài đã bị giải phẫu 7 lần, trong đó có ba lần suýt chết vì nhiễm trùng.

Vào năm 2000, một màng đang mọc phủ lên trong thành bụng của ngài được phát hiện. Đầu tiên, bác sĩ bảo rằng đó là bướu lành. Tuy nhiên, vào đầu năm 2001, sự phát triển của bướu này đã lớn ra và gây khó chịu cho ngài nhiều. Sức khỏe ngài giảm sút. Ngày 17-4-2001, theo đề nghị của Đức Hồng y Bernard F. Law, ngài đến bệnh viện công giáo Elizabeth Seaton tại Boston Massachussetts, Hoa Kỳ, để được giải phẫu cắt bỏ khoảng 2/3 cái màng đó đi.

Đầu năm 2002, màng bướu tái phát và ăn lan vào ruột. Các bác sĩ Ý cho biết ngài phải chịu một cuộc giải phẫu kéo dài trong khoảng 30 tiếng đồng hồ mới có thể cắt bỏ hết và nối lại ruột được.

Tháng 4 năm 2002, ngài đến Úc để cùng gia đình mừng lễ Thượng Thọ 100 tuổi của bà Cố.

Sau cuộc lễ ngài trở lại Ý. Ngày 04-5-2002 ngài đến Trung

tâm nghiên cứu ung thư ở Milano, phía bắc nước Ý, để được giải phẫu ung thư dạ dày. Cuộc giải phẫu được thực hiện trong ngày 08-5-2002, nhưng mới kéo dài được 7 giờ đồng hồ thì sức khỏe của ngài không còn chịu nổi, nên cuộc giải phẫu phải ngưng lại. Đây là cuộc giải phẫu cuối cùng. Các bác sĩ đợi sức khỏe của ngài phục hồi để giải phẫu tiếp, nhưng chuyện đó đã không xảy ra.



Cụ Bửu Tề là em (con của bà cô ruột) của ông cố Nguyễn Văn Ấm, và là cháu nội của Hoàng Thân Hoàng Thuyền, đồng thời cụ cũng là con đỡ đầu rửa tội của cụ Ngô Đình Diệm vào năm 1919. Ảnh chụp cụ Bửu Tề với Đức Hồng y sau khi ngài được tấn phong vào tháng 2-2001 tại Rôma. Ảnh do ông Vĩnh Lực cung cấp.

Ngài trở bệnh nặng từ đầu tháng 6 năm 2002 và được đưa vào cấp cứu tại Bệnh viện Agostino Gemelli thuộc Đại học Công giáo Thánh Tâm, Rôma. Sau đó được đưa về Bệnh viện Piô XI để tiếp tục điều trị.



Cụ Bửu Tề hôn từ biệt quan tài người cháu thân yêu ngày 21-9-2002.
Ảnh do ông Vĩnh Lực cung cấp

Hai tuần trước ngày ngài qua đời, thấy sức khỏe của Đức Hồng y đã suy giảm nhiều, Cô Hàm Tiểu, em gái ngài hỏi: nếu anh ra đi, anh có điều gì nhắn nhủ lại không? Ngài nói: ***“mọi người hãy thương yêu nhau và hiệp nhất”***.

Trong giờ phút lâm chung, chúng ta hiểu rõ ràng hơn điều ngài muốn nói khi ngài viết trong Chứng Nhân Hy Vọng: *“Tôi mơ thấy Tòa Thánh, với mọi cơ quan của nó, như Minh Thánh vĩ đại, một tấm bánh dâng trong lễ hy sinh thiêng liêng giữa lòng Giáo Hội, và mọi người chúng ta như những hạt lúa mì, chấp nhận chịu xay nát bởi nhu cầu hiệp thông ngõ hầu tạo nên một thân thể, hoàn toàn hiệp nhất và hoàn toàn triển nở làm dấu chỉ hy vọng cho nhân loại”*. Như vậy, chúng ta hiểu rằng như ngài đã sống các năm tù đầy của ngài thế nào, thì ngài cũng sống các bệnh tật và

chấp nhận cái chết của mình như thế ấy, làm một phần trong sự Hiệp Nhất Thánh Thể.

Người tôi trung được đón nhận vào Nước Trời

Khi sắp từ trần ngài đã viết ra một thông điệp giản dị nhưng sâu sắc, như lời ngài quen viết từ lâu. Đây là một đoạn trong thông điệp đó: *“Tôi xin mọi người tha thứ cho tôi và làm ơn cầu nguyện cho tôi. Phần tôi, tôi vẫn luôn luôn yêu mến mọi người. Tôi thanh thản ra đi, và tôi không thù ghét ai cả. Tôi dâng những hy sinh cho Đức Mẹ Đồng Trinh và Thánh Cả Giuse.”*

Bà Chiara Lubich, người sáng lập Phong trào Focolare, đã đến cúi đầu cầu nguyện bên giường bệnh của Đức Hồng y một lúc trước khi ngài qua đời.

Đức Hồng y trút hơi thở cuối cùng lúc 06 giờ chiều ngày thứ Hai 16-9-2002 tại bệnh viện Piô XI ở Rôma, trong sự tĩnh lặng hiệp thông sâu xa, đôi mắt nhắm sâu vào tượng Đấng Chịu Đóng Đinh và Mẹ Đồng Công Cứu Chuộc. Ngài đã can đảm vượt qua lần cuối cõi đời tạm này và êm ái ra đi về Nhà Cha, như một chứng nhân của sự tha thứ và hiệp nhất trong Giáo Hội, trong một đức tin, một lòng mến và một niềm hy vọng lớn lao, hưởng thọ 74 tuổi, sau 49 năm linh mục, 35 năm Giám mục và 1 năm rưỡi làm Hồng y.

Ngay khi hay tin ngài qua đời, Đức cha Giampaolo Crepaldi, Thư ký Hội đồng Giáo Hoàng Công lý và Hòa bình, đã tuyên bố với báo chí: *“Một vị Thánh vừa qua đời.”*

Chương trình các Lễ nghi an táng và các Thánh lễ cầu cho Đức Cố Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận, Chủ Tịch Hội Đồng Tòa Thánh Công Lý và Hòa Bình

Ngày 16-9-2002

- 19g00: Sau khi tắt thở: Mặc y phục Hồng y và phụng vụ cho Đức Cố Hồng y.

■ Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận. Trang 241

- 20g30: Kính viếng xác và cầu nguyện.

Ngày 17-9-2002

- 9g00: Chuyển xuống phòng quan xác, quan khách kính viếng và cầu nguyện.

- 17g00: Nghi lễ nhập quan, do Văn phòng Nghi lễ Phụng vụ của Đức Thánh Cha cử hành; Kính nguyện; Xác nhận cái chết, đọc tiểu sử Đức Cố Hồng y; ký tên vào bản tiểu sử, bỏ bản tiểu sử vào trong ống, niêm phong và bỏ vào quan tài. Đóng quan tài.

- 17g30: Di chuyển quan tài tới Pontificio Collegio San Pietro apostolo, Viale Mura Aurelie 4, 00152 Roma. Ban giám đốc, các linh mục sinh viên và các nữ tu của Collegio đón tiếp tại cửa nhà thờ, rước vào nhà thờ, kính nguyện cầu cho Đức Cố Hồng y.

Ngày 18-9-2002

- 7g00: Thánh lễ đồng tế của Ban giám đốc, sinh viên và nhân viên Pontificio Collegio San Pietro cử hành cho Đức cố Hồng y, do một cựu sinh viên của trường chủ tế và chia sẻ chứng từ của Đức cố Hồng y.

- 9g00: Thánh lễ do Liên Tu sĩ Rôma cử hành cầu cho Đức Cố Hồng y.

- 16g30: Thánh lễ do gia đình ruột thịt và gia đình thiêng liêng của Đức cố Hồng y cử hành.

Ngày 19-9-2002

- 9g00: Thánh lễ do Hội đồng Tòa Thánh Công lý và Hòa bình cử hành cầu nguyện cho Đức Cố Hồng y Chủ tịch.

- 16g30: Thánh lễ do các vị Tổng Giám mục Tổng Giáo phận Sài Gòn, Tổng Giám mục Tổng Giáo phận Huế và Giám mục Giáo phận Nha Trang cử hành cầu nguyện cho Đức Cố Hồng y.

Ngày 20-9-2002

- 9g00: Thánh lễ do Văn phòng Phối kết Tông đồ Mục vụ

người Công Giáo Việt Nam Hải ngoại cầu nguyện cho Đức Cố Hồng y.

16g00: Rước linh cửu xuống Đền Thờ Thánh Phêrô.

17g30: Thánh Lễ an táng do Đức Hồng y Quốc Vụ khanh Angelo Sodano chủ tế. Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II giảng lễ.

19g3: Rước linh cửu trở lại Pontificio Collegio San Pietro.

Ngày 21-09-2002

08g00: Thánh lễ cầu nguyện cho Đức Cố Hồng y (tại Pontificio Collegio San Pietro).

09g00: Di chuyển linh cửu ra Nghĩa địa Thành Phố Roma Campo Verano, và vào lúc 10g30 được an táng tạm thời tại phần mộ dành cho các Kinh Sĩ Đền Thờ Thánh Phêrô chờ ngày được chôn cất vĩnh viễn tại Nhà Thờ Đức Mẹ "Madonna della Scala", nhà thờ hiệu tòa của Đức Cố Hồng y.

Thánh lễ an táng

Thánh lễ an táng đã được cử hành trọng thể tại Đền thờ thánh Phêrô lúc 17g30 ngày 20-9-2002, trước sự hiện diện của Thánh Giáo Hoàng Gioan-Phaolô II, do Đức Hồng y Quốc Vụ khanh Angelo Sodano chủ tế. Cùng đồng tế với ngài, có 28 Đức Hồng y, 5 vị Giám mục Việt Nam, và Đức cha Giampaolo Crepaldi, Tổng Thư ký Hội đồng Tòa Thánh Công lý và Hòa bình, có gần đầy đủ các vị trong ngoại giao đoàn cạnh Tòa Thánh và khoảng 4.000 người tham dự.

Trong bài giảng thánh lễ, Đức Thánh Cha đã ngỏ lời: *“Trong 13 năm ngục tù, ngài (Đức Hồng y Thuận) đã hiểu nền tảng của đời sống Kitô hữu là “chọn một mình Chúa mà thôi” như các vị tử đạo Việt Nam đã làm trong những thế kỷ trước. Chúng ta được mời gọi rao giảng cho tất cả mọi người ‘Tin Mừng Hy Vọng’, và Đức Hồng y giải thích rằng: chúng ta chỉ có thể chu toàn ơn gọi ấy với sự hy sinh quyết liệt, dù phải chịu những thử thách cam go nhất. Đức Hồng y nói: Hãy nêu cao giá trị của sự*

đau khổ như một trong muôn vàn khuôn mặt của Chúa Giêsu chịu đóng đinh và hiệp nhất đau khổ của mình với khổ đau của Chúa, có nghĩa là đi vào chính năng động khổ đau, yêu thương; có nghĩa là tham dự vào ánh sáng, sức mạnh, an bình của Chúa; có nghĩa là tìm lại được nơi chính mình một sự hiện diện mới mẻ, sung mãn, của Thiên Chúa.

Đây không phải là sự anh hùng, nhưng là sự trung thành chín chắn, hướng cái nhìn về Chúa Giêsu là mẫu gương của mọi chứng nhân và mọi vị tử đạo. Một gia sản cần được đón nhận mọi ngày trong một cuộc sống đầy yêu thương và dịu hiền.

Con người Đức Hồng y là một tấm gương sáng ngời về đời sống Kitô, phù hợp với đức tin, cho đến độ tử đạo. Đức Hồng y nói về mình với sự đơn sơ thật đặc biệt: “Trong vực thẳm những đau khổ của tôi,... tôi không bao giờ ngừng yêu mến tất cả mọi người, tôi không hề loại trừ một ai khỏi tâm hồn tôi”. Bí quyết của Đức Hồng y là lòng tin thác kiên cường nơi Thiên Chúa, được nuôi dưỡng bằng kinh nghiệm và đau khổ được Đức Hồng y chấp nhận với lòng yêu mến. Trong tù, mỗi ngày Đức Hồng y đã cử hành thánh lễ với ba giọt rượu và một giọt nước trên lòng bàn tay. Đó là bàn thờ của ngài, là nhà thờ chính tòa của ngài, Mình Thánh Chúa Kitô là ‘thuốc’ của ngài. Đức Hồng y cảm động kể lại: “Mỗi lần như thế tôi được dịp giang tay ra và chịu đóng đinh bản thân trên Thánh giá với Chúa Giêsu, được sống chén đắng với Chúa. Mỗi ngày khi đọc lời truyền phép, tôi hết lòng củng cố một giao ước mới, giao ước đời đời giữa tôi và Chúa Giêsu, nhờ máu của Chúa hòa lẫn với máu của tôi”.

Trung thành cho tới chết, ngài giữ được sự bình thản và niềm vui cả trong lúc nằm lâu và phải đau đớn trong bệnh viện và, trong những ngày cuối, khi không còn nói được nữa, ngài nhìn chăm chú vào ảnh Thánh giá, ngài cầu nguyện trong thinh lặng, khi hy lễ tối cao của ngài tới tuyệt đỉnh, hoàn thành cách vinh quang một cuộc đời đánh dấu bằng sự đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô trên Thánh giá.

Trong chúc thư tinh thần, sau khi xin lỗi, Đức Hồng y cam đoan tiếp tục yêu mến tất cả mọi người. Đức Hồng y quả quyết: “Tôi thanh thản ra đi, và tôi không giữ lòng oán hận nào đối với ai. Tôi dâng tất cả những đau khổ tôi đã trải qua cho Đức Mẹ Vô Nhiễm và Thánh Giuse”. Chúc thư tinh thần kết thúc với lời nhắn nhủ: “Hãy yêu mến Đức Mẹ, hãy tin thác nơi Thánh Giuse, hãy trung thành với Giáo hội, hãy đoàn kết và yêu thương tất cả mọi người”. Đây chính là tổng hợp trọn cuộc sống của Đức Hồng y.

Đức Thánh Cha đã kết luận: “Giờ đây, ước gì cùng với Thánh Giuse và Mẹ Maria, Đức Hồng y được đón nhận vào trong niềm vui của thiên đàng, chiêm ngắm Tôn Nhan rạng ngời của Chúa Kitô, Đấng trên trần thế đã nhiệt thành tìm kiếm như niềm Hy vọng duy nhất của mình. Amen!”

Sáng hôm sau, vào lúc 10g30, thứ Bảy 21-9, linh cửu Đức Cố Hồng y đã được an táng tạm trong phần mộ của các Kinh sĩ Đền thờ Thánh Phêrô ở nghĩa trang chính của thành phố Roma, Campo Verano, trước sự hiện diện của ĐHY Bernard Law, bấy giờ là TGM Giáo phận Boston Hoa Kỳ, bạn thân của Đức Cố Hồng y, 5 Giám mục Việt Nam, Đức cha Giampaolo Crepaldi, Thư ký Hội đồng Tòa Thánh Công lý và Hòa bình, hơn 100 linh mục tu sĩ Việt Nam và thân nhân của Đức Hồng y. Tại đây, Đức TGM Stêphanô Nguyễn Như Thể đã chủ sự nghi thức đón tiếp và cầu nguyện lần cuối cùng kèm theo các lời nguyện giáo dân. Đức Hồng y Bernard Law cùng các vị Giám mục và thân nhân đã lần lượt rảy nước thánh trên linh cửu và cuối cùng linh cửu đã được đặt vào phần mộ và bít lại.

NHỮNG TÂM TÌNH NGƯỜNG MỘ

- **Tìm về Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận**
(*Bài chia sẻ của Đức cha Bùi Tuần*)

Được gần Đức Hồng y Phanxicô, tôi thấy ngài luôn thao thức cho Hội Thánh Việt Nam biết làm chứng cho đức tin bằng đức ái, và đức khó nghèo.

1- Ngày 3 tháng 12 là lễ kính thánh Phanxicô Xaviê. Tự nhiên năm nay lễ này đưa tôi vào cõi nhớ. Tôi nhớ rất nhiều đến Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận. Hầu như ngày nào tôi cũng nói chuyện với người bạn thân thương của tôi. Cho dù ngài đã bắt đầu bước lên bậc thánh, tôi vẫn gọi ngài bằng: “Chú Thuận ơi”..

2. Nhưng mấy ngày nay, tôi tâm sự với ngài nhiều hơn. Tôi nói với ngài về tình hình sức khỏe của tôi. Sức khỏe thân xác, sức khỏe tâm hồn, cả hai đều xuống dốc. Tôi hỏi ngài: Trong một tình hình như vậy, tôi nên làm gì, để ổn định ơn gọi của tôi? Không lâu, người bạn của tôi thăm nhắc cho tôi là hãy sống theo lời khuyên của thánh Phaolô gửi giáo đoàn Rôma.

3. Tôi nhớ ngay đến phần “khuyên nhủ” của lá thư đó. Tôi mở Phúc Âm ra, thì gặp đoạn 12 thư đó, đã được ngăn sẵn từ lúc nào không biết. Lời khuyên mở đầu như sau: “Thưa anh em, vì Thiên Chúa thương xót chúng ta, tôi khuyên nhủ anh em hãy hiến dâng mình làm của lễ sống động, thánh thiện và đẹp lòng Chúa. Đó là cách thức xứng hợp để anh em thờ phượng Chúa. Anh em đừng có rập theo thói đời này, nhưng hãy cải biến con người anh em bằng cách đổi mới tâm hồn, hầu có thể nhận ra đâu là ý Thiên Chúa, cái gì là tốt, cái gì đẹp lòng Chúa, cái gì hoàn hảo” (Rm 12,1-2).

4. Đức Hồng y, bạn tôi, khuyên tôi bằng lời khuyên của thánh Phaolô. Còn tôi thì hiểu lời khuyên đó trên cuộc đời của người bạn thân thiết của tôi là Đức Hồng y Phanxicô. Trước hết, tôi hiểu tôi “hãy hiến dâng mình làm của lễ sống động, thánh thiện

và đẹp lòng Chúa”.

Tôi nhìn gương Đức Hồng y, suốt đời ngài nhất là về cuối đời, ngài đã là của lễ sống động, thánh thiện và đẹp lòng Chúa. Nhờ những hy sinh cộng với tình yêu, ở mức độ khác thường, ngay trong những giai đoạn của cuộc sống bình thường. Bây giờ xin đi một chút vào chi tiết.

5. Của lễ sống động là trong chính bản thân, chứ không trong lý thuyết. Của lễ sống động, mà tôi cảm nghiệm sâu sắc nhất nơi Đức Hồng y Phanxicô, là tình yêu bén nhọn của ngài.

Tôi có cảm tưởng Chúa ở trong ngài, nên ngài mới có được một tình yêu nhọn bén như thế. Ngài hiểu hoàn cảnh khốn khó của tôi, trước khi tôi tỏ bày với ngài. Ngài không muốn nghe tôi kể lể, mà chỉ muốn làm hết sức mình để an ủi và nâng đỡ tôi.

6. Của lễ thánh thiện là như của lễ Chúa Giêsu xưa. Tôi rất cảm động, khi biết Đức Hồng y chịu thương chịu khó, là để cùng với Chúa Giêsu, muốn đưa tôi vào cộng tác với chương trình cứu độ của Chúa. Cứu độ mọi người bằng yêu thương và hy sinh.

7. Của lễ đẹp lòng Thiên Chúa, để thờ phượng Thiên Chúa là theo chân lý và trong Thánh Thần (Ga 4,24). Khi bản thân mình là của lễ, thì dù ở đâu, dù ở lúc nào, dù trong hoàn cảnh nào, tôi vẫn thờ phượng Chúa. Của lễ đẹp lòng Thiên Chúa, để thờ phượng Thiên Chúa, trong tình hình hiện nay của tôi, thường được tôi suy nghĩ và hỏi ý kiến Đức Hồng y. Ngài hay trấn an tôi, như ngài vẫn làm hồi xưa khi ngài còn sống. Luôn luôn mọi lời khuyên của ngài đều dẫn tôi vào tâm tình phó thác khiêm nhường, với những dẫn thân nhẹ nhàng cho bình an và hòa giải.

8. Năm đó, dịp tôi đang trị bệnh ở Cộng hoà Liên Bang Đức, Đức Hồng y đã từ Rôma qua thăm tôi. Hai anh em trọ ở một tu viện nữ mà ngài quen biết. Chúng tôi đã trao đổi nhiều về những chuyển biến đang xảy ra trên thế giới nói chung và tại Quê Hương Việt Nam nói riêng. Ngài khôn khéo nhắc cho tôi về sự khôn ngoan tránh rập theo thói đời. Lời khuyên đó cũng là lời

khuyến của thánh Phaolô xưa (Rm 12,2).

Thói đời, mà Đức Hồng y nói tới, thì nhiều, nhưng ngài hay nhắc tới sự phải tránh nhất là những hận thù và những tình thần lợi ích cục bộ.

Về hận thù, Đức Hồng y có ý nói về tương quan đối với chủ nghĩa Cộng sản và các tôn giáo khác trong nước, nếu đã có những va chạm trong quá khứ.

Về cục bộ, Đức Hồng y có ý nói tới nội bộ Hội Thánh Việt Nam với những khác biệt lâu đời.

Tôi thấy ngài có nhiều kinh nghiệm về những thói đời trong tinh thần cục bộ vẫn tồn tại dưới những hình thức hiệp thông và hợp nhất. Sửa lại những thói đời đó không phải chuyện dễ.

9. Ngài rất biết là Hội Thánh Việt Nam có nhiều đổi mới. Nhưng ngài cũng rất biết là “cải biến con người bằng cách đổi mới tâm hồn” như thánh Phaolô khuyến (Rm 12,2), chưa được nhiều. Hơn nữa, sự cải biến con người bằng cách đổi mới tâm hồn sẽ rất có thể đi sai hướng, khi Việt Nam tiếp cận với các phong trào tục hóa, hưởng thụ và cá nhân chủ nghĩa của thế giới tự do mỗi ngày mỗi phức tạp.

10. Mỗi lần gặp nhau tại Rôma, Đức Hồng y hay nói với tôi về việc đào tạo nhân sự cho tương lai Hội Thánh Việt Nam. Phải đào tạo thế nào, để trong một tình hình phức tạp, các nhân sự của Hội Thánh Việt Nam “biết phân định ‘đâu là ý Thiên Chúa, cái gì là tốt, cái gì là đẹp lòng Chúa, cái gì là hoàn hảo’” (Rm 12,2).

Theo hướng đó, Đức Hồng y hay kể cho tôi những kinh nghiệm của ngài về các Hội Thánh ở Phi châu và ở Nam Mỹ, là những nơi ngài đã được mời đến giảng tĩnh tâm cho các Hội đồng Giám mục, hoặc đến để thanh tra theo lệnh của Tòa Thánh.

Theo Đức Hồng y, phân định đâu là ý Chúa, cái gì là tốt, là đẹp, trong một Giáo Hội địa phương và ở một thời điểm, đòi các

nhân sự tại chỗ phải có những sáng kiến vừa dựa theo Lời Chúa, vừa dựa trên những giá trị cao đẹp của văn hóa truyền thống dân tộc. Giá trị cao đẹp nhất của nền văn hóa truyền thống dân tộc là hiếu thảo và yêu thương.

11. Được gần Đức Hồng y Phanxicô, tôi thấy ngài luôn thao thức cho Hội Thánh Việt Nam biết làm chứng cho đức tin bằng đức ái, và đức khó nghèo.

Đức ái mà ngài muốn là đức ái đã được thánh Phaolô miêu tả như sau: “Đức ái thì nhẫn nhục, hiền hậu, không ghen tương, không vênh vang, không tự đắc, không làm điều bất chính, không tìm tư lợi, không nóng giận, không nuôi hận thù, không mừng khi thấy sự gian ác, nhưng vui khi thấy điều chân thật. “Đức ái tha thứ tất cả, tin tưởng tất cả, hy vọng tất cả, chịu đựng tất cả” (1Cr 13,4-7).

12. Về đức khó nghèo trong Hội Thánh, Đức Hồng y hay phàn nàn về những tham vọng, những tranh chấp, những phô trương, mà người ta khéo che giấu tinh vi dưới hình thức đạo đức.

Đức Hồng y biết khá nhiều về những yếu đuối trong Hội Thánh, từ trung ương đến các địa phương. Nhưng ngài không bi quan, cũng không chủ trương một cuộc cải cách có tính cách chiến thắng theo kiểu thế gian. Nhưng ngài luôn hy vọng mọi sự sẽ được trở nên tốt hơn, nhờ tình yêu cứu độ của Chúa Giêsu được thể hiện trên thánh giá. Tôi thấy Đức Hồng y là người khiêm nhường nghèo khó.

13. Một thoáng nhớ về Đức Hồng y Phanxicô trên đây đang làm ấm lại những ngày cuối đời của tôi. Tôi còn rất nhớ lời ngài hay nói với tôi: “Sau này, chú và tôi sẽ về hưu. Chúng mình sẽ ở chung một nơi, cùng nhau giúp tĩnh tâm cho những ai đến nơi đó”. Hình như chúng tôi đang làm như vậy, theo một cách nào đó, thông thoáng như một hy vọng tâm linh, gần gũi như một gặp gỡ tâm tình.

Xin hết lòng cảm tạ Chúa đã cho Hội Thánh Việt Nam một

mục tử tốt lành là Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận. Ngài là gương sáng về sự trung thành với Chúa và Hội Thánh. Ngài cũng là gương sáng về sự gắn bó với Quê Hương Việt Nam và thiết tha phục vụ tất cả đồng bào Việt Nam yêu dấu.

Long Xuyên, ngày 26 tháng 11 năm 2013

+ **GB Bùi Tuần**

- **Đức Hồng y Joseph Ratzinger** (sau trở thành Giáo Hoàng Bênêdictô XVI). *Lm. Paul Phạm Văn Tuấn ở Đức quốc ghi lại:*

Tôi hạnh phúc đã được nói chuyện riêng với Đức Hồng y Joseph Ratzinger tại công trường Thánh Phêrô vào dịp lễ phong chức Hồng y của Đức Cố Hồng y Phanxicô Thuận ngày 21-2-2001.

Tôi sung sướng tự hào khi nghe được điều khen ngợi bằng tiếng Đức của Đức Hồng y Joseph Ratzinger nói với tôi về Đức Cố Hồng y Phanxicô Thuận như sau: "*Er ist ein großer Mann in der Kirche*" (ĐHY Phanxicô Thuận là một vĩ nhân trong Giáo hội).

Tôi còn được nghe ngài hân hoan nói rằng: "*Những bài giảng cảm phòng của Đức Hồng y Thuận cho Đức Hoàng Gioan Phaolô II vào Mùa Chay Năm Thánh 2000 rất hay và nước Đức đang cần đến những tư tưởng đạo đức này.*" Chính Ngài lại nói thêm: "*Cha đang lo thúc đẩy người thư ký riêng của cha dịch sách tĩnh tâm này từ tiếng Ý (Testimoni della Speranza - Chứng Nhân Hy Vọng) sang tiếng Đức cho người Đức.*"

Sách tiếng Đức "*Hoffnung, die uns trägt*" (lấy tựa đề: Niềm Hy Vọng Cưu Mang Chúng Ta) đã trở thành sách tâm linh được ưa thích tại Đức. Nữ dịch giả Ingrid Stampa này - gốc Hamburg thuộc Bắc Đức - đang là người phụ tá đắc lực của Đức Giáo Hoàng Bênêdictô XVI.

Sau khi nhận chức Hồng y, trong một cuộc điện đàm Đức Cố Hồng y Phanxicô Thuận bật mí thêm một chi tiết nhỏ cho tôi biết: "*Tạ ơn Chúa, phần dịch sách qua tiếng Đức, ĐHY Ratzinger*

nhận lo từ đầu đến cuối, từ khâu dịch thuật cho đến tìm nhà xuất bản, mà ngài lại tìm được nhà xuất bản nổi tiếng nhất về thần học của Đức là Herder. Đúng là Chúa thương cha. Trong tuần giảng cấm phòng cho giáo triều thì ĐHY Ratzinger là một trong những người hiện diện nghe giảng từ ngày đầu đến ngày cuối và ngài cũng là người đầu tiên đến chúc mừng cha khi chấm dứt tuần cấm phòng."

Nếu được nói thêm thì tôi có thể tạm kết luận: Đức Hồng y Joseph Ratzinger chính là «fan» của Đức Cố Hồng y Phanxicô Thuận. Nếu không có lòng mến mộ đặc biệt này thì trong thời gian đó ĐHY Ratzinger với công việc rất bận rộn tại Tòa Thánh, thì hỏi làm sao ngài còn có đủ thì giờ lo đến những việc nhỏ nhoi in sách quá chu đáo này cho Đức Cố Hồng y Phanxicô Thuận.

Lm. Paul Phạm Văn Tuấn , Tuyên Ủy các CĐCGVN trong TGP Hamburg và GP Hildesheim tại Đức Quốc

Đến Rôma tham dự lễ an táng Đức Hồng y, nhiều vị đã bày tỏ những lời lẽ ngưỡng mộ đối với ngài sau đây:

- **Đức Tổng Giám mục Tổng Giáo phận Huế Stêphanô Nguyễn Như Thế:** “Về Đức Hồng y Thuận, thì địa phận Huế có rất nhiều kỷ niệm. Riêng cá nhân tôi, cũng có rất nhiều kỷ niệm khi ngài làm Giám đốc Tiểu chủng viện Huế, rồi làm Tổng Đại diện Giáo phận Huế. Ngài là một con người sống trong vui mừng và hy vọng, là một con người lạc quan luôn. Ngài có một cái tôi cho là cao cả nhất, là ngài tha thứ, tha thứ tất cả. Ngài đã cực khổ rất nhiều. Nhiều người đã làm khổ cho ngài, nhưng mà ngài bỏ qua, đã tha thứ tất cả, như Chúa Giêsu trên thập giá vậy. Và đó là một sức mạnh, sức mạnh của sự tha thứ, và chính nhờ sự tha thứ đó mà ngài đã thu phục được rất nhiều tâm hồn về với Chúa”.

- **Đức Hồng y Bernard Law, nguyên Tổng Giám mục Tổng Giáo phận Boston, Hoa Kỳ:** Tôi có cảm tưởng như Đức cha Crepaldi là phụ tá của ngài đã đề cập đến Đức Hồng y có ý nói rằng: ngài sống như một môn đệ tin tưởng tuyệt đối vào Chúa Kitô. Ngài là một linh mục thánh trong tình yêu của Thiên Chúa,

cho nên, đối với gia đình, bạn hữu, Giáo hội công giáo, chúng ta mất đi một người rất thân mến qua nhân quan đức tin trong Chúa Kitô chúng ta dành cho ngài. Đây là giây phút của vinh quang, của ơn gọi, của sự vui mừng to lớn. Với tất cả lòng trông cậy của người Kitô hữu, chúng ta hãy cầu nguyện cho ngài. Lát nữa đây, chúng ta sẽ đưa thi thể của Đức Hồng y Thuận đến nơi an nghỉ trong lòng Giáo hội La mã. Tôi cảm tạ Thiên Chúa đã ban cho tôi món quà quý giá là đã được quen biết với ngài. Tôi đã được gặp ngài tại Việt Nam một khoảng thời gian ngắn sau khi ngài ra tù. Giáo hội đã cầu nguyện. Ai ai cũng làm đủ mọi cách trong khả năng của mình để giải thoát ngài khỏi cảnh tù ngục. Nhưng tôi nghĩ cuối cùng chính Thiên Chúa đã ban tự do cho ngài. Đức Hồng y Thuận là con người của sự đơn giản trong tinh thần ý nghĩa Phúc Âm. Ngài sống từng giây từng phút trong tình yêu Thiên Chúa. Ngài tử tế với tất cả các bạn tù, hoặc với ai ngài gặp gỡ, ngài đều nhìn họ trong tình yêu Thiên Chúa. Cuộc sống của ngài là như vậy đó. Trong lúc sống với tôi một tháng tại Boston để dưỡng bệnh, ai gặp gỡ ngài cũng đã yêu mến, vì sự đơn sơ, tính hiếu khách của ngài. Ngài là một con người rất cởi mở, vui vẻ, là một con người có đầu óc khôi hài, một tính khôi hài dễ thương, không ác ý. Trong ngài là một nỗi vui mừng và niềm hy vọng to lớn khi phục vụ Giáo hội, giúp đỡ Đức Thánh Cha trong lúc điều hành Hội đồng Công lý và Hòa bình Tòa Thánh, và đã hiến mình trọn vẹn cho công việc này. Trả lời câu hỏi: Giáo hội Việt Nam học hỏi gì nơi ngài? – Tôi chắc chắn rằng Đức Cố Hồng y sống trong tình yêu của Thiên Chúa từng giây phút của đời mình. Đức Hồng y đã có lần nói rằng cuộc đời là những chấm điểm, ta phải sống từng chấm điểm trong tình yêu của Thiên Chúa, và phải liên kết những chấm điểm đó trong tình yêu và niềm hy vọng nơi Thiên Chúa. Đó là cách sống như vậy Đức Hồng y đã nêu cao đức tin mạnh mẽ của Cộng đồng Kitô giáo Việt Nam.

- **Đức Giám mục phó Giáo phận Nha Trang Phêrô Nguyễn Văn Nho:** Ai nấy đều buồn, và đất nước Việt Nam mất một vị Hồng y được mọi người yêu mến. Riêng Giáo phận Nha Trang

chúng tôi thì phải nói rằng Đức Hồng y trước kia là Giám mục Giáo phận Nha Trang 8 năm, đã làm việc rất đăc lực, rất thành công, đã tạo nên một giáo phận càng ngày càng phát triển về mọi phương diện, cho nên đối với chúng tôi, đó là một sự mất mát lớn, không phải chỉ cho Giáo hội Việt Nam, mà cho Giáo hội toàn cầu nữa.

Riêng đối với tôi, thì ngài như là người cha, đã gởi tôi đi học ở Rôma này, và khi trở về đã trở lại làm việc, dù không có mặt của ngài nữa, thì những công trình của ngài vẫn tồn tại, và chúng tôi vẫn tiếp tục những công trình tôn giáo mà ngài đã để lại cho Giáo phận Nha Trang của chúng tôi.

Đối với Đức Hồng y thì tài thuyết phục của ngài, cũng như bản thân bác ái của ngài. Đối với những người không thích, hay đối với những người nào làm hại cho ngài nữa, ngài vẫn vui vẻ và chấp thuận coi như đó là Thánh Ý Chúa. Và chính sự bác ái Kitô giáo đó đã khuất phục được rất nhiều người, và mọi người đều có cảm tình, cả những người trước kia chống đối, nhưng khi gặp ngài rồi, thì cũng có cảm tình đặc biệt với ngài. Đó là cái tài của Đức Hồng y Phanxicô. Riêng cá nhân tôi, thì tôi thấy ngài có nhiều ưu điểm, không bao giờ tỏ ra giận dữ hay bất bình với ai, nhưng mà vẫn tỏ ra yêu thương và rất lạc quan trong cuộc sống.

- Đức Tổng Giám mục Tổng Giáo phận Sài Gòn GB. Phạm Minh Mẫn: Giáo dân ở Sài Gòn, qua những cái gì mà ngài đã viết, và đưa lên internet, thí dụ các bài giảng của ngài ở Vatican, thì giáo dân ở Sài Gòn người ta cũng phổ biến và người ta cũng cảm phòng theo đó. Người ta có cảm nhận ngài là một chứng nhân đức tin, chứng nhân Tin mừng Hy vọng Kitô giáo, chứng nhân của tình thương bác ái Kitô giáo. Cho nên sự ra đi của ngài là một mất mát. Ngài là một niềm hãnh diện cho người có niềm tin, và họ thấy ngài là một chỗ dựa cho niềm tin và niềm hy vọng của họ, cho nên đây cũng là một sự mất mát đối với họ. Nhưng đồng thời họ cũng rất hãnh diện vì ngài đã hoàn thành cuộc sống của ngài rất trọn vẹn với niềm tin và niềm hy vọng đó, nêu cho

mọi người công giáo một tấm gương, dù hoàn cảnh như thế nào, thì Chúa cũng vẫn ban ơn cho niềm tin và niềm hy vọng cũng như bác ái Kitô giáo được lớn lên trong lòng Giáo hội cũng như trong lòng mọi người Việt Nam. Tôi nghĩ đó là cảm nhận của họ.

- Linh mục Giuse Đặng Đức Ngân, đại diện Đức Tổng Giám mục Tổng Giáo phận Hà Nội: Đối với linh mục đoàn và giáo dân trong cộng đoàn dân Chúa Giáo phận Hà Nội chúng tôi, khi nghe tin Đức Hồng y Phanxicô Xaviê qua đời, là một tin rất đau buồn, rất cảm xúc, bởi vì ngài đã có một thời gian sống tại Hà Nội rất dài, đặc biệt trong thời gian sống tại Tòa Tổng Giám mục Hà Nội, ngài đã gặp gỡ, đã đi thăm các giáo xứ, đã giúp đỡ các linh mục, các giáo xứ cũng như giáo dân về mọi mặt tinh thần và vật chất. Ở nơi ngài, chúng tôi nhận thấy ngài luôn là một chứng nhân của Tin Mừng Thiên Chúa, chứng nhân của niềm tin và hy vọng, chứng nhân của một sự can đảm chấp nhận mọi thử thách của các biến cố cuộc đời. Nơi ngài, chúng tôi nhận thấy đó là một con người rất có tài lãnh đạo, tài giảng thuyết, tài thu hút. Ngài rất bình dân, giản dị. Gặp chúng tôi, ngài nói tiếng Hà Nội, cho nên đã đem lại cho tâm hồn của người dân và các linh mục một cái gì đó rất là gần gũi, thân thương. Nơi ngài, chúng tôi thấy một hình ảnh rất là thánh thiện đạo đức. Đó là những điều chúng tôi học nơi ngài, và cũng từ đó mà hàng giáo sĩ chúng tôi thấy là được nâng đỡ về tinh thần, và thấy mình càng phải sống tốt lành hơn, thánh thiện hơn trong ơn gọi của mình đã lựa chọn. Đối với chúng tôi, ngài là một chứng tá của niềm tin, của tình yêu và hy vọng của Thiên Chúa trong cuộc sống.

- Đức Ông Phanxicô Phạm Văn Phương, Chủ tịch Liên đoàn Công giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ: Đại diện cộng đồng tu sĩ và Liên đoàn Công giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ, chúng tôi đã đưa Đức Hồng y yêu quý của chúng ta Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận đến nơi an nghỉ cuối cùng. Sứ điệp của ngài nói là hãy yêu thương nhau, như lời em ruột của ngài nhắc đi nhắc lại lời cuối cùng của ngài, nói: hãy yêu thương nhau. Chúng ta thấy đó là một sứ điệp gắn liền với Thánh Gioan Tông đồ và từ Chúa Giêsu. Đức

cha Hoàng Văn Đạt nói: có lẽ chúng ta mất một lần Đức Hồng y, nhưng mà chúng ta được rất nhiều, bởi vì tất cả những gì Đức Hồng y đã ôm ấp, Đức Hồng y sẽ cầu xin với Chúa phù trợ và ban tặng cho chúng ta. Cho nên, nếu tinh thần yêu thương nhau, hòa thuận với nhau, đoàn kết với nhau mà Đức Hồng y đã loan truyền, Đức Hồng y đã để lại cho tất cả chúng ta, thực hiện được, thì có lẽ Cộng đoàn tu sĩ giáo sĩ và Liên đoàn Công giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ sẽ được mọi người yêu mến, và Giáo hội Việt Nam cũng như Giáo hội hoàn vũ sẽ được rất nhiều.

Chúng tôi xin trao gởi linh hồn Đức Hồng y cho Chúa, xin Chúa thưởng công ngài, và xin Chúa, nhờ lời bầu cử của ngài, liên kết chúng con trong yêu thương mãi mãi.

- Linh mục Hoàng Minh Thắng, trong Ban Việt ngữ Đài phát thanh Vatican: *Tôi muốn lặp lại đây vài điểm trong di chúc tinh thần của Đức Hồng y. Đức Hồng y đã để lại cho, không phải chỉ cho các anh chị em thuộc Giáo hội công giáo, mà tôi nghĩ ngài muốn bày tỏ với tất cả mọi người Việt Nam sống trên quê hương cũng như tại hải ngoại. Di chúc tinh thần ấy, trong đó ngài nói một câu hết sức chí lý. Sau khi khuyến khích các tín hữu yêu mến Thiên Chúa, yêu mến Mẹ Maria, yêu mến Giáo hội. Ở đây tôi lặp lại điều sau cùng mà chị Hàm Tiểu, hiền muội của Đức Hồng y, đã hỏi Đức Hồng y hai tuần trước khi ngài qua đời: “anh muốn nhắn gởi lại điều gì không?”. Đức Hồng y nói: “hãy yêu thương nhau và hiệp nhất, bởi vì không có yêu thương và hiệp nhất thì sẽ không làm gì được cả”. Tôi nghĩ điều cuối cùng này, có lẽ Đức Hồng y muốn nhắn gởi đến từng người dân Việt sống trên quê hương cũng như tại hải ngoại. Có lẽ đặc biệt tại hải ngoại. Hãy yêu thương nhau và hiệp nhất, nếu không biết yêu thương và hiệp nhất thì sẽ không làm gì được cả.*

Chói ngời mãi hình ảnh một vị mục tử như lòng Chúa mong ước

Trong tâm khảm bất cứ một ai đã có hồng phúc biết ngài, gần ngài, đều có chung một niềm tôn kính và ngưỡng mộ vô song. Những suy nghĩ sau đây của một linh mục có thể tóm kết được phần nào điều đó:

1. Đức Tổng Thuận rất ít nói về gia đình mình và về mình. Hay kể chuyện đi tù là vì nhà tù không ngờ đã trở thành Tòa Giám mục và giáo phận, nơi ngài làm việc mục vụ lâu nhất...

2. Đức Tổng không nói xấu bất cứ ai. Đây là điểm đặc biệt của ngài. Ngài biết rất nhiều và rất rõ những phê phán bất công, bất lợi cho ngài, nhưng không bao giờ lên tiếng cãi chính hay hạch hỏi. Thái độ khiêm nhường chịu đựng giúp ngài luôn bình an và hồn nhiên, vui vẻ.

3. Đức Tổng bình dân, thân thiện, lịch thiệp và hòa nhã với tất cả mọi người. Ai cũng là người quan trọng với ngài và ngài kiên nhẫn ân cần, chia sẻ, lắng nghe từng người. Nhìn ngài nghiêng đầu, cúi mình nghe người này, rồi mỉm cười đứng thẳng chụp hình với người kia mà cảm phục tình mục tử của ngài dành cho đàn chiên. Có óc quan sát và trí nhớ sắc bén, nên ít quên tên người đã gặp, ngài càng làm cho người khác yêu mến ngài hơn.

4. Đức Tổng Thuận rất vâng lời, trọng kỷ luật, nề nếp, nhưng lại rất cởi mở, phóng khoáng, liêu lĩnh. Nghe ngài kể chuyện mới biết ngài “chịu chơi” và dám làm, dám quyết định những việc mà nhiều Đấng Bậc khác đã không dám. Nhiều trường hợp khó khăn của nhiều người trong những năm tháng khó khăn ở Việt Nam, cũng như một số trường hợp nan giải của linh mục, tu sĩ, chủng sinh bên nước ngoài đã được ngài giải quyết nhẹ nhàng, kín đáo, khôn ngoan trong tình thương của chủ chăn nhân lành.

5. Đức Tổng rất yêu mến Hội Thánh và luôn có những sáng kiến mục vụ độc đáo, đặc biệt ngài ủng hộ các phong trào tông đồ giáo dân và mục vụ giới trẻ. Ở đâu có giáo dân và giới trẻ,

nếu được mời, ngài đến ngay.

6. Đức Tổng là người dung hòa, nối kết được nhiều người, nhiều phe nhóm đối kháng nhau. Tôi thấy ai ngài cũng gần gũi được, dù họ bảo thủ hay cấp tiến, cực hữu hay thiên tả, cộng sản hay quốc gia. Có người cho ngài mị dân, thiếu lập trường, nhưng tôi biết: ngài muốn trở nên nhịp cầu nối kết để đem bình an của Chúa cho mọi người như ngài đã có lần nói với tôi.

Thấm thoát đã gần mười năm ngài về với Chúa, nhiều người biết ngài qua đời sống thánh thiện, gương sống mục tử khiêm tốn phục vụ. Đi đến đâu cũng có người hỏi về ngài, ca ngợi ngài, nhắc đến ngài, nhớ thương ngài. Riêng tôi, mãi mãi mang ơn ngài vì ngài đã “nói với Đức Chúa Giêsu chữa cho” khỏi bệnh nhức đầu và ngày ngày tôi vẫn cầu xin với ngài đừng quên tôi, nhưng tiếp tục “nói với Đức Chúa Giêsu” cho tôi được thuận thảo với Thiên Chúa và thuận hòa với anh em theo gương sống của ngài, Đức cố Hồng y kính yêu: Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận.⁽⁷¹⁾

Thánh Thể là ánh sáng soi dẫn, là năng lượng thần linh, là lương thực Nước Trời, và là nguồn sức mạnh thiêng liêng của Đức Hồng y Phanxicô Xaviê

Ngập lặn triển miên trên ba đào của biển đời, ngài đã đi đến đích, đã cập vào bến bờ hạnh phúc vĩnh cửu mà Thiên Chúa đã hứa ban cho những người tôi trung. Nhờ đâu? Chính nhờ ở Thánh Thể là ánh sáng soi đường, là năng lượng thần linh, là sức mạnh vô song đã giúp Đức Hồng y Phanxicô Xaviê vượt qua muôn vàn sóng gió. Bà Elizabeth Nguyễn Thị Thu Hồng, em gái út của Đức Hồng y vào ngày 19-6-2008 tại Đại hội Thánh Thể Quốc tế lần thứ 49 tại Québec đã chia sẻ:

Qua các trước tác của ngài, và nhất là qua các thư từ viết từ nhà tù của ngài, một sự kiện rõ ràng đã xuất hiện: cuộc sống của Phanxicô Xaviê đã bắt rễ rất vững chãi trong sự hiệp nhất với Thiên Chúa Hằng Sống qua Phép Thánh Thể, nguồn sức mạnh

duy nhất của ngài. Đối với ngài, đó cũng là lời cầu nguyện đẹp đẽ nhất, và là cách thể tốt nhất để cảm tạ và ca tụng Vinh Quang Thiên Chúa.

Niềm tin không lay chuyển vào Phép Thánh Thể ấy luôn là sức mạnh chỉ đường trong cuộc sống của ngài, là sức lực và là của dưỡng nuôi cho cuộc hành trình dài trong lao tù của ngài.

Trong một cuộc phỏng vấn của truyền thông sau khi được thả tự do, người ta hỏi sức mạnh bí mật nào đã giữ ngài sống sót và lành lặn. Câu trả lời của ngài luôn là: “Phép Thánh Thể”.

Thánh Thể là trái tim và linh hồn của hoạt động truyền giáo. Quả vậy, chính trong những năm im lặng và cô đơn, bị cắt đứt khỏi các nhiệm vụ mục tử, nhưng vẫn mật thiết kết hợp với Phép Thánh Thể ấy, ngài đã hiểu, bằng chính toàn bộ con người của mình, rằng chính Chúa, chứ không phải công việc của Chúa, mới là tâm điểm đời ta. Cái hiểu ấy đã mở tung cánh cửa để Chúa Thánh Thần biến đổi các năm tháng cực kỳ hạn chế kia thành các thời kỳ phúc âm hóa sinh động nhất và mang nhiều hoa trái nhất trong cuộc đời ngài.

Ngài nói rằng:
“Ban đêm, các tù nhân thay phiên nhau thờ lạy. Với sự hiện diện trong im lặng của mình, Chúa



(*) Cử hành Thánh lễ trong tù.**
Bức họa của họa sĩ nổi tiếng người Úc, Paul Newton. Xem chú thích ở cuối tài liệu.

Giêsu Thánh Thể giúp chúng tôi nhiều cách không thể tưởng tượng được. Nhiều Kitô hữu đã quay về với cuộc sống đức tin sốt sắng, và việc họ âm thầm bày tỏ phục vụ và yêu thương còn gây tác động lớn lao hơn nữa nơi các tù nhân khác. Ngay các anh em Phật giáo và các anh em không phải là Kitô hữu cũng tham gia đức tin nữa. Sức mạnh do sự hiện diện đầy yêu thương của Chúa Giêsu không thể cưỡng lại được. Đêm đen của nhà tù đã trở thành ánh sáng phục sinh, và hạt giống đã nảy mầm trên mảnh đất giống bão. Nhà tù được biến đổi thành trường dạy giáo lý. Người Công giáo đã rửa tội nay rửa tội cho các bạn đồng tù và trở thành cha đỡ đầu cho các bạn đồng cảnh ngộ.

Trong những năm biệt giam, ngài cử hành Thánh Lễ mỗi ngày vào khoảng 3 giờ chiều, giờ Chúa Giêsu hấp hối và chết trên thánh giá.

Trong nhà tù với Chúa Giêsu Thánh Thể ở giữa họ, các tù nhân Kitô hữu lẫn không Kitô hữu từ từ lãnh nhận được ơn thánh (đủ) để hiểu rằng mỗi giây phút hiện tại trong cuộc sống của họ dưới các điều kiện vô nhân nhất này có thể được kết hiệp với lễ hy sinh tối cao của Chúa Giêsu và được dâng làm hành vi thờ lạy cách long trọng lên Thiên Chúa Cha. Mỗi ngày, Thuận đều nhắc nhở mình và khuyến khích người khác cầu nguyện như sau: “Lạy Chúa, xin cho chúng con dâng lễ hy sinh Thánh Thể bằng tình yêu, biết chấp nhận vác thánh giá, và chịu đóng đinh vào thánh giá ấy để tuyên xưng vinh quang Chúa, phục vụ anh chị em chúng con”.

Năm tháng trước cuộc giải phẫu lớn lần cuối cùng, ngài bay về Sydney, Úc Châu, để cử hành sinh nhật lần thứ 100 của mẹ chúng con. Cùng với mẹ và các thành viên khác của gia đình, mỗi ngày ngài đều cử hành Thánh Lễ tại phòng sinh hoạt nhìn ra hải cảng tươi đẹp. Mọi người hiện diện trong các buổi sáng ấy đều xúc động sâu xa trước sự cung kính, thư thái, và hoàn toàn hòa điệu của các buổi thờ lạy sau khi rước lễ. Mọi âu lo, mọi đớn đau sung sướng, mọi bất trắc đều được dâng lên cho Chúa như lời Xin Vâng hoàn toàn đối với Thánh Ý Người.⁽⁷²⁾

KHỞI SỰ ÁN PHONG CHÂN PHƯỚC CHO NGÀI

Năm năm sau ngày Đức Cố Hồng y Phanxicô Xaviê qua đời, Đức Hồng y Renato Raffael Martino, Chủ tịch Hội đồng Tòa Thánh về Công lý và Hòa bình đã chủ sự Thánh lễ, để tưởng nhớ một chứng nhân hòa bình và hy vọng, vào lúc 11g00 ngày Chúa nhật 16 tháng 9 năm 2007 tại Nhà thờ Santa Maria della Scala. Theo đúng quy định của hiến luật về việc phong thánh, dịp này, Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình đã bắt đầu tiến trình xin lập Hồ sơ Phong thánh cho Đức Cố Hồng y.

Bài diễn văn của Đức Thánh Cha Bênêdictô XVI về Đức Hồng y Nguyễn Văn Thuận trong buổi triều yết ngày 17-9-2007 tại Castel Gandolfo

*Kính thưa Đức Hồng y,
Anh em thân mến trong hàng Giám mục và linh mục,
Anh chị em thân mến,*

Tôi ngỏ lời chào đón tất cả, chúng ta tập hợp nơi đây để tưởng nhớ Đức Hồng y rất quý mến của chúng ta Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận, mà Chúa đã kêu gọi Ngài về với Chúa ngày 16 tháng 9 cách đây 5 năm, tuy nhiên vẫn còn sống động trong tâm trí và con tim của những ai đã biết con người tốt lành của người tôi tớ trung thành của Chúa. Chính tôi cũng còn giữ lại một số những kỷ niệm cá nhân qua những cuộc gặp gỡ mà tôi có dịp gặp ngài trong các năm ngài phục vụ tại Giáo triều Rôma.

Tôi xin chào Đức Hồng y Renato Raffaele Martino, là Chủ tịch, và Đức cha Gianpaolo Crepaldi, là Tổng Thư ký Hội đồng Tòa Thánh Công lý và Hòa bình, cùng với các nhân viên của Hội đồng này. Tôi chào thăm các thành viên của "Hội Thánh Matthêu" được thiết lập để tưởng nhớ Đức Hồng y Nguyễn Văn Thuận, các thành viên của Hội "L'Osservatore internazionale", mang tên của ngài, được thiết lập để phổ biến học thuyết xã hội của Hội Thánh, cũng như các thân nhân và bạn hữu của Đức Cố Hồng y. Tôi xin ngỏ lời cảm ơn chân thành tới Đức Hồng y Martino, vì những lời

ngài vừa nói nhân danh các người có mặt nơi đây.

Tôi mượn dịp này để một lần nữa đem ra ánh sáng, chứng từ đức tin thật rạng ngời mà vị mục tử anh hùng này đã để lại cho chúng ta. Giám mục Phanxicô Xaviê - như thói quen ngài hay giới thiệu mình như thế - được gọi về Nhà Cha năm 2002, sau một thời gian dài mang trọng bệnh mà ngài đã phải chịu đựng trong niềm phú thác hoàn toàn vào thánh ý Chúa.

Một thời gian trước khi ngài được Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II bổ nhiệm làm Phó Chủ tịch Hội đồng Tòa Thánh Công lý và Hòa bình, sau đó ngài trở thành Chủ tịch của chính Hội đồng này, ngài khởi sự việc xuất bản tập “*Bản tóm lược học thuyết xã hội của Giáo Hội*” (Compendio della dottrina della Chiesa).

Làm sao chúng ta có thể quên được những nét đặc biệt của sự thân thiện đơn sơ của ngài? Làm sao chúng ta không đưa lên ánh sáng cho mọi người biết khả năng mà ngài có được để đối thoại và để làm cho mình gần gũi người khác?

Chúng ta tưởng nhớ ngài với sự thán phục lớn lao, trong khi chúng ta nghĩ lại trong tâm trí chúng ta những dự phóng lớn lao và tràn đầy hy vọng, đã làm cho ngài luôn sống động và ngài tìm cách thế để dễ dàng loan truyền ra và thuyết phục nhiều người; sự dấn thân đầy nhiệt huyết của ngài để quảng bá học thuyết xã hội của Hội Thánh giữa những người nghèo trên thế giới, và lòng hăng say truyền bá Phúc âm trong lục địa Á châu của ngài, khả năng ngài điều hợp các hoạt động bác ái và thăng tiến con người mà ngài làm tăng thêm và nâng đỡ tại những nơi nặng nề nhất trên thế giới.

Đức Hồng y Văn Thuận là một con người của Hy Vọng, ngài sống bằng Hy Vọng, ngài phổ biến Hy Vọng cho tất cả những ai ngài gặp. Chính nhờ năng lực thiêng liêng này mà ngài đã chống lại được tất cả những khó khăn thể lý và luân lý. Hy Vọng đã nâng đỡ ngài khi là Giám mục bị cô lập trong vòng 13 năm trời, xa cách khỏi cộng đoàn giáo phận của ngài; hy vọng giúp

ngài biết nhìn ra cái vô lý của các biến cố đã xảy đến cho ngài - không bao giờ được xét xử trong những năm tù ngục - một kế đồ của sự quan phòng của Thiên Chúa.

Tin về bệnh ung thư ngài, căn bệnh đưa ngài tới cái chết, tin này đã đến với ngài cùng lúc với việc Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đặt ngài làm Hồng y, vị Giáo Hoàng này tỏ ra với Đức Hồng y một sự trân trọng và tình cảm thật lớn lao.

Đức Hồng y Văn Thuận thường nhắc lại rằng Kitô hữu là một con người của từng giờ, của lúc này, của giây phút hiện tại, cần được đón nhận và sống với tình yêu Chúa Kitô. Trong khả năng sống giây phút hiện tại này chiếu tỏa ra cái sâu thẳm của việc từ bỏ trong bàn tay Thiên Chúa và tính đơn sơ như trong Phúc âm dạy mà chúng ta tất cả đều kính phục ngài. Và làm sao có thể xảy ra điều này - người ta tự hỏi - một người đặt tin tưởng vào Chúa Cha trên trời mà lại từ chối để mình được ôm ấp vào cánh tay của Chúa Cha sao ?

Anh chị em thân mến

Tôi vui mừng đón nhận tin về việc khởi sự án phong chân phước cho vị ngôn sứ đặc biệt của niềm Hy Vọng Kitô giáo, và trong khi chúng ta trao phó linh hồn ưu tuyển của ngài cho Chúa, chúng ta cầu nguyện để gương của ngài trở nên giáo huấn vững chắc cho chúng ta. Cùng với lời cầu chúc này Tôi vui lòng ban phép lành cho anh chị em.

Rôma, ngày 18-9-2007

Bản dịch Việt ngữ của Lm. Phanxicô Borgia Trần Văn Khả.

Ngày 22 tháng 10 năm 2010, vào lúc 8g30 sáng, Đức Hồng y Peter K.A. Turkson, Chủ tịch Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình đã chủ sự thánh lễ cầu nguyện cho Vị Tội Tớ Chúa tại Nhà thờ Santa Maria della Scala. Tham dự thánh lễ có các thành viên thuộc Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, các Hồng y, Giám mục, linh mục, thân nhân, bạn hữu của Đức Cố

Hồng y Phanxicô Xaviê.

Tiếp đến, vào lúc 12 giờ trưa cùng ngày, tại Phòng Hòa Giải trong Dinh Laterano ở Roma, một phiên họp chính thức mở cuộc điều tra án phong Chân phước và phong thánh cho Đức Cố Hồng y. Nghi thức bắt đầu bằng một bài thánh ca, sau đó là việc đọc biên bản.

Tiếp đến, vị chủ tọa phiên họp là Đức Hồng y Agostino Vallini, Giám quản Giáo phận Rôma tuyên bố chính thức mở Ấn điều tra và Đức Hồng y Peter K.A. Turkson, Chủ tịch Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình phát biểu.

Vị Giám quản thay mặt Đức Giáo Hoàng tại Giáo phận Rôma, đã chủ trì phiên khai mạc này. Sau khi điêm qua về tiểu sử của Đức Hồng y Thuận, Đức Hồng y Agostino Vallini đã kết luận như sau:

“Việc nhắc nhở này, dù khái quát, về đời sống của vị chứng nhân lớn về đức tin, gọi lên nhiều ngưỡng mộ. Tôi tự hỏi: “Bí mật nào đã cho phép Đức Hồng y Nguyễn Văn Thuận đương đầu được với những thử thách kinh khủng như thế? Ngài đã múc lấy sức mạnh nội tâm ở đâu để vượt qua những thiếu thốn và những sỉ nhục? Và đâu là những nét đặc biệt nổi bật nơi ngài với cương vị là chủ chăn?”

Khi đọc tiểu sử ngài, tôi đã xác tín rằng một phần lớn quan trọng của lộ trình thiêng liêng của ngài, phải được gán cho sự giáo dục và chứng từ ngài đã nhận được từ trong lòng gia đình ngài, đặc biệt là của mẹ ngài. Trong những giờ phút đen tối trong tù, người tôi tớ Chúa liên lý nhớ đến sự giáo dục mà ngài đã có, và nhớ đến gương sáng của các thành viên trong gia đình là không bao giờ tháo lui trước những đe dọa và khổ đau, đương đầu với sức mạnh rất Kitô giáo.

Hơn nữa, tôi có khuynh hướng nghĩ rằng ngài đã thành công vượt qua sự phiền muộn và chán nản, mà nhiều lần chúng suýt xô đẩy ngài xuống vực thẳm của thất vọng, vì ngài đã ra sức

bám chặt vào Lời Chúa và Thánh Thể, vào ngôi trường mà mỗi ngày đã khắc ghi đời sống của ngài.

Ngài không được phép đem Kinh Thánh vào tù. Vậy nên ngài có sáng kiến nhật các mảnh giấy nhỏ mà ngài tìm thấy để làm như một thứ nhật ký nhỏ, trong đó ngài chép lại hơn 300 câu Tin Mừng. Bản văn thiêng liêng đơn giản này là sách toát yếu của ngài hằng ngày, trong đó ngài múc lấy ánh sáng và sức mạnh. Đối với Thánh Thể, chúng ta biết rằng để lưu giữ Thánh Thể, ngài đã dùng cả đến giấy bao thuốc hút.

Người Tôi tớ Chúa có một trí thông minh ngoại hạng và thủ đắc một sự dễ dàng khi nói và viết. Tuy nhiên, phải nói là ngài không phải là nhà trí thức, cũng chẳng phải văn sĩ. Ôn gọi của ngài là ôn gọi của một mục tử chăm sóc các linh hồn. Sự bắt buộc không được làm gì, như tôi đã nói trước đây, đã bắt ngài viết để có thể chặn dất đoàn chiên. Dù không thể thi hành sứ vụ, nhiệt huyết tông đồ của ngài vẫn thúc đẩy ngài làm thử mọi sáng kiến có thể để loan báo Tin Mừng.

Như thế, trong lúc bị giam cầm, ngài đã thành công trong việc lập ra những cộng đoàn Kitô hữu nhỏ, họ gặp gỡ nhau để chung lời cầu nguyện, và nhất là để cử hành Thánh Thể, và ban đêm, khi nào có thể, ngài tổ chức những nhóm thờ lạy trước Thánh Thể. Sau khi được tha, hoạt động tông đồ của ngài rất bận rộn, liên kết với công việc của Ủy ban Giáo hoàng về “Công lý và Hòa bình”. Điều đó dẫn ngài đến việc theo dõi phát hành các tác phẩm của ngài, chủ yếu về địa hạt thiêng liêng.

Nói về con người của Đức Hồng y Thuận, tôi không thể không nói đến một khía cạnh khác hiển nhiên nhất, đó là tình yêu của ngài đối với con người, phát xuất từ con tim mục tử của ngài. Những ai đến tiếp cận với ngài cũng đều thán phục lòng tốt của ngài, bắt đầu là những cai ngục, đến đôi một đôi khi ông thủ trưởng công an đã xin ngài dạy cho các nhân viên các sinh ngữ mà ngài biết, đến đôi những người canh gác đã trở thành học trò của ngài.

Cung cách đáng yêu đó đã trở thành đặc tính cho suốt cuộc sống ngài. Một trong các nhà chép sử của ngài viết:

“Hiền lành và tươi cười, Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận luôn đón tiếp khách bằng cách tiến đến với họ, hai tay giang rộng làm dấu hiệu chào mừng người khách... Ngài luôn có cách biểu lộ nhiệt tình và vững tin. Với ngài, người ta cảm thấy thoải mái và bình tĩnh... Ngài ăn nói chậm rãi, chọn lựa lời nói cách rất chính xác. Giọng nói ngài êm dịu, cách ngài nói đơn sơ nhưng hoạt bát. Dĩ nhiên là các ý tưởng đơn giản của ngài phát xuất từ chiều sâu nội tâm lớn và đối với những ai nghe ngài nói, những lời nói của ngài chứa đựng một lời mời gọi phải suy nghĩ, phải xét mình... Ngài nhanh chóng cho một ý nghĩ mới trước những biến cố xem ra tầm thường và bình dị, và trước điều thường coi là kỳ vọng, bằng cách gọi lên trí tưởng tượng và khuyến khích chiêm ngắm.



*Nhưng Đức Hồng y Nguyễn Văn Thuận, trước nhất, là chứng nhân của niềm hy vọng. Ngài đã tin tưởng trong lúc không còn hy vọng gì, vì những thử thách mà Chúa cho phép xảy đến cho ngài. Khi nói về Abraham, trong cuốn sách **“Những lữ khách trên đường hy vọng”** của ngài, chính ngài đã viết: “Cả cuộc đời ông (Abraham) là một chuỗi khó khăn liên tiếp. Và ông đã chu toàn các giới răn cách mù quáng. Được niềm hy vọng nơi Chúa nâng đỡ, ông sẵn sàng bước đi theo tiếng Chúa mọi lúc mọi nơi. “Hy vọng trái nghịch với hy vọng, ông đã tin” (Rm 4, 18) như người “cha của các kẻ tin” (Rm 4, 11).*

Vậy không quá đáng khi nói rằng vị Hồng y của chúng ta là một môn đệ xứng đáng của Abraham, không những ngài bắt chước niềm hy vọng vững chắc của ông, mà ngài còn thông truyền và củng cố nhân đức ấy cho nhiều người, qua gương sáng của ngài, qua việc rao giảng và qua các sách ngài viết. Ngài đã thực hành đức trông cậy đậm rề cách vững chắc vào ân sủng, chứ không phải là niềm hy vọng trần tục chóng qua, bằng việc nhìn sang bên kia thời gian, không để cho các thất bại ảo của cuộc sống hạ gục, với ước muốn làm tốt đẹp hơn những thực tại dưới thế gian này.”

Trong cùng ngày, những hoạt động khác cũng diễn ra như: trao giải thưởng Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận vào lúc 10g30 tại Giáo hoàng Đại học Laterano, buổi hòa nhạc tại Vương cung Thánh đường Thánh Antôn trên đường Merulana - Roma, vào lúc 7 giờ tối.⁽⁴⁷⁾



Quang cảnh buổi công bố mở Ấn phong Chân phước cho ĐHY Phanxicô Xaviê tại Palazzo Lateranense với sự hiện diện của Đức Tổng Giám mục Tổng Giáo phận Huế Têphanô Nguyễn Như Thế.



*Đại diện Gia đình
Cựu Chứng Sinh
Huế tham dự Lễ Mở
Ấn phong Chân
phước Tôi tớ Chúa
Đức HY P.X.
Nguyễn Văn Thuận
tại Roma.*



Thông báo Ân lệnh của Tòa Giám quản Giáo phận Rôma

Ngày 16 tháng 9 năm 2002, Tôi tớ Chúa Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận, Hồng y của Giáo Hội Rôma, đã qua đời tại Rôma.

Vị Tôi tớ Chúa này, là một người có đức tin sâu xa vào Thiên Chúa và có lòng bác ái không giới hạn, là một vị rao giảng anh hùng Tin Mừng của Chúa Kitô, đã là một chứng nhân đích thực của niềm Hy Vọng, ngay cả trong những năm thật khó khăn trong khi thi hành sứ vụ linh mục và Giám mục, thực hiện trong những đổ nát của chiến tranh tại Việt Nam, gồm cả 13 năm tù đầy, trong đó Lời Chúa đã chiếu sáng cuộc sống mà bên ngoài xem ra đúng là đêm tối, hoàn toàn sống trong cô lập, luôn làm tăng thêm sức mạnh của niềm hân hoan và hy vọng.

Với thời gian qua đi, danh thơm về sự thánh thiện tăng thêm mãi, và sau cùng có đơn xin bắt đầu mở Ân phong Chân phước và Phong thánh cho Vị Tôi tớ Chúa đây, và để thông báo cho Cộng đồng Giáo hội của Chúa biết, chúng tôi mời gọi tất cả mọi người và từng người tín hữu hãy thông báo trực tiếp hay chuyển tới Tòa án Giáo phận của Tòa Giám quản Rôma (ngụ tại Piazza S. Giovanni in Laterano, 6, 00184, ROMA, Italia), tất cả những tin tức, mà nhờ đó Tòa án có thể tìm hiểu sâu xa những yếu tố thuận hay nghịch lại với danh thơm thánh thiện của Vị Tôi tớ Chúa.

Ngoài ra, theo các định liệu của luật lệ hiện hành, cũng phải thu tập các tác phẩm viết của ngài, chúng tôi truyền lệnh, qua Thông báo Ân lệnh này, tất cả những ai lưu giữ các tác phẩm này, phải mau mắn nộp cho Tòa án trên đây bất cứ tác phẩm nào có được, mà Tôi tớ Chúa đây được coi là tác giả, nếu chưa trao nộp cho Văn phòng Cáo Thỉnh viên vụ án.

Chúng tôi nhắc lại rằng với kiểu nói tác phẩm không chỉ hiểu là những tác phẩm đã được in ấn, và đã được thu tập lại, mà

còn phải hiểu là những bản thảo, tập nhật ký, thư từ đủ loại và bất cứ một một loại bản viết riêng tư nào của Tôi tớ Chúa. Những ai muốn giữ lại bản chính, có thể trao nộp bản sao được thị thực hợp pháp.

Sau cùng, chúng tôi chỉ thị rằng, Thông báo Ấn lệnh này, sẽ được treo nơi công cộng trong vòng hai tháng ở cửa của Tòa Giám quản Rôma, và sẽ được công bố trong báo của Tòa Giám quản “Rivista Diocesana” của Giáo phận Rôma, và trên nhật báo “L’Osservatore Romano” và nhật báo “Avvenire”.

Ban hành tại Rôma, từ Trụ sở của Tòa Giám quản, ngày 16-01-2009.

Hồng y Agostino Vallini, Giám quản.

Giuse Gobbi, Lục sự.⁽⁷³⁾

---o0o---

Lễ cải táng Đức Hồng y Phanxicô Xaviê vào sáng ngày 08-6-2012 tại Roma

Trong những năm qua, Hội đồng Tòa Thánh Công lý và Hòa bình đã mở án xin phong chân phước cho Đức Hồng y Nguyễn Văn Thuận, đồng thời cũng xúc tiến việc xin cải táng Đức Hồng y về nhà thờ hiệu tòa của ngài ở trung tâm Rôma.

Ngày 08-6-2012 di hài Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận đã được cải táng từ nghĩa trang Verano về nhà thờ hiệu tòa của ngài, Đức Mẹ Scala, ở trung tâm Roma.

Lễ cải táng do Đức Hồng y Peter Turkson, người Ghana, đương kim Chủ tịch Hội đồng Tòa Thánh Công lý và Hòa bình, chủ sự từ lúc 11 giờ 45 tại Nhà thờ Đức Mẹ Scala, trước sự hiện diện của 2 vị tiền nhiệm của ngài là Đức Hồng y Roger Etchegaray, Đức Hồng y Renato Martino, tiếp đến là Đức Hồng y Jorge Mejia, người Argentina, nguyên thư viện trưởng của Tòa

Thánh, và Đức Hồng y Bernard Law, nguyên Giám quản Đền thờ Đức Bà Cả ở Roma. Ngoài ra, có Đức cha Mario Toso, SDB, Tổng thư ký Hội đồng Tòa Thánh Công lý và Hòa bình, và gần 100 người gồm các nhân viên của Hội đồng, Liên tu sĩ Việt Nam ở Roma, đặc biệt có cô Nguyễn Thị Thu Hồng, em ruột của Đức Cố Hồng y từ Canada, và một số thân nhân khác.



Hình chụp tại Lễ Cải táng

Lễ cải táng diễn ra dưới hình thức một buổi Phụng vụ Lời Chúa, với bài đọc sách Huân ca, đáp ca, lời nguyện. Khi linh cửu được đưa tới trước bàn thờ, biên bản cuộc cải táng đã được các chức sắc tòa án của Tòa Giám quản Roma tuyên đọc, rồi linh cửu Đức Cố Hồng y bọc kim loại không han rỉ, có cột giầy đỏ gắn triện si, được đặt dưới bàn thờ Thánh Đa Minh và thánh nữ Catarina, là bàn thờ thứ hai ở bên phải vừa khi bước vào thánh đường.

Lễ nghi cải táng kết thúc với kinh cầu Đức Cố Hồng y đề xin ơn nhờ lời chuyển cầu của ngài và xin Chúa cho sớm đến ngày Vị Tôi tớ Chúa Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận được tôn vinh trên bàn thờ.



Đức HY Peter Turkson làm phép nơi đặt linh cữu Đức HY PX Nguyễn Văn Thuận tại thánh đường Santa Maria della Scala.

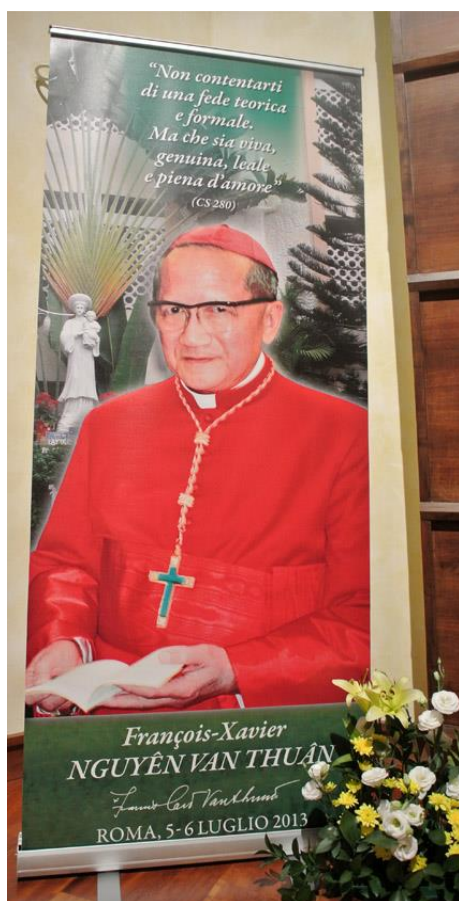


Bàn thờ TTC Đức HY PX Nguyễn Văn Thuận tại thánh đường Santa Maria della Scala

Nhà thờ Đức Mẹ Scala (Piazza della Scala, 23) ở khu Trastevere, được khởi công xây cất từ năm 1593 và hoàn tất vào năm 1610, để bảo quản ảnh Đức Mẹ Cầu Thang. Thánh đường do dòng Camêlô nhật phép (OCD) coi sóc. Tại đây cũng có học viện của Dòng.

MƯỜI NĂM SAU NGÀY ĐỨC HỒNG Y QUA ĐỜI

Mười năm sau khi Đức Hồng y Nguyễn Văn Thuận qua đời, Tiến sĩ Waldery Hilgeman, cáo thỉnh viên của án phong Chân



phước, đã cho hăng thông tấn Zenit biết về giai đoạn cấp giáo phận của án phong, được Hội đồng Tòa Thánh “Công lý và Hòa bình” thúc đẩy, và mở án từ ngày 22-10-2010. Tiến trình phong Chân phước đã được mở ra tại Giáo phận Rôma, và diễn ra tại tòa án của Hạt Rôma. Do việc Đức Hồng y đã di chuyển nhiều trên mọi châu lục, cho nên công việc của tiến trình điều tra quả thực “bao la” khi cáo thỉnh viên này nhắc đến nhiều địa điểm phải thực hiện việc điều tra: Úc, Mỹ, Đức, Pháp. Khoảng 130 nhân chứng đã được phỏng vấn, - cáo thỉnh viên nói, và tiến trình điều tra “đang diễn ra trong một giai đoạn tiến triển mạnh”. Nhiều phép lạ đang được nghiên cứu với sự giúp đỡ của các chuyên

viên y tế. Sau khi Đức Hồng y được tuyên bố “Đáng Đáng Kính”,

việc công nhận một phép lạ có thể mở đường cho việc phong Chân phước.

Cáo thỉnh viên cho rằng Đức Hồng y Nguyễn Văn Thuận có thể trở thành “vị thánh của hy vọng”: Trong các bài viết và cuốn sách của ngài, từ ngữ “hy vọng” được lặp đi lặp lại, và lời mời gọi “đừng mất hy vọng vào Thiên Chúa”. Ông cũng cho biết đã tìm thấy trong các phần nghiên cứu của mình một nhân vật cực kỳ phức tạp, toàn cuộc đời của Hồng y là “các giọt liên tục của Tin mừng, một cơn mưa không ngừng của sự thánh thiện”. Ngay từ khoảnh khắc đầu tiên ở nhà tù, Đức Hồng y đã cảm nhận lời mời gọi của Thiên Chúa là hãy cho tất cả mọi thứ, để lại tất cả mọi thứ và chỉ sống cho Thiên Chúa. Khi còn là Tổng Giám mục phó, Đức Hồng y Nguyễn Văn Thuận đã sống cho công việc của Thiên Chúa, nhưng khi vào tù, ngài cảm thấy rằng Thiên Chúa đòi hỏi ngài rời bỏ công việc của mình, và chỉ sống cho Chúa mà thôi. Khía cạnh nổi bật nhất của Đức Hồng y là tình thương kiên định đối với tha nhân. Ngay cả trong nhà tù, ngài không bao giờ ngừng yêu thương những kẻ bách hại ngài, từ các quan chức cao cấp nhất đến người lính canh tù. Qua “tình thương trọn vẹn” của ngài đối với họ, Đức Hồng y cho thấy tình yêu Chúa Kitô là gì, kể cả tình yêu đối kẻ thù, và ngài làm việc này khi không thể rao giảng, không thể nói trực tiếp về Chúa. Nhiều lính canh phụ trách việc giám sát ngài đã được hoán cải bởi mẫu gương của ngài về Chúa Kitô nhập thể.

Cáo thỉnh viên nói thêm: Nếu bối cảnh chính trị tạo khó khăn cho việc tiếp xúc với các người lính bảo vệ đã hoán cải, tuy nhiên một cách đặc biệt, một số chứng tá sẽ được ghi trong các văn bản pháp lý của án phong, để dựng lại cuộc đời và các nhân đức anh hùng của Đức Hồng y. Ngay từ đầu sứ vụ của mình, Đức Hồng y Nguyễn Văn Thuận đã được chuẩn bị sẵn sàng cho công tác ngài sẽ đảm nhiệm sau này trong Giáo triều Rôma, nhất là cho Hội đồng Tòa Thánh về Giáo Dân, nơi ngài làm cố vấn, - Waldery Hilgeman nhận định. Quả thế, là một Giám mục trẻ, ngài chú ý nhiều đến vai trò của giáo dân trong giáo phận của mình và trong

xã hội, xem giáo dân là các nhân chứng trực tiếp của Chúa Kitô trong chính trị, trong đời sống xã hội, trong lao động. Bên cạnh đó, chỉ trong vài năm, ngài đã thành công trong việc tăng gấp đôi số lượng ơn gọi, không phải bởi việc mục vụ đặc biệt cho các linh mục, nhưng là việc chăm sóc giáo dân, “những người có thể được Chúa Kitô kêu gọi”.

Ông cáo thỉnh viên Waldery Hilgeman nhấn mạnh:

“Không phải ngẫu nhiên mà Đức Hồng y là một trong những người đầu tiên được mời vào Hội đồng Tòa Thánh về Giáo dân, trong khi Hội đồng này đang giai đoạn thành lập: Từ đầu kia của thế giới, Tòa Thánh đã nhìn thấy các tiềm năng của con người này. Hơn nữa, chính nhờ ngài, Hội đồng Tòa Thánh “Công lý và Hòa bình” đã phát triển, quả vậy, một vị Chủ tịch Hội đồng, người đã sống trong thân xác mình nổi bật công trên thế giới chỉ vì là người Kitô hữu, đã tạo một chiều kích đặc biệt cho Hội đồng này về sự nhạy cảm tột cùng, vốn tích hợp tất cả học thuyết xã hội của Giáo hội.”⁽⁷⁴⁾

Lễ Kết thúc cuộc điều tra cấp giáo phận Roma Ấn phong Chân phước Tôi tớ Chúa Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận

Cuộc điều tra vụ án phong Chân phước cho Đức Hồng y Phanxicô Xaviê khởi đầu từ ngày 22 tháng 10 năm 2010 và kéo dài khoảng hai năm rưỡi. Ngoài những thành viên của Ủy ban Lịch sử, còn có gần 120 người gồm các vị Hồng y, Giám mục, linh mục cùng thân nhân của Đức Hồng y và giáo dân đã được tham khảo.

Một phái đoàn đi Việt Nam bị hủy bỏ vào phút chót, nhưng vẫn thu được 26 chứng từ viết cho tiến trình vụ án, được xác nhận bởi những vị có thẩm quyền, những người ở tại Việt Nam, những họ hàng, đồng nghiệp và bạn bè của Đức Hồng y.

Tổng cộng hồ sơ án phong Chân phước của Đức Hồng y Phanxicô Xaviê có 1.650 trang, còn thêm vào đó 10.974 trang viết của ngài, phần lớn chưa được xuất bản.

Hôm trước ngày Lễ Kết thúc Hồ sơ, vào lúc 7g15 sáng ngày 04-7-2013 một thánh lễ đồng tế cầu cho Đức Cố Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận được cử hành tại nhà nguyện Saint Joseph tại Vatican Grottoes (tầng hầm bên dưới Đền thánh Phêrô) do Đức Giám mục Giuse Võ Đức Minh chủ tế và giảng lễ; cùng đồng tế có Đức nguyên Tổng Giám mục Giáo phận Huế Têphanô Nguyễn Như Thể và Đức Tổng Giám mục Gregory Aymond Tổng Giáo phận New Orleans, tiểu bang Louisiana, Mỹ, cùng khoảng 15 linh mục Việt Nam và ngoại quốc. Trong số các linh mục người Việt có cha Trần Đình Trọng từ Australia, cha Đỗ Quang Châu, Đức Ông Nguyễn Quang từ Mỹ, cha Nguyễn Huệ thuộc địa phận Xuân Lộc, cha Nguyễn Quốc Hùng và một số linh mục đang tu nghiệp và phục vụ tại Rôma... Khoảng 50 người gồm thân nhân của Đức Cố HY, người nước ngoài, người Việt đến từ Việt Nam và các nước châu Mỹ, châu Úc, châu Âu... đã hiện diện trong thánh lễ này.

Thánh lễ được cử hành hoàn toàn bằng tiếng Việt, trong khung cảnh trang nghiêm và sốt sắng.



*Thánh lễ dành cho người Việt hành hương cầu nguyện cho Đức Cố
HY tại nhà nguyện Saint Joseph (Vatican Grottoes)*

Chương trình cuộc lễ sẽ diễn ra trong hai ngày.

Theo một số tin tức tổng hợp từ VietCatholic News, Đài Vatican, Zenit, và nhiều nguồn khác, thì cuộc lễ kết thúc cuộc điều tra cấp Giáo phận án phong Chân phước cho Đức Hồng y Phanxicô Xaviê được diễn ra trong hai ngày: mùng 5 và mùng 6 tháng 7 năm 2013.

Ngày thứ Sáu 05-7-2013

Lúc 9 giờ 30, ĐHY Peter Turkson, Chủ tịch Hội đồng Tòa Thánh Công lý và Hòa bình, đã chủ sự thánh lễ tại Vương cung Thánh đường Thánh Antôn Padova của dòng Phanxicô, số 124 đường Merulana, gần tòa Giám quản Rôma. ĐHY Bernard Law, nguyên Tổng Giám mục Boston Hoa Kỳ và từng là Giám quản

Đền thờ Đức Bà Cả, 6 vị Giám mục khác và khoảng 40 linh mục cùng đồng tế với ngài trước sự hiện diện của đông đảo các tu sĩ Việt Nam ở Rôma và nhiều giáo dân Việt Nam hành hương.

Qua bài giảng bằng tiếng Anh và Ý, ĐHY Peter Turkson đã nêu lên những đặc điểm trong cuộc đời của Đức Hồng y Phanxicô Xaviê.

Và vào lúc 11 giờ 30 sáng tại Hội trường Hòa giải trong dinh thự Latêranô, cũng là Tòa Giám quản của Giáo phận Rôma, ĐHY Agostino Vallini đã chủ tọa buổi lễ kết thúc cuộc điều tra ở cấp giáo phận án phong Chân phước cho vị Tội tớ Chúa, Đức cố Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận.

Trên bàn chủ tọa còn có Đức Ông Slawomir Oder, Thẩm phán ủy quyền, Đức Ông Francesco Maria Tasciotti, Thẩm phán bổ sung, Đức Ông Giuseppe D'Alonzo, Chứng tín. Tham dự bên dưới có hơn 10 vị Hồng y, Giám mục; đặc biệt có Đức nguyên Tổng Giám mục Giáo phận Huế Têphanô Nguyễn Như Thệ, và Đức cha Giuse Võ Đức Minh, Giám mục Giáo phận Nha Trang, linh mục GB Huỳnh Công Minh, Tổng Đại diện Giáo phận Sài Gòn, đông đảo quan khách người nước ngoài và nhiều linh mục cùng giáo dân Việt Nam đến từ Việt Nam, Mỹ, Úc, Canada cùng nhiều nước Âu châu. Tại Hội trường Hòa giải có khoảng 200 người và 100 người khác tại phòng bên cạnh, có phần thông dịch tiếng Việt. Có sự hiện diện của các thân nhân của Đức Hồng y: Hai em ruột của ngài là bà Nguyễn Thị Thủy Tiên ở Úc và bà Elizabeth Nguyễn Thị Thu Hồng cùng phu quân, GS Christian Chan, ở Canada; cô Nguyễn Thị Hương Lan ái nữ của ông Nguyễn Linh Tuyên, em trai Đức Hồng y ở Mỹ; bốn ái nữ của cụ Ngô Đình Luyện là bà Marie Claude Ngô Đình Luyện và phu quân Laurent Mialaret, bà Charlotte Ngô Đình Luyện và phu quân Basile Yakovlev, bà Nicole Ngô Đình Luyện, bà Marie Noelle Ngô Đình Luyện và phu quân Philippe Mouton; bà Tiến sĩ Nguyễn Thị Bích Thủy ở Thụy Sĩ; bà bác sĩ Nguyễn Thanh Sơn và phu quân, bác sĩ Thomas Kelly, ở Mỹ; bà Nguyễn Thị Bích

Liên và phu quân Bruno Maurel ở Pháp; ông bà Vĩnh Tiến ở Bỉ, bà Marie Claire Lê Thị Thanh ở Pháp; ông bà Nguyễn Văn Thành Cựu Chung sinh Giáo phận Huế lớp Phú Xuân 1955 ở Virginia.

Phiên họp được bắt đầu bằng thánh ca “Veni Creator Spiritus”, tiếp theo là phần giới thiệu của vị Công chứng viên của tòa án Tòa Giám quản Rôma về các chức sắc hiện diện, trong đó có 2 vị Thẩm phán, vị Chương tìn (promotore di giustizia).

Tiến sĩ Waldery Hilgeman, người Hà Lan, Cáo thỉnh viên án phong của ĐHY Nguyễn Văn Thuận, đã long trọng tuyên thệ trung thành chu toàn việc chuyển tất cả các hồ sơ tài liệu về tiểu sử, các nhân đức và các phép lạ nói chung của Vị Tồi tử Chúa Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận mà tòa án Tòa Giám quản Rôma đã thu thập được về Bộ Phong Thánh, cùng với các thư đính kèm. Sau đó, sáu thùng lớn đựng hồ sơ tài liệu được niêm phong và gắn si đỏ đóng triện, kèm theo các văn kiện giới thiệu và biên bản buổi lễ kết thúc. Sáu thùng hồ sơ này mang số Prot.n. 463/S chỉ được mở ra với phép của Bộ Phong Thánh.

BIÊN BẢN PHIÊN HỌP CUỐI CÙNG

Nhân danh Thiên Chúa. Amen.

Năm 2013, năm thứ nhất Triều Giáo Hoàng Phanxicô, ngày mùng năm tháng bảy, vào lúc 11 giờ 30, tại Phòng Họp thiết lập cho Tòa Án trong Dinh Tông tòa Latêranô;

Trước mặt Đức Hồng y đáng kính Agostino Vallini, Giám quản thay mặt Đức Thánh Cha phụ trách Giáo phận Rôma, cùng trước mặt các Đức Ông Slawomir Oder, Thẩm phán ủy quyền, và Francesco Maria Tasciotti, Thẩm phán bổ sung, cùng hiện diện của Đức Ông Giuseppe D’Alonzo, Chương tìn,

Tôi, Công chứng viên, đã trình bày những tài liệu bản gốc cũng như bản sao của vụ án điều tra tại Tòa án của Tòa Giám quản Rôma về cuộc đời, và đặc biệt về những nhân đức, cùng về những

phép lạ nói chung của Tôi tớ Chúa là **Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận, Hồng y của Hội Thánh Rôma**;

Sau khi đã có được toàn tập tài liệu của bản án, và sau khi vị Chủ tọa tuyên bố là không có gì phản đối, Đức Hồng y Giám quản tuyên bố là những tài liệu viết tay cũng như những tài liệu sao chép là nguyên vẹn và đích thực và ra lệnh trao phó những tài liệu này cho vị Cố vấn, ở đây được chỉ định là người đưa tài liệu, để trao những tài liệu này cho Bộ Phong Thánh;

Sau đó vị mang tài liệu tuyên thệ như sau:

“Tôi, Waldery Hilgeman, tuyên thệ và tuyên hứa trung thành chu toàn trách nhiệm phó thác cho tôi là trao cho Bộ Phong Thánh những tài liệu sao chép, với những tài liệu liên quan, của vụ án điều tra tại Tòa án của Tòa Giám quản Rôma về cuộc đời và đặc biệt về những nhân đức, cùng về những phép lạ nói chung, của Tôi tớ Chúa là Phanxicô Xaviê NGUYỄN VĂN THUẬN, cùng những lá thư kèm theo. Tôi tuyên hứa và tuyên thệ như vậy, xin Chúa trợ giúp tôi.”

(Cáo Thỉnh viên ký tên)

Đến đây, Đức Hồng y Giám quản và các vị Thẩm phán trao quyền cho tôi, Công chứng viên, thêm vào những tài liệu bản gốc cùng vào những tài liệu sao chép của vụ án, biên bản của Phiên họp này được chính các vị này và vị Chủ tọa ký tên;

Hơn nữa Đức Hồng y Giám quản và các vị Thẩm phán ra lệnh là những tài liệu gốc của Vụ án, sau khi đã được đóng lại trong những thùng đặc biệt và niêm phong, được chuyển đi và gìn giữ kỹ càng tại Văn khố của Tòa Giám quản Rôma, và không được mở ra nếu không có phép của Tòa Thánh.

Cũng thế, tôi, Công chứng viên, có trách nhiệm trao phó cho vị đưa tài liệu những tài liệu đã được sao chép, cùng với tất cả mọi tài liệu, đã được đóng lại và niêm phong, mà vị này phải mang đến cho Bộ Phong Thánh cùng với những thư đính kèm.

*(Chữ ký của Đức Hồng y Giám quản, của vị Chủ tọa và
của vị mang tài liệu)*

Rôma, từ Dinh Tông tòa Latêranô ngày 5 tháng 7 năm
2013

(ký tên: Công chứng viên thực hiện)

Tôi, Công chứng viên, đảm bảo và xác nhận những chữ ký
của Đức Hồng y Giám quản, của các vị Thẩm phán, của vị
Chủ tọa và của vị đưa tài liệu đã được thực hiện bởi những
người kể trên trước sự hiện diện của tôi, vào ngày 05 tháng 7 năm
2013.

Xin được như vậy.

(ký tên: Công chứng viên thực hiện)

Chúng tôi,

**Agnostino Hồng y Vallini của Hội Thánh Roma
tước hiệu nhà thờ Pier Damiani ai Monti di S.Paulo
Giám quản tại Roma,**

Chúng tôi công bố và xác nhận ông Giuseppe Gobbi là
Công chứng viên, phụ tá vụ án này, và có tất cả mọi quyền cần
thiết để chứng thực những tài liệu và biên bản đưa ra tại đây.

Làm tại Rôma ngày 05 tháng 7 năm 2013.

(ký tên: Hồng y Giám quản)

---o0o---

Sáu thùng Hồ sơ mang số Prot.n. 463/S đã được niêm phong để Cáo Thỉnh viên, Tiến sĩ Waldery Hilgeman, chuyển giao đến Bộ Phong Thánh.

Sau khi Đức Hồng y Giám quản ký xong, biên bản được đọc lên, rồi ngài ngỏ lời cảm ơn tất cả các chức sắc tòa án Tòa Giám quản Rôma và các cộng sự viên đã chu toàn công tác một cách nhanh chóng và hoàn hảo sau 30 tháng trời, kể từ khi bắt đầu, mặc dù cũng gặp nhiều khó khăn. Các chứng từ đã được chức sắc tòa án thu thập qua các cuộc phỏng vấn, hỏi cung, được thực hiện tại Pháp, Đức, Mỹ, Úc. Tiếp đến, là các chứng từ trên giấy tờ được thu thập từ Việt Nam. ĐHY Vallini xác tín rằng ĐHY Phanxicô Xaviê Thuận đã thi hành các nhân đức Kitô giáo đến mức độ anh hùng và gọi lại những giai đoạn nổi bật trong cuộc đời của vị Tội tử Chúa ĐHY Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận, những đặc tính trong đời sống thiêng liêng và mục vụ của ngài, đặc biệt là những năm bị tù đầy trong đó có 9 năm biệt giam; vai trò của Thánh Thể trong đời sống ĐHY Thuận; linh đạo Thánh Giá, gương tha thứ, tình thương hoá cải, chứng nhân hy vọng giữa những đau khổ như Đức Thánh Cha Biển Đức XVI đã đích thị nhắc đến Đức cố Hồng y trong Thông điệp "Spe salvi".

Sau cùng, ĐHY Vallini mời gọi tất cả mọi người hãy tiếp tục cầu nguyện để án phong của Đức cố Hồng y đạt đích và Giáo hội sớm được tôn kính ngài trên bàn thờ, ngài chính là Tin Mừng của Chúa được sống thực.

Đức cha Giuse Võ Đức Minh đã đại diện HDGM Việt Nam và Giáo phận Nha Trang của ngài cảm ơn Đức Thánh Cha Biển Đức XVI, cũng như Đức Thánh Cha Phanxicô đương kim, ĐHY Giám quản Rôma, và tất cả các chức sắc của tòa án, các cộng tác viên khác và các ân nhân, đã làm cho án phong của ĐHY Phanxicô Xaviê được khởi sự và tiến hành.

Sau cùng là lời cảm ơn của ĐHY Peter Turkson, và kết thúc bằng bài thánh ca "Ave Maria" do ca sĩ người Ý Maria Salvini thể hiện.

Ngoài ra, vào lúc 4 giờ chiều cùng ngày 05-7-2013, tại Thính phòng Đại học Giáo hoàng Antonianum có buổi giới thiệu cuốn sách của ĐHY Nguyễn Văn Thuận với tựa đề “Các thư mục vụ - theo vết Công đồng chung Vatican 2”, phần giới thiệu cây Thánh giá của TTC ĐHY F.X. và tuyên bố cấp học bổng về đạo lý xã hội của Hội Thánh, để kính nhớ Đức cố Hồng y...

Đức Ông Peter Nguyễn Quang đại diện gia đình Cự Chung sinh Giáo phận Huế đã có đôi lời phát biểu, kính tặng Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình một tấm ngân phiếu và 4 cuốn sách “Tôi tớ Chúa, Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận” (*bìa và gáy in chữ mạ vàng*) của Gia đình Cự Chung sinh Giáo phận Huế phát hành do CCS Huế Lê Thiện Sĩ biên soạn. ĐHY Peter Turkson đã vui vẻ tiếp nhận các món quà do các ông Nguyễn Cả và Lê Văn Hùng kính dâng.

Ngoài Đức Ông Phan Văn Hiền, Đức Ông Cao Minh Dung và linh mục Nguyễn Văn Dụ gốc Giáo phận Huế, đều xuất thân từ Tiểu Chung viện Hoan Thiện và đang phục vụ ở Rôma hiện diện trong buổi lễ này. Gia đình Cự Chung sinh Giáo phận Huế còn có linh mục Võ Quý và ông Lê Văn Hùng đến từ Nha Trang, linh mục Nguyễn Huệ từ Xuân Lộc, ông Vũ Quang Hà từ Sài Gòn, Đức Ông Nguyễn Quang, ông Nguyễn Cả và cháu Nguyễn Trí Nghị từ Mỹ, thêm một số linh mục gốc Huế đến từ các quốc gia châu Âu.

Sau cùng là buổi hòa tấu với sự hiện diện của ĐHY Peter Turkson, ĐHY Bernard Law, ĐHY Martini, ĐTGM Gregory Aymond TGP New Orleans ở Mỹ, Đức cha Võ Đức Minh Giáo phận Nha Trang đại diện HĐGM Việt Nam, một số vị Giám mục khác và khoảng 300 giáo dân.

Ca sĩ Quế Thanh ở Mỹ đã hát bài “Con Có Một Tổ Quốc”, lời của ĐHY PX Nguyễn Văn Thuận, do Lm Giacôbê Đỗ Bá Công phổ nhạc.

Trước khi bế mạc buổi hòa tấu, theo lời giới thiệu của vị Cáo thỉnh viên, Tiến sĩ Waldery Hilgeman, bà Elizabeth Nguyễn Thị Thu Hồng, em gái Đức Hồng y, đã bày tỏ tâm tình tri ân đến

các đẳng bậc trong Giáo hội, quý ân nhân, các cộng sự viên và tất cả những ai đã trực tiếp hay gián tiếp đóng góp về mọi mặt trong tiến trình phong Chân phước của Đức Hồng y Phanxicô Xaviê.

Ngày thứ Bảy 06-7-2013

Buổi tiếp kiến Đức Thánh Cha Phanxicô vào lúc 12 giờ. Hiện diện trong buổi tiếp kiến, có ĐHY Peter Turkson, Chủ tịch Hội đồng Tòa Thánh Công lý và Hòa bình, Đức TGM Têphanô Nguyễn Như Thể, Đức cha Giuse Võ Đức Minh, Giám mục Nha Trang, linh mục GB. Huỳnh Công Minh, Tổng Đại diện Giáo phận Sài Gòn, các chức sắc của Hội đồng Công lý và Hòa bình, cùng với các vị ân nhân, thân nhân, môn sinh của Đức Hồng y, và một số tín hữu Việt Nam từ các nước. Có khoảng 400 tham dự viên tham dự các sự kiện trong 2 ngày ở Rôma nhân dịp kết thúc giai đoạn giáo phận trong tiến trình điều tra án phong Chân phước cho ĐHY Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận.

Lên tiếng sau lời chào mừng của ĐHY Peter Turkson,

Đức Thánh Cha Phanxicô nói:

Anh em đáng kính,

Anh chị em thân mến,

Tôi hài lòng được gặp và nồng nhiệt chào mừng anh chị em. Tôi thân ái chào ĐHY Peter Turkson và cảm ơn ĐHY vì những lời chào mừng. Tôi chào tất cả anh chị em từ các nơi trên thế giới đến đây nhân dịp kết thúc giai đoạn giáo phận trong án phong của vị Tôi tớ Chúa ĐHY Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận.

Các bạn thân mến, niềm vui của các bạn cũng là của tôi! Chúng ta hãy cảm tạ Thiên Chúa!

Và tôi cũng cảm ơn tất cả những người dẫn thân trong việc phục vụ này để làm vinh danh Thiên Chúa và Nước Chúa: Vị Cáo thỉnh viên án phong là Tiến sĩ Waldery Hilgeman và các cộng sự viên, Tòa án Giáo phận và Văn phòng Đặc nhiệm của Tòa Giám

quản Roma, Ủy ban Sử học và chính Hội đồng Tòa Thánh Công lý và Hòa bình, nơi mà ký ức về ĐHY Văn Thuận, chứng nhân hy vọng, vẫn luôn sinh động và không phải chỉ là một ký ức, nhưng còn là một sự hiện diện tinh thần tiếp tục mang lại phúc lành của ngài.

Thực vậy, nhiều người có thể làm chứng là đã được khích lệ nhờ được gặp gỡ với Vị Tôi tớ Chúa Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận, qua những giai đoạn khác nhau trong cuộc sống của ngài. Kinh nghiệm ấy chứng tỏ tiếng tăm thánh thiện của ngài được phổ biến qua chứng tá của bao nhiêu người đã gặp ĐHY và vẫn còn giữ trong tâm hồn nụ cười hiền hòa và tâm hồn cao cả của ngài.

Nhiều người đã biết Đức Cố Hồng y qua các tác phẩm của ngài, đơn sơ và sâu xa, chứng tỏ tâm hồn tư tế của ngài được kết hiệp sâu xa với Đấng đã kêu gọi ngài trở thành thừa tác viên lòng từ bi và tình thương của Chúa.

Bao nhiêu người đã viết, kể lại những ơn lành và dấu lạ mà họ tin là nhờ lời chuyển cầu của Vị Tôi tớ Chúa, ĐHY Văn Thuận. Chúng ta cảm tạ Chúa vì Người Anh đáng kính này, người con của Đông Phương, đã kết thúc hành trình trần thế của ngài trong việc phục vụ Người Kế Vị Thánh Phêrô.

Chúng ta hãy phó thác cho sự chuyển cầu của Đức Trinh Nữ Maria sự tiếp tục án phong này, cũng như tất cả các án phong đang tiến hành. Xin Đức Mẹ giúp chúng ta ngày càng sống trong cuộc đời chúng ta vẻ đẹp và niềm vui được hiệp thông với Chúa Kitô.

Tôi thành tâm ban phép lành cho tất cả anh chị em và những người thân yêu của anh chị em”.

Lúc 4 giờ chiều ngày 6-7-2013 Cộng đoàn Công giáo Việt Nam tại Rôma tổ chức thánh lễ tạ ơn được cử hành bằng tiếng Việt tại nhà thờ Đức Mẹ Cầu Thang của dòng Camêlô Nhật Phép ở Rôma (Santa Maria della Scala), nơi có mộ của ĐHY Nguyễn

Văn Thuận.

Ca đoàn Liên tu sĩ Việt Nam tại Rôma hát lễ, do nữ tu ca trưởng Văn Đình Bằng Lăng thuộc Hội Dòng Mến Thánh Giá Giáo phận Huế điều khiển với các thánh ca: *Nhập lễ: *Chúng con về nơi đây dâng ngàn tiếng ca.* *Đáp ca: *Linh hồn tôi tung hô Chúa.* *Dâng lễ: *Tựa trầm hương thơm bay nghi ngút nơi thiên cung nhiệm mầu.* *Hiệp lễ: *Kinh Hòa Bình.* *Kết lễ: *Xin vâng.*

Thánh lễ do Đức cha Giuse Võ Đức Minh Giám mục Giáo phận Nha Trang chủ tế, cùng đồng tế có Đức Tổng Giám mục Têphanô, linh mục Tổng Đại diện Giáo phận Sài Gòn và khoảng hơn 20 linh mục hầu hết là người Việt Nam.

Tham dự thánh lễ có ĐHY Bernard Law, Đức HY Peter Turkson, và khoảng 200 người gồm có các thân nhân, thân hữu và môn sinh của Đức Hồng y Phanxicô Xaviê.

Trong lời mở đầu thánh lễ, Đức cha chủ tế nhắc lại: ngôi thánh đường cổ kính này là nơi trước kia Đức Chân phước Giáo hoàng Gioan Phaolô đệ II, khi công bố sắc phong Hồng y cho Đức cha Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận vào ngày 21 tháng 01 năm 2001, đã ân ban cho ngài hiệu tòa ở ngôi thánh đường này; và nay, tại đây có phần mộ và di hài của ngài. Trong màu nhiệm các thánh thông công, cộng đoàn phụng vụ hôm nay tin rằng đang có sự hiện diện thân thương của ngài ở giữa mọi người trong khi cử hành thánh lễ tạ ơn này. Xin mọi người hướng về Đức Maria, nhờ Mẹ dâng lên Thiên Chúa Ba Ngôi tâm tình tạ ơn; cách riêng ngày hôm nay, xin hiệp thông với lòng sùng kính đặc biệt của Đức Hồng y Phanxicô Xaviê đối với Đức Mẹ La Vang.

Trong bài giảng lễ, Đức cha Giuse Võ Đức Minh đã chia sẻ:

Kính thưa Cộng đoàn phụng vụ,

Bài Phúc âm chúng ta vừa nghe gợi lên câu chuyện năm xưa, tại một bữa tiệc cưới ở Cana, trước tình cảnh bối rối và khó khăn của biết bao người, Mẹ Maria đã tế nhị hướng ánh mắt đầy

tin tưởng nhìn Chúa Giêsu và nói thay cho mọi người: “Họ hết rượu rồi”; và với tấm lòng bao dung, quảng đại của người mẹ, thấm nhuần niềm tin tưởng phó thác và tràn đầy hy vọng, Mẹ cũng đưa mắt nhìn đến những người hiện diện, như vừa để an ủi, trấn an; đồng thời khơi dậy cho họ niềm hy vọng trước một hoàn cảnh khó xử: “Chúa bảo gì, cứ làm theo!”. Và kết quả là Chúa đã làm dấu lạ, bày tỏ vinh quang của Người khiến mọi người ngỡ ngàng; còn các môn đệ thì đã tin vào Người.

Như vậy, bằng đời sống của mình trong cuộc lễ hành đức tin, Mẹ Maria đã trở nên nhân chứng nhân tiền việc “Thiên Chúa làm cho mọi sự trở nên lợi ích cho những ai yêu mến Người, tức là những kẻ được Người kêu gọi theo như ý Người định”.

Trải qua dòng lịch sử trong Hội thánh, Mẹ Maria đồng hành với những ai tin tưởng vào Thiên Chúa và noi theo con đường đức tin của Mẹ, để cho thế gian nhận biết: “Những ai Thiên Chúa đã tiền định, thì Người cũng kêu gọi; những ai Người đã kêu gọi, thì Người làm cho nên công chính; những ai Người làm cho nên công chính, thì Người cũng cho hưởng phúc vinh quang”.

Kính thưa cộng đoàn phụng vụ,

Dựa trên Lời Chúa và gương sống trong cuộc lễ hành đức tin của Mẹ Maria, trong thánh lễ tạ ơn này, chúng ta muốn nhìn lại một vài nét trong cuộc đời của người Tôi tớ Chúa Phanxicô Xaviê yêu quý của chúng ta. Thật vậy, ngài ý thức mình được Thiên Chúa tuyển chọn từ một dòng tộc đã đón nhận đức tin công giáo từ rất lâu đời, trong đó có cả những bậc tổ tiên từ đạo vì đức tin, ngài đã học biết yêu mến Đức Mẹ La Vang ngay từ lúc còn tấm bé, đã ghi khắc trong tâm khảm lời nói của Đức Mẹ: “Chúa bảo gì, cứ làm theo”.

Vì thế, chính trong khoảng thời gian bị thử thách và gàn như tuyệt vọng trong cuộc đời, hình ảnh của Đức Mẹ Maria La Vang trở nên thật gần gũi, như người mẹ hiền an ủi; và Lời Chúa tỏa ánh sáng trong đêm tối của cuộc đời: đường thánh giá mở ra

đường hy vọng.

Nếu như năm xưa trên bước đường rao giảng về tình yêu Thiên Chúa, Đức Giêsu đã đón nhận năm chiếc bánh lúa mạch và hai con cá nhỏ của một em bé (x. Ga 6,9) để làm phép lạ nuôi sống cả ngàn người, thì nay mình có thể dâng cho Chúa những cái nho nhỏ của cuộc đời mình: “Chúa bảo gì, cứ làm theo”.

1. Làm theo Lời Chúa, ngài dâng cho Chúa chiếc bánh thứ nhất: **sống giây phút hiện tại**. Làm cho giây phút hiện tại chan hòa tình thương của Chúa. Gương của thánh Phaolô Tông đồ bừng sáng trong tâm hồn ngài. Thế là quyển Đường Hy vọng đã ra đời. Ngài dành cho mỗi người mình gặp tình yêu thương, lời nói dịu dàng và ngay cả nụ cười trong sáng.

2. Làm theo Lời Chúa, ngài dâng cho Chúa chiếc bánh thứ hai: **phân biệt giữa Chúa và công việc của Chúa**. Lời tâm sự của ngài khiến chúng ta không cầm được nước mắt: “Lạy Chúa, con mới 48 tuổi, tuổi trưởng thành và đang khoẻ mạnh, đã có kinh nghiệm sau 8 năm làm Giám mục Giáo phận Nha Trang, một Giáo phận mà con cảm thấy thật sự hạnh phúc. Vậy tại sao giờ đây Chúa lại cắt đứt mọi hoạt động mục vụ của con, Chúa lại đưa con đến một nơi cách xa Giáo phận của con những 1.700 Km?”. Trong đêm tối của đau khổ dày vò, một ánh sáng loé ra:

“Tại sao con quản trí, hoang mang như thế làm gì? Con phải biết phân biệt giữa Chúa và công việc của Chúa. Hãy chọn một mình Chúa thôi, chọn thánh ý Ngài, chứ đừng chọn việc của Chúa”.

3. Làm theo Lời Chúa, ngài dâng cho Chúa chiếc bánh thứ ba: **cầu nguyện**. Ngài cho biết có những lúc quá đau, quá mệt, không đọc được một kinh. Chính lúc đó, ngài thều thào: “Chúa Giêsu ơi, có con đây”; và ngài như nghe tiếng đáp trả: “Thuận ơi, có Chúa Giêsu đây”.

4. Làm theo Lời Chúa, ngài dâng cho Chúa chiếc bánh thứ tư: **phép Thánh thể**. Thật kỳ diệu khi ngài có sáng kiến cử hành

Bí tích Thánh thể mỗi ngày với ba giọt rượu và một giọt nước trong lòng bàn tay. Bàn tay trở nên chén thánh, trở nên bàn thờ. Không gian ngài đang sống, chính là nhà thờ chánh tòa của ngài. Mình Thánh Chúa Kitô là “thuốc” của ngài. Thật hạnh phúc khi được nghe tâm sự của ngài: “Mỗi lần như thế, tôi được dịp giang tay ra và chịu đóng đinh bản thân trên thánh giá với Chúa Giêsu, được uống chén đắng với Chúa. Mỗi ngày khi đọc lời truyền phép, tôi hết lòng củng cố một giao ước mới, giao ước đời đời giữa tôi và Chúa Giêsu, nhờ máu của Chúa hòa lẫn với máu của tôi”.

5. Làm theo Lời Chúa, ngài dâng cho Chúa chiếc bánh thứ năm: **yêu thương theo chúc thư của Chúa**. Trải qua muôn vàn thống khổ, ngài chợt nhận ra mình tích lũy trong bản thân một kho tàng vô cùng phong phú và quý giá. Đó là tình yêu thương. Ngài sống tình yêu thương như chúc thư của Chúa: Yêu mến mọi người như Chúa Giêsu đã yêu thương ngài, trong tha thứ, trong nhân từ, trong hiệp nhất như Chúa đã cầu nguyện: “Xin Cha cho họ nên một, như Cha ở trong con và con ở trong Cha” (Ga 17,21). Chính ngài đã nói về mình với sự đơn sơ thật đặc biệt: “Trong vực thẳm những đau khổ của tôi, ... tôi không bao giờ ngừng yêu mến tất cả mọi người, tôi không hề loại trừ một ai khỏi tâm hồn tôi”. Ngài noi gương cậu bé trong Phúc âm, dâng cho Chúa tất cả những gì mình có. Thật ra, năm chiếc bánh và hai con cá không đáng gì cả, nhưng là tất cả tài sản của đứa bé. Chúa đã nhận lấy và biến thành khí cụ của tình thương.

6. Làm theo Lời Chúa, ngài dâng cho Chúa con cá thứ nhất: **yêu mến Mẹ Maria La Vang**. Ngài bắt đầu cuộc khổ nạn vào ngày lễ Đức Mẹ hồn xác lên trời. Trong người chỉ có duy nhất tràng hạt Mân côi. Từ lúc còn nhỏ, thân mẫu ngài đã dạy phải luôn đem tràng hạt trong mình: Đức Mẹ La Vang sẽ giữ gìn cho mình được bình an. Chính truyền thống đạo đức trong gia đình, dòng tộc, đã truyền vào tim ngài lòng sùng kính đối với Đức Mẹ La Vang.

7. Làm theo Lời Chúa, ngài dâng cho Chúa con cá thứ hai:

chọn Chúa. Như các tông đồ năm xưa, ngài đã chọn Chúa, đi theo Chúa, gặp Chúa, sống bên Chúa; rồi tiếp tục ra đi đem Tin mừng của Chúa đến cho mọi người.

Kính thưa Cộng đoàn phụng vụ,

Để kết thúc những chia sẻ trong thánh lễ tạ ơn này, tôi muốn mời gọi mọi người hướng lòng về cùng Đức Mẹ La Vang để nhận ra những nét tuyệt vời trong cuộc lữ hành đức tin của Mẹ; những nét đó đã in đậm dấu ấn trên cuộc đời của Đức Hồng y Tô-tô Chúa Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận.

Đức Mẹ La Vang luôn thưa với Chúa: “Này con đây” (Ecce); rồi Mẹ đáp lại tiếng Chúa bằng lời: “Xin vâng” (Fiat); trong mọi hoàn cảnh, Mẹ xướng lên lời ca tôn vinh, cảm tạ hồng ân Chúa (Magnificat) và bởi vì Mẹ đã chọn Chúa, nên đỉnh cao trong cuộc đời đức tin của Mẹ là đứng vững bên thập giá của Chúa (Stabat Mater juxta crucem).

Cuộc đời của Đức Hồng y Tô-tô Chúa như họa lại những nét đẹp của Đức Mẹ La Vang, qua những tiếng: Ecce, Fiat, Magnificat để sau cùng Stabat juxta crucem.

Nguyện xin Đức Mẹ La Vang chúc lành cho tất cả chúng con. Amen.

Sau lễ, linh mục Nguyễn Tất Thắng, OP, chủ tịch Cộng đoàn Công giáo Việt Nam tại Rôma ngỏ lời cảm ơn các đáng bậc và mọi người đã tham dự thánh lễ tạ ơn.

Cuối buổi lễ và chia tay, Gia đình Cựu chủng sinh Giáo phận Huế đã hân hạnh được biểu quý chức sắc và bà con CD “Vui Mừng và Hy Vọng” gồm một số ca khúc do các thành viên sáng tác nội dung về linh đạo của Tô-tô Chúa Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận.

Nhiều tổ chức, ân nhân, đã tích cực đóng góp vào việc tài trợ cho công việc tốn kém này như:

* Ngân quỹ ĐHY Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận ở

Hoa Kỳ;

* Ngân quỹ Thánh Matthêu, tưởng niệm ĐHY Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận ở Vatican;

* Gia đình Cựu Chứng sinh Giáo phận Huế ở quốc nội và hải ngoại;

* Ngân quỹ Antica Zecca ở Lucca, Italia;

* Phong trào Canh tân trong Thánh Linh ở Tampa, Florida, Mỹ;

* Giáo đoàn Công Giáo Việt Nam ở Đức;

* Missions Etrangères de Paris;

* Acton Institute ở Mỹ; Knights of Columbus ở Mỹ;

* Cellitinnen Foundation of Germany ở Đức;

* Phong trào Focolare tại Ý.

Sau buổi lễ tại Tòa Giám Quản Rôma, toàn bộ hồ sơ thu thập được trong cuộc điều tra đã được niêm phong và gửi về Bộ Phong Thánh. Tại đây, Bộ sẽ cứu xét giá trị cuộc điều tra đã được thực hiện trước khi chỉ định vị Tường Trình viên (Relatore) để cùng với vị Cáo Thỉnh viên soạn tập Hồ sơ đúc kết (Positio) nói về tiểu sử, các nhân đức và tiếng tăm thánh thiện của vị Tôi tớ Chúa cùng những tranh luận tỉ mỉ về việc ngài đã thực hành các nhân đức của người Kitô hữu ở một mức độ anh hùng như thế nào.

Nội dung bản đúc kết được soạn thảo dựa trên những chứng từ và vật chứng đã thu thập được trong tiến trình điều tra cấp giáo phận.

Sau khi nhận được, Bộ Phong Thánh sẽ giao cho 9 vị chuyên gia cố vấn của Bộ cứu xét và cho ý kiến. Nếu họ có một biểu quyết thuận lợi cho công trình, hồ sơ lúc đó sẽ được gọi đến cho Hội đồng các Giám mục và Hồng y để các ngài đọc và đánh giá.

Nếu các ngài cũng đưa ra một biểu quyết thuận lợi, Đức Thánh Cha sẽ cho công bố sắc lệnh nhìn nhận các nhân đức anh hùng của vị Tôi tớ Chúa, và sau đó ngài được tôn xưng là Đáng Đáng Kính (Venerabilis).

Tiếp theo, nếu có một phép lạ được Tòa Thánh công nhận do Đáng Đáng Kính cầu bầu, thì ngài có thể được tôn phong Chân phước.

Trong một bài đăng trên báo Quan sát viên Roma, số ra ngày 23-9-2016, Đức TGM Marcello Bartolucci, Tổng Thư ký Bộ Phong Thánh, cho biết qui luật, điều hành hoạt động của Ủy ban giám định y khoa bộ phong thánh đã được Bộ Phong Thánh soạn thảo và được ĐHY Pietro Parolin, Quốc Vụ khanh Tòa Thánh, phê chuẩn theo sự ủy nhiệm của ĐTC ngày 24-8-2016.

Qui luật mới từ nay, đòi phải có đa số phiếu cao hơn khi các bác sĩ chuyên gia của Bộ Phong Thánh cứu xét một sự kiện giả thiết là phép lạ. Đa số đó là 5 trên 7 hoặc 4 trên 6. Một vụ không thể được tái cứu xét hơn 3 lần. Để tái cứu xét một vụ giả thiết là phép lạ thì đòi phải có một ban giám định y khoa với các thành viên mới. Nhiệm kỳ của vị Chủ tịch Ban giám định y khoa chỉ có thể tái bổ nhiệm một lần, tức là 5 năm, cộng thêm 5 năm.

Tất cả những người cứu xét sự kiện giả thiết là phép lạ, gồm những người chủ án, tòa án, các thỉnh nguyện viên, các chuyên viên và chức sắc của Bộ Phong Thánh, buộc phải giữ bí mật.

Đức TGM Bartolucci khẳng định rằng “Mục đích của qui luật này là vì thiện ích của các án phong thánh, và không bao giờ được tách rời khỏi sự thật lịch sử và khoa học của những phép lạ được kiểm chứng. Việc nghiên cứu các phép lạ này phải được thực hiện trong sự trong sáng, khách quan và thẩm quyền chắc chắn của các chuyên gia y khoa có trình độ chuyên môn cao, rồi sau đó, được Ban Cố vấn Thần học cứu xét, trước khi đệ lên khóa họp của các Hồng y và Giám mục, sau cùng là đệ lên ĐTC để ngài phê chuẩn. Ngài là người duy nhất có thẩm quyền nhìn nhận một biến cố ngoại thường là phép lạ đích thực” (Oss. Romano 23-9-2016).

Đức Hồng y Phanxicô Xaviê đã chuyển cầu cho nhiều người được Chúa ban ơn lạ, trong số đó có hai trường hợp sau đây:

1- Thầy Joseph Nguyễn Văn Huy được chữa lành

Denver, Colorado, ngày 12 tháng 11 năm 2010 lúc 06g30 sáng. Các bác sĩ ở bệnh viện tuyên bố thầy Joseph Nguyễn đã chết. Nhịp tim của thầy đã xuống rất thấp và mọi hoạt động của bộ não đã ngừng hẳn. Nhưng trong lúc các bác sĩ đang làm giấy chứng tử thì cha mẹ của thầy Joseph lại đang cầu khẩn với một người rất thân thiết với gia đình của họ: đó là một vị Hồng y Việt Nam đang được cứu xét cho việc phong chân phước.

Bây giờ thầy Joseph Nguyễn đã trở về lại với chúng việp. Thầy đã tận mắt nhìn thấy tờ giấy khai tử của thầy, mà nay được đóng dấu "BỎ". Thầy chỉ còn nhớ được có mỗi 2 sự kiện trong 32 ngày hôn mê mà thầy bảo rằng giống như đang ngủ một giấc thật ngon.

Trong những tuần lễ mà thầy bị du đưa giữa sự sống và sự chết vào năm 2009, thầy cho biết thầy đã được gặp Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận 2 lần. Vị Hồng y đáng kính qua đời năm 2002. Ngài được biết đến nhiều khi năm 2007, Đức Thánh Cha Bênêdictô XVI, trong thư luân lưu "Spe Salvi" (Hy Vọng Để Được Cứu Rỗi), đã nhắc đến 13 năm giam cầm như một tù nhân chính trị của ĐHY Thuận là một gương sáng của chứng tá đức tin. Đề nghị phong chân phước cho ngài cũng bắt đầu vào năm 2007. Đến tháng 10 năm 2010, Tòa Thánh Vatican bắt đầu mở cuộc điều tra cho tiến trình phong thánh của ngài.

Trước khi có người nghĩ rằng ngài sẽ được phong thánh, vị Hồng y tương lai này đơn thuần chỉ là một vị linh mục. Ngài thường cử hành thánh lễ tại gia của những giáo dân Việt Nam. Thầy Joseph chưa hề gặp ĐHY Thuận khi ngài còn sống, nhưng gia đình bên nội của thầy quen thân với "cha Thuận" và coi ngài gần như người thân trong nhà. Mỗi liên hệ đó trở nên thân thiết

hơn khi ngài được cử làm Phó Tổng Giám mục ở Sài Gòn và sau đó bị cộng sản giam cầm.

Năm 1975, cha mẹ thầy Joseph Nguyễn di tản qua Mỹ và thầy Joseph ra đời tại Mỹ. Thầy được biết về cuộc sống thánh thiện của ĐHY Thuận cũng như rất ngưỡng mộ thông điệp Vui Mừng và Hy Vọng. Nhưng vị tu sĩ trẻ tuổi không bao giờ tưởng tượng được rằng có ngày mình phải đối diện với các vị cáo thỉnh viên của tiến trình phong thánh để kể cho họ nghe về cuộc đời của mình và sự cận kề cái chết của chính mình.

Tháng 8 năm 2009, lúc ấy thầy Joseph đang học năm thứ 3 ở chủng viện. Thầy được giao công tác phục vụ ở bệnh viện, thăm viếng, an ủi và cho các bệnh nhân Công giáo được rước Mình Thánh Chúa. Đầu mùa thu năm ấy, thầy cảm thấy có triệu chứng như bị bệnh cúm. Khi bệnh có vẻ nặng hơn, thầy xin phép chủng viện cho về nhà nghỉ dưỡng. Thầy kể: "Tôi nhớ rõ ngày 1 tháng 10, không hiểu tại sao bỗng dưng tôi bị khó thở quá sức. Cha tôi lái xe đưa tôi đến bệnh viện nhưng sau đó tôi không còn nhớ gì nữa khi mà phòng cấp cứu phải phẫu thuật mở một lỗ hổng ở khí quản để cho tôi không bị ngạt thở."

Sau này, thầy mới nghe kể về cái hôm mà trong lúc các bác sĩ tuyên bố thầy đã chết thì cha mẹ thầy vẫn nuôi hy vọng và liên lý cầu nguyện xin ĐHY cứu giúp. Thầy cũng được nghe nói về việc làm của Đức Mẹ Mân Côi, vì trong lúc hôn mê có khi thầy vùng vẫy dữ dội giết đứt những ống truyền dịch trên người, nhưng khi được đặt tràng hạt mân côi vào tay, thầy bỗng yên tĩnh trở lại.

Thầy cũng được nghe kể rằng có một lần thứ hai thầy lại bị như lần trước, nghĩa là cơ thể đã gần như không còn hoạt động nữa. Nhưng lần này không bác sĩ nào khai tử thầy vì họ đã kinh nghiệm những gì đã xảy ra như lần trước.

Khi thầy Joseph tỉnh lại sau 32 ngày hôn mê, thầy chẳng còn nhớ gì cả. Một bác sĩ cho biết không những thầy bị cúm thường, mà còn bị cúm heo H1N1, và bị viêm phổi cấp tính. Bạn hữu và người thân trong gia đình sau đó kể lại nhiều chi tiết hơn

về thời gian một tháng hôn mê của thầy.

Khi đã tỉnh táo hẳn, thầy Joseph mới kể câu chuyện của thầy. "Trong thời gian bị hôn mê, tôi chỉ nhớ được 2 điều", thầy kể, "Hai điều mà tôi nhớ là hai lần được thấy ĐHY Thuận... ngài đã hiện ra với tôi 2 lần".

Thầy Joseph nói thầy không những chỉ thấy, mà còn được gặp và nói chuyện với ĐHY Thuận, trong 2 lần tỏ tường ấy mà thầy diễn tả như là "hồn lìa khỏi xác" vậy. Mặc dầu thầy không thể nói rõ những chi tiết về hai lần gặp gỡ này, nhưng thầy nói rằng có lẽ nó xảy ra lúc các bác sĩ đang chứng kiến cơ thể thầy sắp ngưng hoạt động.

Thầy kể tiếp: "sau khi được gặp ĐHY lần thứ hai, tôi hết hôn mê và tỉnh lại. Tôi chẳng biết chuyện gì đã xảy ra cho tôi, và không hiểu tại sao trên người đầy những dây nhợ, và nhất là cái ống gắn ở cổ để cho tôi có thể nói được".

Các bác sĩ đều chẩn đoán rằng phải mất một thời gian lâu, nhiều tháng hay nhiều năm, trước khi thầy có thể đi lại, nói chuyện và học hành trở lại. Nhưng chỉ cần một thời gian ngắn vài tuần sau đó thầy đã nói chuyện và thờ bình thường cũng như đi dạo nhanh nhẹn vòng quanh phòng thể dục.

Thầy cũng vui mừng và bất ngờ khi nhận được điện thoại của người em gái của ĐHY ở Canada, bà Elizabeth Nguyễn Thị Thu Hồng, gọi sang thăm hỏi và được bà tặng một tràng hạt của ĐHY.

Thầy Joseph trở lại chủng viện vào đầu nửa niên khóa, sớm hơn lời khuyên của các bác sĩ là thầy nên nghỉ ngơi và đợi 2 năm nữa mới được trở lại đời sống tu tập.

Khi có những người biết được thầy Joseph được lành bệnh nhờ ơn của Đức Hồng y, thầy được yêu cầu cung cấp tin tức cho các nhân viên của Tòa Thánh đang làm việc về tiến trình phong thánh. Ngoài những đóng góp đó, thầy nóng lòng muốn tiếp tục đời sống tu tập để trở thành linh mục. Và thầy lại được chỉ định

trở lại phục vụ ở bệnh viện.

Cho dù có vẻ dè dặt về khía cạnh phép lạ đã cứu sống mình, thầy Joseph rất hứng thú khi kể về công việc phục vụ của mình ở bệnh viện. Thầy nói rằng kinh nghiệm bình phục sau thời gian bị hôn mê giúp thầy mang lại cho người bệnh niềm hy vọng và sự bình an.

Những bệnh nhân đó không cần phải biết về sự gặp gỡ lạ lùng của thầy với một đấng có thể là một vị thánh, hay sự trở về kỳ diệu của thầy từ cõi chết. Nhưng quan trọng hơn là để họ được thấy vết sẹo ở cổ của thầy và biết rằng thầy cảm thông với họ. Thật là hạnh phúc khi tôi có thể bước vào phòng một bệnh nhân và nói..."Bạn đừng có nghĩ chỉ có bạn mới cô đơn như vậy, bởi vì tôi cũng đã từng nằm trên giường bệnh như bạn."

Thầy Joseph cho rằng những kinh nghiệm thầy có trong lúc bị hôn mê giúp cho tâm hồn thầy có thêm "niềm hy vọng" để mang đến cho những người đang lâm vào cảnh tuyệt vọng: "Đó chính là ĐHY Thuận trong đời sống của tôi".

Trích từ “Người Chứng sinh có thể được cứu sống nhờ sự cầu bầu của ĐHY Phanxicô Xaviê Nguyễn văn Thuận” đăng trên Catholic News Agency. Bài viết của Benjamin Mann. Chuyển ngữ: Bác sĩ Vĩnh Thừa.

2- Nữ tu Léontine Đỗ Thị Lan, Dòng Con Đức Mẹ Vô Nhiễm tại Gp Huế, được ơn chữa lành mắt, đã ghi lại:

Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn văn Thuận đã chữa lành mắt con.

Con thực sự ngập ngừng không dám viết về một việc có liên quan đến bản thân mình, nhưng nếu cứ mãi lặng thinh, giữ riêng cho mình và không chia sẻ, con lại cảm thấy có lỗi lớn với ơn lạ này: ***Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận đã chữa lành mắt cho con.***

Ngày 23-12-2008, sau khi dự đám tang thân phụ của một

chị em trong Dòng, con bước lên xe và bỗng nhiên mắt không thấy rõ nữa. Con đến khám Bác sĩ Lê Viết Mẫn ở Huế, bác sĩ bảo “sáng mai nhập viện mổ gấp, mắt phải bị viêm võng mạc, xuất huyết pha lê thể”. Thị lực 3/10. Sáng hôm sau, khi khám lại kỹ hơn, bác sĩ bảo: “Tốt nhất là đi chữa trị tại Sài Gòn”.

Chiều 24-12-2008, khi mọi người trong Nhà Dòng nô nức chuẩn bị Lễ Rước Chúa Hải Đồng đêm Noel, con lại phải lủi thủi một mình về sân bay Phú Bài làm thủ tục vào Sài Gòn, con cảm thấy buồn khi phải một mình lặng thinh kiệu Chúa Hải Đồng trên chuyến bay Huế – Sài Gòn. Đến Sài Gòn lúc 9g đêm, mắt con tối sầm lại, chỉ còn thấy lơ mờ.

Sáng hôm sau, ngày 25-12-2008, con đến Bệnh viện Mắt TP.HCM và được Bác sĩ Lâm Kim Phụng khám, thị lực 1/10, bảo rằng “con mắt này nếu mổ, không ai hứa sáng”.

Bs Phụng kiên nhẫn điều trị, tái khám và liên tục đổi thuốc mỗi tuần. Mắt vẫn không có dấu hiệu gì khá hơn, không đếm được các ngón tay mà bác sĩ giờ lên. Cuối cùng, bác sĩ cho giấy nhập viện để “Mổ cầu may, nếu muốn”.

Được một chị bạn giới thiệu, vào ngày 09-2-2009 con đến nhờ bác sĩ chuyên khoa mắt Phạm Thị Chi Lan khám thêm tại Phòng Khám nhà thờ Tân Định, bác sĩ này cũng khẳng định: “Không còn thuốc nào chữa được, nên nhập viện mổ thử xem, còn nước còn tát”. Bs Chi Lan cho siêu âm mắt rồi chuyển đến Khoa Đáy Mắt nhờ Bs Đoàn Hồng Dung giải phẫu, một cuộc mạo hiểm cầu may, hoặc được thấy, hoặc bị mù vĩnh viễn.

Con lo sợ phó thác và không ngừng tâm niệm với ĐHY Thuận: “Xin cho tâm hồn con được bình an. Nếu phải mù, xin cho con được kết hợp với Chúa trong nghịch cảnh; nếu được sáng mắt, con sẽ tìm đọc hết tác phẩm về ngài.”

Trước đó, trong suốt mấy tháng nhắm mắt, con đã nghe đi nghe lại các cuộc nói chuyện của ngài với giới trẻ đây đó, rồi đến các cuộc phỏng vấn và các buổi giảng tĩnh tâm tại Giáo triều.

Càng nghe, con càng khâm phục quý mến ngài biết bao: Một tâm hồn thật cao cả!

Cùng ngày 09-02-2009, tại khoa Đáy Mắt, một giờ chờ đợi phiên mổ thật hồi hộp rồi cũng đến. Lạ thay, khi Bs Đoàn Hồng Dung vừa đưa bàn tay lên, con bỗng nhiên thấy được và đếm đúng các ngón tay mà mới hôm qua, để trắc nghiệm trước khi quyết định mổ, con vẫn không thấy gì. Bs Dung rất ngạc nhiên, ngừng ca mổ và khuyên nên uống thuốc đợi thêm tháng nữa xem sao.

Con tiếp tục uống thuốc thêm 1 tháng. Phái thuốc nhẹ giống như phái thuốc đầu tiên Bs Lâm Kim Phụng cho, và lòng vẫn luôn cầu xin Chúa thực hiện Lòng Thương Xót nhờ lời cầu bầu của Đức Hồng y Phanxicô Xaviê.

Lần tái khám cuối cùng vào tháng 3-2009 là quyết định số phận của con. Con cuộn tròn tâm ảnh Đức Hồng y và nắm chặt trong tay để trấn an. Khi nhìn lên bảng thì - Chúa ơi! con đã đọc được 4 hàng chữ đầu tiên trên bảng - những con chữ mà hơn mấy tháng nay, con không thấy gì khác ngoài màu đen nâu. Thị lực 4/10.

Vào lần tái khám tiếp theo, thị lực lên 7/10.

Trong những năm tháng sau đó, mắt nhìn rõ, bình thường, và có phần khỏe hơn trước.

Thế là mắt con đã được chữa sáng mà không cần đến “giải pháp phẫu thuật cầu may” theo chẩn đoán trước đây của các bác sĩ – mọi người kể cả bác sĩ chuyên khoa, ai cũng lấy làm ngạc nhiên, không biết lý do. Nhưng con thì con biết rõ vì sao con được chữa lành.

Con xác tín rằng Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận đã ban cho con ơn lạ này: mắt con đã được chữa sáng.

Con thưa lên đây sự kiện này để tạ ơn Chúa - cảm tạ Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận vì nhờ lời cầu bầu

của ngài mà Chúa đã ban cho con được sáng mắt.

Tri ân Đức cố Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn văn Thuận.

Nữ tu M.Léontine Đỗ Thị Lan

Dòng Con Đức Mẹ Vô Nhiễm

32 Kim Long, Huế.

Việt Nam

Vào Năm Thánh Lòng Thương Xót 2016, trong bài suy niệm tĩnh tâm tại Đền thờ Đức Bà Cả, Đức Thánh Cha Phanxicô nhắc đến Đức Hồng y Thuận như một tấm gương cho các linh mục noi theo

Đức Thánh Cha Phanxicô đã thực hiện 3 bài suy niệm tĩnh tâm dành cho các linh mục quốc tế nhân Ngày Năm Thánh dành cho các linh mục và chủng sinh.

Bài suy niệm thứ hai vào lúc 12 giờ trưa ngày thứ Năm 02-6-2016 tại Đền thờ Đức Bà Cả với chủ đề "Người đón nhận lòng thương xót", Đức Thánh Cha nhấn mạnh đến tấm gương của các thánh như Phaolô, Phêrô, Gioan, Augustinô, Phanxicô, Inhaxiô, Chân phước José Gabriel del Rosario Brochero, và Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận, mỗi vị một cách khác nhau, đã cảm nghiệm, đón nhận và đáp trả lại lòng thương xót của Chúa như thế nào.

Về phần Đức Hồng y Phanxicô Xaviê, Đức Thánh Cha Phanxicô nói rằng: *Đức Hồng y Nguyễn Văn Thuận đã nói rằng, ở trong nhà tù, Thiên Chúa đã dạy cho ngài cách phân biệt giữa “những việc của Chúa”, những việc mà ngài đã tận tụy chu toàn với tư cách là linh mục và Giám mục trong khi còn được tự do, “và chính Thiên Chúa”, Đáng mà ngài đã tận hiến, trong suốt thời gian tù đầy của ngài” (cf. Nguyễn Văn Thuận, Năm Chiếc Bánh và Hai Con Cá, San Paolo 1997)*

MƯỜI LĂM NĂM SAU NGÀY ĐỨC HỒNG Y QUA ĐỒI: ĐƯỢC GIÁO HỘI TÔN XUNG LÀ “ĐÁNG ĐÁNG KÍNH”

Ngày 4 tháng 5 năm 2017 Đức Thánh Cha Phanxicô đã cho công bố sắc lệnh nhìn nhận các nhân đức anh hùng của vị Tôi tớ Chúa, ĐHY PX Nguyễn Văn Thuận, và từ nay ngài được tôn xưng là Đáng Đáng Kính (Venerabilis).

VATICAN. Hôm 04-5-2017, Bộ Phong Thánh đã công bố sắc lệnh nhìn nhận Vị Tôi tớ Chúa ĐHY Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận đã thực hiện các nhân đức “đến mức độ anh hùng”.

Việc công bố này đã được Đức Thánh Cha cho phép trong buổi tiếp kiến trước đó vào ban sáng ngày 04-5-2017 dành cho Đức Hồng y Angelo Amato, SDB, Tổng trưởng Bộ Phong Thánh.

Bộ Phong Thánh đã đi tới sắc lệnh trên đây sau khi 9 cố vấn của Bộ đã cứu xét tập Hồ sơ đức kết (Positio) về cuộc sống và các nhân đức của Vị Tôi tớ Chúa Đức Hồng y Nguyễn Văn Thuận, và đa số các vị đã bỏ phiếu thuận. Tiếp đến là cuộc họp của Hội đồng các Hồng y và Giám mục thành viên của Bộ Phong Thánh. Các vị đã đồng thanh bỏ phiếu chấp thuận.

Với sắc lệnh này, từ nay Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận được gọi là Đáng Đáng Kính (Venerabilis).

Giai đoạn kế tiếp là Bộ Phong Thánh sẽ chính thức cứu xét phép lạ nhờ lời chuyển cầu của ĐHY Nguyễn Văn Thuận. Hội đồng giám định y khoa của Bộ sẽ cứu xét cuộc khởi bệnh. Nếu họ xác nhận việc khởi bệnh này khoa học hiện nay không giải thích được, thì sẽ chuyển lên Ủy ban Thần học của Bộ cứu xét. Nếu qua lọt cửa ải này, thì sẽ đến lượt Hội đồng các Hồng y và Giám mục của Bộ cứu xét và bỏ phiếu. Nếu được chấp thuận thì sẽ đệ lên Đức Thánh Cha để ngài phê chuẩn và cho công bố sắc lệnh nhìn nhận phép lạ nhờ lời chuyển cầu của Đáng Đáng Kính. Sau đó là việc ấn định ngày phong Chân phước.

Vào ngày 15-9-2017, tại nhà thờ Santa Maria della Scala, Đức Hồng Y Peter Turkson Bộ trưởng Thánh bộ Cổ võ Sự Phát triển Toàn diện Con người (Dicastero per il Servizio dello Sviluppo Umano Integrale) sẽ chủ sự thánh lễ Tạ ơn và công bố Sắc lệnh nâng Tội tở Chúa Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận lên bậc Đáng Kính.



Đức Ông Phạm Mạnh Cường và tập Positio (Hồ sơ đức kết) trình bày Vị Tội tở Chúa Đức HY PX Nguyễn Văn Thuận đã thực hiện các nhân đức “đến mức độ anh hùng”. Nguồn hình: Đức Ông Phạm Mạnh Cường, Roma.

Phụ trang

HÌNH ẢNH

LỄ KẾT THÚC HỒ SƠ

ÁN PHONG CHÂN PHƯỚC

ĐỨC HỒNG Y

PX NGUYỄN VĂN THUẬN



*Cựu Chủ tịch Huế chụp hình lưu niệm với Đức Tổng Giám mục
Têphanô Nguyễn Như Thể trước thánh lễ Khai mạc.*



*Cựu Chủ tịch Huế chụp hình lưu niệm với Cáo Thủ viên, Tiến sĩ
Waldery Hilgeman tại trước Đại Thánh đường Phaolô VI.*



Thánh lễ Khai mạc tại Vương cung Thánh đường Thánh Antôn Padôva.



Bà Nguyễn Thị Thu Hồng (giữa), phu quân, và bà Nguyễn Thị Thủy Tiên.



Anh chị Nguyễn Văn Thành PX55 và anh Nguyễn Cả CCS Huế PX61



Ca đoàn Liên Tu sĩ Việt Nam tại Roma hát lễ



Cụ Hoàng Minh Châu (Huế, VN), người bạn từ thời niên thiếu của Đức cố HY PX, trong đoàn dâng lễ vật



Cáo Thỉnh viên Tiến sĩ Waldery Hilgeman long trọng tuyên thệ



Đức TGM Tôphanô Nguyễn Như Thể và Đức GM Giuse Võ Đức Minh tham dự Phiên họp Kết thúc Hồ sơ Ân phong Chân phước



ĐHY Agostino Vallini, Giám quản Giáo phận Rôma, đọc diễn văn



Các vali đựng hồ sơ đã được niêm phong, đóng triện



Đức HY Peter Turkson và 3 vị diễn giả giới thiệu sách Đức HY PX



Tham dự Hòa nhạc và giới thiệu sách Đức HY PX Nguyễn Văn Thuận



Đức Ông Nguyễn Quang đại diện Gia đình CCS Huế phát biểu



Bà Nguyễn Thị Thu Hồng em gái của Đức Hồng y nói lời cảm ơn



Triều yết Đức Thánh Cha Phanxicô trưa ngày 06-7-2013



Đức HY Peter Turkson, Đức Ông Nguyễn Quang và anh Nguyễn Cả sau buổi triều yết Đức Thánh Cha



Nữ tu M. Léontine Đỗ Thị Lan, người được ơn lạ của Đức cố HY PX, bên chiếc ghế của Đức Thánh Cha Phanxicô sau buổi triều yết



Thánh lễ tạ ơn do ĐGM Giuse Võ Đức Minh chủ tế và giảng lễ tại thánh đường Santa Maria della Scala



Lm. Nguyễn Tấn Thắng, Chủ tịch Công đoàn Công giáo Việt Nam tại Rôma, nói lời cảm ơn



CD “Vui Mừng & Hy Vọng” do Gia đình CCS Huế thực hiện được biếu tặng khách hành hương tham dự Lễ Kết thúc Hồ sơ, tại thánh đường Santa Maria della Scala

Phần IV:

TÁC PHẨM

Tuy bận rộn nhiều việc, nhưng ngài đã viết và cho xuất bản một số tác phẩm bằng Việt ngữ và được dịch ra nhiều thứ tiếng khác nhau trên thế giới.



Các tác phẩm của Đức Hồng y Phanxicô Xaviê rất nhiều và đa dạng. Mục đích của các tác phẩm đó, theo lời ngài, nhằm gởi tới mọi người một sứ điệp. Đó là: “xây dựng con người Việt Nam, cộng đồng Việt Nam tươi đẹp hơn”.

Ngài viết trong *Lời Mở Đầu* khi cho ra đời tác phẩm *Niềm Vui Sống Đạo* vào Lễ Giáng Sinh năm 1998 tại Rôma như sau:

“Sứ điệp ấy đã bắt đầu từ ngày 24-6-1967, ngày tôi lãnh nhận trách vụ mục tử, và được nối dài cho đến ngày nay. Là một người kế vị các tông đồ, trước viễn ảnh của những biến chuyển khó khăn, phức tạp, khó lường được sắp xảy đến, ảnh hưởng đến dân Chúa, tôi muốn đồng hành và hướng dẫn có khi báo động.

- Cuốn *“Hôm qua, Hôm nay, Ngày mai”* đã chuẩn bị cho giáo dân từ 1967-1975 biết sống đạo trong *“thời hậu chiến”*;

hoặc dưới chế độ cộng sản: “Vững mạnh trong đức tin, tiến lên trong an bình”; dưới chế độ tư bản tiêu thụ: “Công lý và hòa bình”.

Sau ngày 30-4-1975, thao thức vì phải xa cách giáo dân ở quốc nội, cũng như những người phải ra đi, chân ướt chân ráo bước lên đất người xa lạ, từ ngục tù, tôi đã kiếm cách viết và chuyển ra những sứ điệp có chiều kích khác nhau, từ tim óc của một mục tử, trong tâm tôi, xót xa theo dõi và thương cảm con cái:

Chiều nội tâm: “Đường Hy Vọng” (10 thứ tiếng).

Chiều sâu: “Đường Hy Vọng dưới ánh sáng Lời Chúa và Công đồng Vaticanô II” (2 thứ tiếng).

Chiều rộng: “Những người lữ hành trên đường hy vọng” (2 thứ tiếng).

Chiều dài: “Cầu nguyện hy vọng I” đã soạn thảo trong tù gần 365 bài, mới in được 90 bài, còn thiếu 3 cuốn nữa (4 thứ tiếng).

Kinh nghiệm sống đạo 13 năm: “Năm chiếc bánh và hai con cá” viết theo yêu cầu của các “Phong trào mới” (Mouvements nouveaux) dịp Ngày Quốc tế Giới trẻ tại Paris, tháng 8-1997 (7 thứ tiếng).

Nay đến cuốn “Niềm vui sống đạo”, chính các bạn trẻ góp nhặt lại những bài nói chuyện của tôi. Mặc dù nó như một bản toát yếu đơn sơ khiêm tốn, nhưng nó có một ý nghĩa quan trọng. Tại sao?

Tại vì có nhiều bạn hỏi tôi, sứ điệp của Đức cha còn tiếp tục không? Dĩ nhiên là còn, vì bao lâu còn sống, tôi còn đồng hành với dân Chúa. Nhưng ở trần gian này, mọi sự đều có cùng, đó là luật thiên nhiên. Chính các bạn sẽ viết tiếp sứ điệp, lúc ấy nó sẽ phong phú hơn biết chừng nào. Mẹ Tê-rê-xa Calcutta nói: “Tôi chỉ là cây bút chì trong tay Chúa, để Chúa viết những gì Chúa muốn”. “Nhìn tương lai, tôi tin tưởng, vui mừng và hy vọng vì

Chúa sẽ có nhiều bút chì mới. ”

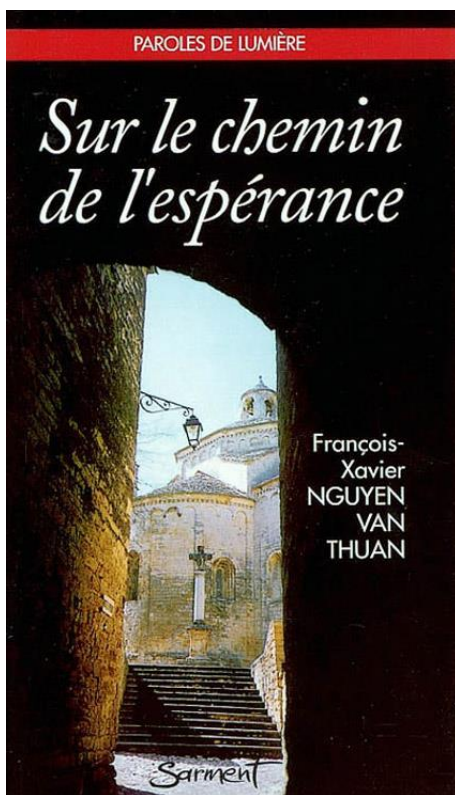
Ở đây, chúng tôi chỉ xin giới thiệu tổng quát 7 tác phẩm quan trọng của Đức Hồng y đã được phổ biến rất rộng rãi tại Việt Nam và hải ngoại: 1- Đường Hy Vọng. 2- Đường Hy Vọng dưới ánh sáng Lời Chúa và Công Đồng Vaticanô II. 3- Những người lữ hành trên đường Hy Vọng. 4- Cầu nguyện. 5- Năm chiếc bánh và hai con cá. 6- Niềm vui sống đạo. 7- Chứng nhân Hy Vọng.

1- ĐƯỜNG HY VỌNG

Sách được soạn năm 1975 trong hoàn cảnh được Đức Hồng y kể ra sau đây:

Một đêm, trong thời gian bị quản thúc tại làng Cây Vông, Nha Trang, một tia sáng đến với tôi: “Con hãy bắt chước thánh Phaolô. Khi ngài ở tù, không hoạt động tông đồ được, ngài đã viết thư cho các giáo đoàn. Đơn giản vậy mà con đi tìm đâu cho xa?” Sáng hôm sau, vừa mới tỉnh sương, giữa tháng 10 năm 1975, tôi làm hiệu cho một cậu bé 7 tuổi, tên Quang, vừa đi lễ 5 giờ ra, trời còn mù và lạnh: “Quang! con về nói má con mua cho ông mấy “bloc” lịch cũ, ông cần dùng”. Chiều tối, chú bé mang lại mấy “bloc” lịch cũ.

Thế là mỗi đêm trong tháng 10 và tháng 11-1975, tôi đã đóng hết cửa, lấy giấy xi măng dán bên trong và viết “Sứ điệp từ ngục tù” cho giáo dân của tôi, dưới ánh đèn dầu leo lét, mặc cho muỗi tha



hồ đốt. Mỗi sáng thức sớm tôi trao cho bé Quang, mấy tờ lịch tôi đã viết sau lưng, mang về cho anh, chị của Quang chép lại kéo mất. Đây là đầu đuôi sách “Đường Hy Vọng”, sứ điệp lao tù thành hình là như thế. Tôi đã viết đêm ngày trong một tháng rưỡi. Lúc viết đến số 1001 tôi quyết dừng lại, xem đây như công trình “nghìn lẻ một đêm”. Ngày 08-12-1975, lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Tội, tôi đã tạ ơn Đức Mẹ cho tôi viết xong “Đường Hy Vọng”.

Đường Hy Vọng gồm những câu tâm tình ngắn gọn của người cha gởi đến với con cái mình, đề cập đến đủ mọi mặt một cuộc đời giáo dân, là những lời nói đơn giản chia sẻ kinh nghiệm sống Lời Chúa trong cuộc sống mỗi ngày, là của ăn tinh thần, là đường lối thiêng liêng hữu ích cho tất cả mọi người, trong mọi lứa tuổi, ở mọi thành phần xã hội hôm nay.

Trong *Lời Nói Đầu* của tập sách này, ngài viết:

“Cha đã đi một quãng đường, hân hoan có, gian khổ có, nhưng luôn luôn tràn trề hy vọng, vì có Chúa và Mẹ Maria bên cha.

Nếu Chúa cho chọn lại, cha không chọn đường nào khác. Cha đã hạnh phúc và vui tươi, vì cha đã hy vọng vào Chúa, và cha chỉ biết yêu thương.

Hôm nay Chúa cho cha, những giây phút thân mật bên Chúa, cha khởi sự ghi lại cho con, như cha mong ước từ lâu những tâm tình khiêm tốn, kinh nghiệm sống của cha.

Đây là tâm sự của một người cha, cha không nói gì mới mẻ với con.

Cha chỉ nhắc lại những lời nhắn nhủ, thấm thiết và chí tình, đã biết bao lần nhẹ nhàng, đổ vào tai con, vào tim con, giữa những náo động của trần thế, con hãy bình tĩnh, suy nghĩ đôi lời thâm tình của cha.

Mong những tư tưởng đơn thành này tỏa ánh sáng và an hòa, biến con nên hồn tông đồ, hồn cầu nguyện, hồn yêu mến.

Ân sủng và bình an Chúa ở với con trên đường hy vọng.

Sách Đường Hy Vọng gồm có 1.001 câu. Mỗi câu là một kim chỉ nam, là một bí quyết sông Lờ Chúa rất cô đọng, gọn gàng nhưng súc tích và đầy đủ, hết sức hữu dụng cho những tâm hồn hướng thượng chiêm niệm, suy gẫm và cầu nguyện hằng ngày.

Tác phẩm này gồm có 38 chương sau đây:

1- Ra đi. *Ra đi là bỏ mình, bứt ra khỏi mọi tật xấu, vác thánh giá của mình mỗi ngày và bền chí đi theo Chúa. Đi theo Chúa, con trung thành với lý tưởng của mình, chấp nhận bị thua thiệt và mất mát tiền của, danh vọng chức tước, kể cả mạng sống của mình.*

2- Bỏn phận. *Bỏn phận là thánh ý của Chúa gửi đến cho con trong giây phút hiện tại mà con phải đón nhận và hoàn thành cho thật tốt đẹp. Hoàn thành bỏn phận của mình là điều kiện tiên quyết để được hưởng phần rỗi đời đời.*

3- Bền chí. *Con luôn hy vọng vào Chúa. Nếu có vấp ngã, khó khăn, hiểu lầm, công kích, sỉ nhục, tử hình, con cũng đừng lo sợ, nhất định đừng bỏ cuộc, bởi vì bền đỗ là đặc tính của các thánh, vì “ai bền đỗ đến cùng sẽ được cứu rỗi”.*

4- Tiếng gọi: động viên toàn lực theo tiếng Chúa. *Chúa gọi con, con bỏ mọi sự dứt khoát đi theo tiếng gọi của Người. Đừng lầy lăm lã, lúc theo Chúa, con nghe tiếng gọi của khoái lạc, của danh vọng, của cả bản thân, cha mẹ, quyến rũ con bỏ đường Chúa. Con cứ tiến lên.*

5- Sống nội tâm. *Sống nội tâm là đời sống chiêm niệm được cụ thể hóa trong hành động. Phải tranh đấu thường xuyên với các trệ trệ tâm linh. Khí giới là lắng nghe và thực hành Lời Chúa dạy, sự nguyện ngắm, các hy sinh hãm mình, các nhiệm tích, chuỗi Mân côi, các cuộc tĩnh tâm...*

6- Siêu nhiên. *Sống siêu nhiên là nhìn mọi sự với con mắt của Thiên Chúa, suy nghĩ mọi sự theo tư tưởng của Thiên Chúa,*

làm mọi sự theo ý hướng và cách thức của Thiên Chúa, nói mọi theo ngôn ngữ của Lời Chúa. Tóm lại, sống siêu nhiên đúng nghĩa là sống Thánh Ý chúa trăm phần trăm.

7- Cầu nguyện. Cầu nguyện là nền tảng của đời sống thiêng liêng. Cầu nguyện là nối liền, là kết hợp với Thiên Chúa. Hoạt động tông đồ mà không cầu nguyện thì vô ích trước mặt Chúa. Con phải nhớ luôn: Thứ nhất cầu nguyện, thứ hai hy sinh, thứ ba mới đến hoạt động.

8- Hy sinh. Hy sinh là dấu chứng của tình yêu. Hy sinh và nguyện gắn đi đôi. Hy sinh là quên mình, chấp nhận tha nhân: tươi cười với người ghét bỏ mình, thình lặn khi bị vu cáo, yêu thương và cầu nguyện cho người phản bội mình...

9- Quả tim. Hãy yêu thương với một tình yêu ngày càng mãnh liệt, mới mẻ, trong trắng hơn: tình yêu Chúa đổ vào quả tim con. Con ngần ngại gì? Hãy cắt đứt xích xiềng ràng buộc con, dù là xiềng vàng, nhờ ơn Chúa và ý chí con tiến lên.

10- Chí khí. Chúa ban cho con một đời sống, Chúa cũng ban tự do để con sống một đời thánh thiện, cao đẹp và hữu ích. Ý chí cương quyết, gặp việc phải làm cứ làm, không do dự, không e ngại, với bạo dạn, hy vọng và can đảm.

11- Chúa hiện diện. Chúa ở đâu?" - "Chúa ở trong con", sung sướng, gần gũi, xác đáng biết bao. Chúa là Cha, ở bên con, với tất cả quyền năng và tình yêu. Cha năn nỉ, Cha khuyên bảo, mời gọi, trách móc, tha thứ và luôn luôn yêu thương.

12- Hội Thánh. Yêu mến Hội Thánh, vâng lời Hội Thánh, trung thành với Hội Thánh, cầu nguyện cho Hội Thánh. Sống đạo là hiệp nhất với toàn thể dân Chúa trên khắp thế giới, hiệp nhất với đầu là Đức Kitô, và đại diện của Ngài là Đức Thánh Cha, để tiếp tục sự chết và sự Phục Sinh giải phóng nhân loại.

13- Đức tin. Tin là chấp nhận Chúa Giêsu vô điều kiện và quyết tâm sống chết với Ngài. Hãy có một đức tin sắt đá, con sẽ làm được tất cả. Con đừng bao giờ mất nguyện với một đức tin lý

thuyết và hình thức, nhưng phải sống một đức tin chân thực, thiết ái và trung thành.

14- Tông đồ. Giáo dân thời sơ khai diễn tả cách nômina: Tông đồ là người có Chúa Kitô trong lòng, Chúa Kitô trên mặt, Chúa Kitô trong miệng, Chúa Kitô trên tay, Chúa Kitô trong óc, Chúa Kitô trên vai... Tóm tắt, là một người đầy tràn Chúa Kitô và cho kẻ khác Chúa Kitô.

15- Thánh lễ. Thánh lễ làm nên Kitô hữu, Kitô hữu làm nên thánh lễ. Thánh lễ làm nên Hội Thánh, Hội Thánh làm nên Thánh Thể. Con muốn hỏi: “Cách gì đẹp lòng Chúa hơn cả?” Hãy tham dự thánh lễ, vì không kinh, không tỏ chức, nghi thức nào bằng lời nguyện và hy lễ Chúa Giêsu trên thánh giá.

16- Vâng phục. “Vâng lời trọng hơn của lễ” vì khi vâng lời, con lấy chính mình con làm của lễ, giết chết ý riêng con, tự ái của con làm của lễ toàn thiêu. Không vâng lời, dù có thực hiện những công trình vĩ đại cũng không đẹp lòng Chúa.

17- Thanh bần. Có như không có, bán như không bán, mua như không mua, như không có gì cả, mà làm chủ tất cả, không đòi hỏi gì cả, sẵn sàng cho tất cả. Đó là tinh thần thanh bần. Đừng rộng rãi với của người ta, đừng keo kiệt với của riêng con, đừng phung phí với của công cộng.

18- Trong trắng. Chúa chỉ ban sự trong trắng cho linh hồn khiêm nhượng. Con hãy cầu xin hàng ngày với tâm hồn đơn sơ chân thành, thực sự nhìn nhận sự yếu đuối của con. Người kiêu ngạo trước sau cũng sa ngã nặng. Họ cậy vào sức riêng mình, không dựa vào Chúa.

19- Gia đình. Đức Gioan XXIII biên thư cho cha mẹ ngày ngài được ngũ tuần: “Thưa cha mẹ, hôm nay con được 50 tuổi, Chúa thương ban cho con nhiều chức trong Hội Thánh, đi nhiều nơi, học nhiều sách, nhưng không trường nào dạy dỗ con, làm ích cho con hơn hời con được ngồi trên chân cha mẹ”.

20- Khiêm nhượng. Con chỉ hiểu được đức khiêm nhượng

khi suy nghiệm cả cuộc đời Chúa Giêsu, con Thiên Chúa hạ mình chịu mọi sự ngó ngàng, dốt nát, hiểu làm sâu độ, suốt 33 năm vì yêu chúng ta. Người sống trước mặt Chúa không thể kiêu ngạo được. - Ngạo về điều gì? - Tất cả đều là của Chúa!

21- Cẩn mật. Cẩn mật đâu phải là mầu nhiệm, chỉ là sự tế nhị tự nhiên. Con đâu muốn ai đem cuộc đời cá nhân của con ra phơi bày bàn tán công khai. Mỗi khi bị kích thích muốn khoe tài, mỗi khi bị khiêu khích muốn đấu khẩu, mỗi khi bực tức muốn cho nổ tung, con hãy thỉnh lặng, thỉnh lặng.

22- Vui tươi. Vui với người thương con. Vui với người ghét con. Vui lúc lòng con đau khổ tê tái. Vui lúc mọi người theo con. Vui lúc con cô đơn bị bỏ rơi. Vui tươi và làm cho mọi người đến với con cũng cảm thấy bầu khí vui tươi... Đó là thánh thiện hơn mọi sự ăn chay hãm mình.

23- Khôn ngoan. Sự khôn ngoan của Chúa Thánh Thần ban, sẽ soi sáng các dự định của con, sẽ hướng dẫn các chương trình của con, sẽ biến đổi các hành động của con thành giá trị vĩnh cửu, sẽ làm con người con bất tử, trường sinh. Muốn được khôn ngoan con hãy tha thiết cầu xin và con phó thác cả cuộc đời con sống tuyệt đối theo ý Chúa.

24- Học. Con hỏi “Học đến bao giờ?” - Học luôn mãi. Thế giới biến chuyển luôn, công việc của Hội Thánh mới mẻ luôn, khí cụ của Hội Thánh phải tối tân mãi. Chúa không ban sự khôn ngoan của Salomon và ơn thông hiểu thiên phú của Đức Mẹ Maria cho người làm biếng.

25- Phát triển. Phát triển không phải chỉ là cho ăn, cho mặc, cũng không phải chỉ phát cây phát cuốc, đào giếng, đào nương. Phát triển là thăng tiến con người toàn diện, là làm cho họ sống “xứng người hơn”, là mọi người yêu thương nhau, giúp đỡ nhau, san sẻ với nhau trong tình huynh đệ phổ cập.

26- Dấn thân. Mức độ dấn thân: “Thí mạng” như Chúa Giêsu. Con hãy hiểu nghĩa dấn thân sâu hơn: “Theo gương Chúa,

yêu thương đến mức độ quên mình hoàn toàn vì người khác, hiến mình hoàn toàn, hiến mình nhưng không, để hiệp nhất với kẻ khác, hầu họ được phong phú và công việc Chúa nơi họ được thành công.

27- Canh tân. Canh tân là trở về nguồn. Làm cho người công giáo trở lại đạo công giáo. Làm cho người Kitô hữu trở lại với Chúa Kitô. Con hãy về tận nguồn là Thiên Chúa, để canh tân. Tình yêu thần linh biến đổi cả con người. Một khi con người được biến đổi, xã hội sẽ biến đổi, luật lệ sẽ biến đổi, liên lạc giữa người với người sẽ biến đổi: Canh tân toàn diện.

28- Cuộc sống mới. Người đời cho là “chết”, con phải kể là “sống”. Người đời gọi là “hơi thở cuối cùng”, con phải gọi là “cuộc đời mới”. Người đời gọi là “chấm dứt”, nhưng đối với con là “khởi sự”. Hạt lúa gieo xuống đất không chết, trong nó sẽ phát xuất sự sống phong phú mới mẻ hơn.

29- Gian khổ. Đường con đi, có hoa thơm, cảnh đẹp, có chông gai, có hùm beo, có bạn hiền, có trộm cướp, lúc mưa sa, lúc nắng cháy, chuyện không thể tránh được. Giữa những thử thách, con hãy nghĩ gian khổ sánh sao được với nước Thiên Đàng. Đó là phương pháp của Chúa: “Phước cho ai khó nghèo, ai khóc lóc, ai chịu bắt bớ... vì Nước Thiên Đàng là của mình vậy.”

30- Đưa con hạnh phúc. Người mô cô được sung túc phú quý là người hạnh phúc, nhưng không phải là người con hạnh phúc. Nghèo khó mấy mà có cha yêu, mẹ mến là người con hạnh phúc. Con có ý thức con là đưa con vô cùng hạnh phúc vì làm con Chúa Cha, con Mẹ Maria không?

31- Bác ái. Bác ái, đồng phục của người Kitô hữu. Hãy yêu thương nhau không bằng lời nói mà bằng việc làm. Hãy yêu thương nhau bằng tay mắt mà tay trái không biết. “Hãy yêu thương nhau như Thầy yêu thương chúng con”. Ngày tận thế Chúa phán xét về đức ái, không phải về các thành công vĩ đại.

32- Việc tầm thường. Không có công việc nào hèn hạ, chỉ

có tâm hồn hèn hạ. Với tâm hồn cao cả, việc tầm thường hóa ra cao cả: Ai cho một bát nước lã vì danh Chúa sẽ được thưởng trên thiên đàng. Ngày sống của con là một “chuỗi lời nguyện tin yêu” được cụ thể hóa trong công tác tầm thường.

33- Lãnh đạo. Đường hy vọng cần người lãnh đạo, là người dẫn đường, là thủ lĩnh, là người làm đầu. Không có đầu suy nghĩ, tứ chi sẽ suy nhược, thiện chí bị phân tán, nghị lực sẽ lui bại, hỗn loạn sẽ thống trị và công cuộc tan vỡ. Lãnh đạo là người “biết - muốn - thực hiện”. Và đồng thời gây cảm hứng cho kẻ khác “biết - muốn - và thực hiện”.

34- Kiểm điểm. Trên đường hy vọng, thỉnh thoảng con phải dừng chân để kiểm điểm lại: rút kinh nghiệm bước tiến, chuẩn bị thêm hành trang, sửa chữa những bước lệch lạc. Kiểm điểm kỹ càng, sáng suốt, chân thành, can đảm. Kiểm điểm mỗi tối, kiểm điểm mỗi tuần, kiểm điểm mỗi lần xưng tội, kiểm điểm mỗi lần tĩnh tâm.

35- Đức Mẹ Maria. Không Thiên Chúa, con hoàn toàn trống rỗng, cô đơn, khốn nạn. Mức độ sung mãn hạnh phúc của con người con tùy mức độ con liên lạc với Thiên Chúa. Mẹ Maria hoàn toàn hướng về Thiên Chúa, Ngài thấy Mẹ là thụ tạo toàn hảo như ý Ngài. Mọi sự tốt đẹp của Thiên Chúa biểu lộ cách trong sáng nhất trong Mẹ.

36- Niềm hy vọng. Chúc tụng Thiên Chúa và là Cha của Chúa chúng ta, Đức Giêsu Kitô, Đáng đã thể theo lòng hải hà mà tái sinh chúng ta cho hy vọng hằng sống, nhờ sự Phục Sinh từ cõi chết của Đức Giêsu Kitô.” (1P 1: 3). Người Công giáo là ánh sáng giữa đen tối, là muối sống giữa thối nát, và là hy vọng giữa một nhân loại thất vọng.

37- Sống hy vọng. Con muốn thực hiện một cuộc cách mạng: canh tân thế giới. Hoài bão lớn lao đó, sứ mạng cao đẹp đó, Chúa trao cho con, con thi hành với quyền lực Chúa Thánh Thần. Mỗi ngày con chuẩn bị Lễ Hiện Xuống mới quanh con. Con ôm ấp một ý nguyện: “Dưới đất cũng như trên trời”. Dưới đất

lượng dân biết Chúa như trên trời. Dưới đất mọi người khởi sự yêu mến nhau như trên trời. Dưới đất đã bắt đầu hạnh phúc như trên trời. Con sẽ nỗ lực thực hiện nguyện vọng ấy. Khởi sự đem hạnh phúc thiên đàng cho mọi người ngay từ trần thế.

38- Con có một Tổ Quốc.

“Là người Công giáo Việt Nam, Con phải yêu Tổ Quốc gấp bội.

Tiếng chuông ngân trầm, Việt Nam nguyện cầu. Tiếng chuông náo nùng, Việt Nam buồn thảm. Tiếng chuông vang lừng, Việt Nam khởi hoàn. Tiếng chuông thanh thoát, Việt Nam hy vọng.

Con có một tổ quốc Việt Nam, Quê hương yêu quý ngàn đời. Con hãnh diện, con vui sướng. Con yêu non sông gấm vóc, Con yêu lịch sử vẻ vang. Con yêu đồng bào cần mẫn, Con yêu chiến sĩ hào hùng. Sông cuộn cuộn máu chảy cuộn hơn. Núi cao, xương chất cao hơn. Đất tuy hẹp, nhưng chí lớn. Nước tuy nhỏ, nhưng danh vang.

Con phục vụ hết tâm hồn, Con trung thành hết nhiệt huyết. Con bảo vệ bằng xương máu, Con xây dựng bằng tim óc. Vui niềm vui của đồng bào, Buồn nỗi buồn của Dân Tộc. Một Nước Việt Nam, Một Dân Tộc Việt Nam, Một Tâm Hồn Việt Nam, Một Truyền Thống Việt Nam.

Là người Công Giáo Việt Nam, Con phải yêu Tổ Quốc gấp bội. Chúa dạy con, Hội Thánh bảo con. Cha mong giòng máu ái quốc, Sôi trào trong huyết quản con.”

Từ thập niên 70 của thế kỷ XX cho đến nay, cuốn sách này đã được hàng giáo sĩ, các cộng đoàn tu trì, các hiệp hội đạo đức, các tổ chức tông đồ giáo dân trên khắp thế giới thuộc mọi lứa tuổi và trình độ văn hóa đón nhận một cách quý trọng, thích thú phấn khởi, và sử dụng làm tài liệu suy niệm, tu đức hằng ngày. Sách đã được dịch ra nhiều ngoại ngữ như Anh, Pháp, Ý, Tây Ban Nha...

2- ĐƯỜNG HY VỌNG DƯỚI ÁNH SÁNG LỜI CHÚA VÀ CÔNG ĐỒNG VATICAN II

Sách này được viết năm 1979 trong khi bị quản thúc tại Giang Xá. Đức Hồng y viết LỜI NHẮN NHỦ ở đầu sách gọi các con cái thiêng liêng của ngài như sau:

Các con thân mến, cha lại đi thêm một quãng đường chông gai mịt mù và vô định. Trên đường cha gặp lắm lần khách, cha đã xem tất cả là bạn, xem mọi biến cố là kinh nghiệm quý báu, vì tất cả là hồng ân. Trong u tối thình lạng và cô đơn, cha đã nhớ đến mọi người, đã hiến dâng mỗi người trong các con. Chúa đã cho cha những giây phút đẹp nhất. Không bao giờ có lời cầu nguyện thấm thiết hơn, không bao giờ có thánh lễ sốt mến hơn, không bao giờ có cơ hội thuận tiện hơn để hiệp nhất trong tình yêu Chúa, để thi thố tình yêu giữa hận thù, để gieo rắc hy vọng giữa tuyệt vọng. Vật chất có thể mất tất cả. Chúa là tình yêu. Tình yêu Chúa liên li thúc bách cha hãy yêu như Chúa đã yêu.

Cha không còn gì cả, nhưng mỗi ngày cha tặng tình yêu Chúa cho mọi người. Trong Thánh Tâm Chúa và Mẹ Maria cha vẫn gần gũi các con, âu yếm và thân tình. Các con chiếm một chỗ đặc biệt trong quả tim cha.

Cha đã để lại vài kinh nghiệm khiêm tốn trong cuốn Đường Hy Vọng. Hãy đọc những tâm tình của cha dưới ánh sáng Lời Chúa và Công Đồng. Hãy suy nghĩ, cầu nguyện, hành động, để quả tim các con ngập tràn tin, yêu, hy vọng.

Xin các con bù đắp những thiếu sót, vì điều kiện và khả năng rất giới hạn. Đây là lời trăng trối của cha theo gương Đức Phaolô VI: “Chương trình của tôi là thực hiện Công Đồng Vatican II”. Các con hãy nỗ lực đem niềm hy vọng lan tỏa trong môi trường các con đang sống. Như Đức Gio-an XXIII, cha dâng phần còn lại của cuộc đời cha: cầu nguyện, hy sinh, phục vụ.

Xin Chúa, xin Mẹ Maria và thánh Giuse giúp các con vững bước trên Đường Hy Vọng.

Nhấn con ngàn lẻ một lời, ngày đêm suy niệm trọn đời hiến dâng.

Toàn bộ cuốn sách **Đường Hy Vọng dưới ánh sáng Lời Chúa và Công Đồng Vaticanô II** cũng gồm có 1.001 câu của cuốn Đường Hy Vọng, nhưng ở dưới mỗi câu đều được ghi thêm những đoạn liên hệ trích dẫn từ Thánh Kinh và các văn kiện của Công Đồng Vaticanô II.

Nhờ vậy cuốn sách đã trở nên một tác phẩm có nội dung ít lời nhiều ý, rất cô đọng nhưng phong phú, được xây dựng một nền tảng thần học Thánh Kinh và thần học mục vụ vững chắc.

Ví dụ: câu 2 và câu 4:

(câu 2) Bí quyết của đường hy vọng.

1. Ra đi: “bỏ mình”.
2. Bỏn phận: “vác thánh giá mình mỗi ngày”.
3. Bền chí: “theo Thầy”.

@ Mt 16, 24: Đức Giêsu nói với các môn đệ: “Ai muốn theo Thầy, phải từ bỏ chính mình, vác thập giá mình mà theo”. (Xem thêm: Mt 10, 38; Mc 8, 34; Lc 9, 23; 14, 26-27).

@ TG 5b: Giáo hội được Thánh Thần Chúa Kitô thúc đẩy cũng phải tiến bước trên chính con đường mà Chúa Kitô đã đi là nghèo khó, vâng lời, phục vụ và tự hiến thân cho đến chết để rồi toàn thắng nhờ sự sống lại của Người. Chính các tông đồ trong niềm hy vọng cũng đã bước đi trên đường lối đó...(Xem thêm: GH 7e; MV 22c, 38a; DT 5d; TĐ 4b).

(câu 4) Abraham đã ra đi, vì hy vọng đến đất hứa. Maisen đã ra đi, vì hy vọng cứu dân Chúa khỏi nô lệ. Chúa Giêsu đã ra đi từ trời xuống đất, vì hy vọng cứu nhân loại.

@ Dt 6, 17-18: Vì Thiên Chúa muốn chứng minh rõ hơn cho những người thừa hưởng lời hứa được biết về ý định bất di bất

dịch của Người, nên Người đã dùng lời thề mà bảo đảm điều Người đã hứa. Như vậy, cả lời hứa lẫn lời thề đều bất di bất dịch, và khi thề hứa, Thiên Chúa không thể nói dối được. Do đó, chúng ta là những kẻ ần nấu bên Thiên Chúa, chúng ta được mạnh mẽ khuyến khích nắm giữ niềm hy vọng dành cho chúng ta. (Xem thêm: Lc 4, 18-19.43; Cv 7, 34 tt; Rm 4, 18-21; 8, 15-17; 1Ga 4, 9b.14).

@ MV 3b: Không bị một tham vọng trần thế nào thúc đẩy, Giáo hội chỉ nhắm một điều là dưới sự dẫn dắt của Chúa Thánh Thần, Giáo hội tiếp tục công cuộc của chính Chúa Kitô, Đấng đã đến thế gian để làm chứng nhân cho chân lý, để cứu rỗi chứ không luận phạt, để phục vụ chứ không để được hầu hạ. (Xem thêm: GH 3a; MK 3-4; MV 45b; LM 22c; NK 4b)

3- NHỮNG NGƯỜI LỮ HÀNH TRÊN ĐƯỜNG HY VỌNG

Những Người Lữ Hành trên Đường Hy Vọng soạn năm 1980 tại Giang Xá, là một bức tâm thư đề cập tới nhiều khía cạnh của đời sống công giáo trong thế giới hôm nay, một bức tâm thư viết dưới ánh sáng của Lời Chúa, của Công Đồng Vatican II và của 314 gương sáng các vị chứng nhân Tin Mừng.

Những tâm tình sau đây ghi trong phần Lời Mở ở đầu sách này ngài gởi đến các con cái thiêng liêng của ngài nói lên rất rõ lý do vì sao cuốn sách này được hình thành:

Con thân yêu,

Trên đường hy vọng, xưa nay có nhiều người lữ hành, thuộc mọi giai cấp, mọi lứa tuổi, đủ mọi màu da, mọi thời đại. Người đi trước con, người đang sát cánh con.

Mỗi cuộc đời là một huyền nhiệm, muôn nghìn nỗi gian truân thử thách, ức triệu lòng dũng cảm kiên cường. Trước gieo trong nước mắt, gặt trong hân hoan. Lắm lúc cha chùn bước, nản lòng, nhưng nhìn gương họ, nghe tiếng họ, tâm hồn cha lại phấn

khởi, tươi vui, và vững bước bên những bạn đường yêu quý. Trong niềm yêu thương chan chứa, cha thuật lại cho con bước đường của một số người lữ hành cha đã biết và còn nhớ được, những người cha yêu mến nhất. Cuộc đời họ đã in đậm nét vào quả tim cha. Hãy nghe tiếng họ thúc giục con, hãy nhìn gương họ soi sáng con, rồi ngày ngày con sống và làm cho người khác thích như con: Sống cầu nguyện, sống cần lao, sống phó thác, sống dồi dào nội tâm, sống hiện tại, sống thanh bần, có Thánh Thể, có Thiên đàng trong con. Tình yêu Chúa chẳng phai mòn, ở đâu có Chúa không còn thiếu chi. Ai dừng cảm hãy bước đi, Giờ đây ta hãy thực thi Tin Mừng! Tiến lên thanh thoát hân hoan, Dưới chân Thánh giá Chúa đang đợi chờ, Chúa trông con đó mỗi giờ, Đây là nơi con dành cho Bạn Tình.

Sách gồm có 38 chương, mỗi chương gồm nhiều đề tài, được xây dựng theo 38 chương được trình bày sách Đường Hy Vọng.

Xin giới thiệu:

Chương 1. RA ĐI, có 6 đề tài:

1. Cha kẻ tin
2. Bước qua mình song thân
3. Giáo hoàng xuống biển
4. Cha Benoit lên núi Phước Sơn
5. Mười cha truyền giáo đi vào tử địa
6. Quyết không giả vờ

Chương 2. BỔN PHẬN, có 10 đề tài:

1. Lời Thánh Augustinô
2. Một tí nữa thôi
3. Đức cha Seitz và bổn phận
4. Bệnh nhân cũng có bổn phận của mình
5. Cách ngôn người Nhật Bản
6. Bác sĩ Longet
7. Chuyện ông Viện trưởng

8. Nên thánh nhờ cầu nguyện
9. Nhận như thánh giá
10. Quán ăn cầu nguyện

Chương 3. BỀN CHÍ, có 5 đề tài:

1. Dòng nữ tu mù
2. Thầy Vianney bền chí
3. Cha Charles de Foucauld, hạt giống trong sa mạc
4. Lửa thử vàng
5. Đức cha Francois Pallu

Chương 4. TIẾNG GỌI, có 7 đề tài:

1. “Samuen! Samuen!”
2. Tiếng gọi từ bụi gai
3. Tiếng kêu trong thị kiến
4. Không hề từ chối sự gì
5. Hơn nữa! Hơn nữa!
6. Một cha sở khiêm nhường
7. Được gọi để gọi

Chương 5. SỐNG NỘI TÂM, có 7 đề tài:

1. Quả tim thánh nữ Têrêxa Hải Đông Giêsu
2. Nên lời ngợi khen Chúa
3. Vị Giáo hoàng năng tĩnh tâm
4. Kết hợp với Chúa Tử Nạn
5. Giám mục của truyền hình
6. Thiếu đời nội tâm có thể đi tới đâu?
7. Một đời nội tâm thô sơ

Chương 6. SIÊU NHIÊN, có 7 đề tài:

1. Vị Giáo hoàng của thánh giá
2. Vị thánh của giới trẻ
3. Ôn được mắc bệnh ung thư
4. Làm vinh danh Chúa hơn
5. Con muốn phần thưởng nào?

6. Chúng tôi muốn la lên một lời: Thiên Chúa
7. Dàn xếp lương tâm

Chương 7. CẦU NGUYỆN, có 10 đề tài:

1. Thánh Phanxicô cầu nguyện
2. Ông già xứ Ars
3. Thánh nhân mở cửa nhà châu
4. Cầu nguyện cho kẻ thù
5. Một cộng đoàn cầu nguyện
6. Gương Hồng y Gilroy
7. Nếu điều đó có ích cho phần rỗi của con
8. Cha - Con Ta
9. Đan sĩ Silouane
10. Thằng quỷ làm dầu thánh giá

Chương 8. HY SINH, có 9 đề tài:

1. Thập giá đời tu sĩ
2. Những hy sinh của vị thánh nhỏ
3. Một chứng tích tình yêu
4. Cha Đamien tông đồ người hủi
5. Viên đá đầu tiên đánh đầy máu
6. Hy sinh để cảm ơn Chúa
7. Đôi mắt trao tặng kẻ mù
8. Giọt nước mắt tha thứ
9. Cha già lựu đạn

Chương 9. QUẢ TIM, có 12 đề tài:

1. Quả tim của con người trở lại
2. Hai nàng trinh nữ
3. Quả tim nồng nàn
4. Hai cái xương sườn gãy
5. Nên thánh nhờ một thầy chết
6. Dân lực của một tâm hồn
7. Sức hút lên cao
8. Chinh phục bầy ngựa hoang

9. Một quả tim vĩ đại
10. Quả tim hiếu hoà
11. Báu nhiệt huyết của một sĩ quan
12. Ảnh hưởng của một con người thánh

Chương 10. CHÍ KHÍ, có 7 đề tài:

1. Bát cơm bị vỡ
2. Thiếu phụ can trường
3. Một thông điệp bí mật
4. Đứa con yêu của tổ quốc
5. Tiếng nói của lương tâm
6. Ở tù trong Chúa
7. Cậu bé can đảm

Chương 11. CHÚA HIỆN DIỆN, có 8 đề tài:

1. Nhà tạm Cựu ước
2. Đèn thờ Giêrusalem
3. Như thấy Chúa hiện diện
4. Niềm an ủi trong chốn lao tù
5. Nhìn qua khe cửa
6. Tôi đã thấy Chúa trong một con người
7. Chúa là của con
8. Không còn chỗ núp

Chương 12. HỘI THÁNH, có 6 đề tài:

1. “Vì Hội Thánh, vì Hội Thánh!”
2. Hội Thánh của Chúa
3. Con đã đọc chưa?
4. Chứng nhân của Hội Thánh
5. Bức tranh của dân Đức thời Bismark
6. Hội Thánh là tôi

Chương 13. ĐỨC TIN, có 7 đề tài:

1. Đức tin tiên tổ
2. Trong bóng tối giáo đường

3. Ba câu hỏi của giáo dân Nhật Bản
4. Gương sống đạo của tổ tiên chúng ta
5. Tuyên xưng bằng máu
6. Đức tin của anh công nhân
7. Thà bị lột da

Chương 14. TÔNG ĐỒ, có 21 đề tài:

1. Hai rương bài gấm của một vị tổng thống
2. Viên thị trưởng nhiệt thành
3. Tông đồ hót tóc dạo
4. Cha gánh nước thuê
5. Tông đồ trên máy phát thanh
6. Tông đồ truyền hình
7. Tấm gương của một đại tông đồ truyền giáo
8. Một bàn tay kín đáo
9. Một cuộc đầu tư hữu ích
10. Tre tàn, măng mọc
11. Không chút nản lòng
12. Một thánh một thể
13. Cha của người cùi
14. Có râu - Không râu
15. Vì tôi là người Công giáo
16. Tông đồ tiếp xúc
17. Các tông đồ tư tưởng
18. Tông đồ thiếu nhi
19. Tông đồ của giới lao động
20. Các Đức Giáo Hoàng và Tu hội đời
21. Mảnh giấy trong chiếc huy chương

Chương 15. THÁNH LỄ có 10 đề tài:

1. Khóc rồi lại cười
2. Thánh lễ của cha Piô
3. Thánh lễ Giáng Sinh trong trại học tập
4. Vết chân nóng hổi
5. Các đèn châu sáng động

6. Đèn thờ Montmartre
7. Tông đồ Thánh Tâm
8. Thánh lễ cuối cùng
9. Thánh lễ mở tay
10. Thánh lễ vô giá

Chương 16. VÂNG PHỤC, có 4 đề tài:

1. “Vâng phục - Bình an”
2. Tấm gương vâng phục
3. Không ăn bánh sữa
4. Người con của đức vâng lời

Chương 17. THANH BÀN, có 8 đề tài:

1. Người nghèo trong giấc mơ
2. Các chị em Tiểu Muội
3. Kho tàng Hội Thánh
4. Linh mục “Ba xu”
5. Rất nghèo nhưng rất giàu
6. Cậu bé thanh bản
7. Đây là nhà của tôi
8. Bức thư một chủng sinh nghèo

Chương 18. TRONG TRẮNG, có 9 đề tài:

1. Đóa hoa trinh khiết
2. Đôi mắt xanh của chị nữ tu
3. Tội lỗi xông mùi
4. Thánh Giêrônimô chống với ma quỷ
5. Thánh không ai ngờ
6. Lời cầu nguyện của một linh mục
7. Con là đại thánh
8. Một phương pháp hay
9. Vấn đề độc thân của các linh mục

Chương 19. GIA ĐÌNH, có 14 đề tài:

1. Một bà hoàng hậu đạo đức

2. Những giọt nước mắt không vô ích
3. Bà mẹ can trường
4. Bà mẹ tận tụy
5. Song thân Thánh nữ Têrêxa
6. Bà mẹ thánh thiện và đang thành Luân Đôn
7. Hai chiếc nhẫn
8. Tông đồ liên gia
9. “Những bà mẹ không đám cưới”
10. Hai vợ chồng câm
11. Mỗi tình sắt son
12. Bà mẹ can đảm của bảy anh em Macabê
13. Tông đồ trong gia đình
14. Cây thông đầu cần học giáo lý

Chương 20. KHIÊM NHƯỜNG, có 5 đề tài:

1. Quỳ gối đọc thơ bẻ trên
2. Khiêm tốn và hiền lành đích thực
3. Một vị Hồng y khiêm tốn
4. Đức khiêm tốn của một vị Giáo hoàng
5. Em chỉ là một cái chổi

Chương 21. CẢN MẬT, có 4 đề tài:

1. Bí mật tòa cáo giải
2. Sự “cản mật” của thánh Gioan Vianney
3. Văn phòng cản mật số một
4. Cản mật khi làm việc thiện

Chương 22. VUI TUỔI, có 11 đề tài:

1. Nhà làm xiếc tí hon
2. Gioan Boscô làm ảo thuật
3. “Tôi sẽ mỉm cười”
4. Đại linh hướng mà vẫn tiểu lâm
5. Trước giờ chết vẫn vui
6. Các thánh không buồn
7. Những bông hoa nhỏ trong đời Đức Gioan XXIII

8. “Bên nước Ba Lan người ta không bao giờ khóc”
9. Ông vua ca hát
10. Vui cười trong đau khổ
11. Nụ cười trị giá 40 ngàn Mỹ kim

Chương 23. KHÔN NGOAN, có 7 đề tài:

1. Sự khôn ngoan của thập giá
2. Thiên Chúa sử dụng kẻ tâm thường
3. Tên điên thành Assisiô
4. Ai khôn hơn ai
5. Một nhà ngoại giao khéo léo
6. Đức Gioan XXIII nói về đơn sơ và khôn ngoan
7. Để được khôn ngoan thật

Chương 24. HỌC, có 8 đề tài:

1. Thành quả của lòng khiêm tốn học hỏi
2. Trên ngôi Giáo hoàng vẫn còn học
3. Phép lạ không chấm dứt
4. Thiên tài phải đi đôi với đức hạnh
5. Khoa học phục vụ đức tin
6. Học để phục vụ các linh hồn
7. Phương pháp làm việc trong Hội Thánh
8. Cha đẻ tiếng Việt

Chương 25. PHÁT TRIỂN, có 8 đề tài:

1. Linh mục moi rác
2. Người sáng lập tổ chức Caritas
3. Bác thợ nề được giải Nobel
4. Ông cha thịt mỡ
5. Giúp người phát triển
6. Quỹ phát triển thế giới
7. Một thế giới tốt đẹp hơn
8. Kinh tế phục vụ con người

Chương 26. DẪN THÂN, có 10 đề tài:

1. Dẫn thân vì người nghèo
2. Thí mạng cho người hủi Việt Nam
3. Ông tổ “Hùng tâm dũng chí”
4. Hóa nên người Trung Hoa để chinh phục người Trung Hoa
5. Một biển ánh sáng
6. Chuyên xe lửa tốc hành
7. Các hạng linh mục thợ
8. Hai vị thánh dẫn thân
9. Linh mục làm trò xiếc
10. Ngày sống của Đức Thánh Cha Piô XII

Chương 27. CANH TÂN, có 5 đề tài:

1. Chương trình canh tân của Đức Phaolô VI
2. Nguyên do khủng hoảng hiện tại
3. Gioan XXIII, cụ già rất trẻ
4. Hoạt động canh tân của Đức Phaolô VI
5. Tại sao người Công giáo chưa canh tân được Hội Thánh và thế giới?

Chương 28. CUỘC SỐNG MỚI, có 11 đề tài:

1. Cuộc chiến đấu cuối cùng
2. Cái nhìn của Thánh Aloysiô Gonzaga
3. Một cuộc ra đi bình an
4. Đầu tư cho cuộc sống vĩnh cửu
5. Bài học hư vô
6. Nhật ký của một bà mẹ ung thư
7. Đức Phaolô suy niệm sự ra đi của mình
8. Bức thư gửi cho chính mình
9. Một tấm gương hấp hối
10. Đức Gioan XXIII trước ngưỡng cửa cuộc đời
11. Bức thư trước giờ hành quyết

Chương 29: GIAN KHỔ, có 5 đề tài:

1. “Nếu không có những tháng ngày gian khổ...”

2. Thầy đi đâu?
3. Đóa hồng đầy thử thách
4. Nghệ thuật sống an bình trong gian khổ
5. Gian khổ của các thánh

Chương 30. ĐỨA CON HẠNH PHÚC, có 5 đề tài:

1. Con đường thơ ấu thiêng liêng
2. Vinh danh Cha là hạnh phúc của con
3. Tâm hồn đơn sơ trên ngai Giáo hoàng
4. Thế nào là đứa con hạnh phúc
5. Hạnh phúc làm con Chúa

Chương 31: BÁC ÁI, có 10 đề tài:

1. Bác ái là thí mạng
2. Tượng tiền phong của công cuộc bác ái xã hội
3. Cái quần của thánh Vianney
4. Bác ái trong cuộc sống hằng ngày
5. Nhìn người khác với con mắt Thiên Chúa
6. Đừng tiếc lời khen hay nụ cười thân ái
7. Vì bác ái phải đau khổ
8. Chơi vẽ chân dung
9. Bác ái để xây dựng cộng đồng quốc tế
10. Mấy nguyên tắc giúp sống bác ái

Chương 32. VIỆC TÂM THƯỜNG, có 8 đề tài:

1. Tâm thường nhưng cao đẹp
2. Làm bất cứ bổn phận nào cũng nên thánh
3. Tấm gương của ông Frank Duff
4. Tâm hồn thánh thiện trong những việc tâm thường
5. Hai thầy trợ sĩ
6. Giám mục bán sữa và Giám mục chữa xe
7. Những cử chỉ đơn sơ phản ánh một tâm hồn cao cả
8. Mỗi tháng đi thăm Giám mục một lần

Chương 33. LÃNH ĐẠO, có 11 đề tài:

1. Ánh sáng thế gian
2. Sẵn sàng đối thoại chân thành
3. Lãnh đạo là phục vụ công lý và tạo tác hoà bình
4. Ai muốn đi đạo hãy đến với Giám mục Phanxicô Salêsiô
5. Lãnh đạo là rắn bảo trong yêu thương
6. Những lời nhắn nhủ người lãnh đạo
7. Bị phản đối, được cảm phục rồi được luyện tiến
8. Nhà lãnh đạo can đảm
9. Những đức tính của người lãnh đạo theo thánh Anphongsô
10. Tài lãnh đạo của Đức Gioan XXIII
11. Thập đại bại và thập đại thắng

Chương 34: KIỂM ĐIỂM, có 7 đề tài:

1. Công đồng Vatican II, một cuộc kiểm điểm sâu rộng của Hội Thánh
2. Khám phá giáo phận của mình
3. Khiêm tốn kiểm điểm
4. Làm Giáo hoàng mà vẫn còn nghiêm túc kiểm điểm
5. Ông quản lý xí nghiệp dễ thương
6. Phải sửa chữa bất công
7. Đại hội Giám mục Á châu

Chương 35. ĐỨC MẸ MARIA, có 10 đề tài:

1. Môi tình đầu của tôi
2. Thánh nào cũng kính Đức Mẹ
3. Tôi ước ao làm linh mục để giảng Mẹ Maria
4. Phải hiểu sứ điệp thế nào?
5. Lòng sùng kính Mẹ của Đức Gioan XXIII
6. Đức Bà phù hộ các giáo hữu
7. Mariapolis và Opus Mariae
8. Lòng sùng kính Mẹ chân chính

9. Tinh thần tận hiến của Đạo binh Đức Mẹ
10. Đức Maria, người Mẹ làm cho chúng ta hy vọng

Chương 36. NIỀM HY VỌNG, có 9 đề tài:

1. Đèn trời muối đất
2. Tôi đã lỗi đức tin, đức cậy trông
3. Những phương tiện nhỏ bé để làm việc tông đồ
4. Sống và rao giảng Tin Mừng
5. Người hy vọng sống kết hợp với Chúa Giêsu
6. Hôm nay con mới thực sự làm lễ mở tay
7. Một vị thánh âm thầm
8. Chúa cảm con thất vọng
9. Ngân hàng tình thương

Chương 37. SỐNG HY VỌNG, có 22 đề tài:

1. Chuẩn bị “Lễ Hiện xuống mới”
2. Tạo hạnh phúc cho mọi người
3. Thí mạng vì anh em
4. Tất cả hiệp nhất
5. Bánh nuôi sống trần gian
6. Bác ái đồng phục của chúng ta
7. Bí quyết câu nguyện
8. Phúc âm: Nội quy của con
9. Chúa Kitô dịu hiền ở trần gian
10. Ý nghĩa của kinh Truyền tin
11. Thánh giá trong đời người theo Chúa Kitô
12. Làm sao hướng về Chúa liên li
13. Ai mạnh hơn?
14. Ai tình nguyện?
15. Họ đi tìm gì tại Phi châu?
16. Ai áp dụng “phương pháp tiếp xúc” đầu tiên?
17. Tại tôi không sống với Chúa
18. Làm sao tìm thánh ý Chúa?
19. Phút đẹp nhất đời
20. Nguồn cảm hứng của thuyết bất bạo động

21. Làm gì để nên thánh?

22. Ôn Chúa và ý chí con

Chương 38: Con có một Tổ Quốc, có 2 đề tài:

1. Tạm biệt quê hương tôi

2. Hai nhà ái quốc Công giáo Việt Nam

4- CẦU NGUYỆN

Sách gồm 90 bài suy gẫm và cầu nguyện, là những mẫu cầu nguyện thật sống động, gọn gàng, rất ích lợi cho mọi kitô hữu trong mọi đẳng bậc trong khi cầu nguyện. Đức Hồng y đã soạn thảo trong tù toàn bộ sách gần 365 bài, mới in được 90 bài dưới đây.

Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận viết:
“Cầu nguyện là nền tảng của đời sống thiêng liêng. Lúc cầu nguyện con nối liền, kết hợp với Thiên Chúa. Bóng điện sáng nhờ nối liền với máy phát điện” (ĐHV.120)

Xin giới thiệu các nhan đề từ bài 1 đến bài 90:

1- Maria, Mẹ của tôi

2- Áo tưởng

3- Bảy lâu nay con chưa yêu người

4- Như Chúa biết ta

5- Muốn hiệp nhất phải biết rõ

6- Như chính mình con

7- Chỉ là hạt cát

8- Giá một đồng bạc

9- Mời con ra khỏi pháo đài

10- Liền lỉ tạ ơn

11- Hội Thánh không phải là chủ ông của sứ điệp Chúa

Giêsu mà là tôi tớ phục vụ sứ điệp ấy

12- Ai là người quan trọng trong Hội Thánh?

13- Đối với con, sự sống là Maria, Giuse

14- Người Kitô đích thực

- 15- Một lối sống thực tế
- 16- Người Kitô hữu là người thế nào?
- 17- Phong trào kế hoạch nhỏ
- 18- Với những người ích kỷ
- 19- Làm những việc tầm thường là tinh thần khó nghèo
- 20- Tuổi trẻ tìm kiếm gì?
- 21- Sức mạnh của dấu hiệu là khác biệt
- 22- Thế gian cần dấu hiệu
- 23- Dấu hiệu đích thực là một Lời Chúa
- 24- Con dám làm một dấu hiệu không?
- 25- Ave
- 26- Ngạc nhiên
- 27- Khám phá
- 28- Vì sao ngạc nhiên
- 29- Việc tầm thường trong Phúc âm
- 30- Sự hiệp thông là một chiến thắng của từng giây phút
- 31- Kinh toàn hiền
- 32- Đáng Cứu chuộc
- 33- Làm thế nào để nên trong sạch trước mặt Chúa?
- 34- Ý nghĩa của sự thanh tẩy
- 35- Nhìn người anh em với con mắt của Chúa
- 36- Làm thế nào để trở thành một động tác liên tục của tình yêu?
- 37- Chúng tôi đã coi thường phương thế mãnh liệt nhất để làm chứng cho Chúa
- 38- Óc bè phái là một nguy cơ cho Hội Thánh
- 39- Những hiệp sĩ của ngày hôm nay
- 40- Con là người mang lửa để đốt cháy
- 41- Chỉ trích than vãn là vô ích
- 42- Đừng để mình bị giam hãm bởi tập quán, cơ cấu, tư tưởng lỗi thời
- 43- Không bao giờ Chúa bỏ mặc con với những giới hạn của con
- 44- Tội thờ tà thần của thời đại ta
- 45- Chúa có cấm ta sử dụng của cải không?

- 46- Sống với Chúa có dễ không?
- 47- Thời gian cô đọng
- 48- Hãy ở trong Thầy
- 49- Kết hợp loan báo Tin mừng với thinh lặng
- 50- Hai điều kiện để bỏ mình thực sự
- 51- Phúc âm giả
- 52- Hàng rào kẽm gai của tôi
- 53- Trong giây phút này Chúa Giêsu tiếp tục thánh lễ
- 54- Vì sao sự hiệp nhất tan vỡ
- 55- Ảnh hưởng của một vị thánh
- 56- Không rời vị trí, không bỏ trách nhiệm
- 57- Ý con hay ý Chúa
- 58- Mẫu nhiệm của ân sủng và đòi hỏi
- 59- Cầu nguyện là mở rộng lòng đón nhận tình yêu của Chúa Cha
- 60- Đừng biến Thiên Chúa thành vị quan tòa hay ông cảnh sát
- 61- Tông đồ của Mẹ Vô Nhiễm
- 62- Lao động, trí óc, đoàn kết, truyền thống là bí mật của thành công
- 63- Lao động
- 64- Trí óc
- 65- Đoàn kết
- 66- Truyền thống
- 67- Bỏ quá khứ, hướng về tương lai
- 68- Đừng ngồi đếm khuyết điểm, phải xung phong làm việc tích cực
- 69- Phẩm giá người phụ nữ
- 70- Bởi phép Chúa Thánh Thần
- 71- Sứ mạng của ta trong phút hiện tại đáng giá tất cả sinh lực, tất cả mạng sống của ta
- 72- Sự thinh lặng của Mẹ
- 73- Làm thế nào để hiệp nhất với nhau
- 74- Trong sáng để biểu lộ sứ điệp của Chúa Giêsu
- 75- Nếu..., Vâng... Nhưng mà..., Cách nào?... Tại sao...?

- 76- Làm thế nào để thành một vị thánh?
- 77- Tình yêu đứng vững nhờ sự thật, và sự thật là lòng thương xót
- 78- Thành công đẹp nhất của cuộc đời là sự thánh thiện
- 79- Thế nào là một vị thánh
- 80- Người thánh dùng thời gian của mình thế nào
- 81- Làm cho sống
- 82- Làm thế nào để cầu nguyện liên lỉ
- 83- Chúa và việc của Chúa
- 84- Chúa Giêsu ân mình
- 85- Người rao giảng phúc âm là một nhà thần bí
- 86- Làm người Kitô nữa vời
- 87- Sự thách đố đối với Hội Thánh trong mọi thời đại
- 88- Công việc của Chúa
- 89- Những kinh văn tắt của tôi
- 90- Sự khác biệt giữa một vị thánh và người thường.

5- NĂM CHIẾC BÁNH VÀ HAI CON CÁ.

Tập sách nhỏ này viết theo yêu cầu của “các Phong trào mới” (Mouvements nouveaux) dịp Ngày Quốc tế Giới trẻ tại Paris, tháng 8-1997 gồm 7 đề mục, ghi lại những kinh nghiệm sống đạo trong thời gian 13 năm mất tự do. Đức Hồng y cho biết: “Năm Chiếc Bánh và Hai Con Cá” là lương thực nuôi đời sống thiêng liêng của tôi”.



Xin tóm tắt:

1- Chiếc bánh thứ nhất: Sống phút hiện tại

Tôi bị mất tự do. Tôi quyết định sẽ không chờ đợi. Tôi sống phút hiện tại và làm cho nó đầy tình thương”. Đây không phải là một cảm hứng đột xuất, nhưng là một xác tín đã ấp ủ suốt quãng đời mãi từ tiểu chủng viện: Nếu tôi mất giờ đợi chờ, không làm gì hết, biết đâu những điều tôi đợi sẽ không bao giờ đến.... Một đêm, một tia sáng đến với tôi: “Con hãy bắt chước thánh Phaolô. Khi ngài ở tù, không hoạt động tông đồ được, ngài đã viết thư cho các giáo đoàn. Đơn giản vậy mà con đi tìm đâu cho xa?”

Vậy là tôi dùng những tờ lịch cũ viết sách “Đường Hy Vọng”, sử điệp lao tù. Ngày 8-12-1975, lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, tôi đã tạ ơn Đức Mẹ cho tôi viết xong “Đường Hy Vọng”. Năm 1980, lúc bị đưa ra quản thúc ở Giang Xá, Bắc Việt, tôi đã tiếp tục viết mỗi đêm trong bí mật cuốn thứ hai, “Đường Hy Vọng Dưới Ánh Sáng Lời Chúa và Công Đồng Vatican II”, cuốn thứ ba, “Những Người Lữ Hành Trên Đường Hy Vọng”.

Tôi nghĩ rằng tôi phải sống mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi phút như là giờ phút cuối cùng của đời tôi. Dẹp bỏ những gì là phụ thuộc, tập trung cả tâm hồn cho những gì là chính yếu. Mỗi lời nói, mỗi tư tưởng, mỗi cử chỉ, mỗi cú điện thoại, mỗi quyết định phải là “đẹp nhất” của đời tôi. Tôi phải dành cho mỗi người tình yêu của tôi, nụ cười của tôi: tôi phải lo sợ đánh mất một giây phút nào trong đời mình vì đã sống không ý nghĩa.

2- Chiếc bánh thứ hai: Phân biệt giữa Chúa và việc của Chúa

Nhiều lúc một mình, tôi bị đau khổ giày vò, tại sao đang lúc mình 48 tuổi, trưởng thành và khỏe mạnh, sau tám năm Giám mục tôi đã có nhiều kinh nghiệm mục vụ, lại phải vào phòng biệt giam, xa giáo phận những 1.700 km? Một đêm thanh vắng, một tiếng từ đáy lòng nhắc nhở tôi: “Tại sao con quần trí, hoang mang như thế làm gì? Con phải biết phân biệt giữa Chúa và công việc của Chúa. Những gì con đã làm và tiếp tục làm như kinh lý giáo

phận, huấn luyện nam nữ tu sĩ, giáo dân, thanh niên, kiến thiết thánh đường, cư xá sinh viên, mở mang các thí điểm truyền giáo... tất cả những công tác ấy đều là những việc tốt lành, là việc của Chúa, nhưng không phải là Chúa! Nếu Chúa muốn con trao tất cả các việc ấy trong tay Ngài, con hãy làm ngay, và hãy tin tưởng vào Ngài. Chúa có thể làm tốt hơn con muôn nghìn lần. Ngài có thể trao việc của Ngài cho những người tài đức hơn con. Hãy chọn một mình Chúa thôi, chọn thánh ý Ngài, chứ đừng chọn việc của Chúa!”

Tôi luôn luôn học tập làm theo ý Chúa. Những ánh sáng này mang lại cho tôi một sinh lực mới, thay đổi tận gốc lối suy nghĩ của tôi, giúp tôi vượt qua những bước gian truân mà hầu như cơ thể không chịu đựng nổi. Từ đây tôi cảm thấy trong lòng tôi “một sự bình an mà thế gian không cho được”.

3- Chiếc bánh thứ ba: Một bí quyết: Cầu nguyện

Tôi được nhiều người chất vấn: “Trong tù cha có nhiều thời giờ để cầu nguyện!” Không phải đơn giản như các bạn nghĩ đâu! Chúa đã cho tôi có dịp hiểu rõ sự yếu đuối thể lý và tinh thần của tôi. Thời giờ trong tù trôi qua chậm rãi, đặc biệt trường hợp của những ai bị biệt giam. Bạn hãy tưởng tượng một tuần, một tháng, hai tháng thình lặn... thấy lâu dài cách kinh khủng. Khi thình lặn ấy kéo dài từng năm, thì nó trở thành đời đời... Có những lúc quá đau, quá mệt không đọc được một kinh.

Những lúc tôi không còn sức để đọc nổi dù một kinh, tôi lặp đi lặp lại: “Giêsu, có con đây”, tôi cảm thấy như Chúa Giêsu trả lời: “Thuận ơi, có Giêsu đây!” Tôi vui vẻ và bình an.

Tôi thích những kinh của Chúa Giêsu dạy, của Hội thánh: kinh Lạy Cha, kinh Kính mừng, kinh Tin kính... Tôi thích dùng lời Thánh Kinh, lời Chúa đề cầu nguyện, khi đọc lên những Thánh vịnh, tôi sung sướng vì biết rằng đây là những kinh chính Chúa Giêsu và Mẹ Maria đã đọc.

Tôi rất ghi ơn sự huấn luyện ở chủng viện, những bài thánh

ca đã ghi sâu vào lòng tôi. Đặc biệt là tôi thuộc lòng hầu hết bài hát bình ca trong kinh phụng vụ, chưa bao giờ tôi cảm thấy ý nghĩa sâu xa và xúc động như vậy. Cũng không thể quên được những kinh Việt ngữ, tiếng mẹ đẻ của tôi, mà cả nhà cùng cầu nguyện mỗi tối trong nhà nguyện gia đình. Tôi hình dung được trước mắt ông bà, ba má và các em tôi, và nghe giọng mỗi người đang cầu nguyện. Nhất là ba kinh Kính mừng và kinh “Hãy nhớ” mà mẹ tôi tập tôi đọc sớm tối từ lúc mới biết nói.

Những kinh nho nhỏ kết thành một đời cầu nguyện. Cũng như những cử chỉ nhẹ nhàng, những cái nhìn, những lời nói thân mật, làm thành một đời yêu thương.

Những kinh nho nhỏ giữ ta luôn trong trạng thái cầu nguyện, không tách lìa ta khỏi công việc hiện tại, nhưng giúp ta thánh hóa mọi sự.

4- Chiếc bánh thứ tư: Sức mạnh độc nhất của tôi: phép Thánh Thể

Lúc tôi bị bắt, tôi phải đi ngay và đi tay không. Hôm sau tôi được phép viết về nhà để xin gửi cho tôi ít “rượu thuốc trị bệnh đường ruột”. Hôm sau, ông trưởng ban chấp pháp cầm đến một ve nhỏ bên ngoài có dán giấy đề chữ “thuốc trị bệnh đường ruột” và bánh lễ xé nhỏ bỏ trong một cái lọ chống ẩm. Không bao giờ tôi vui bằng hôm đó: từ đây mỗi ngày với ba giọt rượu và một giọt nước trong lòng bàn tay, tôi dâng thánh lễ.

Tuy nhiên cách dâng lễ mỗi nơi mỗi khác. Dưới hầm tàu thủy chở tôi ra miền Bắc, ban đêm tôi ngồi giữa mấy bạn tù, bàn thờ là túi cối đựng đồ, dâng lễ thánh Phanxicô quan thầy của tôi và cho các bạn chịu lễ. Lúc ở trại Vĩnh Quang tôi phải dâng lễ trong góc cửa ban sáng lúc người ta đi tắm sau giờ thể dục. Lúc đã quen với thời khóa biểu của trại, tôi dâng lễ ban đêm. Đến 9 giờ rưỡi đêm, nghe tiếng keng là tắt đèn và mọi người phải nằm trong mùng muỗi cá nhân; tôi ngồi cúi sát xuống để dâng lễ thuộc lòng. Tôi đưa tay dưới mùng để chuyển Mình Thánh cho anh em chịu

lễ. Chúng tôi nhét giấy nylon bọc bao thuốc hút để làm những túi nhỏ đựng Minh Thánh. Như thế Chúa Giêsu luôn ở giữa chúng tôi. Trong chín năm biệt giam, tôi dâng lễ một mình lúc 3 giờ chiều, giờ Chúa Giêsu hấp hối trên Thánh giá. Đó là những thánh lễ đẹp nhất của đời tôi.

Mỗi tuần, sáng thứ Sáu có một buổi học tập, tất cả 250 anh em phải tham dự. Đến lúc xả hơi, các bạn Công giáo thừa dịp đó mang các túi nylon đựng Minh Thánh đến chia cho bốn đội kia, mỗi người thay nhau mang trong túi áo một ngày.

Ai cũng biết có Chúa Giêsu Thánh Thể đang ở giữa trại tù với họ. Chính Ngài an ủi, xoa dịu những khổ đau thể xác và tinh thần; chính Ngài thêm can đảm chịu đựng cho họ. Ban đêm, họ thay phiên nhau làm giờ thánh. Sự hiện diện thanh lặng của phép Thánh Thể biến đổi họ cách lạ lùng. Nhiều người Công giáo trở lại sống đạo đức hơn; nhiều anh em không Công giáo, Phật giáo tìm hiểu Phúc âm và lãnh phép Thánh tẩy trong trại cải tạo, hoặc sau lúc được tự do. Không có gì cưỡng lại được tình yêu Chúa Giêsu. Đêm tối của ngục tù trở thành ánh sáng, hạt giống đã đâm chồi dưới đất đang lúc trời giống tổ phong ba. Những ơn trọng này do Chúa Giêsu Thánh Thể chứ không phải do sức loài người.

Có lúc buồn nản vô cùng, tôi nhìn lên Chúa Giêsu chịu đóng đinh và bị bỏ rơi trên Thánh giá: Ngài không giảng dạy, thăm viếng, chữa lành bệnh tật. Ngài hoàn toàn bất động. Đối với đôi mắt Thiên Chúa, chính giây phút ấy lại là giây phút quan trọng nhất của đời Ngài, vì trên Thánh giá Ngài đã đổ máu mình để cứu chuộc nhân loại.

5- Chiếc bánh thứ năm: Yêu thương cho đến hiệp nhất. Chúc thư của Chúa Giêsu

Ở trại giam Phú Khánh, một đêm tôi đau quá, thấy một người gác đi qua, tôi kêu: “Tôi đau quá, xin anh thương tình cho tôi thuốc!” Anh ta đáp: “Ở đây chẳng có thương yêu gì cả, chỉ có trách nhiệm”. Đó là bầu khí chúng tôi ở trong tù. Lúc tôi bị biệt

giam, trước tiên người ta trao cho năm người gác tôi, mấy anh không nói với tôi, họ chỉ trả lời “có” hoặc “không”. Họ tránh nói chuyện với tôi. Buồn quá! Tôi muốn lịch sự vui vẻ với họ, họ vẫn lạnh lùng. Tôi phải làm thế nào? Một đêm đông lạnh quá, không ngủ được, tôi nghe một tiếng nhắc nhở tôi: “Tại sao con đại thế? Con còn giàu lắm: Con mang tình thương Chúa Giêsu trong tim con. Hãy yêu thương họ như Chúa Giêsu đã yêu con”. Sáng hôm sau, tôi bắt đầu mến họ, yêu mến Chúa Giêsu trong họ, tươi cười với họ, trao đổi đôi ba câu nói... Tôi thuật lại những chuyến đi ra nước ngoài, cuộc sống, văn hóa, kinh tế, khoa học kỹ thuật, tự do dân chủ ở Canada, Nhật Bản, Philippines, Singapore, Pháp, Đức, Úc, Áo, v.v... Những câu chuyện đó kích thích tính tò mò của họ, giục họ đặt nhiều câu hỏi. Tôi luôn luôn trả lời... Dần dần chúng tôi trở thành bạn. Họ muốn học sinh ngữ Anh, Pháp... tôi giúp họ. Từ từ mấy chiến sĩ gác tôi trở thành học trò của tôi! Bầu khí nhà giam đổi nhiều, quan hệ giữa họ với tôi tốt đẹp hơn. Thậm chí cả những ông sếp công an, thấy tôi đối xử chân thành, không những họ xin tôi giúp các chiến sĩ học hành ngoại ngữ, nhưng họ còn gửi anh khác đến học.

Tôi sống theo lời Chúa Giêsu dạy: “Điều gì con làm cho một người bé mọn nhất trong anh em là làm cho chính mình Ta”. “Khi nào có hai hay ba người họp nhau vì danh Thầy, thì có Thầy ở giữa họ”.

Điều khó hiểu nhất đối với chiến sĩ gác tù, là thái độ tha thứ yêu thương địch thù của mình. Có hôm mấy anh gác hỏi tôi:

- Ông có thương chúng tôi không?

- Có chứ, tôi yêu thương các anh cách thành thực, không có gì là khách sáo đâu!

- Kể cả khi người ta giam ông, mất tự do, năm này sang năm khác? Không xét xử gì cả?

- Anh nghĩ lại bao nhiêu năm ở với nhau. Tôi làm sao giấu được. Tôi thực sự yêu thương các anh.

- Chùng nào được tự do anh có sai giáo dân của anh trả thù không?

- Không, tôi vẫn tiếp tục yêu thương, dù các anh có muốn giết tôi.

- Nhưng tại sao lại yêu kẻ thù hại anh?

- Vì Chúa Giêsu đã dạy tôi yêu thương, nếu tôi không tuân giữ, tôi không đáng gọi là Kitô hữu nữa.

Trong những lúc bị đày nhốt ở trong tù, tôi kiệt lực không còn sức mà đọc kinh, nguyện ngắm, tôi tìm một cách để tóm tắt cốt tủy của lời cầu nguyện, của sứ điệp Chúa Giêsu như thế này: “Tôi sống chúc thư Chúa Giêsu”. Nghĩa là yêu mến mọi người như Chúa Giêsu đã yêu thương tôi, trong tha thứ, trong nhân từ, trong hiệp nhất, như Ngài đã cầu nguyện “Xin Cha cho họ nên một, như Cha ở trong Con và Con ở trong Cha” (Ga 17, 21). Tôi năng cầu nguyện: “Tôi sống chúc thư Chúa Giêsu”. Tôi muốn làm như cậu bé đã dâng tất cả những gì mình có. Năm chiếc bánh và hai con cá không đáng gì cả, nhưng là “tất cả” của nó, để trở thành “khí cụ tình thương của Chúa Giêsu”.

Các bạn hãy cảnh giác: sự lầm lạc lớn nhất là không nhìn thấy người khác là Chúa Kitô. Có nhiều người chỉ khám phá ra điều đó trong ngày cuối cùng. Chúa Giêsu bị bỏ rơi trên Thánh giá, Ngài còn bị bỏ rơi trong mỗi anh chị em đang đau khổ trong mỗi góc xó trên thế giới. Tình thương không có ranh giới, hễ có ranh giới thì không còn là tình thương nữa.

6- Con cá thứ nhất: Mẹ Maria, mối tình đầu của tôi

Đức Maria có một vai trò đặc biệt trong đời tôi. Tôi đã bị bắt ngày lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, 15 tháng 8 năm 1975. Tôi ra đi với hai tay không, trong túi không có gì cả, ngoại trừ một tràng hạt, và tôi đi bình an. Mẹ tôi đã dạy tôi như vậy từ thuở bé. Đêm ấy trên tuyến đường dài 450 km, tôi đã đọc không biết bao nhiêu lần kinh “Hãy Nhớ”.

Các bạn hỏi tôi, Đức Mẹ đã giúp tôi vượt bao thử thách trong đời tôi thế nào. Tôi sẽ thuật lại cho các bạn một vài chuyện đang còn tươi rói trong ký ức tôi. Lúc còn là một linh mục du học ở Rôma, tháng 9 năm 1957, tôi đi Lộ Đức để cầu nguyện với Đức Mẹ. Quỳ trước hang đá, nhìn lên tượng Mẹ, tôi nghe như Đức Mẹ nói với tôi như đã nói với thánh nữ Bernadette: - Benadette, Mẹ không hứa cho con hân hoan và an ủi ở trần gian này, nhưng hứa đau khổ và thử thách.

Tôi run sợ, nhưng tôi chấp nhận và phó thác trong tay Mẹ. Tiếp đến mùa hè 1975, tôi bị bắt, bị cầm tù, ở trại cải tạo, bị biệt giam... hơn 13 năm gian truân! Bây giờ, tôi mới hiểu Đức Mẹ đã muốn chuẩn bị cho tôi từ 1957: “Mẹ không hứa cho con hân hoan và an ủi ở trần gian này, nhưng hứa đau khổ và thử thách”. Mỗi ngày tôi càng hiểu thâm thúy hơn ý nghĩa của sứ điệp ấy và tôi phó mình trong tay Mẹ.

Lúc những khổ đau thể xác và tinh thần trở nên quá nặng nề, tôi không đọc kinh nổi, tôi chỉ lặp đi lặp lại “Ave Maria”, không biết bao nhiêu lần mỗi ngày: “Lạy Mẹ, con quá yếu nhược, con không đọc kinh nổi nữa, con chỉ biết dâng lên Mẹ muôn vàn ‘Ave Maria’, xin Mẹ ban phát cho giáo dân của con, cho mọi người, cho toàn thể Hội Thánh đang cần đến lòng thương xót của Mẹ. Tất cả với Mẹ, vì Mẹ và trong Mẹ”.

Không những tôi cầu xin Mẹ ban ơn, nhưng tôi năng thưa với Mẹ: “Lạy Mẹ, con có thể làm gì giúp Mẹ được? Con sẵn sàng theo lệnh Mẹ, chịu đựng tất cả, làm tất cả vì ‘Nước Chúa Giêsu, con Mẹ’”. Lúc ấy, tuy ở giữa gian lao, tôi cảm thấy hết lo sợ và bình an.

Mẹ tôi đã đổ vào tim tôi lòng kính mến Đức Mẹ, từ tuổi ấu thơ. Bà nội tôi, mỗi buổi tối, lúc gia đình đọc kinh xong rồi, bà còn ngồi lần thêm một tràng hạt. Tôi hỏi bà, bà đáp: - Mẹ lần một chuỗi cầu nguyện cho các linh mục. Bà tôi không biết đọc biết viết, nhưng chính những người bà, người mẹ như thế, đã vun trồng hạt giống ơn thiên triệu trong lòng chúng tôi.

Mẹ Maria Vô nhiễm không bỏ quên tôi. Mẹ đã sát cánh tôi dọc đường gập ghềnh đen tối của lao tù.

Lúc nào cầu nguyện với Mẹ Maria, tôi không thể quên thánh Giuse bạn trình khiết của Mẹ, vì đó là một nguyện ước của Chúa Giêsu và Mẹ. Thánh Giuse là người được Chúa Giêsu và Mẹ yêu mến cách đặc biệt nhất. Mẹ tôi đã dạy cho tôi điều này.

7- Con cá thứ hai: Tôi chọn Chúa

Tôi đã chia sẻ với các bạn kinh nghiệm sống của tôi trên bước đường theo Chúa Giêsu, để gặp Ngài, sống bên Ngài, để rồi ra đi, mang sứ điệp của Ngài cho mọi người.

Các bạn hỏi tôi: “Làm sao thực hiện được sự kết hiệp với Chúa Giêsu cách toàn vẹn trong một cuộc sống lắm biến động trong cũng như ngoài?”

Trong đời tôi, giai đoạn gian lao nhất là thời gian hơn mười ba năm lao tù. Với cuốn “Năm Chiếc Bánh và Hai Con Cá” này, tôi đã chia sẻ với các bạn, làm sao Chúa đã giúp tôi vượt qua mọi khó khăn và sống đến ngày nay. “Năm Chiếc Bánh và Hai Con Cá” là lương thực nuôi đời sống thiêng liêng của tôi. Nhiều bạn muốn tôi nói rõ ràng chi tiết của bí quyết theo Chúa Giêsu đến cùng cách vững vàng.

Tôi xin các bạn hãy nhìn lên 24 ngôi sao đang chiếu sáng con đường hy vọng của các bạn. Dưới đây, bạn lưu ý sẽ thấy đánh số phía tay phải, từ số 1 đến số 24. Tôi muốn cho 24 số đối lại với 24 giờ trong ngày. Rất thực tế, nếu ta sống 24 giờ trên 24 hoàn toàn theo Chúa Giêsu, chúng ta sẽ làm thánh.

Trong 24 số ấy, tôi nhắc đến tiếng “một” 24 lần. Ví dụ, một cuộc cách mạng, một chiến dịch, một đường lối tông đồ, một khẩu hiệu, v.v... một là cao quý nhất.

Đó là 24 ngôi sao, tôi không cần phải giải thích, tôi mời các bạn bình tĩnh suy niệm các tư tưởng ấy, như chính Chúa Giêsu dịu dàng nói với bạn, thân mật lòng bên lòng. Bạn đừng sợ nghe

Ngài, nói với Ngài. Bạn đừng ngần ngại, mỗi tuần bạn hãy đọc lại một lần. Bạn sẽ thấy ơn thánh tỏa sáng ra và biến đổi cả đời bạn.

Thời gian ở biệt giam, mỗi năm mấy lần tôi nhận thư mẹ hoặc em tôi. Nhưng đặc biệt một hôm tôi được thư của bà Chiara Lubich, người sáng lập phong trào Focolare (Bác ái Hiệp nhất). Là lòng thật, tôi hay nhớ một câu bà nói: “Tôi không nghĩ đến việc lôi kéo ai theo tôi, tôi chỉ biết hết lòng theo Chúa Giêsu, rồi người khác sẽ theo tôi”.

Hai mươi bốn ngôi sao:

1- Canh tân thế giới. 2- Làm cho mọi người hạnh phúc. 3- Thí mạng vì anh em. 4- Tất cả hiệp nhất. 5- Thánh Thể.. 6- Bác ái.. 7- Cầu nguyện.. 8- Phúc âm.. 9- Chúa Kitô và các đại diện của Ngài: 10- Mẹ Maria. 11- Khoa học thánh giá. 12- Hướng về Chúa Cha. 13- Tội lỗi. 14- Nước Cha trị đến, ý Cha được thành sự, dưới đất cũng như trên trời. 15- Có gì đem bán mà cho kẻ khó. 16- Tiếp xúc để hòa mình, nhập thể với mọi người để hiểu, để nghe, để yêu mọi người. 17- Ngôi bên Chúa. 18- Thánh ý Chúa Cha. 19- Giây phút hiện tại. 20- Phúc thật tám mối. 21- Bỏn phận. 22- Ôn Chúa và ý chí con. 23- Thiên Chúa. 24- Tổ Quốc.

6- NIỀM VUI SỐNG ĐẠO

Sách này tổng hợp những câu chuyện ngài nói với nhiều hạng người, tại nhiều nơi, trong nhiều hoàn cảnh khác nhau.

Xin giới thiệu phần mục lục:

A. Bảy mươi điều tâm niệm để vui tươi sống đạo:

I. Thập Đại Thành Công

1. Tôi là ai?
2. Tôi phải sử dụng thì giờ và tài năng của tôi thế nào?
3. Trạng thái tâm hồn của tôi như thế nào?
4. Tôi phải tìm nguồn sinh lực của đời tôi ở đâu?
5. Chiều cao của đời tôi là gì?

6. Chiều rộng của đời tôi là gì?
7. Chiều dài của đời tôi là gì?
8. Ánh sáng định hướng cuộc đời chúng ta là gì?
9. Động lực nào giúp chúng ta thay đổi và thăng tiến xã hội ta đang sống?
10. Khi đã thực hiện được các ước nguyện trên đây, ta phải làm gì?

II. Thập đại bệnh

1. Bệnh quá khứ cục bộ
2. Bệnh tiêu cực bi quan
3. Bệnh phô trương chiến thắng
4. Bệnh cá nhân chủ nghĩa
5. Bệnh lười biếng tránh né
6. Bệnh chuẩn mực trần tục
7. Bệnh đợi chờ phép lạ
8. Bệnh tùy hứng vô định
9. Bệnh sống vô trách nhiệm
10. Bệnh bè phái chia rẽ

III. Thập đại bại

1. Kiêu căng, xem người như máy móc, độc đoán, chẳng chịu nghe ai, bảo thủ ý kiến.
2. Băn khoăn, bi quan, khiến cho người khác cũng đâm hoang mang.
3. Không biết dùng người, không chọn người, không biết huấn luyện, không hòa mình, không khoan dung. Sống cách biệt, giữ óc địa phương.
4. Đa nghi đối với mọi người, mang bệnh “do dự mãi tính”, sợ mất lòng, thay đổi ý kiến như chong chóng.
5. Tự mình ôm đồm bao quát tất cả, lạc lõng trong những chuyện vụn vặt, phiền toái không phân biệt đâu là chính yếu đâu là phụ thuộc.

6. Miệng nói rất khéo, nhưng làm thì khác, cuối cùng chẳng ai tin. Tuyên bố rùm beng, nhưng sống và hành động không ra gì. Gặp khó khăn thì buông xuôi nản lòng. Thành công thì huyênh hoang tự đắc và cướp công, vô ơn đối với kẻ thành tâm giúp mình.
7. Dẫn thân nửa vời, thịnh thì xu thời, “xông pha cứu trợ người thắng trận” trước ai hết; suy thì rút lui nhẹ nhàng không chịu trách nhiệm và đổ lỗi cho kẻ khác.
8. Không có chương trình và kế hoạch, hăng tiết theo cảm hứng, thích tấn công, khó chịu khi nghe sự thật mất lòng.
9. Ích kỷ, chỉ tìm danh lợi cho bản thân mình, sợ người khác hơn mình, giấu kỹ những kinh nghiệm của mình.
10. Không cầu nguyện, chỉ tin vào tài năng và mưu mô, thủ đoạn trần tục, trông cậy vào quyền thế.

IV. Thập đại thắng

1. Khiêm tốn trọng nhân phẩm của mỗi cá nhân, uyển chuyển, linh động, lắng nghe sáng kiến mọi người, rồi suy nghĩ lượng giá.
2. Ý thức, tin tưởng sứ mạng của mình như một ơn Chúa, bình tĩnh trước mọi biến cố.
3. Có thuật dùng người, chấp nhận đối thoại tìm hiểu từng người, tâm hồn quảng đại, biết quên bỏ những lầm lỗi của kẻ khác, lắng nghe bạn bè khuyên bảo, mà nhất là biết nghe kẻ thù chỉ trích.
4. Tín nhiệm cộng sự viên; xem, xét, làm. Quyết định sáng suốt, thực hiện cho kỳ được.
5. Chia sẻ trách nhiệm với các cố vấn, chuyên viên, cộng sự viên, luôn học hỏi, trau dồi thêm khả năng.
6. Nói ít, làm nhiều, luôn luôn trọng kỷ luật, đi tiên phong, nêu gương sống trong mọi lãnh vực, nhìn thẳng thực tế,

khách quan, khiêm tốn lúc thành công, chia sẻ niềm vui với cộng sự viên, kiên trì và nhẫn nại, không bao giờ thất vọng.

7. Sẵn sàng hy sinh tất cả vì sứ mệnh, can đảm nhận trách nhiệm, cùng thành công cùng thất bại, không bao giờ làm tổn thương tình huynh đệ. Tình nguyện nhận điều khó cho mình, để cái dễ cho cộng sự viên.
8. Trước mỗi việc đều có chương trình, kế hoạch, sau mỗi việc đều kiểm điểm chân thành, phê bình và tự phê, sợ tâng bốc thích nghe nói thẳng, nói thật.
9. Chỉ tìm phục vụ, quên mình vì đại cuộc, xác tín rằng mình chỉ là khí cụ trong tay Chúa, nên chỉ tìm thánh ý Chúa, giữ vững lập trường, thấy ai hơn mình thì vui mừng, chuẩn bị cho tương lai, dọn đường và trao hết kinh nghiệm cho người kế vị mình.
10. Trước mọi công việc, trong mọi khó khăn, biết cầu nguyện, tìm ánh sáng và sức mạnh nơi Chúa, bàn hỏi với Chúa trước hết, phó thác cho Chúa trọn vẹn. Hy vọng trong thất vọng, cứ vui vẻ tiến lên, ngày mai có Chúa lo.

V. Tại sao tôi yêu Chúa?

Tôi yêu mười khuyết điểm của Chúa Giêsu. Giới thiệu:

1. Chúa Giêsu kém trí nhớ!
2. Chúa Giêsu không biết làm toán
3. Chúa Giêsu không sành luận lý
4. Chúa Giêsu không biết kinh tế tài chánh
5. Chúa Giêsu làm bạn với kẻ tội lỗi
6. Chúa Giêsu thích ăn uống, tiệc tùng
7. Chúa Giêsu không giữ luật Do thái
8. Chúa Giêsu như điên cuồng

9. Chúa Giêsu phiêu lưu
10. Chúa Giêsu có những lời giảng dạy xem ra mâu thuẫn

VI. Chúa Kitô người quản trị tuyệt vời

Mười đức tính của người quản trị kinh doanh. Giới thiệu:

1. Sẵn sàng.
2. Lập chương trình và quyết tâm thực hiện.
3. Chọn người cộng tác.
4. Biết quyết tâm vượt qua mọi trở ngại khi giữ một vai trò quan trọng.
5. Không khoan nhượng với tham nhũng.
6. Vun quén những quan hệ tốt.
7. Hãy lưu ý đến các cháu nhỏ và gia đình.
8. Sẵn sàng đương đầu với khó khăn.
9. Chọn lựa ưu tiên.
10. Chuẩn bị người thừa kế.

VII. Sứ điệp Đức Mẹ La Vang

Mười điểm của sứ điệp. Giới thiệu:

1. Bí quyết cầu nguyện
2. Tinh thần ầu thơ
3. Mầu nhiệm thánh giá
4. Phó thác cho Mẹ
5. Phục vụ người nghèo
6. Xây dựng Hội Thánh
7. Thánh hóa gia đình
8. Đoàn kết hiệp nhất

9. Loan báo Tin Mừng

10. Chứng nhân Hy-vọng

VIII. Cộng đoàn Đức Mẹ La Vang

Cộng đoàn dịch từ chữ community, là cách gọi mới của các Tu hội. Cộng đoàn hay Tu hội là một tập hợp những người nam hay nữ cùng sống theo một linh đạo với tình huynh đệ. Cộng đoàn có lời khấn thì chặt chẽ hơn và thuộc Thánh bộ Giáo lý Đức tin, còn Cộng đoàn không có lời khấn thì rộng rãi hơn và thuộc Hội đồng Giáo hoàng về Giáo dân. Cộng đoàn Đức Mẹ La Vang thuộc loại thứ hai và người giáo dân có thể tham gia dễ dàng.

Trong đại lễ mừng kỷ niệm 200 năm Đức Mẹ hiện ra tại La Vang vào ngày 15 và 22 tháng 8 năm 1998 tại Vương Cung Thánh Đường của Đền Thánh Quốc Gia Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn, Đức TGM Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận, Chủ tịch Hội đồng Giáo hoàng Công lý và Hòa bình, đã hiến dâng “Cộng đoàn Đức Mẹ La Vang” cho Mẹ Maria. Trong bài giảng, ngài nhắc lại ý nghĩa những điểm căn bản của Sứ điệp La Vang: Xây dựng Hội Thánh, thánh hóa gia đình, đoàn kết hiệp nhất, loan báo Tin Mừng và chứng nhân hy vọng.

Đồng thời, ngài nói lên tâm tình hiệp thông với vị đại diện của Đức Thánh Cha tại La Vang là Đức Hồng y Phaolô Giuse Phạm Đình Tụng, Tổng Giám mục Hà Nội, và với toàn thể Giáo hội Việt Nam.

Ngài minh định linh đạo của Cộng đoàn Đức Mẹ La Vang là phó thác mình trong cánh tay che chở và cầu bầu của Mẹ, tập trung vào việc cầu nguyện, gặp gỡ với Chúa qua Thánh Kinh và đồng hành với Đức Giêsu Kitô luôn hiện diện giữa Cộng đoàn, luôn cam kết chia sẻ sứ vụ tông đồ trong việc rao giảng Phúc Âm của Giáo hội hoàn vũ.

B. Để tiến bước trên đường Hy Vọng

I. Dưới ánh sáng của 24 ngôi sao dẫn đường

II. Mười bốn bước theo Chúa Giêsu

III. Nhờ lương thực 5 chiếc bánh và hai con cá.

Chúng tôi chỉ xin giới thiệu sau đây phần tóm tắt nội dung của 3 đề tài: “Thập đại bệnh”, “Thập đại thành công” và “Tại sao tôi yêu Chúa”.

A/ Thập Đại Bệnh

1. Bệnh quá khứ cực bộ

Bệnh này thể hiện qua tâm trạng chỉ nhớ và khen cái quá khứ của mình mà thôi và đóng khung lại trong đó. Mà dù thế nào thì mình vẫn phải sống. Quá khứ không bao giờ trở lại. Và thời gian thì cứ tiến mãi. Nhìn lại gương Chúa Giêsu. Từ trời cao xuống thế, Ngài cứ nhắm tới, một mạch đi tới và cứ nói: “Thầy sẽ lên thành Giêrusalem chịu nạn”. Ngài dự biết cuộc tử nạn sẽ rất đau đớn, nhưng vẫn đi tới, chấp nhận. Bởi qua cái đau khổ đó con người được cứu độ. Cũng vậy, nếu chúng ta muốn cho Đất nước và Giáo hội mình tiến, thì phải nhìn về tương lai. Không quên quá khứ, vì đó là bài học cho tương lai. Nhưng đừng có viễn mơ lui lại quá khứ.

2. Bệnh tiêu cực bi quan

Những người mang bệnh này cứ chỉ trích kinh niên. Khi nào cũng có chuyện để chỉ trích. Bệnh chỉ trích phát sinh từ lòng ích kỷ hoặc kiêu căng. Một biểu hiện song hành của bệnh này là người chỉ trích thường hay thiếu tự tin. Người tiêu cực cái gì cũng chỉ trích. Nhưng khi được yêu cầu đưa đề nghị thì “đề xem đã”, hoặc có ai đưa ra đề nghị gì thì lại lắc đầu “không làm nổi đâu”! Người tiêu cực thì bất cứ một cơ hội nào cũng là một tai họa cho mình (*for the pessimists every opportunity is a calamity*). Trái lại, người lạc quan thì bất cứ tai họa nào cũng là một cơ hội cho mình (*for the optimists every calamity is an opportunity*). Người tích cực thì lạc quan. Kẻ tiêu cực bi quan. Tùy theo cách nhìn mà vấn đề nảy sinh. Người Pháp nói: Đừng trách rằng tối, tối là vì mình không chịu thắp đèn lên thôi! Đức Gioan Phaolô II kêu gọi:

“Đừng sợ”, vì ta tin vào Thiên Chúa quyền năng và yêu thương, ta tin con người có thiện chí, ta tin vào mình có Chúa giúp.

3. Bệnh phô trương chiến thắng

Làm gì cũng chỉ nhằm chuyện phô trương là chính. Bệnh này tiếng Pháp gọi là *triomphalisme*; người Mỹ cũng có từ ngữ *show off*. Thỉnh thoảng đây đó đọc trên những bản tin sinh hoạt cộng đoàn thật nức lòng: Đại lễ tổ chức vô cùng thành công, chưa có bao giờ và có ai tổ chức được lớn như thế... Nhưng hết tiệc ra về rồi là hết. Đại lễ hôm qua hôm nay thành quá khứ xa lơ. Cảm xúc hôm qua hôm nay gọi mãi chẳng thấy về! Hãy coi chừng bệnh phô trương, vì cái chiều sâu thực sự ít ai quan tâm. Ta bảo sáng danh Chúa, nhưng xét cho kỹ Chúa mấy phần trăm, ta mấy phần trăm? Mà thành công đâu phải do mình tài giỏi gì. Nhưng mọi chuyện là nhờ ơn Chúa. Lúc đang huyênh hoang thì chính là lúc nguy hiểm nhất, tai hại nhất, vì đó là lúc mình mất cảnh giác. Khi nào thấy sau một cuộc lễ, có nhiều người ăn năn trở lại, cộng đoàn hiệp nhất hơn, sốt sắng hơn, đó là dấu thành công thực sự.

4. Bệnh cá nhân chủ nghĩa

Các nhà phân tích cho hay người Âu châu bị bệnh này nặng hơn. Nhưng mình cũng không kém. Thời đại này đâu đâu cũng nghe người ta hô hào đoàn kết (solidarité). Mà xem ra càng hô hào đoàn kết chừng nào, thì bệnh cá nhân lại nặng chừng nấy! Biểu hiện của bệnh này: Mình là nhất, là trung tâm của vũ trụ. Mình chiếm độc quyền, ngay cả độc quyền thờ Chúa, độc quyền yêu nước. Không muốn ai chia sẻ với mình, vì sợ người ta hơn. Người ta không tiếp tay với mình thì trách. Nhưng khi tiếp tay thì lại chỉ muốn họ đứng sau lưng mình mà thôi. Cá nhân chủ nghĩa phát sinh từ lòng ích kỷ. Kính Chúa, yêu người thực chất là vì mình, vì lợi cho mình chứ chẳng phải vì Chúa vì người gì cả. Trong Giáo hội có một điểm quan trọng, đó là tính đa diện (pluralité). Giáo hội không đòi hỏi phải đồng bộ, nhưng trân trọng nét cá biệt của mỗi giáo hội địa phương. Khác nhau hầu bỏ tức cho nhau, chứ không phải để rồi tôi đi đường tôi anh đi đường anh.

5. Bệnh lười biếng tránh né

Triệu chứng của bệnh này là sợ tổn sức tổn của, sợ liên lụy, a dua: ai mạnh thì hòa theo. Khi nói thì rất hăng, nhưng vào việc thì viện đủ lý do để che đậy cái hèn nhát và lười biếng của mình. Giữa đại hội thì phát biểu thật hùng hồn, lúc phân việc thì lẩn đầu mắt. Để xây dựng cộng đoàn có trăm công ngàn việc. Việc gì cũng đáng làm. Chẳng cần phải ngồi ghế lãnh đạo mới là làm việc. Việc nào cũng có thể nên thánh, miễn là làm cho tới nơi tới chốn. Khi ở Dublin một tháng để học hỏi về Đạo binh Đức Mẹ tôi may mắn được gặp người sáng lập, ông Frank Duff. Tôi háo hức, tưởng sẽ diện kiến một nhân vật quốc tế tiếng tăm, người mà các Hồng y, Giám mục khắp nơi đều phải ngồi nghe. Nhưng không ngờ, ông chỉ là một cụ già đưa thư. Hàng ngày khiêm tốn đạp chiếc xe cộc cạch ra bưu điện mang thư về cơ quan, bỏ vào hộp thư của gần một ngàn chi nhánh Đạo binh ở Dublin. Người ta nói công việc của ông bây giờ chỉ có thể, có tuổi rồi không còn giữ vai trò quan trọng nào nữa, nhưng khi ai cần ý kiến thì ông sẵn sàng đóng góp và hướng dẫn giải quyết. Đây, công việc đưa thư hèn mọn có làm giảm tư cách con người đâu!

6. Bệnh chuẩn mực trần tục

Lấy tinh thần, nỗ lực trần tục làm chuẩn mực cho cuộc sống mình. Làm việc Chúa, nhưng không theo tinh thần Phúc Âm mà lại dùng tiêu chuẩn hoàn toàn trần tục để chuẩn định. Người công giáo kiểu đó thường hay trở thành:

- Công giáo tùy thời: Thịnh thì công giáo, suy thì chối đạo.
- Công giáo vụ lợi: Có mùi vật chất thì tới, không thì miễn.
- Công giáo danh dự: Chỉ siêng năng xuất hiện khi có lễ lạc được mời lên ghế danh dự, không thì biệt tăm chẳng bao giờ thấy.

Nhiều khi chẳng phải là bản chất, chẳng tội lỗi gì, nhưng là vì mình đua đòi. Chính đua đòi này làm cho cuộc đời khổ sở. Và chuẩn mực trần thế thường được căn cứ theo báo chí, truyền thanh truyền hình. Báo bảo cái gì hay là hay, cái gì số đông theo là tốt...

mặc dù những cái đó không hợp với lương tâm. Tuổi trẻ hôm nay đang bị chao đảo trong một thế giới khủng hoảng niềm tin và giá trị. Cho nên họ cần người tin cần dám nói thẳng cho họ đâu là điều đúng, đâu là sai. Cái khó và nguy hiểm của ngày hôm nay là người ta phạm tội, nhưng lại bắt cả nhà nước và Giáo hội coi đó là nhân đức. Chẳng hạn như chuyện đồng tính luyến ái. Dư luận đang bắt mọi giới phải xem đó là chuyện hợp luân thường đạo lý. Giáo hội thương cảm, nhưng Giáo hội cần nói sự thật. Đức Thánh cha nói: “không cần ai bỏ phiếu cho sự thật” vì sự thật vẫn là sự thật.

7. Bệnh đợi chờ phép lạ

Cứ chờ cứ đợi người khác, mà bản thân mình chẳng chịu làm gì. Mình có làm thì Chúa mới giúp được chứ. Chúa sinh ra mình không cần hỏi ý mình, nhưng để cứu mình Ngài phải cần đến sự cộng tác của ta.

Trong một vụ lụt xe cứu thương rảo khắp phố phường kêu gọi người dân rời nhà di chuyển lên nơi cao để tránh nước lũ. Ông bố của một gia đình bảo với con cháu: Tội bây đưa nào đi thì đi, còn tao không đi; tin tưởng phó thác vào Chúa thì sao Ngài bỏ rơi được. Nước lũ tới, dâng cao. Ghe cấp cứu lại kêu gào tản cư gấp. Ông già kê bàn kê ghế leo lên rồi giục: Mẹ con bây đi thì đi nhanh lên, tao không. Nước tiếp tục dâng cao, ông già leo lên mái nhà ngói. Máy bay trực thăng lượn qua lượn lại, thả dây kêu gọi ông di tản. Ông nhất quyết không đi, bởi tin rằng có Chúa che chở. Và nước ngập cuốn ông đi luôn. Ông gặp thánh Phêrô. Thánh Phêrô hỏi sao lại dạt vào đây. Ông già bức bối trách cứ, tại sao con đặt hết tin tưởng vào Chúa mà Ngài không cứu sống, lại để con chết trôi chết nổi thế này và ông yêu cầu thánh Phêrô mở cửa đưa ông vào Thiên đàng cấp tốc. Thánh Phêrô ngạc nhiên đáp lại: Chúa có cứu ông chứ! Ông có nghe đài báo tin không? – Có! Ông nghe xe cứu thương kêu gọi không? – Có! Ông có thấy ghe máy, trực thăng đến cứu không? – Có! Tại sao ông bảo Chúa bỏ ông?

8. Bệnh tùy hứng vô định

Người không có lý tưởng rõ ràng. Đời vô định hướng. Ai

xúi thì nhắm mắt làm theo, bắt kẻ hay dở, khôn dại. Xong rồi phải tay. Chẳng có dự án và chẳng có một người nào làm lý tưởng cho đời mình. Đây là loại người tùy hứng. Người ta hay nói đời là một giấc mơ. Nhưng đời có thật là một giấc mơ không? Mơ là chuyện mộng, không bắt buộc phải hiện thực. Nhưng đời trái lại là cuộc sống thực tế của mỗi người, bắt mình phải hoàn thành. Thánh Kinh nói đến giấc mơ của Thánh Giuse. Ông mơ thiên thần báo phải đem Hài nhi và mẹ người trốn sang Ai Cập. Cái đặc biệt ở đây là Giuse đã thực hiện giấc mơ đó và nhờ vậy Chúa Giêsu thoát chết. Người trẻ cần có lý tưởng và phải thực hiện cho bằng được. Nhưng phải định hướng cho đúng.

Truyện kể có người khi còn trẻ quyết tâm sẽ thay đổi cả thế giới. Khi đứng tuổi thấy mình chẳng thay đổi được ai, bèn chuyển mục tiêu gần hơn: sẽ thay đổi gia đình mình. Đến khi về già quay lại thấy mình cũng chẳng thay đổi được gia đình, mới nhận chân ra rằng muốn thay đổi gia đình hay thế giới trước hết phải thay đổi chính con người của mình đã!

9. Bệnh sống vô trách nhiệm

Triệu chứng: thờ ơ trước những khó khăn của Hội Thánh và quê hương, trước những đau khổ của người khác. Chẳng thấy mình có trách nhiệm gì cả. Hóa ra những người mắc bệnh này chẳng hiểu gì về phép Rửa, chẳng còn nhớ gì sứ mạng được trao qua phép Rửa đó. Qua phép Rửa, được làm con Chúa, đó là hồng ân, và phép Thêm sức làm cho ta nên chiến sĩ của Chúa đó là trách nhiệm, mỗi người chúng ta được trao ban cả nước trời trong lòng mình, đồng thời cũng được giao phó sứ mạng phải loan báo cho mọi người về nước trời mình đang mang. Vì không ý thức và quan tâm nên họ giữ đạo hời hợt, sống đạo một cách vô trách nhiệm.

Mình quả thật sung sướng vì được Chúa cho cả nước trời trong lòng, giống như một người mang trong mình vé số độc đắc đã trúng mà chưa lãnh. Và bổn phận của mình là chia sẻ ân huệ và niềm vui đó cho người khác. Mỗi người trong xã hội đều có trách nhiệm riêng. Chứ không phải giáo dân thì cứ đổ cho cha xứ, linh

mục thì đổ cho Giám mục, Giám mục lại chỉ tay về Giáo hoàng. Như thế Giáo hoàng lại đổ cho Chúa à! Thái độ phũ tay không giải quyết được gì. Mà mỗi người, tùy vị trí và hoàn cảnh riêng, trước hết phải xắn tay nắm lấy mà giải quyết nhiệm vụ của mình.

10. Bệnh bè phái chia rẽ

Đây là căn bệnh trầm kha nhất. Vô cùng nguy hiểm vì nó thường là căn nguyên của các bệnh khác. Một cơ thể mà các tế bào chống nhau thì làm sao sống được. Nội bộ một cộng đoàn mà chưa hợp tác với nhau được thì đừng nên bàn chuyện đấu tranh, giải phóng.

Ai ở thôn quê đều biết hoàn cảnh cấy lúa. Một mảnh ruộng cần cả chục người cấy suốt ngày. Lưng đội trời nóng cháy da, tay xé lúa nhả xuống bùn, bẩn và mệt. Nhưng cũng miếng ruộng đó chỉ cần một người thôi là chỉ trong vòng vài ba tiếng đồng hồ là nhỏ sạch.

Xây khó, phá rất dễ. Một cách hay nhất để tránh và chữa bệnh này là lắng nghe người khác, sẵn sàng chấp nhận cái khác của người. Trong một giáo phận, một cộng đoàn, một hiệp hội, việc làm tôn thương, mất giờ để giải quyết nhất của Giám mục, của những người có trách nhiệm, là chứng bệnh triền miên bè phái, chia rẽ – mà những người mắc bệnh thường vẫn tưởng mình đạo đức. Có nhiều người “phạm tội vì Chúa”, lấy lý do “vì Chúa” mà loại trừ kẻ khác, không thuộc phe ta. Người Pháp đã ném kinh nghiệm cay đắng tai hại của bệnh này nên có câu châm ngôn: *“Đừng vì kính mến Chúa mà chống kẻ khác”*. Chúa Giêsu biết trước điều này nên Ngài tha thiết cầu xin trước giờ tử nạn: *“Lạy Cha, xin cho chúng nên một như Cha ở trong con và con ở trong Cha, để thế gian tin Cha đã sai con”* (Gioan. 17, 21). Nếu ta không hiệp nhất thì thế gian không tin.

B/ Thập Đại Thành Công

Đức Hồng y đề cập đến 10 câu hỏi căn bản mà bất cứ mỗi phần tử nào của cộng đồng Công giáo Việt Nam ở hải ngoại cũng

cần tự đặt ra cho mình. Hỏi tức là trả lời. Phần trả lời Đức Hồng y gọi ra sau mỗi câu hỏi rất gọn gàng, ít chữ mà nhiều ý, súc tích, đầy đủ, rất cần thiết cho những tâm hồn hướng thượng và ước ao sở hữu một nhân cách trưởng thành. Rất ích lợi cho giới trẻ mỗi ngày suy niệm để nhìn lại bản thân, tự rèn luyện hầu mong đạt được thành công trong cuộc sống.

Các câu hỏi:

1- Tôi là ai?

Tôi là người Việt Nam, tôi là người công giáo. Tôi đang sống định cư ở một quốc gia hải ngoại. Tôi yêu quê hương Việt Nam và hãnh diện làm người Việt Nam. Đã là người Việt Nam, tôi có bốn phận dân thân phục vụ đồng bào, trung thành bảo vệ và xây dựng quê hương tôi bằng tim óc, xương máu tôi. Tôi còn phải là niềm hãnh diện và hy vọng cho đồng bào, dân tộc Việt Nam. Tôi vừa tiếp nhận, sáng tạo những điều mới lạ, hay, đẹp nơi xã hội trước mắt, đóng góp phần mình vào đà tiến chung của nhân loại. Là người Công giáo Việt Nam hải ngoại, tôi không thể bằng lòng với khuôn khổ đóng kín, tự tách rời, của một lối tổ chức cộng đồng đã thuộc về quá khứ, không còn tiếp cận tâm tư của con người ngày nay. Tôi phải hội nhập với văn hóa của nơi tôi đến định cư mà không mất căn tính Việt Nam.

2- Tôi phải sử dụng thì giờ và tài năng của tôi thế nào?

Tôi phải sống phút hiện tại và làm cho nó đầy tình thương. Kho tàng ở tầm tay, đó là thời gian. Phải hết sức quý và sử dụng thời gian cho thật tốt. Đẹp bỏ những gì là phụ thuộc, tập trung cả tâm hồn cho những gì là chính yếu. Mỗi lời nói, mỗi tư tưởng, mỗi cử chỉ, mỗi cú điện thoại, mỗi quyết định phải là “đẹp nhất” của đời tôi. Tôi phải dành cho mỗi người tình yêu của tôi, nụ cười của tôi: tôi phải lo sợ đánh mất mỗi giây phút trong đời mình vì đã sống không ý nghĩa...

Cha đã viết trong cuốn Đường Hy Vọng: “Con chỉ có một giây phút đẹp nhất: giây phút hiện tại (x. Mt. 6, 34; Gc. 4, 13-15).

Sống trong tình yêu Chúa cách trọn vẹn, đời con sẽ tuyệt đẹp nếu kết tinh bằng từng triệu giây phút đẹp nhất. Con thấy đơn sơ, không phải khó” (ĐHV. 997).

3- Trạng thái tâm hồn của tôi như thế nào?

Tôi phải sống ngày hôm nay như ngày cuối cùng của đời tôi. Mỗi giây phút tôi sống không bao giờ lặp lại; và không ai thay thế tôi để sống cuộc đời riêng tư, nhân cách có một không hai của tôi. Tôi hoàn thành giá trị con người tôi trong khung cảnh của giây phút này, ngày hôm nay với những điều kiện hiện đang có; từng giây phút hiện tại đó tôi đưa cuộc sống thần thánh của Thiên Chúa vào thời gian hiện tại của tôi; từng giây phút hiện tại tôi chuyển mỗi công việc nhỏ bé của tôi thành hành động của Thiên Chúa. Tôi không chờ đợi trong ảo tưởng, nghĩ rằng rồi ra một ngày mai nào đó tôi sẽ thật sự bắt đầu sống, bắt đầu hoán cải, bắt đầu dần thân...

4- Tôi phải tìm nguồn sinh lực của đời tôi ở đâu?

Tôi phải tìm từ Đạo của tôi, từ niềm tin tôn giáo. Dấu ấn khắc ghi nơi tâm hồn con người, tức là niềm tin và khát vọng Sự thật, không thể có một yếu tố bên ngoài nào tẩy xóa được, nơi bất cứ ai vào bất cứ thời nào. Niềm tin, và cao độ là niềm tin tôn giáo, phát xuất từ động lực này lôi kéo con người hướng về Chân-Thiện-Mỹ. Động lực đó là yếu tố chính của cuộc sống. Động lực thúc đẩy con người biết và thực hiện giá trị làm người đó là sức mạnh của niềm tin tôn giáo. Khi không còn niềm tin ở Thiên Chúa là Tạo hóa, là Cha của chúng ta thì chẳng còn sợ ai, chẳng chữa một loại thủ đoạn nào, gian trá độc địa nào, chẳng trừ một thứ tội ác nào. Khi không có niềm tin mọi người là anh em của ta, con một Chúa, thì chỉ áp dụng thuyết “cá lớn nuốt cá bé” - người bóc lột người.

5- Chiều cao của đời tôi là gì?

Là trung thành với Thiên Chúa, với Hội thánh, với Tổ tiên, với Tổ quốc. Nhìn lên, tôi sống mỗi tương quan với cha mẹ, ông

bà, tổ tiên, và cao hơn cả là Đấng Tối Cao - Thiên Chúa, Tổ của tổ tiên, người Cha chung của nhân loại. Là sống như Đức Kitô đã sống, bằng lời nói, việc làm để rao truyền Nước Thiên Chúa ở giữa mọi người. Tôi xác tín chỉ có Thiên Chúa mới có thể ban mọi ân sủng cho tôi. Tôi tôn vinh những người được Thiên Chúa gửi đến để chuyển nguồn sống của Ngài đến cho tôi, cho tôi được làm người Việt Nam Công giáo hôm nay: họ là cha mẹ, ông bà, tổ tiên, và Giáo hội tôi.

6- Chiều rộng của đời tôi là gì?

Là trưởng thành đối với gia đình, cộng đoàn và xã hội. Người trưởng thành không thụ động chờ đợi người khác phục vụ mình, ban cho mình các quyền lợi, nhưng tích cực dần dần gánh vác các công việc của gia đình, cộng đồng, quốc gia và giáo hội vì ý thức đó là trách nhiệm của tôi. Sống trưởng thành là dần dần thực hiện công ích và thúc đẩy tiến bộ. Sống trưởng thành là biết cân nhắc, suy xét và can đảm quyết định, bởi vì không ai có thể quyết định thay chúng ta. Người trưởng thành không thụ động chờ người khác suy nghĩ thay, không chờ người khác bồng bế, dẫn đi, khuyên bảo, động viên, không chờ phép lạ. Người trưởng thành tự mang lấy trách nhiệm dưỡng nuôi, giáo dục, bảo vệ người yếu kém, bất hạnh. Người trưởng thành không bao giờ rời vị trí, không buông tay bỏ trách nhiệm. Công việc khó thật, nguy hiểm thật, nhưng tôi không rời một ly, không lui một bước, mà giữ vững vị trí, nếu cần liều mạng sống tôi cũng chấp nhận. Chúa chúng ta đã phán: “*Này, Thầy lên Giêrusalem và con người sẽ bị nộp*” (Mt. 20, 18). Nhưng không phải tôi giữ vị trí vì nhiều rượu ngon thịt béo, và kiếm cách yên thân, mặc cho người khác phải hoạn nạn, tan tác.

7- Chiều dài của đời tôi là gì?

Là tín thành với bằng hữu, với mọi người. Đức Thánh cha Gioan Phaolô II đã trích lại câu thơ của thi sĩ Juvénal: “*Tội ác tày trời là coi mạng sống mình hơn danh dự. Và vì quá ham sống mà đánh mất những ý nghĩa đời người*”. Người biết trọng danh dự là

người sống thành tín để bạn bè tín nhiệm được mình, là tâm hồn đại độ để có thể tin tưởng vào người khác. Nếp sống đó là chìa khóa để phục hồi niềm tin, canh tân và tạo an bình cho sinh hoạt gia đình, đoàn thể, quốc gia và giáo hội. Người tín thành, trọng danh dự, luôn luôn giữ lời hứa, chu toàn phận sự, người ta có thể đặt niềm tin vào họ, lúc thịnh cũng như lúc suy, thành công cũng như thất bại họ luôn luôn có mặt bên cạnh bạn bè. Người tín thành, mở rộng đôi cánh tay, để bắt tay mọi người thân ái; hai bàn tay bên là tín, bên là thành nối dài, nối dài vòng quanh thế giới. Không ai tín thành bằng người sẵn sàng chết thay cho bạn - phải vươn đôi tay tín thành lên khắp năm châu thì mới biến đổi được cái xã hội ta đang sống - nơi mà không ai tin ai, nơi người ta dò thám nhau, rình mò nhau, tố cáo nhau.

Danh dự con người dựa trên lòng thành thật, vì thành thật tạo cho bằng hữu tín nhiệm. Trung tín trong lời nói, ngay thẳng trong tâm tư, đại độ trong cách cư xử, đó là nhân cách của kẻ trọng danh dự. Một người không danh dự, lật lọng, dối gạt bạn bè, và người thân, sẽ gây cho gia đình, quốc gia đổ vỡ, bầu khí xã hội băng rã. Một gia đình, một đoàn thể, một chế độ không lấy Sự thật và Tín thành để làm tiêu chuẩn, sẽ đẩy đưa nếp sinh hoạt của mình vào con đường thù hận, gian trá, thiếu danh dự, và con dân sẽ mất hướng.

8- Ánh sáng định hướng cuộc đời chúng ta là gì?

Ánh sáng định hướng đời tôi là hy vọng. Thánh giá đem lại hy vọng vì Chúa Giêsu chịu đóng đinh vào đó để cứu rỗi nhân loại, Người lại phục sinh để đưa nhân loại vào thiên đàng. Người Công giáo là ánh sáng giữa đen tối, là muối sống giữa thối nát, và là hy vọng giữa một nhân loại thất vọng (ĐHV 950). Thánh Phaolô hằng khuyên nhủ giáo dân đừng sống như những người không hy vọng (ĐHV 951).

Đời ta sẽ là một đời hy vọng. Chấm này nối tiếp chấm kia, ngàn vạn chấm thành một đường dài. Phút này nối tiếp phút kia, muôn triệu phút thành một đời sống. Chấm mỗi chấm cho đúng,

đường sẽ đẹp, sống mỗi phút cho tốt, đời sẽ thánh. Đường hy vọng do mỗi chầm hy vọng. Đời hy vọng do mỗi phút hy vọng (ĐHV 978). Nội dung của cuộc sống chứng nhân, niềm hy vọng Phục vụ, Phát triển, Phúc âm và Phận sự.

9- Động lực nào giúp chúng ta thay đổi và thăng tiến xã hội ta đang sống?

Là tinh thần đoàn kết hiệp nhất. Chỉ khi nâng tâm hồn lên, vất bỏ đi đằng sau những cố chấp, tự mãn, tị hiềm nhỏ nhoi, thì mắt mới có khả năng nhìn về một hướng, tay có khả năng nắm chặt với nhau để cùng đi. Hiệp nhất, liên đới muốn thành hiện thực phải mức lấy sức mạnh cao siêu của bác ái. Nhưng phải bác ái theo cách Chúa chỉ: “Hãy yêu thương nhau như Thầy yêu thương chúng con” (ĐHV 755).

10- Khi đã thực hiện được các ước nguyện trên đây, ta phải làm gì?

Ta phải nhìn lên Chúa, nhìn chính mình, nhìn mọi người và mỉm cười. Khi mẹ Têrêxa nói đến nụ cười, mẹ muốn nói đến nụ cười có ý nghĩa thâm sâu, hạnh phúc vì được Thiên Chúa ở với mình, một nguồn vui không ai cướp được. Đừng nghĩ rằng chỉ khi nào có tiền mới làm được việc bác ái. Hãy biết rằng có nhiều cách bác ái: Bác ái của nụ cười, bác ái của bắt tay, bác ái của thông cảm, bác ái của thăm viếng, bác ái của cầu nguyện (ĐHV 714).

C/ Tại sao tôi yêu Chúa?

Ở đây đây Đức Tổng Giám mục Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận đề cập đến “10 khuyết điểm tuyệt vời của Chúa Giêsu” trong buổi chia sẻ tại Strasbourg, Pháp, nhân cuộc họp mặt “Niềm Vui Sống Đạo” của các bạn trẻ Việt Nam Công giáo sống tại Âu châu. Gồm có 10 đề tài nói về 10 đặc tính siêu phàm của Chúa Giêsu. Nội dung nói về tình yêu lạ lùng của Đức Giêsu đối với con người. Tình yêu đó không nhớ lỗi lầm, không tính toán, không xét nét, không vị kỷ, không phê phán, không câu chấp, không gò bó, không biên giới, không điều kiện. Tình yêu đó yêu điên cuồng

đến độ phiêu lưu và hy sinh cả mạng sống mình. Tình yêu đó khác với mẫu mực nhỏ hẹp của xã hội và của lối cân nhắc giới hạn của chúng ta. Chúa là Đấng trọn lành, làm sao có khuyết điểm được, nhưng Chúa lại là tình yêu vô hạn, mẫu nhiệm. Trí khôn loài người không hiểu nổi, không tin nổi, nên gọi là khuyết điểm!

1- Chúa Giêsu kém trí nhớ !

Lúc Chúa sắp trút hơi thở cuối cùng, một trong hai gian phi bị đóng đinh bên Người thốt lên lời cầu xin: “*Ông Giêsu ơi, khi ông vào Nước của ông, xin nhớ đến tôi*”. Và Chúa nói với anh ấy: “*Tôi bảo thật với anh, hôm nay, anh sẽ được ở với tôi trên Thiên đàng*” (Lc. 23, 42-43). Người gian phi kêu nài Ngài nhớ, thì Ngài “nhớ” một điều là thấy người ấy trước mắt, còn tất cả mọi điều gian ác trước đó Ngài đã quên hết.

Chuyện ngụ ngôn người cha nhân hậu, cho thấy người cha không kể đến tội cũ, chỉ trông ngóng chờ con, thấy con đang xa, thì chạy ra đón. Con có thú tội, thì cũng không cố nghe để hạch hỏi tội cũ mà ra lệnh cho tôi tớ: lấy áo đẹp, giày tốt, nhẫn quý mang lại cho cậu, làm thịt con bê béo dọn tiệc mừng con. Chúng ta thấy ở đây trí nhớ của Chúa Giêsu dường như không còn làm việc nữa! Ngài quên vô điều kiện, quên tức khắc tất cả quá khứ không hay không tốt của ta, mỗi khi chúng ta quay trở về.

2- Chúa Giêsu không biết làm toán

Trong dụ ngôn con chiên bị mất (xem Mt. 18, 12-14; Lc. 15, 4-7), chúng ta thấy lối cư xử của Chúa Giêsu tỏ ra không biết tính toán. Một kẻ có 100 con chiên ở giữa đồng trống mà mất một con, hẳn phải tính toán xem làm sao một con đi lạc lại hơn 99 con còn lại. Không những Chúa Giêsu cho rằng 1 con đi mất cũng bằng 99 con còn lại, mà còn đi xa hơn nữa: Ngài bỏ 99 con còn lại đấy để đi tìm cho kỳ được con chiên bị mất. Một mà hơn 99, hẳn Chúa Giêsu không biết làm toán!

Trong chương trình rao giảng của Ngài, không phải số lượng quần chúng đông đảo mà Chúa Giêsu tìm kiếm, nhưng là

những con người; và Ngài đã không tiếc thì giờ để trao đổi với từng người, giảng dạy cho một người như chúng ta từng thấy trong cuộc đối thoại với người phụ nữ Samari trên bờ giếng Gia-cóp (xem Gioan 4, 1-42).

3- Chúa Giêsu không sành luận lý

Chúa Giêsu không những không cân nhắc tính toán trên số lượng, mà có lúc lời của Ngài đi ngược lại sự khôn ngoan bình thường của con người. *“Khi nào ông đãi khách ăn trưa hay ăn tối, thì đừng kêu bạn bè, anh em hay bà con, hoặc láng giềng giàu có, kẻ họ cũng mời lại ông, và như thế ông được đáp lễ rồi. Trái lại, khi ông đãi tiệc, hãy mời những người nghèo khó, tàn tật, què quặt, đui mù. Họ không có gì để đáp lễ, và như thế, ông mới thật có phúc”*. (Lc. 14, 12-14).

Trong dụ ngôn về đồng bạc bị mất (xem Lc. 15, 8-10), người phụ nữ có 10 đồng, nhưng trong đêm lỡ đánh mất 1 đồng: *“bà thắp đèn, quét nhà, moi móc tìm cho bằng được”*. Khi tìm được, thì nôn nóng đem nguồn vui của mình cho người chung quanh không ngại sự nghỉ ngơi trong đêm vắng. Chẳng qua vì Chúa là yêu thương, mà yêu thương của Thiên Chúa cao hơn lý luận con của người.

4- Chúa Giêsu không biết kinh tế tài chánh

Chúa Giêsu đến để loan báo Nước Trời ở gần con người, gần cuộc sống của họ. Thế mà khi giới thiệu Nước Trời với các môn đệ và với người nghe Ngài nói, Ngài lấy dụ ngôn về Nước Trời như người chủ vườn nho thuê thợ làm cho mình trong một ngày (xem Mt. 20, 1-16). Người chủ từ tảng sáng đã muốn thợ làm; rồi đến giờ thứ 3, giờ thứ 6, giờ 11, mỗi giờ người ấy đều đi tìm muốn thêm thợ (giờ 11 trong lời nói của người Do Thái thời của Chúa Giêsu tức là buổi cận chiều tối rồi). Chiều tối đó, ông chủ, trả cho mỗi người 1 quan tiền như nhau. Những kẻ làm nhiều giờ trong ngày bực tức vì thấy ông chủ này bất chấp lối tính toán và sự công bình thông thường: *“Này bạn, tôi đâu có xử bất công với bạn. Bạn đã chẳng thỏa thuận với tôi là 1 quan tiền sao?...”*

Hay vì thấy tôi tốt bụng, mà bạn đâm ghen tức? Thế là những kẻ đứng chót sẽ được lên hàng đầu, còn những kẻ đứng đầu sẽ phải xuống hàng chót...” (Mt. 20, 13-16).

5- Chúa Giêsu làm bạn với kẻ tội lỗi

Trong xã hội của người Do Thái vào thời Chúa Giêsu và ngay giữa xã hội chúng ta, người ta khó lòng chấp nhận chuyện người “đàng hoàng” lại giao du với lớp người không “đàng hoàng”. Thời bấy giờ người đồng hương với Chúa Giêsu cho rằng hai giới đặc biệt không “đàng hoàng” là những quân thu thuế và người tội lỗi, đặc biệt là các người gái điếm. Người tội lỗi bấy giờ còn được xem là những kẻ không lành mạnh về cuộc sống thân xác, như người phung cùi, tàn tật... Những người Pha-ri-siêu nhiều lần nhắc nhở với các môn đệ Chúa: *“Sao Thầy của các anh lại ăn uống với bọn thu thuế và quân tội lỗi như vậy?”* (Mt. 9, 11). *“Ông này đón tiếp phường tội lỗi và ăn uống với chúng”* (Lc. 15, 2). Chúa đã tự tìm tới nhà người thu thuế, và kẻ tội lỗi, làm thân với họ và ăn ở với họ. Chúa đến ở nhà ông Da-kêu là người “đứng đầu những người thu thuế. Và một trong 12 vị tông đồ của Ngài là Matthêu, trước đó có tên là Lê-vi một người thu thuế. Đê giải thích thái độ, chính Chúa Giêsu đã nói: *“Người khoẻ mạnh không cần thầy thuốc, người đau ốm mới cần. Hãy về học cho biết ý nghĩa câu này: Ta muốn lòng nhân chứ đâu cần lễ tế. Vì tôi không đến để kêu gọi người công chính, mà để kêu gọi người tội lỗi”* (Mt. 9, 12-13).

6- Chúa Giêsu thích ăn uống, tiệc tùng

Phúc-âm cũng cho chúng ta thấy sự kiện mỗi lần đến nhà nào, gặp ai, đặc biệt là những người được xã hội xếp loại không “đàng hoàng”, Chúa Giêsu lại thường ăn uống. Ngài mở đầu sứ mạng rao giảng công khai bằng việc dự tiệc cưới Cana miền Galilê (Gioan 2, 1), kết thúc cuộc gặp gỡ chung với các tông đồ trước khi đi vào cuộc khổ nạn bằng bữa tiệc ở Giêrusalem gọi là tiệc ly (Mt. 26, 17 và tiếp theo). Thế nhưng lịch sử nhiều tôn giáo và tâm thức nhiều nền văn hóa không phải đã cho chúng ta thấy

rằng nói đến thần thánh, đạo đức, tôn giáo thì hẳn phải nói đến ăn chay cầu nguyện hay sao!

Luca thuật lại rằng, sau bữa tiệc lớn tại nhà Lê-vi (tức thánh Matthêu sau này) những người Pha-ri-siêu và những người thông luật nói với Chúa Giêsu: *“Môn đệ ông Gioan năng ăn chay cầu nguyện, môn đệ người Pha-ri-siêu cũng thế, còn môn đệ ông thì ăn với uống”* (Lc. 6, 33). Chúa Giêsu đã dùng những bữa ăn để cứu người tội lỗi như Mađalêna, Da-kêu... Cái mới của Chúa Giêsu làm cho người Pha-ri-siêu và cả chúng ta khó hiểu đó là tất cả sứ điệp của Ngài, không còn phải là ăn chay hay ăn tiệc, nhưng tiên quyết là yêu thương phát xuất từ tận đáy lòng mình. Như thánh Augustinô sau này tóm tắt trong câu: *“Hãy yêu rồi làm gì thì làm”* (*Ama et fac quod vis*).

7- Chúa Giêsu không giữ luật Do Thái

Không những lui tới bạn bè, với kẻ tội lỗi, lại còn hay dự tiệc với họ, Chúa Giêsu không giữ luật lệ phi lý nặng hình thức của cộng đồng người Do Thái đương thời, như luật rửa tay trước bữa ăn. Đặc biệt trong những ngày sa-bát, Ngài hay chữa lành bệnh tật cho người ta, và điều đó đối với người Do Thái đương thời cho là phạm luật. Phúc âm ghi lại nhiều sự kiện như thế, như việc chữa lành người bại tay (Lc. 6, 8-11), chữa người mắc bệnh phù thũng (Lc. 14, 1-6), chữa lành một phụ nữ còng lưng (Lc. 13, 14)... Thánh sử Luca ghi rõ: *“Ông trưởng hội đường tức tối vì Đức Giêsu đã chữa lành bệnh vào ngày Sa-bát”* (Lc. 13, 14). Ngài không giữ luật, và các môn đệ theo Ngài cũng không giữ luật: Vào ngày Sa-bát, Đức Giêsu đi băng qua một cánh đồng lúa, các môn đệ đưa tay bứt lúa ăn. Nhưng có mấy người Pha-ri-siêu nói: *“Tại sao các ông làm điều không được phép làm trong ngày Sa-bát”* (Lc. 6, 1-2). Trước những lời chỉ trích này, Chúa trả lời: *“Con người làm chủ ngày Sa-bát”* (Lc. 6, 9). Chúa Giêsu Người đến trần gian để làm trọn lề luật, để ban luật mới là luật yêu thương, là luật có chiều kích nội tâm, để xóa bỏ những lối giải thích lề luật rắc rối bên ngoài: *“Khốn cho các người giả hình, như mã tô vôi,*

bên ngoài trắng trẻo mà bên trong thối tha” (Mt. 23, 13-36).

8- Chúa Giêsu như điên cuồng

Trong Tòa Tổng trấn Phi-la-tô, lúc chịu xử án, Chúa Giêsu bị lính của Tổng trấn cho choàng áo đỏ, đội vương miện bằng gai để chế nhạo như là kẻ điên cuồng. Nhưng không phải chỉ người ngoài, mà ngay cả Phê-rô, người được Chúa tin yêu cũng không chịu nổi những lời nói như điên dại của Chúa Giêsu: *“Người phải đi Giê-ru-sa-lem, phải chịu nhiều đau khổ do các kỳ mục, các thượng tế và kinh sư gây ra, rồi bị giết chết, và ngày thứ ba sẽ sống lại”* (Mt. 16, 21).

Điên dại vì gọi môn đệ theo mình, thông báo mình phải chịu khổ đau, bị giết chết; và xem ra điên dại hơn nữa khi bảo rằng chết sau ba ngày sẽ sống lại! Trang Phúc âm nào cũng có những thái độ và lời nói khác lạ của Ngài: *“Hãy yêu kẻ thù và làm ơn cho kẻ ghét anh em, hãy chúc lành cho kẻ nguyện rửa anh em và cầu nguyện cho kẻ vu khống anh em. Ai vả anh má bên này, thì hãy giơ cả má bên kia nữa. Ai đoạt áo ngoài của anh, thì cũng đừng cản nó lấy áo trong. Ai xin thì hãy cho, ai lấy cái gì của anh, thì đừng đòi lại...”* (Lc. 6, 27-31). Nói như thế, làm sao có thể nghe cho được, khi tâm tư ta còn sống trong tâm trạng “mắt đèn mắt, răng đèn răng”!

Lúc tôi sống những năm tháng tù đầy tại quê nhà, có lúc những người canh tù tâm sự cho tôi hay, họ thắc mắc và ngạc nhiên về thái độ vui cười, thân thiện của tôi đối với họ: trong hoàn cảnh này làm sao có thể thanh thản và dung thứ như thế được! Tôi muốn nói, chính sự “điên dại” của tình yêu thương Thiên Chúa đối với tôi, đối với mọi người là “khuyết điểm” làm tôi say mê hơn cả; sự điên dại đó lôi kéo tôi bước theo Chúa Giêsu!

9- Chúa Giêsu phiêu lưu

Một chương trình cứu chuộc toàn nhân loại, một dự tính gửi người đi rao truyền Phúc âm cho mọi dân nước, mọi thế hệ, thế mà lại chọn và đặt hết tín nhiệm, quyền hành cho Phê-rô, một

người chài lưới bộp chộp, ít học rồi còn sợ sệt chối mình nữa! Và về phương cách truyền bá, rao giảng nước Thiên Chúa, thì Chúa Giêsu lại dạy các môn đệ: *“Anh em đừng mang gì đi đường, đừng mang gậy, bao bị, lương thực, tiền bạc, cũng đừng có hai áo”* (Lc. 9, 3).

Phiêu lưu trong việc tuyển lựa các môn đệ, Chúa Giêsu còn bị ngay các môn đệ Ngài nghi ngờ là quá phiêu lưu. Khi Chúa Giêsu loan báo chương trình Ngài sẽ bị bắt nạt, bị giết chết và sẽ sống lại trong ngày thứ ba, thì *“Các môn đệ buồn phiền lắm”* (Mt. 17, 23). Khi Chúa nói với họ: *“Nếu các ông không ăn thịt và uống máu Con người, các ông không có sự sống nơi mình”* (Gioan 6, 53), thì nhiều môn đệ của Ngài liền nói: *“Lời này chương ta quá! Ai mà nghe nổi”* (Gioan 6, 60). Và, vì thấy lời giảng dạy của Chúa Giêsu khó nghe và phiêu lưu quá, nhiều môn đệ rút lui. Nên Chúa quay hỏi nhóm 12 tông đồ *“Cả anh em nữa, anh em cũng bỏ đi sao?”* (Gioan 6, 67).

Có lần khác, có người lại muốn đi theo Ngài làm môn đệ, nên hỏi: *“Thưa Thầy, Thầy đi đâu, tôi cũng xin đi theo”*. Người trả lời: *“Con chồn có hang, chim trời có tổ, nhưng con người không có chỗ tựa đầu”* (Lc. 9, 58) Và cuộc phiêu lưu tột đỉnh của yêu thương nơi Chúa Giêsu được diễn tả cô đọng nơi bài ca trong thư của Thánh Phaolô gửi giáo đoàn Phi-líp-phê: *“Đức Giêsu Kitô vốn dĩ là Thiên Chúa mà không nghĩ phải nhất quyết duy trì địa vị ngang hàng với Thiên Chúa, nhưng đã hoàn toàn trút bỏ vinh quang mặc lấy thân phận nô lệ, trở nên giống phàm nhân sống như người trần thế, Người lại còn hạ mình, vâng lời cho đến nỗi bằng lòng chịu chết, chết trên cây thập tự”* (Phl. 2, 6-8).

10- Chúa Giêsu có những lời giảng dạy xem ra mâu thuẫn

Mâu thuẫn vì Lời từ Thiên Chúa khác với lời chúng ta. Làm sao chúng ta thấy hợp lý được khi tuyên dương: Phúc cho kẻ nghèo, kẻ phải đói, kẻ phải khóc, kẻ bị người ta oán ghét (xem Lc. 6, 20-22). *“Ai muốn cứu mạng sống mình, thì phải mất, còn ai liều*

mất mạng sống mình vì tôi, thì sẽ cứu được mạng sống ấy” (Lc. 9, 24). Làm sao có thể ví Nước Thiên Chúa, Nước của Đấng toàn năng, vô tận với một hạt cải (xem Lc. 13, 18-19). Mà làm sao có thể tuyên xưng là “Con Thiên Chúa, Đấng hằng sống” lại phải chấp nhận sự chết và chết nhục nhằn trên Thập giá (Lc. 23, 70).

Ngày 12-10-1998, có một cuộc tĩnh tâm linh mục quốc tế, tại thành phố Monterrey, nước Mexico: 91 Giám mục, 1.500 linh mục tham dự. Lúc tôi vừa nói: Tôi yêu các khuyết điểm của Chúa Giêsu, các ngài nhìn nhau với vẻ ngạc nhiên, ngỡ ngàng! Nhưng nói đến đâu các ngài lại cười đến đó, cuối bài các ngài xúm lại quanh tôi và bảo: “Chúng tôi cũng yêu các khuyết điểm của Chúa Giêsu”.

Sau khi chúng ta cùng nhau lược qua 10 khuyết điểm của Chúa Giêsu, 10 khuyết điểm ghi lại nơi các bản Phúc âm, tôi lại một lần nữa xác quyết với các bạn rằng: vì tôi yêu 10 khuyết điểm này của Chúa Giêsu, nên chọn Chúa Giêsu làm Thầy, làm Mẫu-mực tuyệt đối cho đời tôi. Tôi cũng tâm sự với các bạn rằng, cho đến giây phút này, tôi không hề có một chút gì ân hận, Chúa Giêsu đã cuốn hút cuộc đời của tôi. Vì Chúa là Tình Yêu đã dẫn lối cho tôi đi, đặc biệt trong những ngày tháng tôi cảm thấy xao xuyến, bứt rứt. Chúng đã đem lại nguồn vui và hy vọng cho tôi, nhất là trong những giây phút khổ đau, tưởng chừng như không thể chịu đựng nổi. Các bạn biết lý do tại sao không? Vì 10 khuyết điểm đó phát xuất từ tình yêu thương mà Thiên Chúa là cha chúng ta ban cho để chúng ta được sống nhờ Chúa Giêsu.

7- CHỨNG NHÂN HY VỌNG.

Sách này gồm các bài giảng tĩnh tâm mùa Chay cho Đức Thánh Cha và toàn thể Giáo triều từ ngày 12 đến ngày 18-3-2000, có tất cả 22 đề tài.

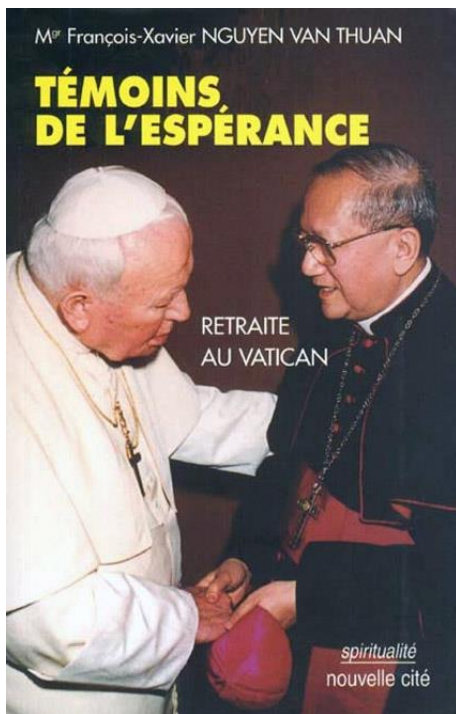
Đây là một tác phẩm tu đức có một giá trị rất đặc biệt. Sau tuần tĩnh tâm, Đức Giáo hoàng Chân phước Gioan Phaolô II đã gửi thư cảm ơn Đức Hồng y, và nói lên những nhận xét như sau:

Hiền Đức đã chia sẻ chứng tá đó một cách nồng nhiệt và đầy xúc động, chứng tỏ rằng, trong toàn thể cuộc sống con người, tình thương xót của Thiên Chúa, Đáng vượt lên trên mọi lý luận của loài người, thật là vô biên, nhất là trong những lúc thâm trầm nhất. Quả thực, Hiền Đức đã liên kết chúng tôi với tất cả những người, tại những phần đất khác nhau trên thế giới, đang tiếp tục phải trả giá thật đắt cho chính niềm tin của mình nơi Chúa Kitô.

Hiền Đức đã dựa vào Kinh Thánh và giáo huấn của các Giáo Phụ, cũng như trên kinh nghiệm bản thân mà Hiền Đức thủ đắc đặc biệt khi bị cầm tù vì Chúa Kitô và Giáo hội của Người, Hiền Đức đã làm nổi bật sức mạnh của Lời Chúa, Lời mà, đối với các môn đệ của Chúa Kitô, vốn là “sức mạnh của niềm tin, là lương thực cho tâm hồn, và là nguồn mạch tinh khiết và trường cửu cho đời sống thiêng liêng của họ” (Dei Verbum, số 21).

Qua những lời huynh đệ và đầy khích lệ, Hiền Đức đã dẫn đưa chúng tôi trên những nẻo đường Hy vọng mà Chúa Kitô đã mở ra cho chúng ta, khi tái lập nhân loại để biến họ thành một tạo vật mới và kêu gọi chúng ta luôn canh tân trên bình diện bản thân và Giáo hội. Ước gì Ngôi Lời Nhập Thể ban cho tất cả những người đang còn chịu đau khổ để Chúa Kitô được nhận biết và yêu mến, sức mạnh và lòng can đảm rao giảng chân lý của tình thương Kitô trong mọi hoàn cảnh!

Sách gồm có các phần sau đây:



* Thư Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II gửi Đức Tổng Giám mục P.X. Nguyễn Văn Thuận.

* Lời kính tặng Mẹ Elisabeth.

* Thiên Chúa viết thẳng trên những đường cong.

I. Nhờ sức mạnh của Ôn Chúa.

1/ Gia phả Đức Giêsu Kitô (Mt 1, 1-17)

Đứng trước mẫu nhiệm của Thiên Chúa.

- Gia phả Đức Kitô.
- Mẫu nhiệm của tiếng Chúa gọi.
- Mẫu nhiệm tội lỗi và ân sủng.
- Cùng nhau bước qua ngưỡng cửa Hy Vọng.

II. Hãy tin tưởng vào Thiên Chúa.

2/ Simon, con bảo Thầy là ai? (cf Mt 16,15)

Chúa Giêsu Cứu Thế, niềm Hy Vọng duy nhất.

- Những khuyết điểm của Chúa Giêsu.
- Chúng tôi đã tin vào tình yêu Thiên Chúa.
- Ngài đã sáng tạo vạn vật cách kỳ diệu.
- lại còn chinh đốn mọi sự cách nhiệm lạ hơn.

3/ Hãy tường trình về việc quản lý nông trại.

Một tổng kết vào đầu thế kỷ XXI.

- Thiên Chúa kêu gọi hoán cải.
- Lời chân lý.
- Sứ điệp Chúa Thánh linh gửi các Giáo Đoàn.
- Lạy Chúa, này đây chúng con hết lòng khiêm cung trước mặt Chúa.
- Lạy Chúa Giêsu, xin hãy đến.

4/ Thiên Chúa yêu thương thế gian.

Thế giới ngày nay.

- Một trái đất tuyệt vời.
- Một trái đất đau thương.

- Một trái đất bi thảm.
- Chúng tôi loan báo một Tin Mừng Chúa Cứu Thế đã sinh ra cho chúng ta.

5/ Chỉ có một sự cần thiết duy nhất.

Thiên Chúa chứ không phải những việc của Thiên Chúa.

- Nền tảng của đời sống Kitô hữu.
- Luôn lặp lại tiếng “xin vâng”.
- Thờ phượng cách chân thật.
- Can đảm sống trung thực.
- Cách chọn Chúa trong đời sống một Mục Tử.
- Mãnh lực thu hút của chúng tá.

III. Cuộc phiêu lưu của Hy Vọng.

6/ Dù khi ăn, dù khi uống.

Giây phút hiện tại.

- Con đường nên thánh.
- Một dân thân một hồng ân.
- Phút hiện tại “trong lòng Thiên Chúa”.
- Phân biệt tiếng của Thiên Chúa.
- Làm thế nào để mỗi khoảnh khắc đầy yêu thương.
- Giây phút ấy sẽ là cuối cùng.

7/ Lời Ta là Tinh Thần và là sự sống.

Trở thành Lời Chúa.

- Lời Chúa và các lời khác.
- Lời Chúa và Thánh Thể, một bàn thờ độc nhất.
- Đón nhận và sống Lời Chúa.
- Mặc lấy tinh thần Đức Kitô.
- Thông truyền Lời Chúa.
- Chỉ mang Phúc Âm theo mình.

8/ Mỗi dây trợn lành.

Nghệ thuật yêu thương.

- Thế giới thuộc về ai yêu thương nó.

- Đặc điểm của tình yêu Kitô giáo.
- Yêu thương, cách loan báo Tin Mừng tốt nhất.
- Mẹ của Tình Yêu tốt đẹp.

9/ Mở rộng ra ngoài thành - trở nên mọi sự cho mọi người.

Tất cả đều là Dân Chúa được giao phó cho tôi.

- Tận gốc rễ của Phúc Âm.
- Đức Giêsu chịu đóng đinh đã hiện diện giữa những người bị chúc dữ.
- “Mở ra ngoài thành”.
- Nhà thờ chính tòa đẹp nhất của tôi.
- Tính chất triệt để của Phúc Âm.
- Trở nên mọi sự cho mọi người.
- Một chân trời vô biên: tất cả vì Phúc Âm.

IV. Hy Vọng trong tuyệt vọng.

10/ Lạy Cha, Lạy Cha, sao Cha bỏ con?

Bị Chúa Cha bỏ rơi.

- Những lúc ta bị bỏ rơi.
- Mâu nhiệm Thánh Giá.
- Chúa Giêsu bị bỏ rơi.
- Hiệp nhất với Chúa Cha.
- Tôi hoàn tất trên thân xác tôi..
- ... vì nhiệm thể là Hội Thánh.

11/ Làm sao phân rẽ được thân xác.

Để thế gian tin.

- Tiếng kêu thét của Đức Giêsu.
- Hy vọng trong tuyệt vọng.
- Hy sinh vì hiệp nhất.
- Hoán cải tâm linh.

12/ Hạt giống sinh người Kitô hữu.

Các vị Tử Đạo ngày nay.

- Gia sản của các Vị Tử Đạo.

- Chúa Giêsu là mẫu gương và nguyên nhân của mọi cuộc tử đạo.
- Một đoàn đông đảo không thể đếm được trong Hội Thánh hôm nay.
- Tử đạo vì đức ái.
- Tử đạo vì đức tin.
- Tử đạo vì hận thù chủng tộc.
- Các chứng nhân của cuộc phục sinh của Đức Kitô.
- Tôi đã thấy cha tôi đi lên Thiên Đàng.

13/ Cầu nguyện cùng Đức Chúa Cha.

Liên lý cầu nguyện.

- Một kinh nguyện đơn sơ.
- Sống trong trạng thái cầu nguyện.
- Sống là cầu nguyện.
- Những lúc không thể cầu nguyện nữa.
- Di chúc Chúa Giêsu.
- Hãy tỉnh thức và cầu nguyện.

V. Dân tộc của Hy Vọng.

14/ Thịt Ta để cho thế gian được sống.

Cùng huyết nhục với Đức Kitô.

- Của ăn nuôi các chứng nhân.
- “Đề nhớ đến Thầy”.
- Ai ăn Ta, sẽ sống vì Ta.
- Dân Thánh Lễ trong trại cải tạo.
- Cùng một bánh, cùng một thân xác.
- Cha chúng con, lương thực của chúng con.
- Một Bánh Thánh lớn.

15/ Chúa Giêsu sống trong Hội Thánh của Ngài.

Thầy ở cùng các con mỗi ngày.

- Chúa Giêsu hiện diện trong Hội Thánh cách nào?
- “Ta ở giữa họ”.
- Một câu trả lời: khi chúng ta sống tình huynh đệ.

- Đâu đâu cũng toàn tế bào sống động.
- Điều gì khiến chúng ta khác những người khác.
- Điều gì giá trị nhất.

16/ Hình ảnh Chúa Ba Ngôi.

Hội Thánh là Hy Vọng của bạn.

- “Chúng ta là con cái Hội Thánh”.
- Vẻ đẹp của Giáo Hội sơ khai.
- Hiệp thông và sứ mệnh.
- Phục vụ sự hiệp nhất của Giáo Hội.
- Con người trong mắt.
- Làm thế nào một con cá nhỏ có thể mang lại Hy Vọng.

17/ Như Cha ở trong Con và Con ở trong Cha.

Sống hiệp thông.

- Đời tu vào thời sơ khai.
- Một lễ Hiện Xuống mới.
- Hiệp nhất, một dấu hiệu của thời đại.
- Làm sao sống hiệp thông trong thời đại ngày nay.
- Những chiều kích cụ thể.
- Xây dựng Hội Thánh.
- “Lâu đài bên ngoài”.

VI. Canh tân niềm Hy Vọng trong chúng ta.

18/ Hối đoàn chiên nhỏ.

Đừng sợ.

- Vatican ở đâu?
- Mầu nhiệm của thiểu số.
- “Giáo Hoàng có bao nhiêu sứ đoàn?” (J. Stalin).
- “Con không địch nổi tên khổng lồ Phi-li-tinh đâu” (Vua Saolê).
- Đức Giêsu thích những con số nhỏ.
- Thành lũy của thành Giêricô mới.
- Những con đường không hiểu được của Thiên Chúa.
- “Thiên Chúa thật kỳ diệu”.

19/ Hãy nhận lãnh Chúa Thánh Thần.

Để canh tân bộ mặt trái đất.

- Tôi đã thấy Chúa Thánh Thần là “Thiên Chúa và là Đấng ban sự sống” trong lịch sử Hội Thánh.
- Tôi đã thấy nếu không có Chúa Thánh Thần, chúng ta sẽ không làm được điều gì tốt đẹp.
- Tôi đã thấy Chúa Thánh Thần hành động ngoài Hội Thánh nữa.
- Tôi đã thấy Chúa Thánh Thần là “Cha kẻ khó nghèo”, Ngài không bỏ ta mồ côi.
- “Lạy Chúa Thánh Thần, xin hãy đến”.

20/ Đây là Mẹ con.

Guơng mẫu của Hội Thánh.

- Tôi đến viếng Mẹ ban trưa.
- Hội Thánh là Người Nữ, là Hiền mẫu.
- Mẹ Maria là tình yêu đón nhận.
- Mẹ Maria là tình yêu được đáp trả.
- Mẹ Maria là tình yêu được chia sẻ.
- Mẫu Nhiệm - Hiệp thông - Sứ mệnh.
- Mẹ Maria đã giải thoát tôi.

21/ Bây giờ và trong giờ lâm tử.

Tuổi già, bệnh tật, giờ chết.

- Hồng ân lớn nhất.
- Những người cao niên trong Kinh Thánh.
- Một việc mới, giàu đặc sủng hơn.
- Bệnh tật.
- Làm nổi bật giá trị của những thử thách thể xác và tinh thần.
- Sự chết.
- Sống vì giờ ấy.
- Giờ phán xét đầy nhân từ.
- Hành động cuối cùng của tình yêu.

22/ Buồn sầu của các con sẽ biến thành vui mừng.

Niềm vui Hy Vọng.

- Trên đường Emmaus.
- Đổi hướng đi.
- “Bình an cho các con”.
- Một niềm vui không ai có thể tước đoạt khỏi chúng ta.
- Đức Kitô ở giữa chúng ta nhờ tình thương.
- Để nên Chứng Nhân Hy Vọng.
- Tôi tin Hội Thánh duy nhất, thánh thiện, công giáo, tông truyền và vui tươi.

Lời Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II kết thúc cuộc tĩnh tâm.

-----oOo-----



Hình chụp dịp Gia đình Cựu Chủng Sinh Huế tổ chức Lễ Giỗ 10 Năm TTC Đức HY PX. Nguyễn Văn Thuận và Đại Nhạc Hội “Vui Mừng và Hy Vọng” tại Denver, Colorado, ngày 15-9-2012.

Phần V:

**LINH ĐẠO
CỦA ĐỨC HỒNG Y
PHANXICÔ XAVIÊ
NGUYỄN VĂN THUẬN**

Theo Đức Ông Peter Nguyễn Quang, thì:

1/ Đời sống linh đạo là con đường tâm linh, hướng dẫn đến đời sống nên thánh của người Kitô hữu.

2/ Đời sống linh đạo là sự đúc kết của những kinh nghiệm sống, các nỗ lực để áp dụng các yếu tố có liên quan của Đức Tin Kitô giáo hướng dẫn mỗi người Kitô hữu đối với sự phát triển tâm linh của họ.

3/ Đời sống linh đạo liên quan đến toàn thể con người (cơ thể, tâm trí, linh hồn, mối quan hệ), toàn bộ cơ cấu của cuộc sống của con người (đức tin và các giá trị của Tin Mừng) một cách sống động để cung cấp cho cuộc sống một sự tăng trưởng, phát triển, trong mối tương quan giữa Thiên Chúa và tha nhân.

Tựu chung, đời sống linh đạo của người Kitô hữu là nhiệm vụ giúp con người có một cuộc sống trưởng thành và đáng tin cậy, sống liên quan đến niềm tin và các giá trị của Kitô giáo để dệt chúng thành các cơ cấu của cuộc sống để từ đó họ có một sức "sinh động" cung cấp "hơi thở" - "tinh thần" và "sức sống" cho cuộc sống⁽⁷⁵⁾

Có thể nói: Linh đạo là con đường thiêng liêng, phương pháp tâm linh, dẫn con người tới sự thánh thiện, nói rõ hơn là tới Thiên Chúa. Đời sống Đức Giêsu là gương mẫu của mọi linh đạo Kitô giáo, và hành trình tâm linh của người Kitô hữu luôn luôn phải là chính hành trình mà Đức Giêsu đã bước đi. Đời sống và sự thánh thiện Kitô giáo luôn luôn tựa vào khuôn mẫu là Đức Giêsu.

Nói cách khác, linh đạo là một cách sống được tác động bởi đức tin, đức cậy và đức mến, là đường hướng sống đạo, lề lối tu đức, là phương cách nên thánh của người Kitô hữu trong Thánh Linh, Đấng luôn luôn hiện diện và tác động trong đời sống Kitô hữu. Sống linh đạo là sống theo Thánh Linh, nhờ Thánh Linh dẫn dắt mình “đến với Chúa Cha, qua Đức Kitô”. Trước đây, người ta thường dùng những cụm từ như “đường thiêng liêng”, “đường trọn lành”, “đường nên thánh” với ý nghĩa ấy.

Các nhân đức nổi bật của Tôi tớ Chúa Đức Hồng y Thuận là Tin, Cậy và Mến. Ngài đã cố gắng diễn đạt đức tin trong niềm hy vọng và trong đức ái qua cuộc sống chứng nhân của ngài. Nhờ đời sống cầu nguyện, ngài đã chứng minh được sự hiệp nhất của 3 nhân đức đối thần (thần học) này trong cuộc sống của người Kitô hữu.

Linh đạo Kitô hữu hệ tại ở việc thi hành ba chức vụ quan trọng của Đức Kitô mà chúng ta đã lãnh nhận khi chịu phép rửa tội là tư tế, vương giả và ngôn sứ. Đức Hồng y Phanxicô Xaviê đã vạch ra một con đường nên thánh rất sinh động theo tinh thần của Công Đồng Vatican II giúp người Kitô hữu thực thi tốt đẹp ba chức vụ đó, cũng có thể nói là ba trách nhiệm.

Linh đạo **Vui mừng và Hy Vọng** (Gaudium et Spes) là phương châm sống đức tin của Đức Hồng y Phanxicô Xaviê, là con đường nên thánh của ngài trong mọi lúc mọi nơi từ tuổi thanh niên đến khi qua đời: chủng sinh và linh mục tại Giáo phận Huế, Giám mục Giáo phận Nha Trang, Tổng Giám mục phó Sài Gòn, 13 năm mất tự do, và cuối cùng là Chủ tịch Hội đồng Công lý và Hòa bình của Tòa Thánh. Tất cả đời sống tâm linh của ngài được xây dựng và lớn lên trong chiêm ngắm này: luôn luôn sống trong vui mừng và tràn đầy niềm hy vọng vào Thiên Chúa.

Phải nói rằng linh đạo Vui Mừng và Hy Vọng của Đức Hồng y Phanxicô Xaviê được trải rộng ra trong khắp các sách ngài viết, trong các bài giảng và huấn từ, thư luân lưu, bài nói chuyện, diễn văn, v.v... của ngài từ khi còn ở Huế cho đến ngày qua đời, diễn ra tại nhiều nơi, với những đối tượng khác nhau, nhưng phần nhiều được thể hiện trong các tác phẩm ngài viết từ cuối năm 1975 là năm cuốn Đường Hy Vọng ra đời, cho đến năm 2000 là năm xuất bản cuốn Chứng Nhân Hy Vọng. Muốn tìm hiểu linh đạo của ngài một cách đầy đủ cần phải có một công trình nghiên cứu dài hơi.

Anh Nguyễn Cả, Trưởng Ban Điều hành Gia đình Cựu Chủng sinh Giáo phận Huế tại Hải ngoại chia sẻ về ý nghĩa khẩu

hiệu Giám mục của ngài như sau:

“Khẩu hiệu của Tôi Tớ Chúa ĐHY Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận là **Gaudium et Spes: Vui mừng và Hy vọng**. Dưới đây Lm Lê Đăng Ảnh trình bày vắn tắt nhưng đầy đủ ý nghĩa của Gaudium et Spes dựa vào cuốn sách Niềm Vui Sống Đạo của ĐHY. Thao thức của ĐHY lúc sinh tiền khi chọn khẩu hiệu này là mong muốn tinh thần đó được áp dụng vào đời sống bản thân và mục vụ của mình cũng như mọi người.

- | | |
|---|------------------------------|
| S: Service (Service): | Tôi tớ phục vụ |
| P: Progressione (Progress): | Thăng tiến phát triển |
| E: Evangelisatione (Evangelization): | Tin Mừng hóa |
| S: Sanctificatione officii (Sanctification): | Thánh hóa bổn phận |

Bốn công tác này là bốn trụ cột nền tảng của một chương trình hành động cho mọi Kitô hữu để nên thánh.

Hai phương thế: Thỉnh nguyện (cầu nguyện) và Tiến dâng (hy sinh)

Một nếp sống: Tươi vui (Gaudium)

Linh đạo nêu trên gồm có: 4 công tác, 2 phương thế và 1 nếp sống có thể tóm gọn vào 7 chữ **T** cho dễ nhớ:

Tôi tớ
Thánh hóa
Thăng tiến
Tin mừng
Thỉnh nguyện
Tiến dâng
Tươi vui”⁽⁷⁶⁾

Dưới đây chỉ xin nêu lên những nét tổng quát về linh đạo của Đức Hồng y:

A. Nền tảng của linh đạo

1- Đức Ái là cốt tủy của linh đạo: mến Chúa, yêu người.

Đức Hồng y viết:

Thánh Phaolô dạy: “Nếu tôi không có đức mến, tôi không là gì cả” (1Cr 13,2). Những lời này trước hết kêu mời tôi hoán cải và nhắc nhở cho tôi biết “cái trước hết mọi sự” (1Pr 4,8), trước cả khi giảng dạy, cầu nguyện, trước mọi công tác phục vụ tông đồ, tôi phải có đức mến, nhưng còn hơn thế nữa tôi phải chính là sự yêu mến.

Không có tình yêu, tôi không có Chúa và không thể đem Chúa đến cho người khác, tôi cũng không biết cả Chúa nữa (1Ga 4,8). Cả khi tôi viết các bài suy niệm, cả khi tôi giảng tĩnh tâm cho những nhân vật quan trọng, cả khi “tôi có hiến thân cho lửa thiêu” (1 Cr 13,3), hay bị ở tù lâu năm..., nếu tôi không có tình yêu là Thiên Chúa tất cả chỉ là phung phí năng lực, như thánh Augustinô đã nói.

Trong xã hội ngày nay, Kitô giáo ngày càng hiện diện ở bên lề, việc thông truyền đức tin cho người trẻ trở thành khó khăn và ơn gọi giảm sút. Một trong những lý do là người ta ít tìm thấy trong Giáo hội những con người tràn trề tình yêu tha nhân như Mẹ Têrêxa Calcutta hay Đức Giáo hoàng Gioan XXIII, trái lại, người ta thường gặp thấy các gương mặt buồn sầu và ủ rũ trong Giáo hội.

Đặc điểm của tình yêu Kitô giáo:

- 1/ Yêu thương trước, yêu thương vô điều kiện, yêu thương nhưng không.
- 2/ Yêu thương tất cả mọi người.
- 3/ Yêu thương kẻ thù.
- 4/ Yêu thương bằng cách hiến chính mạng sống mình.
- 5/ Yêu thương bằng cách phục vụ.

Cách loan báo Tin Mừng tốt nhất là yêu thương.

Đức Hồng y căn dặn:

“Các con chỉ cần mang một thứ đồng phục và chỉ cần nói một thứ ngôn ngữ: đó là thứ ngôn ngữ của tình yêu thương, vì ở đâu có tình yêu thương, ở đó có Đức Chúa Trời.” (ĐHV 984)

“Con phải nói được cách thành thực rằng: Tôi không xem ai là kẻ thù nghịch của tôi, kể cả những người căm thù tôi nhất, những người bắt bớ tôi, thể không đội trời chung với tôi. Tôi luôn luôn xem họ là anh em tôi” (ĐHV 793),

Ngài đã sống thực như lời ngài nói. Khi ở trong tù, ngài luôn luôn yêu thương mọi người, yêu thương ngay cả những người bách hại ngài, đã dùng tình thương để hoá giải những người lính canh tù rất lạnh lùng trở thành những người bạn. Sau 13 năm mất tự do ngài không hề có một lời trách móc những người đã trực tiếp hay gián tiếp làm khổ ngài.

Lm Nguyễn Huy Bảo thuộc Tổng Giáo phận Los Angeles ở Hoa Kỳ đã viết một cách sâu sắc:

“Nếu có thể tóm gọn linh đạo của ĐHY F.X. Nguyễn Văn Thuận trong một danh từ, thì danh từ đó là yêu thương. Yêu thương Thiên Chúa, yêu thương con người. Yêu thương Thiên Chúa “hết lòng, hết linh hồn, hết sức lực và hết trí khôn”. Điều này được ngài thể hiện qua sự tu luyện bản thân liên lĩ trong nhiều lãnh vực đạo đời: Kiến thức, nhân bản, nhân đức, tâm linh, ngoại ngữ, ngoại giao, đối thoại... Ngài trau dồi khả năng để phục vụ. Ngài phục vụ để phát triển.

Tình yêu Thiên Chúa thúc bách ngài yêu thương tha nhân. Yêu những người yêu mình, yêu những người bách hại mình, yêu kẻ thù của mình. Con người ngài như luôn tỏa ra một sự thu hút và lôi cuốn người ta đến với ngài, bởi ngài sở hữu Đức Mến tuyệt đối này: Yêu thương chân thật, yêu thương bước trước, yêu thương vô điều kiện. Ngài sống trọn vẹn lời ngài xác tín: tình yêu chiến thắng tất cả”.

Một linh mục Dòng Phan Sinh chia sẻ:

“Phải nên thánh. Đó là mục tiêu đời sống của mọi Kitô hữu, là xác tín sâu đậm của người tôi tớ Thiên Chúa. “Thành tựu đẹp nhất của một đời người là sự thánh thiện... Không có cái gì trên đời này có thể so sánh được với cái đẹp của sự thánh thiện”. Và trong một lần cầu nguyện, ngài đã thốt lên “Ai tả cho hết được cái đẹp của một linh hồn có Thiên Chúa.”! Mẹ Maria đẹp đẽ như mặt trăng, trong sáng như mặt trời, vì Người là thánh, vì người có một tâm hồn đầy ân sủng, đầy Thiên Chúa.

Sự thánh thiện là tự điểm của ân sủng và sự trả lời tự do của con người. Thiên Chúa kêu gọi, thánh hóa và cho chúng ta khả năng gặp được Ngài. Phía con người, ý thức tội lỗi và ân sủng là bước đầu của con đường nên thánh: “Con chỉ có một cách nên thánh: Ôn Chúa và ý chí con (1 Cor 15, 10). Chúa không bao giờ thiếu ơn; con có đủ ý chí không?”. Đức Hồng y cũng thú nhận: “Nhiều lần tôi không dám nghĩ đến sự thánh thiện: tôi muốn trung thành với Giáo hội, tôi muốn không từ chối gì cho sự lựa chọn của mình, nhưng tôi không dám nghĩ đến việc mình phải nên thánh, trong khi đó Chúa dạy rằng: “Các con phải nên toàn hảo như Cha các con ở trên trời” (Mt 5,14). “Tôi sợ nên thánh” (Ho paura di essere santo).

Tháng 2 năm 2002, vài tháng trước khi ngài qua đời, Đức Hồng y chia sẻ kinh nghiệm với một nhóm linh mục: “Năm ngoái người ta mổ bướu cho tôi, mổ một phần thôi. Các bác sĩ đã lấy ra được 2 kí rưỡi bướu, còn lại trong bụng tôi 4 kí rưỡi nữa, mà họ không cắt đi được. Lúc đó tôi lo sợ nghĩ đến sự phải nên thánh: và đây chính là điều làm tôi đau khổ. Nhưng sự đau khổ đó cũng qua đi khi tôi nhận thức được thánh ý Chúa và tôi chấp nhận mang cục bướu đó cho đến chết và đồng thời chấp nhận hậu quả là chỉ ngủ được một đêm một tiếng rưỡi thôi. Bây giờ tôi cảm thấy bình an; trong thánh ý Chúa tôi tìm được an bình”. Và ngài lặp lại lời huấn dụ của ĐGH Gioan Phaolô với các người trẻ: “Đừng sợ nên thánh!”

Ý thức về tội lỗi và ân sủng cũng chưa đủ. Cần phải sống trong bầu khí của ân sủng, nuôi dưỡng ân sủng bằng cách bắt chước Chúa Giêsu trong giây phút hiện tại, bất kỳ ở đâu hay làm việc gì. Không có con đường nào khác để nên thánh hơn là bắt chước Chúa Giêsu. Người môn đệ quyết tâm bước theo Chúa Giêsu để giống Chúa Giêsu, thì mới trở nên “toàn hảo như Cha trên trời”. Không ai vào thiên đàng mà không giống Chúa Giêsu (Bài giảng tĩnh tâm). Theo Chúa như một người lữ hành, nhìn Chúa mà đi, bước theo những chặng đường Ngài đã đi.”

Những người được hân hạnh biết ĐHY đều nhận thấy có một cái gì khác thường trong cách ăn nói cư xử của ngài: nó tác động làm cho mọi người gặp ngài cảm thấy bình an và thân tình. Tôi cũng có nghe ngài kể lại nỗi kinh hoàng của biến cố Mậu Thân (1968), kinh nghiệm khổ đau của những năm tù đầy, bệnh tật, sự hiểu lầm của bạn hữu và nhiều người... nhưng trước những nghịch cảnh đó tôi không hề nghe ngài thốt lên một lời hận thù... Ngược lại ngài luôn nhân nhục, yêu thương hết mọi người. Yêu thương gia đình, tổ quốc, giáo hội, địa phận Chúa giao phó, yêu thương những người nghèo đói bệnh tật, nhất là những người phung cùi: ngài thành lập Hội Bạn Người Cùi lấy tên là Lazaro, ngài thương yêu tất cả mọi người, thương yêu cho đến cùng, như Chúa Giêsu, thương yêu cả những người bách hại mình.

Tháng 10 năm 1975, vào những ngày đầu của lao tù, ngài đã viết: “Tôi không xem ai là kẻ nghịch của tôi, kể cả những người căm thù tôi nhất, những người bắt bớ tôi, thề không đội trời chung với tôi. Tôi luôn luôn xem họ là anh em tôi.” (ĐHV 793)

Trong Lời mở đầu cho cuốn “5 chiếc bánh và 2 con cá” xuất bản năm 1997 Đức Hồng y thú nhận khó khăn của ngài sau khi được trả tự do: “Nhiều lúc tôi cảm thấy khó chịu trong lòng vì người ta phỏng vấn, muốn thúc giục tôi nói những chuyện giật gân trong thời gian lao tù v.v... Đó không phải mục đích của tôi. Nguyên vọng lớn nhất của tôi là trao lại cho các bạn trẻ một sứ điệp của tình thương và sự thật, của công lý và hòa bình, của tha

thứ và hòa giải, để xây dựng.”

Nhiều người hiểu lầm ngài về thái độ này. Nhưng đòi hỏi của Phúc âm vượt trên những tính toán của con người. “Bác ái không có biên giới; nếu có biên giới, không còn là bác ái nữa (ĐHV 787). Người tôi tớ Chúa, “đưa con điên của Mẹ” không đặt điều kiện, không chùn chân trước khó khăn, cương quyết theo Chúa cho đến cùng, yêu thương như Chúa đã yêu thương nhân loại. Thánh giá là đường, là niềm hy vọng độc nhất của người môn đệ.

Tôi muốn gọi lại đây cuộc đối thoại của người Tôi tớ Chúa với anh canh tù (mà chính Ngài đã ghi lại trong 5 chiếc bánh và 2 con cá: chiếc bánh thứ năm):

“Điều khó hiểu nhất đối với chiến sĩ gác tù, là thái độ tha thứ yêu thương địch thù của mình. Có hôm mây anh gác hỏi tôi:

- Ông có thương chúng tôi không?

- Có chứ, tôi yêu thương các anh cách thành thực, không có gì là khách sáo đâu!

- Kể cả khi người ta giam ông, mất tự do, năm này sang năm khác? Không xét xử gì cả?

- Anh nghĩ lại bao nhiêu năm ở với nhau, tôi làm sao giấu được. Tôi thực sự yêu thương các anh.

- Chừng nào được tự do anh có sai giáo dân của anh trả thù không?

- Không, tôi vẫn tiếp tục yêu thương, dù các anh có muốn giết tôi.

- Nhưng tại sao lại yêu kẻ thù hại anh?

- Vì Chúa Giêsu đã dạy tôi yêu thương, nếu tôi không tuân giữ, tôi không đáng gọi là Kitô hữu nữa.”⁽⁷⁷⁾

2- Niềm Tin tuyệt đối vào Thiên Chúa phát sinh ra niềm vui bất tận. Vui tràn trề ở mọi nơi, vào mọi lúc và trong mọi hoàn cảnh

* Vui mừng vì Đấng Cứu Thế đã sinh ra làm người để cứu độ con người.

* Vui mừng vì Giêsu Con Thiên Chúa đã chết trên thánh giá làm giá cứu chuộc nhân loại khỏi chết muôn đời (mâu nhiệm cứu chuộc).

* Vui mừng vì Chúa Giêsu Kitô đã sống lại từ cõi chết (mâu nhiệm phục sinh), là Thiên Chúa, là trưởng tử của đời sống mới (bí tích rửa tội).

* Vui mừng vì nhân loại được kêu gọi và nâng lên đời sống làm con cái Thiên Chúa và được gọi Thiên Chúa là Cha, abba!

* Vui mừng vì Chúa phán: *“Từ nay, Ta không còn gọi các ngươi là tôi tớ. Ta đã gọi các ngươi là bạn hữu, vì mọi điều Ta đã nghe nơi Cha Ta, Ta đã tỏ cho các ngươi biết”*... *“Vì không phải các ngươi đã chọn Ta, nhưng chính Ta đã chọn các ngươi”* (Gn 15: 15-17).

* Vui mừng vì trong *“tình yêu của Thầy, sự vui mừng của các ngươi được nên trọn”* (Gn 15:11).

* Vui mừng vì khi sống và kết hợp với Thiên Chúa trong Chúa Giêsu Kitô, Con Một Yêu Dấu của Chúa Cha, chúng ta tuy sống trong thế gian nhưng không thuộc về thế gian.

* Vui mừng vì chúng ta còn có một trách nhiệm “thánh hóa” thế gian bằng chính đời sống yêu thương trong sự thật để hoa trái của Công Lý và Hòa Bình được tồn tại.

* Vui mừng vì *“thế gian đã nhận biết rằng Cha đã sai Con”* (Gn 17: 21).

* Vui mừng trong Chân Lý và Sự Thật.

* Vui mừng trong Thiên Chúa: *“Càng được chung phần*

thống khổ của Đức Kitô chừng nào, anh em hãy vui mừng! Ngõ hầu khi vinh quang của Ngài mặc khải ra, anh em cũng được vui mừng hớn hở” (1P. 5:13).

3- Đức Cây trọt hảo: luôn tràn đầy hy vọng vào Thiên Chúa Tình Yêu

Điểm nổi bật trong đời sống tâm linh của Đức Hồng y Thuận là niềm hy vọng. Trong những hoàn cảnh hầu như tuyệt vọng, ngài vẫn luôn sống trong hy vọng, một niềm hy vọng được xây dựng trên nền tảng đức tin và đức ái.

Trong *Lời mở đầu* của cuốn sách **Năm chiếc bánh và hai con cá**, ngài viết: *“Bản thân tôi đã từng là một thanh niên, rồi làm linh mục, Giám mục. Tôi đã đi qua một quãng đường, hân hoan có, lao khổ có, tự do có, lao tù có, nhưng luôn tràn trào hy vọng”*.

Niềm tín thác hoàn toàn của ngài vào Thiên Chúa, một đức tin không nao núng vọt trào thành năng lực nuôi dưỡng niềm hy vọng nơi ngài. Hy vọng hay đức cây liên kết chặt chẽ với đức tin và đức ái.

Người có đức tin thật là người luôn sống tinh thần hy vọng và yêu mến tha nhân. Ngài viết: *“Trong vực thẳm của khổ đau, tôi không bao giờ ngừng yêu mến mọi người. Tôi không hề loại trừ một ai khỏi tâm hồn tôi”*. Điều đó cũng nổi bật trong di chúc tinh thần của ngài: *“Tôi thanh thản ra đi và không giữ trong lòng bất cứ oán hận nào đối với ai. Tôi dâng tất cả những đau khổ đã trải qua cho Đức Mẹ Vô Nhiễm và Thánh Giuse”*.

Đức Hồng y không những sống hy vọng một cách quyết liệt triệt để và đầy xác tín, ngài còn truyền đạt tinh thần hy vọng cho tất cả những ai ngài có dịp tiếp xúc, gặp gỡ.

“Ngay cả trong những giây phút tuyệt vọng nhất của đời người, Đức Hồng y Thuận vẫn không đánh mất niềm hy vọng! Ngài xác tín rằng, ơn gọi của ngài đã chuyển qua một giai đoạn mới, giai đoạn mà ngài gọi là “chết bên ngoài tường thành,” như Chúa Giêsu đã một lần chết bên ngoài tường thành Giêrusalem.

Chết để sống mãi! Chết cho thể xác và cho những đam mê thường tình của con người để rồi niềm vui và hy vọng vào Chúa sẽ luôn rạng ngời và luôn tỏa sáng bất cứ trong hoàn cảnh nào!”⁽⁷⁸⁾

Tất cả đời sống nhân đức của Ngài, từ lúc còn bé thơ cho đến giây phút cuối đời tại dương thế được kết trái với chiêm ngôn này: luôn luôn sống trong vui mừng và tràn đầy hy vọng nơi Thiên Chúa.

VUI MỪNG

"Thưa Thầy, chúng con thấy Satan từ trời sa xuống như sấm sét." "Chúng con hãy vui mừng vì tên chúng con được ghi trên trời", hơn là mừng vì làm phép lạ (Đường Hy Vọng, số 117).

"Song các ngươi chớ mừng vì ma quỷ phải lụy phục các ngươi, nhưng hãy vui mừng vì tên các ngươi đã được ghi ở trên trời" (Luca 10: 20). Vui mừng trong Chân Lý và Sự Thật. Vui mừng vì Đấng Cứu Tinh đã hạ sinh làm người (mầu nhiệm nhập thể) cho con người và sống giữa con người. Vui mừng vì Giêsu Con Thiên Chúa đã chết trên Thánh Giá làm giá cứu chuộc nhân loại khỏi chết muôn đời (mầu nhiệm cứu chuộc). Vui mừng vì Chúa Giêsu Kitô đã sống lại từ cõi chết (mầu nhiệm phục sinh), là Thiên Chúa, là trưởng tử của đời sống mới (bí tích rửa tội). Vui mừng vì nhân loại được kêu gọi và nâng lên đời sống làm con cái Thiên Chúa và được gọi Thiên Chúa là Cha, abba! Sống tinh thần con cái Thiên Chúa không phải là ủy mị, thụ động, nhưng là một linh đạo: dễ dàng trong sự khó khăn, đơn sơ trong sự phức tạp, dịu dàng trong sự cương quyết, hùng dũng trong sự yếu đuối, khôn ngoan trong sự điên dại vì nếu các con không trở nên như trẻ thơ, các con không được vào Nước Trời. Tâm hồn trẻ thơ ở đây không phải là thơ ngây. Nhưng là yêu thương không giới hạn, phó thác cho cha mẹ tất cả; cha mẹ bảo gì, làm tất cả; theo cha mẹ, bỏ tất cả; tin tưởng cha mẹ hơn tất cả. Khi đã tin tưởng vào tình yêu của Thiên Chúa thì chúng ta cần trưởng thành trong vui mừng, vì: "Con tốt, người ta nói xấu, con vẫn tốt. Con nghèo, người ta khen con giàu, con vẫn nghèo. Tại sao con lên ký và sút

ký theo dư luận”? (Đường Hy Vọng, số 794).

Vui mừng trong Thiên Chúa, Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận đã xác tín trong cuốn sách, *Đường Hy Vọng*, số 542 như sau: “Càng được chung phần thống khổ của Đức Kitô chừng nào, anh em hãy vui mừng! Ngõ hầu khi vinh quang của Ngài mặc khải ra, anh em cũng được vui mừng hơn hở” (1P. 5:13).

Vui mừng vì “từ nay, Ta không còn gọi các người là tôi tớ. Ta đã gọi các người là bạn hữu, vì mọi điều Ta đã nghe nơi Cha Ta, Ta đã tỏ cho các người biết ... Vì không phải các người đã chọn Ta, nhưng chính Ta đã chọn các người” (Gioan 15: 15-17). Vui mừng vì trong “tình yêu của Thầy, sự vui mừng của các người được nên trọn” (Gioan 15:11). Vui mừng vì khi sống và kết hợp với Thiên Chúa trong Chúa Giêsu Kitô, Con Một Yêu Dấu của Chúa Cha, chúng ta tuy sống trong thế gian nhưng không thuộc về thế gian. Vui mừng vì chúng ta còn có một trách nhiệm “thánh hóa” thế gian bằng chính đời sống yêu thương trong sự thật để hoa trái của Công Lý và Hòa Bình được tồn tại. Hơn hết, vui mừng vì “thế gian đã nhận biết rằng Cha đã sai Con” (Gioan 17: 21).

Tựu chung, vui mừng vì mỗi một người Kitô hữu đang được thông phần vào Sự Sống Đời Đời của Con Thiên Chúa, Thánh Tử Phục Sinh – được sai đi loan báo Tin Mừng cho muôn dân (Mt. 28: 19-20) bằng chính đời sống đức tin – trong tin yêu và hy vọng – như Chúa Kitô đã sống, đã chết, đã sống lại và sẽ trở lại trong vinh quang của Nước Chúa Trị Đến. Để ý thức được ơn gọi này, chúng ta cần luôn có hy vọng để “thực thi Ý Chúa.”

HY VỌNG

“Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận đã sống trong hy vọng. Suốt cả cuộc đời từ khi được thụ thai trong cung lòng của người mẹ cho đến khi phục sinh trong Nước Trời, ngài đã được nuôi lớn bằng những yêu thương, gương nhân đức của

ông bà, cha mẹ, các ân sư trong mọi hoàn cảnh để luôn sống trong hy vọng, trong chân lý, trong công bình và bác ái. Ngài là một chứng nhân tỏ tường bằng chính đời sống tin yêu đối với Giáo hội Mẹ với tâm hồn thanh thoát, tươi trẻ, vị tha. Đức Hồng y Thuận đã thách đố con người Việt Nam và con người trên thế giới sống trong hy vọng. Trong sứ điệp ngài chia sẻ về Sứ Điệp Đức Mẹ La Vang, điểm số 9 như sau: “Thời đại này gặp một thách đố lớn nhất: Hy vọng. Nhiều người không biết hy vọng vào đâu, họ không biết sau cuộc đời này họ sẽ thế nào? Mặc dù hưởng thụ bao lạc thú, đầy ắp tiền của, họ vẫn không hy vọng. Số người tự tử ở các nước phát triển rất cao. Con phải trả lời được cho mọi người về niềm hy vọng trong con. Người Công giáo là ánh sáng giữa đen tối, là muối sống giữa thối nát và là hy vọng giữa một nhân loại thất vọng. Yêu Chúa là yêu trần gian. Mê say Chúa là mê say trần gian. Hy vọng ở Chúa là hy vọng trần gian được cứu rỗi. Trên Thánh giá, Chúa nghèo lắm! Con chỉ xin Chúa Giêsu chịu đóng đinh một điều: Yêu thương, đau khổ và luôn luôn hy vọng (Los Angeles, Sứ Điệp Đức Mẹ La Vang, ngày 11-8-2001).

Hơn thế nữa, Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận còn nói lên một thực tại rất trung thực về niềm hy vọng của người Kitô hữu là có hạng “Công giáo đợi chờ”, khoanh tay mong đợi niềm hy vọng đến, có hạng người “Công giáo thụ động”, “trốn tránh vô trách nhiệm”, họ chỉ biết “nhìn lên” để kêu cứu, mà không biết “nhìn tới” để tiến, “nhìn quanh” để chia sẻ, gánh vác. Niềm hy vọng đang ở giữa họ mà họ không hay! Ngài còn khuyến khích chúng ta hãy làm một cuộc cách mạng sống niềm tin trong hy vọng bằng cách đừng đem đời người công giáo xa lìa môi trường, để quây quần quanh các việc thiêng liêng nhưng hãy mang niềm hy vọng của mình xâm nhập môi trường. Vì, “chấm này nối tiếp chấm kia, ngàn vạn chấm thành một đường dài. Phút này nối tiếp phút kia, muôn triệu phút thành một đời sống. Chấm mỗi chấm cho đúng, đường sẽ đẹp. Sống mỗi phút cho tốt, đời sẽ thánh. Đường hy vọng do mỗi chấm hy vọng. Đời hy vọng do mỗi phút hy vọng” (ĐHV 978).

Xuyên qua những tác phẩm và những kinh nghiệm mà Đức Hồng y Thuận đã để lại cho Giáo hội, dân tộc Việt Nam và cộng đồng nhân loại trên thế giới, chúng ta không thể nào phủ nhận được là ngài đã sống một đời sống tràn đầy hy vọng. Ở trong bất cứ trạng huống nào, ngài vẫn luôn vui tươi, đặt niềm hy vọng vào chính Chúa Giêsu Kitô để sống và để làm chứng nhân rất sống động, rất thật, rất người, với những tâm tình chan chứa niềm vui và rất đơn sơ vì ngài luôn sống và tìm kiếm Chúa chứ không phải tìm kiếm công việc của Chúa.

Nói cách khác, trong hy vọng, Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận luôn ở cùng Chúa, luôn gặp được Chúa trong mọi giây phút của cuộc đời, kể cả những lúc đau khổ và mệt mỏi nhất trong cuộc đời. Ngài chia sẻ như sau: “Người Kitô hữu chúng ta có một ngọn cờ, một huy hiệu, và hơn thế nữa có sức mạnh ban ơn cứu độ đó là Thánh giá Chúa Giêsu Kitô. Khổ đau gắn liền với cuộc sống con người: khổ vì đói, khát, đau yếu, thao thức, sợ hãi, xao xuyến, vì thiếu tự do, chịu đựng bất công, bị nhục mạ và tột cùng là khổ vì đối diện với cái chết. Thánh giá, khổ đau của Chúa biến khổ đau con người chúng ta trở nên sức mạnh thần thánh, Thánh Giá là nguồn hy vọng độc nhất của ta. Vì khổ nạn gắn liền với Phục Sinh, do đó người Công giáo không bao giờ mất hy vọng (Los Angeles, Sứ Điệp Đức Mẹ La Vang, ngày 11-8-2001) (79)

Đức ái, đức tin và đức cậy của Đức Hồng y được thể hiện cụ thể như sau:

4- Sống trọn vẹn giây phút hiện tại

Con chỉ có một giây phút đẹp nhất: Giây phút hiện tại, sống trong tình yêu Chúa cách trọn vẹn; đời con sẽ tuyệt đẹp nếu kết tinh bằng từng triệu giây phút đẹp nhất. Con thấy đơn sơ, không phải khó! (ĐHV 997)

Hiện tại là thời gian duy nhất mà chúng ta có trong tay. Quá khứ đã qua rồi, còn tương lai chúng ta không biết nó sẽ ra

sao. Sự giàu có của chúng ta là giây phút hiện tại.

Trong những đêm dài trong tù ngục, tôi ý thức được rằng sống giây phút hiện tại là con đường đơn sơ và chắc chắn nhất dẫn tới sự thánh thiện. Niềm xác tín đó gây cảm hứng cho lời cầu nguyện sau đây: “Lạy Chúa Giêsu, con sẽ không chờ đợi nữa. Con sống giây phút hiện tại cho tràn đầy tình yêu.”

Chấm này nối tiếp chấm kia, ngàn vạn chấm thành một đường dài. Phút này nối tiếp phút kia, muôn triệu phút thành một đời sống. Chấm mỗi chấm cho đúng, đường sẽ đẹp. Sống mỗi phút cho tốt, đời sẽ thánh. Đường Hy Vọng do mỗi chấm hy vọng. Đời Hy Vọng do mỗi phút hy vọng (ĐHV số 977).

Thánh Phaolô Thánh Giá viết: “May mắn thay linh hồn nào an nghỉ trong lòng Thiên Chúa mà không nghĩ tới tương lai, nhưng chỉ sống từng giây phút hiện tại trong Thiên Chúa, không lo lắng gì khác ngoài việc thực hiện tốt ý muốn của Người trong mọi biến cố” (Thánh Phaolô Thánh Giá).

Một gương mặt thiêng liêng lớn của thời đại chúng ta có nói: *“Ai biết con đường nên thánh, thì trở lại và say mê trở lại với sự khắc kỷ mà nó yêu cầu: đó là được sống trong Thiên Chúa trong khoảnh khắc hiện tại của cuộc đời. Như thế, họ hoàn toàn xa lạ với tất cả những gì không phải là Thiên Chúa vì dìm mình trong Thiên Chúa ở bất cứ nơi nào Thiên Chúa hiện diện. Khi đó cuộc sống của chúng ta không còn là chỉ “có mặt” nữa cho bằng là “sự sống” tràn đầy, bởi vì Thiên Chúa, Đấng là “hằng hữu” đã đi vào trong cuộc sống”*. (Chiara Lubich)

Đức Giáo Hoàng Phaolô VI viết “Tư tưởng về cái chết” như sau: “Không nhìn lại đằng sau nữa, nhưng con vui vẻ làm bổn phận trong lúc này đây như là ý Chúa, một cách đơn sơ, khiêm tốn, và mạnh mẽ. Làm nhanh, làm tất cả, làm tốt. Làm một cách tươi vui: điều mà Chúa muốn nơi con trong lúc này đây, cả khi nó vượt quá sức lực của con và cả khi nó đòi hỏi mạng sống của con đi nữa. Sau cùng, chính giờ phút này đây”.

Mỗi khoảnh khắc của cuộc sống chúng ta hãy là: khoảnh khắc đầu tiên, khoảnh khắc cuối cùng, khoảnh khắc duy nhất.

Tôi nghĩ rằng tôi phải sống mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi phút như là giờ phút cuối cùng của đời tôi. Đẹp bỏ những gì là phụ thuộc, tập trung cả tâm hồn cho những gì là chính yếu. Mỗi lời nói, mỗi tư tưởng, mỗi cử chỉ, mỗi cú điện thoại, mỗi quyết định phải là “đẹp nhất” của đời tôi. Tôi phải dành cho mỗi người tình yêu của tôi, nụ cười của tôi: tôi phải lo sợ đánh mất một giây phút nào trong đời mình vì đã sống không ý nghĩa...

5- Chọn Chúa chứ không chọn những công việc của Chúa

Đức Hồng y Phanxicô Xaviê là con người có bản tính hăng say nhiệt tình và ham hoạt động, là một con người của công việc. Trong suốt thời gian dài, từ năm được thụ phong linh mục vào năm 1953 cho đến năm 1975, sau 22 năm linh mục và 8 năm Giám mục, ngài say sưa miệt mài phục vụ Thiên Chúa và Giáo hội. Tại Giáo phận Huế và tại Nha Trang, ngài đã miệt mài say sưa làm ngay tất cả những gì có thể được đề cử và phát triển Giáo hội. Tại Nha Trang, trọng tâm hoạt động của ngài là huấn luyện nhân sự: gia tăng đại chủng sinh từ 42 đến 147 trong tám năm; gia tăng số tiểu chủng sinh từ 200 đến 500 trong bốn chủng viện; tu nghiệp các linh mục trong sáu giáo phận của Giáo tỉnh miền Trung; phát triển và huấn luyện các phong trào thanh niên, giáo dân, các hội đồng giáo xứ, mục vụ... Ngài rất quý mến giáo phận đầu tiên của ngài là Nha Trang. Rồi, vì vâng lời Đức Thánh Cha, ngài rời nhiệm sở Nha Trang vào Sài Gòn nhận trách vụ Tổng Giám mục phó với quyền kế vị.

Tiếp đến là những chuỗi ngày gian khổ tù đầy từ trại giam này qua trại giam khác ở miền Nam và miền Bắc Việt Nam, khổ nhất của ngài là không được làm việc, không được phục vụ Giáo Hội. Nhiều lúc ngài bị đau khổ dày vò, tự hỏi tại sao đang lúc mình 48 tuổi, trưởng thành và khỏe mạnh, sau tám năm Giám mục đã có nhiều kinh nghiệm mục vụ, lại phải vào phòng biệt giam, xa giáo phận những 1.700 km? Tại sao tôi không được được phục vụ?

Trong một đêm thanh vắng, Chúa đã soi sáng cho ngài ngộ ra một điều rất quan trọng: Hãy chọn Chúa chứ đừng chọn những việc của Chúa.

Một tiếng từ đáy lòng nhắc nhở ngài: “Tại sao con quẩn trí, hoang mang như thế? Con phải biết phân biệt giữa Chúa và công việc của Chúa. Những gì con đã làm và tiếp tục đều là những việc tốt lành, là việc của Chúa, nhưng không phải là Chúa! Nếu Chúa muốn con trao tất cả các việc ấy trong tay Ngài, con hãy trao lại cho Người ngay tức khắc. Chúa có thể làm tốt hơn con muôn nghìn lần. Chúa có thể trao việc của Người cho những người tài đức hơn con. Phần con, con hãy chọn một mình Chúa mà thôi. Hãy chọn thánh ý Chúa, chứ đừng chọn việc của Người!”

Đức Hồng y viết: ánh sáng này đã mang lại cho tôi một sinh lực mới, thay đổi tận gốc lối suy nghĩ của tôi, giúp tôi vượt qua những bước gian truân mà hầu như cơ thể không chịu đựng nổi. Từ đây tôi cảm thấy trong lòng tôi một sự bình an mà thế gian không cho được. Từ giây phút ấy, một sự bình an mới tràn ngập tâm hồn tôi, ở với tôi suốt 13 năm tù đầy. Tôi cảm thấy thấm thía sự yếu hèn của tôi, tôi lặp lại sự chọn lựa của tôi, lúc ấy không bao giờ Chúa để lòng tôi thiếu an bình.

Tất cả là hồng ân của Chúa... kể cả những ngày tháng bị giam cầm khắc nghiệt ở trại giam Phú Khánh, lúc bị nhốt dưới khoang tàu Hải Phòng cùng với 1.500 anh em tù nhân bị đưa ra Bắc, thời gian ở trong trại cải tạo, giữa thung lũng núi Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phú... tôi luôn nghe tiếng: “Hãy chọn Chúa chứ không phải việc của Chúa!”

Tôi đã thưa: “Lạy Chúa, chính đây là nhà thờ chánh tòa của con, đây là dân Chúa trao cho con phục vụ, con phải làm cho Chúa hiện diện giữa những người anh em chán nản, cùng khổ này... Con xin chọn Chúa, không phải chọn công việc của Chúa. Con chọn thánh ý Chúa, giờ đây con là tông đồ truyền giáo của Chúa”.

Chọn Chúa, chứ không phải chọn những công việc của

Chúa. Đó chính là nền tảng đời sống Kitô trong mọi thời đại. Và đồng thời đó cũng là câu trả lời đích thực nhất cho thế giới ngày nay. Đó cũng là con đường để thực hiện những dự định của Chúa Cha đối với chúng ta, đối với Giáo Hội và nhân loại ngày nay.

Mẹ Maria đã chọn Chúa mà quên đi những dự tính riêng tư của mình mặc dầu không hiểu rõ mầu nhiệm đang xảy ra trong thân xác và vận mệnh của mình. Từ lúc ấy, cuộc đời của Mẹ là một lời “Xin Vâng” luôn được đổi mới. Sự chọn lựa Thiên Chúa như thế trong cuộc sống có hệ luận là phải quyết tâm từ bỏ việc thờ thần tượng.

Nếu tôi trung thành bước theo Chúa Kitô, từng bước một, thì chính Chúa Giêsu sẽ dẫn tôi đến mục đích. Chúng ta sẽ bước đi trên những con đường không lường trước được, nhiều khi quanh co, tăm tối, thê thảm, nhưng hãy tin tưởng rằng chúng ta ở cùng Chúa Giêsu! Hãy phó thác cho Ngài mọi ưu tư lo lắng.



6- Cầu nguyện liên li

Cuộc đời Đức Hồng y là một cuộc đời cầu nguyện liên li: từ tuổi ấu thơ, cho đến khi vào Tiểu Chủng viện và Đại Chủng viện, sau ngày thụ phong linh mục, làm Bề trên Tiểu Chủng viện Hoan Thiện, Giám mục Nha Trang, nhất là trong suốt 13 năm mất tự do, rồi qua Rôma phục vụ tại Giáo triều, cho đến khi qua đời. Đối với ngài, cầu nguyện là một nhu cầu sinh tử của linh hồn, như cơ thể con người phải liên tục nhờ hơi thở để có dưỡng khí mà sống.

Ngài viết trong tác phẩm Đường Hy Vọng: “*Cầu nguyện là nền tảng của đời sống thiêng liêng. Lúc cầu nguyện con nối liền, kết hợp với Thiên Chúa. Bóng điện sáng nhờ nối liền với máy phát điện.*” (ĐHV 120)

Trong tác phẩm Cầu Nguyện, ngài ghi rõ: “Đối với đời sống linh hồn, cầu nguyện là hơi thở. Không cầu nguyện, linh hồn ta chết ngạt. Con sống trong Chúa, bằng lời cầu nguyện, linh hồn con như đứa trẻ trong lòng mẹ nó, mẹ và con cùng một hơi thở, cùng một nhịp tim”. “Con nắm một bí quyết: cầu nguyện. Không ai mạnh bằng người cầu nguyện, vì Chúa đã hứa ban tất cả. Hoạt động mà không cầu nguyện là vô ích trước mặt Chúa. Máy móc tự động có thể làm hơn con. Vì thế, thứ nhất cầu nguyện, thứ hai hy sinh, thứ ba mới hoạt động.”

ĐHY đã khẳng định một cách mạnh mẽ về tầm quan trọng của đời sống cầu nguyện, trích theo lời Thánh Têrêsa Avila, “*Ai không cầu nguyện, không cần ma quỷ lôi kéo, sẽ tự mình sa xuống hỏa ngục.*”

Nhờ cầu nguyện, ngài đã vượt qua được mọi gian khổ thể xác và tinh thần trong bóng tối của ngục tù, để tiếp tục mạnh mẽ tiến bước trên con đường phục vụ của người tông đồ.

Ngài căn dặn con cái thiêng liêng của ngài: “Con nắm một bí quyết: cầu nguyện. Không ai mạnh bằng người cầu nguyện, vì Chúa đã hứa ban tất cả. Khi các con hiệp nhau cầu nguyện, có Chúa ở giữa các con. Cha tha thiết khuyên con, ngoài giờ kinh, hãy cầu nguyện mỗi ngày tối thiểu một giờ, nếu được hai giờ càng tốt. Không phải là mất mát vô ích đâu! Trên quãng đường Cha đi, Cha đã thấy lời Thánh Têrêsa Avila ứng nghiệm: “*Ai không cầu nguyện, không cần ma quỷ lôi kéo, sẽ tự mình sa xuống hỏa ngục*” (ĐHV 985)

Chúa dạy chúng ta: “*Cần phải cầu nguyện luôn*” (Lc 18, 1).

Thứ nhất cầu nguyện, thứ hai hy sinh, thứ ba mới đến hoạt động.

Con tin lời cầu nguyện toàn năng không? Hãy suy lời Chúa: “*Thầy nói thật với các con, hãy xin sẽ được, hãy tìm sẽ gặp, hãy gõ cửa, sẽ mở.*” Có công ty bảo hiểm nào bảo đảm cho chắc chắn hơn lời ấy không?

Bí quyết nuôi dưỡng đời sống Kitô hữu là cầu nguyện. Không cầu nguyện, dù có làm phép lạ, con cũng đừng tin.

Con hãy cầu nguyện luôn luôn bất cứ ở đâu. Chúa Giêsu đã nói: “*Hãy cầu nguyện không ngừng.*”

“*Khi hai hay ba người hiệp nhau vì danh Ta, thì Ta ở giữa họ.*” Lời Chúa Giêsu đã ứng nghiệm, đặc biệt nơi nhiều cộng đoàn cầu nguyện, họ sống xa linh mục từng ngàn cây số mà vẫn hướng dẫn nhau cầu nguyện kiên trì giữa gian nan và cô đơn.

Một người thánh mà không cầu nguyện là thánh giả. Con đợi xem, họ sẽ sụp đổ không mấy hồi.

Muốn biết công việc Tông đồ của ai, con hãy xem người ấy cầu nguyện thế nào.

Tình thần cầu nguyện cũng như một lò lửa nung đốt tâm hồn tông đồ của con. Muốn nuôi ngọn lửa ấy, con hãy nhen vào đó những thanh gỗ lớn của hy sinh, của những cuộc tĩnh tâm và cả những que củi nhỏ của lời nguyện tắt và hy sinh thầm kín.

Con đường đích thực của lời cầu nguyện là cuộc sống (...). Một lời cầu liên tục là một cuộc sống hoàn toàn tận hiến phục vụ Chúa. Đó là phương cách duy nhất giúp cầu nguyện luôn. Lời cầu nguyện trở nên liên tục khi biết yêu thương liên li. Tình yêu liên li khi nó duy nhất và hoàn toàn” (Lời cầu nguyện. Kinh Thánh. Thần học. Kinh nghiệm lịch sử, phát hành bởi E. Ancilli, I, Rôma 1988, tr. 34).

Khẩu hiệu Giám mục của ngài là “*Vui mừng và Hy vọng*” đã trở nên phương thức sống ơn gọi với trách nhiệm Giám mục mà Chúa đã trao phó. Trong 8 năm ở Nha Trang, trong 13 năm mất tự do, Đức Hồng y đã sống đời sống cầu nguyện theo Lời

Chúa để tìm cho mình được sự bình an trong tâm hồn, nhất là niềm vui và niềm hy vọng ở nơi Chúa.

Sau đây là những lời ngắn gọn, nhưng lại rất súc tích, được trích dẫn từ Lời Chúa đã được Đức Hồng y ưa thích cầu nguyện khi ở trong tù: *Kính Lạy Cha - Lạy Cha, xin tha cho họ vì họ không biết việc họ làm (Lc 23:34) - Lạy Cha, xin cho chúng nên một (Gn 17:21) - Này tôi là tôi tớ Chúa - Họ hết rượu rồi (Gn 2:3) - Này là con Mẹ, Này là Mẹ con - Xin nhớ đến tôi khi Ngài về trong Nước Trời (Lc 23:42-43) - Lạy Chúa, Chúa muốn con làm gì? - Thừa Thầy, Thầy biết hết mọi sự, Thầy biết con yêu mến Thầy - Lạy Chúa, xin thương xót con vì con là kẻ tội lỗi (Lc 18:13) - Lạy Chúa con, lạy Chúa con, sao Chúa bỏ con! Con xin phú dâng linh hồn con trong tay Cha (Lc 23:46).*

Những lời cầu nguyện ngắn gọn này, được nối kết lại với nhau làm thành một đời sống cầu nguyện. Nhờ đời sống cầu nguyện mà Đức Hồng y đã nuôi dưỡng được niềm hy vọng để sống.

Trong Thông điệp SPE SALVI (Trong Hy Vọng Chúng Ta Được Cứu Độ, mục 34) ban hành ngày 30-11-2007, Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI đã nói về việc cầu nguyện, theo linh đạo của Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận, giúp chúng ta “trở thành các thừa tác viên của niềm hy vọng cho kẻ khác”. Đức Thánh Cha viết:

“Để lời cầu nguyện phát triển được sức mạnh thanh tẩy, một đàn tràng lời cầu nguyện ấy phải là cái gì đó rất riêng tư, là một cuộc gặp gỡ giữa thâm sâu của chính tôi với Chúa, Thiên Chúa hằng sống. Đàn tràng khác, lời cầu ấy phải luôn được hướng dẫn và soi sáng bởi những kinh nguyện quý giá của Giáo hội và của các thánh, và bởi lời cầu phụng vụ, trong đó Chúa dạy đi dạy lại chúng ta làm thế nào cầu nguyện cho xứng hợp. Đức Hồng y Nguyễn Văn Thuận, trong quyển sách của ngài về luyện đàn tràng thiêng liêng, nói với chúng ta rằng trong cuộc đời ngài, có những thời gian dài ngài đã không thể cầu nguyện được và ngài đã phải bám lấy những kinh nguyện của Giáo hội như kinh Lạy Cha, kinh

Kính Mừng và các kinh nguyện phụng vụ. Cầu nguyện phải luôn luôn có sự pha trộn giữa lời cầu nguyện chung và cá nhân. Đây là cách thể chúng ta có thể thân thưa với Chúa và Chúa nói với chúng ta. Trong đường lối này, chúng ta trải qua những cuộc thanh tẩy, qua đó, chúng ta mở lòng mình ra cho Chúa và sẵn sàng cho việc phục vụ đồng loại. Chúng ta trở nên có khả năng cho niềm hy vọng vĩ đại, và do đó, trở thành các thừa tác viên của niềm hy vọng cho kẻ khác. Hy vọng trong ý nghĩa Kitô giáo luôn luôn cũng là niềm hy vọng cho những người khác. Nó là niềm hy vọng tích cực, trong đó chúng ta chiến đấu hầu tránh làm cho mọi sự đẽng hượng đến một “chung cuộc quái ác”. Đó cũng là niềm hy vọng tích cực theo nghĩa là chúng ta giữ cho thế giới này mở lòng ra cho Thiên Chúa. Chỉ trong đường lối ấy niềm hy vọng này mới tiếp tục là niềm hy vọng nhân bản đích thật”.

7- Bám chặt vào nguồn năng lượng độc nhất: Phép Thánh Thể

Ngài viết:

“Trong lúc thiếu thốn mọi sự, Thánh Thể là điều chúng ta nghĩ đến trước nhất: đó là Bánh hằng sống. “*Ai ăn bánh này thì sẽ được sống đời đời, và bánh Ta sẽ ban chính là thịt Ta để cho thế gian được sống*” (Ga 6,51).

Chúng ta biết rằng khía cạnh hy tế của thức ăn nuôi dưỡng và thức uống bổ sức gọi lên sự sống Chúa Kitô ban cho chúng ta và sự biến đổi do Ngài thực hiện: “Hiệu quả riêng của phép Thánh Thể là biến đổi con người thành Chúa Kitô”.

Thánh Augustinô diễn tả câu nói của Chúa Giêsu bằng những lời này: “*Không phải con thay đổi Ta thành như lương thực cho thể xác con, nhưng con được biến đổi thành Ta*” (Conf. VII. X.16). Như Thánh Xirilô thành Giêrusalem nói: “*Nhờ Thánh Thể, chúng ta trở thành đồng thân thể và máu huyết với Chúa Kitô*” (Cat. Myst. 4,3; PG 33, 1100), Chúa Giêsu sống trong chúng ta và chúng ta sống trong Ngài, như một loại “thảm thấu”: Ngài sống

trong tôi, ở lại trong tôi và hành động nhờ tôi (Trích sách Chứng Nhân Hy Vọng. Bài Suy Niệm thứ mười bốn: Thịt Ta, để cho thế gian được sống).

Chúa Giêsu đã làm cho chúng ta thành Hội Thánh của Ngài.

“Vì chỉ có một bánh duy nhất, nên chúng ta tuy nhiều, nhưng vẫn là một thân thể duy nhất: thực vậy, tất cả chúng ta đến tham phần vào bánh duy nhất” (1Cr 10,17). Thánh Thể làm nên Hội Thánh: Mình Thánh làm cho chúng ta thành Thân Thể Chúa Kitô. Hay nói theo hình ảnh của Thánh Gioan: tất cả chúng ta đều là một thân cây nho duy nhất, có cùng nhựa sống của Thánh Linh lưu thông mỗi người và mọi người (cf. Ga 15).

Nếu Thánh Thể và sự hiệp thông là hai mặt không thể tách rời nhau của cùng một thực tại, thì tình hiệp thông ấy không chỉ có tính chất thiêng liêng mà thôi. Chúng ta còn được mời gọi để chứng tỏ cho thế giới cảnh tượng cộng đoàn trong đó không những có cùng một đức tin, nhưng còn thực sự chia sẻ vui mừng, khổ đau, của cải và những nhu cầu thiêng liêng cũng như vật chất.

Sách Giáo lý của Hội Thánh Công giáo quả quyết: “Thánh Thể đòi phải dẫn thân đối với người nghèo. Để thực sự rước Mình Máu Thánh Chúa đã hiến mình vì chúng ta, chúng ta phải nhận ra Chúa Kitô nơi những người nghèo nhất, những anh em của Ngài” (Mt 25, 40) (s.1397).

Niềm vui lớn lao nhất của Đức Hồng y khi bị mất tự do là dâng thánh lễ bởi vì nguồn sức mạnh thiêng liêng duy nhất của ngài là Phép Thánh Thể. Ngài viết: *“Tôi không bao giờ có thể diễn tả hết được niềm vui vô cùng lớn lao của tôi là: Mỗi ngày với ba giọt rượu nho và một giọt nước trong lòng bàn tay, tôi dâng thánh lễ.”*

8- Theo vết chân Chúa Giêsu Kitô: ôm ấp thập giá

Dưới đây là chứng từ của Đức Giám mục Mario Toso, Tổng Thư ký Hội đồng Tòa Thánh Công lý và Hòa bình, về Đức

HY PX Nguyễn Văn Thuận.

Ngày 08-6-2012, di hài của Đức HY PX Nguyễn Văn Thuận được di chuyển từ nghĩa trang Campo Verano về thánh đường Đức Mẹ Scala ở trung tâm Rôma, nhà thờ hiệu tòa của ngài. Trong một buổi phụng vụ Lời Chúa do ĐHY Peter Turkson, Chủ tịch Hội đồng Tòa Thánh Công lý và Hòa bình, chủ sự lúc 11g45, trong khi chờ đợi linh cửu được đưa từ nghĩa trang tới, Đức cha Mario Toso, dòng Don Bosco, đã gọi lại cho gần 100 người hiện diện, gồm 5 Hồng y và các linh mục tu sĩ Việt Nam và Ý những tư tưởng sau đây về Đức HY Nguyễn Văn Thuận.

Bài này được đăng trên báo Osservatore Romano của Tòa Thánh, số ra ngày 09-6-2012, với tựa đề: **Theo vết chân Chúa Giêsu Kitô, ôm ấp thập giá.**

Trước Thượng Hội đồng Giám mục Thế giới đang đến gần về việc tái truyền giảng Tin Mừng để thông truyền đức tin Kitô, và trước ngưỡng cửa Năm Đức Tin do ĐTC Biển Đức XVI ấn định, hôm nay, 08/6, khi linh cửu Đức Hồng y PX Nguyễn Văn Thuận được an táng tại nhà thờ Đức Mẹ Scala, là nhà thờ hiệu tòa của ngài, tôi xin nêu bật một vài nét về quan niệm của ngài liên quan đến đức tin và việc truyền giảng Tin Mừng, như ngài đã trình bày trong một vài lá thư mục tử.

Trong Thư Mục Tử năm 1971, kỷ niệm 300 năm thành lập Giáo phận Nha Trang của ngài, Đức cha Nguyễn Văn Thuận đã kiểm điểm việc phát triển cộng đoàn công giáo, và ngài nhận định rằng: Chúng ta hãnh diện và cảm thấy được vinh dự không phải bây giờ chúng ta có những thánh đường đẹp, các cơ cấu lớn, đông đảo tín hữu...không phải vì những điều đó. Sức mạnh của Giáo hội không hệ tại những sự vật chất, nơi các con số, nhưng chúng ta hãnh diện vì thập giá của Chúa Kitô, vì sự trung thành của các tiền nhân đối với Giáo hội, vì đời sống nhiệt thành của các ngài, vì đức tin kiên vững của các ngài mạnh hơn sự chết, vì tinh thần trách nhiệm trưởng thành của các ngài trong việc chu toàn nghĩa vụ tông đồ và cộng tác với các linh mục, thay thế các vị trong

trường hợp thiếu linh mục.

Đứng trước di hài của Đức HY Nguyễn Văn Thuận, nhớ lại chứng tá đức tin rạng ngời của ngài trong ngục tù và trong đau khổ, nghĩ đến những khó khăn hiện nay của Giáo hội, chúng ta phải nhìn nhận rằng sức mạnh đích thực của Giáo hội là nhờ đức tin của các tín hữu, của các linh mục và Giám mục, do cách các vị sống tình yêu của Chúa Kitô chịu đóng đinh, một niềm tin yêu mạnh hơn sự chết, được biểu lộ trong sự phục sinh.

Sức mạnh của Giáo hội được nuôi dưỡng bằng cách sống thập giá một cách huyền nhiệm, thập giá của Chúa, từ thập giá đến vinh quang. Thực vậy, trên thập giá, cuộc sống huy hoàng xuất hiện vượt thắng sự chia cách Thiên Chúa, đó là cuộc sống sung mãn soi sáng cho thế giới. Đức tin trước tiên là sống bằng Chúa Kitô, yêu mến Chúa trên hết mọi sự, là xây dựng căn nhà cuộc sống của mình trên Chúa. Vì thế công trình đầu tiên là yêu mến Chúa Kitô hết lòng, được tiếp nối bằng bao nhiêu công trình khác.

Trong Thư Mục Tử đầu tiên của ngài hồi năm 1968, Đức cha PX Thuận viết: Những công trình xây dựng cộng đoàn Kitô được kèm theo những công việc khác, cải tiến và nhân bản hóa xã hội. Cần phải vượt thắng sự chia cách giữa đức tin và đời sống hằng ngày, vốn là một trong những sai lầm lớn nhất ngày nay. Giáo hội không thể không biết rằng mình đang sống và hoạt động trong trần thế. Xác tín đó cũng khiến Đức cha chọn khẩu hiệu Giám mục của ngài là Gaudium et Spes, Vui Mừng và Hy Vọng. Sự hiệp nhất giữa đức tin và đời sống là điều cấu thành căn tính Kitô, và là lễ vật mà tín hữu phải dâng lên Chúa. Chỉ khi nào tín hữu diễn đạt đức tin qua công việc làm thì họ mới làm cho kinh nguyện của mình trở nên chân thực hơn. Kinh nguyện được chân thực hơn trong sự dấn thân cụ thể.

Đức cha Thuận thường lặp lại rằng: Cầu nguyện có nghĩa là liên đới với môi trường chúng ta đang sống, với thế giới, với hàng ngàn vấn đề khó khăn. Cầu nguyện là kết hiệp với Thiên

Chúa và mang Chúa đến cho nhân loại, để thực hiện ý Chúa giữa lòng thế giới.

Trong Thư Mục Tử thứ 2 năm 1969, lấy hứng từ Năm Đức Tin mà Đức Phaolô VI đã ấn định từ năm 1967 đến 1968, Đức cha Thuận cũng đề nghị Năm Đức Tin cho Giáo phận Nha Trang của ngài. Trong thư đó ngài liên kết đức tin với sự dấn thân bảo vệ và thăng tiến phẩm giá con người, vì con người được dựng nên theo hình ảnh của Thiên Chúa, được kêu gọi trở thành con Thiên Chúa trong Chúa Con, được tham dự vào Nhiệm Thể Chúa Giêsu Kitô. Niềm tin nơi Đức Chúa Giêsu Kitô là tin nơi Adam mới, và cũng là niềm tin nơi một nhân loại mới, được tôn trọng theo phẩm giá rất cao cả. Trong sự nhập thể, Chúa Kitô như liên kết với mỗi người, họ có quyền tự do được là chính mình một cách toàn diện, không bị thu hẹp. Vì thế, không được ngừng chiến đấu chống lại những chế độ và những hội kín nhằm làm giảm giá con người. Đức cha viết trong thư mục tử: Cần phải tôn trọng tự do nếu ta muốn có một nền hòa bình đích thực, tự do cá nhân, tự do của cộng đoàn, tự do phụng tự, tự do nghiên cứu, tự do khẳng định ý kiến của mình, tự do của công dân trước chính quyền, tự do giữa các dân nước. Tự do này phải được sử dụng theo trật tự và phải được bảo vệ chống lại mọi lạm dụng có tính chất quốc gia chủ nghĩa, dùng đàn áp để tạo nên một thứ trật tự giả tạo.

Với những lời này, chúng ta thấy Đức Hồng y Nguyễn Văn Thuận chỉ cho thấy như một trọng tâm tự do của đại gia đình nhân loại vượt lên trên mọi ranh giới địa phương, được tổ chức như một xã hội các dân tộc có tầm mức quốc tế.

Trong bối cảnh có sự nghi ngờ và xung đột giữa Công giáo và Phật giáo thời ấy, Đức cha Nguyễn Văn Thuận trong Thư Mục Tử thứ 4 năm 1970, đã ấn định Năm Truyền giáo trong giáo phận của ngài, tham chiếu Sắc lệnh Ad Gentes của Công đồng chung Vatican II về truyền giáo. Trước hết ngài nhắc nhở rằng mọi người phải hợp thành một gia đình duy nhất. Cuốn sách đẹp nhất và đơn giản nhất để suy niệm là bản đồ thế giới. Chúng ta không

khỏi cảm thấy bị gọi hỏi khi nhìn Á châu, nơi có 56% dân số thế giới sinh sống, nhưng chỉ có 2% là tín hữu công giáo. Trong bối cảnh đa tôn giáo, Đức cha Thuận nhấn nhủ các tín hữu công giáo hãy làm chứng tá bằng cuộc sống và lời nói. Trong các quan hệ thường nhật với những người ngoài Kitô giáo, trong các môi trường xã hội khác nhau. Đối với những người có tinh thần truyền giáo đích thực và lòng nhiệt thành tông đồ, điều đáng kể không phải là sự kiêu hãnh nhưng là thái độ đối thoại, trao đổi và tôn trọng đối với các tôn giáo khác; không phải sức mạnh bạo lực của tiền bạc, quyền hành, nhưng là tình liên đới; không phải là chiến lược, mưu mô, nhưng là trái tim chân thành và đơn sơ.

Đức cha Nguyễn Văn Thuận tự hỏi đâu là điều mà cộng đoàn Kitô địa phương đã làm cho những người ngoài Kitô, các dân tộc ít người và cho đồng bào của mình. Ngài viết: Nếu thành thực xét mình thì chúng ta phải đấm ngực vì nhiều thiếu sót chúng ta đã phạm, những người không-Kitô sống với chúng ta trên cùng con đường từ bao năm nay, và lớn lên với chúng ta trong cùng một làng từ bao thế hệ, nhưng thế giới của họ và thế giới của chúng ta dường như là hai thế giới tách biệt không bao giờ gặp nhau, không bao giờ trao đổi lời nói và ai sống ai chết mặc kệ. Thường chỉ cần một lời chào, một nụ cười, một cử chỉ thân hữu là bắt được một nhịp cầu tinh thần giữa chúng ta. Với các tín hữu giáo dân, Đức cha Thuận khẳng định rằng mối quan tâm truyền giáo được cụ thể hóa trước tiên bằng những tiếp xúc với các anh chị em ngoài Kitô giáo, trên bình diện cá nhân và giữa các gia đình với nhau.

Đức HY Nguyễn Văn Thuận nhắc nhở rằng việc rao giảng Tin Mừng cần có các thánh. Mục đích của mỗi Kitô hữu là sự thánh thiện. Hồi tháng 2 năm 2002, Đức HY tâm sự với một nhóm linh mục và nói: Tôi muốn bắt đầu suy tư này về ơn gọi nên thánh bằng một cuộc xét mình từ bản thân. Trong cuộc đời tôi và cả bây giờ như một Hồng y, tôi đã và còn sợ những đòi hỏi của Tin Mừng, tôi sợ sự thánh thiện, sợ nên thánh. Bao nhiêu lần tôi không dám nghĩ đến sự thánh thiện. Tôi muốn trung thành với

Giáo hội, không muốn chối bỏ điều gì trong sự chọn lựa của tôi, nhưng tôi không suy nghĩ đủ để làm thánh. Năm ngoái tôi bị giải phẫu để cắt bỏ một bướu ung thư, các bác sĩ nói là họ đã cắt bỏ được 2,5 kg, nhưng vẫn còn 4,5 kg trong bụng tôi mà họ không thể cắt bỏ được. Và tôi sợ nên thánh với tất cả những thứ đó, tức là đau khổ của tôi. Nhưng lo sợ ấy chỉ kéo dài cho tới lúc tôi thấy được thánh ý Thiên Chúa về những gì xảy ra cho tôi, và tôi chấp nhận mang gánh nặng ấy cho đến chết. Mỗi đêm tôi chỉ ngủ được một tiếng rưỡi đồng hồ. Sau khi chấp nhận tất cả những điều ấy, giờ đây tôi ở trong an bình. Thánh ý Chúa là an bình của tôi, cho đến khi nào Chúa muốn, tôi muốn ở với Chúa như Chúa muốn tôi và cho tôi.

Và thế là Đức HY Nguyễn Văn Thuận đã kết thúc hành trình dương thế của ngài theo vết Chúa Giêsu cho đến cùng, ôm lấy thánh giá. Vì thế ngài trở thành vinh dự cho Giáo hội, cho người Việt Nam. Vì Đức HY đã sống và đã chết vì lòng yêu mến Chúa, vì ngài đã chọn những bước chân của Chúa Giêsu làm của mình, những bước chân mau lẹ trong 3 năm rao giảng Tin Mừng, những bước chân lo lắng tìm chiên lạc, những bước chân đau đớn khi vào thành Giêrusalem, những bước chân đơn độc trước dinh quan tổng trấn, những bước chân nặng nề khi vác thập giá trên đường Can-vê.

Kính xin vị Tôi Tớ Chúa Nguyễn Văn Thuận, là vinh dự của Giáo hội và của thế giới, giúp chúng con ghi khắc trong tâm trí giáo huấn của ngài, sự điên dại của các thánh, làm cho chúng con có khả năng sống và chết vì Chúa Kitô...⁽⁸⁰⁾

9- Sống Lời Chúa và kết hợp mật thiết với Lời Chúa

“Qua những giai đoạn học tập nhân đức, trau dồi kiến thức từ ngay chính trong gia đình, chủng viện, khi thi hành các sứ vụ và các trách nhiệm, khi sống trong lao tù, bị quản thúc mọi mặt, ngay cả khi phục vụ Giáo hội với tư cách là Bộ trưởng Bộ Công lý và Hòa bình, và trong những lúc chịu đau đớn vì bệnh lý, Đức Hồng y vẫn an vui tự tại vì cuộc sống kết hợp tài tình với Lời

Chúa: Lời Hằng Sống. Tôi còn nhớ, qua những tài liệu ghi lại từ những bài viết hoặc những bài giảng thuyết, Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận đã từng nói: “Có nhiều vĩ nhân với những tư tưởng sâu sắc, lạc quan, khác người. Họ để lại cho hậu thế những tư tưởng về những triết lý sống trong những liên hệ của nhân sinh quan. Nhưng, lời nói và tư tưởng của họ không ban phát sự sống. Chỉ có Lời Chúa mới có khả năng ban phát Sự Sống đích thực”.

Đúng như thế, Con Thiên Chúa, trong chương đầu tiên của Phúc Âm theo Thánh Gioan đã xác định rất rõ ràng là Chúa Giêsu, Lời của Thiên Chúa Cha, đến trong thế gian để loan báo Tin Mừng của Thiên Chúa cho nhân loại. Quả thật, Chúa Giêsu không những đến trong trần gian để rao giảng Lời Chúa nhưng chính Ngài là Lời Chúa.

Khi nói về đời sống linh đạo của Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận, chúng ta không thể nào bỏ qua một chi tiết rất quan trọng trong đời sống đức tin và trong đời sống nhân chứng hy vọng của ngài là: đời sống kết hợp mật thiết với Lời Chúa, với Chúa Giêsu Kitô, là Lời Hằng Sống. Khi suy ngẫm về Lời Chúa có nghĩa là chúng ta lắng nghe Lời Chúa Giêsu kết hợp với Thiên Chúa Cha: “Song không phải như ý Con, mà là như ý Cha” (Mt. 26: 39). Đức Hồng y Phanxicô Xaviê, qua những chuỗi ngày khi còn sống ở dương thế, đã chứng minh được đời sống của ngài là những chuỗi kết hợp mật thiết với Chúa Giêsu như thế nào. Vì thế, tôi cũng không ngần ngại để nói như sau: Sống Lời Chúa và kết hợp với Lời Chúa là một trong những phương châm đời sống linh đạo của Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận.”⁽⁸¹⁾

10- Yêu mến Mẹ Maria và Thánh Cả Giuse

Lòng sùng kính Mẹ Maria và niềm phởn phác hoàn toàn cuộc đời cho Mẹ của ngài bắt nguồn từ gia đình, từ bà ngoại, bà nội, từ thân phụ và thân mẫu và của ngài, từ các linh mục giáo sư chủng viện, các vị đã dạy ngài yêu mến Mẹ Maria từ khi còn thơ

ầu cho đến tuổi thanh niên. Ngài viết: “Con hãy tìm giá trị của một đời sống thiêng liêng, một linh đạo sâu xa nơi Mẹ Maria. Mẹ hoạt động, nhưng tất cả mọi cử chỉ và tư tưởng, dù vụn vặt nhất, cũng vì Chúa Giêsu, Mẹ không thể có một giây phút nào ngoài Chúa Giêsu được. Đời Mẹ là một vực sâu vô tận của nội tâm; trong Mẹ, hoạt động và chiêm niệm không tách lìa: chiêm niệm giữa hoạt động, hoạt động do chiêm niệm” (ĐHV 937).

Đức Hồng y chỉ ra năm cách tôn sùng Mẹ Maria đích thực:

1/ Tôn sùng thiết thực:

Thành thực trong tâm hồn, trong trí khôn, trong hành động, trong gia đình cũng như ngoài xã hội, luôn tỏ ra xứng đáng là một người con, một người chiến sĩ của Mẹ.

2/ Tôn sùng tha thiết:

Như con thơ trên tay Mẹ hiền. Qua mọi biến cố bên ngoài cũng như bên trong, liên li kết hợp với Mẹ, cầu cứu với Mẹ, không sợ phiền Mẹ, phó thác tất cả cho Mẹ.

3/ Tôn sùng thánh thiện:

Cùng với việc tôn sùng Mẹ bên ngoài, trong lòng dứt khoát với tội lỗi và thực thi các nhân đức của Mẹ: khiêm tốn sâu xa, tin tưởng mãnh liệt, vâng lời triệt để, nguyện cầu liên li, hy sinh trong mọi việc lớn nhỏ, trong trắng trong tư tưởng, lời nói, việc làm. Mến Chúa Giêsu và thánh Giuse tha thiết.

4/ Tôn sùng bền đỗ:

Mặc dù có lúc yếu đuối, có hồi chán nản vì bị người ta phi bác là mình sống khác với kiểu cách tư tưởng trần gian, nhưng vẫn biết chỗi dậy, biết đứng vững trong hàng trọn lành. Không mến Mẹ theo tình cảm. Kính yêu Mẹ vì đức tin sắt đá.

5/ Tôn sùng vô vị 1ơi:

Chân thành yêu mến Mẹ không phải để có lợi cho mình, để

được phúc trần gian hay phúc thiên đàng, nhưng chỉ vì thấy Mẹ đáng mến và vì muốn phục vụ Chúa Giêsu trong Mẹ thôi. Hễ phục vụ tất nhiên sẽ được phúc thiên đàng. Dù buồn chán, khô khan, gặp thử thách, vẫn yêu mến Mẹ.

Và phương thức tận hiến cho Mẹ:

Theo thánh Montfort, lòng thành thực sùng kính Mẹ phải đi đến tột đỉnh là tận hiến cho Mẹ.

Ngài viết: “Tôi đã nói: Điểm chính của đời tận hiến là làm mọi việc với Mẹ, trong Mẹ, nhờ Mẹ và vì Mẹ”:

1/ Với Mẹ: Nghĩa là khi làm bất cứ việc gì, người tận hiến phải lấy Đức Maria làm mẫu gương trọn hảo nhất để theo.

2/ Trong Mẹ: Khi làm việc gì, ta tạo trong trí khôn hình ảnh Mẹ Maria như nhà nguyện nhỏ ta vào trong đó cầu xin. Chúa Cha sẽ không bao giờ từ chối... Ta hoạt động là hoạt động trong Mẹ, không bao giờ theo ý mình trong bất cứ việc gì.

3/ Nhờ Mẹ: Bao giờ đến với Chúa Giêsu cũng phải đều nhờ Mẹ, nhờ Mẹ can thiệp với Chúa. Không xin gặp riêng Chúa để thưa một việc gì.

4/ Vì Mẹ: Đã làm nô lệ của Mẹ thì việc gì làm cũng vì Mẹ, trước là làm vinh danh Mẹ, sau là nhờ Mẹ mà làm cho danh Chúa cả sáng. Trong mọi hoạt động của con, hãy loại trừ con người của con, bởi vì tính tự cao, tự đại, tự mãn, vị kỷ... nó xâm nhập lúc nào cũng không thấy được.

“Xưng mình là nô lệ Maria, có nghĩa là nhờ Mẹ mà làm nô lệ của Chúa một cách hoàn hảo hơn. Maria là phương tiện Chúa dùng để đến với ta, ta cũng phải nhờ Maria mà đến với Chúa” (Thánh Augustinô). (Trích sách “*Những người lữ hành trên đường hy vọng*”. Chương 35, Mẹ Maria).

Sau khi bị bắt ngày 15 tháng 8 năm 1975 và bị đưa ra quản thúc tại làng Cây Vông, Nha Trang, ngài ra đi với 2 bàn tay trắng, chỉ có trong túi áo một tràng chuỗi Mân Côi. Trên đoạn đường từ

Sàigòn ra Nha Trang, ngài luôn đọc “Kính Hầy Nhớ” - “*Lạy Thánh nữ đồng trinh Maria là Mẹ rất nhơn từ xin hãy nhớ xưa nay chưa từng nghe có người nào chạy đến cùng Đức Mẹ xin Người bầu chữa cứu giúp mà Đức Mẹ từ bỏ chẳng nhậm lời...*”. Kinh này được chính mẫu thân của ngài đã dạy cho khi vừa bập bẹ tập nói, đã giúp Đức Hồng y nuôi dưỡng niềm hy vọng, đức cậy trông của ngài trong suốt cuộc đời, nhất là trong thời gian gặp khó khăn, gian khổ, bệnh tật và mất tự do.

Có nhiều ngày ngài đọc cả hàng trăm kinh “Kính mừng” để cầu nguyện cho nhiều người đang cần ơn Chúa trong Giáo hội. Tất cả đều nhờ Mẹ, với Mẹ và trong Mẹ. Ngài luôn cầu nguyện cho mình: “Lạy Mẹ, Mẹ muốn con làm gì cho Mẹ? Con sẵn sàng thi hành mệnh lệnh của Mẹ. Ngày nào Mẹ thấy con không còn ích lợi gì cho Giáo hội nữa, thì xin Mẹ cho con được ơn chết trong tù. Nếu Mẹ thấy con còn có thể làm được gì cho Giáo hội thì xin Mẹ cho con được ra khỏi tù vào một trong những ngày lễ kính Mẹ”. Vào ngày 21-11, Lễ Đức Mẹ dâng mình vào Đền Thánh, ngài được trả tự do.

Noi gương bà nội, thân phụ và thân mẫu, ngài rất kính mến Thánh Giuse. Trong thánh lễ ngày 01-5-1991 tại Đại Chung Viện Hà Nội, Đức Hồng y giảng: “Theo đức tin và thần học, chúng ta quả quyết Thánh Giuse yêu mến Đức Mẹ nhất. Nếu chúng ta nêu câu hỏi với Thánh Giuse: “Phải làm gì để được ơn cứu độ?”, chắc Ngài sẽ bảo chúng ta yêu mến Chúa Giêsu và Mẹ Maria. Bởi vì Thánh Giuse đã yêu, đã cảm nghiệm sự tốt lành của Đức Mẹ và Ngài muốn hết mọi người chúng ta hãy yêu mến Mẹ như Ngài. Trái lại, nếu ta hỏi Đức Mẹ, chắc Mẹ cũng sẽ bảo ta yêu mến Thánh Giuse, vì không ai yêu mến Thánh Giuse mà lại không yêu Đức Mẹ và Chúa Giêsu. Là con cái của các Ngài, chúng ta phải yêu mến cả Đức Mẹ và Thánh Giuse để nhờ đó gặp được Thiên Chúa”

11- Chỉ chọn một mình Thiên Chúa

Đức Hồng y nói rõ vì những lý do nào ngài chọn Chúa:

Tôi chọn Chúa vì Chúa có một tình yêu thật lạ lùng đối với suy nghĩ của con người. Tình yêu đó không nhớ lỗi lầm, không tính toán, không xét nét, không vị kỷ, không phê phán, không câu chấp, không gò bó, không biên giới, không điều kiện; tình yêu đó yêu điên cuồng đến độ phiêu lưu và hy sinh cả mạng sống mình; tình yêu đó khác với mẫu mực nhỏ hẹp của xã hội và của lối cân nhắc giới hạn của chúng ta. Chúa là Đấng trọn lành, làm sao có khuyết điểm được, nhưng Chúa lại là tình yêu vô hạn, mẫu nhiệm. Trí khôn loài người không hiểu nổi, không tin nổi, nên gọi là khuyết điểm! Khuyết điểm ấy lên đến cùng độ trên thánh giá. Cả 10 khuyết điểm cô đọng vào đó, khi người lính thách đố Chúa: “Nếu ông thật là con Thiên Chúa, hãy xuống khỏi Thánh giá để chúng tôi tin”, “Chúa Giêsu thình lặn, lại còn cầu nguyện: “Xin Cha tha cho họ...”

Tôi chọn Chúa vì Chúa quên vô điều kiện, quên tức khắc tất cả quá khứ không hay không tốt của ta, mỗi khi chúng ta quay trở về. Ngài chỉ nhớ mỗi người là con Cha Ngài, là em Ngài, nên khi ta quay lại gặp Ngài, thì tức khắc ta lại được mặc áo vinh hiển sự sống của Thiên Chúa. Không những Ngài tha thứ và tha thứ cho mỗi người, nhưng Ngài còn quên là Ngài đã tha thứ.

Tôi chọn Chúa vì Thiên Chúa là Tình Yêu (1Ga 4,16). Tình yêu đích thực không lý luận, không đo lường, không dựng lên những hàng rào, không tính toán, không nhớ đến những xúc phạm và không đặt điều kiện. Nói theo kiểu thời nay: tình yêu không cân, đo, đong, đếm.

Cuộc phiêu lưu tốt đỉnh của yêu thương nơi Chúa Giêsu được diễn tả cô đọng nơi bài ca trong thư của Thánh Phaolô gửi giáo đoàn Phi-líp-phê: *“Đức Giêsu Kitô vốn dĩ là Thiên Chúa mà không nghĩ phải nhất quyết duy trì địa vị ngang hàng với Thiên Chúa, nhưng đã hoàn toàn trút bỏ vinh quang mặc lấy thân phận nô lệ, trở nên giống phàm nhân sống như người trần thế. Người lại còn hạ mình, vâng lời cho đến nỗi bằng lòng chịu chết, chết trên cây thập tự”* (Phl. 2, 6-8).

Chúa Giêsu luôn hành động vì yêu thương. Từ tổ ấm của Chúa Ba Ngôi, Ngài mang cho chúng ta một tình yêu lớn lao, vô biên và thần linh. Và như các thánh Giáo Phụ diễn đạt, đó là một tình yêu diên rồ, làm đảo lộn những mẫu mực tính toán của con người.

Chúa Giêsu,

- Là bánh sự sống, thúc đẩy chúng ta phải làm việc để khỏi thiếu lương thực mà nhiều người vẫn còn cần đến;

- Là bánh công lý và hòa bình, ở những nơi chiến tranh đang đè nặng và không tôn trọng các quyền của con người, của gia đình, của các dân tộc;

- Là bánh tự do đích thực, tại những nơi không có tự do tôn giáo chân thực để tuyên xưng công khai tín ngưỡng của mình;

- Là bánh huynh đệ tại những nơi không nhìn nhận và thực thi ý thức hiệp thông đại đồng trong hòa bình và hòa hợp;

- Là bánh hiệp nhất giữa các Kitô hữu, vẫn còn chia rẽ nhau, trên đường cùng chia sẻ một bánh và một chén rượu.

Đó là những lý do vì sao tôi chọn Chúa Giêsu.

B. Linh đạo hiệp thông

Đến với mọi người để quy tụ con cái Thiên Chúa đang tản mác khắp nơi về một mối (*Ga 11,52*) bằng linh đạo hiệp thông.

Đó là ước nguyện của Đức Hồng y Phanxicô Xaviê được ông bà cha mẹ gieo vào tâm hồn ngài từ tuổi ấu thơ, được vun tưới và triển nở trong tuổi thanh xuân dưới sự dìu dắt của các bậc tôn sư thánh thiện như linh mục thừa sai JB.Urrutia, linh mục Anrê Bùi Quang Tịch, linh mục Giuse Maria Nguyễn Văn Thích và linh mục M.Cressonnier ở Tiểu chủng viện An Ninh.

Những năm sau ngày được thụ phong linh mục, trong những môi trường hoạt động mục vụ ở các giáo xứ Tam Tòa và giáo xứ Phanxicô Xaviê, trong trách vụ Giám đốc Tiểu chủng viện Hoan Thiện và Tổng Đại diện Giáo phận Huế, nhất là trong

cương vị Giám mục Giáo phận Nha Trang, sau cùng là Chủ tịch Hội đồng Tòa Thánh về Công lý và hòa bình, Đức Hồng y, qua mọi lời nói, bài viết và nhất là việc làm, luôn đặt nặng trong tâm cuộc đời mục tử của mình vào một chương trình duy nhất là đến với mọi người để quy tụ con cái Thiên Chúa đang tản mác khắp nơi về một mối (Ga 11,52) bằng linh đạo hiệp thông.

1- Quy tụ con cái Thiên Chúa đang tản mác khắp nơi về một mối (Ga 11, 52)

Truyền giáo là bản chất mà ngài đã thừa hưởng từ ông bà tổ tiên bên nội cũng như bên ngoại, nhất là từ thân phụ và thân mẫu của ngài.

Hai ông bà Nguyễn Văn Vọng, cô nội của ngài, trong khoảng 15 năm vào cuối thế kỷ XIX, đã miệt mài ngày đêm dạy giáo lý cho những người tân tòng tại các vùng ở phía Nam tỉnh Thừa Thiên. Bà nội ngài, bà Isave Nguyễn Thị Mỹ, mỗi ngày sau giờ kinh tối gia đình, luôn đọc thêm một chuỗi Mân Côi cầu nguyện cho việc truyền giáo của các linh mục.

Ông ngoại của ngài, cụ Ngô Đình Khả, theo lời Đức Hồng y, “là một người làm tông đồ trong chính trị”. Riêng thân mẫu ngài, bà Ngô Đình Thị Hiệp, luôn kể cho con nghe gương Thánh nữ Têrêxa Hải Đồng đã cộng tác vào công việc truyền giáo bằng lời cầu nguyện và sự hy sinh hãm mình.

Những tâm tình của Đức Hồng y gửi đến mọi người về công việc truyền giáo được thể hiện ở nhiều bài viết, bài giảng và bài thuyết trình của ngài.

Dưới đây là những nét chính rút ra từ thư luân lưu “**Sứ mạng Chúa Kitô là sứ mạng của chúng ta**” của Đức Hồng y ban hành tại Nha Trang ngày lễ Thánh nữ Têrêxa năm 1970:

1/ Sứ mạng truyền giáo là một sứ mạng cao cả được Đức Kitô trao phó

Như Đức Chúa Cha đã sai Thầy, Thầy cũng sai các con”

(Gn 20, 21) Chúa Cha đã sai Ngôi Hai xuống thế để mời gọi, cứu vớt và canh tân mọi tạo vật, hầu mọi người được sum họp thành một gia đình và một dân Chúa. Sứ mạng cao cả ấy, Chúa Giêsu cũng trao cho tất cả chúng ta thực hiện... Sứ mạng ấy là một vinh dự, vì Chúa chọn chúng ta hèn mọn tội lỗi làm muối đất và ánh sáng thế gian (Mt 5, 13).

2/ Công việc truyền giáo phải được chuẩn bị đầy đủ

Sau khi nhận trách vụ Giám mục Nha Trang năm 1967, sau 4 năm chuẩn bị, vào ngày lễ Thánh nữ Têrêxa năm 1970, ngài gửi Thư Luân lưu nhan đề **“Sứ mạng Chúa Kitô là sứ mạng của chúng ta”** đến toàn thể Dân Chúa trong giáo phận để phát động Năm Truyền giáo của Giáo phận Nha Trang. Ngài viết: *“Để chuẩn bị anh chị em đón nhận sứ mạng Truyền giáo, những năm trước đây, qua các bức thư luân lưu gửi đến anh chị em, tôi đã kêu gọi “Tỉnh thức và cầu nguyện”, “Vững mạnh trong đức tin”, “Phát triển theo đường lối Công lý và Hòa bình”.*

Tại sao phải chuẩn bị như vậy? – Vì:

Phải xác tín nhiệm vụ truyền giáo của mình,
Phải tìm hiểu vấn đề và thực tại truyền giáo,
Phải cầu nguyện, hy sinh cho truyền giáo,
Phải nhập cuộc,
Phải chia sẻ cho công cuộc truyền giáo,
Phải phục vụ phát triển để truyền giáo,
Phải có một tinh thần mới.

3/ Xác định công việc truyền giáo là nhiệm vụ của người Kitô hữu

Trong Hiến Chế “Hội Thánh Ánh sáng muôn dân”, Công đồng Vatican II đã dạy: *“Mỗi môn đệ Chúa Kitô đều phải góp phần truyền bá Đức tin (Lumen Gentium, số 17). “Người giáo dân đã được quy tụ thành một thân mình duy nhất của Chúa Kitô dưới quyền một thủ lãnh độc nhất. Vì thế, tất cả mọi người giáo dân, bất cứ là ai đều được mời gọi với tư cách là chi thể sống động,*

đem hết mọi sức lực mình đã lãnh nhận, bởi ơn lành Đấng đã tạo thành, và ân sủng của Đấng cứu chuộc, để làm cho Hội Thánh được lớn mạnh và được thánh hóa không ngừng” (Lumen Gentium, số 33).

Bởi vì tinh thần công giáo và truyền giáo là một, cho nên chỉ là người Công giáo thật: ai biết mở rộng lòng cho mọi người, ai để cho lòng yêu thương của Chúa vang dội trong quả tim mình, ai khoan dung với mọi người vì nhớ lại lòng lân mẫn Chúa đối với mình, ai nhìn thấy mọi người là anh em mình, không kể giai cấp, màu da, tôn giáo, chính kiến.

4/ Tìm hiểu cánh đồng truyền giáo và nhu cầu cấp bách của nó

Chúa Giêsu đã nhìn cánh đồng truyền giáo bao la và nói với các Tông đồ: *“Lúa chín thì nhiều mà thợ gặt lại ít. Các con hãy cầu xin Chúa sai thợ đến làm mùa.”* (Mt 9, 37)

Thật lòng ta hãy se thắt lại khi thấy ít tâm hồn đáp lại tiếng gọi của một số thế giới đang chờ đợi và tìm kiếm Thiên Chúa của mình. Ngay trong nước gọi là đạo gốc cũng vẫn thiếu linh mục: bao nhiêu giáo xứ không chủ chăn, bao nhiêu linh mục phải bị nghiền nát vì công việc quá bẽ bộn và nặng nề, bao nhiêu cha xứ phải chạy ngược xuôi vì những nhiệm vụ phức tạp, không còn giờ để học hỏi và cầu nguyện, bao nhiêu linh mục phải xông pha giữa tiền tuyến đến quá tuổi được hưu dưỡng vì không ai thay thế.

Nhưng tình trạng các nơi truyền giáo còn bi đát hơn nữa:

Hai thực trạng “lúa chín nhiều, thợ gặt ít” quá dễ nhận định, mà hậu quả lại quá nặng nề. Cho nên, theo Đức Hồng y, người Kitô hữu phải:

5/ Cầu nguyện và hy sinh cho công cuộc truyền giáo

Trước thực trạng đau xót ấy, việc Chúa dạy làm trước hết là: *“Các con hãy cầu xin Chúa sai thợ đến làm mùa”*. Ôn gọi là do Thiên Chúa ban: *“Không phải các con đã chọn Thầy mà chính*

Thầy chọn các con, và xếp đặt để các con ra đi và mang lại nhiều kết quả vững bền” (Gn 15,18)

Đức Hồng y nhấn nhủ:

Anh chị em hãy cầu nguyện cho nhiều người được thấy ánh sáng đức tin. Hãy cầu nguyện cho có nhiều ơn kêu gọi thừa sai, cho các thừa sai đừng chán nản trước các thử thách, các thất bại, cho các linh mục hấp dẫn được giới trẻ, theo đường lối hy sinh trong hăng say và vui vẻ, cho đừng còn xảy ra tình trạng từ chối ơn Chúa như chàng thanh niên trong Phúc âm, cho các cha mẹ công giáo biết giáo dục con cái trong tinh thần yêu thương các linh hồn và sẵn sàng hiến thân phục vụ, cho người công giáo biết ý thức họ đồng trách nhiệm trong việc truyền giáo. Hãy cầu xin Chúa chớ để làn sóng duy vật làm mù quáng lòng người.

Lời cầu nguyện phải đi đôi với hy sinh, hằng ngày anh chị em hãy dâng những đau khổ thể xác, những thử thách tinh thần như giọt nước rót vào chén Thánh hầu hòa nên Máu Thánh cứu chuộc của Chúa Kitô. Thánh nữ Têrêxa không ra khỏi tu viện cũng đã làm việc truyền giáo đắc lực bằng cầu nguyện và hy sinh.

6/ Hãy nhập cuộc, hãy chia sẻ công của để lo việc truyền giáo

Người ta nói rằng: “Người công giáo là người mang cả thế giới trong quả tim”. Sách nguyện gẫm hay nhất, đơn sơ nhất của chúng ta là bản đồ thế giới. Chúng ta không thể không rụng rời khi nhìn vào Á châu chẳng hạn, nơi đó đang sống 56 phần trăm nhân loại, mà chỉ có 2 phần trăm Công giáo! Chúng ta sẽ năng cầu nguyện hơn và cầu nguyện tha thiết hơn.

Công cuộc lớn lao thật, nhưng làm sao biết được, làm sao góp phần hữu hiệu được, nếu chúng ta không được hướng dẫn bởi Đức Thánh Cha.

Vậy Đức Thánh Cha đã dùng các Hiệp hội Giáo hoàng là:

- ♦ Hội Truyền bá Đức tin: lo cho các địa phận và công cuộc truyền giáo.

♦ Hội thánh Phêrô Tông đồ: lo cho các chủng viện truyền giáo.

♦ Hội Thánh Nhi: lo cho các cô nhi ngoại giáo.

Các Hội Giáo hoàng là như những cánh tay của Đức Thánh Cha đưa ra để đón nhận những gì giáo dân dâng cúng và chia ra đồng đều cho các xứ truyền giáo khắp thế giới.

Chúng ta giúp một nhà thờ, một xứ đạo là việc rất tốt, nhưng chúng ta cũng đừng quên những nhu cầu chung của Hội thánh Truyền giáo, vượt ra ngoài những ranh giới một giáo xứ, một địa phận, một quốc gia.

Anh chị em hãy nghe lời Đức Thánh Cha Phaolô VI:

“Ta tự nhiên ngần ngại và khổ tâm khi phải xin, nếu sự cần thiết không bắt buộc ta, và Công đồng không khuyến cáo ta rằng: không phải hổ thẹn ngửa tay làm ăn mày cho Chúa Kitô và các linh hồn.”

“Anh chị em hãy chia sẻ công của với công cuộc truyền giáo, hãy gia nhập các Hiệp hội Giáo hoàng và làm việc truyền giáo theo tinh thần của các hội ấy. Anh chị em hãy giáo dục các thiếu nhi yêu thương các linh hồn chưa hiểu biết Chúa, tập cho các em nhìn qua để hàng tháng giúp việc truyền giáo, không phải ta nhắm thu tiền nhưng ta nhắm xây dựng một thể hệ có tập quán và tinh thần truyền giáo.”

Đức Thánh Cha Piô XII nhấn nhủ: “Những món tiền tiêu xa xỉ của người công giáo có thể giúp công việc truyền giáo của Hội thánh khỏi tê liệt.” Đúng vậy, lời ngài vừa nhấn nhủ, vừa kêu nài vừa than thở. Nếu mỗi người công giáo nhìn một cốc bia, hy sinh ít điều thuốc, nếu mỗi ngày em bé biết hy sinh một cái kẹo, một gói sinh tố thì bao nhiêu người thiếu thốn được nhờ, và việc ý thức tông đồ ấy tuy là nhỏ nhưng đẹp lòng Chúa biết chừng nào.

7/ Phục vụ công cuộc phát triển

Công đồng Vatican đã vạch rõ bốn phận của anh chị em

giáo dân: “Sứ mạng riêng của người giáo dân là tìm Nước Chúa chính trong lúc cầm các thực tại trần thế trong tay và xếp đặt các thực tại ấy như ý Chúa muốn.”

“Khi thi hành nhiệm vụ trong tinh thần Phúc âm, họ hành động trong thế giới như men trong bột để thánh hóa. Họ làm cho người khác thấy Chúa Kitô nhờ chứng tích của đời sống họ, nhờ chiếu sáng lòng tin, cậy, mến của họ”(Lumen gentium, số 31).

Giáo dân hoạt động nhiều cách để rao giảng Tin Mừng cho thế giới:

Sống trong cộng đoàn công giáo, anh chị em có thể hoạt động truyền giáo bằng cách thúc đẩy mở chiến dịch, cổ động cho các Hội Giáo hoàng, học tập về truyền giáo.

Tiếp xúc với anh em không Công giáo trong phạm vi xã hội, nghề nghiệp, anh chị em có thể đưa chứng tích bằng đời sống, bằng lời nói.

Anh chị em sẽ hỏi, vấn đề phát triển liên quan gì đến việc truyền giáo? Văn kiện Tòa Thánh giải thích: “Những nỗ lực phát triển cũng như những nỗ lực truyền giáo, nếu hiểu đúng nghĩa của nó, không đối lập cũng không tách lìa nhau, nhưng cũng hòa nhịp tìm đến một mục đích.”

Thánh bộ Truyền giáo đã dạy rõ: “Người công giáo thông nhất hai điều này trong tư tưởng cũng như trong hành động”:

a/ Phục vụ việc phát triển con người toàn diện và phục vụ việc cứu rỗi

Công đồng Vatican II trong hiến chế Mục vụ Hội thánh trong thế giới hôm nay đã vạch đường lối sáng tỏ: “Vui mừng và hy vọng, buồn khổ và lo âu của con người hôm nay, cách riêng của người nghèo và của tất cả những ai đang đau khổ, đó cũng là vui mừng và hy vọng, đau buồn và lo âu của các môn đệ Chúa Kitô: không có gì liên quan đến nhân loại mà không có tiếng vang trong cõi lòng các tín hữu Chúa Kitô.”(Gaudium et Spes, số 11)

Người công giáo đem hết tâm lực vào việc phát triển trần thế, đồng thời làm cho công cuộc phát triển thẩm nhuần tinh thần Phúc âm.

b/ Tinh thần truyền giáo mới mẻ và bầu nhiệt huyết tông đồ.

Những nỗ lực hoạt động, cầu nguyện sẽ không mang lại kết quả nếu chúng ta không được hướng dẫn bằng một tinh thần mới, một bầu nhiệt huyết tông đồ.

Bất cứ lúc nào tiếp xúc với lương dân, với một bầu nhiệt huyết tông đồ, anh chị em hãy luôn luôn nhớ rằng:

♦ *Tinh thần truyền giáo không phải là óc chinh phục mà là lòng yêu thương.*

♦ *Tinh thần truyền giáo không phải là óc cai trị, mà là tinh thần phục vụ mọi người.*

♦ *Tinh thần truyền giáo không phải là đạo binh thánh giá, dùng vũ lực để đánh ngã, nhưng là tinh thần chứng nhân, lấy đời sống mà làm chứng tích.*

♦ *Tinh thần truyền giáo không phải là óc tự cao tự đại, nhưng là thái độ đối thoại, là tinh thần trao đổi và tôn trọng các tôn giáo khác.*

♦ *Tinh thần truyền giáo không phải là mãnh lực của tiền tài, quyền thế mà là tinh thần tương trợ.*

♦ *Tinh thần truyền giáo không phải là thủ đoạn chiến lược, nhưng là tấm lòng chân thành, đơn sơ.*

♦ *Tinh thần truyền giáo không bao giờ chán nản vì trở ngại, vì vô ơn, vì phản bội, vì thất bại, ngược lại luôn luôn tin cậy vào ơn Chúa và nhẫn nại.*

Trong hoạt động truyền giáo, anh chị em hãy tránh các khuyết điểm trên, đồng thời tập rèn và cầu xin Chúa ban cho anh chị em một bầu nhiệt huyết tông đồ.

- Là nghĩ đến kẻ khác, tất cả các kẻ khác, trước khi nghĩ đến mình, nhất là, nghĩ đến những ai bị ruồng bỏ nhất, nghèo nàn nhất, cô đơn nhất.

- Là từ bỏ ích kỷ để sống cho kẻ khác trước khi sống cho mình.

- Là biết mình liên đới với mọi người do phép Rửa tội và Thêm sức.

- Là phát triển trong ta lòng bác ái và tình huynh đệ nhân loại.

- Là tìm hiểu hơn để quý trọng hơn, để yêu thương hơn, để phục vụ hơn.

- Là để ý đến kẻ khác về những đau khổ, những khát vọng của họ.

- Là tôn trọng đặc tính của mỗi cá nhân, mỗi quốc gia, mỗi dân tộc.

- Là khám phá và làm nảy nở những gì là tốt đẹp trong mỗi người.

- Là tiếp đón mọi người và muốn sự tốt lành cho họ, không phân biệt và không giới hạn.

Tinh thần truyền giáo mới theo Công đồng Vatican II là không phải chỉ giới hạn trong việc rao giảng Phúc âm thôi, mà “các Kitô hữu phải hành động, phải cộng tác với các kẻ khác để tổ chức hẳn hoi các công việc kinh tế xã hội. Họ phải nhiệt thành đặc biệt với nền giáo dục thanh niên để thăng tiến giá trị nhân loại và chuẩn bị nên những hoàn cảnh nhân đạo. Họ còn tham gia vào nỗ lực của dân chúng, để diệt giặc đói, giặc dốt và bệnh hoạn, cố gắng cải tiến hoàn cảnh sinh hoạt và củng cố hoà bình trong thế giới.” “Giáo hội chỉ tranh đấu cho mình cái quyền được phục vụ nhân loại, bằng bác ái và sự trung thành giúp đỡ (Mt 20, 26, 23,11) với ơn Thiên Chúa “(Ad gentes, số 12).....

Qua đó, các đối tượng của việc quy tụ con cái Thiên Chúa đang tản mác khắp nơi về một mối, tức là việc truyền giáo, là “mọi người”. Đặc biệt, chúng ta hướng đến người lương dân, người vô tín, những Kitô hữu vì nhiều lý do khác nhau đã xa lìa Giáo hội, những người bị xã hội bỏ rơi, bị ruồng bỏ, các tù nhân, những người vướng mắc phải các tệ nạn xã hội không tìm được lối thoát, người bị bệnh nan y, người khuyết tật và người già cả không nơi nương tựa.

Nếu tự vấn lương tâm cách chân thành, chúng ta phải đắm ngực hối hận vì chúng ta thiếu sót quá nhiều. Họ với ta cùng sống trên một con đường đã mấy mươi năm nay, cùng sinh trưởng trong một thôn xã từ bao nhiêu đời mà giống như ở hai thế giới khác nhau, chưa hề gặp nhau, chưa đối thoại với nhau, ai chết mặc ai. Có khi họ chỉ cần chúng ta nói một lời chào hỏi, một nụ cười, một cử chỉ thân thiện để bắc cầu đến việc thiêng liêng hơn...

Phản chúng ta, chúng ta hãy quan tâm đến việc truyền giáo, do Chúa quan phòng, đồng bào ta đã có dịp đưa ra nhiều thắc mắc về đạo Công giáo. Thiện cảm có, ác cảm có, tố cáo có, nghi ngờ có. Người ta đã có dịp cân nhắc, so sánh, người ta đã sáng suốt phân biệt cá nhân và Hội thánh Công giáo lại khác.

Người ta đang chú ý đến thái độ, tư tưởng nếp sống của anh chị em. Họ muốn biết anh chị em là người Công giáo trăm phần trăm hay chỉ là những Công giáo danh dự. Chính anh chị em sẽ đem lại câu trả lời để họ được thỏa mãn.

Hơn thế, đối với một số không ít đồng bào ta, thời cuộc đảo điên, luân lý suy đồi, xã hội thối nát, bất công tham nhũng khiến họ băn khoăn tìm kiếm một lý tưởng khả dĩ đem lại cho họ một lẽ sống.

Đây chính là cơ hội tốt đẹp nhất, nhiều người chờ đợi một lời mạch bảo của anh chị em, đây là buổi Hội Thánh cần đến anh chị em cộng tác vào việc tông đồ.

Xin toàn thể giáo dân học hỏi, chuẩn bị nhiệm vụ truyền

giáo của mình. Xin anh chị em tiếp xúc với những bà con ngoài Công giáo, giữa cá nhân với cá nhân, giữa gia đình với gia đình. Nếu mỗi người Công giáo hằng năm đưa một anh chị em về với Chúa thì tốt đẹp biết ngần nào.

Người ta nói rằng quân đội phải ở trong tình trạng báo động 24 trên 24 tiếng đồng hồ, thì người Công giáo cũng phải ở trong tình trạng truyền giáo 24 trên 24 tiếng đồng hồ mỗi ngày.

2- Quy tụ bằng linh đạo hiệp thông

Qua bài suy niệm thứ XVII: “*Như Cha ở trong Con và Con ở trong Cha*” của tuần lễ giảng Tĩnh tâm mùa Chay năm 2000 cho Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II và Giáo triều Rôma, Đức Hồng y Phanxicô Xaviê đã triển khai linh đạo hiệp thông một cách rất rõ ràng.

Xin tóm tắt tư tưởng của ngài như sau:

Ngày xưa, đứng trước một thế giới phù vân và xa hoa, sự rút lui vào nơi cô tịch để sống với Chúa có lẽ là con đường duy nhất để theo Chúa Giêsu trọn vẹn. Đó là xác tín đã ghi đậm nét trong lịch sử dài của đời sống Kitô hữu. Quả thực, không gì có thể sánh bằng những lúc tâm hồn bỏ qua mọi sự, nói chuyện thân tình diện đối diện với Chúa.

Nhưng chính các đan sĩ xưa kia cũng đã nhận thấy rằng Kitô giáo không thể sống trọn vẹn nếu không đồng hành với nhau. Ví dụ thánh Basiliô Cả đã viết: “Đấng Sáng Tạo chúng ta đã muốn chúng ta gần nhau để sống hiệp nhất với nhau (...). Thực vậy, nếu bạn sống một mình, thì bạn có thể rửa chân cho ai? Bạn có thể săn sóc cho ai? Làm sao bạn có thể ngồi ở chỗ cuối cùng được? (...). Vì vậy, đời sống chung là một thao trường để chúng ta tập luyện như những vận động viên, là một nơi tập dợt làm cho chúng ta tiến bộ, là một cuộc thực tập liên tục về sự trọn lành trong các giới răn của Chúa” (Regola fusius fractatae, Interrogazione 7,3,1-2: PG 31, 928-929).

1/ Một Lễ Hiện Xuống mới

Từ vài thập niên gần đây, trong cộng đồng Dân Chúa nổi bật chiều kích cộng đồng mạnh mẽ. Do hơi thở của Chúa Thánh Thần, một con đường mới đang mở ra trước mắt chúng ta mà cốt yếu ở tại **koinonia**: sự hiệp thông!

Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã nói với một nhóm Giám mục đông đảo hồi năm 1995, trong đó tôi cũng có mặt: “Chúa Giêsu không kêu gọi các môn đệ theo Người một cách riêng rẽ, nhưng theo thể thức vừa cá nhân vừa cộng đồng. Nếu điều đó đúng với tất cả các tín hữu, thì càng đặc biệt đúng (...) với các Tông đồ và những người kế nhiệm các vị” (Insegnamenti di Gioavanni Paolo II, XVIII/1 (1995), Città del Vaticano 1997, p.382).

Thật cần thiết phải vui mừng trở lại với lối sống Kitô hữu có nhiều đặc sủng nhất: Lễ Hiện Xuống. Một cách dịu dàng nhưng đầy quyết liệt, Chúa Thánh Thần mời gọi chúng ta sống tinh thần hiệp thông không những như một hồng ân, nhưng còn như một lời đáp trả và gắn bó của chúng ta; không những như một sự tham gia thiêng liêng vào mầu nhiệm một Chúa Ba Ngôi, nhưng ngay chính trong đời sống cụ thể với nhau, nhờ đó thực hiện được một Lễ Hiện Xuống mới của Giáo hội, như các vị Giáo hoàng gần đây vẫn đề cao.

2/ Hiệp nhất là một dấu hiệu của thời đại

Chúng ta hãy nhìn chung quanh, để thấu hiểu hơn chiều kích này của đời sống hiệp thông thực sự. Thế giới muốn tiến về hiệp nhất. Điều này được nhận ra qua nhiều dấu chỉ. Các tổ chức quốc tế phát sinh sau Thế Chiến thứ II như một toan tính tập hợp thế giới. Khoa học và kỹ thuật, các trao đổi văn hóa và mậu dịch, sự du hành dễ dàng, những biến cố thể thao, các phương tiện truyền thông xã hội, cho đến sự lan tràn mau lẹ của internet... tất cả yếu tố này giúp các dân tộc xích lại gần nhau và gia tăng các cuộc gặp gỡ giữa cá nhân và các nền văn hóa.

Vì thế, chính con người và ngay cả các Giáo hội ngày nay đều yêu cầu một cách mạnh mẽ như một tiếng kêu gào đòi hỏi một cách thể toàn cầu hóa khác, không do lợi lộc hướng dẫn, nhưng do luật yêu thương. Chắc chắn là Chúa Thánh Thần đã đặt trong tâm hồn của con người ngày nay khát vọng hiệp nhất như thế, và cũng chính Người thúc đẩy Giáo hội sống tình hiệp thông, để có thể đáp ứng khát vọng đó của nhân loại.

3/ Chỉ có thể rao giảng Tin Mừng một cách mới mẻ, chặt chẽ và hữu hiệu, nếu có kèm theo một linh đạo vững chắc về hiệp thông.

Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II nói với các Giám mục: “Thời đại chúng ta đang đòi hỏi một công cuộc truyền giáo mới”. Và ngài giải thích rằng: Chỉ có thể rao giảng Tin Mừng một cách mới mẻ, chặt chẽ và hữu hiệu, nếu có kèm theo một linh đạo vững chắc về hiệp thông...” (Insegnamenti di Giovanni Paolo II, XVIII/i, (1995), Città del Vaticano 1997, p.382).

Làm sao sống hiệp thông trong thời đại ngày nay? Linh đạo “hiệp thông vững chắc” hệ tại ở điều gì?

Nó hệ tại ở việc ý thức rằng hiệp thông huynh đệ, khi dựa trên Tin Mừng, chính là nơi đặc biệt để gặp gỡ Thiên Chúa. Đó là một trong những đề tài căn bản của các bút ký Thánh Gioan: “Chưa hề có ai thấy Thiên Chúa; nếu chúng ta yêu thương nhau, Thiên Chúa ở trong chúng ta và tình yêu của Ngài hoàn hảo trong chúng ta” (1Ga 4,12).

Tôi xác tín rằng trong thời đại chúng ta, Chúa Thánh Thần đã gieo vãi những đoàn sủng thiêng liêng mới có tính chất cộng đoàn, thích hợp để thực hiện một cuộc canh tân đời sống Kitô hữu theo chiều hướng đó.

4/ Người anh em chính là con đường nên thánh của tôi

Cách đây vài năm, tôi đọc được một đoạn văn đã gây ấn tượng thật mạnh trong tôi. Đoạn văn ấy diễn tả cái nhìn mới được gợi hứng theo sự hiệp thông của Chúa Ba Ngôi:

■ Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận. *Trang 431*

“Thiên Chúa ở trong tôi, Ngài dựng nên tâm hồn tôi (Cùng với các Thánh và các Thiên Thần). Chúa Ba Ngôi an nghỉ trong tôi. Chúa cũng ở trong tâm hồn những người anh em khác. Do đó, không có lý do gì để tôi chỉ yêu mến Chúa trong tôi mà không mến Chúa nơi người khác.” Vì thế, căn phòng của tôi (như các linh hồn sống thân mật với Chúa) là chúng tôi: Thiên Đàng của tôi ở trong tôi vậy (...). Cần phải luôn luôn hồi niệm, cả khi ở trước mặt người anh em, nhưng không trốn chạy thụ tạo - trái lại, đón nhận thụ tạo trong Thiên Đàng của mình hoặc hồi niệm bản thân trong Thiên Đàng của người anh em” (J.M Povilus, “Chúa Giêsu ở giữa” trong tư tưởng của Chiara Lubich, Rôma 1981, p.73).

Đó chính là sự mới mẻ: người anh em không còn là chướng ngại cản trở sự nên thánh, nhưng là con đường nên thánh. Thay vì trốn chạy để sống thân mật với Chúa, cần làm sao để cùng với người anh em kiến tạo một “khoảng không gian thần linh trong đó chúng ta có thể cảm nghiệm sự hiện diện huyền nhiệm của Chúa Phục Sinh” (Gioavanni Paolo II, Tông Huấn Vita consecrata, n.42).

5/ Những chiều kích cụ thể của linh đạo hiệp thông

Qua ba ví dụ sau đây, chúng ta tìm cách trình bày việc ý thức như thế bao hàm những gì đối với cuộc sống của chúng ta.

a/ Khổ chế hằng ngày

Thân phụ tôi là người xây cất nên tôi đã học được điều này là để xây một căn nhà bằng bê tông cốt sắt, cần phải chùi sạch tất cả các yếu tố: sắt, cát, sỏi, xi măng. Sự vững chắc của căn nhà tùy thuộc công trình chùi sạch, loại bỏ mọi yếu tố ô nhiễm.

Sự hiệp thông giữa chúng ta cũng theo cách thức đó. Biết chống lại cái tôi của mình và khổ chế là điều không thể thiếu được. Có nhiều cách thực hành để đạt tới mục đích đó, ví dụ ăn chay và nhiều cách khác. Nhưng cách hợp với tinh thần Tin Mừng hơn cả và đồng thời vừa tầm tay hơn hết, có thể thi hành trong mọi lúc, đó là tương quan với tha nhân: đón nhận người khác, luôn sẵn

sàng, biết lắng nghe, kiên nhẫn, trở nên mọi sự cho mọi người, đặt quyền lợi của tha nhân lên trên tư lợi của mình, đó là một sự liên tục từ bỏ cái tôi và đặt chúng ta trong Chúa.

Tôi đã viết khi còn ở tù:

“Hiệp thông là một chiến thắng từng giây phút.

Tình thương đưa đến sự thông hiệp với nhau.

Trong hiệp thông con người cùng nhịp bước với anh em.

Vì hiệp thông không phải hạnh phúc thụ động.

Hiệp thông mở cửa tình huynh đệ cho mọi người.

Tự bản chất nó, tình thương tỏa lan ra.

Tình thương hay lan sang người khác, đưa mọi người đến hiệp thông.

Con phải tác dạ rằng: Hiệp thông là một chiến thắng từng giây phút.

Sơ hở trong chốc lát có thể làm tan vỡ hiệp thông:

Vì một tư tưởng thiếu bác ái, bảo thủ ý kiến,

Vì con bám víu vào một tình cảm, một khuynh hướng bất chính, tham vọng, một vụ lợi.

Vì con hành động vì con, không phải vì Chúa.

Xin Chúa cho con năng xét mình:

“Ai là trung tâm của đời tôi? Tôi hay Chúa? Nếu Chúa là trung tâm, Ngài sẽ qui tụ mọi người hiệp thông. Nếu thấy thiên hạ quanh con dần dần rút lui tản mác, ấy là dấu con đang tự đặt mình làm trung tâm”. (Preghiere di speranza. Tredici anni in carcere, Cinisello Balsamô 1997, pp.44-45).

b/ Một kinh nguyện cốt yếu

Tất cả các bậc thầy tu đức đều dạy cách cầu nguyện: cần phải chuẩn bị, cần phải hồi niệm, cần biết đi vào chiều sâu. Dầu vậy, nhiều khi kinh nguyện của chúng ta khô khan. Và các buổi cử hành của chúng ta có nguy cơ trở thành một tập quán thánh thiện không hơn không kém. Có một câu nói của Chúa Giêsu chỉ cho chúng ta con đường tuyệt hảo: “Nếu người dân của lễ trên bàn

thờ và tại đó người chột nhớ người anh em có điều gì bất hòa với người... hãy đi làm hòa với anh em người trước đã” (Mt 5,23-24).

Tất cả chúng ta đều cảm nghiệm rằng, sau một cuộc gặp gỡ sâu xa với tha nhân, sau khi đã tái lập sự cảm thông hoàn toàn và thân thiện với những người chúng ta sống hoặc làm việc với họ, thì kinh nguyện xuất phát tự nhiên từ tâm hồn và việc cử hành thánh lễ có một cường độ đặc biệt.

Nếu không có sự hiệp thông giữa chúng ta, thì kinh nguyện cũng không làm đẹp lòng Chúa. Thực vậy, làm sao Người, vốn là hiệp nhất, lại có thể ở trong linh hồn chúng ta, nếu chúng ta chia rẽ?

c/ Không phải chỉ im lặng, nhưng cả lời nói và chia sẻ nữa

Nhưng còn có một biểu hiện khác rất quan trọng của đời sống thiêng liêng trong sự hiệp thông, đó là lời nói. Khi được huấn luyện, chúng ta đã học về giá trị của thinh lặng để nghe rõ tiếng Chúa trong tâm hồn. Giờ đây, chúng ta phải học cách quý chuộng lời nói như một phương tiện hiệp thông: trao ban cho người khác một cách đơn sơ kinh nghiệm thiêng liêng của mình. Thật lạ lùng khi thấy nhiều lần trong chính môi trường Giáo hội, chúng ta cũng nói rất ít về kinh nghiệm bản thân của chúng ta về Thiên Chúa.

Theo thánh Inhaxiô Lôyôla, thiếu hiệp thông như thế là một khí giới của ma quỷ. Ma quỷ “khi thấy đầy tớ Chúa tốt lành và khiêm nhường đến độ người ấy, tuy tuân hành thánh ý Chúa, nhưng vẫn nghĩ mình thật là vô dụng [...], nên hấn xúi người ấy nghĩ rằng, nếu mình nói về ơn thánh được Chúa ban cho mình, nói về những công việc, dự tính và mong ước, thì sẽ phạm tội háo danh, vì đó là nói về vinh dự của mình. Vì vậy ma quỷ làm sao để người ấy không nói về những ơn lành đã được Chúa ban, và thế là ngăn cản không cho những ơn lành ấy sinh ích nơi người khác và nơi bản thân người ấy, bởi lẽ việc nhớ lại những ơn lành đã lãnh nhận luôn giúp thực hiện những việc cao cả hơn nữa”. (Lettera del 18.6.1537, in: *Gli scritti di Ignazio di Loyola. Epistolario*, Torino)

1977, pp.725-726).

Thánh Lôrensô Giustiniani viết rằng: “Không gì trên thế giới có thể chúc tụng Thiên Chúa và cho thấy Ngài đáng ngợi khen cho bằng sự khiêm tốn trao đổi trong tình huynh đệ những hồng ân thiêng liêng: vì chính các hồng ân ấy cũng cố đức bác ái, vì nhân đức này không thể tươi nở trong cô quạnh. (...) Và (...) Chúa truyền phải luôn luôn thi hành nhân đức ấy, bằng lời nói và việc làm, đối với các anh em chúng ta. Vì thế, nếu không muốn vi phạm luật Chúa và bị xét xử như những linh hồn coi rẻ, không quan tâm đến phần rỗi của người anh em, thì những ai đã nhận được ơn thiêng từ trời, phải hết sức cố gắng truyền thông cho người khác những hồng ân Chúa đã ban cho mình, nhất là những ơn có thể giúp đỡ họ trong đời sống trọn lành” (Disciplina e perfezione della vita monastica, Rôma 1967, p.4).

d/ Xây dựng Hội Thánh

Chúng ta hãy đọc Kinh Thánh.

Chúa Giêsu đã chẳng tạo nên dân mới của Thiên Chúa, thông ban cho các môn đệ tất cả những Lời của Cha Ngài sao? Và Mẹ Maria đã chẳng kể lại kinh nghiệm thâm kín nhất của Mẹ khi hát bài ca Magnificat đó sao? Và Thánh Phaolô đã chẳng xây dựng các cộng đoàn bằng cách kể lại cho họ điều ngài đã sống đó sao? Ngài nói mọi sự về mình: sự hoán cải, con đường tông đồ, thậm chí cả những kinh nghiệm sâu xa nhất, như được đưa lên tầng trời thứ ba, quan hệ thân bí với Chúa Kitô, nhưng cả những lo âu vây bủa ngài khi nghĩ đến dân tộc của mình không đón nhận mạc khải của Chúa Kitô, hoặc những yếu đuối của ngài, những thử thách và cái “dầm” trong thân xác ngài. Chúng ta có thể nói rằng thánh nhân đã thông ban cho tha nhân tâm hồn, cuộc sống của ngài, và qua đó, ngài xây dựng Hội Thánh.

Tại đất nước tôi, vì các hội đoàn công giáo bị giới hạn, dân Chúa hoàn toàn tập trung vào việc sống Lời Chúa. Vì không có sách thiêng liêng được ấn hành, họ thông truyền cho nhau những thành quả của việc sống Lời Chúa. Họ chỉ có sách Tin Mừng và sự

truyền thông cho nhau những gì họ sống. Họ chia sẻ Lời Chúa nghĩa là mỗi người nói với anh chị em về cách mình đã sống Lời Chúa và những kinh nghiệm của mình khi thực hành Lời Chúa như thế nào. Và với sự thu hẹp vào những điều nòng cốt như thế, đời sống Kitô được triển nở tốt lành.

e/ “Lâu đài bên ngoài”

Thánh nữ Têrêxa Avila, tiến sĩ Hội Thánh, nói về “lâu đài nội tâm” rạng ngời: đó là thực tại của tâm hồn được Chúa Ba Ngôi chí thánh ngự trị. Đó là một thực tại cần được khám phá trong chúng ta, giúp soi sáng hoàn toàn cuộc sống và đưa tới sự kết hiệp trọn vẹn với Chúa và phục vụ tha nhân.

Trong thời đại toàn cầu hóa này, trong thời điểm của Giáo hội hiệp thông, phải chăng đã đến lúc cần khám phá, soi sáng và xây dựng, không những “lâu đài nội tâm”, nhưng cả “lâu đài bên ngoài” nữa sao? Nghĩa là sự hiện diện của Thiên Chúa không những trong chúng ta, nhưng còn ở giữa chúng ta nữa. Đó là lâu đài của hai hoặc nhiều người hiệp nhất với nhau nhân danh Chúa, một lâu đài không bao giờ có thể phá hủy được, nhưng cần phải liên tục xây dựng và bảo vệ trong mọi tương quan, cho đến khi được hiệp nhất hoàn toàn.

Thánh Augustinô đã viết: “Chúng ta cũng họp nhau thành nhà của Chúa, nhưng chỉ chúng ta liên kết với nhau trong tình yêu mà thôi” (Discurso 336, 1,1: PL 37, 1736); “Chúng ta là đền thờ của Chúa, một cách tập thể cũng như cá nhân. Ngài muốn ở trong sự kết hiệp của tất cả và từng người”. (La Città di Dio, 10,3,2: PL 41,280).

Tôi mơ ước Giáo hội của ngàn năm thứ ba như căn nhà bảo tồn sự hiện diện của Thiên Chúa hằng sống, như một Thành Thánh từ trên cao xuống; không như một toàn thể các viên đá rải rác, nhưng như một tòa nhà được cấu trúc hài hòa, vững chãi, nhờ tình hiệp thông đích thực. Tôi mơ ước Thành Thánh ấy bảo tồn nơi trung tâm của mình Chiên Con như nguồn ánh sáng cho toàn thể nhân loại.

Đức Ông Hiêrônimô Nguyễn Ngọc Hàm, linh hướng Gia đình Cự Chung Sinh Giáo phận Huế tại Hải ngoại, đã chia sẻ một cách cô đọng nhưng đầy đủ về linh đạo của Đức Hồng y trong bài giảng Thánh lễ Giỗ 10 năm của ngài tổ chức ngày 15-9-2012 tại Denver, Colorado.

Xin tóm lược:

Bài Tin Mừng Thánh Marcô kể lại câu chuyện các tông đồ của Chúa Giêsu hiểu lầm về lời dạy và phản bác chương trình cứu độ của Người. Người hỏi các ông: “*Còn anh em, anh em bảo Thầy là ai?*” Ông Phêrô trả lời: “*Thầy là Đấng Kitô*”. Nhưng khi Chúa nói với các ông rằng “*Con Người phải chịu đau khổ nhiều, bị các kỳ mục, thượng tế cùng kinh sư loại bỏ, bị giết chết và sau ba ngày, sống lại*”, thì họ phản đối, không chấp nhận được. Ông Phêrô liền kéo riêng Người ra và bắt đầu trách Người. Nhưng khi Đức Giêsu quay lại, nhìn thấy các môn đệ, Người trách ông Phêrô: “*Xa-tan! lui lại đằng sau Thầy! Vì tư tưởng của anh không phải là tư tưởng của Thiên Chúa, mà là của loài người.*”

Chúa Giêsu muốn các môn đệ thấu hiểu ý đồ của huấn thị Người ban: “*Hễ ai muốn theo Thầy thì hãy bỏ mình, vác thánh giá mình, và theo Thầy*”. Huấn thị này không là sự dễ dàng cho chúng ta, đặc biệt là cho Đức Hồng y Thuận khi ngài bị bắt và trở thành một tù nhân.

Hôm nay chúng ta kính nhớ năm thứ mười ngày Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận tạ thế. Chúng ta tạ ơn Chúa đã ban cho chúng ta một chứng nhân Đức Tin, Đức Cây và Đức Ái tuyệt vời. Ngài đã chia sẻ cho chúng ta biết: thực sự ngài không dễ dàng đón nhận thánh ý Chúa. Khi bị cầm tù gần thị xã Nha Trang, nơi mà ngài đã sống nhiều năm với địa vị Giám mục Giáo phận, ngài nghe tiếng chuông thánh đường, và xây lại chất vấn Chúa rằng: “*Lạy Chúa, tại sao con lại phải ngồi tù? Bây giờ con không làm được gì cho giáo dân. Rất nhiều người đang cần đến con và con còn nhiều dự án phải thực hiện!*” “*Nhưng rồi, ngài nghe tiếng Chúa hỏi ngài: “Phanxicô, con muốn chọn Chúa hay chọn*

việc Chúa?”. Câu hỏi đó đã làm ngài thay đổi hẳn suy nghĩ và cho ngài một hướng nhìn mới trong việc sống theo thánh ý Chúa. Ngài hiểu rằng bây giờ nhà tù là nhà thờ chánh tòa của ngài và ngài phải truyền giảng Tin Mừng cho những người chung quanh ngài, những con người không tin tưởng ngài, không thích ngài.

Cũng như Phêrô, nhiều lần chúng ta tưởng nghĩ không giống như Chúa nghĩ. Chúng ta từ chối vác thánh giá theo chân Chúa. Phêrô tưởng rằng Chúa Giêsu điên khi chấp nhận chịu khổ nạn và cái chết. Vị tông đồ này không hiểu nổi tại sao Chúa phải chịu chết đương lúc Ngài quyền uy vĩ đại như thế.

Đức Hồng y Thuận đã hiểu lầm Thiên Chúa trong những ngày đầu tiên ngồi tù. Nhưng từ lúc nhận được sứ điệp của Chúa “con hãy chọn Chúa chứ đừng chọn những việc của Chúa”, thì ngài đã chấp nhận thực tại với tất cả thành tín mà sống trọn vẹn trong môi trường mới của mình. Ngài đã chấp nhận chịu khổ chịu chết với hy vọng phục vụ Chúa không như một tù nhân, mà là một chứng tá thật sự của Chúa về tình thương yêu và lòng nhân hậu.

Chúng ta tạ ơn Chúa đã thương ban cho ĐHY Thuận có cơ hội phục vụ Chúa trong một đường lối đặc thù. Suốt mười ba năm mất tự do, Đức Hồng y Phanxicô Xaviê hiểu được rằng Chúa luôn ở cùng ngài và giúp ngài rao giảng Tin Mừng giữa những kẻ không tin tưởng và ghét bỏ ngài. Ngài xác tín rằng Chúa muốn ngài phải chia sẻ tình thương mà Chúa đã ban cho ngài đến mọi người, kể cả những kẻ coi ngài như thù địch. Dựa cậy vào hồng ân của Chúa, Phanxicô Xaviê đã lôi cuốn được tâm hồn nhiều người. Những kẻ ghét ngài nay trở thành bạn. Những kẻ không tin tưởng ngài nay chạy đến xin ngài bảo ban. Theo gương thánh Phaolô, ngài viết lên những bài suy niệm và gởi cho con cái thiêng liêng của ngài. Thật sự ngài đã tận dụng mọi thời gian Chúa ban, không để một giây phút quý hóa nào qua mất đi.

Tạ ơn Chúa, đời sống đức tin, sự xác tín và niềm hy vọng của ngài là một gợi hứng cho chúng ta. Ngài khuyến khích chúng ta đừng khiếp sợ vác lấy thập giá hằng ngày và theo chân Chúa

Giêsu. Hằng ngày chúng ta hãy xác tín vào Chúa và chọn Chúa chứ không phải việc của Chúa.

May mắn làm sao, chúng ta có được một con người đã chấp nhận và sống theo sứ điệp “hãy vác thập giá và theo Thầy”. Đời sống đức tin và xác tín của ngài là một quà tặng từ Thiên Chúa ân ban cho quý bạn, cho tôi, và cho bất cứ ai biết được ngài. Sự can đảm và đức tin thách đố chúng ta lướt thắng sự sợ sệt để theo lối ngài, và để sống từng giây từng phút của cuộc sống kết hiệp với Thiên Chúa, để phụng sự vinh danh Ngài bằng cách nghe lời Ngài dạy dỗ.

Đứng trước mọi người mà tuyên bố “tôi yêu bạn” là chuyện rất dễ dàng. Nhưng làm sao yêu được những kẻ ghét bỏ bạn? Làm sao chấp nhận được sự bỏ lại đằng sau mọi sự và sống một cuộc sống phẩm hạnh mà mình không bao giờ mong muốn. Không ai có thể làm như vậy được. Chỉ những người tin tưởng vào ân sủng và tín thác toàn bộ vào Thiên Chúa như ĐHY Phanxicô Xaviê Thuận mới có thể làm được như vậy.

Chúng ta tạ ơn Chúa vì qua hồng ân của Người, Đức Hồng y đã cho chúng ta một gương sáng về đức Tin, Cậy, Mến. Ngài thật sự xác tín vào Thiên Chúa. Tôi tưởng tượng lúc ngài ở trong tù ngài không thể có một khái niệm rằng lúc nào ngài sẽ được gặp lại các thành viên trong gia đình ngài, nhất là song thân ngài, các em và các bạn bè. Ngài chỉ luôn luôn tin tưởng Chúa sẽ làm mọi sự tốt lành cho ngài mà hy vọng một ngày kia ngài sẽ được trở lại gia đình, giáo phận, và các người thân thương để chia sẻ với mọi người tình thương bao la và sự ân cần Chúa đã dành để cho ngài trong những ngày tù tội.

Khi bị giam giữ, Đức Hồng y Phanxicô Xaviê đã viết sách để khuyến khích chúng ta chọn Chúa, không chọn việc Chúa. Sau này, ngài còn chia sẻ với Giáo triều Rôma những kinh nghiệm của ngài về cuộc sống kết hiệp với Thiên Chúa trong thời gian mất tự do. Ngài giải thích rằng trong khi kết hiệp với Chúa ngài đã cố gắng mọi ngày, mọi giây phút của đời mình trong thành tín và

phục vụ Chúa bằng cách rao truyền lòng nhân lành của Người đến với mọi người.



Căn phòng tại Giang Xá còn lưu giữ những vật dụng của Đức cố HY P.X Nguyễn Văn Thuận trong thời gian bị quản thúc. Hình do ông Nguyễn Đức Nguyên, Denver, Colorado, USA, chụp ngày 16-9-2012.

Xin Chúa chúc lành cho mỗi người trong chúng ta để kính nhớ cuộc sống, đức tin, nỗi đau thương và lòng can đảm mà Chúa đã ân ban cho ĐHY Thuận. Chúng ta nguyện, qua sự chuyển cầu của Tôi tớ Chúa Đức Hồng y Phanxicô Xaviê, xin Chúa cho chúng ta có cơ hội tìm hiểu và sống theo linh đạo của ngài là: - Vác lấy thập giá đi theo Chúa Giêsu mọi ngày; - chọn Chúa chứ không chọn việc của Chúa; - sống từng giây từng phút kết hiệp với Chúa Giêsu suốt đời. Đức Hồng y tiết lộ là sở dĩ ngài sống sót được 13 năm mất tự do như vậy là nhờ ngài có cơ hội được kết hiệp với Chúa Giêsu trong màu nhiệm Thánh Thể do ngài đã bí mật dâng thánh lễ mỗi ngày. Ngài cũng đã từng chạy đến với Đức Trinh Nữ

Maria và Thánh Cả Giuse để nhờ ơn phù hộ và bảo ban. Suy ngẫm chuỗi Mân Côi cho phép ngài gần gũi với Mẹ và giúp ngài thấm nhuần hơn các mẫu nhiệm Vui, Sáng, Thương và Mừng mà Mẹ Maria và Thánh Giuse đã trải nghiệm.

Chúng ta có thể học hỏi nơi ngài để kết hiệp với Chúa trong từng giây từng phút của đời mình. Cố gắng đặt Thánh Thể và Thánh Lễ làm trung tâm điểm của đời mình. Đừng sợ sống theo ý Chúa với xác tín, vui mừng và hy vọng, “Gaudium et Spes”⁽⁸²⁾



Những đồ dùng của Đức cha Thuận ngày xưa nay đang được cất giữ cẩn thận tại Giang Xá

Phần VI:

LỜI KẾT

Trong nghi thức phong chức linh mục cho Thầy Phó tế Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận ngày 11 tháng 6 năm 1953 tại nhà thờ Chánh tòa Phủ Cam, Đức Giám mục chủ phong JB Urrutia dặn dò vị thụ phong: con hãy tin điều con đọc, dạy điều con tin và thực hành điều con dạy... Đức Hồng y Phanxicô Xaviê của chúng ta đã thực hiện trọn vẹn và sung mãn ba việc đó trong suốt cuộc đời linh mục và Giám mục của ngài.

Ngài đã chu toàn hết sức tốt đẹp bốn phận Mục tử, Tư tế và Thầy dạy của mình, đúng như lời ngài viết: Các thánh không nên thánh vì nói tiên tri hay làm phép lạ. Các ngài đâu làm gì lạ! Họ chỉ chu toàn bốn phận. (ĐHV 25).

Ngài không có một gương mẫu lý tưởng nào khác ngoài Chúa Giêsu Kitô. Thánh ý Chúa là kim chỉ nam đã hướng dẫn mọi tư tưởng, lời nói và việc làm của ngài. Ngài đã thường xuyên liên li kết hiệp với Đức Kitô nhằm kín múc lấy sức mạnh thần linh nơi Bí tích Thánh Thể và Lời Chúa. Nhờ đó, nơi ngài luôn tràn đầy sự khôn ngoan, sự bình an đích thực và niềm vui siêu nhiên bất tận. Hương thơm tỏa ra từ đời sống thánh thiện của ngài đã trở nên niềm vui cho tất cả những ai được phúc gần ngài, biết ngài hay đọc ngài. Ngài thật là một vị mục tử ngoại hạng về phương diện thánh thiện lẫn nhân bản của Giáo hội Công giáo toàn cầu.

- Đức Tổng Giám mục Giuse Ngô Quang Kiệt ghi nhận trong bài giảng ngày lễ Giỗ thứ mười của Đức Hồng y vào ngày 16-09-2005 tại nhà thờ Chánh tòa Hà Nội: Đức Hồng y Phanxicô Xaviê luôn noi gương Đức Kitô

Noi gương Đức Kitô, Cha sống niềm hy vọng trong mọi hoàn cảnh. Khi làm Giám mục ở Nha Trang với những thành công rực rỡ. Khi đến Sài Gòn không được làm việc gì. Những ngày cô đơn đen tối trong trại cải tạo. Những lúc mệt mỏi vì chiến đấu với cơn bệnh hiểm nghèo. Khi vinh quang lên đến tuyệt đỉnh. Khi bị hiểu lầm vu oan. Không lúc nào Cha đánh mất niềm hy vọng.

Noi gương Đức Kitô, Cha đi gieo niềm hy vọng khắp nơi.

Đi đến đâu Cha gieo niềm hy vọng đến đó. Gặp ai Cha truyền niềm hy vọng cho người ấy. Chứa chan niềm hy vọng nên Cha luôn tỏa ra niềm vui, niềm lạc quan yêu đời và làm cho bầu khí chung quanh Cha luôn vui tươi đáng mến. Trong phòng biệt giam, Cha vẫn nghĩ ra chuyện vui. Trên giường bệnh, Cha vẫn kể chuyện vui cho mọi người cười thỏa thích. Không hoàn cảnh nào có thể ngăn cản Cha tung gieo niềm hy vọng.

Nơi gương Đức Kitô, Cha đem niềm hy vọng đến cho mọi người. Cha dễ dàng đón nhận người thân cũng như người xa lạ. Cha sẵn sàng cộng tác với người đồng ý cũng như những người bất đồng ý kiến. Cha yêu thương bạn hữu cũng như những người thù ghét Cha. Cha làm cho những bạn tù và cả cai tù cũng có cảm tình. Tất cả những ai sống gần Cha đều được cảm hóa. Vì ở bên Cha, mọi người thấy phẩm giá mình được tôn trọng, khả năng con người được phát huy.

- Trong Thánh lễ đồng tế vào chiều ngày 16-9-2011 tại Vương Cung Thánh Đường Sài Gòn, giỗ chín năm Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận, Đức cha Phêrô Nguyễn Văn Khảm đã có một bài chia sẻ như sau:

Thưa anh chị em.

Cách đây hơn một tháng, tôi sang Rôma dự khóa học dành cho các Giám mục mới chịu chức từ 5 năm trở lại. Vì là khóa học dành cho các Giám mục mới cho nên nhiều lắm, cả trăm Giám mục từ nhiều nước trên thế giới tụ tập. Mà cả trăm Giám mục như vậy thì đâu có biết ai là ai. Mỗi người có cái bảng tên. Gặp Đức cha nào thì cũng hỏi thăm xem ngài ở nước nào đến. Và khi các ngài hỏi tôi, và biết là người Việt Nam, thì mười vị đều hỏi thăm về Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận. Và như vậy, biết là người Việt Nam, thì lập tức nói đến Đức Hồng y Văn Thuận, và nói với tất cả lòng yêu mến kính phục. Ngay cả Đức Tổng Giám mục Chủ tịch Ủy ban Hội đồng Tòa Thánh về Công lý và Hòa bình, khi đến thuyết trình cho các Giám mục về đề tài liên quan đến trách nhiệm của ngài, thì ngài cũng dành hẳn ra 15 phút

mở đầu để nói đến Đức Hồng y Văn Thuận của chúng ta. Tôi nhắc lại sự kiện đó để anh chị em thấy: rất, rất nhiều người công giáo trên thế giới ngưỡng mộ Đức Hồng y Phanxicô của chúng ta.

Mà tại sao người ta ngưỡng mộ như vậy?

Người ta không ngưỡng mộ về khả năng trí thức của ngài, cho dù ngài rất thông minh. Người ta không ngưỡng mộ về tài lãnh đạo của ngài, cho dù ngài thu hút quần chúng. Nhưng mà rõ ràng: người ta ngưỡng mộ Đức cố Hồng y Phanxicô của chúng ta, vì người ta nhìn thấy nơi ngài hình ảnh một chứng nhân của niềm hy vọng và tình yêu thương.

Người ta nhìn thấy nơi ngài một chứng nhân của hy vọng.

Khi ta đang sống trong một thế giới được xem là thừa thãi vật chất, nhất là trong những nước giàu có, vậy mà chính trong những quốc gia giàu có đó, lại đang có một hiện tượng nổi bật, là tình trạng tự tử. Gần chúng ta nhất là Nhật Bản, rồi bây giờ là Hàn Quốc, mỗi một năm có cả ba bốn chục ngàn người tự tử. Giả như bảo bởi đói nghèo mà tự tử thì còn hiểu được, đằng này toàn sống trong những quốc gia sung túc và giàu có, vậy mà lại tự tử. Người ta không còn tìm thấy đâu là lý lẽ để tiếp tục sống và tồn tại trên mặt đất này nữa. Một thế giới không còn niềm hy vọng, một xã hội hầu như bị chìm trong tuyệt vọng.

Và trong thế giới đó, người ta nhìn thấy nơi Đức Hồng y Phanxicô của chúng ta một chứng nhân của Tin Mừng hy vọng.

Anh chị em biết ngài làm Giám mục từ khi còn trẻ tuổi lắm. Tôi chịu chức Giám mục thì đã 56 tuổi rồi, còn hình như ngài lúc đó chưa bốn mươi, trẻ lắm. Và là một Giám mục tài năng, thu hút được nhiều người và gây ảnh hưởng rất lớn.

Đang lúc thành công và phát huy khả năng như thế, thì mọi sự thay đổi. Mọi sự hầu như chấm dứt. Thay cho những thành công huy hoàng là sự tăm tối. Được Tòa Thánh đặt làm Tổng Giám mục phó Tổng Giáo phận Sài Gòn, mà hình như chưa một lần nào được chính thức làm lễ ở nhà thờ chính tòa này. Được

Tòa Thánh đặt làm Tổng Giám mục phó Sài Gòn, vậy mà hình như những ngày về Sài Gòn là những ngày, xin lỗi, cứ phải trốn chỗ này, chạy chỗ kia. Rồi sau đó là suốt 13 năm tù tội. Có những thời gian cách ly hoàn toàn tám tối. Một con người có khả năng giao tiếp với quần chúng như vậy, thì bây giờ Chúa lại giam vào trong nhà tù, thì nói chuyện với ai bây giờ? Một con người thích hoạt động như vậy, thì bây giờ Chúa lại bảo ngồi chơi một chỗ. Mọi sự hầu như hoàn toàn trái ngược. Và cứ như bình thường mà nói, thì không còn lý lẽ gì để mà tiếp tục sống và tồn tại trên mặt đất này.

Nhưng mà ngài vẫn sống, mà không phải sống một cách thụ động, mà sống một cách tích cực, một cách năng động, bởi vì nơi ngài có một niềm hy vọng mãnh liệt. Niềm hy vọng đây không đặt vào một con người nào đó trong thế gian này. Niềm hy vọng ấy không đặt vào sở hữu vật chất hoặc là danh vọng ở cuộc đời này, mà niềm hy vọng ấy đặt vào nơi Chúa. Và vì thế, không có cái gì có thể làm cho niềm hy vọng đó tắt ngấm cả.

Đọc lại cuộc đời của ngài, tôi bỗng nhớ đến lời của Thánh Basiliô ngày xưa khi ngài phải đối diện với quan quyền đe dọa ngài điều này điều khác, thì ngài khẳng khái trả lời rằng: “Các ông muốn làm gì thì cứ việc làm. Tôi không sợ. Các ông có cho tôi đi lưu đày, tôi cũng không sợ, bởi vì ở nơi nào có Chúa thì nơi đó là quê hương của tôi. Các ông có nhốt tôi trong nhà tù, tôi không sợ, bởi vì ở đâu có Chúa, thì đấy là nhà của tôi. Các ông có giết tôi, tôi cũng không sợ, bởi vì tôi sớm được về với Chúa.” Một con người ăn nói như thế thì còn có cái gì để mà đe dọa nữa! Đức Hồng y Phanxicô của chúng ta thì không phát biểu như vậy, nhưng mà cách sống của ngài thì lộ ra ở nơi ngài có một niềm hy vọng cháy bỏng, niềm hy vọng vào chính Chúa, niềm hy vọng vào Nước Trời, và niềm hy vọng ấy không có gì và không có ai trong cuộc đời này có thể dập tắt. Chứng nhân của Tin Mừng hy vọng là thế.

Đức Hồng y Phanxicô của chúng ta còn là chứng nhân của Tin Mừng yêu thương.

Có ai trong anh chị em trong đời chưa từng phải chịu đau khổ không? Như vậy, chắc là thiên thần, không phải là người. Không ai trong chúng ta mà không phải đau khổ cách này cách khác. Anh chị em nhớ lại coi, những đau khổ trong cuộc đời mình thường gắn với những con người cụ thể và những sự kiện cụ thể. Thế thì mỗi một khi ta nhớ lại nỗi đau mà mình phải chịu, sự thiệt thòi mà mình phải chịu, thì ta cũng nhớ đến người đã gây đau khổ cho mình. Và thường thì nhớ đến với sự căm thù, nguyên rủa, ghét bỏ. Tôi nói như vậy có đúng không? Thông thường là như vậy. Vậy thì ta thử hỏi, xem Đức Hồng y Phanxicô có đau khổ không? Mười ba năm tù tội mà không khổ à? Và nỗi đau khổ thân xác làm sao mà sánh gì với nỗi đau khổ tinh thần mà ngài phải chịu: trong những lúc trong tâm tối, trong lúc như nghi ngờ cả những bạn bè thân thiết cũng phản bội mình. Con người ai chả có lúc như thế? Nhưng mà ngài có căm thù không? Cái độc đáo của Đức Hồng y là ở chỗ đó. Cái độc đáo của người môn đệ Chúa Giêsu là ở chỗ đó. Anh chị em thấy ngài mang cây thánh giá trên ngực. Cây thánh giá mà ngài thường mang không phải là cây thánh giá mà Đức Giáo Hoàng tặng đâu. Thông thường các Giám mục chúng tôi thế nào cũng được Đức Giáo Hoàng cho một cây thánh giá mang trên ngực. Nhưng mà cây thánh giá mà Đức Hồng y Phanxicô mang không phải là của Đức Giáo Hoàng tặng đâu, mà ngài làm lấy. Ở trong tù ngài đã làm cây thánh giá đó. Vậy thì mỗi khi đeo cây thánh giá đó, mỗi một lần nhìn cây thánh giá đó, thì nhớ lại nỗi đau khổ của mình trong cảnh tù tội. Và nhớ lại nỗi đau khổ trong cảnh tù tội, thì nhớ đến những người gây đau khổ cho mình, nhưng không phải để căm thù, mà để cầu nguyện cho họ. Cụ thể nhất mà anh chị em biết là Đức Hồng y Phanxicô viết nhiều sách lắm, sách được dịch ra nhiều tiếng trên thế giới. Thế thì anh chị em đọc những cuốn sách ngài viết, có thấy ở trang nào có bóng dáng của hận thù không? Không có. Cho nên trong một thế giới như ngày hôm nay, một thế giới đầy dẫy hận thù và căm ghét, ngay cả trên đất nước chúng ta cũng vậy. Tiếng súng đã tắt rồi, đã hơn ba mươi năm nay, mà hình như lòng người vẫn chưa an bình, giữa người Việt với nhau vẫn còn hận thù và căm ghét.

Kể cả giữa người công giáo với nhau vẫn còn hận thù và căm ghét. Trong một thời đại như vậy, thì phải nhìn thấy nơi Đức Hồng y Phanxicô chứng nhân của Tin Mừng yêu thương, mà đỉnh cao của Tin Mừng yêu thương đó là tha thứ cho những người làm khổ mình, cầu nguyện cho những người bắt bớ mình, bách hại mình. Đức Hồng y Phanxicô thực sự là chứng nhân của Tin Mừng yêu thương. Và chính vì thế mà ngài đã thuyết phục được bao nhiêu người trên thế giới. Bản thân tôi cũng đã từng ngồi ở dưới nghe ngài thuyết trình ở ngay thủ đô Washington D.C. của Hoa Kỳ. Mà khi ngài đem những chuyện tù tội phải trải qua với những kinh nghiệm sống đức tin kể cho người ta nghe, bao nhiêu người rớt nước mắt. Đã thuyết phục được bao nhiêu tâm hồn là vì vậy đấy, là chứng từ yêu thương tha thứ của ngài. Và tất cả là phát xuất từ một niềm tin mãnh liệt, một niềm tin mà Thánh Phaolô diễn tả trong bài đọc ngày hôm nay: “Tôi xác tín rằng không có ai và không có gì có thể tách tôi ra khỏi tình yêu của Thiên Chúa được bày tỏ trong Đức Giêsu Kitô”. Chính niềm xác tín đó làm cho Đức Hồng y của chúng ta trong mọi hoàn cảnh, trong mọi nghịch cảnh, vẫn có thể sống niềm hy vọng, sống niềm yêu thương tha thứ.

Thế thì, thưa anh chị em, chiều hôm nay, chúng ta họp nhau đây, để tạ ơn Chúa, vì Chúa ban cho Giáo Hội toàn cầu, và cách riêng cho Giáo Hội Việt Nam một khuôn mẫu chứng nhân tuyệt vời như thế. Và chúng ta chỉ tạ ơn thực sự, tạ ơn từ đáy tâm hồn, khi anh chị em và tôi lắng nghe được sứ điệp mà Đức Hồng y Phanxicô, người môn đệ của Chúa Giêsu, để lại cho chúng ta, để rồi chính chúng ta bước đi trên con đường hy vọng và yêu thương đó. Nhưng nếu chúng ta tưởng nhớ đến Đức Hồng y Phanxicô để nuôi dưỡng lòng căm thù, thì tôi nghĩ là hoàn toàn đi ngược lại những gì ngài mong muốn. Có lẽ khi đó nụ cười sẽ tắt ngấm trên đôi môi của Đức Hồng y dễ thương của chúng ta. Nhưng chúng ta tưởng nhớ đến ngài, mà nuôi dưỡng hy vọng, nuôi dưỡng tình yêu thương, và tiếp tục làm cho sứ điệp đó lan rộng ra trên quê hương đất nước của mình. Đó mới là điều mà Đức Hồng y Phanxicô

mong ước.

Thưa anh chị em.

Tôi rất mừng và rất hân hạnh được có mặt ở đây với anh chị em trong ngày rất đặc biệt này. Có những kỷ niệm riêng đối với Đức Hồng y, nhưng tôi không dám kể ra đây. Mà tôi chỉ muốn nói những điều mà tôi tin rằng không chỉ một mình tôi, mà rất nhiều người, không chỉ ở Việt Nam, mà ở trên toàn thế giới, nhìn nhận và trân trọng về ngài. Chúng ta tạ ơn Chúa về tất cả những điều đẹp để tốt lành Chúa đã ban cho Đức cố Hồng y Phanxicô của chúng ta, và xin ngài chuyển cầu trước nhan thánh Chúa cho anh chị em và tôi, cho tất cả Giáo Hội Việt Nam, tiếp tục mạnh mẽ vững bước trên con đường làm chứng cho Tin Mừng hy vọng và yêu thương của Chúa Giêsu Kitô trên quê hương đất nước chúng ta. Amen

- Đức Hồng y Fernando Filoni, Bộ trưởng Thánh Bộ Truyền giáo khẳng định rằng Đức Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận là một mẫu gương ngoại thường trong việc loan báo Tin Mừng trong mọi thời điểm

DHY Fernando Filoni, Trưởng Thánh Bộ Truyền giáo, trong chuyến thăm mục vụ tại Việt Nam, qua bài diễn văn đọc tại Tòa Tổng Giám mục Hà Nội ngày 20-1-2015 trước các thành viên của Hội đồng Giám mục Việt Nam, đã khẳng định rằng:

... Hoạt động truyền giáo ngày nay vẫn còn là "những thách thức lớn nhất cho Giáo hội" và "nhiệm vụ truyền giáo vẫn phải là trách nhiệm trước hết" của Đức Giám mục. Đức Giám mục, là người đứng đầu và là trung tâm của các hoạt động tông đồ của Giáo phận, phải phát huy, chỉ đạo, phối hợp hoạt động truyền giáo, và hơn nữa, phải khuyến khích tất cả các thành phần Dân Chúa tham gia vào công việc truyền giáo. Các linh mục, tu sĩ nam và các chị em nữ tu, như là các cộng tác viên sát cánh với các Giám mục trong việc truyền giáo, họ được mời gọi để sống ơn gọi riêng của họ và những đặc sủng hầu trở thành "muối đất và

ánh sáng thế gian.

Trong phần kết luận bài diễn văn, Đức Hồng y Tổng trưởng chỉ ra cho Giáo hội Công giáo Việt Nam một khuôn mẫu ngoại thường trong việc loan báo Tin Mừng. Ngài nói:

Người Tôi tớ Chúa là Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận, một nhân chứng cho hy vọng và mục tử của lòng thương xót của Thiên Chúa, là một mẫu gương ngoại thường trong việc loan báo Tin Mừng trong mọi thời điểm, thuận lợi hay không thuận lợi; chưa hết, ngài cũng chỉ cho chúng ta cách thế như thế nào để thực thi sự kiên nhẫn và thận trọng, đặc biệt là trong đối thoại. Đức Thánh Cha Phanxicô của chúng ta thường khẳng định sự cần thiết phải thúc đẩy đối thoại và văn hóa của cuộc gặp gỡ.

- Đức Hồng y Luis Antonio Tagle, Tổng Giám mục Manila, nói rằng: Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận là người bác đã dạy cho ngài về tinh thần hiếu khách

Bé mạc cuộc Hội thảo của Liên hiệp Kinh Thánh Công giáo Đông Nam Á (CBF-SEA) diễn ra tại Tòa Giám mục Nha Trang, trong thánh lễ Tạ ơn tại nhà thờ Chánh tòa Nha Trang vào sáng ngày 20-7-2017 do Đức Hồng y Luis Antonio Tagle chủ tế, cùng đồng tế với ngài có: Đức Hồng y Phêrô Nguyễn Văn Nhơn, Tổng Giám mục Tổng Giáo phận Hà Nội, Đức Giám mục Giuse Võ Đức Minh, Giám mục Giáo phận Nha Trang, Đức Giám mục Stêphanô Tri Bửu Thiên, Giám mục Giáo phận Cần Thơ, Đức Giám mục Tôma Vũ Đình Hiệu, Giám mục Giáo phận Phát Diệm, Đức Giám mục Pablo Virgilio David, Giám mục Giáo phận Caloocan, Philippines, Đức giám mục Maurice Nyunt Wai, Giám mục Myanmar, và Đức Giám mục Vira Arprondratana, Giám mục Giáo phận Chiang Mai, Thái Lan.

Đức Hồng y Luis Antonio Tagle nhấn mạnh đến nét đẹp của người loan báo Tin Mừng cần phải có đó là lòng hiếu khách; cuộc sống và con tim của người loan báo Tin Mừng phải là

lời cầu nguyện cho mọi người.

Trong phần chia sẻ Lời Chúa sau đây, ngài nói rằng: **Đức Hồng y Thuận là bác của ngài, đã dạy cho ngài về tinh thần hiếu khách:**

Anh chị em thân mến,

Cuộc cử hành hôm nay thật đẹp tại nơi xinh đẹp và thánh thiêng này của giáo phận Nha Trang. Trong những ngày hội nghị này, chúng tôi đã học hỏi những cách thức loan báo Tin Mừng cho mọi người. Chúng tôi đã lắng nghe những chứng từ về cách sống theo Lời Chúa. Chúng tôi đã lắng nghe những chứng từ thật đẹp về việc lắng nghe Tin Mừng và để cho Tin Mừng biến đổi cuộc sống của họ.

Câu hỏi cần đặt ra là làm thế nào gieo rắc Tin Mừng? Về phương diện con người, liệu điều này có thể diễn ra trong gia đình chúng ta hay không? Các bài đọc hôm nay thật có sức an ủi chúng ta.

Trong bài đọc thứ nhất, ngôn sứ Isaia nói: “núi Nhà ĐỨC CHÚA đứng kiên cường vượt đỉnh các non cao”. Nhà thờ chính tòa Nha Trang được xây trên một ngọn đồi, và dân chúng mỗi ngày đến đây, tới Nhà Chúa. Bài đọc nhắc chúng ta rằng trên núi của Chúa, sẽ không còn chiến tranh, người ta sẽ rèn vũ khí thành cuốc thành cày để cày ruộng. Ở đây chúng ta thấy được vẻ đẹp của Lời Chúa, vẻ đẹp đến từ Chúa. Lời Chúa vốn chứa đựng chân lý và vẻ đẹp.

Là những người rao giảng Tin Mừng, chúng ta hằng hái rắc gieo Tin Mừng, và Tin Mừng là Tin Vui. Tại sao khi chúng ta loan báo Tin Vui, tin ấy lại biến thành tin buồn! Tại sao chúng ta không để Tin Mừng thực sự là Tin Mừng! Tin Mừng vốn tự thân có sức mạnh và sức hấp dẫn. “Dân này nước nọ sẽ không còn vung kiếm đánh nhau, và thiên hạ thôi học nghề chinh chiến.” Lời Chúa thật là an ủi biết bao! Lời Chúa vốn mang vẻ đẹp và sức hấp dẫn.

Bài đọc hai, trích từ Thư thứ nhất gửi Timôthê, là một lời khích lệ rằng “ai nấy dâng lời cầu xin, khẩn nguyện, nài van, tạ ơn cho tất cả mọi người”. Như thế, rắc gieo Tin Vui cũng có nghĩa là cầu nguyện. Đó là việc cầu nguyện cho mọi người. Chính trong lời cầu nguyện, người loan báo Tin Mừng nài van và tạ ơn. Tin Vui đích thực ở chỗ Chúa Giêsu đã chết cho mọi người. Phần tôi, với tư cách là người loan báo Tin Mừng, tôi phải cầu nguyện với Chúa cho mọi người. Cuộc sống và con tim của người loan báo Tin Mừng phải là lời cầu nguyện cho mọi người.

Chúng ta phải tự hỏi mình: chúng ta có cầu nguyện cho mọi người hay không? Điều này chính là thành phần của Tin Vui, vì Tin Vui mời gọi chúng ta yêu kẻ thù, cầu nguyện cho những kẻ bách hại chúng ta. Đó chính là lời cầu nguyện của người loan báo Tin Mừng. Việc cầu nguyện phải đi song song với việc loan báo Tin Mừng.

Trong bài Tin Mừng, cuộc gặp gỡ giữa Chúa Giêsu và ông Giakêu nói với chúng ta về lòng hiếu khách. Ngày nay chúng ta sợ người khác. Lòng hiếu khách không còn là điều được chấp nhận. Chúa Giêsu đã tự mời mình đến nhà Giakêu và Giakêu đón tiếp Chúa Giêsu, trong khi những người khác lăm bắm: Ô hay, “nhà người tội lỗi mà ông ấy cũng vào trọ!” Bài Tin Mừng cho thấy mối tương quan đặc biệt giữa khách trọ và chủ nhà. Tin Mừng là Tin Vui nơi trường hợp đặc biệt này, vì Chúa Giêsu nói: “Hôm nay, ơn cứu độ đã đến cho nhà này, bởi người này cũng là con cháu tổ phụ Ápraham.”

Thế giới chúng ta đang sống có chứng sợ người lạ, sợ khách trọ. Nhưng đó cũng là lí do tại sao không còn lòng hiếu khách và niềm vui đón nhận. Trong Tin Mừng, không phải Giakêu là người đã tiếp đón Chúa Giêsu, nhưng là Thiên Chúa, thông qua Chúa Giêsu, đã đón tiếp Giakêu. Việc Thiên Chúa đón nhận Giakêu khiến ông đón tiếp Chúa Giêsu. Khi người ta không đón nhận Tin Mừng, có thể là vì chính chúng ta đã không tiếp đón người ta theo cách Chúa Giêsu đã đón tiếp Giakêu. Mỗi khách trọ

đều là chủ nhà và mỗi chủ nhà đều là khách trọ. Kiểu hoán đổi này thật thú vị. Điều này đi ngược lại với chúng sợ người xa lạ.

Mỗi chúng ta đều là những khách trọ và Thiên Chúa là chủ nhà, cho dù chúng ta là ai đi nữa. Chúng ta tiếp đón Chúa Giêsu nơi những người đói khổ, nghèo hèn, bệnh tật, tù tội, những người xa lạ. Chúng ta đón tiếp họ và Chúa Giêsu lại đón tiếp chúng ta. Ở đây, chúng ta nhận thấy rằng Tin Mừng vốn chứa đựng vẻ đẹp, và chúng ta sống Tin Mừng thông qua lòng hiếu khách. Điều này có nghĩa là chúng ta phải cầu nguyện để trở nên những chủ nhà lịch thiệp.

Cuộc gặp mặt của Liên hiệp Kinh Thánh Công giáo Đông Nam Á (CBF-SEA) diễn ra tại Tòa Giám Mục Nha Trang. Tôi có nhiều mối nối kết với Nha Trang cả khi chưa tới được Nha Trang.

Nhiều năm trước đây, Đức Cha Phaolô Nguyễn Văn Hoà đã đến Philippines. Ngài hỏi tôi là có thể đón nhận một số chủng sinh của ngài tại các chủng viện hay không. Sau đó, ngài cho một số chủng sinh tới chủng viện trong địa phận của tôi. Sau này, những chủng sinh đó chịu chức linh mục ở Manila và một trong số đó, cha Đaminh Ngô Anh Quốc, có mặt ở đây hôm nay. Người bạn đồng hành với cha Quốc là cha Micae Vinh hiện là một thừa sai tại Nhật Bản. Các linh mục này là những mối nối kết tôi với Nha Trang. Khi tôi gặp họ, tôi thấy mình đã già. Nhưng chúng ta hãy nghĩ tới việc rắc gieo Tin Mừng khi chúng ta đón tiếp người khác, khi đó, lòng hiếu khách trở nên một giá trị, vì con người được xích lại với nhau do cùng một Tin Mừng, cùng một đức tin.

Một mối nối kết khác là Đức Hồng Y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận. Tôi gặp ngài lần đầu trong Đại Hội Giới Trẻ ở Manila năm 1995. Tôi phải thuyết trình trước nhóm các Giám mục Á Châu. Lúc đó tôi chưa làm Giám mục. Tôi e sợ các Đức Giám mục. Tôi không dám nhìn các Giám mục khi bước vào phòng thuyết trình. Tôi hết sức bối rối và cũng chẳng hiểu mình đang nói gì nữa. Rồi tôi cũng kết thúc bài nói và đi ra ngoài, tự nhủ rằng sẽ không bao giờ thuyết trình cho các Đức Giám mục

nữa. Tôi đi đến một góc uống cà phê. Rồi một vị Giám mục mà tôi không quen biết đi theo tôi. Ngài vỗ vai tôi và nói: “Đừng lo lắng thế! Cha có vẻ bối rối, nhưng bài thuyết trình cũng được đây. Các Giám mục chúng tôi cũng là những người bình thường mà.” Lúc đó là 4 giờ chiều. Tôi và ngài ngồi uống cà phê với nhau. Ngài kể những câu chuyện. Nét dịu dàng nơi ngài thật vĩ đại. Ngài không hề nổi giận. Tôi hiểu ra được rằng lòng hiếu khách thật tuyệt vời biết bao. Tôi cũng không biết mình đã uống bao nhiêu tách cà phê. Rồi ngài nói với tôi: “Bất cứ khi nào cha tới Rôma, hãy gọi cho tôi. Chúng ta sẽ cùng đi ăn tối với nhau. Kể từ nay, hãy gọi tôi là bác!”

Tôi đã giữ lời hứa. Khi tôi tới Rôma, tôi gọi cho ngài và đi ăn tối cùng với ngài. Ngài gọi món và ngài bảo tôi ăn. Sau đó, tôi được chọn làm Giám mục. Một năm sau, ngài được chọn làm Hồng y. Năm 2002, tôi tới Rôma. Tôi gọi cho ngài, nhưng không ai trả lời điện thoại. Tôi hỏi thăm thì được biết ngài đang ở bệnh viện. Vài ngày sau, ngài qua đời. Bây giờ tôi có một người bác trên trời và địa phận Nha Trang có một người cháu, dù Nha Trang có muốn hay không. Đức Hồng Y đã dạy tôi về tinh thần hiếu khách.

Chúng ta hãy cầu nguyện cho mọi người, cho tất cả những ai Chúa Giêsu muốn kêu gọi. Cầu nguyện, đón tiếp mọi người bằng lòng hiếu khách là một phần thuộc về Tin Vui. Hãy cầu xin để chúng ta được trở nên những khách trọ của Thiên Chúa. Amen. (Nguồn: <http://giaophannhatrang.org>)

- Căn phòng lưu niệm kỷ vật của Đáng Đáng Kính Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận tại nhà Dòng Celittinen thuộc Tổng Giáo phận Cologne, Đức Quốc

Nước Đức không là nơi ngày xưa Đức cố Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận sang du học. Nước Đức cũng không là nơi Đức cố Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn văn Thuận được cử đến làm việc.

Nhưng Đức cố Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận đã quen biết và đến nước Đức nhiều lần khi còn là sinh viên du học bên Rôma, trong thời gian là Giám mục Giáo phận Nha Trang mỗi khi sang Âu châu thường có ghé qua nơi đây, và nhất là trong thời gian bị lưu đầy biệt xứ sống lưu vong ở Rôma ngài hay ghé qua nơi đây. Sang nước Đức, Đức Hồng y thường đến trú ngụ ở nhà Dòng Celittinen thuộc Tổng Giáo phận Cologne.

Nhà Dòng kính trọng cùng quý mến ngài. Và ngài rất quý mến nhà Dòng. Nhà Dòng nâng đỡ tinh thần ngài bằng lời cầu nguyện cùng sự trợ giúp cho những việc làm công ích do ngài đề xướng ra, nhất là những khi ngài ghé thăm nhà Dòng.

Nơi đây ngài đã sống trải qua những ngày giờ bổ ích cho đời sống thiêng liêng của mình. Và cũng nơi đây ngài đã học hỏi được nhiều về văn hóa phong tục nếp sống của người Đức do chính những Sơ người Đức kể thuật lại cho.



Nơi nhà Dòng Celittinen, mỗi khi đến cư ngụ, ngài đã cùng

chị em nữ tu hằng ngày dâng thánh lễ Misa, suy niệm Lời Chúa trong ngôi nhà nguyện tu viện.

Cũng nơi nhà Dòng này, ngài đã để lại những tình cảm liên đới con người với nhà Dòng rất nhiều kỷ niệm thánh đức. Và ngài cũng đã để lại cho nhà Dòng cả những kỷ vật cá nhân của ngài, như cây thánh giá cùng chuỗi sợi dây chuyền, mà ngài đã tự tay làm trong nhà tù khi xưa và luôn đeo mang trong mình cho tới lúc qua đời, chiếc nhẫn Giám mục, áo lễ ngài đã mang mặc khi làm lễ, chiếc áo dòng màu trắng của ngài, chén lễ ngài đã dùng dâng lễ, tập sách viết bài suy niệm Năm chiếc bánh và hai con cá, bút tích Con đường hy vọng... Những kỷ vật đó, nhà Dòng cho biết, ngài đã tin tưởng ký gửi ủy quyền lại như của “hồi môn” cho nhà Dòng.

Vì thế nhà Dòng đã dành một căn phòng rộng hơn 40 mét vuông cất giữ trưng bày những vật kỷ niệm của Đáng Đáng Kính Đức Hồng y Phanxicô Xaviê. Và căn phòng lưu niệm này đã được khánh thành ngày 26-10-2013.

Đức Hồng y Gioakim Meisner, Tổng Giám mục Tổng Giáo phận Köln đã đến làm phép căn phòng này và đã cùng các linh mục Karl Hoffmann, Hans Georg Redder, Cornel Schmitz, Dominik Nguyễn Ngọc Long và Phó tế Wolfgang Allhorn, cùng các chị em nữ tu các nhà Dòng lân cận, ca đoàn Cộng đoàn Công giáo Việt Nam Wuppertal, thân nhân của Đáng Đáng Kính Đức Hồng y Phanxicô Xaviê, em gái của Đức cố Hồng y bà Elisabeth Nguyễn Thị Thu Hồng và chồng, và gần 100 vị khách được nhà Dòng mời, dâng thánh lễ tạ ơn Thiên Chúa. Sau phần thánh lễ tạ ơn, cuốn phim về cuộc đời Đáng Đáng Kính Phanxicô Xaviê Thuận được trình chiếu cho mọi người biết về cuộc đời chịu nhiều thử thách đau khổ của ngài.

Trong phần giảng lễ, Đức Hồng y Gioakim Meisner đã lấy hình ảnh cây thánh giá, mà Đức cố Hồng y Phanxicô Thuận đã làm trong nhà tù khi xưa làm đề tài diễn giảng về ý nghĩa sâu xa của cây thánh giá Chúa Giêsu.

Đức Hồng y Gioakim suy niệm: “Chiều dọc thẳng đứng

cây thánh giá là con đường dài từ trời cao xuống mặt đất, Thiên Chúa qua Chúa Giêsu xuống trần gian làm người, và cùng với chiều ngang đường chân trời như dấu trừ, nơi con người sinh sống, làm nên dấu cộng niềm hy vọng cho nhân loại.”

Căn phòng lưu giữ những kỷ vật của Đáng Đáng Kính Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn văn Thuận không phải chỉ là căn phòng cất giữ những vật thể lưu niệm của riêng cá nhân ngài, nhưng còn hơn thế nữa. Đó là căn phòng nói về chứng tích của một con người đã sống con đường niềm hy vọng vào Chúa.

Vì thế, đến thăm viếng căn phòng kỷ niệm này là muốn suy niệm học hỏi đời sống thánh đức của một tù nhân Giám mục đã sống đức tin vào Chúa với lòng trung kiên can đảm luôn trong niềm hy vọng.

“Chăm này nối tiếp chăm kia, ngàn vạn chăm thành một đường dài.

Phút này nối tiếp phút kia, muôn triệu phút thành một đời sống.

Chăm mỗi chăm cho đúng, đường sẽ đẹp.

Sống mỗi phút cho tốt, đời sẽ thánh.

Đường hy vọng do mỗi chăm hy vọng.

Đời hy vọng do mỗi phút hy vọng.”

(Đường Hy Vọng số 978)

Nhà Dòng mong muốn và sẵn sàng mở rộng cửa cho mọi người đến thăm viếng căn phòng này, như một địa điểm hành hương trong tiến trình phong Thánh cho Đáng Đáng Kính Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận và cả sau này nữa.

Đáng Đáng Kính Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn văn Thuận qua đời ngày 16-09-2002 ở Rôma. Ở Tu viện Celittinen, Koeln, bây giờ có căn phòng dành riêng lưu giữ những hình ảnh cùng kỷ vật của ngài, và cũng tại nhà Dòng này ngài đã sống trải qua nhiều ngày năm tháng lúc còn sinh thời, nhất là đã dâng thánh lễ Misa với nhà Dòng tại nhà nguyện tu viện. Thiết nghĩ, đây là cơ

may thuận tiện cho những người Công giáo Việt Nam đến nơi đây thăm viếng hành hương, dâng thánh lễ cầu nguyện cho ngài và với ngài, nhất là vào ngày giỗ kỵ hằng năm.

Địa chỉ liên lạc:

Stiftung der Celittinen zur hl. Maria

Graseggerstrasse 105

50737 Koeln- Longerich

Tel. 0049 (0) 221-974514-51

Fax: 0049 (0)221-974514-52

Email: info@celitinnen.de

Lm. Đaminh Nguyễn Ngọc Long

Chú thích văn bản và hình ảnh

(1) - Trần Trọng Kim. **Việt Nam Sử Lược**. Q. II. Trung tâm học liệu xb 1971, trang 100.

- Cao Thế Dung. **Việt Nam Công Giáo sử tân biên**. Q. II. Cơ sở Dân Chúa xb. 2003, trang 983.

(2) ĐTGM PX Nguyễn Văn Thuận. **Chứng Nhân Hy Vọng**. Các bài giảng tĩnh tâm cho Đức Thánh Cha và Giáo triều Roma. Vatican. Năm thánh 2000, trang 24

(3) Đức Ông Phan Văn Hiền. **Cha tôi, Đức Hồng y FX Nguyễn Văn Thuận trong cuộc đời của tôi**. Roma 2003, trang 33.

(4) Adrien Launay. **Histoire de la Mission de Cochinchine. 1658-1823**. Tome I. Paris 2000, p.423.

(5) **Linh mục Philipphê Lê Thiện Bá**, gốc giáo xứ Trí Bưu thuộc Giáo phận Huế (1891-1981). Thân phụ cha Bá (ông Lê Thiện Liêm) và ông ngoại Đức TGM PX Lê Văn Hồng (ông Lê Thiện Khiết) là anh em ruột.

(6) Linh mục Trần Công Nghị. **Tâm tình của Đức Cố Hồng y Nguyễn Văn Thuận nói về thân mẫu của ngài**. Thông tấn xã Công giáo Việt Nam. VietCatholic News, ngày 29-01-2005.

(7) Lm Stanislas Nguyễn Văn Ngọc và Giuse Nguyễn Văn Hội. **Lịch sử Giáo phận Huế qua các triều đại vua chúa 1596-1945**. Lưu hành nội bộ. Huế 1993, trang 267.

(8) ĐTGM PX Nguyễn Văn Thuận. **Chứng Nhân Hy Vọng**. Các bài giảng tĩnh tâm cho Đức Thánh Cha và Giáo triều Roma. Vatican từ 12 đến 18 tháng 3 Năm Thánh 2000, trang 142

(9) Mgr Sohier, Coadjuteur de la Cochinchine septentrionale. **Lettre datée le 15 Décembre 1860** à M. Albrand, Supérieur du Séminaire des Missions Etrangères à Paris. ANNALES DE LA PROPAGATION DE LA FOI Tome XXXIV. 1862.

(10) Quốc sử quán triều Nguyễn. **Đại Nam Thực Lục**, tập Bảy. Đệ tứ kỷ, Quyển XXVI, 2006. Tổ Phiên dịch: Viện Sử học phiên dịch, trang 780-781.

(11) Lm Stanislas Nguyễn Văn Ngọc và Giuse Nguyễn Văn Hội. **Lịch sử Giáo phận Huế qua các triều đại vua chúa 1596-1945**. Lưu hành nội bộ. Huế 1993, trang 403.

(12) Adrien Launay. **Histoire de la Mission de Cochinchine. 1658-1823**. Tome I. p. 423 & p.429-430.

(13) Lm Stanislas Nguyễn Văn Ngọc và Giuse Nguyễn Văn Hội. **Lịch sử Giáo phận Huế qua các triều đại vua chúa 1596-1945**. Lưu hành nội bộ. Huế 1993. Trang 266.

(14) Lm Stanislas Nguyễn Văn Ngọc và Giuse Nguyễn Văn Hội. **Lịch sử Giáo phận Huế qua các triều đại vua chúa 1596-1945**. Lưu hành nội bộ. Huế 1993. Trang 379.

(15) Lữ Giang. **Những bí ẩn lịch sử đằng sau cuộc chiến Việt Nam**, quyển I, California, 1998, trang 393.

(16) Quốc sử quán Triều Nguyễn. **Đồng Khánh-Khải Định chính yếu**. Nxb Thời Đại, Hà Nội 2010, trang 120.

(17) Đinh Văn Niêm. **Thi cử, học vị, học hàm dưới các triều đại phong kiến Việt Nam**. Nxb Lao Động 2014, trang 680-684.

(18) và (19) **Tâm tình của Đức Cố Hồng y Nguyễn Văn Thuận nói về thân mẫu của ngài**. VietCatholic News ngày 19-1-2005.

(20) **Une ascension sur l'Ecran du Roi**. Poésie de S.M. Tự Đức, traduite par Ngô Đình Khả, Ministre honnoraire. Bulletin des Amis du Vieux Hue, 3^e année, n^o 2, Avril-Juin 1916. pp. 223-227.

(21) Hồ Ngọc Cẩn, linh mục Địa phận Huế. **Sách Phép lịch sự An Nam**. Huế-Annam. Imprimerie de la Mission, Trường

An. 1931.

(22) Bulletin des Missions Etrangères. **Chronique des Missions et des établissements communs 4: Cochinchine Septentrionale** - 1923 - pp 260b-261.

(23) Báo Vì Chúa. **Mấy lời tiễn chân Đức cha Ngô Đình Thục**. Năm thứ hai, số 85, ngày Thứ sáu, 24 Juin 1938.

(24) -**Trần Biễn Gia Phả**, trang 21. - **Hạnh tích Cha Benoit RP.Henri Denis Cố Thuận, Tổ phụ Chi Dòng Xitô Thánh Gia Việt Nam**, trang 113 & 114.

(25) Đức Giám mục Allys. **Báo cáo thường niên năm 1921 gửi Hội Truyền Giáo Hải Ngoại Paris**. Lê Thiện Sĩ sưu tầm, Lm Stanislas Nguyễn Đức Vệ chuyển dịch.

(26) Nguyễn Thị Ngọc Hải. **Trần Quốc Hương, người chỉ huy tình báo**". Nhà xuất bản Công An Nhân Dân, 2010, trang 124,125.

(27) Đức Giám mục Allys. **Báo cáo thường niên năm 1908 gửi Hội Truyền Giáo Hải Ngoại Paris**. Lê Thiện Sĩ sưu tầm, Lm Stanislas Nguyễn Đức Vệ chuyển dịch.

(28) ĐTGM PX. Nguyễn Văn Thuận. **Chứng nhân Hy Vọng**. Các bài giảng tĩnh tâm cho Đức Thánh Cha và Giáo triều Roma. Vatican. Năm thánh 2000. Bài suy niệm dẫn nhập, trang 24.

(29) ĐTGM PX. Nguyễn Văn Thuận. **Năm chiếc bánh và hai con cá**. Chiếc bánh thứ ba, một bí quyết: cầu nguyện.

(30) ĐTGM PX. Nguyễn Văn Thuận. **Chứng Nhân Hy Vọng**. Các bài giảng tĩnh tâm cho Đức Thánh Cha và Giáo triều Roma. Vatican. Năm thánh 2000, trang 18.

(31) **Cuộc phỏng vấn dành cho ông Nguyễn Xuân Nghĩa**, phụ tá Tổng Giám đốc Đài phát thanh Little Saigon Radio tại Hoa Kỳ ngày 24-1-2001.

(32) Báo Vì Chúa số 81 ngày Thứ Sáu 27 Mai 1938.

(33). **Tâm tình của Đức Cố Hồng y Nguyễn Văn Thuận nói về thân mẫu của ngài.** VietCatholic News ngày 19-1-2005.

(34) ĐTGM PX. Nguyễn Văn Thuận. **Năm chiếc bánh và hai con cá.** Chiếc bánh thứ năm: Yêu thương cho đến hiệp nhất, chúc thư của Chúa Giêsu.

(35) Revue : **Annales des Missions Etrangères**

Titre: Cantique à La Bienheureuse Thérèse de l'Enfant Jésus.

Auteur: Joseph Thich

Année: 1924 - Page(s): 34-36

(36) ĐTGM PX. Nguyễn Văn Thuận. **Chứng Nhân Hy Vọng.** Các bài giảng tĩnh tâm cho Đức Thánh Cha và Giáo triều Roma. Vatican. Năm thánh 2000, trang 85.

(37) Đức Ông Phan Văn Hiền. **Cha tôi, Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận trong cuộc đời của tôi.** Rôma 2003, trang 462.

(38) Linh mục Nguyễn Đức Vệ. **101 vị Thừa sai MEP đã phục vụ Giáo phận Huế (1850-1975)** tập II, trang 167-176.

(39) ĐTGM PX. Nguyễn Văn Thuận. **Năm chiếc bánh và hai con cá.** Chiếc bánh thứ hai.

(40) ĐTGM PX. Nguyễn Văn Thuận. **Năm chiếc bánh và hai con cá.** Con cá thứ nhất.

(41) ĐTGM PX. Nguyễn Văn Thuận. **Năm chiếc bánh và hai con cá.** Con cá thứ nhất.

(42) ĐTGM PX. Nguyễn Văn Thuận. **Năm chiếc bánh và hai con cá.** Chiếc bánh thứ ba.

(43) Đức cha Caspar. **Báo cáo thường niên năm 1905 gọi Hội Truyền Giáo Hải Ngoại Paris.** Lê Thiện Sĩ sưu tầm, Lm Stanislas Nguyễn Đức Vệ chuyển dịch.

■ Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận. *Trang 465*

(44) Đức Ông Phan Văn Hiền. **Cha tôi, Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận trong cuộc đời của tôi.** Rôma 2003, trang 17,18,19.

(45) Đức Ông Phan Văn Hiền. **Cha tôi, Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận trong cuộc đời của tôi.** Rôma 2003, trang 37,39.

(46) Nguyễn Đăng Trúc. **Một vài kỷ niệm sống động về linh mục Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận.** Mạng lưới Dũng Lạc.

(47) Đức Ông Phan Văn Hiền. **Cha tôi, Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận trong cuộc đời của tôi.** Rôma 2003, trang 413.

(48) Đức Ông Phan Văn Hiền. **Cha tôi, Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận trong cuộc đời của tôi.** Rôma 2003, trang 53,54.

(49) Đức Ông Phan Văn Hiền. **Cha tôi, Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận trong cuộc đời của tôi.** Rôma 2003, trang 60-63.

(50) Đức Ông Phan Văn Hiền. **Cha tôi, Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận trong cuộc đời của tôi.** Rôma. 2003, trang 39-40.

(51) Nguyễn Đăng Khoa, cựu học viên Giáo hoàng Học viện Piô X Đà Lạt. **Những kỷ niệm còn lại trong tôi.**

(52) Đức Ông Phan Văn Hiền. **Cha tôi, Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận trong cuộc đời của tôi.** Rôma, 2003, trang 91-94; 98-101.

(53) ĐTGM PX. Nguyễn Văn Thuận. **Chứng Nhân Hy Vọng.** Các bài giảng tĩnh tâm cho Đức Thánh Cha và Giáo triều Roma. Vatican. Năm thánh 2000, trang 32-33.

(54) ĐTGM PX. Nguyễn Văn Thuận. **Chứng Nhân Hy**

Vọng. Các bài giảng tĩnh tâm cho Đức Thánh Cha và Giáo triều Roma. Vatican. Năm thánh 2000, trang 82.

(55) ĐTGM PX. Nguyễn Văn Thuận. Chứng Nhân Hy Vọng. Các bài giảng tĩnh tâm cho Đức Thánh Cha và Giáo triều Roma. Vatican. Năm thánh 2000, trang 117-118.

(56) ĐTGM PX. Nguyễn Văn Thuận. Năm chiếc bánh và hai con cá. Chiếc bánh thứ hai.

(57) ĐTGM PX. Nguyễn Văn Thuận. Chứng Nhân Hy Vọng. Các bài giảng tĩnh tâm cho Đức Thánh Cha và Giáo triều Roma. Vatican. Năm thánh 2000, trang 106-108.

(58) ĐTGM PX. Nguyễn Văn Thuận. Chứng Nhân Hy Vọng. Các bài giảng tĩnh tâm cho Đức Thánh Cha và Giáo triều Roma. Vatican. Năm thánh 2000, trang 168-169.

(59) ĐTGM PX. Nguyễn Văn Thuận. Chứng nhân Hy Vọng. Các bài giảng tĩnh tâm cho Đức Thánh Cha và Giáo triều Roma. Vatican. Năm thánh 2000, trang 170.

(60) ĐTGM PX. Nguyễn Văn Thuận. Chứng nhân Hy Vọng. Các bài giảng tĩnh tâm cho Đức Thánh Cha và Giáo triều Roma. Vatican. Năm thánh 2000, trang 102-105.

(61) ĐTGM PX. Nguyễn Văn Thuận. Chứng nhân Hy Vọng. Các bài giảng tĩnh tâm cho Đức Thánh Cha và Giáo triều Roma. Vatican. Năm thánh 2000, trang 67-68.

(62) ĐTGM PX. Nguyễn Văn Thuận. Chứng nhân Hy Vọng. Các bài giảng tĩnh tâm cho Đức Thánh Cha và Giáo triều Roma. Vatican. Năm thánh 2000, trang 89 .

(63) Đức Ông Phan Văn Hiền. Cha tôi, Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận trong cuộc đời của tôi. Roma 2003, trang 40-43.

(64) ĐTGM PX. Nguyễn Văn Thuận. Chứng Nhân Hy Vọng. Các bài giảng tĩnh tâm cho Đức Thánh Cha và Giáo triều

Roma. Vatican. Năm thánh 2000, trang 221-222.

(65) ĐTGM PX. Nguyễn Văn Thuận. **Chứng Nhân Hy Vọng**. Các bài giảng tĩnh tâm cho Đức Thánh Cha và Giáo triều Roma. Vatican. Năm thánh 2000, trang 102-103.

(66) ĐTGM PX. Nguyễn Văn Thuận. **Chứng Nhân Hy Vọng**. Các bài giảng tĩnh tâm cho Đức Thánh Cha và Giáo triều Roma. Vatican. Năm thánh 2000, trang 99-100.

(67) Đức Ông Phan Văn Hiền. **Cha tôi, Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận trong cuộc đời của tôi**. Rôma. 2003, trang 415-416.

(68) Đức Ông Phan Văn Hiền. **Cha tôi, Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận trong cuộc đời của tôi**. Rôma. 2003, trang 417-418.

(69) Đức Ông Phan Văn Hiền. **Cha tôi, Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận trong cuộc đời của tôi**. Rôma. 2003, trang 421-423.

(70) Đức cha Lôrensô Chu Văn Minh. **Bài giảng lễ Giỗ Đức Cố Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận** tại nhà thờ Hàm Long ngày 17 tháng 9 năm 2012.

(71) Lm Jos. Trần Năng Thề. **Chia sẻ về Đức Cố Hồng y Phanxicô Nguyễn Văn Thuận**. Thông tấn xã Công giáo Việt Nam. VietCatholic News.

(72) VietCatholic News. **Hiền muội Đức Hồng y Thuận và Phép Thánh Thể**. Thứ Sáu 20-6-2008 và Thứ Bảy 21-6-2008.

(73) Linh mục Phêrô Nguyễn Thanh Tùng. **Cuộc đời và sự nghiệp vị Tôi Tớ Chúa: ĐHY Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận (1928-2002)**. <tgpsaigon.net> ngày 01-01-2012.

(74) Bản tin **Thông tấn xã ZENIT.org** ngày 19-7-2012.

(75, 79 và 81) Đức Ông Phêrô Nguyễn Quang, V.F. - **Con đường nên thánh của Đức Cố Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn**

Văn Thuận. READ 4553 TIMES 31-01- 2012.

(76) Anh Nguyễn Cả, Gia đình Cựu Chứng sinh Giáo phận Huế tại Hải ngoại. **Hành trình về Roma**, (phần 7).

(77) Lm Ambrôsiô Nguyễn Văn Sĩ, OFM, trong **Bài chia sẻ với các liên tu sĩ Việt Nam tại Rôma** ngày 04-03-2012.

(78) Lm Giuse Hồ Khanh. **Linh đạo Vui Mừng và Hy Vọng của Cố Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận.** Chia sẻ trong ngày Lễ Giỗ thứ 10 của Đức Hồng y tổ chức tại Denver, Colorado ngày 15-9-2012.

(80) Đức Giám mục Mario Toso, Tổng Thư ký Hội đồng Tòa Thánh Công lý và Hòa bình - Báo Osservatore Romano của Tòa Thánh, số ra ngày 09-6-2012, với tựa đề: **Theo vết chân Chúa Giêsu Kitô, ôm ấp thập giá.**

(82) Đức Ông Hiêrônimô Nguyễn Ngọc Hàm. **Nguyên văn bài giảng trong bài giảng Thánh lễ Giỗ 10 năm của Đức Hồng y tổ chức ngày 15-9-2012 tại Denver, Colorado:**

Dear friends,

The gospel of this Sunday tells us the story of Jesus' disciples misunderstood his teaching and rejecting his plan. Peter, on behalf of his friends, gave a good answer when Jesus asked them "who do you say that I am?" But when Jesus told them "that the Son of Man must suffer greatly and be rejected by the elders, the chief priests, and the scribes and be killed", they refused to accept it. As the gospel tells us, "Peter took him aside and began to rebuke him". Jesus was unhappy of hearing Peter's advice and strongly rebuked Peter, "Get behind me, Satan. You are thinking not as God does, but as human beings do." Jesus wants his disciples to understand his expectation as he declares: "whoever wishes to come after me must deny himself, take up his cross, and follow me." This command is not easy for us, especially for Cardinal Thuan when he was arrested and became a prisoner.

Today we honor Francis Cardinal Thuan on the anniversary of the tenth year of his death. We thank God for his beautiful example of faith, hope and kindness. Many of you are here today have the opportunity of knowing Francis Cardinal Thuan and read some books he wrote. He shared with us that it was not easy to accept God's will and he was not afraid to ask God why? I like the story of choosing God or choosing the work of God. He told us how he felt when he was in the prison near Nhatrang city, where he lived many years as bishop of that diocese. In the prison he heard the bell of the church and turned to God and questioned him like this: God, why I have to be in the prison. I can do nothing for my people. Many people need me and many projects I have to do. But one night he heard God asking him, "Francis, do you want to choose God, or God's work?" That question changed his whole life and gave him a new vision to live the will of God. He understood the prison is now his cathedral and he had to proclaim the good news to the people around him, the people they did not trust but hated him and considered him as a terrible prisoner.

As Peter, many times we think not as God does, but as human beings do. We refused to take up our cross and follow him. Peter thought Jesus is crazy when he accepts to suffer and die. He could not understand why he has to die. He is very powerful.

Cardinal Thuan misunderstood God when he spent first few days in the prison. From the day he received God's message, he accepted with faith to live his life in the new situation. He accepted to suffer, to die with the hope that he could serve God not as a prisoner, but as a true witness of his love and kindness. He believed God never abandons him.

Today we thank God for giving our beloved Cardinal Thuan the opportunity to serve him in the special way. Thirteen years in the prison, or in the house arrest, Francis learned that God is with him and helps him to proclaim the good news to the

people who do not trust him but hate him. He believed that God wants him to share the love God has given him to everyone even those who considered him as their enemy. Relied on God's grace, Francis conquered the heart of many people. Those who hated him now became his friends. Those who did not trust him now turned to him for advice. Inspired by St. Paul's example, he wrote the meditations and sent them to his flock. Indeed he did not waste his time.

Thank God, his life of faith, trust and hope is our inspiration. He encouraged us not be afraid to take up our daily cross and follow Jesus. Every day we must trust God and choose God not God's work.

My dear friends,

How lucky we are of having a wonderful man who accepted and lived the message, "take up his cross and follow me." His life of faith and trust is a gift from God to you and me, to everyone who knew him. His courage and faith challenged us not to be afraid to follow his way and to live every moment of life in union with God, to serve him and glorify him by accepting his teaching.

It is easy for you and me to stand in front of the people and say, "I love you!" But how we love the people who hate us, how we can accept to leave everything behind and live the terrible condition we don't expect. No one can do it. Only those who relied on God's grace and totally trusted him like Francis Cardinal Thuan.

We thank God because through his grace of God, Francis Cardinal Thuan gave us a beautiful example of faith and love, trust and hope. He really trusted God. I imagine in prison he did not have any idea when he can see his family members, especially his parents, and his friends. Even that he always believed that God will do the best for him. He hoped that one day he can return to his family, to his diocese, to his friends so he can share the

wonderful love and care of God for him through thirteen years in the prison, or in the house arrest.

Francis did very well. He wrote the books, encouraged us to choose God, not his work, and shared even with the Roman Curia his experience of living in union with God through thirteen years in the prison. He explained to us that in union with God he tried to live every day, every moment of his life of trusting God and serving him by proclaiming the goodness of the Lord to everyone.

May God bless each of us who gather together here to remember the life, faith, suffering and courage he gave to Cardinal Thuan. We now pray that through the intercession of the servant of God, Francis Cardinal Thuan, we may have the opportunity to understand and live this message: take up our cross and follow Jesus; every day we must choose God, not his work, and live every moment of our lives in union with God. Francis revealed that he survived thirteen years in the prison because he had the opportunity to be with Jesus through the sacred mystery, the Holy Mass he secretly celebrated every day. He also turned to the Blessed Virgin Mary and St. Joseph for help and guidance. Meditation of the Rosary made him closer to her and helped him understand better the joyful, sorrowful and glorious mysteries Mary and Joseph lived.

You and I can learn from him to live each day, each moment of our lives in union with God. Try to make the Eucharist, the Holy Mass, the center of our lives. Not be afraid to live God's will with trust, joy and hope, "*Gaudium et Spes*."

May God answer our prayer through the intercession of his servant, Francis Cardinal Thuan that his cause will be accepted by the Holy Father, Benedict XVI. May many people recognize his heroic life of living God's will when each of us live and share his spirituality with everyone. Today we pray for him and with him that the Church will recognize his holiness and declare him as

Venerable of the Church so that many will follow his way of life based Joy and Hope, Hope and Love.

---o0o---

Chú thích hình ảnh:

(*) Trên hết có hình của cụ Ngô Đình Khả.

Hàng sau cùng từ trái sang phải: 1- Chị Mađalêna Trương Thị Lý (hiện còn sống, nguyên Tổng Phụ trách Hội Dòng Mến Thánh Giá Giáo phận Huế.) 2- Ông Ngô Đình Huân (con trai ông Ngô Đình Khôi), 3- Chị Trương Thị Thiệp bông bé Nguyễn Thị Thanh Hương. 4- Chị Trương Thị Tá (sau trở thành nữ tu Dòng St Paul).

Hàng thứ 3 từ trái sang phải: 1- Ông Nguyễn Văn Âm, 2- Ông Nguyễn Văn Lễ, 3- Bà Ngô Đình Thị Hoàng, 4- Bà Ngô Đình Thị Hiệp (bông bé Nguyễn Thị Hàm Tiểu), 5- Ông Ngô Đình Cẩn, 6- Ông Ngô Đình Luyện.

Hàng thứ 2 từ trái sang phải: 1- Ông Ngô Đình Diệm, 2- Bà Ngô Đình Khôi, 3- Ông Ngô Đình Khôi, 4- Bà cụ Ngô Đình Khả, 5- Đức cha Ngô Đình Thực, 6- Bà Ngô Đình Thị Giao, 7- Ông Ngô Đình Nhu.

Hàng đầu tiên từ trái sang phải: 1- Nguyễn Văn Thuận, 2- Trương Thị Cúc (sau tu dòng St Paul), 3- Trương Thị Hồng Diệu (sau tu dòng St Paul), 4- Nguyễn Thị Niềm, 5- Nguyễn Thị Hoàng Anh, 6- Trương Thị Thu Anh, 7- Nguyễn Văn Thanh, 8- Nguyễn Linh Tuyên, 9- Ngô Đình Tri (con ông Ngô Đình Dung).

(**) Bà Nguyễn Văn Âm dẫn các con đi chơi núi Bạch Mã, và hái hoa dâng bàn thờ Đức Mẹ. Người được mẹ bông trên tay là Nguyễn Linh Tuyên, đứng hai bên là Nguyễn Thị Niềm và Nguyễn Văn Thuận, và một người bạn của gia đình.

(***) Bức họa của họa sĩ nổi tiếng người Úc, Paul Newton,

mô tả Đức Cố HY P.X. Nguyễn Văn Thuận cử hành thánh lễ trong tù. Bức họa này hiện đang được đặt tại nguyện đường Domus Australia, mới được khánh thành tại Roma vào tháng 11-2011. Đức Thánh Cha Bênêdictô XVI đã dùng lại cầu nguyện trước tấm hình này trong buổi lễ khánh thành nguyện đường.

LỜI THƯA

Trong tiểu phẩm này, chúng tôi có tham khảo và trích xuất một số chi tiết từ các sách báo, tài liệu của nhiều người, nhưng chưa được hân hạnh trực tiếp liên hệ với các tác giả để xin phép vì những lý do hoàn toàn ngoài ý muốn.

Kính mong quý vị vui lòng miễn thứ, bỏ qua cho sự sơ suất bất khả kháng đó.

Xin hết lòng cảm tạ.

Anrê Lê Thiện Sĩ

Cựu chủng sinh Giáo phận Huế, lớp An Ninh 1947



Kính lạy Đấng Đáng Kính Đức Hồng Y Phanxicô Xaviê

Với niềm tri ân và mến trọng, chúng con, các cựu chủng sinh Giáo phận Huế, thành tâm dâng nén hương lòng lên Đức Hồng Y, là:

- Chứng nhân đích thực của Tin Mừng,
- Hậu duệ các tiền nhân tử đạo,
- Vị mục tử rạng ngời đức tin, đức cậy và đức ái, trong vui mừng và hy vọng, đậm đà tình nghĩa thủy chung, trung tín, nhân hậu, cảm thông, kiên tâm trì chí, can đảm chịu đựng mọi gian nan thử thách, trọn đời đã yêu thương mọi người như yêu Chúa,
- Đấng từ phụ và ân sư muôn đời chúng con yêu mến, ghi ơn và quyết tâm học tập noi theo.

Xin cầu cho chúng con.

KINH XIN ƠN



Lạy Thiên Chúa toàn năng và hằng có đời đời,
là Cha và Con và Thánh Thần,
con cảm tạ Chúa vì đã ban cho Hội Thánh
 gương chứng tá anh dũng
 của Đức Hồng Y Phanxicô Xaviê Nguyễn văn Thuận.
 Kinh nghiệm khổ đau trong cảnh ngục tù,
 được ngài sống liên kết với Chúa Kitô chịu đóng đinh,
 và dưới bóng che chở hiền mẫu của Mẹ Maria,
 đã rèn luyện ngài nên một chứng nhân sáng ngời
 cho Hội Thánh và cho toàn thế giới,
 về sự hiệp nhất và tha thứ,
 cũng như về công lý và hòa bình.
 Con người dễ thương mến
 cùng với sứ vụ mục tử Giám mục của ngài
 tỏa chiếu rạng ngời ánh sáng của đức tin,
 nhiệt tâm của niềm hy vọng
 và sức sống nồng ấm của đức ái.
 Giờ đây, nhờ lời bầu cử của ngài
 và theo thánh ý Chúa,
 xin Chúa ban cho con được ơn đang cầu khẩn,
 với niềm hy vọng thấy ngài
 sớm được vinh hiển trên bàn thờ.

Amen!